

Tuyển tập chế độ Ngô Đình Diệm



Tuyển tập 106 bài viết của 86 tác giả
và những lời *Phê phán của 100 Chứng nhân*
về chế độ Ngô Đình Diệm

Thomas Ahern, Jr. • Vũ Bằng • Nguyễn Văn Bông • Peter Brush • Nguyễn Trí Cẩm • Nhóm Caravelle • Niguel Cawthorn • Vũ Ngự Chiêu • Vũ Hoàng Chương • Lê Cung • Ngô Diệp • Cao Thế Dung • Lý Nguyên Diệu • Phan Quang Đán • Chính Đạo • Cao Hữu Điền • Lương Hữu Đính • Trần Kiên Đoàn • Trần Văn Đôn • Phan Lạc Giang Đông • Góp Gió • Bobby Ghosh • Nguyễn Phan Hoàng • Lê Mạnh Hùng • Nguyễn Ngu Í • KHHB • Bùi Kha • Nguyễn Kha • Bảo Quốc Kiêm • Phan Ký • Trần Lâm • Thái Kim Lan • Nguyễn Lang • Nguyễn Hiến Lê • Lichsửvietnam.info • Khúc Hà Linh • Lê Nguyên Long • Chính Luận • Trịnh Bá Lộc • Vũ Tài Lục • Nguyên Ly • Avro Manhattan • Hoàng Linh Đỗ Mậu • Minh Không Vũ Văn Mẫu • Trần Chung Ngọc • Định Nguyên • Minh Nguyễn • Lê Chân Nhân • Lý Dương Nhiên • Quán Như • Trần Ngọc Nhuận • Hoàng Nguyễn Nhuận • Lê Xuân Nhuận • Nguyễn Hữu Phiêm • O.V.V. • Nguyễn Kỳ Phong • Trần Gia Phụng • Nguyễn Phương • Phùng Quân • Nguyễn Mạnh Quang • Võ Văn Sáu • Nguyễn Tường Tâm • Minh Tân • Nguyễn Thái • Lê Quang Thái • Nguyễn Hy Thần • Minh Thạnh • Cao Huy Thuần • Ngô Đình Thục • Văn Thư • Trần Văn Thường • Trần Tam Tĩnh • Ngô Đắc Triết • Nguyễn Quốc Tuấn • Nguyễn Tường • Phạm Tường • Hồ Hữu Tường • Trần Thị Vĩnh Tường • Lê Tuyên • Phạm Quý Vinh • VirtualArchivist • VTruong • Huyền Vũ • Hàn Phong Quốc Vũ • Nguyễn Hạnh Hoài Vy • Erich Wulff • *100 Lời phê phán Chế độ Ngô Đình Diệm*

DẪN NHẬP

Nửa thế kỷ trước đây, tại miền Nam Việt Nam, một biến cố bi hùng đã làm chao nghiêng lịch sử và trở thành một trong những dấu ấn quan trọng trong dòng sinh mệnh dân tộc vào hạ bán thế kỷ thứ hai mươi. Biến cố đó là sự sụp đổ của chế độ độc tài Ngô Đình Diệm, kéo theo sự phá sản của một sách lược cải đạo cuồng tín ở cấp độ quốc gia của Công giáo La Mã, tại phía Nam của tổ quốc.

Năm mươi năm đã trôi qua ... Một khoảng thời gian đủ dài để có thể soát xét và suy nghiệm xem từ biến cố đó ta rút ra được những bài học lịch sử gì. Trong ý hướng đó, sự hình thành Tuyển Tập này là một động thái chủ yếu nhằm đóng góp vào 4 nỗ lực:

1. Thứ nhất là đúc kết lại thành một **chứng liệu lịch sử** từ cả hai góc độ chứng nhân và văn bản, đóng góp thêm vào việc kiện toàn các nghiên cứu tương lai về chế độ Ngô Đình Diệm.
2. Thứ nhì là để làm **sáng tỏ một số ngộ nhận** dấy lên vì những biến động sau đó trên đất nước ta, khiến sự thật đã vô tình bị biến dạng đằng sau những lăng kính và bụi mù do một số người Việt và người nước ngoài vô tình hay cố ý tạo ra. Ngoài ra, ở trong nước cũng như tại hải ngoại, từ lâu, đã không có một công trình quy mô nào (ngoại trừ của các « sử gia » hoài Ngô) nghiên cứu và trình bày một cách nghiêm túc và cập nhật hơn về chế độ Ngô Đình Diệm. Thậm chí giới sử học trong nước, kể cả và nhất là giới nghiên cứu của Phật giáo, cũng không quan tâm đến vấn đề này ! Vô hình chung để trống những trang lịch sử cho giới Công giáo Việt Nam (và những sử gia nhẹ dạ và thiếu tài liệu bị họ mua chuộc) muốn viết gì thì viết ...
3. Thứ ba là nhận diện để **phản biện một số xuyên tạc và mao hóa lịch sử** của tàn dư chế độ Diệm tại hải ngoại đang tìm cách đánh tráo sự thật để chạy tội quá khứ và để âm mưu cố gắng thiết lập một chế độ chính trị “*Diệm không Diệm*” trong tương lai tại Việt Nam. Ý đồ và hành động này của Công giáo Việt Nam là một điều **đại bất hạnh cho dân tộc**. Tại vì tín đồ Công giáo Việt Nam thì luôn luôn đặt sự **tồn vong của Vatican** lên trên sự tồn vong của Quốc gia, và họ sẽ chỉ vì **lợi ích của Công giáo** mà đi ngược lại lợi ích của Dân tộc.
4. Và thứ tư là nỗ lực trao gửi một **bài học cho thế hệ tương lai** để cảnh giác họ đừng bao giờ để cho một chế độ như chế độ Diệm xuất hiện trên quê hương ta nữa.

Trong điều kiện hình thành Tuyển Tập này, việc thu thập tài liệu và liên lạc với tác giả (các bài viết) là một điều vô cùng khó khăn, hầu như là bất khả thi, dù đã sử dụng đến các công cụ tin học. Nhất là khi có bài viết xuất xứ từ trong nước và/hoặc đã được phổ biến (trên báo giấy) từ lâu. Cho nên **106 bài viết của 86 tác giả**, và **100 lời phê phán** chế độ Ngô Đình Diệm trong Tuyển Tập này, dù chỉ là một số lượng rất nhỏ (đã hay chưa được bạch hóa để khai thác) trong hàng núi tài liệu cả trong lẫn ngoài nước, nhưng có lẽ cũng đủ để nhận diện nguyên nhân, mô tả bản chất và đánh giá công tội của chế độ này rồi.

Nội dung các bài viết được phân bố thành 8 Chương là để dễ truy cứu theo từng chủ đề hơn là theo một cấu trúc trình bày nhất định nào đó. Điều này, trong không gian và phương tiện của công nghệ tin học, cũng dễ cho Tuyển Tập được **cập nhật** thêm bài mới (bởi bất kỳ một tác giả mới nào) một cách dễ dàng. Cuối cùng, xin trân trọng cảm tạ những tác giả có bài trong Tuyển Tập này. Những vị này, đã mất hay còn sống, đa số đã là những **chứng nhân** và cũng đã là, trong nhiều trường hợp, những **nạn nhân**, cho nên tiếng nói của họ thì trung thực, cần được phổ biến rộng rãi và bảo lưu lâu dài.

Đại diện Nhóm Chủ biên

Lê Trọng Khôi (Mỹ)
Nguyễn Khắc Hiếu (Pháp)

MỤC LỤC

■ Dẫn Nhập

■ Mục lục

■ Chương Một - **TỘI TỔ TÔNG - Hễ đã Phi dân tộc thì thế nào cũng Phản dân tộc**

1-Ngô Đình Diệm trong Liên minh Mỹ - Vatican	Nguyễn Mạnh Quang
2-Hồng y Francis Spellman và Chiến tranh Việt Nam	Trần Thị Vĩnh Tường
3-Khi nước Mỹ chọn Đồng minh	Lý Nguyên Diệu
4-Giáo hội trong cơn bão bùng (Chương 3 - <i>Thập giá và Lưỡi gươm</i>)	Trần Tam Tĩnh
5-Nghĩ về hai Dòng họ thông gia Huế	Nguyễn Hạnh Hoài Vy
6-Bát cơm Bảo hộ của Ngô Đình Khôi.....	Vũ Ngự Chiêu sưu tầm
7-Thư Ngô Đình Thục gửi Đô đốc Jean Decoux, Toàn quyền Đông Dương.....	Ngô Đình Thục
8-Jean Baptiste Ngô Đình Diệm - Thời kỳ chưa nắm quyền (1897-1954).....	Chính Đạo

■ Chương Hai – **KIM CƯƠNG BẤT HOẠI - Hoa sen trong biển lửa**

9- Đàn áp Tôn giáo và các cuộc Tự Thiêu (<i>Vietnam - Why Did We Go?</i> , Chương 14).....	Avro Manhattan
10- tại sao có cuộc tranh đấu của Phật Giáo?.....	Vũ Ngự Chiêu
11- ý thị tôn giáo dưới chế độ Diệm	Vũ Tài Lục
12- chuyển vận động chống đàn áp Phật giáo năm 1963.....	Nguyễn Lang
13- Thỉnh Phật Đản 8/5/1963 tại Huế	Erich Wulff
14- Đàn áp Phật đản đẫm máu	Chính Đạo
15- Đạo tiêu Công bằng Xã hội nhìn từ Phong trào Phật giáo 1963	Lê Cung
16- Thủ Đức 63	Hoàng Nguyên Nhuận
17- Thiền đồng và Năng Hạ 63	Trần Kiêm Đoàn
18- Đường trình tại Liên Hiệp Quốc (9/1963)	Erich Wulff
19- Lời thiệu sách: <i>Sáu tháng Pháp nạn 1963</i> của Minh Không Vũ Văn Mẫu.....	Minh Nguyễn
20- Thước Thị Trang - Vì sao sáng	Hàn Phương Quốc Vũ
21- Đàn Sinh viên Phật tử Sài Gòn	Lương Hữu Định
22- Sinh viên và Học sinh đứng dậy	Nguyễn Lang
23- Hầm đải Thánh Tử Đạo bên bờ sông Hương.....	Lê Quang Thái

24-	iết về Cố Hòa thượng Mãn Giác và anh Hoàng Văn Giàu.....	Cao Hữu Điền
25-	hạt đàn 1964 trong Ký ức người dân Sài Gòn	Nguyễn Ly
26-	hững ngày tháng không quên.....	Thái Kim Lan
27-	hình lại cuộc Tranh đấu Phật giáo 1963.....	Trần Chung Ngọc
28-	àn thêm về “Phong trào Phật giáo 1963” trong giáo trình Lịch sử Việt Nam Hiện đại	Lê Cung
29-	ài điều căn bản về Phong trào Phật giáo	Cao Huy Thuần

■ Chương Ba – LỬA TỪ BI - *Gọi hết lửa vào xương da bỏ ngổ*

30-	ời Dẫn Dò ngày 10 tháng 6 năm 1963 của Hòa Thượng Thích Quảng Đức.....	lichsvietnam.info
31-	ề một bức thủ bút chữ Nôm của Thích Quảng Đức.....	Phạm Quý Vinh
32-	ừ Ngọn lửa Thích Quảng Đức	Nguyễn Quốc Tuấn
33-	ư luận và Cảm phục của Thế giới	Minh Không Vũ Văn Mẫu
34-	ức mạnh Bất bạo động nhìn từ Ngọn lửa Thích Quảng Đức.....	Lê Cung

■ Chương Bốn – BẢY MỐI TỘI ĐẦU - *Lỗi tại tôi, lỗi tại tôi, lỗi tại tôi mọi đảng ...*

35-	iêu dân Công giáo thời Ngô Đình Diệm	Trần Lâm
36-	anh từ Công giáo: Chữ và Nghĩa	Nguyễn Hy Thần
37-	rầm tư của một tên tội tử hình	Hồ Hữu Tường
38-	ng Diệm dung dưỡng gián điệp Việt Cộng nhưng lại triệt hạ lực lượng chống Cộng.....	Cao Thế Dung
39-	uyên ngôn của 18 nhân vật thuộc nhóm “Tự do Tiến bộ” gửi Tổng thống Diệm	“Nhóm Caravelle”
40-	ảng Cần Lao	Lê Xuân Nhuận
41-	ảng Cần Lao và các Tổ chức ngoại vi	Trần Văn Đôn
42-	ài Vụ Thủ Tiêu Dưới Chế Độ Ngô Đình Diệm.....	Virtualarchivis
43-	ồng Giám mục Ngô Đình Thục: Thần quyền và Thế quyền	O.V.V.
44-	hín Hàm, địa ngục trần gian thời Ngô Đình Diệm	Ngô Diệp
45-	hững điều ít biết về Tử ngục Chín Hàm	Nguyễn Phương

46–	rường hợp gia đình Phan Lạc Tuyên	Phan Lạc Giang Đông
47–	ợ của Sĩ quan vụ Binh biển 1960 bị An ninh Diệm xâm phạm tình dục	Trần Ngọc Nhuận
48–	ột điển hình tàn ác của nhà Ngô	Võ Văn Sáu
49–	ạy sử dưới thời Diệm	Nguyễn Hiến Lê
50–	huyện Thể thao thời Ngô Đình Diệm	Huyền Vũ
51–	áo chí thời Ngô Đình Diệm.....	Vũ Bằng
52–	ôi không chủ trương hợp tác với ông Diệm	Phan Quang Đán
53–	ải tòa Bí mật về Cái chết của Tướng Trịnh Minh Thế.....	Tạp chí <i>Góp Gió</i> số 112, 7-2-2003
54–	ại sao Ngô Đình Diệm không cho Tướng Lê Quang Vinh chết toàn thân	Trịnh Bá Lộc
55–	hững khẳng định chết người	Phạm Tường
56–	gô Đình Diệm và Dollar Mỹ	Virtualarchivis
57–	hững nhân vật Việt Nam nhận tiền của CIA	Bobby Ghosh
58–	ại học Huế tranh đấu chống chế độ cũ (Phỏng vấn giáo sư Lê Tuyên, <i>Bách Khoa</i>).....	Nguyễn Ngu Í
59–	ia đình Sử gia Tạ Chí Đại Trường và Chế độ Ngô Đình Diệm.....	Virtualarchivis
60–	hớ về Nhất Linh	Nguyễn Hữu Phiếm
61–	ung quanh cái chết của nhà văn Nhất Linh, 45 năm trước	Khúc Hà Linh
62–	ưởng niệm Nhất Linh 7.7.1963 – 7.7.2008.....	Nguyễn Tường Tâm
63–	ài văn Truy điệu Văn hào Nhất Linh	Vũ Hoàng Chương
64–	ổng thống Diệm và Quân đội Mỹ	Ngô Đắc Triết và Lý Dương Nhiên
65–	ừ Đồng minh với Mỹ đến Thỏa hiệp với Cộng	Hoành Linh Đỗ Mậu
66–	gô Đình Diệm muốn dâng miền Nam Việt Nam cho Cộng sản	Lê Chân Nhân

■ Chương Năm - **BÁNH XE LỊCH SỬ - Thiên thời Địa lợi Nhân hòa**

67–	am Việt Nam có tồn tại được không ? (<i>Is South Vietnam viable?</i>).....	Nguyễn Thái
68–	hận xét về Hiến pháp Đế Nhất Cộng Hòa.....	Nguyễn Văn Bông

69–	gày tàn của nền Độc tài Công giáo (<i>Vietnam - Why Did We Go?</i> , Chương 15)	Avro Manhattan
70–	uộc Cách mạng 1-11-1963	Hoành Linh Đỗ Mậu
71–	uộc Cách mạng ngày 1-11-1963 (Nguyệt san <i>Minh Tân</i> 25-11-1963)	Hội Khổng học Việt Nam
72–	uộc đảo chánh 1-11-1963 và cái chết của ông Diệm	Lê Mạnh Hùng
73–	ai yếu tố “Công giáo” và “Mỹ” trong biến cố 1-11-1963	Hoành Linh Đỗ Mậu
74–	húc quanh Lịch sử	Nguyễn Ngu Í
75–	hãng trầm của “Rồng Phu nhân” Trần Lệ Xuân	Peter Brush
76–	à Nhu và Luân hồi quả báo	KHHB
77–	ông Giám mục Ngô Đình Thục: Nhiều tham vọng, nhiều cay đắng.....	Văn Thư
78–	ài nét về Cụ Diệm	Trần Chung Ngọc
79–	ách mạng rồi lại Cách mạng	Nhật báo <i>Chính Luận</i> 22-7-1964
80–	rich đoạn Hồi ký lần ra Huế.....	Lê Xuân Nhuận
■ Chương Sáu - MA GIỮA BAN NGÀY - Những nguy biến và tráo trở lịch sử của tàn dư chế độ Diệm		
81–	ề trái chiếc Mè day	Phan Kỳ
82–	rả lại sự thật cho lịch sử.....	Vtruong2602
83–	hát biểu về “ <i>Biến động Miền Trung</i> ” và “ <i>Huế ơi ! Oan nghiệt</i> ”	Định Nguyên và Bảo Quốc Kiếm
84–	há hoại Tăng bảo: Thủ đoạn cũ của chủ nghĩa Ngô Đình Diệm mới	Minh Thạnh
85–	ohnson gọi Diệm là “ <i>thằng nhãi</i> ” hay Gian xảo trong khi dịch để xuyên tạc lịch sử.....	Lê Xuân Nhuận
86–	àm thế nào để dựng đứng một nhân vật lịch sử, Đại úy James Scott.....	Trần Lâm
87–	inh Xác: ‘ <i>Làm Sáng Tổ</i> ’ hay ‘ <i>Xuyên tạc, bịa đặt ?</i> ’	Chính Đạo Vũ Ngự Chiêu
88–	í dụ về Xuyên tạc Lịch sử để “rửa mặt” cho Ngô Đình Diệm.....	Lê Xuân Nhuận
89–	iềm tin và Tâm thần.....	Lý Nguyên Diệu
90–	hận xét về bài viết “ <i>Cần thẩm định lại ...</i> ” của Tôn Thất Thiện	Nguyễn Mạnh Quang
91–	ai là Thầy Thích Không Tánh	Nguyễn Trí Cảm

92-	ại Dự số 10	Trần Gia Phụng
93-	ự thật về Chế độ Diệm: Những xuyên tạc của KV Phúc và NV Lục.....	Lý Nguyên Diệu
94-	i là người đề tựa sách “ <i>NĐD và Bang giao Mỹ-Việt</i> ” của Phạm Văn Lưu.....	Nguyễn Phan Hoàng
95-	huộ chạy cùng sào	Nguyễn Trí Cẩm

■ Chương Bảy - **GỬI LẠI NGHÌN SAU – Suy nghiệm về một số bài học lịch sử**

96-	ất đặc dĩ khơi đồng tro tàn	Lê Nguyên Long
97-	in dừng tiếp tục lừa dối lịch sử nữa	Quang Phục Võ Văn Sáu
98-	áng mai chim hót	Quán Như
99-	hế độ NĐD, chế độ Ngược lòng dân và Phản thời đại	Nguyễn Kha
100-	Giai đoạn khởi thủy sự Sụp đổ Đế nhất Cộng hòa	Trần Văn Thường
101-	Ngô Đình Diệm, Bảy nguyên nhân Thất bại	Bùi Kha
102-	CIA và Việt Nam Cộng Hòa	Thomas Ahern, Jr / Nguyễn Kỳ Phong
103-	Toàn trị và Ngoại thuộc.....	Cao Huy Thuần
104-	Ngô đình Diệm, Nghìn năm bia miệng	Sưu tầm của Lê Xuân Nhuận
105-	Ngô Đình Diệm trong danh sách 100 kẻ Bạo ngược trong lịch sử nhân loại.....	Nigel Cawthorne
106-	Tháng Mười Một, chợt nhớ đến vài bài thơ thời Diệm	Phùng Quân

■ Chương Tám – **CHỨNG NHÂN LỊCH SỬ – Nghìn năm bia miệng vẫn còn tro tro**

Nghìn năm Bia miệng	Một trăm Chứng nhân sống dưới thời Ngô Đình Diệm
---------------------------	--

000)))(((000

Chương Một TỘI TỒ TÔNG

Hễ đã Phi dân tộc thì thế nào cũng Phản dân tộc

- 1 Ngô Đình Diệm trong Liên minh Mỹ - Vatican Nguyễn Mạnh Quang
- 2 Hồng y Francis Spellman và Chiến tranh Việt Nam Trần Thị Vĩnh Tường
- 3 Khi nước Mỹ chọn Đồng minh Lý Nguyên Diệu
- 4 Giáo hội trong cơn bão bùng (Chương 3 - *Thập giá và Lưỡi gươm*) Trần Tam Tỉnh
- 5 Nghĩ về hai Dòng họ thông gia Huế Nguyễn Hạnh Hoài Vy
- 6 Bát cơm Bảo hộ của Ngô Đình Khôi..... Vũ Ngự Chiêu
- 7 Thư Ngô Đình Thục gửi Đô đốc Jean Decoux, Toàn quyền Đông Dương..... Ngô Đình Thục
- 8 Jean Baptiste Ngô Đình Diệm - Thời kỳ chưa nắm quyền (1897-1954)..... Chính Đạo

000 () 000

Ngô Đình Diệm trong Liên minh Mỹ-Vatican

Nguyễn Mạnh Quang

Với chủ tâm dựa vào Mỹ để duy trì quyền lực ở Việt Nam, tháng 8 năm 1950, Vatican cho người đưa ông Ngô Đình Diệm sang Hoa Kỳ để vận động liên kết với siêu cường này trong một thế liên minh mới mà các nhà viết sử gọi là Liên Minh Mỹ – Vatican hay *Trục Washington – Vatican* (The Vatican – Washington Axis) thay thế cho liên minh cũ Pháp và Vatican. Như vậy là Vatican đã tự động bỏ rơi nước Pháp và Liên Minh Đế Quốc Thực Dân Pháp- Vatican coi như bắt đầu tan vỡ kể từ đây.

Cũng xin nói rõ là Liên Minh Đế Quốc Thực Dân Xâm Lược Pháp-Vatican do Vatican chủ xướng, vốn bắt nguồn từ một Sắc Lệnh *Romanus Pontifex* được ban hành vào ngày 8/1/1454 trong thời Giáo Hoàng Nicholas V (1447-1455), khởi sự vận động vào đầu thế kỷ thứ 17, cũng do người của Giáo Hội La Mã là Linh-mục Alexandre de Rhodes đề nghị với nước Pháp kèm theo với bản tường trình thành quả công tác tình báo tại Việt Nam và lá thư yêu cầu Pháp Hoàng Louis XIV phái quân đi chinh phục Đông Dương (đã được trình bày đầy đủ trong Chương 20.) Vì hoàn cảnh khó khăn lúc đó, Pháp Hoàng Louis XIV không đáp ứng được yêu cầu của Giáo Hội lúc bấy giờ. Trong thập 1780, lại cũng người của Giáo Hội là Giám-mục Pigneau de Béhaine lặn lội từ Việt Nam đem Hoàng Tử Cảnh mới có 5 tuổi đến triều đình Pháp Hoàng Louis XVI, thỉnh cầu viện trợ quân sự cho Nguyễn Ánh để đánh bại nhà Tây Sơn với chủ ý là Vatican và nước Pháp sẽ lợi dụng công ơn viện trợ để:

1.- Khuyển dụ Nguyễn Ánh, một khi đã chiến thắng, thì phải chiều theo những đòi hỏi Vatican và Pháp. Nếu Nguyễn Ánh chiều theo thì cả Vatican và Pháp lần lần nắm thế thượng phong, áp dụng chính sách “được đằng chân lân đằng đầu” như Vatican đã từng làm đối với Pháp trong thời Pháp Hoàng Henry IV (1589-1610), dần dần áp đảo và biến triều đình Việt Nam trở thành một thứ chính quyền tay sai cho cả Vatican và Pháp.

2.- Nếu Nguyễn Ánh không thành công hay không thỏa mãn những đòi hỏi của Vatican và của Pháp, thì các nhà truyền giáo của Giáo Hội tại Việt Nam sẽ xúi giục giáo dân Việt Nam nổi loạn, bất tuân lệnh chính quyền, nhằm tạo nên loạn lạc khắp nơi, và mỗi xóm đạo sẽ là một ổ phiến loạn, lúc bấy giờ Giáo Hội mới công khai nhảy vào thừa nước đục thả câu, kết hợp với Pháp đem quân đến đánh chiếm và thống trị Việt Nam.¹ Giáo Hội cũng đã tiến hành sách lược này ở East Timor mấy năm vừa qua.



Chân dung hoàng tử Cảnh lúc bảy tuổi do họa sĩ [Maupérin](#) vẽ tại Pháp vào năm 1787, Link:

http://vi.wikipedia.org/wiki/Nguy%E1%BB%85n_Ph%C3%BAC_C%E1%BA%A3nh:

Giám-mục Pigneau de Béhaine đại diện cho phe đảng Nguyễn Ánh, tiềm danh là đại diện cho Việt Nam, thương thuyết với triều đình vua Louis XVI và đã đạt được một hiệp ước ký tại Điện Versailles vào ngày 28-11-1787. Theo hiệp ước này, Pháp sẽ viện trợ quân sự cho Nguyễn Ánh 4 chiến hạm, 1750 sĩ quan và binh sĩ, và Nguyễn Ánh phải nhượng cho Pháp và Giáo Hội La Mã một số quyền lợi. Nhưng Hiệp Ước Versailles vừa ký xong thì nước Pháp rơi vào tình trạng khủng hoảng tài chính và kinh tế do bất công trong xã hội gây nên, rồi lan sang lãnh vực chính trị và chuyển thành Cách Mạng 1789. Vì thế mà Pháp không thể viện trợ cho Nguyễn Ánh được. **Pháp bỏ cuộc, nhưng Vatican vẫn không nản lòng và vẫn còn bám lấy Việt Nam.** Được Vatican triệt để ủng hộ, Giám-mục Pigneau de Béhaine nhân danh Vatican bỏ tiền ra mua sắm súng đạn và thuê mướn được một số binh lính đánh thuê đem đến viện trợ cho Nguyễn Ánh đánh bại nhà Tây Sơn.



Chân dung Pigneau de Béhaine (Bá Đa Lộc), Link:

http://vi.wikipedia.org/wiki/Pigneau_de_Behaine

Giáo Hội La Mã thường dạy là phải sống nghèo. Sao ông Giám-mục Pigneau de Béhaine của Giáo Hội tiền của đâu mà giàu thế? Nếu không phải do Vatican cung ứng để mua sắm các chiến tàu, súng đạn cũng như trang trải tiền trả lương cho quân lính, quân cụ, quân trang, quân dụng và quân nhu trên đây, thì tiền bạc ở đâu để ông giám-mục này mua sắm chiến tàu, khí giới, tuyển mộ quân lính, nuôi quân và trả lương cho lính? Nhưng, lại cũng chữ “nhưng” một lần nữa, “*muốn sự tại nhân, thành sự tại thiên*”. Công lao và tiền của bỏ ra viện trợ thì có, nhưng những yêu sách của Giáo Hội thì lại không được Nguyễn Ánh (khi thành công là Gia Long), đền bù. Giám-mục Pigneau de Béhaine và Hoàng Tử Cảnh lại sớm lên thiên đường, khiến cho Giáo Hội đã thất bại nặng nề ván bài Béhaine-Nguyễn Ánh.

Tuy nhiên, như đã nói trước đây, **kế hoạch xâm thực của Giáo Hội là một kế hoạch dài hạn và trường kỳ mai phục**. Thua keo này, Giáo Hội lại bày keo khác. Cuối cùng, vào đầu thập niên 1850, Giáo Hội cũng đã thành công trong việc vận động được chính quyền Pháp cùng với Giáo Hội bỏ công bỏ của đem quân đến chinh phục Việt Nam và Liên Minh Đế Quốc Thực Dân Xâm Lược Pháp-Vatican thực sự thành hình và tích cực hoạt động kể từ đây.

Trở lại vấn đề vận động thành lập Liên Minh Chống Cộng Hoa Kỳ-Vatican, để cho kế hoạch này được thành công, tất cả những tín đồ của Giáo Hội tại Hoa Kỳ cũng như tại Pháp tùy theo khả năng đều được huy động để góp công vào việc vận động với chính quyền Hoa Kỳ làm áp lực với chính quyền Pháp và Quốc Trưởng Bảo Đại để đưa ông Ngô Đình Diệm về Việt Nam làm thủ tướng. Từ bà Ngô Đình Nhu ra vào thủ thi với ông Bảo Đại, Bà Nam Phương Hoàng Hậu với tình chăn gối trong chốn phong the, khối dân Kitô La Mã người Pháp cùng với đảng Da-tô Mouvement Republique Populaire (MRP) do ông Da-tô George Bidault làm đảng trưởng cho đến các ông Hồng Y Spellman, Thượng Nghị Sĩ John F. Kennedy, Thượng Nghị Sĩ Mike Mansfield, Dân Biểu Walter Judd, ông Tòa Tối Cao Pháp Viện William Douglas đều được huy động để vận động vào việc làm áp lực với các thế lực liên hệ để cho ông Diệm về Việt Nam cầm quyền.

Việc Vatican cho người dẫn ông Ngô Đình Diệm sang Mỹ giao cho Hồng Y Francis Spellman vận động những tín đồ Da-tô có thể lực trong chính quyền Hoa Kỳ để đưa ông ta (Ngô Đình Diệm) về cầm quyền làm tay sai cho Giáo Hội La Mã đã được rất nhiều sách sử trình bày đầy đủ. Dưới đây là một số sách sử nói về sự thật lịch sử này:

1.- Sách *Vietnam: A History* viết:

“Diệm rời Việt Nam vào năm 1950 với danh nghĩa đi dự lễ năm Thánh ở Vatican. Cuối cùng, ông ta đi Hoa Kỳ và lưu ngụ hai năm ở Chung Viên Maryknoll ở Lakewood thuộc tiểu bang New Jersey, làm những công việc rửa chén, lau sàn nhà và cầu nguyện giống như một người mới đi tu. Quan trọng hơn, ông ta được giới thiệu gặp các vị chính khách nổi như Hồng Y Francis Spellman của địa phận New York, Thẩm Phán Tối Cao Pháp Viện William O. Douglas, Thượng Nghị Sĩ Mike Mansfield và Thượng Nghị Sĩ John F. Kennedy. Ông Diệm biện minh cho trường hợp của ông với một lý luận đơn giản có thể lôi cuốn được cả những người bảo thủ và tự do. Lý luận đơn giản này là ông chống lại cả cộng sản và thực dân Pháp thống trị Việt Nam. Như vậy, ông trở thành người đại diện cho chủ nghĩa quốc gia. Điều hấp dẫn đối với Hồng Y Spellman là ông Diệm là một tín đồ Kitô La Mã. Nhờ vậy mà Hồng Y Spellman đã tích cực ủng hộ ông Diệm”.

Nguyên văn: (“Diem left Vietnam in 1950, ostensibly to attend the Holy Year celebration at the Vatican. He eventually went to the United States, where he spent two years at the Maryknoll Seminary in Lakewood, New Jersey, washing dishes, scrubbing floors, and praying, like any novice, and he even watched a football game at Princeton. More important, he gained introductions to such prominent Americans as Cardinal Francis Spellman of New York, Justice William O. Douglas, and Senators Mike Mansfield and John F. Kennedy. Diem pleaded his case with a simplistic, if compelling logic that appealed to conservatives and liberals alike.

He opposed both Communist domination and French colonialism, thus he represented true nationalism. The added attraction for Spellman was Diem 's Catholicism and he became one of his active promoters..."ⁱⁱ

2.- Sách *Vietnam: A Dragon Embattled* viết:

“Sau khi được chính quyền Pháp cho phép đi dự lễ Năm Thánh ở La Mã, ông Diệm rời Việt Nam vào tháng Tám năm 1950. Trạm đầu tiên, ông ghé Đông Kinh đến thăm ông Cường Để. Ông này đã lưu vong ở Nhật từ năm 1906. Đồng thời, ở Đông Kinh, ông Diệm cũng gặp một số người Hoa Kỳ. Họ dặn dò ông khi đến thủ đô Washington phải nên nói những gì với những nhân vật ông được tiếp kiến. Ông Diệm lưu lại ở Hoa Kỳ trong hai tháng 9 và 10 năm 1950. Trong thời gian này, ông được làm quen với một số chính khách người Hoa Kỳ rất quan tâm đến Việt Nam nhưng lại không hiểu rõ tính cách phức tạp về tình hình chính trị và quân sự ở Đông Dương. Luận cứ đơn giản của ông Diệm là nếu chấm được chế độ thực dân và Việt Nam có được một chính quyền quốc gia thực sự thì Việt Minh sẽ bị đánh bại nhanh chóng. Hồng Y Spellman, người mà Giám-mục Ngô Đình Thục đem ông Diệm đến giới thiệu, có lẽ là người Hoa Kỳ đầu tiên đang tìm một tín đồ Kitô La Mã như ông Diệm để lãnh đạo chính quyền Việt Nam.

Thời kỳ ở La Mã của ông Diệm rất ngắn. Ở đây, ông được Giáo Hoàng XII tiếp kiến, rồi ông đi Thụy Sĩ, Bỉ và Pháp. Tại các nước này, ông nói chuyện với những người Việt lưu vong. Nhưng vì thấy rằng đối với Pháp, ông chẳng có cơ may nào, ông trở lại Hoa Kỳ vào đầu năm 1951 và lưu ngụ trong Chung Viện Maryknoll ở New Jersey và Chung Viện Ossining ở New York. Thời gian này kéo dài tới hai năm và thỉnh thoảng ông đi thuyết trình tại các Đại Học ở miền Đông và miền Trung Tây. Nhiều lần ông đi Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn để nói chuyện với các chính khách người Hoa Kỳ và chiếm được cảm tình của họ đối với quan điểm của ông. Trong những chính khách ủng hộ quan điểm và khát vọng cá nhân của ông, có Thượng Nghị Sĩ Mike Mansfield, Thượng Nghị Sĩ John F. Kennedy, Dân Biểu Walter Judd và Thẩm Phán Tối Cao Pháp Viện William Douglas. Nhưng những việc vận động của họ cho nền độc lập của Việt Nam không được chính quyền của Tổng Thống Truman và chính quyền của Tổng Thống Eisenhower quan tâm, vì rằng lúc đó Hoa Kỳ vẫn còn theo đuổi chính sách viện trợ vô điều kiện cho người Pháp. Chán nản với những biến cố này, ông Diệm quay ra dồn nỗ lực vào việc suy tưởng và cầu nguyện, một phương cách rất thích hợp với bản chất của ông ta để tìm ra phương cách được chấp nhận đưa về Việt Nam cầm quyền hơn là tích cực tổ chức để thu hút sự ủng hộ cho việc làm của ông.

Thực ra, giả thuyết về việc ông Diệm được đưa lên làm thủ tướng được nhiều người chấp nhận là lúc bấy giờ Hồng Y Spellman với sự tiếp tay của các thành phần trong Phong Trào Cộng Hòa Bình Dân Kitô La Mã và chính quyền Pháp làm áp lực mạnh với ông Bảo Đại.”

Nguyên văn: “Diem left Vietnam in August, 1950, after having been granted permission by the French to attend the Holy Year celebration in Rome. His first stop was Japan, where he conferred with and paid homage to the old conservative nationalist Cuong De, in exile since 1906. In Tokyo, Diem also met Americans who advised him, what contacts he should seek in Washington. September and October, 1950, were spent in the United States. It was then that Diem first became known to the small group of Americans concerned about Vietnam but unfamiliar with the complexities of the military and political conditions in Indochina. Diem's thesis combined attractive simplicity with compelling logic: If colonialism were brought to an end and Vietnam to receive a truly nationalist government, the Vietminh could be quickly defeated. Cardinal Spellman, to whom Diem was introduced by Bishop Thuc, was probably the first American to look toward a Vietnamese government headed by the Catholic Ngo Dinh Diem.

Diem 's stay in Rome was brief. He had an audience with the Pope and then left for Switzerland, Belgium, and France, where he talked with prominent Vietnamese in exile. But since there were no prospects for a chance in French policy, Diem returned to the United States (early in 1951), this time for a stay that was to

last two years. He resided at the Maryknoll seminaries in New Jersey, and Ossining, New York. For a while he was moderately active as a lecturer on Vietnam, mainly at Eastern and Midwestern universities, he also made a number of trips to Washington, where he won much sympathy for his views. Among the people who favored both his cause and his personal aspirations were Senators Mike Mansfield and John F. Kennedy, Representative Walter Judd and Justice William Douglas. But the occasional pleading of these people for Vietnamese independence did not influence the Truman and Eisenhower Administration, whose policy, in spite of many verbal reservations, remained one of unconditional aid to the French. Discouraged by external events, Diem concentrated on searching in himself for the strength needed to lead his country through meditation, which was more congenial to his nature and talents than actively organizing support for his cause....

In fact, it gave the rise the still widely accepted legend that nomination of Diem was brought about by strong pressure on Bao Dai and the French and intervention by Cardinal Spellman via members of the Catholic Movement Republicain Populaire...^{»iii}

3.- Chuyện Vatican cho người dẫn dắt ông Diệm đi Vatican và Hoa Kỳ để chạy chọt cho lên cầm quyền ở Việt Nam được tác giả Hoàng Linh Đỗ Mậu ghi lại trong sách **Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi** đầy đủ hơn cả. Dưới đây là nguyên văn:

“Trở lại năm 1950, khi tôi bắt đầu một giai đoạn nổi trôi lặn lội trong những năm tàn khốc của cuộc chiến Pháp Việt từ Trung ra Bắc, thì tháng 8 năm đó, sau một thời gian vận động ngầm của Giám-mục Ngô Đình Thục, ông Diệm và người anh có ảnh hưởng lớn lao trên Giáo Hội Thiên Chúa Giáo Việt Nam này, lên đường đi La Mã dự lễ Năm Thánh để che đậy âm mưu đi Mỹ vận động chính trị.

Lộ trình không đi thẳng đến La Mã mà còn ghé qua Nhật Bản thăm Kỳ Ngoại Hầu Cường Để (một giải pháp hầu như không có giá trị nữa kể từ năm 1945) và nhất là để ông Diệm có cơ hội gặp giáo sư Wesley Fisher, một cựu sĩ quan tình báo hải quân thuộc Đệ Thất Hạm Đội Hoa Kỳ thời Đệ Nhị Thế Chiến và nghe nói đang là một nhân viên cao cấp của CIA. Buổi họp mặt với viên chức quan trọng này của cơ qua tình báo Mỹ đưa đến kết quả là **trường Đại Học Michigan sẽ bảo trợ chuyến đi Mỹ của ông Diệm.**

Sau đó, ông Diệm lên đường đi La Mã dự Năm Thánh và yết kiến Đức Giáo Hoàng, rồi từ đó bay đi Mỹ. Qua trung gian của Giám-mục Ngô Đình Thục, ông được Hồng Y Spellman, thuộc dòng Franciscain, tiếp kiến.



Gia đình Ngô Đình

Từ Mỹ, ông Diệm lại quay về La Mã mấy ngày rồi mới đi Thụy Sĩ, Bỉ và Pháp để thảo luận với một số chính khách Việt Nam mà phần đông là Thiên Chúa Giáo đang cư ngụ tại các nước này. Năm 1951, Ông Diệm trở lại Hoa Kỳ hai năm, sống trong tu viện Maryknoll tại Lakewood (New Jersey) và Ossining (New York). **Nhờ sự giúp đỡ của Hồng Y Spellman**, thỉnh thoảng ông lại được mời đi thuyết trình tại các đại học miền Đông

và Trung-Tây Hoa Kỳ. Ông cũng diễn thuyết tại thủ đô Hoa Thịnh Đốn. và với lý luận rằng “chỉ cần chấm dứt chính sách thực dân Pháp và chỉ cần Việt Nam có một chính phủ do người quốc gia lãnh đạo là có thể đánh bại được Cộng Sản” mà ông đã chiếm được cảm tình và lời hứa sẽ yểm trợ của các chính trị gia Mỹ như Nghị Sĩ Mike Mansfield, John F. Kennedy, Dân Biểu Walter Judd, Chánh Án Williams Douglas và nhiều chính khách Thiên Chúa giáo khác. Phê bình câu nói của ông Diệm, giáo sư Buttinger cho rằng luận cứ này phối hợp được sự đơn giản rất hấp dẫn và sự hợp lý khó cãi được.

Chính vì sự “hấp dẫn không cãi được” đó và quyết tâm của Hồng Y Spellman muốn có một chính phủ Việt Nam do người Thiên Chúa giáo lãnh đạo mà ông Diệm đã trở thành một “giải pháp” khả dụng và khả thi cho chính sách của Mỹ tại Đông Dương trong tương lai rất gần.. Nhưng cái luận cứ “đơn giản và hợp lý” này đã chứng tỏ tính cách thiếu khoa học và không thực tế của nó khi ông Diệm, với một chính phủ quốc gia và 9 năm cai trị, ông Thiệu với một chính phủ quốc gia và 11 năm cai trị khác, vẫn không đánh bại được Cộng Sản. Nếu không muốn nói rằng chính phủ quốc gia của ông Diệm đã chính nghĩa hóa sự hiện diện nguy trang của Cộng Sản tại miền Nam, và chính phủ quốc gia của ông Thiệu đã kiện toàn hóa chiến thắng “tự nhiên thành” của Cộng Sản tại miền Nam. Như vậy, rõ ràng hai chế độ quốc gia đã quản trị đất nước trong khoảng thời gian từ 1954 đến 1975 quả thật đã không xứng đáng trên cả hai mặt nội dung cũng như thực tế để mang nhận danh từ này.

Theo dõi hành trình vận động quốc tế của ông Diệm, ta thấy gồm 6 chặng đường.(1) Đi Đông Kinh gặp một nhân viên tình báo Mỹ, (2) đến Vatican gặp Đức Giáo Hoàng, (3) đi Mỹ gặp Hồng Y Spellman, (4) trở lại Vatican không biết làm gì trong một thời gian ngắn, (5) rồi lại trở qua Mỹ gặp tiếp Hồng Y Spellman, (6) sau đó là các chính khách Hoa Kỳ. **Sáu chặng đường đó thật ra chỉ gồm trong hai danh từ lấy lừng: Vatican và Mỹ.**

Tháng 5 năm 1953, theo lời mời của một số chính khách Việt Nam lưu vong mà đa số là người Thiên Chúa giáo, ông Diệm từ giã Hoa Kỳ về Pháp rồi đi Bỉ và trú ngụ tại tu viện Bénédictine de St. André les Purges. Đúng một năm sau, năm 1954, khi số phận Việt Nam bắt đầu bị cột chặt bởi chiến bại của Pháp tại Điện Biên Phủ vào ngày 7 tháng 5 và cuộc mặc cả tại Hội Nghị Genève thì ông Diệm trở lại Paris và sống tại ngôi nhà ông Tôn Thất Cần. Tại đây, với sự yểm trợ đặc lực của người em là Ngô Đình Luyện, ông bắt đầu mở các cuộc thăm dò và vận động trong giới chính khách Việt Nam cũng như với các thế lực quốc tế.

Theo giáo-sư Buttinger thì tại Sài Gòn, ông Nhu biết rằng anh mình không đủ khả năng đối phó với những vận động chính trị quốc tế khó khăn và phức tạp, bèn vội vàng phái cộng sự viên thân tín là ông Trần Chánh Thành và Lê Quang Luật qua Paris để tăng cường thêm cho ông Diệm. Ông Trần Chánh Thành nguyên là tri huyện thời Pháp thuộc, sau theo Việt Minh làm chánh án Liên Khu Tư, rồi bỏ kháng chiến về Tề vào năm 1952. Còn ông Lê Quang Luật là một trí thức Thiên Chúa giáo Bắc Việt, người thân tín của Giám-mục Lê Hữu Từ.

Ba mục tiêu vận động quan trọng và quyết định nhất của ông Diệm là (1) đạt được sự yểm trợ của chính quyền Mỹ, (2) tranh thủ được sự thỏa thuận của chính quyền Pháp, và (3) cuối cùng là thuyết phục được Quốc Trưởng Bảo Đại bổ nhiệm làm thủ tướng. Ba vận động liên hệ chặt chẽ của hàng triệu người Việt Nam mà sức mạnh vô địch của chính hàng triệu người Việt Nam đó không hề được vận dụng tới. Thật ra ba bước vận động này trùng vào nhau như ba mắt xích mà trong bối cảnh chính trị quốc tế lúc bấy giờ, mở được mắt xích thứ nhất là hai mắt xích còn lại sẽ bị tháo tung. Mắt xích thứ nhất, **Hồng Y Spellman đã giúp ông Diệm mở ra từ năm 1953 rồi** cho nên Bảo Đại và chính phủ Pháp lúc bấy giờ không đồng ý “con người Ngô Đình Diệm”, nhưng dưới áp lực của Ngoại Trưởng Mỹ Foster Dulles và sự can thiệp mạnh mẽ của Hồng Y Spellman vào chính sách của Phong Trào Cộng Hòa Bình Dân Thiên Chúa Giáp Pháp (MRP), cuối cùng chính phủ Pháp và Bảo Đại đành phải chấp thuận bổ nhiệm ông Diệm làm thủ tướng.

Trong cuốn hồi ký *Le Dragon d' Annam*, trang 328, ông Bảo Đại đã cố tình không nói rõ những áp lực này dù những vận động chính trị của các nước liên hệ đến chính tình Việt Nam lúc đó, (xem thêm *Bên Giòng Lịch Sử 1940-1975*, ấn bản Hoa Kỳ, của Cao Văn Luận). Một cách thật tinh tế, để nói lên áp lực của người Mỹ, ông Bảo Đại đã cho biết rằng “*Sau khi gặp ông Foster Dulles để cho ông ta biết dự án của tôi, tôi đã gọi ông Diệm đến và nói rằng: (“Après m’ être entretenu avec Foster Dulles, pour lui faire part de mon projet...”)*. Sự kiện trước lúc lấy một quyết định nội bộ quan trọng (chỉ định một thủ tướng) mà vị nguyên thủ quốc gia **phải hội ý với Ngoại Trưởng của Mỹ** (không như trước đó, Bảo Đại đã chỉ định 5 thủ tướng không cần phải qua “thủ tục” này) đã chứng tỏ áp lực của Mỹ quả thật có tác dụng lên quyết định của Bảo Đại. Hơn nữa, ngay ở trang 329 sau đó, Bảo Đại còn viết thêm:

“Thật vậy từ nhiều năm nay, ông ta được nhiều người Mỹ biết và thích nhờ tính cứng rắn. Dưới mắt họ, ông Diệm là người hùng phù hợp một cách đặc biệt cho hoàn cảnh hiện tại, vì vậy mà Hoa Thịnh Đốn không ngần ngại gì mà không ủng hộ ông ta. (En effet, depuis de nombreuses années, il était connu des Américains qui appréciaient son intransigeance. À leurs yeux, il était l’homme fort convenant particulièrement à la conjoncture, aussi Washington ne lui ménagerait pas son appui).

Nêu lên nhận định này, Bảo Đại ngầm cho ta biết **sự can thiệp của người Mỹ trong quá trình chọn lựa Ngô Đình Diệm** làm thủ tướng của ông là một sự can thiệp có thật. (Những người không hiểu rõ cá tính của ông Bảo Đại và ông Diệm, lại không nắm vững những vận động quốc tế cũng như nội bộ Việt Nam lúc bấy giờ đã nhầm lẫn và không hiểu rõ được sự can thiệp này nên đã hiểu sai luôn những biến cố lịch sử sau đó là lẽ dĩ nhiên).

Sự kiện ông Diệm được Vatican và Mỹ ủng hộ là một yếu tố quan trọng xoay chuyển lịch sử Việt Nam trong chiến tranh Quốc Cộng nên tôi cần trích dẫn ra dưới đây những đoạn sách khả tín của các ký giả, nhà văn nổi tiếng Anh, Mỹ để thêm tài liệu cho các nhà nghiên cứu sử sau này.

Theo John Cooney thì Giáo Hoàng Pius XII (1939-1958) muốn Hồng Y Spellman vận động với Hoa Kỳ tham dự vào chánh tình Việt Nam và ủng hộ cho Ngô Đình Diệm cầm quyền tại nước này:

Theo Malachi Martin, một giáo sĩ Dòng Tên đã từng làm việc tại Vatican trong những năm Mỹ gia tăng sự tham dự vào Việt Nam, thì lập trường của Hồng Y Spellman hợp với ý của Giáo Hoàng (in accordance with the wishes of the Pope...). Giáo Hoàng muốn Hoa Kỳ ủng hộ Diệm vì Ngài bị ảnh hưởng của Giám-mục Thục là anh của Diệm. **Ông Martin xác nhận rằng:** “*Giáo Hoàng lo ngại Cộng Sản sẽ bành trướng thêm làm suy hại đến Giáo Hội. Giáo Hoàng đã nhờ Hồng Y Spellman khuyến khích người Mỹ can dự vào Việt Nam.*” (“The Pope was concerned about Communism making more gains at the expense of the Church. He turned to Spellman to encourage American commitment to Vietnam.”, The American Pope, John Cooney, tr. 241, 242).

Vì vậy Spellman đã bắt tay vào việc điều động kỹ càng một chiến dịch xây dựng chế độ Diệm (carefully orchestrated campaign to prop up the Diem regime). Spellman và Kennedy cũng thành lập một tổ chức ở Hoa Thịnh Đốn để vận động cho Diệm. Chiêu bài vận động là Chống Cộng và Thiên Chúa Giáo (the rallying cries were anti-Communism and Catholicism). Sách đã dẫn, trang 242.



Francis Cardinal Spellman Visiting American Troops
Around the World During Peacetime and Wartime, 1960s

Link: <http://vietsciences.free.fr/biographie/politicians/Spellman01.htm>

Tháng 10 năm 1950, hai anh em Thục Diệm gặp các viên chức Bộ Ngoại Giao tại khách sạn Mayflower ở Hoa Thịnh Đốn, có sự tham dự của Dean Rusk. Diệm và Thục được Linh-mục McGuire và giáo sĩ chính trị gia (political churchmen) đặc trách chính sách Chống Cộng tháp tùng, đó là Cha Emmanuel Jacque, Giám-mục Howard Carroll và Edmund Walsh của Đại Học Georgetown. Mục đích của cuộc gặp gỡ là để tìm hiểu tình hình Việt Nam và để xác định lập trường chính trị của hai anh em Diệm-Thục. *Hai anh em tin rằng Diệm đã được an bài để cai trị đất nước* (Both Diem and Thuc believed that Diem was destined to rule his nation). *Sự kiện giáo dân Việt Nam chỉ chiếm mười phần trăm chẳng làm cho hai ông bận tâm.* (The fact that Vietnam's population was only ten percent Catholic mattered little as far as the brothers were concerned...) như Diệm đã nói trong bữa ăn tối rằng hai lập trường không lay chuyển của ông ta đã quá rõ ràng. *Ông tin rằng vào quyền lực của Tòa Thánh và ông chống Cộng kịch liệt* (He believed in the power of the Catholic Church and he was virulently anti-Communist). Sách đã dẫn, trang 241.

Thật vậy, ngoài cuốn “**The American Pope - The Life and Times of Francis Cardinal Spellman**” của John Cooney do Times Books phát hành, trong quyển “Vietnam - Why did We go?” của Avro Manhattan (trang 58, ấn bản 1984), chuỗi sự kiện này cũng đã được trình bày rõ ràng:

“Spellman introduced Diem to William O. Douglas of the Supreme Court. The latter introduced Diem to Mike Mansfield and to John F. Kennedy, both Catholics and senators. Allan Dulles, director of the CIA adopted him - following the decision of his brother, John Foster Dulles, and of Cardinal Spellman, who was acting for Pope XII. **Diem became their choice.** He was going to be the head of the government in South Vietnam.

The decision having been taken, Dulles advised France to tell Bao Dai to appoint Diem as prime minister. France having by now decided to abandon Vietnam, agreed. Diem became premier in June, 1954. The 19th of that same month, Bao Dai invested Diem with dictatorial power. This entailed not only civilian but also military control of the country. Diem arrived in Saigon June 26, 1954 and on July 7 set up his own government.

Tạm dịch: “*Hồng Y Spellman đã giới thiệu ông Diệm với ông William O. Douglas, Thẩm Phán Tối Cao Pháp Viện. Ông này lại giới thiệu ông Diệm với ông Mike Mansfield và ông John F. Kennedy, cả hai đều là Thượng Nghị Sĩ Thiên Chúa Giáo. Ông giám đốc CIA Allen Dulles cũng đã đỡ đầu cho ông Diệm - tiếp theo quyết định của anh ông ta là (Ngoại Trưởng) John Foster Dulles và của Hồng Y Spellman, người đại diện*

của Giáo Hoàng Phêrô XII. Ông Diệm đã được họ tuyển chọn, ông sẽ là người cầm đầu chính phủ Nam Việt Nam.

Sau khi lấy quyết định xong, ông (Ngoại Trưởng Mỹ) Dulles khuyến cáo chính quyền Pháp hãy nói với Bảo Đại bổ nhiệm ông Diệm làm thủ tướng. Vì lúc bấy giờ đã có quyết định bỏ Việt Nam nên Pháp đồng ý. Ông Diệm trở thành thủ tướng vào tháng 6 năm 1954. Ngày 19 cùng tháng đó, Bảo Đại phong cho ông Diệm toàn quyền, không những quyền kiểm soát dân sự mà còn cả quân sự nữa trên toàn quốc. Ông Diệm về tới Sàigòn ngày 26 tháng 6 và thành lập chính phủ vào ngày 7 tháng 7 năm 1954.”

Những bí ẩn lịch sử trên đây cho ta thấy ngay từ trước năm 1950 ông Diệm vì không thể cộng tác được với Pháp và cựu hoàng Bảo Đại nữa nên hướng về Hoa Kỳ mà cuộc vận động nhip nhàng **của Vatican và cơ quan CIA** đã đưa ông thành công với chức vụ thủ tướng sau khi Pháp thất bại tại Điện Biên Phủ. Bấy giờ thì ta thấy rõ ràng tại sao trên đường xuất ngoại vào năm 1950 hai ông Diệm và Thục lại gặp giáo sư Wesley Fisher tại Nhật Bản, một nhân viên cao cấp của Tình Báo Trung Ương Mỹ, tại sao trong “Bên Giòng Lịch Sử” Linh-mục Cao Văn Luận khoe khoang: “*Có thể nói rằng nếu không có Cha Houssa, thì số phận Việt Nam không chừng đã khác*”, tại sao khi đến Saigon thăm linh Mỹ, Hồng Y Spellman tuyên bố: “**Các bạn chiến đấu cho văn minh Thiên Chúa Giáo**”. Từ nay ông Diệm trở thành người linh tiền đồn ngăn chặn Cộng Sản cho Vatican và Hoa Kỳ.”^{iv} [Ngưng trích sách **Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi**]

4.- Trong bài viết “*Bài Học Chiến Tranh Việt Nam Nhìn Từ Hậu Trường Chính Trị Hoa Kỳ*” đăng trong cuốn *Sự Thật* (Đặc San Xuân Đinh Sửu 1997), ông Lương Minh Sơn cho chúng ta một cái nhìn rõ ràng và đầy đủ về bàn tay của Giáo Hội La Mã trong việc chạy chọt cho ông Ngô Đình Diệm về cầm quyền ở Việt Nam. Dưới đây là mấy đoạn văn quan trọng nói về những việc làm của Giáo Hội ở Hoa Kỳ trong những cố gắng chạy chọt với Hoa Kỳ cho ông Diệm về Việt Nam cầm quyền.

“Năm 1861, người Pháp đem quân đội và tôn giáo vào để cai trị Việt Nam nhưng năm 1954, người Pháp chỉ có thể triệt thoái quân đội mà không có một kế hoạch thỏa đáng để cứu vãn tình thế cho giáo dân Việt Nam đã từng đặt niềm tin nơi người Pháp. Trong lúc hồi tưởng về những ngày cuối cùng ở miền Bắc, Đại-tá Vanuxem của Quân Đội Viễn Chinh (Pháp) đã kể lại những lời lẽ trách cứ của Giám-mục Phạm Ngọc Chi, một người bạn thân của Vanuxem, khi đơn vị của ông sửa soạn rút khỏi giáo phận Bùi Chu, như sau:

“Chúng tôi cứ tưởng rằng chúng tôi xứng đáng được hưởng sự độc lập (1) mà chúng tôi đã có bốn phận góp công giúp đỡ, nhưng đến khi nhận ra thì đã quá muộn. Những người mà chúng tôi đã trông cậy lại là những kẻ thù đang muốn chúng tôi bị mất linh hồn” [VAN, Tr. 158-159].

Ở Vatican, Đức Giáo Hoàng Pius XII có lẽ cũng đã dự đoán được tình trạng cực kỳ nguy hiểm cho giáo dân Việt Nam một khi quân đội Pháp rút khỏi miền Bắc, nên kể từ cuối thập niên 1940, **Ngài đã khuyến khích Đức Hồng Y Francis Joseph Spellman vận động chính phủ Hoa Kỳ** sửa soạn can dự vào Việt Nam. Điều này có thể là một thách mắc không nhỏ đối với những người chuyên nhìn trên phương diện tôn giáo thuần túy. Tuy nhiên, dưới khía cạnh chính trị, ngoài nhiệm vụ lãnh đạo đời sống tâm linh của giáo dân trên thế giới, Đức Giáo Hoàng của Thiên Chúa Giáo La Mã (The Roman Catholics) còn có trách nhiệm đại diện cho Hội Đồng Giáo Hội (The Council) và quốc gia Vatican để phản ánh quan niệm và phát huy ảnh hưởng chính trị của Tòa Thánh đối với thế giới. Thành thử, muốn tìm hiểu về quan niệm và ảnh hưởng chính trị của quốc gia Vatican trong cuộc chiến tranh “Quốc Cộng” ở Việt Nam nói riêng, và trong cuộc Chiến Tranh Lạnh nói chung, lịch sử cần nhìn lại quan điểm chính trị của một số giáo hoàng, bắt đầu từ Đức Giáo Hoàng XII.

Giáo Hoàng Pius XII tên thật là Eugino Pacelli, sanh năm 1876 ở Ý Đại Lợi. Năm 1930, Ngài được cử làm Ngoại Trưởng cho Đức Giáo Hoàng XI (1922-1939). Năm 1933, Ngài lập công lớn với Tòa Thánh vì đạt được thỏa hiệp dung hòa với Phát Xít Đức (The 1933 Concordat). Theo thỏa hiệp này, Tòa Thánh coi như sẽ

không phát biểu ý kiến về tình hình chính trị của Đức Quốc Xã, chẳng hạn như chuyện Đức Quốc Xã đang chuẩn bị guồng máy chiến tranh cho Đệ Nhị Thế Chiến. Ngược lại, Đức Quốc Xã coi như sẽ tôn trọng thực thể và chủ quyền của Tòa Thánh. Sau này, trên đường tiến vào thôn tính thủ đô La Mã, thiết đoàn chiến xa Panther của biệt đội SS Phát Xít Đức phải rẽ thành hai đường đi vòng qua Tòa Thánh thay vì có thể san bằng dễ dàng qua, nếu họ muốn.

Trong suốt cuộc Đệ Nhị Thế Chiến, quan điểm của Đức Giáo Hoàng Pius XII về đường lối tiến tới hòa bình là duy trì tư thế trung lập cho Tòa Thánh đối với mọi phe lâm chiến. Tuy nhiên, lịch sử thế giới Tây Phương chỉ trích Ngài nặng nề nhất là vì Tòa Thánh đã không lên án Đức Quốc Xã khi quốc gia này thẳng tay tàn sát 6 triệu người Do Thái, và vì Tòa Thánh đã không tận dụng khả năng để che chở cho những người Ý gốc Do Thái khi mật vụ SS Đức lùng bắt họ ở Ý Đại Lợi.

Khi một số giới chức lãnh đạo Tây Phương khuyên Joseph Stalin, chủ tịch Đảng Cộng Sản Nga Sô nên cho người Thiên Chúa Giáo La Mã giảng đạo tự do ở Nga để lấy lòng Đức Giáo Hoàng, Stalin hỏi, “Đức Giáo Hoàng? Đức Giáo Hoàng có mấy sư đoàn?” [WIN], [CDQ]. Năm 1949, Đức Giáo Hoàng Pius XII kêu gọi giáo dân trên thế giới đứng lên chống lại chủ nghĩa Cộng Sản, và đồng thời tuyên bố “phạt tuyệt thông” (excommunicate) tất cả những giáo dân nào theo Cộng Sản [CUP, Pope Pius XII].

Nhưng, tại sao chính trị lại có tôn giáo, và tôn giáo lại có chính trị? Tổng Thống Richard M. Nixon (1969-1974) đã từng nói: “Mặc dù người Cộng Sản là những người vô thần nhưng chủ nghĩa Cộng Sản lại là một tôn giáo với hơn một phần tư tín đồ trên thế giới,” [NIX, chg. 5]. Thành thử, ngoài vấn đề “an ninh phòng thủ” cho Hiệp Chúng Quốc, sự bành trướng của khối “tôn giáo vô thần” Cộng Sản trong thập niên 1950 còn là một mối đe dọa trực tiếp đến ảnh hưởng của Vatican nói riêng, và của khối Thiên Chúa Giáo hữu thần nói chung. Giáo-sĩ Malachi Martin, người đã từng phục vụ trong Tòa Thánh Vatican cũng đã xác nhận. “Đức Giáo Hoàng (Pius XII) lo ngại Cộng Sản sẽ bành trướng và làm suy hại đến uy tín của Giáo Hội,” [COO, Tr. 241-242].

Nhưng quan điểm của quốc gia Vatican có ảnh hưởng gì đến chiến tranh Việt Nam? Các dữ kiện của đầu thập niên 1950 cho thấy **Ngô Đình Diệm được Đức Giáo Hoàng Pius XII gửi gắm cho Đức Hồng Y Spellman dẫn qua Hoa Kỳ để vận động chính trị** vì quan niệm tôn giáo nhiều hơn là quan niệm cho phép một quốc gia nhược tiểu như Việt Nam được sống lại sau hơn 80 năm bị đô hộ.

Tháng 10 năm 1950, Đức Hồng Y Spellman, Linh-mục McGuire, và ba nhân vật Ủy Viên Chính Trị (political churchmen) của một số giáo phái Thiên Chúa Giáo ở Hoa Kỳ như Cha Emmanuel Jacque, Giám-mục Carroll và Giáo-sư Edmund Walsh đưa Ngô Đình Diệm và Đức Cha Ngô Đình Thục đi gặp một số nhân viên của Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ tại Khách Sạn Mayflower ở Washington. Ông Dean Rusk là một trong những nhân vật của Bộ Ngoại Giao có mặt trong buổi cơm tối hôm đó. Sau này, ông Rusk làm Ngoại Trưởng từ năm 1961 đến 1969. Mục đích của cuộc gặp gỡ xã giao này là để chính phủ Hoa Kỳ tìm hiểu về tình hình Việt Nam và để xác định lập trường của ông Diệm và Đức Cha Thục. **Sự kiện 90% người dân Việt Nam không phải là tín đồ Thiên Chúa Giáo không làm cho ông Diệm quan tâm vì ông đã tuyên bố trong bữa cơm tối hôm đó rằng ông “tin tưởng vào quyền lực của Vatican và ông chống Cộng một cách cực lực”** [COO. Tr. 242].

Với hai yếu tố vì tôn giáo và vì chống Cộng, ông Diệm được Đức Hồng Y Spellman tiếp tục giới thiệu với William O. Douglas, Thẩm Phán Tối Cao Pháp Viện, Thượng Nghị Sĩ Mike Mansfield, Thượng Nghị Sĩ John F. Kennedy, Allen Dulles, Giám Đốc Trung Ương Tình Báo CIA, và anh của ông Dulles là Ngoại Trưởng John Foster Dulles [MAN, Tr. 58]. Từ đó, ông Diệm trở thành con đáp số gần như mỹ mãn trong bài toán chính trị của một phe phái có ý muốn can dự vào Việt Nam:

- 1.- Chính sách đối ngoại đang đòi hỏi **Hoa Kỳ phải xây dựng một thành trì chống Cộng** ở Việt Nam.
- 2.- Ngoại Trưởng John Foster Dulles đang muốn **tìm một lãnh tụ chống Cộng theo khuôn mẫu đạo đức và xã hội Thiên Chúa Giáo**.
- 3.- Đức Hồng Y Spellman đang cần Hoa Kỳ thay thế Pháp ở Việt Nam, và cũng **cần một giáo dân trung kiên như ông Diệm để lãnh đạo công cuộc chống Cộng như lời kêu gọi của Đức Giáo Hoàng Pius XII**.

Điều còn lại sau cùng cho kế hoạch chính trị hỗn hợp này là làm thế nào để giải thích cho Hội Đồng Chính Phủ và Quốc Hội Hoa Kỳ về kinh nghiệm chính trị và khả năng lãnh đạo của ông Ngô Đình Diệm? Tổng Thống Eisenhower cũng chỉ có thể trấn an Hội Đồng Chính Phủ bằng câu nói, “Trong đám mù, thằng chột làm vua.”[HER]. Điều này cho thấy: một là ông Diệm không có một thành tích chính trị nào đáng kể, hai là ông Diệm không có khả năng lãnh đạo, hoặc ba là người Mỹ hoàn toàn không biết gì về ông Diệm.

Đầu năm 1954, Ngoại Trưởng John Foster Dulles khuyến dụ Pháp khuyến nhủ Bảo Đại bổ nhiệm ông Ngô Đình Diệm về Việt Nam làm thủ tướng.”^v [Ngưng trích tài liệu của Lương Minh Sơn]

* * *

Tạm kể ra bốn tài liệu trên đây để độc giả thấy rằng **vai trò của Giáo Hội trong việc chạy chọt với Hoa Kỳ cho ông Diệm lên cầm quyền ở Việt Nam** nhằm để làm tay sai phục vụ cho quyền lực và quyền lợi của Vatican.

Để cho kế hoạch này được thành công, tất cả những tín đồ của Giáo Hội tùy theo khả năng đều được huy động để góp công vào việc vận động với chính quyền Hoa Kỳ làm áp lực với chính quyền Pháp và Quốc Trưởng Bảo Đại để đưa ông Ngô Đình Diệm về Việt Nam làm thủ tướng. Từ bà Ngô Đình Nhu ra vào thủ thi với ông Bảo Đại, Bà Nam Phương Hoàng Hậu với tình chần gối trong chốn phong the, khối dân Kitô La Mã người Pháp cùng với đảng Da-tô Mouvement Republique Populaire (MRP) do ông Da-tô George Bidault làm đảng trưởng cho đến các ông Hồng Y Spellman, Thượng Nghị Sĩ John F. Kennedy, Thượng Nghị Sĩ Mike Mansfield, Dân Biểu Walter Judd, ông Tòa Tối Cao Pháp Viện William Douglas đều được huy động để vận động vào việc làm áp lực với các thế lực liên hệ để cho ông Diệm về Việt Nam cầm quyền.

Về việc tín đồ Da-tô có thể lực Pháp và đảng Da-tô MRP của Da-tô Georges Bidault vận động cho ông Da-tô Ngô Đình Diệm được đưa lên cầm quyền, sách **Việt Sử Khảo Luận** kể lại lời cựu Luật-sư Trần Văn Tuyên với nguyên văn như sau:

“Dư luận Việt Nam thường coi ông Ngô Đình Diệm là “người của Hoa Kỳ” và việc ông lên cầm quyền là do Hoa Kỳ thúc đẩy.

Thực ra, ông Ngô Đình Diệm không phải là “con ngựa” của Hoa Kỳ mà là “người cung” của Pháp hay đúng hơn của một đảng Công Giáo Pháp, “Mặt Trận Bình Dân” (M.R.P.), mà lãnh tụ là Bidault, bộ trưởng ngoại giao, trưởng phái đoàn Pháp ở Hội Nghị Geneve.

Năm 1953, ông Diệm được nhóm chính trị Công Giáo Pháp - Việt ở Paris mời về Pháp để “tính toán” công việc với Bidault. Khi Bảo Đại giải tán chính phủ Nguyễn Văn Tâm (tháng chạp 1953), Pháp (của đảng Da-tô MRP - NMQ) muốn vận động cho ông ta về làm thủ tướng Việt Nam. Tuy nhiên, những người tay chân của ông trong nước đã hành động vụng về hấp tấp, khi họ muốn lợi dụng Phong Trào Đại Đoàn Kết để đưa ông lên cầm quyền (muốn dùng tất cả giáo phái Cao Đài – Hòa Hảo và nhóm Bình Xuyên để làm hậu thuẫn cho

ông Diệm chống Bảo Đại). Vận động đó thất bại, Bảo Đại không dùng ông Diệm mà cử ông Bửu Lộc ra lập chính phủ thay ông Nguyễn Văn Tâm.

Trước những khó khăn nội bộ cũng như trước trách nhiệm nhận chia đôi đất nước, Bửu Lộc xin từ chức, giữa lúc Hội Nghị Genève tới chỗ bế tắc (trung tuần tháng 6/1954), Bidault lại tấn công Bảo Đại, yêu cầu ông chỉ định Ngô Đình Diệm làm thủ tướng, Bảo Đại ngần ngại. Ngày 12/6 (1954), Bảo Đại đánh điện triệu tôi và Đại-tá Lê Văn Kim xuống Cannes để hỏi công việc. Ông ra tận sân bay Nice để đón chúng tôi. Sau khi nghe báo cáo về tình hình hội nghị, ông hỏi tôi: “Bửu Lộc từ chức. Pháp (của đảng Da-tô MRP – NMQ) đề nghị ông Ngô Đình Diệm lập chính phủ. Hoa Kỳ có ủng hộ ông Ngô Đình Diệm hay không?”

Tôi trả lời: “Không thấy các đại biểu Hoa Kỳ nói gì về ông Diệm và xin về Genève hỏi ý kiến các bạn Hoa Kỳ của chúng tôi trong Hội Nghị Genève.”

Đây là một câu trả lời của nhân viên cao cấp Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ khi tôi hỏi về ông Ngô Đình Diệm: “Ông Diệm và anh ông là Thúc có đến thăm Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ. Sau khi nói chuyện, chúng tôi đều đồng ý là nên để ông giám mục làm chính trị và nhà chính trị làm giám mục thì đúng hơn. (ý nói ông Diệm không xứng đáng bằng cha Thúc). Về ông Bedell Smith, thì cho chúng tôi biết: “Hoa Kỳ không ủng hộ một cá nhân ai cả, sẵn sàng ủng hộ chính phủ quốc gia chính thức chống Cộng, dù ai cầm đầu cũng được.”^{vi}

Về việc Vatican vận động bà Nam Phương Hoàng Hậu thủ thi với Quốc Trưởng Bảo Đại bổ nhiệm ông Diệm là Thủ Tướng được ông Đại Mạc viết trong Nguyệt San *Người Dân* số 77 (tháng 1/1997) như sau:

"Lại cũng có ký giả ngoại quốc (Bernard Fall) viết rằng chính bà Nam Phương, do khuyến cáo của giáo hội, đã bảo đảm với ông Bảo Đại để ông giao chính phủ cho ông Diệm. Ông Diệm đã quỳ lạy thề cùng cả hai người là trung thành với nhà Nguyễn. Sự phản bội của ông Diệm khiến bà Nam Phương giận giáo hội, và đã tự tử để chứng tỏ bà không còn thuộc giáo hội nữa. Ông ký giả lập luận rằng, trong y bạ, bà Nam Phương không hề có triệu chứng về tim. Mà bà lại mất bất ngờ, đến nỗi chính ông Bảo Đại cũng không hay biết gì. Tuy ông Bảo Đại vợ nọ con kia, nhưng vẫn là người chồng cha tốt với gia đình chính thức cũng như rất hiếu đễ với mẹ."^{vii}



Vua

Bảo

Đại,

Link: http://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BA%A3o_%C4%90%E1%BA%A1i

Tóm lại, ngay từ mùa hè năm 1950, **Giáo Hội La Mã đã chạy chọt lo lót với các nhân vật quyền thế trong chính quyền Hoa Kỳ** để cùng với Giáo Hội làm áp lực với chính quyền Pháp và Quốc Trưởng Bảo Đại đưa ông Ngô Đình Diệm lên làm thủ tướng chính phủ của chế độ Bảo Đại. Sự thật là Hoa Kỳ đồng ý với Vatican trong việc dùng áp lực với chính quyền Pháp và với Quốc Trưởng Bảo Đại để đưa ông Ngô Đình

Diệm về Việt Nam cầm quyền với toàn quyền dân sự và quân sự. Sự kiện này cho ta thấy rõ Liên Minh Thánh Mỹ - Vatican đã được thành lập kể từ đây. Cái Liên Minh Thánh này được sử gia Chính Đạo tức Vũ Ngự Chiêu gọi là “***Cuộc Thánh Chiến Chống Cộng***”. (Houston, TX: Văn Hoá, 2004).

Nhận xét về vai trò của Vatican trong việc vận động Hoa Kỳ đưa ông Ngô Đình Diệm về Việt Nam cầm quyền, rất nhiều sử gia và chính khách thời bấy giờ đều cùng một nhận xét đại khái như sau:

Nếu không có Hồng Y Francis Spellman và những tín đồ Kitô có thể lực và ảnh hưởng lớn trên sân khấu chính trị ở Pháp như ông Georges Bidault cũng như các chính khách Hoa Kỳ vốn là những con chiên của Giáo Hội như các ông Thượng Nghị Sĩ John F. Kennedy, Thượng Nghị Sĩ Mike Mansfield, Dân Biểu Walter, Thẩm phán Tối Cao Pháp Viện William Douglas, Ngoại Trưởng John Foster Dulles, Giám Đốc Cơ Quan Tình Báo Trung Ương (CIA) là ông Allen W. Dulles đỡ đầu, thì Hoa Kỳ có thể đã đưa một trong các ông Phan Quang Đán, Phan Huy Quát, Trần Văn Tuyên, Nguyễn Tường Tam và Nguyễn Hữu Trí lên làm thủ tướng rồi. Lý do dễ hiểu là **ông Ngô Đình Diệm không những đã có thành tích phản quốc đối với nhân dân Việt Nam, mà lại không có tài năng chính trị, không có thành tích cách mạng và cũng không có một uy tín nào đối với nhân dân Việt Nam** và nhân dân Hoa Kỳ. Cũng vì thế mà sau khi đưa ông Diệm lên cầm quyền rồi, Tổng Thống Eisenhower mới bị nhiều người cật vấn khiến cho ông lúng túng mà đành phải tuyên bố rằng “*Trong đám thằng mù, thằng chột sẽ làm vua.*”

Hoa Kỳ có ngờ đâu sau khi đưa “*cái thằng chột*” Ngô Đình Diệm này về làm vua ở Miền Nam Việt Nam thì nó lại làm hỏng hết cả chương trình viện trợ của Hoa Kỳ cho mục đích chống Cộng và làm mất hết đi cái ý nghĩa cao đẹp của lý tưởng tự do dân chủ mà nhân dân Hoa Kỳ hằng theo đuổi từ khi phát động cuộc chiến Cách Mạng (1776-1783) đánh đuổi Đế Quốc Thực Dân Anh để giành lại quyền tự chủ và quyền tự do bất khả nhượng của Trời đã ban cho. Tất cả cũng chỉ vì “*cái thằng chột*” Ngô Đình Diệm mang căn bệnh cuồng tín về tín ngưỡng, chỉ biết nghe lệnh Vatican, theo đuổi “*chính sách bất khoan dung*” đối với các thành phần thuộc tam giáo cổ truyền của dân tộc, tiến hành “*kế hoạch Da-tô hóa*” miền Nam Việt Nam bằng bạo lực, cho nên chính sách viện trợ của Hoa Kỳ cho Miền Nam mới rơi vào thảm cảnh đau thương nhất trong lịch sử ngoại viện của Hoa Kỳ. Sự kiện này được ông Lương Minh Sơn nói rõ như sau:

"Năm 1971, dựa theo tập tài liệu "Hồ Sơ Ngũ Giác Đài", bình luận gia Neil Sheehan có đúc kết một phần nhận định về chính quyền của Tổng Thống Ngô Đình Diệm như sau: "Ngay từ những ngày đầu, chính cá nhân của Tổng Thống Diệm và quan niệm chính trị của ông đã làm giảm thiểu hiệu năng của chính quyền... Được trưởng thành trong một gia đình vừa cuồng tín theo Thiên Chúa Giáo, vừa mang nặng tính cách phong kiến của giai cấp quan lại thống trị, ông Diệm là một người độc đoán, cố chấp, thờ lại, đa nghi và câu nệ về phương diện luân lý. Tinh thần của ông là tinh thần của một "Spanish Inquisitor"..., " một loại hung thần của Tây Ban Nha thời Trung Cổ , [SHE, Trg 70-72]."^{viii}

Phân trình bày trên đây cho chúng ta thấy rõ ràng là ngày từ năm 1950, Vatican đã sử dụng tất cả những tín đồ Da-tô của Giáo Hội có thể lực ở Hoa Kỳ, ở Pháp và cả bà Nam Phương Hoàng Hậu để vận động đưa ông Ngô Đình Diệm về Việt Nam cầm quyền để làm tay sai cho Giáo Hội. Dĩ nhiên, khi đưa ông Diệm về Việt Nam cầm quyền, Hoa Kỳ cũng đã coi ông Diệm như là một thứ làm tay sai cho Hoa Kỳ và coi miền Nam như là thuộc địa của Hoa Kỳ. Đây là sự thật lịch sử và sự thật này không những các nhà viết sử chân chính đều khẳng định như vậy, mà ngay cả bọn văn nô Da-tô như Tú Gàn (một bút hiệu của cựu thẩm phán Nguyễn Cần) cũng phải nhìn nhận sự thật này bằng mấy đoạn văn dưới đây:

*"Coi miền Nam như thuộc Mỹ: Cảm tưởng đầu tiên của chúng tôi khi đọc Công Điện mang số Deptel 243 và các tài liệu tiếp theo của chính phủ Hoa Kỳ là **Washington coi miền Nam như thuộc địa của Mỹ.***

Nước Pháp ngày xưa khi đến đô hộ miền Nam và “bảo hộ” miền Bắc và miền Trung Việt Nam đều có ký hiệp ước với Triều Đình Huế. Đến năm 1887, Pháp hợp Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ, và Cao Mên lại thành Liên Bang Đông Dương (Union Indochinoise) do một Toàn Quyền Đông Dương (Gouverneur Général de l’Indochine) ở Hà Nội cai trị và đặt dưới quyền của Bộ Thuộc Địa (Ministère des Colonies). Các quan lại ở tỉnh đều đặt trực thuộc một Công Sứ (Résident) Pháp.

Đầu năm 1956, **do áp lực của Mỹ**, Pháp đã phải ký thỏa ước với Việt Nam rút Quân Đội Pháp khỏi miền Nam trước ngày 30/6/1956. Nhưng đến ngày 26/4/1956, Quân Đội Pháp đã rút hết khỏi miền Nam. Ngày 26/4/1956, Pháp tuyên bố bãi bỏ chức Cao Ủy Đông Dương và ngày 28/4/1955 tuyên bố giải tán Bộ Tư Lệnh Pháp tại Đông Dương. Người Mỹ âm thầm vào thay Pháp.

Tuy chính phủ Mỹ không hề ký với các chính phủ Việt Nam một hiệp ước nào về “quyền bảo hộ” như chính phủ Pháp đã ký trước đây, nhưng **Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ đã tự động biến thành Bộ Thuộc Địa để áp đặt mọi chính sách và đường lối lên trên miền Nam và Đại Sứ Mỹ tại Sài Gòn nghiêm nhiên trở thành Toàn Quyền Đông Dương hay Cao Ủy Mỹ tại Đông Dương**, thường được người Việt gọi là “Quan Thái Thú”. Các lãnh sự Mỹ ở tỉnh cũng đóng vai trò của các Công Sứ Pháp. Một số đã tình nguyện làm lính Khố Xanh (Gardes Indigènes) hay lính Khố Đỏ (Tirailleurs) cho Mỹ. Trạm CIA (CIA Station) của Mỹ tại Sài Gòn đã hoạt động giống hệt Sở Mật Thám hay Sở Liêm Phóng Đông Dương (Service de Sureté Générale de L’Indochine của Pháp ngày xưa!

Chúng tôi xin nhắc lại: Năm 1963, khi tiếp Đại Sứ Frederick Nolting, ông Diệm có nói: “**Chúng tôi không muốn thành một xứ bảo hộ của Hoa Kỳ.**”^{ix}

Qua mấy đoạn văn trên đây, chúng ta thấy được hai điểm: **Thứ nhất**, ông Da-tô Tú Gàn trách móc người Hoa Kỳ đã coi miền Nam như là thuộc địa của Hoa Kỳ. **Thứ hai**, ông Tổng Thống Da-tô Ngô Đình Diệm nói với Đại-sứ Hoa Kỳ Frederick Nolting rằng: “*Chúng tôi không muốn trở thành một xứ bảo hộ của Hoa Kỳ.*” Sự kiện này chứng tỏ rằng (1) cả hai ông Da-tô Ngô Đình Diệm và Tú Gàn đều không học sử Việt Nam (quốc sử) và sử thế giới, và (2) cả hai ông Da-tô này đều thiếu thông minh.

Vì không học quốc sử cho nên hai ông Da-tô này không biết lấy chuyện ông vua Lê Chiêu Thống để suy ra thân phận ông Da-tô Ngô Đình Diệm. Vào cuối năm 1788, khi Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ kéo quân ra Bắc dẹp tên ma đầu chính trị Nguyễn Hữu Chỉnh, Lê Chiêu Thống bỏ trốn Thăng Long chạy sang Tàu cầu cứu nhà Thanh đem quân sang Việt Nam tái lập vương quyền cho ông ta. Đáp lời cầu cứu của Lê Chiêu Thống, Vua Càn Long sai Tôn Sĩ Nghị, Tổng Đốc Lưỡng Quảng, đem 280 ngàn quân Tàu đưa Lê Chiêu Thống về Thăng long cho ngồi vào ngai vàng, nhưng hàng ngày chính nhà vua và Lê Quýnh cùng mấy chục tên lính hầu phải thân hành đến phủ của Tôn Sĩ Nghị ở Tây Long Cung để châu chực, chờ nhận lệnh cho phép làm gì thì mới được làm. Sự kiện này ông Hoa Bằng kể lại trong cuốn *Quang Trung Nguyễn Huệ, Anh Hùng Dân Tộc 1788-1792* với nguyên văn như sau:

“*Dầu được người Thanh “ban” cho danh hiệu hờ, vua Lê vẫn khép nép e dè, không dám đường hoàng trên văn thư dùng niên hiệu Chiêu Thống, mà vẫn phải để hiệu Kiền Long nhà Thanh (bấy giờ là năm Kiền Long thứ 53 tức năm Mậu Thân 1788).*”

Hằng ngày, Chiêu Thống cười người đi trước, Lê Quýnh cười ngựa theo sau, với vài chục lính hầu, cong cóc sang Tây Long Cung, nơi Sĩ Nghị đóng, châu chực công việc quân quốc. Có khi Chiêu Thống tiến yết, Nghị không tiếp, chỉ sai người đứng dưới gác chuông, truyền ra bảo vua Lê rằng: *Nay không có việc quân quốc gì, hãy cứ về cung mà nghỉ.*”^x

Trong những năm 1950-1954, Vatican cho người dẫn ông Da-tô Ngô Đình Diệm sang Mỹ, sang Pháp rồi lại sang Mỹ để khẩn khoản nhờ Mỹ đưa về Việt Nam cầm quyền. Nhưng phải chờ tới khi có hoàn cảnh thuận tiện Mỹ mới thực hiện được. Mãi tới mùa xuân năm 1954, lúc đó, quân dân Việt Nam sắp đánh bại Liên Quân Xâm Lăng Pháp – Vatican tại tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, Mỹ mới ra tay hành động, gửi Đại-Tá tình báo **Edward G. Lansdale** tới Việt Nam dọn đường, rồi tới ngày 26/6/1954 mới đưa ông Diệm về Sài Gòn cho ngồi vào ngôi vị thủ tướng với toàn quyền về quân sự và dân sự, dĩ nhiên là dưới quyền chỉ đạo của Mỹ.



Lansdale và Ngô Đình Diệm,

Link: <http://vietsciences.org/biographie/politicians/Spellman01.htm>

Trường hợp này của ông Da-tô Ngô Đình Diệm được Mỹ đưa về ngồi vào ghế thủ tướng ở Sài Gòn và tổng thống trong những năm 1954-1963 giống y hệt như trường hợp Lê Chiêu Thống được nhà Thanh đưa về Việt Nam cho ngồi vào ngôi vua ở Thăng Long vào cuối năm Mậu Thân 1788. Có một điều hơi khác là vào thập niên 1950, người Mỹ tương đối khôn khéo và tế nhị hơn Tôn Sĩ Nghị:

Tôn Sĩ Nghị đòi hỏi Lê Chiêu Thông hàng ngày phải thân hành đến phủ Tôn Sĩ Nghị để châu chực việc quân quốc. Người Mỹ khôn ngoan hơn, họ để cho anh em ông Diệm và các tu sĩ Da-tô được nắm trọn quyền quản lý nhân dân miền Nam miễn là đừng quá trớn khiến cho họ mang tiếng là thủ phạm tạo nên một thứ Spanish Inquisitor ở miền Nam Việt Nam vào giữa thế kỷ 20. Còn họ, họ lo việc biến miền Nam thành tiền đồn chống Cộng ở Đông Nam Á Châu và biến đạo quân đánh thuê người Việt do người Pháp để lại thành một đạo quân hùng mạnh nhất trong vùng này để đánh thuê cho họ trong việc đối phó với phong trào Cộng Sản đang dâng tràn từ phương Bắc.

Thế nhưng anh em ông Diệm và các ông tu sĩ Da-tô không nhớ lời quan thầy Mỹ đã dặn rằng “đừng quá trớn”. Vì thế họ mới hăng say theo đuổi **chính sách Ki-tô hóa miền Nam bằng bạo lực**, tàn sát hơn 300 ngàn người dân không chịu theo đạo Da-tô ở những vùng hẻo lánh xa Sài Gòn, và công khai bách hại Phật giáo ở ngay cố đô Huế, ở ngay Sài Gòn và ở nhiều nơi khác trên toàn lãnh thổ. Vì thế chính phủ Mỹ mới ra lệnh cho ông Đại Sứ Frederick Nolting đến Dinh Gia Long ra chỉ thị cho ông Tổng Thống Da-tô Ngô Đình Diệm phải ngưng tức khắc chính sách bách hại Phật Giáo và không được tiến hành kế hoạch Ki-tô hóa nhân dân miền Nam bằng bạo lực nữa. Do đó mới có chuyện ông Diệm nói với ông Đại Sứ Hoa Kỳ Frederick Nolting rằng: *“Chúng tôi không muốn thành một xứ bảo hộ của Hoa Kỳ.”*

Sự thật rõ ràng là như vậy, mà cả ông Da-tô Tú Gàn, tức Lữ Giang, tức cựu thẩm phán Nguyễn Cần lại không nhìn ra. Phải chăng vì thiếu thông minh hay vì không học quốc sử và không học lịch sử thế giới, cho nên ông ta mới không nhìn ra vấn đề này? Dù là ở vào trường hợp nào đi nữa, trong thực tế, ông Tú Gàn cũng ở vào tình trạng chậm hiểu về cái thân phận của ông Da-tô Ngô Đình Diệm, và chính ông Da-tô Ngô Đình Diệm cũng thiếu thông minh, cho nên mới không nhìn ra cái thân phận của ông trong những năm 1954-1963 không khác gì thân phận của Lê Chiêu Thống vào cuối năm Mậu Thân 1788. Hậu quả là anh em ông đã phải đền tội trước nhân dân Sài Gòn vào sáng ngày 2/11/1963.

Nếu năm 1889, người Pháp có thể đưa Thành Thái lên làm vua bù nhìn tại triều đình Huế để làm cảnh trang trí cho nền thống trị của họ ở Việt Nam, thì năm 1907 họ cũng có thể phế bỏ ông ta khi thấy rằng ông ta trở mòi nghe lời xúi giục của thằng Việt gian Ca-tô Ngô Đình Khả ngã theo Vatican chống lại người Pháp trong mưu đồ giành thế thượng phong trong bộ máy cai trị tại Việt Nam. Tương tự như vậy, nếu năm 1954, **người Mỹ đã có thể đưa thằng phản thần tam đại Việt gian Ngô Đình Diệm lên cầm quyền ở miền Nam để làm tay sai cho họ trong nhu cầu biến miền Nam thành tiền đồn chống Cộng ở Đông Nam Á, thì năm 1963, họ cũng có thể lôi ông xuống hay khử diệt ông khi họ thấy rằng ông đã tỏ ra khăng khăng chỉ biết phục vụ cho quyền lợi của Vatican mà bất cần đến uy tín và quyền lợi của họ, đúng như lời Giáo-sư Lý Chánh Trung ghi nhận:**

“ông đã tưởng mình có thể nhảy vào vòng tay người Mỹ trong một giai đoạn ngặt nghèo rồi thoát khỏi vòng tay đó khi tình hình sáng sủa hơn, ông đã tưởng có thể chấp nhận làm con cò trong một ván cờ rồi ngay trong ván cờ đó, có thể tự động đi một nước cờ riêng của ông.

*Khi ông nhìn thấy đó chỉ là ảo tưởng thì đã quá trễ: Ông đã chết vì ảo tưởng đó. Và cái chết bi thảm của ông cho thấy một sự thật hết sức tầm thường: **Không một con cò nào có thể tự động đi một nước cờ cho riêng nó, dầu con cò đó mang tên Ngô Đình Diệm**, và không một nước nhỏ nào có thể lợi dụng một nước lớn, nhất là nước đó mang tên Hoa Kỳ.”^{xi}*

Nguyễn Mạnh Quang

[Trích từ tác phẩm **Lịch sử và Hồ sơ Tội ác của Giáo hội Công giáo La Mã**, Phần 5, Mục VIII]

Cước chú:

i Nguyễn Xuân Thọ. *Bước Mở Đầu Của Sự Thiết Lập Hệ Thống Thuộc Địa Pháp Ở Việt Nam 1858-1897* (Santa Ana, CA: Tác giả xuất bản, 1998), trang 17, 86-87 và 361.

ii Stanley Karnow, *Vietnam: A History* (New York: Viking Press, 1983), p 217.

iii Joseph Buttinger, *Vietnam: A Dragon Embattled*, Vol. II (New York: Frederick A. Praeger, 1967) pp, 846-848.

iv Đỗ Mậu, *Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi* (Wesminster, California: Văn Nghệ, 1993), trang 87-91.

v Lê Hữu Dân, *Sự Thật - Đặc San Xuân Đình Sưu 1997* (Fremont, California, 1997), trang 23-24.

vi Hoàng Cơ Thụy, *Việt Sử Khảo Luận - Cuốn 5* (Paris: Nam Á, 2002), tr. 2621-22.

vii Đại Mạc. “*Bảo Đại Đòi Tư Và Đòi Công*”, Người Dân số 77 tháng 1/1997.

viii Lê Hữu Dân. Bđd., tr 27.

ix Tú Gàn. “*Ra Lệnh Đảo Chánh*” *Sàigòn Nhỏ*, Số 568, phát ngày 2/22/2007, phổ biến trên nhóm điện thư SAIGON_9 ngày 1/11/2007.

x Hoa Bằng, *Quang Trung Nguyễn Huệ Anh Hùng Dân Tộc 1788-1792* (Glendale, CA: Đại Nam, không đề năm xuất bản), tr.171.

xi Lý Chánh Trung, *Những Ngày Buồn Nôn* (Sàigòn: Đối Diện, 1971), tr. 137.

Hồng Y Francis Spellman và chiến tranh Việt Nam

Trần Thị Vĩnh Tường

SOLDIERS NEVER LOSE

Người dân Mỹ biết tại sao họ tham chiến ở Pearl Harbor năm 1941, ở Triều Tiên năm 1950. Nhưng hình như họ không hiểu tại sao xứ họ lún vào “vũng lầy” chiến tranh Việt Nam từ 1954 đến 1975. Từ chiến trường Việt Nam xa xôi, quan tài liên tiếp trở về. Khi nốt nhạc chiêu hồn còn đang lơ lửng, bên nấm mồ phủ hoa và lá cờ đầy kịch tính, gia đình tử sĩ giật mình “Sự thật ở đâu? Người anh hùng không toàn thân kia nằm xuống cho ai?” Tướng McArthur nói “Old soldiers never die; they just fade away/Người lính già không chết; họ chỉ nhạt dần đi”. Có lẽ phải thêm “Soldiers never lose, but are betrayed/ Người lính không bao giờ thua trận/họ chỉ bị phản bội”.

Cựu quân nhân Việt Mỹ giống nhau một điểm: ồn ào nhận thua trận mà quên rằng:

Chỉ cấp lãnh đạo mới thua trận!

Chỉ cấp lãnh đạo mới phản bội!

Nhưng cấp lãnh đạo chiến tranh Việt Nam là ai?

Lúc người dân Mỹ khám phá ra rằng khi chấp nhận chiến tranh thì phải chấp nhận hy sinh nhưng Hồng Y Spellman chỉ muốn người “hy sinh” cho ngài, họ bắt đầu biểu tình trước nhà thờ St. Patrick và tư dinh của ngài ở New York. Lần đầu tiên tên một hồng y được đặt tên cho cuộc chiến, “*Spellman’s War*.” Những bài viết cay đắng về ngài khá nhiều. Có một điều người dân Mỹ “cay đắng” về cuộc chiến Việt Nam: đang từ một dân tộc anh hùng kiểu “vì dân diệt bạo”, họ trở thành hiệu chiến hiệu sát, trong khi đó, Vatican được tiếng là rao giảng hoà bình. Ý kiến của một cựu chiến binh “*Hơn 58,000 lính Mỹ không biết rằng họ chết ở Việt Nam cho Giáo Hội Ki-tô. Không đi lính, thì đi tù 5 năm. Biết vậy, tôi không đăng lính năm 1968. Tôi sẽ đi biểu tình chống chiến tranh và ngồi tù trong danh dự để thách đố những lão khoét của chính phủ về tình hình VN.*”

Điều đau của quân nhân Mỹ-Việt, từ tướng cho đến quân trong cuộc chiến Việt Nam: đào ngũ thì bị tù, muốn đánh cũng không được, muốn thua cũng không xong, muốn thắng lại càng khó! Chết uống đời, sống bị phi nhổ! Khi siêu quyền lực muốn kéo dài chiến tranh để tiêu thụ vũ khí, thì xác người chỉ là con số, Việt Nam là nấm mồ, chôn ai không cần biết.

Trong 28 năm làm hồng y, hồng y Spellman trực tiếp can dự vào cuộc chiến Việt Nam suốt 13 năm - từ 1954 đến 1967. Tuy có tới hơn ba triệu người Việt-Mỹ chết “*Cho Ngài, Do Ngài và Vì Ngài*”, mặc dù tên tuổi của ngài hình như còn rất xa lạ với người mình, ngoại trừ một số du học sinh ở Úc, Mỹ... những năm 1960, bật TV lên là thấy ngài.

Nhưng hồng y Spellman là ai?



Truyền thông Hoa Kỳ ghi chép đầy đủ cuộc đời và sự nghiệp hồng y Spellman (1989-1967). Quan điểm của những tác giả độc lập này khá khách quan, khi chỉ muốn tìm ra “sự thật”, tìm ra “mục tiêu tối thượng” của sự việc. Họ không tìm cách bào chữa/tâng bốc/đập đổ nhân vật, mà chỉ phân tích mục tiêu cho cho ra lẽ. Tác giả Avro Manhattan còn cẩn thận viết “*Đề cập đến “giáo hội Ki-Tô” cuốn sách của tôi không nhằm đến những tín đồ thuần thành, không biết chút xíu gì về những âm mưu toan tính nói trên, chỉ nói đến giới lãnh đạo cao cấp ở Vatican và những tu sĩ Dòng Tên*”.

Bài viết này chỉ nhắc những chi tiết có liên quan xa gần tới chiến tranh Việt Nam, còn những sự việc khác như ngài là người đồng tính (homosexual), chiếm giải quán quân trong việc phát triển giáo hội qua việc xây

dựng trường học Công giáo trên toàn thế giới, thành công vượt bậc trong kinh doanh “Knights of Malta”, thiết lập Ratlines giúp đám Nazis Đức Quốc Xã chạy trốn, thành tích quây phá các xứ Trung Mỹ...không liên quan gì đến vận mệnh người Việt cả.

Có thể nói đường hoạn lộ của ngài thẳng băng như một cây thước kẻ.

1. VỀ TÔN GIÁO:

Năm 1911, chủng sinh Spellman/dòng Jesuits (tức dòng Tên), 22 tuổi tu học ở Rome được hân hạnh kết bạn rất thân với Hồng Y Eugenio Pacelli. Hồng y gọi yêu cậu là “Frank hay Franny”. Trong 7 năm, hồng y Pacelli đi khắp thế giới đều mang Frank theo, từ leo núi Alps đến bãi biển Hy Lạp. Tháng 7-1932, Frank được phong làm giám mục giáo phận Boston, thủ đô tiểu bang Massachusetts. Chính hồng y Pacelli, lúc đó là bộ trưởng ngoại giao, tấn phong cho Frank trong một buổi lễ trọng thể cử hành ở đền thờ Thánh Phêrô/St. Peter’s Basilica ở Vatican, Frank mặc áo lễ màu vàng chói mà hồng y Pacelli mặc năm xưa. Lần đầu tiên một giám mục Hoa Kỳ được hân hạnh này, giáo dân Boston nở nang mặt mũi.

Tháng 3-1939, hồng y Pacelli được bầu làm giáo hoàng Pius XII. Đúng tám tuần lễ sau, giáo hoàng Pius XII phong cho Spellman làm tổng giám mục New York, giáo phận giàu có nhất Hoa Kỳ. 20 năm sau, hồng y Spellman biến New York thành giáo phận giàu nhất thế giới. Cùng năm 1939, Spellman được phong chức *tổng tuyên úy quân đội*: cái vé tối danh dự đặt giám mục Spellman trên đỉnh *mạng lưới siêu quyền lực gồm siêu quí tộc/tài phiệt/chính trị/tinh báo/quân sự liên quốc gia có tên Sovereign Military Order of Malta, viết tắt SMOM, hội viên phải được giáo hoàng sắc phong*. Nội cái tên không thôi đã nói lên mục đích của SMOM.

Năm 1946, giáo hoàng Pius XII phong Spellman chức hồng y. Không cần mọc cánh, ngài trở thành “thiên thần” giữa Vatican và bộ ngoại giao Mỹ. Ở Mỹ, người ta linh đình chúc tụng ngài là American Pope/Giáo Hoàng Hoa Kỳ. Ở Vatican, người ta gọi ngài là Cardinal Moneybags/Hồng Y Túi Tiền. Ngôi thánh đường Patrick ngài ngự được gọi chệch đi là “*Come-on-wealth Avenue*/Đại lộ Của Cái Nhào Vô” (thay vì “*Commonwealth*”), trở thành thời thượng. Ngài làm lễ cưới cho Edward Kennedy ở đó.

2. QUYỀN LỰC:

Đóng góp tài chánh của hồng y Spellman cho Vatican, tình bạn với Giáo hoàng Pius XII, vị trí chót vót trên đỉnh SMOM, quyền lực Spellman hầu như vô tận không ai dám đụng. **Bạn của ngài** nằm trong danh sách 100 người quan trọng nhất thế kỷ 20. Ngài giới thiệu với giáo hoàng Pius XII hàng loạt các nhà cự phú, biến họ thành *quí tộc Hiệp sĩ Malta*, không ai dám đụng tới. Hốt tiền chỗ này bỏ chỗ kia khéo léo như một bà chủ hội, dưới bàn tay Spellman mọi việc trôi êm. Thay vì nộp tiền niên liễm của Knights of Malta- *Hiệp sĩ Malta* vào tổng hành dinh SMOM ở Rome, Spellman chuyển tiền đó vào tài khoản riêng của hồng y Nicola Canali (1939-1961) bộ trưởng bộ ngoại giao Vatican. Vài câu hỏi yếu ớt vang lên, ngài không bận tâm trả lời. Báo nào xa gần hơi “*tiêu cực*” về ngài, ngài cho lệnh các cửa hàng sang trọng khu Sak Fifth Avenue rút hết quảng cáo liền một khi. Thương xá *Sak Fifth*/New York chỉ là một tài sản khiêm nhường của ngài, cũng như tổng giám mục Ngô Đình Thục là chủ thương xá Tax/Saigon.

Hồng y Spellman giúp Vatican 1 triệu đô la tài trợ Công đồng Vatican II nhưng ngài không hơi sức nào bầu bạn với những kẻ nghèo khó. Tháng 3/1949, hai trăm phu đào huyệt nghĩa trang Calgary - rộng 500 mẫu mà ngài là chủ nhân - đòi tăng lương 20% từ 59.40 lên 71.40 \$USD (một tuần). Ngài không chấp nhận, ngày mím môi bắt các chủng sinh nhà thờ St. Patrick thay thế, đào huyệt chôn 1020 quan tài xếp lớp. Ngài đổ cho cái đám cùng khổ ấy là bọn... cộng sản. Mấy người vợ nghèo khổ của đám phu đào huyệt meo máo phân trần “Chồng tôi chỉ muốn tăng lương, không biết cộng sản là gì”.

3. VỀ CHÍNH TRỊ:

Hồng y Spellman điều khiển thế giới bằng điện thoại. Ngài cho hay trước sẽ không ai viết được tiểu sử ngài, vì sẽ không bao giờ có dấu vết chứng từ. Ngài là cố vấn của năm đời tổng thống Mỹ từ 1933 đến 1967, từ Roosevelt, Truman, Eisenhower, Kennedy đến Johnson. Ngài là bạn thân với tướng William Donovan - xếp song OSS, tiền thân CIA. Donovan chỉ định Allen Dulles nối ngôi CIA, nên hai anh em nhà Dulles, bộ trưởng ngoại giao và giám đốc CIA, cũng dưới tay ngài.



Cardinal Spellman hosting Presidential Candidates Kennedy and Nixon, Al Smith Dinner, 1960

Một trong những người bạn danh giá là đại gia Joseph Kennedy, thân phụ của thượng nghị sĩ trẻ tuổi John Kennedy/tiểu bang nhà, Mass. Năm 1935, tài sản ông Kennedy đã lên tới \$180 triệu đô la, khoảng 3 tỷ bây giờ. Sau thế chiến II, một trong những chiến lược của Vatican trong việc ngăn chặn cộng sản bằng cách ủng hộ các ứng viên phe Dân Chủ Ki-Tô giáo. Đang khi Vatican muốn có một tổng thống Ki-tô ở tòa Bạch Ốc, đúng lúc Joseph Kennedy muốn John Kennedy làm tổng thống. Giáo hoàng Pius XII gửi bác sĩ riêng Riccardo Galeazzi đến gặp Spellman và Joseph Kennedy để thương lượng. Có tiền mua chức tổng thống dễ như mua bắp rang.

Những yếu tố trên chín mùi cùng lúc, Spellman dựa vào Vatican dựng lên hai tổng thống Ki-tô dân chủ đầu tiên: John F. Kennedy ở Washington D.C cũng như Ngô Đình Diệm trước đó ở Saigon.

Tài liệu ngoại quốc không có những chi tiết như trong bài viết “*Có phải Hoa Thịnh Đốn Đã Đưa Ông Diệm Về Làm Tổng Thống Đệ Nhất Cộng Hoà VN*” của Linh mục An-Tôn Trần Văn Kiệm. LM là người duy nhất ở gần ông Ngô Đình Diệm trong hơn hai năm ông Diệm ở Mỹ, Theo Linh mục, có ba người được hồng y Spellman bảo trợ, **nhận làm con nuôi**: hai linh mục Trần Văn Kiệm-Nguyễn Đức Quý và ông Ngô Đình Diệm.

(Ghi chú: **ông Ngô Đình Diệm có tới ba vị “cha nuôi” oai quyền một cõi: thượng thư Nguyễn Hữu Bài, Hồng y Spellman và trùm CIA Allen Dulles**)

Năm 1951, đang ở New York, Linh mục Trần Văn Kiệm, được điện tín từ Âu châu ra đón tổng giám mục Ngô Đình Thục và em là Ngô Đình Diệm tại phi trường Idlewild (phi trường Kennedy bây giờ). Sau đó Hồng y Spellman gửi ông Diệm trú tại nhà dòng các linh mục Maryknoll, New Jersey. Tuy được Hồng y Spellman giàu có bảo trợ, ông Diệm không được Hồng y cho đồng xu nào. Suốt hai năm, chỉ một mình Linh mục Kiệm thăm viếng, bao biện việc di chuyển, kể cả thuê khách sạn cho ông tiếp khách vì biết ông rất thanh bạch. Cho đến tháng 6/1953, ngày ông từ giả Hoa Kỳ qua Pháp gặp hoàng đế Bảo Đại trước khi về VN nhận chức thủ tướng, Linh mục M Trần Văn Kiệm và năm người bạn còn chạy mua vội cho ông chiếc cà vạt màu xanh.

Tuy vậy, theo linh mục Trần Văn Kiệm, mãi đến giữa năm 1953, chính giới Mỹ chẳng biết gì về ông Ngô. LM TVKiệm viết:

- “*Có lần chính khách Mỹ phàn nàn với tôi: linh mục đề cao tư cách lãnh đạo của ông Ngô Đình Diệm, và cả Đức Cha Ngô Đình Thục cũng làm như thế, nhưng chúng tôi cần thêm chứng nhân, vì Đức Cha Thục là anh đề cao em thì có chi là lạ*”.

- “*Mãi tới gần một tháng sau khi trận Điện Biên phủ nổ lớn ngày 13 tháng 3 năm 1954 (thất thủ ngày 26 tháng 6) và có lẽ cũng vì nghe lời Đức Hồng y Francis Spellman kêu gọi, ngày mùng 7 tháng tư năm 1954 tổng thống Eisenhower mới lên tiếng cảnh giác, khi ông xướng lên chủ thuyết Domino: “Nếu Việt Nam sụp đổ trước sức tấn công Cộng sản quốc tế với Liên Xô và Trung hoa yểm trợ Hà nội, thì mấy nước ở Đông Nam Á sẽ khó mà đứng vững được*”.

HỒNG Y SPELLMAN DỰNG NÊN ĐỆ NHẤT CỘNG HÒA VIỆT NAM

Một chân ở điện Capitol, một chân ở Vatican, hồng y Spellman ảnh hưởng cả tổng thống Mỹ, sai khiến được trùm CIA, hoạch định chính sách cho bộ ngoại giao, nên ngài yên chí sẽ được bầu làm giáo hoàng ở Vatican khi bạn thân ngài là giáo hoàng Pius XII qua đời. Không ngờ, ngày 28-10-1958, người được bầu là Hồng Y Angelo Roncalli, tức Giáo hoàng John XXIII. Hồng y Spellman giận lắm, nhiech sau lưng ông: “Ông ta đâu xứng làm Giáo Hoàng, Ông đáng đi bán chuối/*He’s no Pope. He should be selling bananas*”.

Hồng y Spellman có vẻ như lập lại câu nói của Cesar “*Veni, Vidi, Vici*”. Những năm 1950, chính khách Mỹ nói về châu Á còn lóng cọng dở bản đồ, Spellman đã đi qua cả rồi. Năm 1948, ngài đỡ đầu cho linh mục Fulton Green qua Australia đọc diễn văn tại nhà thờ St. Mary’s ở Sydney. Spellman ghé Singapore và Bangkok, bay ngang Angkor Wat. Trên đường trở về Mỹ, trước khi bay qua Canton và Hongkong, ngài tiện chân ghé Saigon. Tổng giám mục Saigon người Pháp Jean Cassaigne có mời tổng giám mục Vĩnh-Long Ngô Đình Thục trong buổi tiếp đón ngày 25-5-1948: từ buổi “tiện chân” định mệnh này, số phận của dòng họ Ngô-Đinh đã an bài.

Giới học thuật Mỹ - tôn giáo, chính trị, truyền thông, giáo dục - đồng ý dứt khoát 100% về vai trò của Hồng Y Spellman trong việc dựng lên tổng thống Ngô Đình Diệm. Xin chỉ giới hạn vào bốn tác giả mà sách của họ đã được thử thách với thời gian. Trong số bốn người này, hai là linh mục Ki-tô giáo:

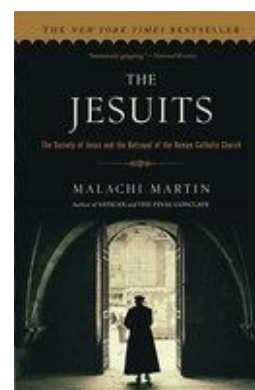
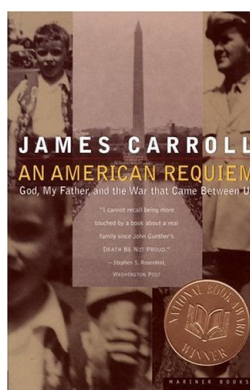
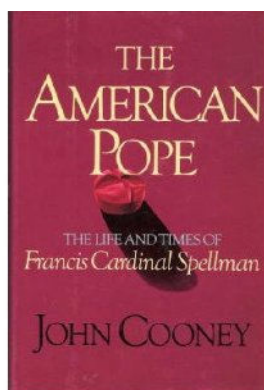
- Theo **Wilson D Miscamble**, giáo sư môn sử/đại học Notre Dame/Indiana, trong bài viết “*Francis Cardinal Spellman and Spellman’s War*”, lý do người Mỹ nhúng tay vào chiến tranh VN bắt nguồn từ Chiến Tranh Lạnh kéo dài từ châu Âu. Dưới **ảnh hưởng vô cùng to lớn của Spellman**, chính giới Mỹ đều tin tưởng rằng sự bành trướng của khối Cộng Sản Liên Xô và đồng minh của họ, Bắc VN, là mối đe dọa trực tiếp nước Mỹ.

- “*The American Pope: The Life and Times of Francis Cardinal Spellman*”, tác giả **John Cooney** (cây bút của Wall Street Journal) viết: “**Nếu không có Spellman ủng hộ Ngô Đình Diệm hồi 1950, chắc chắn không có chính phủ miền Nam Việt Nam.**” Cooney dành 18 trang riêng về Spellman và Việt Nam. Tờ Church & State phê bình “dẫn chứng kỹ càng, tất cả người Mỹ nên đọc và học hỏi”

- “*An American Requiem/Kinh Cầu Hồn Nước Mỹ*”, tự truyện, tác giả **James Carroll** có bố là trung tá tình báo Pentagon: chuyên viên tìm toạ độ để ném bom ở Việt Nam, mẹ lại là bạn thân của hồng y Spellman. Ông viết “**Chiến tranh VN bắt đầu từ Spellman**”, sách bán-chạy nhất 1960-70, đoạt National Book Award for Non-Fiction (1996), giải thưởng cao quý nhất của văn học Mỹ. Carroll dành nguyên chương 8, “*Holy War/Cuộc Chiến Thần Thánh*” cho chiến tranh Việt Nam.

- Theo linh mục **Martin Malachi**: Spellman dẫn thân vào Việt Nam là theo **ý muốn của Giáo Hoàng Pius XII: muốn người Mỹ đưa ông Ngô Đình Diệm lên** vì ảnh hưởng của tổng giám mục Ngô Đình Thục. (Ghi chú: Linh mục Malachi, giáo sư Giáo hoàng Học Viện Vatican (Pontifical Biblical Institute) từ 1958 đến 1964, cùng thời điểm chiến tranh Việt Nam. Ông là phụ tá, thư ký riêng, thông dịch viên cho hồng y Augustin Bea/dòng Jesuit và cho Giáo hoàng John XXIII. Ông ở cùng dinh với giáo hoàng John XXIII, được giao phó nhiều việc “nhập cảm”. Là linh mục dòng Jesuits/dòng Tên trong 25 năm, năm 1965 ông xin chấm dứt ơn kêu gọi, nghĩa là ra khỏi dòng Jesuits. Ông qua New York, sống lang thang làm bồi bàn, tài xế taxi, rửa chén. Hai năm sau ông bắt đầu kiếm ăn bằng viết sách. Cuốn nổi tiếng nhất: “*The Jesuits: The Society of Jesus and the Betrayal of the Roman Catholic Church/ Dòng Jesuit và Sự Phản Bội Của Giáo Hội La Mã*”).

(Cả ba cuốn The American Pope, An American Requiem, The Jesuits đều có trên amazon.com.)



Có thể tóm tắt: được các nhân vật tối cao của **lập pháp, tư pháp, tình báo, tài phiệt và tôn giáo Hoa Kỳ đã nâng đỡ con đường hoạn lộ của ông quan Á Châu Ngô Đình Diệm** giống như truyện cô tích Cô Bé Lọ Lem, ngoại trừ đoạn cuối.

1. 1951: tại New York, Hồng Y Spellman giới thiệu ông quan-tư lưu vong-Ngô Đình Diệm với chính giới Mỹ, gồm thượng nghị sĩ Michael Mansfield, thẩm phán tối cao pháp viện William O. Douglas, trùm CIA Allen Dulles, cha con Joseph Kennedy, tất cả là tin đồ công giáo.

2. 1954: CIA gửi Edward Landsdale qua Saigon hóa phép “trung cầu dân ý” trút phế Bảo Đại-ủng hộ thủ tướng NĐDiệm. Landsdale đề nghị tỷ lệ đắc cử là 70%, ông Diệm không đồng ý, đòi phải đạt được 92.2%, con số cao hơn cả số cử tri ghi danh.

3. 1955: Bộ Ngoại Giao gửi đoàn cố vấn dân sự qua Saigon (giáo sư Wesley Fishel/đại học Michigan cầm đầu) soạn cấu trúc cho an ninh, kinh tế, giáo dục, hành chánh, **soạn cả hiến pháp cho Việt Nam Cộng Hòa**. Cơ quan USAID/Sở Thông tin Hoa Kỳ phát không tờ *Thế Giới Tự Do*, lò sản xuất những khẩu hiệu như “tiền đồn chống cộng, lý tưởng tự do, người quốc gia...”. USAID cũng bao đàn trọn gói luôn tờ *The Times* bằng tiếng Anh của ông Ngô Đình Nhu.

4. 1955: chính phủ Eisenhower tài trợ 20 triệu đô la cho quỹ [Roman] *Catholic Relief Services*, “Cơ Quan Viện Trợ Công Giáo”. Hồng y Spellman cũng đích thân viếng Saigon và tặng \$100,000 cho quỹ này, giúp tái định cư người di cư (có tài liệu ghi \$10,000). Từ đó mỗi năm, Hoa Kỳ viện trợ khoảng 500 triệu đô la một năm cho Việt Nam Cộng Hòa.

5. Ngoài cố vấn Mỹ chính thức tại dinh Độc Lập, Spellman còn gài điệp viên kiểm soát hai anh em ông Diệm-Nhu.

6. Từ đầu năm 1963, Spellman bắt đầu tách rời khỏi Ngô Đình Diệm khi chính phủ Diệm từ chối không cho **thêm** quân nhân Hoa Kỳ vào Việt Nam.

7. Ngày 7-9-1963 tổng giám mục Ngô Đình Thục rời Việt Nam qua Roma, bước lưu vong đầu tiên, không được giáo hoàng Paul VI tiếp. Ngày 11-9-1963 Ngô Đình Thục bay qua New York cầu cứu, hồng y Spellman lánh mặt đi Miami Beach/Florida dự lễ gắn huy chương.

8. Ngày 1-11-1963: Spellman bật đèn xanh cho âm mưu dứt điểm con nuôi Ngô Đình Diệm. Từ đó, Spellman không hề nhắc đến tên Thục-Diệm thêm một lần nào nữa.

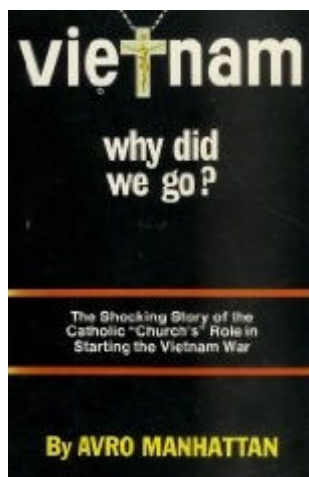
9. Spellman tiếp tục điều khiển guồng máy chiến tranh Việt Nam không-Diệm cho đến khi về hưởng nhàn thánh Chúa năm 1967.

Hồng Y hay đại tướng?

Đáng lẽ Hồng y Spellman phải theo nghiệp binh đao. Năm 1943, chỉ trong bốn tháng, ngài vượt 15,000 miles, đến 16 quốc gia vừa là đại diện của Vatican, vừa là tổng tuyên úy quân đội, vừa là đặc sứ của tổng thống Roosevelt. Ngài khéo léo luôn để Vatican đứng ngoài, và đứng trên chiến tranh. Ngài được West Point trao tặng huy chương. Ngài có bằng lái máy bay cả ở Italy lẫn Massachusetts.

Fidel Castro mô tả hồng y Spellman là “Giám mục của Ngũ Giác Đài, của CIA và FBI”. Tổng thống Mỹ còn sợ bị ám sát, Spellman thì không. Trong cuốn *Vietnam... Why Did We Go?/Vì Sao Chúng Ta Đã Đi Việt*

Nam” tác giả Avro Manhattan chứng minh “siêu quyền lực” giết tổng thống John Kennedy chính là Hồng y Spellman. Bản dịch tiếng Việt, có trên internet, dịch giả Trần Thanh Lưu.



Hậu thuẫn lớn của hồng y Spellman cho chính quyền Lyndon Johnson không phải ở châu Mỹ La Tinh, mà ở Việt Nam. Dù ở tuổi nào ngài cũng thích làm “anh là lính đa tình”. Ngài thường xuyên gặp gỡ các ông tướng ở tòa Bạch Ốc, có mặt tại những phiên họp mật của tình báo. Ngài họp với Ngũ Giác Đài, bàn cãi chiến thuật/chiến lược với hàng tướng lãnh. Phiên họp cuối ngài tham dự, tháng 3/1965, tại Carlisle một trường huấn luyện quân sự ở Pennsylvania. Ngài cho tiền các giáo hội địa phương, nguồn cung cấp tin tức vô tận. Khi cần ngài hỗ trợ cho CIA và FBI khiến hai cơ quan này khép nép dưới chân ngài. Họ không sao có được mạng lưới rộng lớn, miễn phí và trung thành như giáo dân. Trong khi hồng y Spellman chỉ phán một câu, các giáo hội địa phương xa xôi nghèo nàn mừng mừng tủi tủi, vút cả tổ tiên ứng hầu thánh ý.

Linh mục William F. Powers viết “*Hình như Hồng Y Spellman đến Việt Nam để ban phép lành cho những khẩu đại bác, trong khi giáo hoàng John 23 đang năn nỉ phải cất chúng đi. Ngài sang thăm lính Mỹ ở Việt Nam trong binh phục kaki vàng. Có lần, vừa trở về từ mặt trận VN, “áo anh mùi thuốc súng” ngài lập tức bay đến Washington dùng cơm trưa với tổng thống Johnson, có cả mục sư Billy Graham (được coi như Giáo hoàng Tin Lành ở Mỹ). Tổng thống hỏi ý cả hai ngài bước kế tiếp phải làm gì. Trong khi mục sư Graham còn đang lúng túng giữ yên lặng, HY Spellman không ngần ngại, nói liền một câu lạnh căng “**Thả bom chúng! Chỉ việc thả bom chúng!**” Và Johnson đã làm theo lời cổ vắn của ngài. [Thus, when Johnson asked both Spellman and Billy Graham at a luncheon what he should do next in Vietnam, Graham was uncomfortably silent. “Bomb them!” Spellman unhesitatingly ordered. “Just bomb them!”] And Johnson did]. Chúng là ai? Là người Việt. Chưa được đọc bài nào của tác giả Việt về câu nói kinh hãi này. Chỉ mới thấy tác giả Nguyễn Tiến Hưng giận dữ về câu “Sao chúng nó không chết phứt đi cho rồi” của ông Henry Kissinger.*

Billy Graham (1918-) đâu phải tay mơ. Ông được coi như “giáo hoàng Tin Lành,” cố vấn các tổng thống Mỹ từ đời Eisenhower đến G. Bush. Ông rất oai, quở trách tổng thống Richard Nixon như con cái trong nhà. Có lẽ thấy Spellman ngon lành quá, Graham bắt chước y chang khiến ông cũng rất nổi tiếng trong quân sự Hoa kỳ với lá thư 13 trang: Năm 1969 Graham đến Bangkok gặp gỡ vài “nhà truyền giáo” từ VN qua. Các đại diện Chúa sau khi làm dấu thánh giá, đề nghị nếu hội nghị hoà bình Paris thất bại, Nixon nên dội bom các đề điều ở Bắc Việt. Không rõ các nhà truyền giáo này kiêm điệp viên hay điệp viên kiêm nhà truyền giáo, họ là người Việt hay người ngoại quốc, thuộc dòng nào, từ đâu qua Bangkok gặp Graham... rất tiếc bản tin không nói rõ. Trở về Mỹ, Billy hăng hái gửi 13 trang viết tay đề ngày 15-4-1969 cho tổng thống Nixon “*dội bom các đề Bắc Việt Nam, chỉ trong một đêm thì kinh tế ở đó tiêu điều liền hà*”. Bức thư này được bạch hóa tháng 4/1989.

Tạ ơn Chúa, Alleluia!! “Đội bom đê điều” giết cả triệu dân là tội ác chiến tranh! Người Mỹ phải hành quân đáng mặt nước lớn. Họ không quên án lệ Arthur Seyss-Inquart, luật sư người Đức, sĩ quan Phát xít của Hitler. Ngày 16-10-1946, toà án quốc tế xử treo cổ ông này và 10 người khác vì phá hủy đê ở Hoà Lan trong thế chiến II. Trước khi chết, Seyss-Inquart còn nói kiêu sân khấu: “Hy vọng cuộc hành hình này là thảm kịch cuối cùng của thế chiến II mà bài học sẽ là hoà bình và hiểu biết giữa con người.” Từ tội xin “trở lại đạo”, được xưng tội và chịu đủ các phép bí tích. Kể cũng hay, giết người xong xưng tội là linh mục tha tội ngay, Chúa có tha không tính sau. Có hơi thắc mắc không biết ông có tái sinh làm Ki-tô hữu chưa.

Wilson D. Miscamble kết luận về “sự nghiệp” của hồng y Spellman như sau:

Lòng ái quốc mù quáng đã ngăn cản ông tự hỏi một điều rất quan trọng “mục đích của chiến tranh là gì?” Ông cũng không thêm biết đến “phương tiện và hậu quả”.

Ông không hề biết rằng những báo cáo của chính phủ về Việt Nam là lừa gạt.

Ông không bao giờ biết đến nhân mạng và tiền bạc trả cho cuộc chiến tính đến 1967.

Ông cũng không bao giờ phản đối cách nước Mỹ tiến hành cuộc chiến. Ngược lại ông là người cổ vũ việc ném bom Bắc Việt Nam.

Cuối cùng, ông không bao giờ tỏ ý hối tiếc về vai trò của ông. Sự thiệt hại nhân mạng do việc dội bom cũng không hề dấy lên trong ông bất cứ một tình cảm nào. Đó là điều đáng trách nhất, vì ông là một đảng chủ chân.

Theo nhà tranh đấu Lê Thị Công Nhân:

“Sự kiện 30-4-75 thì tôi không phải là chứng nhân của sự kiện đó vì tôi sinh ra vào năm 1979 nhưng với những gì mà tôi trực tiếp trải qua, và tôi chịu đựng trên đất nước Việt Nam, tôi thấy đây là 1 sự kiện hết sức đặc biệt và cá nhân tôi nghĩ rằng đây là sự an bài nghiệt ngã của Đức Chúa Trời dành cho dân tộc Việt Nam”.

Cứ dâng vạn nỗi đau thương lên cho Chúa, người cũng sẽ im lặng như ngàn năm nay, như khi dân Do Thái của Chúa bị tận diệt. Đổ cho Chúa, Việt Cộng mừng vì “Chúa an bài như thế, khỏi tranh đấu nữa”. Hồng y Spellman mừng, Cộng sản quốc tế mừng, tư bản mừng! Cứ làm đi rồi đổ hô cho Chúa. Nhưng một khi bom đạn và tổn thất sinh mạng cân đong đo đếm được thì nguyên nhân/thủ phạm cần phải được xem xét kỹ lưỡng. Dù không làm kẻ chết sống lại, người mù sáng mắt, nhưng ít ra học được vô số bài học. Nếu không, chắc chắn quá khứ sẽ lặp lại thêm lần nữa.

Có khi đang lặng lẽ xảy ra cũng nên!

Trần Thị Vĩnh Tường

[Nguồn: tạp chí *Sài Gòn Nhỏ*, số 1265, ngày 22 tháng 10 năm 2010, Ấn bản Orange County, trang A1]

**** 0 ****

Trường hợp Ngô Đình Diệm – Cách Mỹ chọn Đồng minh tại Châu Á

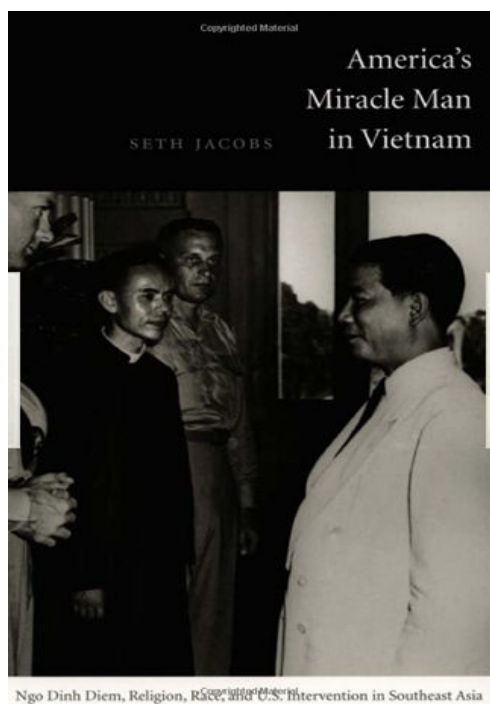
Lý Nguyên Diệu

Cuộc chiến Việt Nam từ 1954 đến 1975 đã chia các tác giả Mỹ viết sách chính trị ra làm hai phe: Chống đối và Ủng hộ, mà họ mệnh danh là phái “chính thống” (*orthodox*) và phái “xét lại” (*revisionist*). Một cách tổng quát, phái Chính thống gồm những tác giả như **N. Chomsky, D. Halberstam, F. Fitzgerald, W. Fishel** với quan điểm nước Mỹ đã sai lầm khi can thiệp vào Việt Nam là một “đồng minh” bất lực. Phái Xét lại gồm những tác giả như **E. Hammer, N. Podhoretz, M. Moyar** thì chủ trương ngược lại. Điều đáng chú ý là những tác giả thuộc Chính thống lại gồm rất nhiều người trong quá khứ đã từng ủng hộ ông Ngô Đình Diệm như **J. Buttinger, M. Mansfield, D. Anderson** và ngay cả Hồng Y **Spellman** nhưng sau đó thì hoàn toàn thất vọng, thậm chí còn chống đối lại ông Diệm và chế độ của ông ta.

Cho một độc giả người Việt, những tác giả thuộc phái Xét lại thường phạm những lỗi lầm căn bản về văn hoá Việt Nam làm cho không còn muốn đọc tiếp. Lấy thí dụ của hai trường hợp tiêu biểu:

Thứ nhất là **Francis X. Winters**, giáo sư Đại học Georgetown, tác giả cuốn “*The Year of the Hare: America in Vietnam*”, University of Georgia Press xuất bản năm 1988. (Được hai ông cựu Bộ trưởng chế độ Diệm là Lâm Lễ Trinh và Tôn Thất Thiện, dĩ nhiên, hết lời ca ngợi). Sách này có những sai lầm như: Hồ Chí Minh sinh ở bên bờ sông Hương ở Huế, Thích Trí Quang là một luật sư thành công, đường mòn Hồ Chí Minh bắt đầu năm 1962. Ông Winters đã phải thú nhận những lỗi lầm sơ đẳng này khi bị một độc giả nêu ra trên tập san hữu khuynh *National Review* năm 1989. Điều đáng buồn là ngay cả cái tựa sách (“*The Year of the Hare*” -để chỉ năm Quý Mão, 1963) đã cho thấy tác giả không phân biệt được văn hoá Việt và Tàu.

Thứ hai là **Mark Moyar**, giáo sư Đại học Thủy quân Lục chiến Mỹ, tác giả cuốn “*Triumph Forsaken: The Vietnam War 1954-1965*”, Cambridge University Press xuất bản năm 2006. (Cũng lại được ông Lâm Lễ Trinh khen ngợi hết lời). Cuốn sách này cũng chú trọng đến thời kỳ cai trị của Tổng thống Ngô Đình Diệm nhưng phân tích của tác giả thì quá sức nông cạn. Khi nói về ông Ngô Đình Nhu, tác giả khen là “*một vị lãnh đạo tài giỏi, đã làm cho ông trở thành một trong những nhà tổ chức chính trị hữu hiệu nhất của Nam Việt-Nam.*”(trang 35) Người Việt Nam, kể cả trùm mật vụ Trần Kim Tuyền (trong sách “*Những Huyền Thoại và Sự thật về Chế độ NDD*” của Vĩnh Phúc) cũng phải chê đảng Cần Lao, tổ chức Thanh Niên Cộng Hoà (TNCH) mà ông Nhu làm Thủ lãnh. Nói về “hữu hiệu” thì ai cũng biết trong ngày đảo chánh 1/11/63, cả cái tổ chức TNCH ấy chỉ có một ông Cao Xuân Vỹ làm việc, còn Phong trào Cách mạng Quốc gia và nhất là đảng Cần Lao trước đó hét ra lửa thì nay hoàn toàn lặn đi đâu mất. Ba lực lượng chính trị do ông Ngô Đình



Nhu “*tổ chức*” đó, khi chế độ lâm nguy và lãnh tụ bôn tẩu, thì tan như bọt xà phòng ! Còn cuộc đảo chánh giả *Bravo II* (giả đề cho ông Nhu thay thế ông Diệm làm tổng thống) do chính ông Nhu tổ chức bằng cách dựa vào tướng Tôn Thất Đính thì tướng này đã bị Đại tá Đỗ Mậu “*tranh thủ*” rồi. Ngoài ra, cuốn sách dày 512 trang của Moyar phân tích chế độ Diệm mà chỉ nhắc tên ông Ngô Đình Thục 2 lần trong ... 2 dòng, trong khi nhà văn hoài Ngô của năm 2010 là Nguyễn Văn Lục cũng phải công nhận rằng hai người có trách nhiệm nặng nhất làm cho nhà Ngô sụp đổ là ông Giám mục Thục và bà Ngô Đình Nhu.

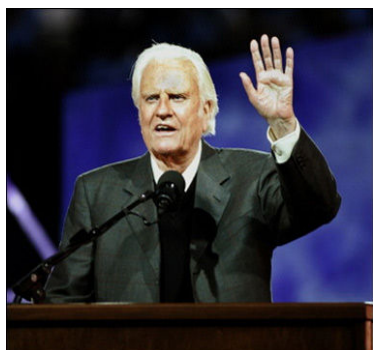
Với những tác giả như vậy trong phái Xét lại, tác phẩm của giáo sư **Seth Jacobs** đã xuất hiện như một hải đăng chứng chạc chiếu sáng vào vùng sương mù của một cuộc tranh chấp đến nay vẫn còn nhiều tranh cãi.

Tác phẩm “*America's Miracle Man in Vietnam – Ngo Dinh Diem, Religion, Race, and U.S. Intervention in Southeast Asia*” của tác giả Seth Jacobs, giáo sư Sử học tại Boston College, nguyên là một luận án tiến sĩ viết năm 1997. Sau đó, ông đã thu thập thêm tài liệu

mới giải mật và cập nhật hoá rồi xuất bản cuốn sách này năm 2004 và tái bản năm 2006 (Duke University Press). Chủ đề của luận án này là lý do vì sao người Mỹ can thiệp vào Việt Nam và về sau đã trở thành một lỗi lầm tàn khốc cho “đồng minh” Việt Nam và cho chính cả nước Mỹ mà một nửa thế kỷ sau vẫn còn nhiều di chứng. Đó là một cái nhìn can đảm vì tác giả đã đề cập đến hai chủ đề “*không nên bàn cãi*”: Tôn giáo và chủng tộc. Một cách tổng quát, luận án của Seth Jacobs gồm hai phần chính. Bốn chương đầu chứng minh chính sách ngoại giao của Mỹ sau Đệ Nhị Thế chiến bị ảnh hưởng bởi ba yếu tố: Tôn giáo, Chủng tộc và Chủ thuyết Cộng sản. Hai chương cuối phân tích tiến trình quyết định của chính quyền Mỹ đã dựa trên ba yếu tố đó để chọn ông Ngô Đình Diệm về Sài Gòn lãnh đạo một “*tiền đồn chống Cộng cho thế giới tự do*” của Mỹ.

Phần đầu của sách phân tích 3 yếu tố chỉ đạo của chính sách đối ngoại Mỹ sau thế chiến thứ Hai có thể tóm lược như sau:

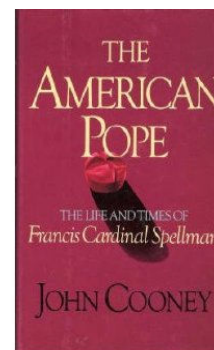
■ **Về Tôn Giáo**, luân lý nước Mỹ được diu dặt bởi những khuôn mặt đáng nể như Mục sư Billy Graham (Tin Lành), Hồng y Francis Spellman (Công giáo). Mục sư Graham là bạn của 11 đời Tổng thống Mỹ, từ Eisenhower đến Obama, và sở hữu một đế quốc truyền đạo (evangelical empire) khổng lồ. Đặc biệt Hồng y Spellman, theo đúng đường lối chống Cộng sản triệt để của Vatican, nắm chức Tổng Tuyên úy của quân đội Mỹ. Khi qua Việt Nam năm 1955, dù chỉ là một chức sắc tôn giáo, ông được Tổng thống Diệm tiếp đón như một quốc khách với đại tiệc tại Dinh Độc Lập. Năm 1952, Kinh thánh bán được 26.5 triệu cuốn trên toàn nước Mỹ. Hai siêu đại gia trong ngành truyền thông là DeWitt Wallace và Henry Luce, đều là con các nhà truyền giáo Tin lành, và siêu đại gia thứ ba là Randolph Hearst Jr. đã sử dụng tối đa các cơ quan truyền thông để truyền đạo Chúa dù tờ báo của họ là *Life*, *Time*, hay *Popular Science*, *Mademoiselle*, *Fortune*. Tác giả Jacobs cũng đã dành nguyên một chương (số Bốn) để nói về bác sĩ quân y Tom Dooley là một người Công giáo cuồng tín, kỳ thị chủng tộc đã gián tiếp đẩy nước Mỹ dính vào với Việt Nam qua cuộc di cư năm 1954 trong hình ảnh một đại thảm họa Cộng sản đang ập lên đầu những người Việt Nam (mà ông thường gọi là “dân Á Đông” (the Asians) yếu đuối, khờ dại, dốt nát.



Mục sư Billy Graham



Hồng Y Francis Spellman



■ **Về Chủng Tộc**, giữa thế kỷ 20, người dân Mỹ có một khái niệm rất mơ hồ về những quốc gia ngoài nước Mỹ. Nhất là các nước Phi châu và Á châu. Sự “mơ hồ” này đưa đến tình trạng *tổng quát hóa chủng tộc*, coi tất cả dân Phi châu là da đen (Black) và dân Á châu là da vàng mà người Mỹ gọi là “Asian”. Siêu đại gia Henry Luce đã khởi đầu tình trạng này bằng cách yểm trợ nhà văn James Michener xuất bản một loạt sách về Á châu để “dạy” người Mỹ những “sự thật” về một giống dân Á châu “*đơn giản, ngu dốt, vô chính trị*” chưa thể có khả năng để tiếp nhận và sử dụng những khái niệm của Tây phương như dân chủ, tự do, nhân quyền. Bên cạnh đó, Hollywood cũng sản xuất những phim như *The King and I*, *Sayonara*, *The Geisha Boy*, ... đưa ra hình ảnh những người Á Đông, chậm chạp, bán khai cần được “khai hoá”. Ngay cả cuốn “*The Quiet American*” nổi tiếng của Graham Green, được phe tiến bộ khen tặng nhưng khi nói về người tình Việt Nam của ký giả Fowler, tác giả cũng cho thấy một cô gái Việt Nam da vàng ngu ngơ và an phận.

■ Về **chủ thuyết Cộng sản** (đang được xây dựng ở Nga Sô và Trung Quốc) người Mỹ được giáo dục từ trong trường học ra đến cuộc sống thực tiễn rằng đây là hiểm họa lớn nhất của nước Mỹ về kinh tế (Tư bản chống Vô sản), về chính trị (Tự do, Dân chủ chống Độc tài, Độc đảng), về văn hoá (Tự do tư tưởng chống Kiểm duyệt tư tưởng), về tôn giáo (Hữu thần chống Vô thần), về quân sự (Bom A chống Bom A).

Phần thứ hai của cuốn sách đặt trọng tâm trên tiến trình chọn lựa đồng minh của Mỹ dựa theo ba tiêu chuẩn đã trình bày để hoàn tất chiến thuật “*ngăn chặn Cộng sản Nga Tàu*” (containment) của nhà ngoại giao George F. Kennan. Là đồng minh với Mỹ nghĩa là trước hết phải **chống Cộng**, thứ hai là phải **không có vấn đề chủng tộc**, thứ ba là theo một **tôn giáo mà người Mỹ cảm thấy thoải mái**.

Theo những tiêu chuẩn này, các nước Tây Âu da trắng theo đạo Thiên chúa và chống Cộng được coi như đồng minh hạng số một. Và Mỹ đã lập ra NATO (Tổ chức Minh Ước Bắc Đại Tây Dương) năm 1949 để làm trái độn cho Mỹ chống Nga Sô ở ngay bên cạnh các nước Tây Âu. Cũng phải nói thêm trường hợp nước Ý sau Đệ Nhị Thế Chiến, tuy có một đảng Cộng sản rất mạnh (năm 1970 vẫn có 1/3 dân Ý bầu phiếu cho đảng này), nhưng vẫn được Mỹ nhận cho làm hội viên của NATO là vì sự có mặt của Vatican tại La-Mã có khả năng hoá giải ảnh hưởng của chủ thuyết vô thần này.

Xong phần NATO chống Nga Sô đến phần chống Tàu, nước Mỹ sửa soạn một “*vòng đai ngăn chặn*” gồm 9 nước từ Nhật qua Hàn quốc xuống Đài Loan, Phi Luật Tân, Việt Nam Cộng Hoà, Indonesia, Thái Lan, Miến Điện và Ấn Độ. Trong 9 nước này, Ấn Độ là cựu thuộc địa của Anh quốc nên nước Mỹ không dính vào. Thái Lan và Miến Điện có đạo Phật là quốc giáo và Indonesia có đại đa số dân theo Hồi giáo làm cho thành phần thân Do Thái trong chính quyền Mỹ không muốn liên hệ chặt chẽ.

Chỉ còn lại Đài Loan, Phi Luật Tân, Nam Hàn, Việt Nam Cộng Hoà và Nhật bản. Theo tác giả Seth Jacobs, đây là những nước có **lãnh tụ chính trị theo đạo Thiên Chúa**, trừ Nhật, đã được chính quyền Mỹ chọn làm “đồng minh” dựa theo ba tiêu chuẩn kể trên, trong những năm đầu tiên của cuộc Chiến tranh Lạnh.

1. ĐÀI LOAN: Từ khi thay thế Tôn Dật Tiên làm Tổng thống Trung Quốc và Chủ tịch Quốc Dân đảng năm 1928, Thống chế Tưởng Giới Thạch phải cầm đầu cuộc chiến chống quân xâm lăng Nhật và cuộc nội chiến chống Cộng sản của Mao Trạch Đông. Một năm sau, ở tuổi 42, khi muốn cưới Tổng Mỹ Linh, vốn là con gái một nhà truyền giáo, Tưởng Giới Thạch đã **ly dị vợ rồi đổi từ một Phật tử thành tín đồ đạo Tin lành** (tương tự như ông tướng Nguyễn Văn Thiệu bỏ đạo Phật theo đạo vợ). Và (cũng như ông Ngô Đình Diệm) họ Tưởng được báo Time năm 1931 đăng hình bìa nhiều lần và ca ngợi là “*nhân vật vĩ đại nhất của Viễn Đông*”. Ông được báo chí Tin Lành và Công giáo tranh nhau phỏng vấn (hệt như ông Diệm, họ ca ngợi Tưởng Giới Thạch là một người “*ngoan đạo và thánh thiện*”) đến nỗi nhiều nhà phân tích đã nghĩ là Tưởng Thống chế đang sử dụng tối đa chuyện đổi đạo của mình để lấy lòng dư luận Mỹ. Nhưng dù được sự ủng hộ triệt để về quân sự, kinh tế, chính trị và nhất là của giới truyền thông Mỹ, chế độ độc tài, tham nhũng quá độ của Tưởng Giới Thạch cũng đã đại bại trước Hồng quân của Mao Trạch Đông.



Năm 1949, Thống chế họ Tưởng xách tàn quân chạy qua ty nạn ở đảo Đài Loan, mơ một ngày về giải phóng Bắc Kinh không bao giờ trở thành hiện thực. Dù vậy, Tưởng Thống chế vẫn được Thiên Chúa giáo Mỹ tiếp tục bênh vực. Dân biểu Walter Judd, một cựu giáo sĩ từng truyền giáo bên Trung Quốc, đã không ngưng ngừng bênh họ Tưởng: “*Chúng ta không đòi hỏi kẻ thù phải cải tổ, nhưng với đồng minh thì chúng ta bắt phải có dân chủ, phải tôn trọng nhân quyền – ngay tức khắc. Dân Mỹ đã chờ 175 năm mới có được một nền dân chủ nhưng Nam Hàn, Đài Loan, Nam Việt Nam thì phải có dân chủ ngay tức khắc ... Đối với dân Á đông, đây quả là một sự khó hiểu. Tưởng Giới Thạch, không phải là một kẻ ngoại đạo, đã man mà là một con chiên của Chúa.*” Nhận xét cuồng tín này cũng không khác gì câu của một ông Linh mục Việt Nam



Ramon Magsaysay

khác: “Ông Thiệu là một người tôi kính phục, một người có tinh thần quốc gia cao độ và cương quyết chống Cộng. Ông Thiệu là một người Công giáo đạo đức, chủ nhật nào cũng đi nhà thờ xem lễ, và trước khi đi ngủ hai ông bà cùng nhau đọc kinh.” (“Bên Giòng Lịch Sử”, Cao Văn Luận, trang 363)

2. PHI LUẬT TÂN: Ramon Magsaysay là một sĩ quan theo đạo Công giáo trong quân đội Phi Luật Tân. Ông đắc cử tổng thống năm 1953 với lập trường chống Cộng sản triệt để và đồng minh chặt chẽ với Mỹ. Tổng thống Magsaysay chết quá sớm trong một tai nạn máy bay năm 1957 nên khó có thể đi đến một kết luận rõ ràng về mối liên hệ giữa ông và Mỹ ngoài hai thành quả rất được người Mỹ ca tụng: Tiêu diệt lực lượng Phi Cộng *Hukbalahap* và giúp Mỹ thành lập *Tổ chức Minh ước Đông Nam Á* (SEATO) vào năm 1954 để bao vây Trung Cộng. Magsaysay là một trong những trường hợp hiêm hoi mà liên hệ đồng minh của Mỹ có thể được coi như là thành công.

Kết quả này đến từ sự kiện ông Magsaysay đã đạt được cao điểm trong cả ba yếu tố chọn lựa đồng minh của Mỹ. Chính trị và truyền thông Mỹ ủng hộ ông tối đa vì hai yếu tố Công giáo và chống Cộng. Bên cạnh đó, yếu tố chủng tộc cũng không là một trở ngại vì sau ba thế kỷ rưỡi liên tục bị đô hộ bởi ba đế quốc Thiên Chúa giáo là Tây Ban Nha, Anh và Mỹ, nước Phi Luật Tân đã thành **một quốc gia không còn căn cước văn hóa đặc thù của chính mình nữa: Quốc gia này mất tên:** “Philippines” lấy từ tên của dòng họ *Philip* của các vua Công giáo Tây Ban Nha. Và **mất ngôn ngữ** vì tuy tiếng nói chính thức là *Tagalog*, nhưng cả nước, nhất là giai cấp tư trung lưu trở lên chỉ dùng tiếng Anh (ngay cả trong những hồ sơ chính thức), hệ quả của một chương trình giáo dục sâu đậm và rộng rãi của các **trường Giòng Công giáo** trong thời kỳ đô hộ giống như người Pháp đã cố gắng áp dụng ở Việt Nam. Tuy Phi Luật Tân làm tròn bổn phận “tiền đồn chống Cộng” cho Mỹ, nhưng xã hội Phi vẫn nổi tiếng với nạn đói trầm trọng và tội ác xã hội dù hơn 80% dân Phi theo đạo Công giáo, người dân Phi vẫn nghèo đói dưới những chế độ độc tài, tham nhũng như Ferdinand Marcos.

3. NAM HÀN: Tổng thống Lý Thừa Vãn (Syngman Rhee) có khá nhiều điểm giống ông Ngô Đình Diệm. Ông xuất thân từ một gia đình quyền quý. Trước khi nắm chính quyền ông trải qua một thời gian ở Mỹ. Ông được chính quyền Mỹ ủng hộ vì đã đổi theo đạo Chúa (Tin Lành) và rất chống Cộng. Báo *Reader's Digest* tuyên dương ông là một “nhà lãnh đạo Gia tô vĩ đại”. Ông cũng được tướng Mỹ James Van Fleet, Tư lệnh Quân đoàn 8 của Mỹ ở Nam Hàn khen ngợi: “*Lý Tổng thống đã biến đổi một quốc gia lạc hướng và hỗn loạn thành một trong những tiền đồn chống Cộng hùng mạnh nhất thế giới*”. Tuần báo *Time* của đại gia Henry Luce so sánh ông với George Washington và, trong tinh thần “khai hoá” kiểu thực dân Tây, đã cho rằng dân trí Hàn Quốc chưa phát triển đến mức có thể có một nền dân chủ kiểu Jefferson của Mỹ. Năm 1945, Nhật bản bại trận, ông theo quân Mỹ về nước. Ba năm sau ông được bầu làm Tổng thống đầu tiên của Hàn Quốc như ông Diệm năm 1955. Trong thời kỳ nắm quyền, chế độ Lý Thừa Vãn cũng có một nét giống chế độ Diệm là **dùng lý do chống Cộng để đàn áp đối lập dù đó là những người đã từng cùng với ông kháng chiến** chống đế quốc Nhật như Kim Ku, Yo Woon Young.

Lý Tổng thống có ba điểm khác căn bản với ông Diệm là (1) ông đã đổi từ gốc đạo Phật qua đạo Tin Lành, (2) chẳng những không hợp tác mà còn tham gia kháng chiến vừa chống Nhật vừa chống chế độ quân chủ của dòng họ Yi và bị đi tù 6 năm, và (3) khi bị dân chúng, sinh viên phản đối chế độ độc tài tham nhũng, ông từ chức và bỏ nước ra đi sống đời lưu vong ở Hạ Uy Di. Là vị lãnh tụ một quốc gia đứng đầu sóng ngọn gió với Bắc Hàn và Trung Cộng, Lý Tổng thống dẫu được tài tham nhũng bao nhiêu vẫn được người Mỹ bênh vực đến giờ phút chót như Tổng thống Thiệu của Việt Nam. Nghĩa là ông đã được một máy bay của CIA Mỹ đưa ông ra khỏi nước một ngày cuối tháng 4 năm 1960 (trước ông Thiệu đúng 15 năm) khi lực lượng biểu tình chống đối sắp tràn lên toà Bích Ốc (Blue House) để bắt ông xử tội độc tài và tham nhũng (Thứ trưởng Tài chính của ông, Kim Yong Kap, tiết lộ Lý



Tổng Thống đã tham những 20 triệu Mỹ kim). Điểm đặc biệt của Nam Hàn là sau kinh nghiệm đổ vỡ với Lý Thừa Vãn, những chính phủ quân nhân tiếp theo đã chẳng những không làm cho đồng minh Mỹ “tháo chạy” mà ngược lại, trong chuyến công du ngày 11/11/2010 mới đây, TT Obama đã tuyên bố tại thủ đô Seoul rằng sau gần 60 năm hợp tác: “*nước Mỹ sẽ không bao giờ từ bỏ trách nhiệm bảo vệ an ninh cho Nam Hàn.*” (“the U.S. ‘will never waver’ in its commitment to South Korea’s security”)

4. NHẬT BẢN: Tháng 8 năm 1945, sau khi nước Nhật bại trận, tướng Douglas MacArthur dẫn quân đội Mỹ đặt bộ Tổng chỉ huy tại Đông Kinh. Một trong những điều đầu tiên ông tướng này làm là kêu gọi các nhà truyền giáo Tin lành và Công giáo hãy tích cực “*lấp đầy khoảng trống tâm linh*” của nước Nhật. Và ông đe dọa: “*nếu không lấp đầy nước này bằng Thiên chúa giáo thì nó sẽ bị Cộng sản lấp đầy.*” Ông nhấn mạnh: “*nước Nhật không thể trở thành dân chủ nếu không có đạo Thiên chúa.*” Ông Tướng này cũng nói thẳng rằng “*nhiệm vụ của ông với tư cách là một Chiến sĩ của Chúa ... là phục sinh lại tôn giáo cho nước Nhật.*” Hoàng tử Higashikuni, lãnh chức Thủ tướng đầu tiên của Nhật sau Đế Nhị Thế chiến, tuyên bố với một phái đoàn truyền giáo Mỹ rằng: “*Chúng tôi cần một chuẩn mực đạo đức mới như của Chúa Giê-Su. Đạo Phật hay Thần đạo (Shinto) không bao giờ có thể dạy chúng tôi tha thứ cho kẻ thù.*” Đọc câu tuyên bố này ta mới thấy



được ông Thủ tướng Nhật đã hiểu rất rõ tiêu chuẩn “tôn giáo” của nước Mỹ để hạ mình đến mức chê cả đạo Phật và Thần đạo của quốc gia mình. Nhất là sau 54 ngày làm Thủ tướng, ông đã quyết định về hưu và lập một Thiền đường tên *Higashikuni-kyo*, và bị Bộ chỉ huy quân đội Mỹ đóng cửa. Nhưng nước Mỹ đã thất bại trong cố gắng thay đổi tôn giáo nước Nhật vì mối liên hệ quá chặt chẽ giữa văn hoá và đạo Phật của xứ Võ sĩ đạo này. Có phải để làm vui lòng nước Mỹ với những loại tướng như MacArthur, mà nước Nhật đã chấp nhận cho nhập cảnh hai môn thể thao đã cầu (baseball) và đá bóng (American football) không?

5. VIỆT NAM CỘNG HÒA: Qua bốn đồng minh trên của Mỹ, ta có thể thấy ông Diệm từ Vatican bay đến Nữ Ước năm 1951 là “*đúng người, đúng chỗ và đúng lúc*” để được Mỹ chọn làm đồng minh trong cuộc chiến tranh lạnh chống Cộng sản. Ông là một con chiên Công giáo thuần thành có bảo đảm của Hồng y Spellman. Trong trường hợp ông Diệm, chỉ yếu tố tôn giáo đó mà thôi cũng đã đủ mạnh để thuyết phục người Mỹ về yếu tố chính trị (chống Cộng) và yếu tố chủng tộc (văn hoá Gia tô sẽ kéo dân tộc Việt đến năm ngoan ngoãn dưới cái dù vĩ đại của văn hoá Tây phương như các ông Cố Tây và các ông quan Tây Thực dân đã ráng thực hiện trong gần 100 năm trước đó). Và đây là một chìa khóa của sự sai lầm trong chính sách đối ngoại của Mỹ ở Việt Nam, ngay sau ngày thực dân Pháp bước chân ra và họ bước chân vào, khi họ nhầm lẫn về vai trò của một người lãnh tụ Công giáo cuồng tín trong một nước mà đa số người dân theo, hoặc chịu ảnh hưởng sâu đậm của Phật giáo.



Theo tác giả Seth Jacobs, chìa khóa này lại bị kẹt cứng thêm nữa vì yếu tố thời gian. Nước Mỹ của Eisenhower, McCarthy, Spellman đã bị thay thế bởi nước Mỹ của Kennedy, Martin Luther King Jr. Điều oái oăm là sự kiện ông Kennedy được đắc cử tổng thống, dù là người Công giáo trong một quốc gia đa số dân theo Tin Lành, đã đem đến hậu quả là yếu tố Công giáo của TT Diệm trở nên không còn quan trọng lắm cho nước Mỹ nữa. Khi cử tri Mỹ chọn ông Kennedy vào chức Tổng thống năm 1960, họ đã bầu với tâm trạng “*đạo nào cũng được*”. Ngược lại, trong khi yếu tố “*chống Cộng*” gia tăng tầm quan trọng khi Kennedy phải đối đầu với Krushchev qua vụ khủng hoảng đầu đạn nguyên tử ở Cuba sát nách nước Mỹ, thì ông Diệm và Nhu lại (vừa đàn áp Phật giáo vừa) đi gặp “*đồng chí*” Phạm Hùng và chung cảnh đào của ông Hồ Chí Minh

trong dinh Độc Lập thì “đồng minh phải tháo chạy đồng minh” để yểm trợ cho “đảng Kaki” chống Cộng lật đổ Diệm-Nhu là một hậu quả không làm ai ngạc nhiên cả.

Thời gian cũng là một nhân tố làm cho yếu tố chủng tộc thay đổi. Từ chiến thắng đế quốc Anh bằng thuyết “bất bạo động” của Gandhi cho đến hình ảnh tù binh thực dân Pháp sắp hàng sau cuộc đại bại ở Điện Biên Phủ đã đem đến cho người dân Mỹ những suy tư khác (bạo động hay bất bạo động) về các dân tộc ở ngoài nước Mỹ. Để thuyết phục người Mỹ về sự hiện hữu của những nền văn hoá ngoài Tây phương, người Mỹ của thập niên 1960 chỉ cần so sánh hình ảnh tàn bạo, dã man của cảnh sát Mỹ dẫn chó đi cắn những người da đen đi biểu tình ở ngay thủ đô Hoa Thịnh Đốn và hình ảnh tranh đấu bất bạo động của Hoà thượng Thích Quảng Đức trên truyền hình Mỹ.



Trong phần chót của chương kết luận, tác giả Seth Jacobs viết:

“Giữa những chính quyền nối tiếp nhau sau khi ông Diệm bị lật đổ, chỉ có một nhân vật được Mỹ ủng hộ đã cầm quyền được lâu dài như ông Diệm: Nguyễn Văn Thiệu. Khoảng năm 1970, các ký giả Mỹ ở Sài Gòn thường nói giễu là chiến lược của Mỹ “Nổi hay chìm với Ngô Đình Diệm” đã biến thành ra “Đi đến cùng với Nguyễn Văn Thiệu”. Tổng thống Thiệu tuy là một chính trị gia mềm mỏng và ít cuồng tín hơn ông Diệm nhưng vẫn là một người theo đạo Công giáo. Cái yếu tố (tôn giáo) đã làm cho Mỹ từng quyết định ủng hộ vị tổng thống đầu tiên của Việt Nam Cộng hoà vẫn vương vất, dù kín đáo, cho đến nền Cộng hòa của vị tổng thống cuối cùng của miền Nam.”

Nghĩa là vẫn một chế độ loại “Diệm không Diệm” thì người Mỹ mới ủng hộ theo “yếu tố tôn giáo” của họ. Thực trạng cay đắng này cần được đối chiếu với một hiện trạng mà Samuel Huntington đã tóm lược một cách thông suốt:

“Các quốc gia ngoài khối Tây phương có những trở ngại khác nhau khi muốn đến với Tây phương. Ít trở ngại nhất là những nước Nam Mỹ và Đông Âu. Nhiều trở ngại là những nước theo đạo Gia tô nguyên thủy thuộc Nga Sô (của thời kỳ Chiến tranh Lạnh). Nhiều trở ngại nhất là những xã hội Hồi, Khổng, Ấn và Phật giáo. Riêng Nhật Bản đã tự tạo cho mình một vị thế đặc biệt trong vai trò một thành viên liên hiệp không chính thức: Tuy trong hàng ngũ của Tây phương ở một vài khía cạnh nhưng Nhật Bản rõ ràng không phải là Tây phương trong nhiều địa hạt quan trọng.” (“The obstacles to non-Western countries joining the West vary considerably. They are least for Latin American and East European countries. They are greater for the Orthodox countries of the former Soviet Union. They are still greater for Muslim, Confucian, Hindu, and Buddhist societies. Japan has established a unique position for itself as an associate member of the West: it is in the West in some respects but clearly not the West in important dimensions.” – *The Clash of Civilizations*, Foreign Affairs, Summer 1993).

Đọc xong tác phẩm này của giáo sư Seth Jacobs, người Việt Nam sẽ nhận chân rõ rệt hơn nữa trạng thái chính trị của siêu cường Mỹ quốc thì câu hỏi đặt ra có phải là: Trong trật tự mới của thế giới, với những quốc gia Á châu như Trung Quốc, Ấn Độ, Hàn Quốc, Singapore đang sánh vai một cách tự cường, tự lập với các quốc

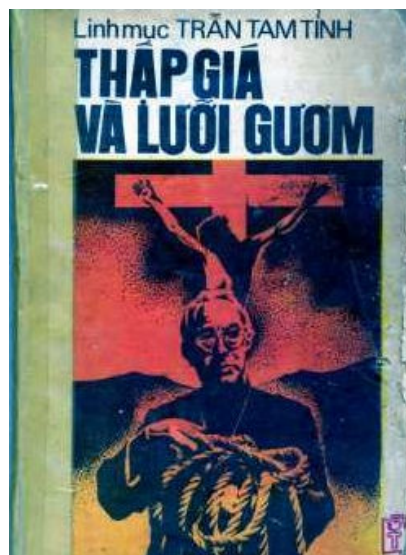
gia Tây phương, thì liệu Việt Nam sẽ chuyển mình vươn cánh thành một con rồng trong bầu trời độc lập của mình như Nhật Bản hay vẫn “*lê gót nơi quê người*” đi tìm một “đồng-minh-không-bao-giờ-tháo-chạy” theo những tiêu chuẩn hoang tưởng?

00 XX 00

Giáo hội trong cơn bão bùng

Linh mục Trần Tam Tĩnh

(Trích từ tác phẩm “*Thập giá và Lưỡi gươm*”, Chương III - Việt dịch từ “*Dieu et César*”)



1 – GIÁO HỘI CHIẾN THẮNG

«*Tại các vùng tôi đã đi thăm, người Cộng sản đã giành được một loạt thắng lợi về chính trị, hành chính, quân sự và – cũng phải nói thôi – tinh thần... Điều đã gây ấn tượng mạnh nhất trong tôi, hỡi ôi, lại là tinh thần hăng hái họ đã tạo được nơi các cán bộ không Cộng sản và sự ủng hộ mạnh mẽ họ giành được từ phía nông dân*» (Joseph Alsop, phóng viên chống cộng, viết ngày 31-8-1954).

Lêo Secơ (Leo Cherne) viết trong báo *Look* ngày 19-1-1955 rằng: «*Nếu tổ chức đầu phiếu hôm nay thì phần lớn người Việt (miền Nam) sẽ bỏ cho Cộng sản... Chúng ta biết làm được gì?* ».

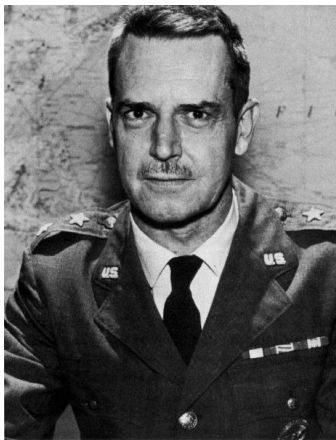
Các phóng viên người Mỹ kể trên có lẽ chưa đọc lời tuyên bố chính thức của các tu sĩ dòng Tên trong báo *Missi* mười lăm hôm sau hiệp định Gionevơ, vốn đã tiên liệu bằng giấy trắng mực đen cuộc đầu phiếu cho năm 1956, như sau:

«Sẽ không có đầu phiếu, đầu người của Nhà nước có suy nghĩ nói năng thế nào cũng mặc. Sẽ không bao giờ có đầu phiếu, bởi một lẽ là không thể làm việc đó, nếu chính quyền miền Nam có may mà thắng cử, thì liệu chính phủ Việt Minh có chịu giải tán quân đội, bộ máy hành chính, cảnh sát của họ để tuân theo sự phán quyết của dân chúng chăng? Thực ra, Việt Minh vẫn mong một thắng lợi trọn vẹn, càng hòa hoãn thì càng có tính quyết định hơn. Họ mong chiến thắng về tâm lý «giải phóng» bởi vì các bối cảnh chính trị và mối liên lụy miền Nam mắc phải, lại có lợi cho họ.

Nhưng các cuộc bầu cử có lợi cho Việt Minh không thể xảy ra, bởi vì Hoa Kỳ và các thành viên trong Đông Nam Á không thể chấp nhận một sự đảo ngược cán cân như thế. Càng không thể được, khi mà chính quyền Việt Nam đã nhất định quay sang phía Hoa Kỳ, được coi là thành trì các nước tự do» (Missi số 7.1954, tr.252).

Danlot (F. Dulles), Quốc vụ khanh Hoa Kỳ, đã chẳng nói trong một mật điệp gửi cho phụ tá của ông, ngày 7-7-54, đang tham dự thương nghị Gionevơ như sau: *«Chẳng còn hồ nghi về việc các cuộc bầu cử có thể thống nhất đất nước Việt Nam dưới quyền của Hồ Chí Minh»* (Pentagon Papers 46). Aixơnhao cũng đã chẳng cả quyết sau này rằng: *«Nếu bầu cử xảy ra theo như Hiệp định Gionevơ đã tiên liệu thì 80% dân chúng miền Nam sẽ bỏ phiếu cho Hồ Chí Minh»* đó sao?

Phải nhìn vào ánh sáng của chính sách rõ ràng đó, người ta mới hiểu được tại sao **Mỹ và các thành phần Công giáo** đã nỗ lực xô đẩy vào Nam những đoàn người Công giáo rồi đây trở thành những **toán quân xung kích chống Cộng** và có nhiệm vụ phá hoại bầu cử, để hoàn tất việc chia cắt đất nước ra làm hai, trái với Hiệp định Gionevơ và bảo vệ cho chế độ mỏng manh do Mỹ dựng lên.



Lansdale, Trùm CIA tại Việt Nam - Chiến dịch truat phé Bảo Đại để Diệm thắng cử 98% số phiếu

Toàn thể độc giả chắc còn nhớ các biến cố tại Sài Gòn những năm 1954 – 1956. Ngô Đình Diệm phải đánh dẹp các lực lượng phong kiến đã do quân Pháp dựng lên trong thời chiến: Quân Bình Xuyên, lúc đó kiểm soát ngành cảnh sát Sài Gòn Chợ Lớn, các đảng phái vũ trang như Cao Đài và Hòa Hảo và cái gọi là quân đội miền Nam, nhưng sĩ quan đều là tay sai của Pháp. Diệm đã thắng. Một đảng, nhờ Mỹ đã thành công hất cẳng Pháp, bắt họ rút hết quân thuộc địa về. Quân Pháp đi rồi, Ngô Đình Diệm truat phé Bảo Đại, rồi tự phong là tổng thống Cộng hòa miền Nam. Trong tất cả các cuộc khủng hoảng này, chú Sam luôn luôn có mặt đấy, *«Theo yêu cầu của ông Diệm, chúng tôi (trung tá Lansdale, trùm CIA) đến thăm ông ta hầu như mỗi*

chiều, trong thời gian đó căng thẳng gia tăng, và nhiều khi cuộc thăm viếng của chúng tôi kéo dài hàng giờ» (Pentagon Papers, tr.20).

Nhưng đảng khác, bên cạnh sự ủng hộ của Mỹ, Diệm cũng cần có lực lượng dân chúng để giúp Diệm cầm quyền. Nhân dân miền Nam tỏ thái độ hững hờ hoặc chống đối ông. Các đảng phái chính trị - tôn giáo hầu như không muốn hợp tác với ông. Quân đội thì còn ở dưới sự chỉ huy của các sĩ quan thân Pháp. Đảng Cần Lao do em của Diệm là Ngô Đình Nhu lập ra, tập hợp một nhóm chính trị gia Công giáo tư sản còn ở giai đoạn trứng nước. Diệm dựa vào khối Công giáo di cư, dễ sai bảo và cuồng nhiệt, sẵn sàng tuân lệnh các cha xứ kéo nhau xuống đường mít tinh ủng hộ. Cuộc xuống đường đầu tiên xảy ra ngày 21-9-1954. *«Trong không khí bị đầu độc của Sài Gòn, những người di cư khốn khổ ấy dầu sao cũng là một sự khích lệ cho Diệm, khi họ kéo nhau biểu tình hô to ủng hộ ông ta, với những khẩu hiệu được bôi vẽ vội vàng. Như thế ông không phải cô đơn một mình trong dinh Norôđôm, như một vài người muốn nói. Người di cư được tập hợp theo những mệnh lệnh hết sức đơn giản. Họ biết rằng người cha của họ, người họ cậy nhờ, người bảo hộ cho họ, đó là tổng thống Diệm... Người ta nói với họ rằng tổng thống sắp gặp rắc rối với các đối thủ, thế là họ kéo nhau tới, một cách hiền hòa, chẳng sùng ông gì, để nói lên sự gắn bó của họ».* Đó là mô tả tình hình theo báo *Missi*. Còn phải thêm luận điệu của *Paris-Match* để hiểu sự kết cuộc bi đát của nội vụ: *«Các đoàn xe cam nhông Bình Xuyên xuất hiện, điều động vào địa hình rất tài, dựng cản khắp đường phố. Rồi bỗng dừng một loạt súng máy bắn xả vào một toán, mà chỉ cần nhẹ hơn cũng đủ sức giải tán... Nhiều người chết và bị thương nằm la liệt giữa phố. Một nhóm nhỏ biểu tình tiến tới quảng trường Bá Đa Lộc và treo lên bờ rào của Nhà thờ chính tòa mấy câu khẩu hiệu. Các linh mục tới gỡ đi và khuyên đám biểu tình hãy giải tán.»*

Những màn tương tự cứ tiếp tục xảy ra tại Sài Gòn. Mỗi lần *«Quốc gia lâm nguy»*, hàng chục ngàn người Công giáo, từ các trại di cư quanh thủ đô sắp hàng theo sau các cha xứ bận áo chùng thâm, kéo tuôn về thủ đô để biểu tình nói lên ý chí cương quyết ủng hộ Diệm tới chết. Quả thế, số phận họ được coi như gắn liền với số phận của thủ tướng.

Nhờ viện trợ Mỹ, việc định cư hầu như được giao phó **hoàn toàn trong tay cái cha xứ**, các làng «kiểu Bắc kỳ» mọc lên tại Hồ Nai, Cái Sắn v.v... bao quanh nhà thờ, lúc đầu chỉ làm bằng vật liệu nhẹ, sau được xây gạch thường có tháp chuông. Đó là những ốc đảo khép kín, vừa không thể xâm nhập, vừa không thể đánh chiếm.

Nhờ sự ủng hộ vô điều kiện đó, sau cùng Diệm đã hất được Bảo Đại trong cuộc trưng cầu dân ý ngày 23-10-55, Diệm chiếm được 98% số phiếu. Nước Cộng hòa được công bố và đương nhiên Diệm trở thành tổng thống đầu tiên. Các mục tiêu của chính phủ ông đơn giản lắm. a) củng cố miền Nam; b) giải phóng miền Bắc khỏi ách Cộng sản.

Người ta đã viết nhiều về Ngô Đình Diệm như một «người hùng Đông Nam Á», là «Côngxtantanh châu Á», là «Klôvít mới trong lịch sử Giáo hội». Theo dư luận của những người đã từng cộng tác với ông, Diệm là một người liêm khiết, độc tài, phong nho, và «trung cổ». Cổ lỗ, ông càng tỏ ra cổ lỗ hơn, khi tự cho mình là *«Người Chúa chọn»* để cứu dân. Là người độc thân từng sống gần chục năm trong tu viện, chủng viện, tại Việt Nam cũng như tại Mỹ, ông gần gũi với thuyết thiên chủ [théocratie] hơn là dân chủ [démocratie]. Là cha của nước Cộng hòa, ông chỉ chấp nhận một đảng duy nhất là *Cần Lao*, được thành lập và khuynh loát bởi ông em Ngô Đình Nhu, làm nòng cốt cho cái ông gọi là *Phong trào Cách mạng Quốc gia*. Phong trào này được tổ chức theo cơ cấu của một chính thể quốc gia, có tất cả các bộ phận như bộ máy chính quyền từ trên xuống dưới, khiến bất cứ ai muốn được thành tỉnh trưởng, quận trưởng, xã trưởng, giáo sư hay công chức, đều phải là đảng viên Cần Lao. Hệ tư tưởng của Đảng và Phong trào là *«thuyết Nhân vị»*, chỉ có một trường đào tạo duy nhất là «Trung tâm đào tạo nhân vị», do người anh của tổng thống là Giám mục địa phận Vĩnh Long, Ngô Đình Thục sáng lập. Bất kỳ là Công giáo hay không, tất cả công chức đều phải qua một khóa học tập ít là một tháng tại đó. Các lớp học đều **do các linh mục đảm nhiệm**, nhờ

nhét những khái niệm về nhân bản, con người được Thiên Chúa sáng tạo, giảng về **những điều lầm lạc của Phật giáo, Khổng Giáo**, về các tội ác của Cộng sản... Cuộc «tẩy nã» này do chính các linh mục thực hiện, họ là những người chỉ biết triết học kinh viện tây Âu và «*đã tiếp thụ tại Rôma cái khái niệm về Phật giáo do các cố cựu thừa sai dạy cho*» (lời thú nhận của giám mục Thục).

Vị giám mục này, anh của tổng thống, niên trưởng của hàng Giáo phẩm, đã hóa thành trí não tuyệt vời của chế độ. Người ta tìm tới ông để xin xỏ ân huệ, đặc quyền. Giám mục làm như hiện thân của Giáo hội, cũng như ông em là hiện thân của Nhà nước. Thật không phải vô cớ mà thiên hạ hàn tán về «*óc hiếu thắng của Giáo hội*» và chủ nghĩa gia đình trị của nhà họ Ngô. Đáp lại các lời chỉ trích, giám mục Thục nói năm 1963 rằng «*Trên bàn giấy của tôi nằm chồng chất những lô đơn xin tôi can thiệp cho họ ơn này ơn nọ, khổ thay, thường chỉ là thẻ tục, từ chóp bu của Giáo hội, băng qua các đồng nghiệp của tôi trong hàng giám mục (...) và xuống cho tới những tầng lớp thấp nhất của quần chúng, bất phân màu da và tôn giáo (tôi có thể kể ra tên tuổi đáng kính như hồng y Feltin và đức cha Rô-đanh (Rodhain). Tôi không thể đứng trước những lời kêu xin của họ. Cho nên có sự ăn qua giữa cái thiêng liêng và cái phàm tục! Ở vào địa vị tôi, các ông sẽ xử sự thế nào?*» (ICI, 15.4.1963).

Từ 1955 đến 1963 là thời vàng son của chủ nghĩa cha chú, với những lợi ích thật chẳng bao nhiêu, nhưng với những hà lạm gây nhiều tiếng tăm hơn, nhất là trong khi **công chúng gồm 90% là ngoài công giáo mà bị kiểm hãm dưới một thứ «chính phủ công giáo»**. Khắp nơi, ở thành phố cũng như nông thôn, **chiếc áo chùng thâm là biểu tượng của quyền thế**.

Tại các vùng Công giáo di cư, cha xứ là toàn quyền, là những ông vua tuyệt đối. Giám mục Ngô Đình Thục cũng phải thừa nhận những chuyên hà lạm của các nhà độc tài áo đen. Trong một lá thư gửi cho một bạn cũ, ông viết: «*Người ta có cả trăm hồ sơ, tố cáo các linh mục ăn cắp tiền của di cư, bằng những danh sách ma, bằng cách tẩy xóa sổ sách, bằng cách thu xếp để chiếm đoạt tiền bạc của chương trình Cải cách ruộng đất, hoặc bán hàng viện trợ Mỹ (theo các lời tố cáo của chính bà con di cư) hay là giữ tiêu riêng các khoản tiền họ nhận để xây dựng nhà ở cho bà con di cư: Nhà nước (và cả Giáo quyền) dễ dãi cứ nhắm mắt làm ngơ cái vụ đó, bởi vì linh mục rất cần cho việc huy động dân chúng trong cuộc chống Cộng.*»

Tại thành thị, các linh mục chẳng có bằng cấp, chẳng tài giỏi gì, mà vẫn điều khiển các trường tư thục, được tổ chức những áp phe vơ vét tiền bạc. Hai linh mục đã được cử làm viện trưởng của hai trong ba đại học của toàn miền Nam, trong đó có đại học Đà Lạt. Đại học này chỉ là Công giáo nơi danh nghĩa thôi. Đất đai và cơ sở kiến trúc của nó đều do Nhà nước đài thọ. Để có nguồn thu nhập cho đại học, giám mục Thục đã giành được độc quyền các vùng đồn cây tại Định Quán, là điểm ngon nhất nước. Ông cũng xin được những thửa đất ruộng mênh mông dọc bờ biển, để trồng dương liễu và dừa; công viện này được tiến hành nhờ có tiền vay được hàng triệu đồng của chính phủ. Đã có đại học Công giáo thì phải có sinh viên. Song Đà Lạt là một thành phố nhỏ miền cao nguyên, ở xa các trung tâm đô thị lớn và nhất là nó chỉ là một thành phố biệt thự dành cho hạng giàu có. Muốn cho đại học Công giáo này hoạt động, chính phủ quyết định dời khoa Sư phạm Sài Gòn lên, đem theo toàn bộ sinh viên, anh chị em nào cũng có học bổng Nhà nước cấp.

Thế là nhờ có sự bảo trợ của giám mục Thục thuộc địa phận Vĩnh Long, sau này làm Tổng giám mục Huế, các **sinh viên Công giáo đã giành được những vị trí then chốt và lương bổng cao**. Tòa giám mục trở thành một loại phòng ngoài của dinh Tổng thống. Người ta thấy bộ trưởng, dân biểu, tỉnh trưởng, tướng tá (trong đó có nhiều người mới trở lại đạo) lũ lượt sắp hàng vào hầu đức cha. Tại các tỉnh, các linh mục cố vấn chính trị rất có ảnh hưởng cạnh tổng thống hoặc bên cạnh người em thứ ba của tổng thống – phó vương không danh nghĩa của miền Trung – các cha không ngần ngại tìm cách đưa con chiên mình vào thay thế các quận trưởng hay xã trưởng không công giáo.

Để thành lập những đơn vị bảo vệ dinh tổng thống Diệm chiêu mộ những người di cư tỉnh Thanh, Nghệ, Tĩnh, Bình vốn nổi tiếng là dũng cảm và chống Cộng. Ông nói chuyện đó với linh mục Cao Văn Luận, một người rất thân tín. *«Giả như tôi đem vào được ít chục ngàn chiến sĩ của Thanh Nghệ Tĩnh Bình và một chục cán bộ có khả năng cỡ cha Khai, thì mọi sự chắc chắn sẽ thành công.»* (Người ta biết rằng sau này linh mục Khai đã hối tiếc vì đã qua nhiệt tình phục vụ ông Diệm).

“Chính phủ công giáo” ngày càng trở nên lộ liễu khi ngành công binh, từng đoàn binh xa và vật tư của chính phủ được đưa ra sử dụng trong việc xây cất nhà thờ, chủng viện, các nhà thuê thuộc tòa giám mục; khi các cán bộ nông thôn và công chính được phái đi lo việc trồng dương liễu và dừa cho đức cha, khi các binh sĩ được biệt phái thường trực tại văn phòng Công giáo Tiến hành, khi các giám mục có chỗ danh dự đứng bên cạnh tổng thống trong các nghi lễ công cộng, hay là trong các cuộc duyệt binh, khi chính phủ phê nhận luật gia đình của bà Nhu, em dâu của Diệm, áp dụng – trong một nước mà 90% dân là không công giáo – các khoản luật gần giống như trong Giáo luật. Khi nói tới việc dựng các tượng Đức Mẹ do tay tổng thống, có giám mục nọ kia phụ vào, tại nhiều điểm ranh giới để «nhờ Đức Mẹ che chở đất nước khỏi nạn Cộng sản».

Quả thế, Đức Mẹ cũng được đưa vào môi trường của chủ nghĩa hiếu thắng huênh hoang, nhất là dịp Đại hội Thánh mẫu tháng 2 năm 1959, có hồng y Agagian, sứ thần của Đức Giáo hoàng qua chủ sự. *«Ba trăm ngàn giáo hữu đã đi theo cuộc rước khổng lồ trong ngày kết thúc, sau đó **hồng y đã long trọng dâng nước Việt Nam cho Đức Mẹ Vô Nhiễm***» theo tin tức báo chí thời ấy. Để cuộc rước đó thành công, ngoài sự tưởng tượng của Rôma và Pari, người ta đã huy động hàng ngàn lính công binh để xây dựng một bệ lớn trước nhà thờ chính tòa Sài Gòn, để dựng lên công chào, đồng thời đưa ra hàng trăm xe cãm không để vận chuyển hàng chục ngàn giáo dân từ các tỉnh về.

Đức Mẹ cũng được cung kính đặc biệt tại La Vang, quãng 30 km mạn nam vĩ tuyến 17. Vì những lý do chính trị, ngôi nhà nguyện nhỏ mất hút trong rừng núi, bỗng trở nên một nơi hành hương cho toàn thể người Công giáo Việt Nam, thậm chí **của toàn nhân dân Việt Nam!** Được mệnh danh là *«thành lũy thế giới tự do chống cộng sản»*, ngôi nhà nguyện khiêm tốn này vừa được nâng lên hàng Vương cung Thánh đường từ sau Đại hội Thánh Mẫu, đã tiếp nhận vào tháng 8-1961 một cuộc hành hương khổng lồ nhất trong lịch sử chế độ Diệm. Ngày 16-8, tổng thống đích thân phủ thác tương lai nước Việt Nam cho Đức Mẹ La Vang. Trước mặt 200.000 người hành hương, đầy đủ các giám chức của Giáo hội, các bộ trưởng và công chức cao cấp, phần lớn không phải là Công giáo, **tổng giám mục Ngô Đình Thục đã đọc lời kinh dâng nước Việt Nam cho Đức Mẹ**, sau cuộc rước kiệu khổng lồ.

Nhằm biến La Vang thành một thứ Lộ Đức Việt Nam, hàng giám mục đã tổ chức tại La Vang để lấy cho được cỡ 10 triệu đồng dành cho việc xây nhà thờ mới, các tượng Thánh Giá và cái hồ «làm phép lạ». Vé số được phân phối một cách đương nhiên cho các công chức, Công giáo hay không cũng mặc, bằng cách khấu trừ tiền lương của họ. Các học sinh nghèo, nhất là tại các trường học miền Nam, cũng phải mua vé số. Một số vé được đem giao cho các công chức và quân sự phân phối. Tại Sài Gòn, một bữa tiệc kiểu Mỹ đã được tổ chức trong đó có khách được mời phải đóng 2.500 đồng (ngang với một tháng lương của công nhân) gọi là để đóng góp cho Trung tâm quốc gia La Vang. Danh sách các ân nhân «tự nguyện» của La Vang rất dài, với những người đứng đầu số là Phó tổng thống người Phật giáo, các bộ trưởng, các tướng tá, mỗi người dân cũng từ 10.000 đến 20.000 đồng. Đối với Nhà nước cũng như giáo hội, La Vang không chỉ là một trung tâm tôn giáo, mà còn là biểu thị của chế độ chống cộng. Chẳng hạn khi bình luận cuộc hành hương năm 1961, tờ Viễn Đông, một tạp chí tuyên truyền của chế độ, đã viết: *«La Vang là nơi hòa nhập nên một, đối với người Công giáo, bản chất lòng yêu nước với đức tin giải ra trước con mắt của kẻ tin một việc lựa chọn hai chiều thật đúng với việc quan phòng của Chúa. Và sự chọn lựa này hiện rõ một lần nơi cái dự án kỳ diệu không tả nổi và nơi vị trí địa dư của La Vang. Nguyên đường năm ngay đường ranh giáp với chủ nghĩa cộng sản vô thần, từ nay nhà nguyện này nổi lên như một «con đê thiêng liêng của Nước nhà».*

Bên cạnh chủ nghĩa hiếu thắng bề ngoài đó, phải nói thêm một thứ hiếu thắng khác về «mục vụ» như là đặc điểm của Giáo hội thời kỳ này, đó là việc đưa dân ngoại vào đạo. Giám mục Angxen (Ancel) phụ tá địa phận Lyon, đã nhắc lại lời giám mục Thục: *«có những làng nguyên vẹn xin chịu phép rửa tội. Người ta không làm sao dạy giáo lý kịp cho họ...»* Và ông kết luận: *«Đây là nước duy nhất tại Viễn Đông (không kể Philippin) đang trên đà trở lại đạo cả nước»*. Những con số người lớn chịu rửa tội, nhất là tại địa phận Qui Nhơn xem ra phù hợp với cảm tưởng của vị giám mục Pháp: 16.323 năm 1956-1957, 27.385 năm 1958-1959, 37.429 năm 1960-1961. Năm 1959, tại Qui Nhơn, chỉ trong một tháng, 61.000 người xin chịu phép rửa tội. *“On Chúa hình như, dùng một phút, tuôn xuống như mưa trên địa phận của giám mục Phạm Ngọc Chi, giám mục phụ trách di cư những năm 1954-1956, ông đã nhận được từ cơ quan Viện trợ Công giáo Hoa kỳ 38 triệu đô la, của tổ chức viện trợ Pháp cũng như Caritas quốc tế còn nhiều triệu khác nữa.”*



Tổng Giám mục Ngô Đình Thục – Giám mục Phạm Ngọc Chi

Phong trào trở lại đạo hàng loạt như thế vừa là kỳ diệu vừa gây khó chịu, bởi vì dân chúng trong vùng do đã sống dưới quyền kiểm soát của Việt Minh trong thời chiến tranh Pháp – Việt. Giám mục Chi đã cho chúng tôi biết rằng phép lạ đó, một phần vì nhờ có việc tuyên truyền «thuyết nhân vị» của chính phủ, dọn đường cho quần chúng tại đây tìm gặp được đạo Công giáo và đảng khác nhờ các việc từ thiện Công giáo, các trường học, cô nhi viện, nhà thương, điểm phát quần áo, bánh mì và lương thực. Có người cho rằng việc theo đạo hàng loạt đó chỉ lặp lại theo ngạn ngôn đã có từ thời Pháp, *«đi đạo lấy gạo mà ăn»* thôi. Quả thế, viện trợ Công giáo từ ngoài vào đều do các linh mục tự tiện thao túng và thường chỉ dành để phân phát cho người Công giáo. Dân chúng miền Trung này, là vùng nghèo nhất miền Nam, chẳng qua đã tìm nơi việc theo đạo Công giáo một phương tiện kiếm ăn. Có những người cũng cho rằng họ vào đạo để khỏi bị sách nhiễu về chính trị. Quần chúng ở đây, vì đã từng sống lâu năm dưới chế độ Việt Minh, nên bị tình nghi có liên hệ với «kẻ địch», bây giờ vào đạo là gặp được con đường để tỏ lòng trung thành với chế độ hoặc ít ra tránh được những quấy nhiễu của cảnh sát. Đó là ơn Chúa hay chỉ là do động cơ khác của con người? Có thể nói là cả hai phía vậy. Điều chắc chắn là phong trào trở lại đạo đó chấm dứt với năm 1963, ngay khi tổng thống công giáo Diệm bị lật đổ.

Về phép lạ Qui Nhơn, nên đọc thêm những gì viết sau đây của báo *Missi* (1-1959): *«Các linh mục phải kêu xin tiếp cứu. Giám mục Fulton Shenn đã nghe những lời yêu cầu đó và người Công giáo Hoa Kỳ đã hợp tác với giám mục Chi. Hàng ngàn tràng chuỗi, sách kinh đã được gửi tới Qui Nhơn, cũng như những lô ảnh vẽ Đức Mẹ và tượng Chúa Kitô là những dấu hiệu đầu tiên của con người mới.*

Người ta nói đến lý do chính trị của cuộc trở lại. Điều đó chắc chắn là có và có một cách hết sức đặc biệt.”

Mùa hè 1955, Ngô Đình Diệm tung ra chiến dịch Tố Cộng và qua luật 10-1959, ông đã lập các Tòa án quân sự đặc biệt, như một bộ máy đàn áp. Luật này, kết án tử hình và phải thi hành trong vòng 3 ngày, khỏi có quyền bào chữa, tất cả những người Cộng sản, những người có quan hệ với Cộng sản (những chiến sĩ yêu nước chống Pháp, cả cha mẹ và bạn bè của họ), tất cả những bị cáo được xem là phạm đến an ninh quốc gia. Các cuộc càn quét đã bắt về ngàn «tên đỏ», từ nay gọi là Việt cộng và nhiều người trong số đó đã bị giết. Một số khác may mắn hơn, như ông Nguyễn Hữu Thọ, rồi đây sẽ là Chủ tịch Mặt trận Dân Tộc Giải Phóng, từng là luật sư ở Sài Gòn và là Chủ tịch Ủy ban Hòa bình Sài Gòn Chợ Lớn, phải sống lê lết trong các trại giam. Trong lãnh vực này, tài liệu bí mật của Lầu Năm Góc cũng giống như những gì do chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa phổ biến hồi đó: *«Suốt thời gian của cái gọi là chiến dịch Tố cộng được tung ra mùa hè năm 1955, từ 50.000 đến 100.000 ngàn người đã bị nhốt vào ngục. Nhưng như bản báo cáo có nói, phần lớn những kẻ bị bắt đây không phải là đảng viên Cộng sản»*. Đó là lời của Bottophiu (F. Butterfield) viết trong bản phân tích Tài Liệu Lầu năm góc. Tác giả còn thêm: *«Chương trình công dân vụ đã thất bại, bởi vì tổng thống Diệm hầu như chỉ phái toàn những người di cư miền Bắc hay là Công giáo đến các làng đó. Nông dân cho rằng những thứ người đó không phải là người của họ»* (Pentagon Papers, tr.82).

Mặc dầu thái độ thiên vị của Diệm không chỉ nằm lại nơi các bảng thống kê, cũng cần ghi nhận rằng, trong một miền Nam chỉ có 10% là Công giáo, mà tại Quốc hội có tới 30% dân biểu Công giáo, với 3 vị chủ tịch quốc hội liên tiếp là Công giáo: trong bộ máy hành chánh, có 9 trên 14 tỉnh trưởng miền Trung và 14 trên 18 tỉnh trưởng miền Nam là Công giáo, trong chính phủ thì 4 trong số 12 bộ trưởng là Công giáo và trong quân đội 3 trong số 16 tướng lãnh là Công giáo.

Các bản thống kê nói trên cho thấy một khuôn mặt xã hội không mấy đúng đắn về người Công giáo Việt Nam. Như đã trình bày ở trên, gần như toàn thể giáo dân người Việt là thành phần nông dân, nghèo đói. Cho đến năm 1954, giữa đám rừng tác giả và thi sĩ nổi tiếng, người ta chỉ đếm được một thi sĩ là công giáo. Rất ít người là trí thức. Như vậy, việc tăng vọt số người Công giáo trong chính trường cần được giải thích không phải vì họ có nhiều trí thức trình độ vượt trội, hay là tài ba lỗi lạc hơn thiên hạ trong lãnh vực quản lý hành chánh và chính trị.

Trong một báo cáo được soạn thảo vào cuối tháng 8, theo chỉ thị của tòa Khâm sứ Sài Gòn, đề gửi cho Vatican, một linh mục khá thông thạo các các vấn đề Việt Nam có viết: *«Người ta đã nói đến tiếng «hiếu thắng». Tôi nghĩ tiếng đó không phải là thái quá để đánh giá cách xử sự của một số giám mục và linh mục. Trong các cuộc lễ nhậm chức giám mục hai năm trước đây cho hai đức cha Qui Nhơn và Đà Nẵng, người ta đã tổ chức những cuộc biểu tình khổng lồ. Không phải tất cả do người Công giáo đơn phương làm. Nhân sự và phương tiện của chính phủ đã góp một phần lớn vào các cuộc tập hợp đó, mà không phải bao giờ cũng do lòng tự nguyện...»*

«Các đêm canh thức Giáng sinh, các Tuần Ta, nhật Tuần thánh của chúng tôi, được tổ chức với sự hỗ trợ to lớn của quân đội và bộ Thông tin, gây nên ganh tỵ nơi người Lương. Và các vụ xô số, hội chợ do các linh mục tổ chức để có tiền làm việc thiện, gây bức bối cho rất nhiều người trong quần chúng. (Tài liệu này, chúng tôi có bản sao, chắc đã ảnh hưởng mạnh mẽ tới đường lối của Vatican thời kỳ này)».

Một biến cố cuối cùng, lẽ ra phải đánh dấu tuyệt đỉnh của chủ nghĩa hiếu thắng, nếu không có vụ khủng hoảng Phật giáo nổ ra: Tổng giám mục Thục đang chuẩn bị lễ Ngân khánh, ăn mừng 25 năm làm giám mục, ngày 29-6-1963. Từ tháng 3, một Ủy ban Ngân khánh đã được thành lập, do Chủ tịch Quốc hội làm chủ tịch, với nhiều vị bộ trưởng và nhân vật tên tuổi làm ủy viên. Người ta tổ chức tại Sài Gòn một bữa tiệc mỗi thực khách phải đóng 5.000 đồng và tại các tỉnh thì tổ chức các cuộc lạc quyên, vừa xin vừa ép, với những cuộc xô số do tỉnh trưởng chỉ thị. Người ta muốn biến cuộc lễ Ngân khánh của Giám mục thành Quốc lễ. Nhưng cuộc lễ này đã chỉ ăn mừng «trong thân mật», do cuộc nổi lên của Phật tử.

2 – HOA SEN ĐÀM MÁU

Năm 1963, ngày Phật đản đúng mùng 8 tháng 5. Bà con Phật tử đem cờ Phật giáo treo đầy đường phố Huế. Chính phủ, trích dẫn qui tắc đã ra từ 1957, ban lệnh cắt đi các lá cờ tôn giáo đó, nếu cần thì dùng cả vũ lực, bởi vì chỉ có quốc kỳ mới được treo ở nơi công cộng. Hàng chục ngàn Phật tử đã tham gia xuống đường phản đối. Quân đội, theo lệnh chính phủ đã dẹp tan đám biểu tình và một loạt đạn súng máy giết chết 9 trẻ em.

Đó là một biến cố bi đát, nhưng bề ngoài thì cũng chỉ là sự việc lẻ tẻ thôi. Tuy nhiên vụ cờ Phật giáo phản ánh sự chín muồi của cơn khủng hoảng từ lâu đã âm ỷ dưới đám tro. Dư luận quốc tế được báo động qua bác sĩ Wulff, giáo sư người Đức tại đại học Huế, đã săn sóc những người bị thương trong vụ này. Sự căm phẫn của dân chúng tăng lên tới độ khi Thượng tọa Thích Quảng Đức tự thiêu tại ngã tư Lê Văn Duyệt-Phan Đình Phùng ngày 11 tháng 6. Tổng thống Diệm nói đến «*việc Việt cộng đã len lỏi vào kích động dân chúng*». Giám mục Thực giải thích vụ này, đã xảy ra hầu như trước mặt ông, tuyên bố rằng đó chỉ là một «*đám lửa rơm*» thôi. Còn bà Nhu thì cho mấy ông thầy chùa tự thiêu là trò «*nướng thịt*» [barbecue].



Thượng tọa Thích Quảng Đức tự thiêu - Phật tử biểu tình chống kỳ thị tôn giáo

Nhưng dân chúng rất xúc động. Dư luận quốc tế thì cho các biến cố đó là dấu hiệu chứng tỏ chính phủ Công giáo có bách hại đàn áp tôn giáo. Và dĩ nhiên người Công giáo, và cả Giáo hội Công giáo Việt Nam, đều liên lụy trong đó. Trong giới Công giáo, người ta tìm cách giảm nhẹ sự việc và giải độc dư luận «*vốn bị báo chí chạy theo giật gân lừa bịp*». Chẳng hạn, đức Tổng Giám mục Sài Gòn nói «*Không có chuyện bách hại Phật giáo từ phía chính phủ, cũng như từ phía Công giáo. Không thể vì một hành vi phân biệt đối xử lẻ tẻ của cá nhân, mà đổ lỗi cho Nhà nước và Giáo hội. Vụ rắc rối ở Huế xảy ra ngày 8-5-1963 liên quan đến chuyện cờ Phật giáo treo tại các chùa, thiết tưởng có thể tránh không để xảy ra, nếu không có việc nhắc lại chỉ thị năm 1957 ra lệnh cấm treo cờ tôn giáo, dầu là Công giáo hay Phật giáo, ở nơi công cộng. Điều đã gây tức giận cho Phật tử là nhắc lại chỉ thị nọ lại xảy ra chỉ có 2 hôm trước lễ Phật đản và chỉ mấy bữa sau cuộc lễ nhậm chức của hai giám mục các địa phận gần đó, trong đó có cờ Tòa thánh bay phất phới khắp nơi*» (Missi 1963, tr. 354). Một số người Công giáo tại Nam Việt Nam và một số tạp chí thừa sai Pháp và Ý, cho rằng Phật tử có tham vọng biến đạo mình thành quốc giáo và một nhóm thiểu số cuồng tín sẽ tiếp tục «*tự thiêu và để cho người ta thiêu mình; nhằm bảo vệ một vị trí có đặc quyền ưu đãi*».

Có người còn đi xa hơn. Theo họ, đây chẳng qua là một âm mưu Cộng sản giật dây phong trào Phật tử, nhằm trục lợi kiểu «*đục nước béo cò*». Hãy nghe tác giả của bản phúc trình gửi Vatican mà chúng tôi đã nhắc tới trên kia:

«Bọn Phật tử chẳng hề quan tâm gì tới các lợi ích và vấn đề hệ trọng của đất nước. Chẳng mấy khi đọc được trong các tạp chí Phật giáo những bài chống Cộng. Họ có khả năng chống lại các yếu tố của học thuyết Mác-xít chẳng? Có thuở nào họ dám mạo hiểm đi vào con đường hành động chống lại Cộng sản không? Chúng tôi tin là không, bởi vì có những tay nòng cốt Cộng sản đang đóng vai điều khiển phong trào Phật giáo.

«Chính phủ nhằm mục đích cung cấp một cơ sở học thuyết cho cuộc chiến đấu chống Cộng của mình, nên đã công nhiên đưa ra những quan niệm duy linh và nhân vị. Hai học thuyết này đã được trình bày, không phải như là sản phẩm của đạo Công giáo, mà như là sản nghiệp chung của nền văn hóa tổ tiên. Thế nhưng, theo tôi biết được, thời chưa bao giờ thấy một vị sư, hoặc một giảng viên Phật tử, bàn về hai học thuyết đó trong các tạp chí hay trong diễn thuyết công khai...

«Trong lúc các cha xứ lao mình, cả xác lẫn hồn, vào việc định cư dân chúng và tổ chức khai thác các vùng đất bỏ hoang, nhất là vùng cao nguyên, đào tạo dân quân bảo vệ làng xã, thì tu sĩ Phật giáo chẳng quan tâm gì tới các chuyện đó bao nhiêu, không phải là không quan tâm gì hết».

Quan điểm này hình như là của phần đông người Công giáo miền Nam vẫn mang những tư tưởng chống Phật giáo khó dấu diếm. Chính tác giả của tài liệu này cũng thú nhận rằng «người của mình (Công giáo) thường có cặp mắt chẳng tốt gì đối với bất kỳ cái gì do bên Lương làm, trái lại thường chế diễu lòng tin, nghi lễ của họ, ngang nhiên khinh dễ các vị sư, chùa chiền của họ và hễ có dịp là phá luôn cả bàn thờ, với các đồ họ cúng trên đó».

Có những người khác đổ việc nổi loạn của Phật tử không những cho Cộng sản, mà cho cả đối thủ chính trị và bọn Mỹ, lợi dụng sự bất bình của một thiểu số nhà sư để trục lợi cho mình. Đó là ý kiến của một nhân vật quan trọng trong Giáo hội, theo Missi kể.

Những nhà quan sát ngoài Công giáo và có lưu tâm thì phân tích tình hình chính trị kỹ càng hơn, thì nghĩ rằng phong trào chống đối vừa có tính chất tôn giáo vừa có lý do chính trị của nó: «Một mức nào đó, phụ thuộc thôi, có sự đối chọi Phật giáo chống lại Công giáo. Nhưng phần chính yếu quan trọng hơn nhiều, là phong trào này đem những bộ phận đông đảo dân chúng, ở đây là Phật tử, chống lại một chính phủ độc tài do người Công giáo nắm hầu hết».

Đó cũng là một số ý kiến của một số linh mục và giáo dân sáng suốt hơn, nhưng tiếng nói của họ tan như hạt muối bỏ biển ở giữa trào lưu hiếu thắng của Giáo hội lúc bấy giờ. Bởi vì những nhà lãnh đạo Giáo hội quá tự mãn, vì được đứng đầu một «thiểu số nắm ưu thế», quá tin tưởng vào các bản thống kê về việc theo đạo hàng loạt, đã mù quáng bởi tham vọng **biến cả nước Việt Nam thành «đứa con đầu lòng đích thực của Giáo hội»**.

Quả thế, vụ rắc rối xảy ra ở Huế, lẽ ra có thể tránh được, nếu Tổng giám mục Huế đã không đích thân nhúng tay vào. «Ngày 7 tháng 5, theo lời linh mục Luận, một trong những linh mục gần khá sâu với nhà Ngô và là viện trưởng đại học Huế - từ La Vang về, đức cha [Tổng Giám mục Thực] nhận thấy đường phố được giăng đầy cờ Phật giáo... Ngài bức mình và ngay chiều hôm đó, Ngài cho gọi ông Hồ Đắc Khương vào, ông là đại diện của chính phủ, và quở trách ông, tại sao để cờ Phật giáo treo đầy đường phố, trái với lệnh nhà nước cấm treo cờ đạo nơi công cộng. (Thật hết sức mỉa mai, thành phố Huế, nơi có tòa giám mục của đức cha Thực, nhiều lần đã từng được chứng kiến những cuộc rước kiệu Công giáo hết sức linh đình, với cờ vàng trắng của Vatican phát phới bay, chẳng những trên đường phố, mà ngay cả trước các cơ quan chính quyền. Năm 1961, ngày ông nhậm chức Tổng giám mục Huế, ông đã được nghênh đón tại sân bay bởi cả một tiểu đoàn bận lễ phục và một lá cờ tòa Thánh khổng lồ được dựng ở ngay sân bay).

Vị đại diện chính phủ chẳng biết làm thế nào được, bởi ông hiểu rõ, nếu cấm treo cờ lúc này thì không tiện chút nào, vì người ta sẽ cắt nghĩa việc đó như một điều hạ nhục Phật giáo. Ông điện vào Sài Gòn. Chẳng rõ bức điện có tới Tổng thống hoặc ông cố vấn Nhu chẳng, nhưng một bức điện từ Văn phòng Tổng thống đánh ra khẳng định rằng lệnh cấm cờ vẫn còn hiệu lực... Rồi câu chuyện ra sao thì sau đó ai cũng biết rồi...”

Nhưng không nên đơn giản nghĩ rằng cơn khủng hoảng Phật giáo chỉ vì có chuyện treo cờ và cấm treo cờ. Thực ra biến cố Huế chỉ là ngọn đuốc châm lên, soi rõ sự bất mãn của anh em Phật giáo từ lâu nay cứ bị trù dập. Có nhiều nguyên nhân của sự bất mãn này.

Trước tiên là chỉ thị số 10 của Phủ tổng thống, lấy lại các sắc lệnh của chế độ thuộc địa, nói rằng: *«Tất cả các hiệp hội tôn giáo, văn hóa, thể dục, chỉ trừ Công giáo, đều không được mua bất động sản, nếu không có phép của Phủ tổng thống»*. Bản văn của sắc lệnh đặt Công giáo ra ngoài và hạ Phật giáo xuống hàng các hiệp hội văn hóa và thể thao, tất nhiên nó phải làm bức bối Giáo hội Phật giáo. Việc trở lại thời thuộc địa như thế, cũng không làm hài lòng đại bộ phận quần chúng nhân dân, đâu sao cũng không bao giờ từ bỏ truyền thống nhà Phật. Hơn nữa, sắc lệnh khôi lại sự đồ kỵ đối với người Công giáo, mới đây đã từng liên minh với bon xâm lược và hôm nay lại liên minh với chủ mới là Mỹ. Sau nữa, những hành động lập đi lập lại như dâng nước Việt Nam cho Đức Mẹ, đưa nhiều người Công giáo lên các chức vụ quan trọng trong chính quyền, cho phép giải thích sắc lệnh, vốn đã bất công, như một cử chỉ *«tìm cách Kitô hóa»* cả nước là trái ý mọi người.

Tiếp đến, việc áp đặt chủ nghĩa «Nhân vị» – học thuyết vừa mông lung vừa ngược với tinh thần người Việt – làm hệ tư tưởng của Nhà nước, việc **khinh rẻ tất cả giá trị tinh thần và văn hoá của cả chục thế kỷ lịch sử Việt Nam đã từng thấm nhuần trong nhân dân**, việc thiên vị ưu đãi quá rõ ràng đối với người Công giáo trong mọi lãnh vực, đã tạo ra sự nổi giận lúc đầu còn ngấm ngầm, sau đã nổ rõ ra nơi quần chúng Phật tử. Bà con Phật tử ngày càng ý thức hơn rằng, muốn chống lại sự độc tài của Diệm, muốn cân bằng lực lượng của Công giáo, thì phải hiệp nhau lại trong Giáo hội Phật giáo.

Cuộc nổi loạn của Phật tử làm cả chế độ phải lung lay, nhưng cho tới ngày sụp đổ, chế độ vẫn tiếp tục gia tăng đàn áp, lục soát các chùa, bắt giam sư sãi và các chiến sĩ Phật tử. Hoa kỳ, chỗ dựa nếu Diệm không còn dựa được là sẽ rút đài, đã quyết định thay ngựa. Cuộc đảo chính ngày 1 tháng 11 năm 1963 đã được chuẩn bị kỹ lưỡng, đã dàn dựng khéo léo, như chính Tài Liệu bí mật Lầu năm góc cho chúng ta biết.

3 – AI LÀ NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM.

Phải nhờ ánh sáng các sự kiện lịch sử nói trên, mới hiểu được sự phản ứng của vị Linh mục người Bỉ, một «cha xứ xung kích» khi ông tâm sự với Lacutuya: *«Ai là người chịu trách nhiệm về tình hình tan hoang đó, về sự thất bại hoàn toàn của chế độ Diệm, về sự xao huyền rối rắm hiện nay của giới Công giáo chúng ta? Ai, tôi xin phép hỏi ông? Phải chăng quân đội? Phải chăng chính quyền? Phải chăng bọn Mỹ? Không, chính là giới Công giáo! Vâng chính khối Công giáo là kẻ chịu trách nhiệm. Họ đã chạy theo hiếu thắng, họ đã bay như diều, chẳng bao giờ biết kiềm hãm, tìm cách sửa chữa những lạm dụng không thể chịu nổi của chính chế độ. Có phản ứng chẳng, thì chỉ ở những cấp hết sức khiêm tốn thôi. Họ đã đồng ý với một kiểu lẫn lộn hoàn toàn giữa giàu có với Công giáo, giữa tư sản phì nộn với hàng giáo phẩm. Và ngày nay nông nổi đã xảy ra như thế này, chỉ còn chờ Phật giáo trả thù, tình hình có thể rẽ ngoặt một cách thảm hại nếu Việt Cộng thành công nắm được Phật giáo, như hiện họ đang ra sức làm. Người Công giáo không chịu sửa mình, không chịu cứu uy tín cho ông Diệm, phải bắt đầu lại từ số không, trên những đồng gạch vụn, nếu phía địch là phía hiện đang nắm tới 80% số người có khả năng của đất nước này, còn cho chúng ta đủ ngày giờ...»*

Tiếc thay, vị thừa sai kia đã không lên tiếng sớm hơn! Bàn cờ đã ngã ngũ. Theo lệnh của Mỹ, Diệm phải từ chức hay là chết thôi. Một tài liệu mật của Tòa Khâm sứ cho chúng ta biết một chuyện quan trọng, từ trước vẫn không ai hay biết, liên quan đến cuộc đảo chánh ngày 1-11-1963:

«Sự yên tĩnh của giờ nghỉ trưa bị xé tan vào lúc 13 giờ 45, bởi một loạt súng máy nổ ran phía sân bay Tân Sơn Nhất, ở 6 km mạn Bắc thành phố. Nghe loạt súng bất thường vào giờ này, lập tức tôi nghĩ ra rằng đây không phải súng đảo chánh, mà chỉ là chuyện cục bộ do một nhóm quân đội chống lại lính bảo vệ và quân khu thủ đô nằm dưới quyền trực tiếp của Phủ tổng thống. Tới 15 giờ 15, tôi nhận được cú điện thoại của ông Cabot, tôi có thể ghi lại đúng như sau: «Thưa Đức cha, như Đức cha có thể nghe đó, tiếng súng đã nổ. Quân đội đã chiếm sân bay Tân Sơn Nhất và căn cứ Biên Hòa, lúc này họ đang tiến về hướng Phủ tổng thống (Dinh Gia Long).

«Nghe ông nói tiếng Pháp, tôi lấy làm lạ, tại sao ông cho tôi những tin tức loại này, mà không cần giữ giọng kín tiếng lại, tôi bèn hỏi người đối thoại cho biết có phải là đích thân ông Cabot chẳng. Ông này muốn tôi biết chắc bèn nói: Tôi là bạn của Đức cha, cũng đã từng là bạn của đức cha Asta. Đức cha nhớ lại, chúng ta đã gặp nhau nhiều lần tại tòa Khâm sứ». Nghe tôi hỏi tại sao tôi biết tiếng Ý mà lại không dùng nó để giữ sự kín đáo hơn tại Sài Gòn, ông nói rằng ông biết tiếng Ý nhưng không quen nói. Từ lúc đó, tôi thì nói tiếng Ý, còn ông ta thì nói tiếng Pháp. Cuộc điện đàm giữa chúng tôi tiếp tục như sau: «Tôi đã thấy cần tán thưởng vai trò trung gian mà tòa Khâm sứ đã vui lòng chấp nhận giúp trong vụ Phật giáo. Tôi phải nói cho Đức cha hay rằng, nếu lần này ông Diệm và ông Nhu có nhờ tòa Khâm sứ làm trung gian, thì xin Đức cha nói với hai ông rằng, không còn chuyện trung gian hoặc thương lượng nữa đâu, bản thân tôi cũng như phía quân đội đã quyết định là chỉ cho họ khỏi chết thôi, họ có thể dùng lối này hay lối khác để ra khỏi nước và không bao giờ trở lại nữa».

«Tôi nhận thấy giọng nói minh bạch và quyết định của lời đưa tin này. Tuy nhiên, nhớ lại bầu không khí thương lượng đã có từ trước cho tới gần đây giữa chính phủ Diệm và Hoa Kỳ, tôi hỏi thêm mấy câu để ông Lôt xác lập lại điều đó. Tôi đang tính chuyển qua những người đang bị bao vây tại Dinh Gia Long các điều kiện người ta cho họ nếu họ chịu đầu hàng...»

So sánh các cuộc đàm thoại đó với cuộc điện đàm được ghi âm giữa ông Diệm và Cabot Lôt đã do Tài liệu Lầu năm góc công bố, người ta thấy rằng tổng thống đã gọi đại sứ Mỹ vào lúc 4 giờ rưỡi chiều, **sau khi** đã nhận được tin của Tòa Khâm sứ. Sau khi khước từ can thiệp giúp đỡ Diệm, ông Lôt nói với người đối thoại: ... «Đến giờ này rồi, tôi lo cho chính sự an toàn của Tổng thống nhất. Người ta cho tôi hay rằng, những kẻ đang điều động vụ này sẵn sàng cho ông và em ông lối thoát để ra khỏi nước, với điều kiện ông từ chức. Ông có biết chuyện đó chưa? ». Diệm trả lời: «Không biết (nghỉ một lát), ông có số điện thoại của tôi không? Lôt đáp: Có. Xin cứ gọi tôi, nếu tôi có thể làm gì được gì cho sự an toàn sinh mạng cho ông».

4 – CÁC TƯỚNG TÁ MÚA MAY QUAY CUỒNG

Ngày trước, mỗi lần tổng thống Diệm thoát khỏi một vụ mưu sát hay một cuộc đảo chánh, người ta hát kinh ‘Te Deum» (Tạ Ôn Chúa) tại các nhà thờ. Lần này, cả kinh Requiem (an táng) cũng không có. Tờ nhật báo Công giáo *Thăng Tiến* mới hôm kia tuyên bố vung vít rằng Chúa đã làm những việc lạ lùng đặc biệt để bảo vệ mạng sống cho Tổng Thống, bởi ông là người Chúa chọn lựa cứu nhân dân Việt Nam. Ngay sau vụ ám sát Diệm, cũng tờ nhật báo đó đã gọi ông là tên độc tài, là tay đàn áp. Sự trở mặt đó cần được giải thích như một hành động xu thời, hay là chỉ vì hốt hoảng thôi? Quả thế, người Công giáo lúc này sống trong sự hốt hoảng, lo âu sẽ bị trả thù. Diệm bị ám sát, cái đảng toàn trị Cần Lao đã sụp đổ như một tòa nhà bằng giấy. Phong trào Cách mạng Quốc gia khổng lồ, như do một bàn tay phù thủy làm biến mất dạng. Thay vào đó, người ta dựng lên Hội đồng Cách mạng gồm toàn tướng tá. Trong quãng trống chính trị này, cái trống rỗng không lấp đầy được với những đảng phái chính trị tái xuất giang hồ, những nhóm nhỏ thường chẳng có

chương trình rõ rệt nào, và các tướng tá bắt đầu màn nhảy múa quay cuồng của họ. Hết binh biến lại đảo chánh, hết đảo chánh lại binh biến thay phiên nhau. Cuộc binh biến đầu tiên do «Minh đại ca» chỉ huy đã bị lật nhào ngày 30 tháng giêng 1964 bởi một nhóm tướng trẻ do Nguyễn Khánh điều khiển. Khánh lại phải cuốn gói ngày 13 tháng 9 để nhường tay lái cho một «tên Thò trẻ», tướng không quân Nguyễn Cao Kỳ. Như một phép lạ, ngày 27 tháng 10 năm 1964, xuất hiện một chính phủ dân sự của Phan Khắc Sửu, chẳng mấy chốc đã bị lật đổ ngày 20 tháng chạp trong một cuộc «đảo chính bỏ túi». Nguyễn Khánh lại lên ghế Chủ tịch, bằng một cuộc trở về yên ổn ngày 28 tháng giêng năm 1965, để ba tuần lễ sau đó lãnh án «lưu vong», làm đại sứ lưu động, rồi sau đó làm chủ một quán ăn ở Pari. Vụ lật đổ thứ sáu đưa ông tướng hung hăng Nguyễn Cao Kỳ lên cầm đầu chính phủ.



Figure 1

Nguyễn Khánh – Johnson, Westmoreland, Thiệu và Kỳ

Trước trận múa máy quay cuồng đó của tướng tá, những người theo dõi tình hình Nam Việt Nam một cách sơ sài sẽ lấy làm bối rối, khó hiểu. Nhưng thực tế đơn giản hơn nhiều. Có một nhân vật ngồi ung dung trong văn phòng mình, tại sứ quán Mỹ, cứ giật dây, điều khiển các con rối và thay đổi chúng tùy thích, đó là Cabot Lott. Chính Lott đã công khai tuyên bố với những người cứ bảo rằng không ai thay thế được Diệm, rằng: «*Tại Việt Nam có hàng chục người có khả năng thay thế ông ta*». Chính Lott đã giết con «*cu cu*» (nói theo ngôn từ của tác giả cuốn «*Vị đại sứ*», bởi vì Mỹ «*sẽ không rút khỏi Việt Nam trước khi thắng giặc*» (theo lời của ngoại trưởng Đin Rốt (Dean Rusk), Lott có nhiệm vụ chọn người có khả năng thực hiện mục tiêu của Mỹ. Nhất là kể từ nay, chú Sam không thể rút khỏi Việt Nam mà không mất mặt. Tài liệu nghiên cứu của Lầu năm góc nói rõ: *Phần chúng ta đã có trong cuộc đảo chính này, chỉ làm gia tăng trách nhiệm của chúng ta tại đó, cũng như sự lún sâu của Mỹ vào đó*)» (Pentagon Papers, tr. 158, 205).

Nhưng con người mà Mỹ mơ ước chẳng thể tìm ra. Các tướng tá của cuộc lật đổ đầu, những sĩ quan mang quá nhiều sao và được đào tạo kiểu Pháp, bị cho là nhút nhát và chậm chạp trong việc chấp hành lệnh của quan thầy nóng nảy đã bị thay thế bằng Nguyễn Khánh, «con cưng» của tướng Pôn Hackin và được Têlô đánh giá là «không ai thế được» trong một báo cáo ngày 10-8-1964. Tên đồ đệ dễ bảo này phải làm bung xung cho thầy mình, vốn ước mơ từ lâu việc ném bom Bắc Việt. Ngày 8 tháng 8, sau một vụ xô xát nhỏ trong hải phận Bắc Việt, giữa hai tàu tuần tiểu nhỏ Bắc Việt và các khu trục hạm của hạm đội 7, tổng thống Giônson đã ra lệnh ném bom phía trên vĩ tuyến 17. Nhưng cả Nguyễn Khánh lẫn chính phủ dân sự của Sửu, đều không thể thỏa mãn được tham vọng của Lầu năm góc. Sau đó, họ tìm được một người, tướng Nguyễn Cao Kỳ, đã từng lái máy bay ra đánh phá nhiều lần trên vĩ tuyến 17, con người ôm ấp trong lòng kế hoạch tấn công miền Bắc và nhiều lần đã tuyên bố ý định đó với báo chí.

Tuy nhiên viên tướng ăn chơi này, dầu hoạt bát và hữu hiệu đấy, cũng chỉ là một chính trị gia bết bát. Chẳng bao lâu, y đã đành chịu đóng vai nhì bên cạnh một tướng cao mưu, xảo kế hơn, đó là Nguyễn Văn Thiệu. Tay này đã **trở lại đạo Công giáo dưới chế độ Diệm**. Một số người cho rằng y theo đạo Công giáo vì những động cơ chính trị, hơn là lý do tôn giáo.

Nhằm tô vẽ cho chế độ Sài Gòn có một nước sơn dân chủ và để hợp thức hóa cho cuộc chiến thực dân mới tại Việt Nam. Cộng hòa đệ nhị ra đời: Hiến pháp mới được công bố ngày 1-4-1967 và cuộc bầu cử tổng thống được tiến hành ngày 2-9-1967. Thiệu đắc cử với Nguyễn Cao Kỳ đứng chung một liên danh. Bốn năm sau, Thiệu được tái đắc cử với tỉ lệ áp đảo là «94.36%», trong một cuộc bầu cử lịch sử mà chỉ mình ông ta độc diễn.

Trong khi đó, sự can thiệp của Mỹ vào chiến tranh Việt Nam trở nên trực tiếp và ồ ạt. Người ta biết rằng từ năm 1961, Kenodi đã phái «*Lực lượng đặc biệt*» qua Nam Việt và đã từng tung ra một chiến dịch bí mật phá hoại và tấn công miền Bắc, bằng cách sử dụng các toán biệt kích Công giáo chọn lọc trong thành phần di cư. **Ngày Diệm đổ, có 17.732 lính Mỹ tại Việt Nam trong tư cách «cố vấn quân sự».** Sau vụ ám sát Diệm, tình hình chính trị và quân sự xấu đi. Để «cứu vãn các vị trí Mỹ tại Đông Nam Á» và để «chặn đường Trung Quốc», Lầu năm góc vạch ra kế hoạch hành quân cả trên không lẫn ở đất liền.

5 – ĐỐI DIỆN VỚI CHIẾN TRANH CỦA MỸ

Ngày 5 tháng 3 năm 1965, ba ngàn rưỡi lính Mỹ đổ bộ lên Đà Nẵng, rồi nhiều đơn vị khác tiếp theo sau. Đến cuối năm ấy, quân lực Hoa Kỳ tại Việt Nam lên tới 184,414 người. Các lần bổ sung cứ tiếp tục theo nhau: đến cuối năm 1966, quân lính Mỹ đã lên tới 400,000 và cuối năm 1967 có gần 500,000 quân. Việc leo thang không chiến đã được chuẩn bị bởi một loạt vụ khiêu khích rùm beng nhằm bắt «phía địch phản ứng», rồi ngày 6-2-1965, cuộc ném bom mở rộng đầu tiên tại Bắc Việt được tiến hành và liên tiếp những vụ đó nối đuôi theo hầu như hằng ngày. Đến cuối năm đó, chiến tranh không quân đã đạt nhịp độ 1500 chuyến cất cánh mỗi tuần. Các vụ ném bom hàng ngày trở nên càng tàn bạo hơn ở Bắc cũng như Nam, trong hai năm 1966 và 1967. Người ta đưa đất nước này trở lại «*thời kỳ đồ đá*», để các nhà lãnh đạo của nó phải quì gối xuống. Tất cả được đưa ra sử dụng nhằm đưa tới mục đích ấy: bom hóa học, bom napan, các loại vũ khí tối tân của kho chiến cụ Hoa Kỳ mang qua.



Máy bay rải chất độc da cam – Pháo đài bay B-52 trải thảm bom

Song nhân dân Việt Nam vẫn bất khuất. Ngày 31 tháng giêng năm 1968, Mặt trận Giải phóng tấn công Tòa đại sứ Mỹ tại Sài Gòn và một số thành phố quan trọng khác. Người dân Mỹ cuối cùng đã nhìn ra sự khùng dại của các tướng lãnh đạo họ. Tổng thống Giônxon thừa nhận sự thất bại và ngày 3-4-1968 chịu ngồi vào bàn hội nghị hòa bình với Bắc Việt Nam và Mặt trận Giải phóng.



Các cuộc thăm sát do bàn tay lính thủy đánh bộ của Mỹ trong những cuộc hành quân «*tìm giết cho sạch, phá cho hết*», trước những cảnh hủy diệt các thành thị khắp nơi trên thế giới dấy lên những phản ứng khác nhau. Tại

Mỹ, đám «điều hâu» vỗ tay và biện hộ cho sự can thiệp của Mỹ bằng những lý lẽ tôn giáo. Dựa vào lời lẽ của chính quyền, theo đó «người Mỹ sang Việt Nam là do lời yêu cầu của chính phủ Nam Việt Nam, nhằm chấm dứt việc miền Bắc xâm lăng và tạo ra những điều kiện thuận lợi cho một cuộc dàn xếp êm đẹp». **hiều linh mục rao giảng hô hào một cuộc thánh chiến.** Một bài của tạp chí *Ave Maria* (25-9-1955) trích lời đức **Piô XII**, khẳng định rằng: «*Bất kỳ nước nào đi xâm lăng đều phải bị các nước khác trừng trị. Điều chúng ta đang làm đây là việc trị tội một nước xâm lăng nọ đang bị nước Trung Hoa Cộng Sản xúi dục*». Theo một điều tra dư luận của Catholic Pools Inc. năm 1967 thì có **80% linh mục Hoa Kỳ tán thành chính sách hiếu chiến của Giôn-xơn**. Lời biện hộ ngoạn mục nhất là do Hồng y Xpenman, tổng tuyên úy quân đội Hoa Kỳ, sau thánh lễ Vọng Giáng Sinh năm 1966, đã hô hào lính Mỹ tại sân bay Tân Sơn Nhất, trước mặt đại tướng tổng tư lệnh Oétmolen (Westmoreland) rằng: «*Tôi tin rằng chiến tranh Việt Nam là một cuộc chiến bảo vệ nền văn minh... Như tổng thống chúng ta đã tuyên bố, cũng như lời ngoại trưởng, không thể chỉ thắng một cuộc chiến nửa vời được. Vì thế, chúng ta cầu nguyện cho chiến tranh chóng đến với chúng ta, bởi vì không thể nghĩ rằng một giải pháp nào, ngoài sự chiến thắng... Chúng ta phải chiến thắng, hầu bảo toàn những gì chúng ta gọi được là nền văn minh... Các bạn ở đây không chỉ là binh sĩ quân lực Hoa Kỳ, nhưng còn là binh sĩ của Đức Kitô*». Ít hôm sau, phát biểu trước mặt quân sĩ Hoa Kỳ, Hồng y lại cả quyết: «*Ở đây, các bạn đang bảo vệ một chính nghĩa, chính nghĩa của văn minh và chính nghĩa của Đức Chúa Trời!*»

Những lời tuyên bố đó của Hồng y, hình như bị lu mờ đi trước cuộc vận động chống chiến tranh do một thiểu số linh mục và người Công giáo Mỹ tung ta. Quả thế, từ 1965, có một số linh mục, tu sĩ nam nữ Công giáo phối hợp với những cuộc biểu tình do Tin Lành tổ chức đòi ngừng bắn và rút lính Mỹ về. «Thưa tổng thống, nhân danh Đức Chúa Trời, hãy ngừng tay lại».

Đứng trước việc Mỹ leo thang chiến tranh, nhiều sinh viên đã tổ chức «biểu tình ngồi ỳ» hoặc bãi khóa, nhiều mục sư, linh mục và giáo sĩ Do thái giáo cùng nhau lập ra một «Ủy ban giáo sĩ lo về Việt Nam». Rằng mình chỉ là một thiểu số.

«*Chúng tôi nhận thấy với đầy lo âu rằng người Kitô giáo Hoa Kỳ, cho tới nay, đã không thành công trong việc góp phần vào việc giữ hòa bình thế giới. Họ hầu như câm nín, đang khi đất nước ta càng ngày càng sa lầy vào chiến cuộc Việt Nam*». Về phía Công giáo, tình hình còn tệ hơn. «*Quả là đáng báo động, khi nhận thấy rằng người Công giáo không đưa ra một chứng cứ rõ rệt liên quan đến cuộc chiến khôn nạn này. Đã hẳn, có ít người trong họ, như các linh mục Đanien và Philip Berigan có làm chứng. Nhưng đa số người Công giáo thì không.*» (Sứ điệp Hội đồng Nhà thờ thế giới ngày 3-12-1965).



Đúng thế, đa số người Công giáo Mỹ đi theo đường hướng của hàng giáo phẩm hơn là suy nghĩ tới những lời kêu gọi đầy lo âu của Hội đồng Đại kết các Giáo phái, của một số giới chức nước ngoài và của đức **Phaolô VI**, từ 1964, đã từng kêu gọi nhiều lần và tỏ ra lo lắng nhiều về nền hòa bình. «*Những khổ cực và lo âu phát xuất từ các cuộc tàn phá to lớn như thế, mà không dạy cho chúng ta điều gì sao? Nhìn thấy những cảnh xáo trộn của bao gia đình tàn nát, của bao nhiêu thân thể bị xâu xé, cùng những thành thị bị hủy diệt, mà không gây được ảnh hưởng gì trong tâm trí những người có trách nhiệm hay sao?*». Trước và sau Giáng sinh 1965, đức Phaolô VI đưa ra một loạt hành động hăng hái, phục vụ cho một nền hòa bình bằng con đường thương lượng.

6 – GIÁO HỘI ĐỐI DIỆN VỚI VẤN ĐỀ HÒA BÌNH

Trong bối cảnh như thế, thái độ của Giáo hội Việt Nam như thế nào? Sau một lúc bị gạt ra rìa bởi nhóm tướng tá đảo chính và Hoa Kỳ đang muốn chơi con bài Phật Giáo, người Công giáo lại giành được thế

mạnh chính trị vào năm 1965. Quả thế, trong vụ khủng hoảng Phật giáo và sau khi Diệm bị đổ, người Mỹ cứ nghĩ rằng có thể dựa vào Phật giáo để thực hiện mục tiêu của mình. Nhưng Giáo hội Phật giáo Thống nhất, mặc dầu có nhiều xu hướng và ý đồ khác nhau, vẫn không tán thành chiến tranh và không chống lại việc thương thuyết với Cộng sản. Một điều chắc chắn, theo cây bút Xunbecgo trong tờ *Nhữu Ước Thời báo* ngày 15-3-1965, tổ chức Phật giáo không đồng tình với kiểu cách của Oasinhton, mà lại nghiêng về phía các ước nguyện của Việt Cộng.

Mất hứng trước thái độ của Phật giáo, Lầu năm góc quay lại luôn phía Công giáo và chơi cho hết ván bài này. Dĩ nhiên, trong các tài liệu của Tổng giám mục Sài Gòn, tiếng «hòa bình» hay được nói đến, nhưng luôn luôn chỉ rõ rằng phải là một thứ «hòa bình công bình bền vững» chứ không phải chỉ là «hòa bình giả tạo chẳng khác gì một cuộc đầu hàng Cộng sản». Người Công giáo lại bắt đầu xuống đường, biểu dương lực lượng. Ngày 12-6-1966, 20.000 thanh niên Công giáo biểu tình trên đường phố, trước mặt 40.000 người đồng đạo của mình. Thanh niên biểu tình được tổ chức thành những toán bán quân sự và bận đồng phục màu đen, có nịt lưng. Họ hãnh diện hô các khẩu hiệu, rồi được quần chúng hô theo: «*Nhân dân Việt Nam ghi ơn quân đội đồng minh*» (Hoa Kỳ). «*người Công giáo không thỏa hiệp với Xatan*», «*Liên hiệp với Cộng sản là tự sát*». Đồng thời, **các báo Công giáo hoan nghênh các cuộc ném bom của Mỹ** như là «*cử chỉ xứng đáng của người Xamarita tốt bụng*». Họ tránh né không công bố các lời kêu gọi hòa bình của Đức Giáo hoàng, hoặc kiểm duyệt cắt xén, hoặc tìm cách giới hạn ảnh hưởng của những lời kêu gọi ấy. Chẳng hạn tờ *Xây Dựng*, nhật báo Công giáo, viết: «*Đức giáo hoàng không được thông tin đúng đắn, Ngài không rõ tình hình phức tạp của Việt Nam, Ngài chỉ nắm được một khía cạnh của vấn đề, Ngài bị bao vây bởi nhóm người khả nghi... Đức giáo hoàng bị ép phải ăn nói có lợi cho kẻ thù...*»

Đức giáo hoàng, vừa nói ra một thông điệp đòi phải thương nghị tái lập hòa bình, không thể không lo lắng trước thái độ thiếu sót sáng của hàng Giáo phẩm Việt Nam, cũng như trước lập trường công khai ngược lại của người Công giáo. Thực ra, có một số người Công giáo, gồm linh mục và giáo dân, lấy lập trường thương lượng hòa bình, như 11 linh mục đã ký tên vào một bản thương nghị và hòa bình ngày 1-11-1966. Nhưng các tài liệu đó **bị các cha xứ cấm giáo dân tiếp xúc**, còn tác giả thì bị anh em đồng nghiệp cô lập, và bị bẻ trên ruộng bỏ. Một nhà báo của tờ Thông tin Công giáo quốc tế đã hỏi một giám mục vào tháng 4 năm 1965 rằng: «*Tại sao Đức cha không phổ biến rộng rãi lời kêu gọi hòa bình của đức Phaolô VI?*» Trả lời: «*Ông cứ xem bức thư của 11 linh mục. Đó là một kiểu lên tiếng nguy hiểm. Chính phủ có thể giải thích bức thư đó như một sự hòa theo Cộng sản. Và Giáo hội có thể vì đó mà gặp rắc rối. Vì thế, chúng tôi khó lòng mà nói được về hòa bình. Bức thư đó gây nguy cơ chia rẽ Giáo hội, bởi vì kẻ thù của chúng tôi có thể coi đây như lập trường chính thức của hàng Giáo phẩm, điều đó không đúng đâu... Bên châu Âu, các ông không hiểu gì. Những người Cộng sản của các ông là lớp người tư sản, tử tế và hiền lành. Ở đây, biện pháp của Việt cộng kinh khủng lắm. Họ chôn sống những ai không chịu đi theo họ. Họ biết rõ từng người đàn ông, đàn bà, họ ghi sổ, kiểm soát, đóng khung dân chúng lại. Các ông không hiểu những điều đó là thế nào cả...*».

Như để bắt các giám mục tỏ một thái độ mềm dẻo hơn, tháng 10 năm 1966, đức Phaolô VI đã phái một đặc sứ qua Sài Gòn. Trong sứ mạng khó khăn này, đức cha Pighêdoli đã chỉ làm được cho các giám mục Việt Nam y như với đức Phaolô VI và lặp lại nguyên xi các lời của Ngài: «*Nhân danh Chúa, chúng tôi xin kêu lên: Hãy ngừng lại. Cần phải gặp gỡ nhau một cách thành thật... Hòa bình và tự do, phải tôn trọng các quyền con người, quyền lợi cách công đồng, nếu không thì chỉ là hòa bình mỏng manh và không bền vững*».

Bản tuyên bố hơi miễn cưỡng đó, xem ra không ngược lại với lời cả quyết của đức cha Pighêdoli được tờ báo *Sống Đạo* đăng tải: «*Nếu có chống, hay đúng hơn, nếu có chống lại việc thương thuyết để đi tới hòa bình, thì đó là phía Công giáo. Nhận xét này là một cách tố cáo Giáo hội Việt Nam, quá chậm chạp trong phong trào hòa bình, mặc dầu đã có những lời kêu gọi và các nỗ lực của đức Giáo hoàng*».

Các sự kiện xảy ra sau tháng 10-1966 xem ra xác nhận thực tế đau lòng nói trên. Người ta trông thấy sự có mặt âm thầm của một giám mục Việt Nam trong buổi Hồng y Xpenman đưa ra bản tuyên bố hiệu chiến dịp lễ Giáng sinh 1966. Người ta cũng nhận thấy toàn thể hàng Giáo phẩm giữ im lặng hoàn toàn đối với «quả bom Xpenman», nó đã gây bối rối cho Vatican và khiến một số giám mục, linh mục và giáo dân trên thế giới phản đối. Trái lại, tại Sài Gòn, một tờ tuần báo cho rằng «tư tưởng của Hồng y trùng hợp với tư tưởng của Đức giáo hoàng». Lực lượng đại đoàn kết đồng tình với lời tuyên bố của Hồng y người Mỹ, bởi vì «các vụ ném bom Bắc Việt là đúng đắn và có thể biện hộ được». Hơn nữa, họ yêu cầu những người Công giáo «chủ hòa» Hoa Kỳ «đừng làm gì, đừng nói gì có thể làm suy yếu sự kháng cự của Việt Nam». Giáo hội Việt Nam tin cậy vào đường lối cứng rắn, nghĩa là đường lối Mỹ, và chấp nhận lập trường chính thức của Lầu năm góc như một tín điều, theo đó người Mỹ sang Việt Nam chỉ nhằm bảo vệ miền Nam khỏi họa xâm lăng Cộng sản. (Người ta biết được nhờ việc công bố Tài liệu Lầu năm góc, rằng những lý do đích thực của cuộc viễn chinh Hoa Kỳ là lợi ích của Hoa Kỳ thôi). Giám mục Xét (Seitx) địa phận Kông-tum, đã không dấu diếm ý kiến mình khi nói với ông Vanuxem, một cựu tướng lĩnh của đạo quân viễn chinh Pháp rằng: *«Tôi cam đoan, xâm lăng là từ Bắc vào. Và cuộc xâm lăng mang dạng tàn bạo nhất là xâm lăng các linh hồn. Dân của tôi là tốt hay xấu, tùy họ được che chở hay là bỏ rơi vào tay Việt cộng... Hoa Kỳ đã định bao vây và cô lập Trung Quốc. Để làm việc đó, còn thiếu Cambốt và Miến Điện. Nhưng Mỹ không thể lùi thêm một đốt ngón tay nữa, nhượng bộ một tấc đất, làm suy yếu vị trí của họ đi, là mọi sự sẽ lâm nguy, rồi sẽ mất hết».* (Espoir à Saigon, tr. 171).

Ít lâu sau vụ Xpenman, hồng y Cac-đin (Cardin) ký tên vào một bản tuyên cáo «yêu cầu» ngưng tức khắc vụ ném bom của Mỹ tại Bắc Việt và phải tôn trọng quyền tự quyết của nhân dân Việt Nam, bằng cách rút quân đội Mỹ về và chấm dứt mọi can thiệp nước ngoài vào Việt Nam. Chính Hồng y, vị sáng lập Phong trào Thanh Lao công, ngõ ý muốn qua Sài Gòn gặp Thanh Lao công Việt Nam. Phía Việt Nam đã phản ứng nhanh. Giám mục Phạm Ngọc Chi – người đã thường tháp tùng Hồng y Xpenman trong cuộc viếng thăm Sài Gòn – đã nhân danh mình và các linh mục, giáo dân của ông gửi một điện văn cho vị Hồng y người Bỉ, nói lên sự đau buồn của ông khi thấy Hồng y cổ vũ một nền hòa bình giả dối, bằng hành động «liều lĩnh và nguy hiểm trước khi bàn với hàng Giáo mục Việt Nam và Tòa Khâm sứ tại Việt Nam». Đức cha Khâm, Giám mục phụ tá Sài Gòn, viết cho Ngài rằng tại Việt Nam, người ta coi Hồng y là «người bất bảo». Nhiều bức điện khác cũng gởi tới phản đối Hồng y. Để đánh dấu rõ sự phản đối của dân chúng, nhiều cuộc mít tinh khổng lồ đã được tổ chức tại Sài Gòn và các làng Công giáo, với những khẩu hiệu «Hồng y Cac-đin làm bung xung cho những tay chạy tìm hòa bình giả dối đang làm nên đạo quân thứ năm của bọn Cộng sản xâm lăng Việt Nam», «khi để cho những tay hòa bình giả dối lợi dụng tên tuổi mình, Hồng y Cac-đin đã để bàn tay mình vấy máu tín hữu Công giáo Việt Nam chuộng hòa bình thật», «Đã đảo những tay sai phát xít làm tội cho Cộng sản»...

Có những tờ báo Công giáo gọi Hồng y là «Hồng y Cộng sản, là chien ghê, là con ma quỉ». Tờ *Thăng Tiến*, một tờ báo Công giáo, coi đó như dấu hiệu của một âm mưu thực dân và Cộng sản chống lại miền Nam tự do. Người ta tố cáo sự điên rồ của các tín hữu người Âu, kể cả Giám mục và Hồng y dám nói việc chung sống giữa Công giáo và Cộng sản vô thần, giữa thế giới tự do và khối Cộng sản.

Năm 1967, khắp nơi trên thế giới, nhất là tại Hoa Kỳ, nhiều cuộc biểu tình được tổ chức chống lại hành động của Mỹ tại Việt Nam. Tại Việt Nam, các binh sĩ Mỹ đã đẩy được lên ngôi tổng thống một người công giáo (Nguyễn Văn Thiệu) và đưa vào thượng viện đa số nghị sĩ Công giáo (35 ghế trên 60). Đó là thắng lợi lớn của chủ thuyết «đánh tới cùng». Tại Mỹ và trên thế giới, chính phủ Giônxon đang ngày càng mất hết tín nhiệm. Ngày 2-5-1967, Đức **Phaolô VI** kêu gọi thương thuyết và ngừng ném bom. *«Cần ngưng việc ném bom Bắc Việt và đồng thời chấm dứt việc chuyển quân và vũ khí vào miền Nam»*. Bảy tháng sau đó, ngày 8-1-1968, Hội đồng Giám mục miền Nam cũng chỉ lập lại các lời kêu gọi trên của Đức Giáo Hoàng, lời kêu gọi bị vô hiệu hóa bởi thái độ im lặng của Ngài về vụ lính Mỹ thảm sát dân thường tại Mỹ Lai tháng 3 năm 1968 bởi các bài Công giáo chống lại việc thương thuyết do báo chí Hoa Kỳ đề nghị.

Tại Mỹ, sau cuộc bầu cử tháng 11 năm 1968, Nic-xon thay thế Giôn-xon. Tổng thống mới hứa sẽ rút lần binh sĩ Hoa Kỳ về và sẽ *Việt Nam hóa chiến tranh*, đồng thời tăng cường ném bom Bắc Việt. Nhà trắng hy vọng làm dịu bớt tiếng phản đối của dân chúng Mỹ bằng cách giảm đến tối thiểu số binh sĩ bị giết, đồng thời vẫn làm cho đời sống tại Bắc Việt bị tê liệt, cũng như tại các vùng do Mặt trận Giải phóng kiểm soát, bằng các cuộc không tập còn tàn bạo hơn thời Giôn-xon.

Những cảnh bạo tàn của chiến tranh, **việc hủy hoại cả nền văn hóa Việt Nam do quân đội Mỹ chiếm đóng**, ngày càng tạo nên ở Việt Nam các phong trào chống đối, nhất là trong giới trẻ, học sinh, sinh viên và các nhà chùa. Cuộc đàn áp rất dã man. Hàng ngàn sinh viên và Phật tử bị bắt, tra tấn, thanh toán, không cần xét xử. Trong Giáo hội Công giáo, thái độ hàng giáo phẩm và linh mục không thay đổi. Người ta tiếp tục ủng hộ sự can thiệp Mỹ và chế độ Thiệu, trong đó người Công giáo nắm được các vị trí then chốt. Một số người hoan hô Nich-xon tăng cường ném bom Bắc Việt. Họ **bực bội khi thấy Mỹ còn tha cho thành phố Hà Nội và các đê điều sông Hồng. Họ lấy làm lạ tại sao Hoa Kỳ chưa sử dụng bom nguyên tử mà hủy diệt Cộng sản**. Hàng giáo phẩm giữ im lặng trước các cuộc thảm sát dân thường, trước hoàn cảnh các tù nhân chính trị bị nhốt «chuồng cọp» khi các phương tiện thông tin cả thế giới đã làm rùm beng lên khắp nơi rồi. Nhờ việc tiết lộ của Don Luce và mấy thượng nghị sĩ Mỹ, người phương Tây biết được các cuộc tra tấn man rợ tại các đồn bắt cảnh sát, tại các văn phòng mật vụ, tại các nhà giam được Mỹ trang bị và nuôi dưỡng, điều mà tại miền Nam mọi người đều hay biết và phản đối, chỉ trừ tiếng nói chính thức của Giáo hội.



Từ 1968 đến Hiệp định Paris tháng giêng 1973, tám thảm kịch Việt Nam một mặt là những tàn phá do chiến tranh gây nên, mặt khác là những cuộc đàn áp đối lập và phản chiến, vì chủ trương trung lập cũng như những nguồn thiên Cộng hay là Cộng sản.

Về mặt quân sự, chiến dịch Phụng Hoàng do CIA tung ra nhằm tảo thanh triệt để các vùng hoặc nghi ngờ, hoặc chính phủ Sài Gòn không kiểm soát được. Phương thức thật giản dị bởi quân cách mạng là cá sông trong nước, thì cứ tát hết nước đi thì bắt được cá. Trong những cuộc càn quét rộng lớn kinh khủng, quân đội Mỹ và Nam Việt quét sạch các làng mạc, bắt đi tất cả nam nữ và trẻ em cho vào cái trại «lánh nạn» có rào kẽm gai, rồi giao cho mật vụ thanh lọc. Những người tình nghi được đưa tới các phòng thẩm vấn hoặc trại giam. Sau khi đã cưỡng bức tập trung dân chúng vào các trại tỵ nạn chung quanh các thành phố hoặc căn cứ quân đội, nông thôn được coi là «vùng tự do» ném bom giết chết bất kỳ ai, hoặc hủy diệt bằng rải chất độc hóa học, thuốc làm trụi lá và bom napan. Cũng gọi là vùng «*tự do oan khốc*», những vùng do Mặt trận Giải phóng kiểm soát mà quân đội Mỹ và Nam Việt không thể chiếm được. **Số lượng bom ném xuống nguyên miền Nam đã vượt số lượng bom sử dụng trong thế chiến thứ hai.**

Về việc đàn áp, cảnh sát miền Nam, được Mỹ trang bị cho, đã đạt tới mức hiệu quả tối đa, vì có cả máy điện toán, và còn dụng cụ tra tấn thì có loại thuộc thời trung cổ, có loại hiện đại tối tân nhất. Những người bị giam giữ phải chịu những cực hình man rợ, vô nhân đạo, vượt xa khả năng tưởng tượng của con người. Về bình diện xã hội, các tệ đoan lan tràn khắp nơi: cái gì cũng mua được, bán được, các chức vụ trong Quốc hội, chức vụ các tỉnh, quận huyện, làng xã; chợ đen là địa bàn phổ biến cho mọi hạng người, Công giáo cũng như Phật giáo, tu sĩ cũng như giáo dân, nạn mại dâm lan tràn rộng khắp, tham nhũng, ăn cắp, hối lộ ngày càng trở nên chuyện thường ngày của dân chúng.

Đứng trước những thực tế đau buồn đó, một lực lượng «đối lập» hình thành trong Giáo hội: một thiểu số các linh mục và giáo dân, trí thức hay thợ thuyền, lên tiếng báo động và thức tỉnh Giáo hội đã «*sa lầy với*

Hoa Kỳ», lại một lần nữa **phản bội tổ quốc vì những đặc quyền và đô la, liên hiệp với một chính quyền thối nát, áp bức**. Hai tờ báo «*Đối Diện*» và «*Chọn*» có được một số bài rất có giá trị để tạo ra một bầu không khí đối thoại, thông cảm và đấu tranh cho hòa bình. Nhưng âm vang lại chỉ xảy ra chủ yếu nơi giới trẻ, người ngoài Công giáo. Một linh mục thổ lộ: «*Hể anh nói với một người Công giáo Việt Nam về trường hợp Cộng sản có thể thắng, anh sẽ làm cho họ phải run rẩy cả người, họ sẽ nạt nộ, mất cả trí khôn. Đối với người Công giáo đó, Cộng sản sẽ là loại người đã bị kết án sa hỏa ngục rồi*». Mấy tạp chí kể trên chẳng mấy chốc đã bị chính quyền giáng con lôi đình cho. Ông chủ nhiệm *Đối Diện* bị kêu án 5 năm tù giam, và mấy triệu đồng tiền phạt, còn tờ báo thì sau nhiều lần bị tịch thu, cuối cùng đã bị đóng cửa vĩnh viễn từ 1972. Từ đó, nó trở thành báo lậu và phát hành chui. «*Chọn*» cũng không được nung nhẹ hơn, vì đã dám phổ biến và chú thích tài liệu Thượng hội đồng Rôma về «*Công bằng trên thế giới*», mỗi biên tập viên đã lãnh 5 năm tù giam và tờ tạp chí bị đặt ra ngoài vòng pháp luật.

Linh mục **Trần Tam Tĩnh**

)))) ooo (((((

Nghĩ về hai Dòng họ thông gia Huế

Nguyễn Hạnh Hoài Vy

Hai dòng họ Nguyễn Hữu và Ngô Đình nhờ vào mối liên hệ thông gia tôn giáo-chính trị (Nguyễn Thị Giang, con gái của Nguyễn Hữu Bài kết hôn với Ngô Đình Khôi) đã đưa dòng họ Ngô Đình bỗng bành vênh với quyền lực đến hơn nửa thế kỷ, mang một nét độc đáo vượt trội hơn cả, bao gồm các đặc tính sau:

- dòng dõi vốn xuất thân từ khó rách áo ôm, nhờ 'rửa tội' mà mấy đời con cháu no cơm ấm cật.
- cung cúc phục vụ cho ngoại nhân (thế quyền lẫn giáo quyền).
- tâm chất thì bán nước cầu vinh, nhưng lúc nào cũng có mang chiếc áo quốc gia, dân tộc.
- đạo đức qua bộ mặt cuồng tín tôn giáo.
- cả hai đều phải "vào ra" cánh cửa các nhà tu Công giáo mà tạo quyền thế về sau.

Theo "*Nhân Vật Giáo Phận Huế*", tập I (tác giả Lê Ngọc Bích, tài liệu lưu hành nội bộ), cho rằng "*Nguyễn Hữu Bài vốn nguyên quán Thanh Hóa, là hậu duệ của Nguyễn Trãi*" (trang 110). (Theo bảng phụ chú "Thế hệ dòng họ" (trang 111), Hoài Vy ghi nhận có rất nhiều dấu hỏi cần phải được đặt ra trên phương diện sử liệu về mối liên hệ dòng họ của ông Bài với Nguyễn Trãi, nhưng đây là một vấn đề khác cần được trình bày ở một bài viết khác).

Phêrô Giuse Nguyễn Hữu Bài, sinh ngày 18-9-1863 tại làng Cao Xá, phủ Vĩnh Linh, Quảng Trị. Thời thiếu niên, cha mất sớm, năm lên 10 tuổi mẹ ông xin linh mục Gioan Châu bảo trợ vào tiểu chủng viện An Ninh. Chính Linh mục Caspar (tên Việt: Lộc) có lần khen "*Bài là một thanh niên tuấn tú, tương lai thành tài, đạt đức*." (trang 112), sau đó gởi ông đi học chủng viện Pénang (Mã Lai).

Học xong, Bài về nước vào đúng lúc hòa ước Patenôtre Việt-Pháp vừa được ký kết, Bài được giới thiệu làm thừa phái Nha Thương Bạc (chức nhỏ từng sự tại cơ quan ngoại giao của triều đình, việc chính là làm thông ngôn).

Năm 1887, ông được cử đi đánh giặc "thổ phi" miền thượng du Bắc kỳ trong 5 năm (sách đd, trang 113). Đây mới là chỗ có vấn đề! Giữa lúc thực dân Pháp tác oai tác quái trên khắp lãnh thổ Việt Nam, giai tầng "phục dịch ngoại nhân bản địa" thăng quan tiến chức, trong lúc các phong trào Cần Vương yêu nước nổi lên kháng chiến khắp nơi.

Ở Bãi Sậy có Nguyễn Thiện Thuật, Tạ Hiện, Phạm Bành.

Ở Thanh Hóa có Đinh Công Tráng với căn cứ Ba Đình.

Ở Bắc Giang có Hoàng Hoa Thám với chiến khu Yên Thế.

Ở Hưng Sơn (Hà Tây) có Phan Đình Phùng, Cao Thắng... Cao trào kháng chiến bùng nổ năm 1887, là kết quả một chuỗi tiếp nối từ *"Sau biến cố 1885, tầng lớp 'kỷ lục' kiêm 'thông sự' được đeo thẻ bài ở Tòa Khâm, cái giai tầng được sự đỡ đầu bằng đề cử của các giáo sĩ ở ngoại quốc. Họ thành lập giai tầng trung gian bản xứ thay thế giai tầng Văn Thân nho sĩ và thường biện minh cho sự hợp tác với Pháp qua chiêu bài 'thánh chiến' lập tân trào."* (Vũ Ngự Chiêu, sách đd, tập 2, trang 484)

Ngược lại với cảnh tượng nhốn nháo trên, hàng hàng lớp lớp sĩ phu trên lãnh thổ phía Bắc, các anh hùng kháng Pháp nổi lên khắp nơi, thì ông Nguyễn Hữu Bài lại được triều đình (tất nhiên là qua mặt lệnh của Pháp) được cử đi đánh dẹp "thổ phi" (theo Lê Ngọc Bích, sách đd).

Thổ phi thật ra là một lối chơi chữ để tránh phải gọi là các anh hùng nghĩa quân chống Pháp, một lối chơi chữ 'xách mé' vô trách nhiệm, không biết hổ thẹn với lương tâm, không sợ phải mang tội với lịch sử dân tộc. Biết bao nhiêu anh hùng kiểu 'thổ phi' này đã bị bọn người bản xứ được "rửa tội" và đeo "thánh giá" vào người gài bẫy, giết hại để lập công với nước Đại Pháp !

Và cũng nhờ các công trạng đó, Bài được thăng tiến từ Bộ chánh Thanh Hóa rồi ngóc đầu lên tới Thị lang Bộ Lại, Thượng tá Cơ Mật, Tham tri Bộ Hình, sau cùng là Thượng thư triều đình.

Năm 1922, được đi sứ sang pháp, tháp tùng vua Khải Định với chức Hộ giá Đại thần, Bài ghé thăm kinh đô của con dân Chúa là Vatican, được Giáo hoàng Piô XI cho quỳ xuống hôn chân, tâm hồn Bài bốc lên tận mây xanh, làm bài thơ ca ngợi "Nước Thánh" như sau:

*"Nghe rằng La mã, nước văn minh,
Rằng mới qua xem thấy hiện hình.
Cung điện Giáo hoàng còn vị trí,
Thành trì Ý quốc đã kinh dinh.
Thần đồ, từ vũ, nên kỳ tuyệt,
Cổ tích lâu đài thật khủng kinh.
Yết kiến mong ơn châu Thánh tọa,
Trăm phần danh giá, bội thêm vinh."*

("Lịch Sử Giáo Phận Huế", 'Vịnh đi La mã', trang 116. Theo chú thích của Lê Ngọc Bích, "thần đồ": tượng ảnh, "từ vũ": đền đài).

Bài thơ 'xuất thần' ca tụng Vatican này đáng được Giáo hội Công giáo Việt Nam khắc bằng vàng để ghi nhớ tấm lòng sắt son của những kẻ biết "hiếu nghĩa".

Bản chất của Bài rất đáng được xếp loại vào giai tầng "trung gian" mà Vũ Ngự Chiêu đã mô tả rất cụ thể : *"Vào thời điểm 1885, đây không còn là những lời cáo buộc vô bằng chứng nữa. Vì lý do này hay lý do khác, đa số tín đồ Ki-tô đã bị lọt vào vòng ảnh hưởng của Pháp, và một thiểu số khác – vì cuồng tín hay vì danh lợi bản thân, hoặc cả hai – tích cực hợp tác hoặc phục vụ quân viễn chinh Pháp. Trên khắp chiến trường từ Bình Thuận ra tới thượng du Bắc Việt, đại đa số thông sự, nho, lính tập, điền chủ, dẫn đường cho Pháp là giáo dân Ki-tô."* (sách đd, tập 2, trang 456).

Và danh lợi muốn bền vững cũng cần sự kết hợp gắn bó: "Ông Nguyễn Hữu Bài có một người bạn đồng liêu lớn hơn ông chừng một con giáp: ông Ngô Đình Khả (1857-1923). Hai vị đều là lương đồng của triều đình, đồng hương, đồng đạo và đồng chí. Mỗi vị có những hoạt động khác nhau, nhưng hỗ trợ nhau." (Theo Lê Ngọc Bích, sách đd – tập I, trang 125).

Khá khen cho cụ Lê Ngọc Bích dùng chữ để mô tả khá cụ thể: hai họ có rất nhiều cái "đồng", nhưng đồng chí mang một nét "độc đáo" nổi bật. Ông Khả và ông Bài đã đồng chí ở những điểm nào ?

Trước hết, hãy nhắc lại tông tích của ông Khả là ai? – Micae Ngô Đình Khả sinh năm 1857 nguyên quán làng Đại Phong, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình. Thuở nhỏ, Khả được cha là Giacôbê Ngô Đình Niêm hay cho đi giúp lễ với một vị linh mục Pháp ở họ đạo Mỹ Duyệt Hạ (tổng Thanh Xá, Lệ Thủy). Năm 1870, Khả được Linh mục Caspar (Lộc) cho đi học chủng viện Pénang. Học được 8 năm, đến năm 1878, nhưng "*không thấy ơn Chúa gọi*", nên lấy vợ cho âm thân. Lấy vợ lần thứ nhất với Madelêna Chữu, bà này qua đời, lấy vợ lần nữa (năm 1889) với Anna Phạm Thị Thân. (Theo Lê Ngọc Bích, sách đd, trang 105-109, tập I).



Bảo Đại cải tổ Triều đình Huế, bỏ Bộ Binh, chỉ còn năm Bộ. (Trong ảnh, từ trái sang phải): Hồ Đắc Khải, Thượng thư Bộ Tài Chính và Xã Hội, Cửu Tế; Phạm Quỳnh, Thượng thư Bộ Quốc Dân Giáo Dục, Tổng thư ký Văn phòng; Thái Văn Toản, Thượng thư Bộ Công Tác, Mỹ Thuật và Lễ Nghi; Ngô Đình Diệm, Thượng thư Bộ Lại, Tổng thư ký Ủy ban Cải Cách và Bùi Bằng Đoàn, Thượng thư Bộ Tư Pháp. Cựu Thượng thư Bộ Lại Nguyễn Hữu Bài chỉ được biết việc này vào ngày công bố 2/5/1933.

Link: <http://phamquynh.wordpress.com/2010/01/22/co-hay-khong-v%E1%BB%A5-ph%E1%BA%A1m-qu%E1%BB%B3nh-h%E1%BA%A5t-c%E1%BA%B3ng-ngo-dinh-di%E1%BB%87m-da-th%E1%BA%A3o/>

Chúng tôi chưa biết có tài liệu nào nói đến việc ông có con cái gì với bà Chữu hay không, riêng với bà Thân, đã đẻ ra một loạt quý tử Ngô Đình, có người về sau làm tới tổng thống. Cũng như Bài, ông Khả đã "vào ra" chủng viện Pénang, làm thông ngôn, Cơ Mật viện triều đình, quan hàm Chánh Tứ Phẩm, thăng đến Thượng Thư Bộ Công. Nét giống nhau độc đáo nữa, là 12 năm sau (1895) kể từ ngày Phêrô Giuse Bài ra Bắc trừng

phạt "thỏ phi", Micae Khả được cử làm Phó tướng cho Nguyễn Thân ra Bắc đánh dẹp nghĩa quân "phản loạn" Cần Vương ở Vụ Quang (căn cứ kháng chiến của Phan Đình Phùng). Khả thắng trận, nhưng chưa hả dạ, đào mã lấy xác cụ Phan trộn thuốc súng làm đạn, bỏ vào súng đại bác bắn cho tiêu xác trên sông Lam giang.

Đây là "trò chơi" độc đáo nhất của "cụ" Khả, đúng là *"Đức lớn tài cao, trí có thừa; Đại thân Thị vệ tiếng khi xưa..."* ('Nhân Vật Giáo Phận Huế', Lê Ngọc Bích, sách đd, trang 109).

Cái tâm chất "trí có thừa" này hẳn là một nhiễm-sắc-thể di truyền khó thoát : các hậu duệ của ông Khả như Ngô Đình Khôi – đã từng nổi danh với cách dùng mẫn sầnh và nước lạnh để tra khảo những người làm cách mạng lúc ông làm Tổng đốc Quảng Nam, hay "cụ Ngô" hồi làm quan lớn cũng từng dùng đèn cầy hơi nóng hậu môn tù nhân ngay lỗ khoét của ghế ngồi để tra khảo tù nhân cách mạng. Có người đã cho rằng, một kẻ làm đến tổng thống, khi đã ra lệnh tấn công chùa chiền, bắt bớ hàng ngàn tăng ni, thì việc ác nào cũng có thể làm. Hậu duệ Ngô Đình Cần với 'Chín Hầm' ở gần Phủ Cam, Huế là nơi đã bức tử, hại sinh biết bao sinh mạng vô tội; hay một đứa con khác đã đi tu tới chức Giám mục rồi, mà vẫn đeo đẳng tình thân:

*"Ngô Đình Thục háo danh thêm chức tước,
Tiếm loạn quyền nên cả nước khinh khi,
Tu hành gì mà gian ác sân si!
Thế mà vẫn nghiêm nhiên làm Giám mục..."*

(Nguyễn Mạnh Quang, 'Thực Chất của Giáo Hội La Mã', tập 2, tác giả xb, trang 571).

Nhận định về công trạng của hai đại dòng họ Nguyễn Hữu-Ngô Đình đã đóng góp cho thể quyền (Đại Pháp) và giáo quyền (Giáo hội Công giáo Vatican) lớn tới đâu, chỉ có trong nội bộ của hai thể lực này biết thôi, nhưng có một câu về trong dân gian ở Huế về hai nhân vật này *"Đày vua có Khả, đào mã có Bài"* vẫn còn là dấu hỏi. Dấu hỏi bởi, theo các tài liệu lịch sử Giáo hội Công giáo Việt Nam viết thường là ca tụng hai nhân vật "độc đáo" này hết lời, và tất nhiên câu về dân gian trên được sửa lại:

"Phé Vua không Khả, Đào mã không Bài" ("Nhân Vật Giáo Phận Huế", sách đd, tập I, trang 115) để ám chỉ tới lập luận của chính họ: Bài đã từng "lên tiếng" ngăn chặn, dù không thành, Khâm sứ Mahé ngang ngược bắt khai quật lăng Vua Tự Đức lấy vàng ngọc châu báu vào năm 1907, dưới triều Vua Duy Tân. Ông Thượng Ngô Đình Khả "phản đối" Pháp trong âm mưu truất phế và đày Vua Thành Thái ('cũng chỉ lên tiếng thôi mà không thành!'). Cho tới hôm nay, các nhà viết sử ở nước ngoài chưa thấy ai nói rõ điều này một cách rạch ròi cho thỏa lòng dân Huế. Đến ngay cả tác giả Hoàng Trọng Thước trong "Hồ Sơ Vua Duy Tân" (Thanh Hương xuất bản 1984, Hoa Kỳ) cũng dùng tài liệu cũ vốn thiếu phần chính xác để xác nhận việc Ngô Đình Khả không chịu ký tờ biểu vua thoái vị (trang 410). Nhưng với vai trò "Thị vệ" (đúng nghĩa là làm nhiệm vụ cảnh sát và báo cáo) báo cáo mọi hành vi, nhất cử nhất động của Vua Thành Thái lên quan Đại Pháp, thì sự việc ông Khả có lên tiếng "phản đối" âm mưu "truất ngôi, đày vua" có thật hay không cũng chẳng có giá trị thuyết phục nhân dân Việt thay đổi cái nhìn về bản chất và hành động của Bài và Khả.

Theo nhận xét qua phương pháp phân tích sử liệu của Vũ Nguỵ Chiêu ('Các Vua Nhà Nguyễn', tập 2), chúng ta thấy có sự mâu thuẫn giữa Giáo hội Công giáo (bản xứ + truyền giáo) và chính quyền thực dân về việc truất phế Thành Thái. Báo 'L'Avenir de Tonkin' (có cổ phần của Hội Truyền giáo) đã báo cáo về Paris rằng: *"Có vẻ Thành Thái đã rửa tội trong một cơn bệnh nặng trước khi lên ngôi (1884). Hội Truyền giáo chẳng bao giờ chống lại vua; vài năm trước Hội đã vận động để cắt cử một giáo dân Ki-tô, Ngô Đình Khả, vào chức vụ thân cận cho phép hành xử trên vua những ảnh hưởng trực tiếp và liên lụy..."* (trang 583).

Quan điểm của chính quyền thực dân Pháp (qua đại biểu Khâm sứ F. Levecque, có khuynh hướng Tam Điểm ('Freemason' – vốn không ưa Công giáo Rôma) không quan tâm lắm tới một ông vua bù nhìn có "rửa tội" hay không, mà là một ông vua tương đối "tử tế", biết vâng lời nước Pháp và quan Đại Pháp.



Ngô Đình Khả

Trong lúc Hội Truyền giáo và nhóm Ki-tô thì thích một ông vua đã rửa tội hơn, và điều quan trọng nhất là họ có khả năng kiểm soát và kiềm chế ông vua này không. *"Ngô Đình Khả – người được giao chức quan Thị vệ và an ninh Cẩm thành – bị nghi là gieo rắc những ảnh hưởng tai hại trên vua."* (Vũ Ngự Chiêu, tập 2, sách đd, trang 585). Trong lá thư ngày 15/8/1907, Khả vận động 154 học sinh Quốc Tử Giám gửi Khâm sứ Levecque tỏ lộ rằng: *"Yêu cầu Pháp ban cho họ một ông vua mà chỉ nguyên sự hiện diện đủ trấn an tinh thần binh sĩ và các liệt thần của đế quốc."* (sách đd, trang 585). Do đó, vấn đề Khả dù có chống việc "phế ngôi, đày vua", không phải vì ông ta thương xót gì triều đình nhà Nguyễn, lo cho sơn hà xã tắc nước Nam, mà do điều đó có phù hợp với mưu đồ hợp tung giữa Bài và Khả, có được lòng Giáo hội Mẹ, quyền lợi nước Đại Pháp và khả năng khuynh loát triều chính hay không? Câu trả lời : ngày 3/9/1907, Nguyễn Hữu Bài, cùng Phủ Phụ Chính (tất nhiên trong đó có Khả) chấp nhận giải pháp của nước Đại Pháp, và hơn một tháng sau (17/10/1907), Vĩnh San (hoàng tử thứ hai mới 10 tuổi) lên ngôi, Thành Thái phải rời Huế đi Bà-ri-a, mở đầu cho cuộc đời tù đày long đong viễn xứ của ông vua già diên này.

Một tài liệu khác trong "Lịch Sử Phật Giáo Huế" của Thượng tọa Thích Hải Ấn và Hà Xuân Liêm (nhà xb TP/Hồ Chí Minh 2000) lại trưng ra những chứng cứ đơn giản hơn, khẳng quyết Nguyễn Hữu Bài là kẻ đã đồng ý đào mã Vua Tự Đức : *"Nguyễn Hữu Bài là người đã ký giấy để bọn thực dân Pháp quật lăng Vua Tự Đức. Điều này có thể không sai, bởi vì ông đã nói với ông A. Delvaux là "nước Pháp đã mở rộng nên bảo hộ của họ một cách "cực chẳng đã", nghĩa là điều nước Pháp không muốn, họ vẫn bị đẩy bởi sự vi phạm không ngừng các hiệp ước do triều đình Vua Tự Đức gây nên."* (dẫn theo LSPGH, trang 355-356 A. Delvaux, 'Quelques précisions sur une période troublée d'histoire d'Annam' – Bulletin des Amis du Vieux de Hue số 3, năm thứ 28). Đây là lối luận định - tư tưởng đã như vậy thì hành động không thể khác. Riêng Ngô Đình Khả *"là người đã ký giấy cho bọn thực dân Pháp đày Vua Thành Thái sang Réunion. Dân Huế còn truyền tụng "Đày vua ông Khả, đào mã ông Bài" (trang 356). "Lịch Sử Phật Giáo Huế" đã kết luận về con người ông Khả rằng : "Mấy chữ sau đây của ông Nguyễn Đình Hòe nói về ông Ngô Đình Khả, mà Louis Sogny trích lại trong bài viết của ông ở BAVH (Bulletin des Amis du Vieux de Hue), tưởng là quá đủ: "...un grand serviteur de la France..." Cho nên đối với nước Việt Nam và dân tộc Việt Nam, nhất là dân Huế, thì ông Ngô Đình Khả đã bị "tombé dans l'oubli depuis longtemps" như lời ông Nguyễn Đình Hòe đã nói vào đầu thế kỷ 20 này là điều hiển nhiên vậy."* (LSPGH, trang 357).

Đúng vậy, cái 'tên' Ngô Đình Khả – "một đại-tội-tớ cho nước Pháp" đã bị tiêu trầm trong lòng người dân Huế một thời gian dài đằng đằng, nhưng dòng họ Ngô Đình chỉ thật sự hoàn toàn "xóa sổ" vào ngày 13/12/1984, lúc Tổng Giám mục Ngô Đình Thục (con trưởng nam cuối cùng của dòng họ Ngô Đình) lìa trần trong tình trạng "tù đày" (captivity) cô độc sau một thời gian dài công khai chống lại Vatican. Còn một chút ảo vọng

khác là Hồng y Nguyễn Văn Thuận (cháu ngoại của Ngô Đình Khả (*)), trong niềm mơ ước hoang tưởng của một số người Công giáo hoài Ngô ôm ấp viễn mộng một ông Giáo hoàng Việt Nam đầu tiên – ngày 16/9/2002 cũng đã "về với Chúa". Ngoài những "hậu duệ" bàng dân thiên hạ như : Nguyễn Văn Lục, Thoma Thiện, Lữ-Giang-Tú-Gàn còn tỏ chút "Đôi dòng ghi nhớ", và những bùi ngùi, luyến thương công khai hoặc âm thầm khác; từ đây không biết còn có những tung hô "dựng đền tạc tượng" dòng họ Ngô Đình nữa hay không – cũng chỉ vì những băng khuâng tiếc nuối, mơ tưởng về đồng của phù vân đã tan biến theo dòng đời ?

Nguyễn Hạnh Hoài Vy

(Thu 2002 - hồi tưởng về 1.11.63)

[(*) Trích sau đây là một đoạn qua bản tin "Hồng y Nguyễn Văn Thuận từ trần" của website ở Paris tháng 10 năm 2002 : "Theo thông tin viên của chúng tôi ở Roma, cách đây vài tháng, em trai của hồng y, ông Nguyễn Văn Tuyên, đã từ trần tại Houston, Texas. Ông Tuyên sống độc thân sau khi li dị, chết đơn độc không ai hay. Nhiều ngày sau, bạn bè mới phát hiện khi thấy đàn quạ bay vùn vụt trên nóc nhà"].
NDVN, ngày 16/7/06

000)))(((000

Bát cơm Bảo hộ của Ngô Đình Khôi

Tiên Sĩ Sử Học Vũ Ngu Chiếu

Sử gia Vũ Ngu Chiếu đã tìm được trong văn khố Pháp một [tài liệu quan trọng](#) giúp chúng ta biết được thái độ “chống Pháp” của người trong gia đình Ngô Đình Diệm:

Sau khi Đệ Nhị Thế Chiến bùng nổ, anh em ông Ngô Đình Khôi, Ngô Đình Diệm đã nương vào thế lực của đoàn quân viễn chinh Nhật tại Việt Nam để hoạt động chống Pháp. Mùa hè năm 1944, tổ chức Đại Việt Phục Hưng Hội của họ Ngô bị Mật Thám Pháp khám phá và hơn 50 thành viên của hội bị bắt giam. Ngô Đình Diệm may mắn được người Nhật giúp thoát khỏi bàn tay người Pháp, nhưng Ngô Đình Khôi thì lại phải đối diện với cơ quan an ninh của chế độ Bảo Hộ.

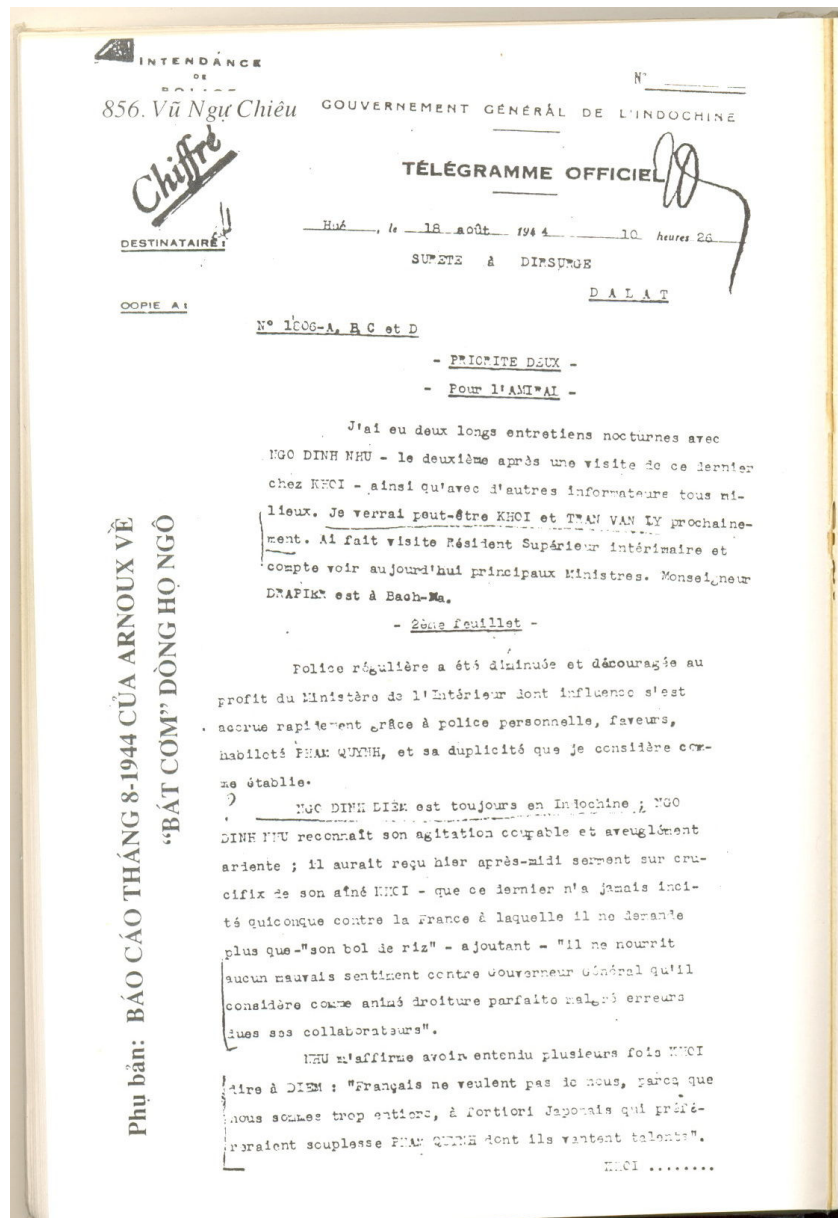
Ông Khôi đã nhờ Ngô Đình Nhu nói với Tổng Giám Đốc Cảnh Sát Paul Arnoux ông ta xin thề ông không bao giờ xúi ai chống Pháp và chỉ mong được nhận bát cơm từ tay nước Pháp mà thôi. Sau đây là nguyên văn trong bức [điện tín](#) mà Arnoux đã gửi cho Toàn Quyền Jean Decoux để báo cáo thượng cấp về vụ này:

“NGO DINH DIEM est toujours en Indochine. NGO DINH NHU reconnaît son agitation coupable et aveuglement ardente; il aurait reçu hier après-midi sur crucifix de son aîné KHOI – que ce dernier n’a jamais incité quiconque contre la France à laquelle il ne demande plus que ‘son bol de riz’ ajoutant ‘il ne nourrit aucun mauvais sentiment contre gouverneur général qu’il considère comme animé droiture parfaite malgré erreurs dues ses collaborateurs’.”

[NGÔ ĐÌNH DIỆM thì vẫn luôn luôn ở Đông Dương. (Còn) NGÔ ĐÌNH NHƯ thì thú nhận tội sách động và nhiệt tình mù quáng; chiều hôm qua, Nhu thề trước thập giá là người anh trưởng (Ngô Đình) Khôi không bao giờ xúi dục ai chống lại nước Pháp là quốc gia mà Khôi không đòi hỏi gì hơn là “*bát com*”, và thêm rằng *Khôi không nuôi trong lòng một tình cảm xấu xa nào đối với quan Toàn quyền mà Khôi cho là biểu hiện sự ngay thẳng tuyệt hảo dù những cộng sự viên của quan có làm lỗi*” – Ban Chủ biên dịch]

Thái độ của Ngô Đình Khôi thật khác thái độ của những vị chí sĩ đấu tranh chống Pháp như Nguyễn An Ninh hay Nguyễn Thế Truyền rất xa. Ninh chết trong tù ngoài Côn Đảo còn Truyền bị đày sang Madagascar.

Bản phóng ảnh của bức điện tín nói trên đã được in lại trong: Vũ [Ngự Chiêu, Các Vua Cuối Nhà Nguyễn, Tập 3, Văn Hóa, 2000, tr. 856.](#)



[Nguồn: <http://virtualarchivist.wordpress.com/page/2/>]

Dòng họ Ba đời làm Việt gian

Ngô Đình Thục

Ngài việc làm tay sai cho Pháp đã được Giám Mục Ngô Đình Thục thuật lại khá rõ trong lá thư dưới đây, ông Ngô Đình Khả, thân sinh của ông Ngô Đình Diệm, đã cùng với tên Việt-gian Nguyễn Thân đào mả và đốt xác vị anh hùng ái quốc Phan Đình Phùng, rồi lấy tro trộn với thuốc súng mà bắn cho hả giận.

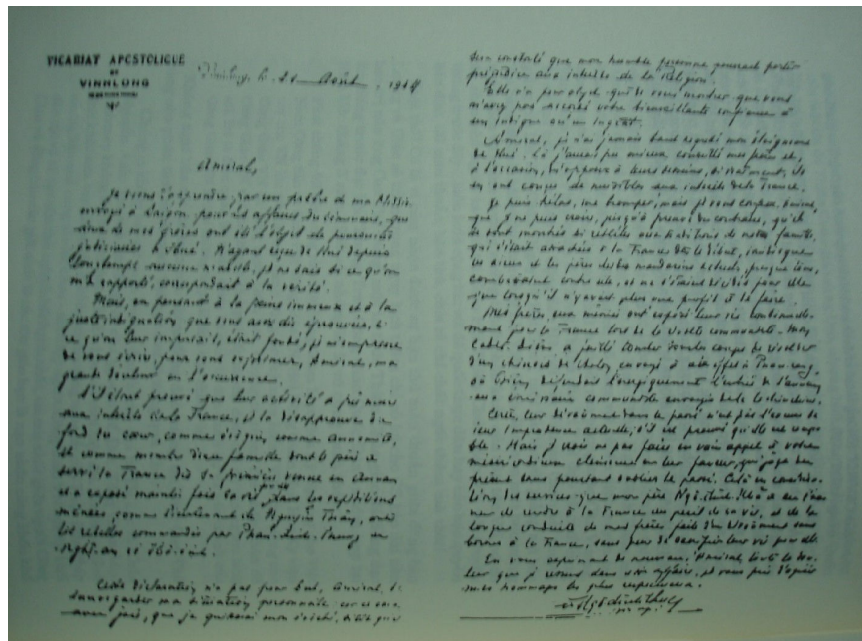


Figure 2

BẢN DỊCH THƯ VIẾT TAY BẰNG PHÁP NGỮ CỦA GIÁM MỤC NGÔ ĐÌNH THỤC GỬI ĐÔ ĐỐC JEAN DECOUX, TOÀN QUYỀN ĐÔNG DƯƠNG

Tòa Truyền Giáo Vĩnh Long ngày 21/8/1944

Thưa Đô Đốc,

Một linh mục từ bốn Tòa được phái đi Sài Gòn để lo việc cho chủng viện vừa cho tôi biết rằng hai người em của tôi đang bị truy tố tại Huế. Vì đã lâu không nhận được tin tức gì từ Huế, tôi không biết là điều tôi vừa

được báo cáo có đúng sự thực hay không.

Tuy nhiên, nghĩ đến nỗi đau đớn và sự bất nhẫn rất đúng mà chắc là Đô Đốc đã cảm thấy – nếu sự truy tố các em tôi là có thật, tôi vội viết thư này để bày tỏ với Đô Đốc **nỗi đau đớn lớn lao của tôi** về việc này.

Nếu hoạt động của hai em tôi được chứng tỏ là **có hại cho quyền lợi nước Pháp** thì – với tư cách của một Giám mục, của một người An-nam, và **với tư cách là người con của một gia đình mà thân phụ tôi đã phục vụ nước Pháp ngay từ khi Pháp mới đến An-nam, và đã nhiều lần đưa mạng sống cho nước Pháp trong các cuộc hành quân mà cha tôi cầm đầu, dưới quyền Nguyễn Thân, chống lại các kẻ nổi loạn do Phan Đình Phùng chỉ huy, tại Nghệ-an và Hà-tĩnh** – tôi, tự đáy lòng, không chấp nhận [hoạt động của các em tôi].

Thưa Đô Đốc, tôi tuyên bố như vậy không phải với mục đích bảo toàn địa vị cá nhân của tôi: bởi vì nếu xét rằng cá nhân hèn mọn của tôi có thể phương hại đến quyền lợi của đạo [Thiên Chúa], tôi sẽ vui vẻ rời khỏi Tòa Giám mục này ngay.

Lời tuyên bố của tôi chỉ có mục đích là tỏ cho Đô Đốc thấy rằng **lòng tin tưởng triu mến của Đô Đốc [đối với tôi] đã không bị đặt vào một kẻ bất xứng hay vô ơn.**

Thưa Đô Đốc, tôi chưa bao giờ tiếc là đã xa Huế như thế này. Giá có mặt ở đây thì tôi đã có thể khuyên răn các em tôi tốt hơn, và khi chuyện xảy đến tôi đã có thể chống lại các chủ đích của các em tôi, nếu quả thật các em tôi có nghĩ đến những dự định có thể gây hại cho quyền lợi nước Pháp.

Có thể tôi lầm, tuy nhiên, thưa Đô Đốc, cho đến khi được chứng minh ngược lại, tôi xin thú thực là không tin rằng các em tôi đã phản lại **truyền thống của gia đình chúng tôi đến như thế, một gia đình đã tự mình gắn liền với nước Pháp từ lúc ban đầu, trong khi ông cha của những quan lại bây giờ hầu hết đều chống lại Pháp** và chỉ quyết định thiên về Pháp khi thấy có lợi.

Ngay chính **các em tôi đã từng liên tục đưa mạng sống ra vì nước Pháp**, trong cuộc nổi loạn của Cộng Sản. Diệm, người em kế tôi, suýt đã phải ngã gục dưới những phát súng của một Hoa kiều Chợ Lớn được phái đến Phan-rang với mục đích hại Diệm, Phan-rang là nơi mà Diệm đã mãnh liệt chống giữ lối xâm nhập vào An-nam của các cán bộ Cộng Sản từ Nam Kỳ phái đến.

Lẽ tất nhiên, **sự tận tụy của các em tôi** trong quá khứ không phải là điều nêu ra để làm cơ mà biện hộ cho hoạt động bất cần của họ ngày hôm nay, nếu sự bất cần này được chứng tỏ là điều đã gây nên tội. Tuy nhiên, tôi không nghĩ là tôi đã làm chuyện vô ích khi **kêu gọi đến sự khoan hồng đầy xót thương của Đô Đốc hầu xét với hảo ý trường hợp các em tôi**. Đô Đốc không phải là người chỉ xét đến hiện tại mà lại bỏ quên đi quá khứ. Tôi nêu ra điều này khi xét thấy rằng **thân phụ tôi là Ngô Đình Khả đã từng được vinh dự phục vụ nước Pháp** dù sinh mạng bị hiểm nguy, và khi xét đến quá trình lâu dài của các em tôi, một quá trình được hình thành bằng **lòng tận tụy vô bờ của các em tôi đối với nước Pháp, mà không sợ phải hy sinh mạng sống của mình cho nước Pháp**.

Thưa Đô Đốc, một lần nữa bày tỏ với Đô Đốc tất cả niềm đau đớn của tôi trong vụ này, tôi xin Đô Đốc vui lòng nhận nơi đây lời kính chào trân trọng nhất của tôi..

NGÔ ĐÌNH THỰC (ký tên)

Vicariat Apostolique de Vinh Long
(Cochinchine)

Vinh Long, le 21 Aout 1944

Amiral,

Je viens d'apprendre par un prêtre de ma Mission, envoyé à Saigon pour les affaires du séminaire, que deux de mes frères ont été l'objet de poursuites judiciaires à Hué. N'ayant reçu de Hué depuis longtemps aucune nouvelle, je ne sais si ce qu'on m'a rapporté correspondait à la vérité.

Mais, en pensant à la peine immense et à la juste indignation que vous avez éprouvée, si ce qu'on leur imposait était fondé, je m'empresse de vous écrire, pour vous exprimer, Amiral, ma grande douleur en l'occurrence.

S'il était prouvé que leur activité a pu nuire aux intérêts de la France, je la désapprouve du fond du cœur, comme évêque, comme annamite, et comme membre d'une famille dont le père a servi la France dès sa première venue en Annam et a exposé maintes fois sa vie pour elle dans les expéditions menées, comme lieutenant de Nguyễn Thân, contre les rebelles commandés par Phan Đình Phùng à Nghệ An et Hà Tĩnh.

Cette déclaration n'a pas pour but, Amiral, de sauvegarder ma situation personnelle: car ce sera avec joie que je quitterai mon évêché si tôt qu'il sera constaté que mon humble personne pourrait porter préjudice aux intérêts de la Religion.

Elle n'a pour objet que de vous montrer que vous n'avez pas accordé votre bienveillante confiance à un indigne ou à un ingrat. Amiral, je n'ai jamais tant regretté mon éloignement de Hué. Là j'aurais pu mieux conseiller mes frères et, à l'occasion, m'opposer à leur dessein, si vraiment ils en ont conçu de nuisibles aux intérêts de la France.

Je puis hélas me tromper, mais je vous confesse, Amiral, que je ne puis croire, jusqu'à preuve du contraire, qu'ils se sont montrés si rebelles aux traditions de notre famille, qui s'était attachée à la France dès le début, tandis que les aïeux et les pères des mandarins actuels, presque tous, combattaient contre elle, et ne s'étaient décidés pour elle que lorsqu'il n'avait plus que profit à le faire.

Mes frères eux-mêmes ont exposé leur vie continuellement pour la France lors de la révolte communiste. Mon cadet Diệm a failli tomber sous les coups de revolver d'un chinois de Cholon envoyé à cet effet à Phan Rang où Diệm défendait énergiquement l'entrée de l'Annam aux émissaires communistes envoyés de la Cochinchine.

Certes, leur dévouement dans le passé n'est pas l'excuse de leur imprudences actuelles; s'il est prouvé qu'elle est coupable. Mais je crois ne pas faire en vain appel à votre miséricordieuse clémence en leur faveur, qui juge du présent sans pourtant oublier le passé. Cela en considération des services que mon père Ngô Đình Khả a eu l'honneur de rendre à la France au péril de sa vie, et de la longue conduite de mes frères faite d'un dévouement sans bornes à la France, sans peur de sacrifier leur vie pour elle.

En vous exprimant de nouveau, Amiral, toute la douleur que je ressens dans cette affaire, je vous prie d'agréer mes hommages les plus respectueux.

NGO DINH THUC

ooo XXX ooo

Jean Baptiste Ngô Đình Diệm (1897 - 1963): Thời Kỳ Chưa Năm Quyền, 1897-1954

Chính Đạo

1. Phần 1

Ngày 25/4/1961, Tướng Edward G. Lansdale—người được coi như hiểu biết rất rõ Việt Nam Cộng Hòa [VNCH]—viết báo cáo lên Thứ trưởng Quốc phòng Roswell L. Gilpatric, Chủ tịch Ủy Ban Đặc Nhiệm Việt Nam [Presidential Task Force on Vietnam], về “No Din Zee’em” (Ngô Đình Diệm) như sau:

Ông ta lùn, mập tròn. . . Nhiều người không chú ý đến cặp mắt đen hay liếc trộm [snapping] của ông ta mà chỉ chú ý đến cặp giò vừa đủ chạm mặt đất khi ngồi. Tuy nhiên, ông ta không cảm thấy ngượng ngùng về chuyện lùn, và có vẻ rất tự nhiên chung quanh những người Mỹ cao lớn. . . .

Ông ta tỏ vẻ ăn uống ngon lành (và thường có sở thích ăn ngon). Nụ cười của ông ta có vẻ e dè và bất thường. . . . Diệm sinh ngày 3/1/1901. . . Năm 25 tuổi [1926], Diệm đã được cử làm quan đầu tỉnh. Nhưng sau “sáu tháng làm Thượng thư” Diệm từ chức, trở thành “người hùng thực sự của người Việt.” Từ đó, anh em Diệm “âm thầm chống cả Pháp lẫn Cộng Sản.” Diệm là một người độc thân 60 tuổi, “đã cắt bỏ mối tình với người yêu đầu đời để dâng hiến cho tổ quốc.”(1)

Thực ra, Lansdale dường như không muốn viết rõ, hoặc không biết nhiều về Tổng thống Diệm cũng như họ Ngô. Hầu hết chi tiết về hộ tịch Diệm hay thành tích chống Pháp của Diệm và gia đình Ngô Đình Khả, đều thiếu chính xác. Các học giả thế giới cũng chẳng bận tâm đến việc tu chỉnh lại tiểu sử người cầm đầu phe thua cuộc.(2)

Đáng buồn hơn nữa, lịch sử Việt Nam, dưới mắt nhiều học giả thế giới, chỉ là một thứ câu chuyện thêm thắt vào [anecdotes] chính sách và sự can thiệp của các cường quốc như Mỹ, Nga, Trung Hoa, Pháp, Bri-tên, Nhật, v.. v... Người Việt cũng có lý do riêng để không muốn thấy có một tiểu sử chính xác về Diệm, từ chính trị, tôn giáo, tới ý thức hệ. Nên chẳng ngạc nhiên khi khối văn chương hiện hữu về họ Ngô hay Đệ nhất Việt Nam Cộng Hòa tràn ngập những lời “cung vãn” hoặc “đào mộ,” bất chấp sự thực.

Bài viết này nhằm điền vào khoảng trống nói trên. Tư liệu chúng tôi sử dụng cơ bản là tập tiểu sử chính phủ Diệm do cơ quan an ninh Pháp thành lập vào tháng 7/1954, hiện vẫn còn chưa giải mật. Ngoài ra, còn nhiều tư liệu văn khố Pháp, Mỹ, Nga, Trung Hoa, cùng các tài liệu nguyên bản khác, kể cả tiểu sử Ngô Đình Diệm do cơ quan an ninh Mỹ biên soạn ngày 18/4/1957, nhân dịp Diệm sắp qua thăm Mỹ.(3) Tiểu sử này, dĩ nhiên, không đầy đủ.

I. SƠ LƯỢC GIA THỂ:

Ngô Đình Diệm, ngoài tên “thánh” Jean-Baptiste [Gioan Bao-xi-ta], còn có bí danh Nguyễn Bá Chính. Theo an ninh Pháp, Diệm sinh ngày 27/7/1897 tại Đại Phong [Phuong] hay Đại Phong Lộc, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.(4)

Cha là Ngô Đình Khả (1856-1914), một tín đồ Ki-tô tân tông, xuất thân thông ngôn cho Pháp, sau đổi qua ngạch quan lại Việt, lên tới Đề đốc Kinh thành (1905-1907).(5) “Mẹ” là Phạm Thị Thân.



Gia đình Ngô Đình

Anh em Diệm khá đông, gồm sáu trai, hai gái. Khôi, con vợ lớn, là anh cả. Diệm, theo lời đồn, đứng hàng em của Khôi, Thục, và anh Ngô Thị Hiệp (bà Cả Lễ, chồng là Nguyễn Văn Âm, sinh ra cố Hồng y Nguyễn Văn Thuận), dù tuổi “chính thức” Diệm lớn hơn Thục hơn hai tháng. Dưới Diệm có Nhu Cần, Luyện, cùng một người em gái khác. Vì Khả chết khi Diệm còn nhỏ (17 tuổi khai sinh), Khôi quyền huynh thế phụ. Khôi chết, Thục có ảnh hưởng nhất trên Diệm, với cương vị một Giám mục.

Cha đỡ đầu là Nguyễn Hữu Bài (1863-1935), nhạc phụ Khôi, một thủ hạ cũ của Khả, cũng một Thượng thư uy quyền và đầy mưu mô tại Huế từ 1907 tới 1933. Theo tài liệu Pháp, Bài đã nuôi dưỡng Diệm từ nhỏ. Bài cũng có ý định chọn Diệm làm con rể, nhưng vì lý do nào đó không thành. Con gái Bài sau đi tu dòng kín Carmel.(6)

Sau khi lên cầm quyền, Diệm đổi ngày sinh thành 3/1/1901. Chẳng hiểu tại sao có việc “thay đổi” hộ tịch trên. Việc thay tên, đổi họ và ngày sinh tháng đẻ là việc thường xảy ra ở Việt Nam. Trước hết, vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, việc khai hộ tịch không được kiểm soát chặt chẽ. Viên chức xã ấp tại thôn quê không đặt nặng sự chính xác về ngày sinh của trẻ em. Cha mẹ nhiều khi khai rút tuổi con cái vì mục đích nào đó, như đi học hay khai sưu thuế. Hơn nữa, việc đổi từ ngày nhật (dương) lịch qua nguyệt (âm) lịch rất phức tạp, đôi khi cha mẹ dùng ngày tháng sinh nguyệt lịch làm ngày tháng nhật lịch, rồi dùng năm nhật lịch tương đương trong khai sinh. Thông thường, cha mẹ hay khai rút tuổi các con. Nhưng rất hiếm trường hợp cha mẹ khai con mình tăng thêm ba bốn tuổi, ngoại trừ có biệt lệ nào đó. Phải chăng Diệm rơi vào trường hợp đặc biệt này, vì nếu sinh năm 1901, Diệm không thể nào được tập ấm chức Cửu phẩm và làm việc tại Tân Thư Viện Huế năm 1917, khi mới 16 tuổi.(7).

Theo Luyện, em út trong gia đình họ Ngô, Diệm đã khai tăng bốn tuổi (tức từ 16 lên 20 tuổi) để có thể vào trường Hậu Bô. Điều này khó tin, vì mãi tới năm 1918-1919, Diệm mới học trường Hậu bô.(8)

Luyện cũng là nhân chứng không đáng tin cậy. Thí dụ như khi được hỏi về vai trò chính trị của Luyện, Luyện nói được lệnh “đứng ngoài chính trị.” Thực tế, từ thập niên 1940, Luyện đã hoạt động với các tổ chức thân Nhật, và trở thành đặc sứ của Diệm với Bảo Đại, trước khi nắm chức Đại sứ tại London. Luyện cũng tung ra những tin đồn về giao tình giữa Luyện và Bảo Đại, mà theo Bảo Đại không hề có.(9) Và, như đã lược nhắc, Diệm được tập ấm chức Cửu phẩm, làm việc tại Tân Thư Viện Huế từ năm 1917, trước khi vào trường Hậu Bô.

Một ký giả ngoại quốc, Robert Sharplen, ghi rằng theo Diệm, khoảng năm 1915-1916, Diệm đã man khai hộ tịch để dự thi bằng tương đương tốt nghiệp trung học.(10) Chi tiết này không sát sự thực. Mãi tới giữa thập niên 1920, mới có những cuộc thi lấy bằng Tú Tài I và II chương trình Pháp-Nam. Bằng cấp mà Diệm thi tương đương chỉ là bằng Cao đẳng tiểu học (Diplôme), gần tương đương với bằng Trung học phổ thông đệ nhất cấp. Tài liệu thành văn cũng chứng minh Diệm đã vào quan trường từ năm 1916 hoặc 1917, với chức cửu phẩm tập ấm tại Tân Thư viện, mà không phải sau khi đã tốt nghiệp trường Luật Hà Nội năm 1921 như

Diệm khoa trương hay Sharplen ghi. Thực tế, Diệm vào trường Hậu bổ từ niên khóa 1918-1919, và chỉ học tại Hà Nội một niên khóa 1920-1921.

Một động lực trong việc sửa đổi hộ tịch có lẽ là để hợp thức hóa vai “em” của Diệm với Giám Mục Thực-Thực sinh ngày 6/10/1897 tại Phước Quả, Thừa Thiên, thua Diệm hơn hai tháng. Nhưng cũng có thể, và điều này cần được tra cứu thêm, Diệm không man khai hộ tịch, mà rất đơn giản là không cùng mẹ (Phạm Thị Thân) với anh chị em khác. Có lẽ vì muốn che đậy bí ẩn này, tiểu sử Khôi và Thực trong tập Vua chúa và người quý phái Đông Dương [Souverains et Notabilités] năm 1943 không ghi ngày sinh.(11)

Tài liệu văn khố Pháp cũng ghi Diệm sinh tại Đại Phong Lộc, Lệ Thủy, Quảng Bình, mà không phải Phước Quả, Thừa Thiên, giống như Thực, Nhu, Cẩn, Luyện, v.. v... Địa danh “Đại Phong Lộc” từng được khai là nơi sinh của Khôi, anh cả trong gia đình, con Khả và người vợ lớn đã chết sớm, trước khi Khả lấy bà kế thất tên Thân.(12)

Rất ít chi tiết về học vấn Diệm được công bố. Có tin Diệm tự học ở nhà, rồi học trường Pellerin ở Huế, và tốt nghiệp Diplôme. Diệm biết cả chữ Nho [Hán Việt]. Lại có tin Diệm học ở chủng viện, năm 1915, định đi tu, nhưng sau đó bỏ dở nửa chừng.(13) Bởi thế, nhiều tài liệu cho rằng Diệm thuộc loại “religious fanatic” [cuồng đạo]. (14)

II. “BÁT CƠM” BẢO HỘ PHÁP:

Trong nỗ lực biến hóa Ngô Đình Diệm thành một “lãnh tụ anh minh” đủ sức đương đầu với Hồ Chí Minh–kiểu “ăn Ngô thì no, ăn Hồ thì đói”–cơ quan tuyên truyền Mỹ và Nam Việt Nam tô chuốt cho Diệm những bằng hiệu như “yêu nước, chống Pháp,” v.. v... “Yêu nước” là một nhận xét khó lượng định, vì chỉ có mỗi cá nhân mới tự biết rõ mình yêu nước hay không. Có nhiều cách biểu lộ lòng yêu nước, nên khó thể sử dụng một hệ thống lượng giá cố định. Tám huy chương nào cũng có mặt trái của nó. “Chống Pháp” thì dễ lượng định hơn. Tinh thần chống Pháp của Diệm, hay họ Ngô, chỉ là những triển biến vào khoảng cuối đời, và động lực không hẳn do lòng yêu nước thuần túy, mà nặng về tôn giáo cùng quyền lợi bản thân và dòng họ. Thực ra, Diệm xuất thân từ một gia đình trung gian bản xứ Ki-tô, phục vụ Bảo hộ Pháp rất tận tụy. Khả, cha Diệm, từng lên tới chức chánh thông ngôn tòa Khâm sứ Huế dưới thời Pierre Rheinart des Essarts, rồi chuyển sang làm thương biện Viện Cơ Mật. Ngày 10/4/1892 Khả dịch công văn của triều Huế xin Toàn quyền Jean de Lanessan đừng gửi ra Huế những người như Petrus [Key], Nguyễn Trọng Tạo, Lê Duy Hình, hay Diệp Văn Cương, v.. v... Khả cũng tham dự chiến dịch đánh phá phong trào kháng Pháp tại Hà Tĩnh-Quảng Bình của Ngự sử Phan Đình Phùng (1847-1895) trong hai năm 1895-1896, và được đặc cách lên Thái thường tự khanh (Chánh tam phẩm) năm 1896, sau khi hài cốt Ngự sử Phùng bị đốt thành tro, ném xuống sông Lam “theo [lời trừng phạt] truyền thống.”(15)

Sau một thời gian làm Phó Giám đốc trường Quốc Học Huế, đặc trách nhà cửa, lương bổng và hành chính, Khả được chức Đề đốc kinh thành, lo bảo vệ và kiểm soát Thành Thái (1889-1907), cầm đầu một toán thân binh cạo răng trắng, hót tóc ngắn, mang súng trường, nhưng nhiệm vụ chính yếu–nếu tin được báo cáo của Hiến binh Pháp–chỉ để giúp vua lòng sục và bắt cóc gái đẹp quanh kinh thành. Sau khi về hưu, Khả được hàm Thượng thư.(16)

Khôi, anh cả họ Ngô, bắt đầu “tham chánh” năm 1910, sau khi tốt nghiệp trường Hậu bổ. Khoảng 6 năm đầu, Khôi làm tại văn phòng Bộ Công do cha vợ làm Thượng thư. Sau ngày tiếp tay cho Khải Định (1916-1925) lên ngôi, Bài được thăng Thượng thư Bộ Lại, và Khôi bắt đầu đi ngôi huyện, phủ, rồi lên tới Bộ chính, Tuần vũ, Tổng đốc khá nhanh.

Diệm thì năm 1917 được tập ấm chức Cửu phẩm, làm việc tại Tân thư viện Huế (tức Musée Khải Định sau này), nơi đặt trụ sở Hội Bạn của Cố đô Huế, và có bài đăng báo Bulletin des Amis de Vieux Hué [Đô thành hiếu cổ]. Năm 1918-1919, Diệm vào trường Hậu bổ Huế. Người đỡ đầu có lẽ là Nguyễn Đình Hòe, một phụ tá cũ của Khả trong chiến dịch truy giết Ngự sử Phùng, lúc đó làm Giám đốc trường (năm 1921 giữ chức Tổng thư ký Viện Cơ Mật). Thời gian này, triều đình đã bỏ lối thi Hương và thi Hội cũ, và trường Hậu bổ

mở thêm phân khoa “pháp chính” [hành chính và luật] của trường Đại học Hà Nội. Học viên học tại Huế hai năm đầu, và năm thứ ba phải ra Hà Nội. Có lẽ Diệm được chuyển qua chương trình này.

Tốt nghiệp, nhờ sự nâng đỡ của Thượng thư Bài, năm 1922 Diệm được bổ nhậm ngay. Năm 1929 [1926?], Diệm lên tới chức đầu tỉnh, Quản đạo Ninh Thuận (Phan Rang), rồi Tuần Vũ Bình Thuận (Phan Thiết). Được cấp trên đặc biệt chú ý vì thanh liêm và tinh thần diệt Cộng cao. Một nhân chứng ghi nhận rằng Diệm, khi làm quản đạo Ninh Thuận, ngoài những ngon tra tấn quen thuộc như tra điện, kim kẹp, còn bắt tù nhân Cộng Sản vuốt lạt tre, hay dùng đèn cầy [nến] đốt hậu môn để lấy khẩu cung. Ít nhất 7 trong số 500 tù nhân Cộng Sản bị tra tấn đến chết. (17)

Có lẽ vì thế, theo Giám Mục Thục, Cộng Sản đã thuê một sát thủ ra tận Phan Rang mưu sát Diệm, nhưng Diệm chỉ bị thương. (18)

Tóm lại, từ Khả xuống Khôi, rồi Diệm, tinh thần phục vụ và lòng trung thành với Pháp khá vững chắc. Khôi từng nhờ Nhu nói với Tổng Giám Đốc Cảnh Sát Paul Arnoux ngày 18/8/1944 tại Huế rằng Khôi “xin thề trên thập tự giá” là lúc nào cũng coi Bảo hộ Pháp như “bát cơm” [bol de riz] của họ Ngô. Khôi cũng thường nói với Diệm rằng sở dĩ người Pháp [Khâm sứ Emille Grandjean] không ưa vì “[họ Ngô] quá toàn vẹn,” và “Phạm Quỳnh (1892-1945) thì khôn khéo, nên được cả Pháp lẫn Nhật quảng cáo tài năng.” (19)

Bản tóm lược rõ ràng nhất công lao và lòng trung thành với Bảo hộ Pháp của họ Ngô, cũng như cá nhân Diệm, do Giám mục Thục trình lên Toàn quyền Jean Decoux ngày 21/8/1944:

Các anh em tôi cũng liên tục dâng hiến mạng sống họ cho nước Pháp trong dịp Cộng Sản nổi loạn. Diệm, em tôi, đã ngã xuống vì những viên đạn súng lục của một người Tàu Chợ Lớn, được gửi tới Phan Rang, nơi Diệm hằng say ngăn chặn sự xâm nhập của các cán bộ Cộng Sản từ Nam Kỳ [Mes frères, eux mêmes ont exposé leur vie continuellement pour la France lors de la révolte communiste. Mon cadet Diệm a failli tomber sous les coups de revolver d’un chinois de Cholon, envoyé à cet effet à Phan Rang, où Diệm défendait énergétiquement l’entrée de l’Annam aux émissaires communistes envoyées de la Cochinchine]. . (19bis)

Dấu mốc quan trọng trong sự nghiệp “yêu nước, chống Pháp” của Diệm, là cuộc “đảo chính cung đình” ngày 2/5/1933. Ngày này, Toàn quyền Pierre Pasquier (12/1928-1/1934) và Quyền Khâm sứ Léon Thibaudeau (2/1933-7/1934) đột ngột bắt Bài và toàn bộ nội các về hưu. Theo báo Tiếng Dân, tin trên chấn động dư luận Huế. Bề bàng nhất cho Bài là ngay chính Bài cùng các Thượng thư không hề được báo trước. Và, khi Thibaudeau tuyên bố danh sách nội các mới, có Trần Thanh Đạt thông dịch qua tiếng Việt, một số người vẫn chưa kịp về đến kinh đô. (20)

Nguyên Pasquier, với sự thỏa thuận của Albert Sarraut, quyết thực hiện một cuộc “đại cải cách” ở An Nam, đánh bóng uy tín vua Nguyễn để làm giảm bớt và điều-kiện-hóa các phong trào quốc gia mới—như cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quốc Dân Đảng năm 1930, và nhất là sự du nhập và phát triển của phong trào Cộng Sản từ giữa thập niên 1920, bùng nổ thành những cuộc bạo động, khủng bố tại các đồn điền miền Nam, cùng phong trào Sô Viết Nghệ Tĩnh trong hai năm 1930-1931. Pasquier và Thibaudeau đoạn tuyệt với nhóm hợp tác cự trào (Nguyễn Hữu Bài, Ki-tô giáo). Nhóm này chủ trương đồng hóa và thống trị theo kế sách của Giám mục Paul Puginier và Louis Caspar—nhằm Ki-tô hóa các vua quan rồi khiến toàn thể dân Việt sẽ phải theo đạo, và vĩnh viễn trở thành “bạn của nước Pháp.” Từ thập niên 1890, nhóm hợp tác cự trào trở thành một thứ kiêu binh của cái mà Phạm Quỳnh cũng như Bảo Đại gọi là “một văn phòng phụ thuộc nho nhỏ của Tòa Khâm,” tức triều đình Huế, lúc nào cũng mang công lao của khối giáo dân bản xứ trong việc thiết lập chế độ Bảo hộ ra áp lực Pháp. Ngựa mới của Pasquier là phe tân trào (tiêu biểu bằng Phạm Quỳnh, Bùi Bằng Đoàn, Nguyễn Bá Trắc, Nguyễn Thái Bạt, Lê Dư, v.. v...). Phe này chủ trương hợp tác tinh thành, hay Pháp-Việt đề huề. Quan chức Pháp đã chọn phe tân trào, vì chủ trương hợp tác có nhiều triển vọng thành công trước sự lớn mạnh của các phong trào quốc gia mới. Trong khi đó, nhóm Quỳnh chấp nhận “tôn quân cũng là

yêu nước,” tạm ngưng lại đòi hỏi thể chế cộng hòa.(21) Để làm giảm sự bi phẫn của nhóm cực đoan, Pasquier và Thibaudeau đặc cách Diệm—con nuôi của Bài [son fils putatif], cũng một trong hai Tuần vũ thanh liêm, chống Cộng nhiệt tình nhất—lên làm Thượng thư Bộ Lại.(22)

Một số mật báo viên ghi, và ngay chính Diệm man khai (ngày 24/12/1947 với Tổng lãnh sự Mỹ tại Hong Kong là George D. Hopper) rằng “Giệm” được làm “quan đầu triều Bảo Đại.”(23) Thực ra, từ tháng 5/1933, Bộ Lại mất đi ảnh hưởng của những năm Bài được kiêm nhiệm chức Tổng lý [Chủ tịch Viện Cơ Mật], và chỉ ngang hàng với các Bộ khác. Người có uy thế nhất là Phạm Quỳnh, Thượng thư Giáo dục kiêm Ngự tiền Tổng lý của Bảo Đại. Quỳnh không những chỉ chuyển lệnh của Toàn quyền và Khâm sứ Pháp cho Bảo Đại, mà còn đồng thời dịch, và thiết kế việc thực thi các lệnh trên, cùng báo cáo kết quả lên Khâm sứ.

Thibaudeau còn cử Diệm làm Tổng Thư ký Ủy ban Cải Cách, và yêu cầu Diệm làm tờ trình về kế hoạch canh tân Bộ Lại. Diệm, có lẽ do ảnh hưởng của Bài, đưa ra 2 điều kiện: Phải thống nhất Bắc và Trung Kỳ; tái bổ nhiệm một Tổng Trú sứ (Résident Général) cho Trung và Bắc Kỳ như đã qui định trong Hoà ước 6/6/1884; và, cho Viện Dân biểu quyền thảo luận.(24) Đề nghị này giống hệt kế hoạch của Bài: Muốn cải cách, việc đầu tiên phải hủy bỏ chức Thống sứ Hà Nội và Khâm sứ Huế (tức tái sát nhập Bắc Kỳ vào An Nam), sau đó cho An Nam ngân sách riêng. Nói cách khác, phải trở lại với Hiệp ước 6/6/1884—đòi hỏi mà Bài đã gieo xuống đầu óc thơ dại của Duy Tân từ năm 1915-1916, đưa đến việc vua bị truất phế rồi đẩy qua Réunion cùng cựu hoàng Thành Thái (Bửu Lâm) vào cuối năm 1916. Pasquier, dĩ nhiên, không chấp thuận.

Ngày 9/7/1933, Diệm ra Quảng Trị ở với cha nuôi ít ngày. Trở lại Huế, ngày 12/7, Diệm nạp cho Thibaudeau một bản sao đơn từ chức đã trình lên Bảo Đại. Lý do Diệm nêu ra là cơ cấu tổ chức hiện tại không phù hợp với Hiệp ước 6/6/1884—Hiệp ước này qui định Pháp chỉ giữ một chế độ bảo hộ kiểm soát (protectorat de contrôle) mà không phải bảo hộ trực tiếp (protectorat direct).(25)

Thibaudeau gọi Bảo Đại từ Đà Lạt về Huế giải quyết. Bảo Đại bảo thẳng Diệm rằng không thể viện dẫn lý do chính trị để từ chức, vì đó là hành động phản nghịch. Diệm đành viết lại đơn từ chức khác ngày 18/7, nêu lý do muốn dành thì giờ cho việc tu hành. Lần này, Diệm được toại ý. Ngày 22/7, Thibaudeau đổi Thái Văn Toản qua thay Diệm nắm bộ Lại, và đưa Tôn Thất Quảng, Tổng đốc Thanh Hóa, mới lập công lớn trong việc đàn áp đẫm máu tại các tỉnh Bắc An Nam, lên nắm Bộ Công và Nghi Lễ thay Toản.(26)

Ngay sau ngày Bài bị cách chức, vài tờ báo Nam Kỳ công khai đả kích Pasquier. Theo một mật báo viên (Luật sư Lê Văn Kim), những bài đả kích trên từ Huế chuyển vào Sài Gòn. Tháng 12/1933, Diệm còn vào Sài Gòn gặp Nguyễn Phan Long, Lê Văn Kim, Jacques Lê Văn Đức v.. v... bàn thảo kế hoạch trả thù Pasquier và Thibaudeau. Tiếp đó, tờ La Tribune indochinoise [Diễn đàn Đông Dương] và tờ La Lanterne ở Paris mở chiến dịch đòi thay Pasquier bằng cựu Toàn quyền Alexandre Varenne (7/1925-11/1927) và đưa cựu Khâm sứ Yves Châtel (6/1931-2/1933) trở lại Huế.

Biết được tin này, Pasquier truất hết chức tước của Bài, Diệm và Pierre Nguyễn Đệ, Bí thư riêng của Bảo Đại, thuộc một gia đình trung gian bản xứ Ki-tô nổi danh khác ở miền Bắc (Án sát Nguyễn Liên). Diệm còn bị trục xuất khỏi Huế, chỉ định cư trú tại Quảng Bình.(27)

May mắn cho Diệm, ngày 15/1/1934, Pasquier chết vì tai nạn máy bay trên không phận Paris. Năm sau, Bài chết tại Quảng Trị. Toàn quyền René Robin (7/1934-1/1937) và Khâm sứ Maurice Graffeuil (7/1934-5/1936, 4/1937-8/1941) phục hồi tước vị hàm [honoraire] cho Bài, Diệm và Đệ. Diệm được về Huế dạy trường Providence [Thiên hựu] do Linh mục Thực, “anh trai” Diệm, làm Giám học.(28)

III. HỢP TÁC VỚI NHẬT:

Thế chiến thứ hai (1939-1945) và việc Nhật xâm chiếm Đông Dương từ hai năm 1940-1941 khiến Diệm và họ Ngô, do tham vọng và ý muốn phục thù Pháp, đi tìm một bát com hay thiên mệnh ngoại cường khác. Họ

Ngô bí mật yểm trợ Hoàng thân Cường Để và từ năm 1942, công khai hợp tác với Hiến binh Nhật (Kempeitai). Huân, con trai lớn của Khôi, làm thông ngôn cho Nhật. Trong khi đó, Nhu (1910-1963) che chở cho hai con Cường Để, Tráng Đình và Tráng Liệt, tại văn khố Tòa Khâm sứ Huế. Những người thân Diệm cũng làm việc tại tòa Lãnh sự Nhật từ năm 1942. Đầu năm 1943, Y sĩ Trương Kế An, thủ lĩnh Liên Đoàn Ái Quốc Việt Nam, gặp Diệm ở Hà Nội. Pierre Đệ, anh rể hệt của Nhu, cũng có mặt. (29)

Trong khi đó, Khôi cho Diệm dùng dinh thự Tổng đốc Nam-Ngãi của mình để tiếp xúc với những cá nhân thân Nhật. Khôi còn che chở cho tín đồ Cao Đài (đang bị nghi ngờ thân Nhật, ủng hộ Cường Để) trong vùng cai trị. Mật thám Pháp cũng tìm thấy trong nhà một người cháu họ của Khôi ở Quảng Nam, Ngô Đình Dậu (?), tài liệu liên quan đến Việt Nam Phục Quốc Hội của Cường Để. Vì việc này, Khâm sứ Grandjean (6/1941-8/1944) chẳng những không hồi âm thư chúc mừng của Khôi, mà trong buổi gặp mặt trên đèo Hải Vân, còn bắt Khôi về hưu không được hàm Thượng thư. Tháng 1/1944, Grandjean còn cho lệnh Bảo Đại bí mật trục xuất Diệm khỏi Huế, chỉ định cư trú ở Quảng Bình. Anh em Diệm trút mọi hờn oán lên Quỳnh, đương kim Tổng lý [Tể tướng] triều đình. (30)

Mùa Hè 1944, Mật thám Pháp khám phá ra tổ chức Đại Việt Phục Hưng của Diệm, gồm khoảng 50 đảng viên tích cực, kể cả một số giáo sĩ; nằm ngay trong đội lính khố xanh (Garde indochinoise), cảnh sát, công chức, v.. v... Một trong những lãnh tụ là Trần Văn Lý, Tuần vũ Hà Tĩnh. Pháp bèn cho lệnh khám xét tư thất Diệm, nhưng Diệm đã sớm tẩu thoát.

Ngày 12/7, Trung úy Kuga Michio của Hiến binh Nhật bí mật đưa Diệm vào Đạc Nẵng, rồi đáp phi cơ vào Sài Gòn. Trong thời gian ở miền Nam, Diệm lui tới với Matsushita [Tùng Hạ] Mitsuhiro, Chủ công ty Dainan Koosi [Đại Nam hay Dainan Konsi], trưởng lưới tình báo dân sự của Nhật, cũng người tự nhận là bạn thân của Cường Để. (31)

Một tháng sau, ngày 12/8, Nguyễn Huy Tân, Cán sự Công chính ở Quảng Ngãi, một cán bộ của Diệm, khai rằng Nhật đã chọn Diệm làm Thủ tướng, trong một chế độ quân chủ lập hiến mà người làm vua không nhất thiết phải là Cường Để. Hai ngày sau, 14/8, Paul Arnoux, Giám đốc Cảnh Sát, được lệnh bí mật khai thác Nhu và Khôi ngay tại Huế. Ngày 18/8, Arnoux báo cáo rằng Nhu nhìn nhận việc làm tội lỗi của Diệm, nhưng Khôi không dấn lú, xin “thề trên thập tự giá” là chỉ muốn duy trì “bát cơm” Pháp. (32)

Ngày 20/8, vì tình hình Âu Châu đang rối loạn, phe “Pháp tự do” của Charles de Gaulle đang tiến vào Paris, Decoux đồng ý với đề nghị của Arnoux là chỉ trừng trị những cán bộ hạng trung, tránh khiêu khích Nhật.

Trong khi đó, ngày 21/8, Thục—đã được thụ phong chức Giám mục Vĩnh Long từ năm 1938—viết thư xin Decoux nghĩ đến công lao hãn mã của cha mình với chính phủ Pháp trong việc “đánh dẹp phản loạn” (tức những phong trào Văn Thân và Cần Vương kháng Pháp) khi xét xử Khôi và Diệm. Anh em họ Ngô, Thục nhấn mạnh, cũng đã nhiều lần dâng hiến thân tâm cho Bảo hộ Pháp, bất kể mạng sống. Chẳng hiểu vì công lao của Khả (đặc cách từ Thương biện Cơ Mật viện lên Thái thường tự khanh, năm 1896), vị thế Giám Mục của Thục, thành tích phục vụ Bảo hộ của anh em Diệm-Khôi, hay vì mối lo ngại cho sự an nguy chính bản thân Decoux, Pháp không truy cứu việc này. (33)

Cuối năm 1944, đầu năm 1945, Diệm tá túc trong bệnh viện Chợ Quán, được trưng dụng làm trụ sở quân sự của Nhật, sau này đổi tên thành bệnh viện bài lao Hồng Bàng. Tại đây, Diệm cùng Y sĩ Nguyễn Xuân Chữ, Y sĩ Lê Toàn, Kỹ sư Vũ Văn An, Ký giả Vũ Đình Dy (1906-1945) thành lập Ủy Ban Kiến Quốc, phò trợ Cường Để. Cuối năm 1944, khi chuẩn bị kế hoạch Mago để lật đổ chế độ thân Vichy Decoux, Hiến binh Nhật đã dự trù Diệm sẽ trở thành Thủ tướng. Tuy nhiên, tình hình ngày một đổi thay mau chóng. Tướng Tsuchihashi Yuitsu, Tư lệnh Quân đoàn 38—lực lượng trách nhiệm phòng thủ Đông Dương chống lại cuộc đô quân Đồng Minh—dồn mọi nỗ lực cho mục tiêu quân sự hơn chính trị. Bởi thế Tsuchihashi giữ Bảo Đại làm vua một nước Việt Nam “độc lập trong Khối thịnh vượng chung Đại Đông Á,” chống việc đưa Cường Để về nước. Nhưng nước Việt Nam này trên thực tế chỉ bao gồm 12 tỉnh miền Trung, vì Nam Kỳ cũng như Bắc Kỳ

được trù liệu sẽ trở thành hai trung tâm tử thủ chống lại sự đổ bộ của quân Đồng Minh. Giám đốc Kempeitai yêu cầu phe Diệm-Chữ tham gia chính phủ độc lập tại Huế, nhưng cả hai đều từ chối.(34)

Tháng 3/1945, sau cuộc Hành quân Meigo (9-10/3/1945) loại bỏ Decoux, Bảo Đại hai lần nhờ Nhật mời Diệm làm Thủ tướng, nhưng không có hồi âm. Mãi sau này, Bảo Đại mới được Nhật thông báo rằng họ không muốn dùng Diệm. Thay vào đó, tháng 4/1945, Trần Trọng Kim (1883-1952) được đưa từ Krung thep về Huế làm Tổng lý nội các [Thủ tướng] “Đế quốc Việt Nam” (4-8/1945).(35)

Nhóm Diệm-Chữ đã bị phân tán ra khắp ba miền. Y sĩ Chữ về lại Nam Định, rồi Hà Nội, và cuối cùng trở thành Chủ tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Chính trị miền Bắc, thay Khâm sai Phan Kế Toại từ chức vào giữa tháng 8/1945. Diệm về lại Vĩnh Long, tá túc trong giáo phận của Giám mục Thực.(36)

IV. DIỆM & VIỆT MINH:

Mặc dù sau này Ngô Đình Diệm thường tuyên bố tại Việt Nam chỉ nổi danh thua Hồ Chí Minh, khoảng thời gian từ tháng 8/1945 tới đầu năm 1947 là một giai đoạn bí mật nhất đời Diệm.

Như chúng ta đã biết, ngày 19/8/1945, Việt Minh lên nắm chính quyền ở Hà Nội.(36) Ngày 25/8, Bảo Đại ra thông cáo thoái vị. Khôi và con trai trưởng là Huân bị Việt Minh bắt, rồi thủ tiêu ở vùng Phong Điền, Thừa Thiên. Riêng Diệm và Thực đều có tin bị Việt Minh bắt. Thực, thực ra được tự do sống ở vùng Vĩnh Long, dưới sự che chở của viên chức Việt Minh. Tháng 10/1945, Thực định ra Bắc, nhưng bị quân Bri-tên chặn bắt ở Biên Hòa, rồi sau đó âm thầm trở lại giáo phận Vĩnh Long.

Phản Diệm, tông tích bất minh. Ngày 7/5/1953, trong buổi ăn trưa và thảo luận [lunch talks] về tình hình Đông Dương tại Tối Cao Pháp Viện Mỹ, Diệm tuyên bố từng bị Hồ “cô lập” trong một làng thiếu số năm 1946. Sau 6 tháng, Hồ yêu cầu Diệm tham gia chính phủ, nhưng Diệm trả lời rằng vì biết Hồ là CS, Diệm muốn được toàn quyền và thông báo mọi tin tức. Những người ủng hộ Diệm đòi Diệm phải được giao Bộ Nội Vụ và nắm ngành Cảnh Sát. Hồ do dự ít tuần, rồi cuối cùng từ chối.(38) Gần một thập niên sau, ngày 16/1/1962, Diệm còn lập lại chi tiết bị bắt giữ ở vùng thượng du Bắc Việt với các viên chức Mỹ tại Sài Gòn.(39)

Diệm còn tuyên bố rằng Diệm bị Việt Minh bắt vào tháng 9/1945, khi từ Sài Gòn ra Huế ngăn Bảo Đại dừng theo Hồ. Sau đó, bị giải lên thượng du gần biên giới Hoa-Việt, suýt chết vì bệnh sốt rét. Sáu tháng sau, HCM mang Diệm về Hà Nội, thuyết phục Diệm theo mình. Diệm không đồng ý, HCM bèn thả Diệm. Sau này, Hoàng Tùng cho rằng tha Diệm là một sai lầm.(40)

Việc Diệm bị Việt Minh bắt được nhiều nguồn tin khác xác nhận. Hạ tuần tháng 11/1945, Giám mục Thực khai với Pháp rằng Khôi và Diệm đã bị Việt Minh bắt và có thể đã bị xử bắn.(41) Ngày 28/12/1945, Tổng Giám mục Antonin Drapier cũng viết cho Trưởng đoàn Truyền giáo Hải ngoại Pháp ở Sài Gòn, rằng Diệm đã bị Việt Minh bắt.(42)

Một nguồn tin khác nữa ghi vào khoảng tháng 6/1946, khi Diệm đến ở nhà Linh mục Đòa, chính xứ Tuy Hoà, cán bộ VM đã “khéo léo” mời được Diệm lên miền Thượng (Mọi). Người gia nhân thoát chạy ra Phát Diệm, xin Giám mục Lê Hữu Từ giúp, sợ bị giống như Khôi. Từ bèn cùng Linh mục Phạm Quang Hàm và Dân biểu Ngô Tử Ha vào Bắc bộ phủ xin Hồ tha Diệm. Chính Hồ cũng không biết việc này, và hứa sẽ can thiệp. Khoảng một tháng sau, Diệm về tới Hà Nội, Võ Nguyên Giáp cho gọi Nhu tới lĩnh về.(43)

Những chi tiết quanh việc Diệm bị Việt Minh bắt có nhiều nghi vấn:

1. Xét về ngày tháng Diệm bị bắt, có phần không ổn.

a. Tài liệu Bộ Ngoại Giao Mỹ và Karnow dẫn lời Diệm là Diệm bị bắt vào tháng 9/1945, và trả tự do vào khoảng tháng 3/1946.

b. Ngày tháng mà Từ hoặc tác giả viết hồi ký cho Từ ghi là Diệm bị bắt đúng vào giai đoạn HCM đang ở Pháp, và mãi tới ngày 22/10/1946 Hồ mới về tới Hà Nội. Vậy Từ can thiệp vào dịp nào? (Diệm cũng không hề nhắc đến việc được Từ và Hạ can thiệp).

c. Ngay chính Diệm, ngày 7/5/1953, chỉ nói mơ hồ đã bị “cô lập” tại một làng thiếu số trong 6 tháng vào năm 1946.

2. Không ai rõ Diệm được tha ngày nào, và cũng chẳng ai rõ hành tung Diệm từ lúc được tự do tới khi xuất hiện ở Hà Nội vào đầu năm 1947 trong bộ đồ tu hành.

3. Theo thư gửi Decoux đề ngày 21/8/1944, Thực nói Cộng Sản từng sai sát thủ người Hoa ra Phan Rang mưu sát Diệm, nhưng Diệm chỉ bị thương. Nếu bắt được Diệm năm 1945 hoặc 1946, ngay tại miền Trung, cách nào Cộng Sản tha Diệm? Người ta chưa quên số phận những Tạ Thu Thâu, Vũ Đình Dy, v.. v... ở Quảng Ngãi; và nhiều cảnh “mò tôm” khác khắp ba miền.

4. Anh em Diệm rất thành thạo thủ thuật tự đánh bóng (kiểu Diệm “làm Tể tướng cho Bảo Đại,” Khả làm “thượng thư đầu triều Thành Thái,” hay “đầy vua không Khả”). Thành tích “bị giam lỏng” tại miền thượng du năm 1946, hay đòi Hồ cho nắm Bộ Nội vụ có thể chỉ để tăng thêm vốn cho việc rao bán lập trường chống Cộng hầu xin viện trợ Mỹ của Diệm. Hy vọng sẽ có dấu vết việc bị “cô lập” này trong văn khố Đảng Cộng Sản Việt Nam hay Pháp.

Cho tới khi có tài liệu rõ ràng, có thể tin Diệm đã trốn trong nhà tu [Redemptoristes hay Dòng Cứu thế] ở Huế như tài liệu văn khố Pháp ghi nhận.

.....

... Từ năm 1947, Ngô Đình Diệm đã liên lạc với viên chức Mỹ, xin viện trợ. Đây chẳng phải là sáng kiến mới mẻ gì của họ Ngô. Hầu hết chính khách Việt đều nhận rõ vị thế siêu cường của Mỹ, nhưng không có đường giây móc nối như anh em họ Ngô. Ngay chính Hồ cũng đã hoạt động cho Sở tình báo chiến lược [OSS] Mỹ trong hai năm 1944-1945, và lực lượng võ trang đầu tiên của Việt Minh được OSS Mỹ trang bị và huấn luyện. Hồ còn được đặt cho bí danh Lucius. Điều khiến Mỹ e ngại, và cuối cùng theo đuổi chính sách “hands-off” [không nhúng tay] khi Pháp tái xâm lăng Việt Nam là thành tích hoạt động cho QTCS của Hồ. Việc Hồ quyết định giải tán Đảng CSDD từ ngày 11/11/1945 vẫn chưa đủ thuyết phục các viên chức Mỹ—những người vẫn chủ trương chỉ có Âu Châu mới đáng chú tâm hàng đầu.(82) Dẫu vậy, trong hai năm 1945-1946, chính phủ Truman vẫn dành cho Hồ và Việt Minh đôi chút thiện cảm. Có lẽ nhờ sự can thiệp của Mỹ, Moutet đã đồng ý ký modus vivendi ngày 14/9/1946 cho Hồ an toàn trở lại Việt Nam vào hạ tuần tháng 10/1946. Hơn một tháng sau, dù biết rõ liên hệ giữa Hồ với QTCS, Bộ Ngoại Giao Mỹ vẫn chỉ thị cho đặc sứ Moffat tìm cách gặp Hồ để giải quyết sự khác biệt Việt-Pháp bằng đường lối ngoại giao.(83)

Sau khi Bollaert ký thông cáo chung Hạ Long (6-7/12/1947) với Bảo Đại, ngày 21/12, Diệm cùng Trần Văn Lý lên Hong Kong gặp Cựu hoàng. Trước khi qua Geneva ngày 24/12, Bảo Đại ủy Diệm về nước tham khảo ý kiến các phe phái để thành lập chính phủ thống nhất. Diệm từ chối vì những nhượng bộ của Pháp quá ít. Ngày 26/12, Diệm trở lại Sài Gòn chờ đợi tình thế chuyển biến.

Điều ít ai biết là phía sau hậu trường, ngày 24/12/1947, Diệm bí mật gặp Tổng lãnh sự Mỹ tại Hong Kong là George D. Hopper, trình bày về nội tình VN và giải pháp Bảo Đại. Mục đích chính của “Giệm,” theo Hopper, là xin viện trợ Mỹ. Hopper chỉ ghi nhận mà không hứa hẹn gì.(84)

Tại Việt Nam, đa số các chính khách chống Cộng đã tạm thời thỏa mãn. Ngày 25/12, mặc dù không ưa Xuân, Hoạch thành lập Việt Nam Quốc Gia Liên Hiệp để ủng hộ “giải pháp Bảo Đại.”(85)

Riêng Diệm, qua đường giây Giám mục Thực, tổ chức một nhóm chống Cộng thân Mỹ. Tại miền Bắc, Diệm có những thân hữu cũ như Trần Trung Dung, Nguyễn Xuân Chữ, Nguyễn Đình Thuận, v.. v... Tại miền Trung, Trần Văn Lý thành lập Đảng Xã Hội Công Giáo. Tại miền Nam, Diệm được Nguyễn Phước Hậu, Bertin, Nguyễn Bửu, Trần Từ Hoàng, v.. v... yểm trợ.(86)

Tuy nhiên, vai trò Diệm bị lu mờ trước những khuôn mặt được Pháp chọn lựa. Một trong những lý do là thành tích hợp tác với Nhật của Diệm.

Chuyến viếng thăm Sài Gòn ngày 25/5/1948 của Hồng y Francis Spellman mở thêm đầu mối liên hệ với Mỹ cho anh em Diệm. TGM Sài Gòn, Cassaigne, mời Thục tham dự buổi tiếp đón Spellman.(87) Trong tháng 6/1948, Trần Văn Lý chính thức thành lập Đảng Xã Hội Công Giáo, do Thục bảo trợ. Diệm được coi như lãnh tụ tối cao của đảng này.(88) Tại Đà Lạt, Nhu cùng nhóm Linh mục Parrell tụ họp hạt nhân đầu tiên của chủ thuyết "Nhân vị." Thuyết này dựa theo thuyết Personalisme [Nhân vị] của Emmanuel Mounier, đặt trên cơ bản thần quyền Ki-tô giáo.

... Ngày, 15/7/1949, Giáo hoàng Pius XII (1939-1958) ra lệnh "rút thông công" bất cứ ai có liên hệ với Cộng Sản. Thánh lệnh này phần nào giải tỏa mối lo ngại của Diệm, nhưng Diệm vẫn chưa chịu hợp tác với Bảo Đại. Trong khi đó, các cộng đồng Ki-tô ngày một nghiêng về phía Thế giới Tự Do, thấp hòng "cuộc thánh chiến" chống Cộng Sản.

Ngày 21/9, Diệm về Huế, sống ở nhà Ngô Đình Cẩn (1911-1964), em trai áp út. Ngày 22/11–trong khi Hồng quân Trung Cộng đang tiến sát dần tới biên giới Việt-Hoa–Diệm rời Huế vào Sài Gòn, rồi Vĩnh Long, và Đà Lạt (2/1950).

Tháng 3/1950, Giám mục Từ tại Phát Diệm sai Lê Quang Luật vào Nam yêu cầu Diệm đừng "chùm chắn" và "ngang bướng" nữa, cần yểm trợ Bảo Đại.(122) Ngày 9/4/1950, Tổng lãnh sự Mỹ Edmund Gullion, XLTV Đại sứ, báo cáo chính phủ Nguyễn Phan Long sắp đổ và Trần Văn Hữu có thể lên thay. Gullion nghĩ rằng Pháp hẳn muốn Diệm, nhưng Bảo Đại không đồng ý.

Giữa năm 1950, Diệm có ý định thành lập một lực lượng thứ ba, thân Mỹ, chống Pháp để lôi kéo những người bất mãn trong hàng ngũ Việt Minh. Cuối tháng 6/1950, tổ chức Phong Trào Quốc Gia Quá Khích ra đời ở Trung và Nam Việt, có liên hệ với Diệm.

"LÊ GÓT NƠI QUÊ NGƯỜI":

Trong bài hát "Suy Tôn Ngô Tổng Thống," đề tô hồng cho thành tích cách mạng của Diệm, nhà văn Thanh Nam viết: "Ai bao năm từng lê gót nơi quê người, cứu đất nước, v.. v..." Thực tế, cuộc hành trình ra ngoại quốc của Diệm chẳng có vẻ gì gian khổ. Trước hết, qua Mỹ, được gặp gỡ những nhân vật quyền thế; rồi qua Vatican gặp Giáo hoàng Pius XII; trở lại Mỹ, tu học ở các tu viện và diễn thuyết đó đây; và cuối cùng qua Belgium, vận động làm Thủ tướng.

A. QUA MỸ XIN VIỆN TRỢ:

Ngày 18/6/1950, Giám mục Thục gặp XLTV Đại sứ Gullion tại Sài Gòn, xin giấy nhập cảnh Mỹ trên đường qua Roma dự năm Thánh cho mình và Diệm. Tháng 7/1950, có tin Diệm nhiều lần bị Việt Minh đe dọa đến tính mạng. Ngày 15/7, Diệm về Huế thăm mẹ bị đau nặng. Ngày 2/8, Diệm trở lại Sài Gòn sau khi ghé ngang Đà Nẵng. Ngày 14/8, Diệm cùng Thục rời Sài Gòn trên tàu La Marseillaise. Gặp Cường Để ở Nhật, bàn việc thành lập một chính phủ chống Cộng.(127)

Ngày 2/9, Diệm và Thục tới Mỹ. Hơn hai tuần sau, ngày 21/9, William S. B. Lacy, Trưởng Nha Philippines và Đông Nam Á, tiếp Diệm và Thục. Thục tuyên bố phải lập một quân đội quốc gia, lấy giáo dân Ki-tô làm hạt nhân để không sợ đào ngũ mang súng hàng VM. Lacy nhận xét rằng Thục mới là phát ngôn chính, trong khi Diệm chỉ tán thưởng ý kiến Thục.(128)

Ngày 15/10, Diệm và Thục rời Mỹ qua Paris. Sau đó, xuống Roma, rồi trở lại Paris vào trung tuần tháng 11/1950. Ngày 8/12/1950, Thục rời Âu Châu trở lại Việt Nam. Cuối tháng đó, Diệm, qua trung gian Bửu Kinh, Nghị viên Hội Đồng Liên Hiệp Pháp, gửi cho Bảo Đại một thư riêng, đề nghị một chương trình hoạt

động.(129) Sau đó Diệm lại sang Mỹ. Ngày 15/1/1951, Diệm khai với nhân viên Bộ Ngoại Giao Mỹ là mới từ Paris qua được khoảng một tháng để nghiên cứu về giáo lý và cơ cấu chính quyền Mỹ. Nói thêm là đã cho Bảo Đại biết sẵn sàng làm Thủ Tướng với một số điều kiện.(130)

Trong thời gian ở Mỹ, nhờ sự che chở của Francis Spellman, Hồng Y Giám đốc Tuyên úy Ki-tô Roma trong quân đội Mỹ, Diệm tá túc tại Tu viện Maryknoll, thuộc tỉnh Lakewood, tiểu bang New Jersey. Có dịp làm quen với Thẩm phán Tối cao Pháp viện William O. Douglas, nhiều Thượng Nghị sĩ, Dân biểu như Mike Mansfield (Montana), John F. Kennedy (Massachusetts), Walter Judd, v.. v... Diệm thuyết tại nhiều nơi. Từ ngày này, Diệm trở thành một lá bài "chí sĩ quốc gia chống Cộng" trừ bị của Mỹ. Diệm cũng thường tuyên bố mình là nhân vật được biết nhiều nhất tại Việt Nam, chỉ thua có Hồ Chí Minh.(131)

Đại sứ Heath nhiều hơn một lần tiến cử Diệm trong các cuộc khủng hoảng chính phủ, nhưng cả Bảo Đại lẫn Pháp chỉ muốn những người đáng tin cậy như Trần Văn Hữu, Nguyễn Văn Tâm, v.. v... Ngày 12/5/1952, chẳng hạn, Heath đề nghị cho Bảo Đại nắm chức Thủ tướng, và mời những người có khả năng như Nguyễn Hữu Trí hay Ngô Đình Diệm vào nội các, với chức vụ Phó Thủ Tướng; Pháp ra tuyên ngôn về một chính sách "tiến hoá" (evolutionary statement) đối với nền độc lập của Việt Nam; sửa đổi một số điều khoản lỗi thời trong Hiệp định 8/3/1949 và Hiệp ước Pau; đẩy mạnh hơn việc thiết lập QĐVN.(132) Khoảng một năm sau, ngày 28/4/1953, Heath nhận xét rằng Bảo Đại thông minh và hữu dụng như biểu hiệu đoàn kết Bắc-Nam, nhưng không có khả năng cỡ Churchill và đại loại; Tâm nhiệt tình và hữu hiệu, nhưng không đủ khả năng đoàn kết toàn quốc vì tính tình và lập trường thân Pháp; chỉ còn lại hai ứng cử viên Diệm và Trí. Hiện tại, Diệm không được vì cứng cổ [intransigence], chống Pháp, không được Bảo Đại ưa, và không ưa Bảo Đại. Chỉ còn lại Trí xứng đáng nhất.(133)

B. QUA ÂU CHÂU:

Sau khi Joseph Laniel (6/1953-6/1954) đồng ý trả độc lập hoàn toàn cho Việt Nam ngày 3/7/1953,(134) họ Ngô ráo riết vận động lên cầm quyền. Tại Việt Nam, Thục và Nhu mở rộng hoạt động với các tổ chức tôn giáo và chính trị. Nhu hợp tác với Lê Văn "Bảy" Viễn, Phạm Công Tắc, v.. v... mưu toan thành lập một liên minh chính trị vào cuối năm 1953. Đầu năm 1954, Thục, Nhu cùng nhóm Tinh Thần của Y sĩ Trần Văn Đỗ và Liên Đoàn Thanh Lao Công của Trần Quốc Bửu lập ra tổ chức tiền thân của Cần Lao Nhân Vị Cách Mạng Đảng, tức Cần Lao.(135)

Diệm cũng từ Mỹ sang Belgium lo tiếp xúc Bảo Đại, mới từ Việt Nam qua Pháp chữa bệnh sán gan. Ngày 14/5, Bảo Đại gọi Diệm qua Paris, và Diệm đồng ý hợp tác. Ba ngày sau, Bảo Đại cử em trai Diệm, Ngô Đình Luyện, làm "đặc phái viên" tại Hội nghị Geneva để bí mật tiếp xúc với Mỹ. Ngày 24/5, khi được nhân viên Tòa Đại sứ Mỹ ở Paris tiếp kiến, Diệm tiết lộ đã được Bảo Đại ủy quyền về Việt Nam nghiên cứu việc thành lập một chính phủ mới. Diệm dự định rời Pháp ngày 26/5, nhưng sau đó hủy bỏ.

Sau cuộc gặp gỡ này, Mỹ chấp thuận Diệm, không vì Diệm là nhân vật lý tưởng, mà vì những người tiền nhiệm quá kém cỏi, và Diệm có hậu thuẫn của một số giáo mục Ki-tô. Tuy nhiên, Ngoại trưởng Dulles vẫn còn chủ trương khuyến khích Pháp tiếp tục hiện diện ở Đông Dương, nên chưa thuận yểm trợ trực tiếp cho QGVN như Bảo Đại và Diệm yêu cầu. Phần Bảo Đại cũng được một nhóm cực hữu Pháp áp lực đưa Diệm lên thay Bửu Lộc. Nhưng cái giá Diệm đòi hỏi khá cao: Toàn quyền về dân sự và quân sự. Trước ám ảnh đại họa Pháp sẽ cắt nửa nước cho Việt Minh, và tổng tuyển cử trong một thời gian ngắn để giải quyết thể chế chính trị tương lai, Bảo Đại đành nhân nhượng—chỉ bắt Diệm phải thề trước thập tự giá là tuyệt đối trung thành, và duy trì ngôi báu nhà Nguyễn.

Cuối cùng, ngày 16/6/1954, giữa lúc chính phủ Laniel đã từ chức và Pierre Mandès-France có nhiều triển vọng lên làm Thủ tướng, Bảo Đại bổ nhiệm Diệm làm Thủ tướng toàn quyền. Ngày 25/6/1954, Diệm cùng một đoàn tùy tùng nhỏ lên đường về nước.

Chính Đạo

[Trích: *Cuộc Thánh Chiến Chống Cộng*]

<http://www.quanvan.net/index.php?view=story&subjectid=26344&chapter=2>

<http://www.quanvan.net/index.php?view=story&subjectid=26344>

3. Phụ chú

1. Department of Defense, US-Vietnam Relations, 1945-1967, 12 books, (Washington, DC: GOP, 1971), Bk 11, tr. 36-41. Xem thêm chú 3 infra.
2. Xem, chẳng hạn, Bernard B. Fall, *The Two Vietnams: A Political and Military Analysis* (New York: Praeger, 1965), tr. 235ff. Fall ghi nhận Khả là "Thượng thư Bộ Lễ" sau khi từ chức đã cắt mọi liên lạc "với những kẻ xâm lăng đáng ghét," "ủng hộ Phan Bội Châu," và truyền xuống cho các con như Khôi và Diệm một tinh thần quốc gia nồng nhiệt;" Ibid., tr. 235. Fall, một học giả gốc Pháp viết khá nhiều về Việt Nam và chết tại Việt Nam, nhận định: "Sự kiện Bảo Đại là người kế thừa của các hoàng đế yếu ớt trong việc chống lại Pháp cũng có thể gây ra sự khinh thường ông ta trong Diệm" [The fact that Bao Dai was the descendant of emperors who had been weak in their resistance to the French may also account for Diem's contempt for him]; Ibid., tr. 475n3. Một lời võ đoán dễ hiểu trong thập niên 1950-1960. Thực ra, từ thời Đồng Khánh (1885-1889), các vua nhà Nguyễn do Khâm sứ và Toàn quyền Pháp lập nên, và chỉ còn công dụng của "một vòng hoa," để hợp thức hóa chế độ "Bảo hộ" Pháp. Quan lại thì được tuyển từ giới trung gian bản xứ mà đa số là giáo dân Ki-tô hay cựu bồi bếp của viên chức, sĩ quan Pháp. Thành phần "tân trào" này hiểu rất rõ vị thế "làm kiềng" của các vua Nguyễn. Ngoài ra, Khả còn có liên hệ thân thiết với phòng Thành Thái (1889-1907), và từng nuôi tham vọng biến Thành Thái thành một vua theo Ki-tô giáo đầu tiên. Sự khinh thường phòng Khải Định (1916-1925) và Bảo Đại (1926-1945) là điều dễ hiểu. Xem Vũ Ngự Chiêu, *Các vua cuối nhà Nguyễn, 1883-1945*, 3 tập (Houston: Văn Hóa, 1999-2000). [Sẽ dẫn: *Các vua cuối*] Ngoài ra, Diệm không ưa Bảo Đại vì đã hai lần ký Dụ đầy Diệm ra Quảng Bình. Xem chú 18 infra.
3. Department of State, Office of Libraries and Intelligence Acquisitions, "Biographic Report: Ngo Dinh Diem, President of the Republic of Vietnam, To Visit Washington [May 8-10, 1957]," BR No. 203 (April 18, 1957); Richard Nixon Library (Yorba Linda, CA), Prepresidential Papers, PPS 320.99.33.1-2. [Sẽ dẫn, *Ngo Dinh Diem (1957)*]
4. Direction des Services Français de Sécurité en Indochine [DSFSI], "M. Jean Baptiste Ngo Dinh Diem, dit Nguyen Ba Chinh;" SHAT (Vincennes), Indochine, [10H 4195]. Tài liệu này hiện vẫn chưa giải mật. Xem phóng ảnh trong Nguyên Vũ, *Paris Xuân 96* (Houston: Văn Hóa, 1997), tr. 165; Chính Đạo, *Cuộc thánh chiến chống Cộng* (Houston: Văn Hóa, 2004), tr. 15-16. Những chi tiết không có phụ chú trong bài này đều trích dẫn từ tài liệu trên. Xem thêm Chính Đạo, *Việt Nam Niên Biểu [VNNB]*, tập III: Nhân vật chí, tái bản có bổ sung (Houston: Văn Hóa, 1997), tr. 262. Sẽ dẫn: *Nhân vật chí*, 1997.
5. *Tình báo Mỹ* ghi Diệm sinh trong một gia đình đã theo đạo Ki-tô từ thế kỷ 17 và nhiều thế hệ đã sản xuất ra những bậc tu hành và quan chức nổi danh. Cha là Thượng thư bộ Lễ và Lord Chamberlain cho vua Thành Thái, từng du học ở Malaya; Ngo Dinh Diem (1957) [Giới thiệu tài liệu của Fall & Sharplen]
6. Theo Lansdale, Diệm "đã cắt bỏ mối tình với người yêu đầu đời để dâng hiến cho tổ quốc" nên 60 tuổi vẫn còn độc thân. Xem chú 1 supra. Nhưng nhiều người đương thời, như Tướng Trần Văn Đôn André, cho rằng Diệm thiếu khả năng tình dục.
7. Xem Ngô Đình Diệm, "L'Encrier de S. M. Tu-Duc: Traduction des Inscriptions [Nghiên mực của vua Tự Đức: Bản dịch những chữ khắc];" *Bulletin des Amis du Vieux Hue [BAVH]*, Bộ IV, số 3 (Tháng 7-9/1917), tr. 209.

8. Phòng văn ngày 2/11/1985 tại Paris; Ngô Đình Diệm, "L'Ambassade de Phan Thanh Gian (1863-1864);" BAVH, Bộ VI, Số 1bis và 2 (Avril-Juin 1919), tr. 161. Ở đầu bài, Diệm được giới thiệu là "học sinh trường Hậu bổ," và bài này đã được đọc tại các buổi họp [hội thảo] ngày 27/8 và 3/12/1918, và 4/3/1919. Ibid. Diệm chỉ dịch một phần tập tâu của Phan Thanh Giản và Phạm Phú Thứ, dưới sự hướng dẫn của Nguyễn Đình Hòe. Phần còn lại (thiếu đoạn đi sứ Espania) do Trần Công Tạn dịch; BAVH (1921), tr. 147-187. Tác giả đã tạ ông Nguyễn Đắc Xuân đã cung cấp phóng ảnh bài viết này của Ngô Đình Diệm.
9. Xem báo cáo về cuộc đàm thoại ngày 28/4/1955 giữa Bảo Đại với William Gibson, Đề nhất thư ký Tòa Đại sứ Mỹ; FRUS, 1955-1957, I:332-336; Chính Đạo, Việt Nam Niên Biểu [VNNB], 1939-1975, tập I-C: 1955-1963 (Houston, TX: Văn Hóa, 2002), tr. 54-55.
10. Nguyên văn: "A year after his decision to give up becoming a priest. Diem falsified his age and took competitive examinations for the equivalent of a highschool diploma;" Robert Sharplen, *The Lost Revolution* (New York: Harper & Row, 1966), pp. 106-107.
11. Xem tiểu sử Thục trong CAOM (Aix), GGI, CP 125; Chính Đạo, Nhân vật chí, 1997:312; Idem., *Cuộc thánh chiến chống Cộng* (Houston: Văn Hóa, 2004), tr. 464-465. Tại Việt Nam, tưởng cũng nên ghi nhận, có tục lấy tên "mẹ già," tức vợ chính thức, để khai sinh cho các con ngoại hôn hoặc thê thiếp.
12. Xem Chính Đạo, VNNB, Tập I-C: 1955-1963, tr. 110.
13. [After being instructed at home and attending the Pellerin school in Hue, he studied briefly for the priesthood]. Ngo Dinh Diem (1957)] Năm 1957, an ninh Mỹ chỉ ghi Diệm là "a devout Catholic."
14. Theo Bernard Fall, niềm tin tôn giáo của Diệm là một loại hiếu chiến tàn bạo của một Quan tòa Dị giáo [ruthless militancy of the Grand Inquisitor]. Khi một người Pháp nói "tín ngưỡng chung của chúng ta," Diệm thân nhiên trả lời: "Tôi tự cho tôi là một tín đồ Ki-tô Spain [Tây Ban Nha]," tức cuồng đạo hơn là hòa hoãn theo kiểu Ki-tô Pháp; *Two Vietnams*, 1965:236.
15. Xem Chính Đạo, Hồ Chí Minh (1892-1969), Con người & Huyền thoại, 3 tập (Houston: Văn Hóa, 1993-1997), tập I:161-162; Phụ bản 5, trong Vũ Ngự Chiêu, Các vua cuối, 1883-1945, tập II:602-604. Trần Trọng Kim, trong Việt Nam Sử Lược, đã dẫn lời "một đại quan về hưu" để bài bác chi tiết trốn tro than Ngự sử Phùng bắn xuống sông Lam. "Đại quan về hưu" này chắc không thể biết rõ sự việc bằng Khâm sứ Huế, người viết báo cáo vào tháng 2/1896, hay báo cáo của chính Nguyễn Thân. Đó là chưa nói đến thói quen chối tội của các phạm nhân chiến tranh [war criminals], hoặc âm mưu ngụy tạo lịch sử để bảo vệ cho thượng cấp và đồng đạo (kiểu "Việt Cộng ném lựu đạn trước đài phát thanh Huế tối ngày 8/5/1963," "nhân viên an ninh Mỹ ném mìn plastic tối 8/5/1963," "toàn dân Việt Nam ghi ơn Ngô Tổng thống"). Xem, Vũ Ngự Chiêu, "Vài Ý Nghĩ Về Thượng Tọa Thích Quảng Đức;" *Đi Tới* (Montréal, Québec), XII, số 83 (7-9/2005), tr. 4047; *Hợp Lưu* (Santa Ana, CA), số 84 (8/2005), tr. 194-206. Đáng tiếc vì không được huấn luyện về phương pháp nghiên cứu và viết sử, lại không có tư liệu, Trần Trọng Kim khiến tập phổ thông lược sử của ông chứa nhiều dữ kiện và nhận định lầm lạc.
16. Có tài liệu ghi Khả là Chương giáo đầu tiên của trường Quốc Học; E. Le Bris, "Le Quoc Hoc;" BAVH (1916), số 1, tr. 80. Đây có lẽ dựa theo Dự năm 1896 của Thành Thái, nhưng Toàn quyền Pháp không chấp thuận. Giám đốc trường này là một người Pháp. Về chức "Thượng thư" của Khả, chúng tôi chưa thấy một tài liệu nào. Trong bài "Une ascension sur l'écran du roi: Poésie de S. M. Tu Duc, traduite par Ngô Đình Khả, Ministre honoraire;" BAVH, số 2 (4-6/1916), tr. 223-227—bản dịch một bài thơ nói về chuyến du ngoạn của vua Tự Đức—Ngô Đình Khả chỉ ghi "hàm Thượng thư," khác xa với chức Thượng thư thực sự, nói chi "Thượng thư đầu triều." Trần Lục, hay cha Sáu [Père Six] ở Phát Diệm, một tay chân tín cẩn của Giám mục Puginier, cũng được thưởng hàm Thượng thư và Bắc đầu Bội tinh.
17. Lời chứng của Nguyễn Thi, cựu Ủy viên Hành Kháng tỉnh Ninh Thuận, trên báo Nhân Dân ngày 16/7/1954, dẫn trong Trần Văn Giàu, Miền Nam giữ vững thành đồng, 5 tập (Hà Nội: NXB Khoa Học, 1964-1978), tập I (1964), tr. 36. Hai tác giả khác ghi là việc Diệm dùng đèn cầy đốt hậu môn tù nhân CS khi làm Tri phủ Hòa Đa; Nguyệt Đàm và Thần Phong, Chín năm máu lửa dưới chế độ gia đình trị Ngô Đình Diệm

(Sài Gòn: 1964), tr. 18. Theo hai tác giả này, nhân chứng là Cử nhân Nguyễn Trác, cựu Nghị viên trưởng An Nam. Xem thêm, Bùi Nhung, Thối nát (Sài Gòn: 1969); Hoàng Trọng Miên, Đệ nhất phu nhân (Los Alamitos, CA: 1989), I:128-129. Theo tài liệu Bộ Ngoại Giao Mỹ, Diệm tốt nghiệp thủ khoa năm 1921; năm 1929 đã làm quan đầu tỉnh. Khi ở Quảng Trị năm 1930- 1931, Diệm dùng những thủ đoạn nghiêm khắc để đàn áp, v.v. v... ["From 1922 to 1929 he was a district chief in the territorial administration of Annam and during the next four years he served as a province chief. While in Quang Tri province during the 1930-1931 Communist-led insurrections he used drastic methods in repressing agitators and revolutionaries, thus incurring the enmity of left-wing nationalists. In 1932-1933 he headed a commission to investigate charges of corruption in the upper echelons of the Annamese administration;" Ngo Dinh Diem (1957) [p.5]].

18. Thư Ngô Đình Thục gửi Decoux ngày 21/8/1944; CAOM (Aix), PA 14, c. 2. Thư này do tác giả công bố lần đầu trong Luận án Tiến sĩ tại Đại học Wisconsin-Madison năm 1984, rồi trên báo Lên Đường (Houston) năm 1989; in lại trong Chính Đạo, Việt Nam Niên Biểu [VNNB], 1939-1975, tập I-A: 1939-1946, tr. 200. Vài cá nhân đặt nghi vấn là Pháp ngụy tạo tài liệu trên. Nghi vấn này do sự thiếu hiểu biết về phương pháp bảo quản tài liệu văn khố. Hơn nữa thủ bút và chữ ký của Thục khó thể giả mạo. Tưởng cũng nên ghi thêm rằng một vài cá nhân (như Lê Trọng Văn, Bùi Kha) đã tự động tẩy xóa bút phê của Decoux cũng như ghi chú của nhân viên văn phòng Toàn quyền và dấu cùng chữ ký thị thực của Văn khố Aix-en Provence Pháp trên phóng ảnh tài liệu trên, in vào sách họ.

19. Nguyên văn: "Français ne veulent pas de nous, parce que nous sommes trop entiers, à fortiori Japonais qui préféreraient souplesse PHAM QUYNH dont ils vantent talent." Báo cáo số 1806, A,B,C,D ngày 18/8/1944, Surete gửi DirSurGe; CAOM (Aix), 14 PA, c.2, d.19; trích đăng trong Vũ Ngự Chiêu, Các vua cuối, III:856.

19bís. Thư Ngô Đình Thục gửi Decoux ngày 21/8/1944; CAOM (Aix), PA 14, c. 2.

20. Xem chi tiết trong Vũ Ngự Chiêu, Các vua cuối, III:1111-1145.

21. Nói rộng hơn, nhóm Sarraut-Pasquier áp dụng chính sách "hợp tác" [collaboration]. Giữa thập niên 1920, Pasquier còn chiêu hồi những thành phần chống Pháp như Phan Bội Châu và sử dụng các văn thân từng bị dính líu vào phong trào chống sưu thuế 1908 tại miền Trung. Huỳnh Thúc Kháng, chẳng hạn, được cử làm Chủ tịch Hội đồng Dân cử Trung Kỳ, và xuất bản tờ Tiếng Dân bằng quốc ngữ để quảng bá chủ trương "thờ người Pháp để cầu tiến bộ." (TTLTQG 2 (TP/HCM), RSA/HC, HS 1869.

22. "Ngôi sao" thứ hai của Pasquier là Bùi Bằng Đoàn (1890-1955), từ Tuần phủ lên chức Thượng thư Bộ Hình. Ngày 6/5/1933, năm tân Thượng thư mới có mặt đầy đủ tại Huế nhân dịp gắn huy chương cho Bài và 4 người khác. Ngày 17/5, Thibaudeau chủ tọa phiên họp Hội đồng Nội các đầu tiên. Mười ngày sau, 27/5, tân Nội các họp dưới sự chủ tọa của Bảo Đại và Pasquier. Xem Vũ Ngự Chiêu, Các vua cuối, tập III:793, 1111-1129 (Phụ bản bài tường thuật trên báo Nam Phong số 184 (5/1933). Đoàn sau này hợp tác với Hồ Chí Minh.

23. Theo Tổng Lãnh sự Hong kong, Diệm tuyên bố là bạn lâu đời của Bảo Đại, đã phục vụ như "Tể tướng" những năm cũ, và hai gia đình có liên hệ gần gũi [Ngo Dinh Giem [Diem] claimed that he was an old friend of Bao Dai, had served as his Prime Minister in former years, and that their families enjoyed close relations"]; CD 450, 30/12/1947, Hongkong gửi BNG; FRUS, 1947, VI:153. Việc tự đánh bóng để "bán mình" [sell yourself] cho Mỹ này không được tài liệu văn khố Pháp chứng minh. Thực tế, Diệm, như đã lược nhắc, chỉ được đặc cách lên hàng Thượng thư Bộ Lại, mà phận sự và quyền lợi đồng đều với bốn bộ khác, và năm 1935, chỉ được Bảo Đại cho lại chức Thượng thư hàm. Xem chú 21 infra.

24. Báo cáo ngày 10/5/1933, Pasquier gửi Colonies; CAOM [Aix], INF, c.366/d.2905; trích in trong Vũ Ngự Chiêu, Các vua cuối, tập III:785-809, 1111-1145. Xem Phụ bản báo Tiếng Dân trong sách này.

25. Báo cáo số 303-A.P., 22/7/1933, Gougal gửi Colonies; CAOM (Aix), INF, c.366/d.2905; Vũ Ngự Chiêu, Các vua cuối, III:804-806.

26. Vũ Ngự Chiêu, Các vua cuối, III:806-807. Gần ba chục năm sau, Diệm tuyên bố với một viên chức Mỹ rằng sở dĩ Diệm từ chức, ngoài tinh thần chống thực dân, còn vì không đồng ý với chính sách "chống Cộng"

của Pháp. Theo Diệm, Cộng Sản là sản phẩm của các chính phủ tả phái Pháp. Xem Memorandum of a Conversation, Saigon, Jan 16, 1962; FRUS, 1961-1963, II:41-42. Nội dung buổi nói chuyện này chứng tỏ Diệm, dù tự nhận đã nghiên cứu về Cộng Sản từ năm 1922 qua các tài liệu Switzerland, chẳng biết gì vai trò của địa bàn Trung Hoa cùng hoạt động của DALBURO Liên Xô Nga ở Vladivostok, Thượng Hải hay Hong Kong. Ngoài ra, Diệm có vẻ "rất linh động và sáng tạo" trong việc diễn giải thành tích dĩ vãng của mình. Năm 1963, Đại sứ Henry Cabot Lodge đi đến kết luận, không hẳn đã chủ quan, rằng Diệm và họ Ngô thuộc loại "dối trá và tội phạm" (liars and criminals); Ibid., IV:tài liệu 69 (deception, IV:127),77 (medieval view of life; IV:143), 221.

27. CAOM (Aix), INF, c.366/d.2905; Vũ Ngự Chiêu, Các vua cuối, III:808.

28. Năm 1934, Thục cũng tìm cách đả kích Bảo Đại bằng cách áp dụng "giáo luật" vào đám cưới của Bảo Đại với Nam Phương hoàng hậu (tức bắt Bảo Đại phải "rửa tội" trước khi làm đám cưới). Pháp giải quyết bằng cách cho một linh mục Pháp cử hành lễ cưới trong bí mật.

29. Note số 2995-SP/C, Huế, 4/4/43; CAOM (Aix), 14 PA, c.1. Ít tháng sau, do sự dàn xếp của Thân Thị Nam Trân (1905-1986), vợ Luật sư Trần Văn Chương (1898-1986), Nhu khiến gia đình Nguyễn Liên phải hủy bỏ cuộc đính hôn để Nhu kết hôn với Lệ Xuân, con gái thứ hai của Nam Trân và Chương, thua Nhu tới 14 tuổi.

30. Mỗi hiềm khích, nếu không phải hận thù, giữa họ Ngô và Phạm Quỳnh, là điều bất cứ giới chức quan lại nào ở Huế đều rõ. Các viên chức Pháp quyết định không ngả theo phe nào, theo đúng chủ trương chia để trị. Theo an ninh Pháp, "những phần tử trong họ Ngô, đặc biệt là Khôi, nuôi dưỡng lòng hận thù ngày một sâu đậm đối với Phạm Quỳnh người đã thụ hưởng nhiều lợi lộc nhất trong 'cuộc đảo chính ngày 2/5/1933.' Từ một nhà báo, Quỳnh đã trở thành Thượng thư Bộ Quốc Dân Giáo Dục, rồi thăng lên chức Tổng lý khá nhanh, nắm giữ tước cao nhất của hệ thống quan lại (Tứ trụ triều đình) năm 1944. Từ từ theo sự thăng tiến về danh vọng của Phạm Quỳnh, hận thù giữa họ Ngô với Phạm Quỳnh càng gia tăng"; "M. Jean Baptiste Ngo Dinh Diem, dit Nguyen Ba Chinh," tr. 2; SHAT (Vincennes), 10H 4195. Xem thêm chi tiết trong Vũ Ngự Chiêu, "Social and Cultural Change in Vietnam Between 1940 and 1946," Ph.D. dissertation, December 1984, Univ. of Wisconsin-Madison, Part I, chapters 3, 4 & 6. Báo Tiếng Dân trong tháng 5/1933 cũng có bài xa gần nhắc nhủ "những người được cái của người khác đừng nên vội mừng" (có lẽ ám chỉ Phạm Quỳnh) và kết luận rằng mọi việc đều do Pháp chủ xướng. Huỳnh Thúc Kháng, tưởng nên nhấn mạnh, cùng chủ trương "thờ người Pháp làm bậc thầy để cầu tiến bộ" như Phạm Quỳnh, Nguyễn Bá Trắc, v.. v...

31. CAOM (Aix), GGI, 7F 29, tr. 56. Matsushita [Tùng Hạ] đã tới Đông Dương từ thập niên 1920. Năm 1938, bị trục xuất; nhưng trở lại Sài Gòn từ năm 1941. Matsushita thường tuyên bố là bạn thân và đại diện của Cường Để.

32. Xem chú 13 supra. Anh em Diệm, thường rất thích "thề trên thập tự giá" nhưng ít khi giữ những lời thề này, kể cả lời thề "trung thành" với Bảo Đại trước khi về làm Thủ tướng toàn quyền dân và quân sự vào tháng 6/1954. Xem infra.

33. Thời gian này, Decoux như ngồi trên lửa. Một mặt, phe Gaullist tăng gia hoạt động "kháng Nhật," và Paris hoàn toàn im lặng trước nỗ lực xin qui phục của Decoux. Mặt khác, Decoux đang đối diện mối hiểm họa sẽ bị Nhật tước đoạt quyền lực. Xem Vũ Ngự Chiêu, Các vua cuối, III: 858-862.

34. Nguyễn Xuân Chữ, Hồi ký Nguyễn Xuân Chữ (Houston: Văn Hóa, 1996), tr. 243-249.

35. Vũ Ngự Chiêu, The Other Side of the 1945 Vietnamese Revolution: The Empire of Vietnam (4-8/1945) / Phía bên kia cuộc cách mạng 1945: Đế Quốc Việt Nam (4-8/1945) (Houston: Văn Hóa, 1996). Bản Anh ngữ tập sách nhỏ này, trích ra từ luận án năm 1984, đã in trong Journal of Asian Studies vào tháng 2/1986; Bảo Đại, Le Dragon d'Annam (Paris: Plon, 1980), tr. 106. Mùa Thu 1945, Giám mục Thục cho rằng sở dĩ Diệm không nhận lời vì thấy chế độ do Nhật lập nên khó tồn tại lâu dài; hơn nữa quanh Bảo Đại có những thành phần tả phái và franc-maçon [tam điểm]. CAOM (Aix), GGI, CP 125. Lời chứng này khó tin cậy. Mục đích của Thục là biện minh cho sự hợp tác với Nhật của Diệm, một tội ác chiến tranh ở thời điểm này. Và có thể

Thực cũng không biết đến, hoặc tảng lờ quyết định của Tsuchihashi hay lời tuyên bố sẽ tổng giam Cường Để vào Côn đảo nếu Hoàng thân về nước. Nhân viên an ninh Pháp, năm 1954, cho rằng Diệm từ chối lời mời lập chính phủ vì Nhật không chịu cho thống nhất ba miền Bắc, Trung, Nam; SHAT (Vincennes), 10H 4195. Theo ký giả Sharplen, "Diem refused, not because he objected to the Japanese but because he did not feel he would be able to establish a free government—among other things, the southernmost area of Cochín China was initially be excluded from it. Furthermore, he now saw the handwriting on the wall and did not want to put himself in the position of being declared a collaborator when the war was over. He returned to Saigon and waited;" 1966:110.

Ngo Dinh Diem is thought to have spent a good deal of time in Japan in the 1930's, when he had many contacts with the exiled nationalist Prince Cuong De. He returned to Vietnam before World War II broke out. . . . Ngo Dinh Diem (1957)]

36. Cuối tháng 7, đầu tháng 8/1945, có những vận động đón Cường Để hồi hương làm Cơ Mật viện trưởng cho Bảo Đại, nhưng Cường Để không về nước được vì chiến tranh chấm dứt đột ngột vào giữa tháng 8/1945.

37. Chủ tịch Ủy Ban Chính Trị Bắc Bộ bị bó buộc trao chính quyền cho nhóm Nguyễn Khang-Nguyễn Quyết ngày 19/8/1945. Xem Chữ 1996:284-290. Tài liệu CS Việt Nam cho rằng đây là một cuộc "cách mạng," nhưng chưa phải là "cách mạng vô sản." Xem những bài viết trên Cờ Giải Phóng (Hà Nội) từ tháng 8 tới tháng 11/1945.

38. FRUS, 1952-1954, XIII:554.

39. FRUS, 1961-1963, II:42.

40. [In September 1945 he was arrested by the Viet Minh and held until March 1946, being offered a cabinet post by Ho Chi Minh and refusing it]; Ngo Dinh Diem (1957) [p.5]; Stanley Karnow, Vietnam: A History (New York: Viking Press, 1983), tr. 216-217.

41. CAOM (Aix), GGI, CP 125; Nhân vật chí, 1997:313.

42. Vẫn theo Drapier, Nhu, lúc ấy đang làm việc tại Hà Nội, không dám ra khỏi nhà vì sợ bị bắt cóc. Tại Huế cũng có tin Thực bị Việt Minh bắt; CAOM (Aix), GGI, CP 125.

43. Giám mục Lê Hữu Từ & Phát Diệm, 1945-1954 , tr. 117.

.....

82. Văn khố Nga và Trung Cộng chưa công bố hết tài liệu về những cuộc gặp gỡ giữa Hồ và Stalin trong tháng 2/1950, nhất là lý do biện minh cho việc giải tán Đảng Cộng Sản ngày 5/11/1945.

83. CD số 305, 5/12/1946, Acheson gửi Moffat; FRUS 1946, VIII:67-69; Department of Defense, US-Vietnam Relations, 1945-1947 (Washington, DC: GPO, 1971), Bk 8, tr. 85-86.

84. Ngày 18/12/1947, Tổng Lãnh sự Charles Reed đã từ Sài-gòn điện trước cho Hopper rằng có thể "Giệm" [Diệm] sẽ ghé thăm; FRUS, 1947, VI:152-155.

85. CAOM (Aix), 7F 27.

86. Theo tình báo Pháp, ngày 8/2/1948, Diệm đồng ý với lập trường của VNQGLH: Độc lập - thống nhất. Năm Lửa Trần Văn Soái cùng lập trường, và tỏ ý quý trọng Diệm. Ngày 11/2/1948, Tiết [Thiet], một người thân cận Diệm và Nhu, từ chức Giám đốc báo Thống Nhất ở Huế, về Quảng Nam làm Giám đốc trị sự công ty bảo hiểm Le Secours. Lý do chính là không đồng ý với Trần Văn Lý. Ngày 12/2/1948, Diệm cử Đông đi Hà Tiên, Sa Đéc, Cần Thơ, Vĩnh Long gặp một số linh mục kháng chiến cùng đại diện Cao Đài, Hoà Hảo để vận động cho Bảo Đại. Theo Đông, phần lớn giáo dân trong vùng Việt Minh ủng hộ kháng chiến; nhưng sẽ ngả theo Bảo Đại nếu được độc lập, thống nhất. Cũng định gửi một số sách báo vào vùng Việt Minh, như cuốn Tôi Muốn Tự Do. Nhu sẽ lên đường qua Pháp chừng hai tháng. Dự trù gặp Bảo Đại, và xuống Roma; SHAT (Vincennes), 10H 4201.

87. Tháp tùng Spellman có Fulton G. Green. Thời Sự (Hà Nội), 7/3/1949.
88. CAOM (Aix), Indochine, 7F 29, tr. 57.
89. Nguyên văn: "Les aspirations du peuple vietnamien dépassaient les termes de l'accord d'Halong [12/1947]." SHAT (Vincennes), 10H 4138.
90. Ngày 12/5/1948, Đại sứ Mỹ Caffery điện báo về Washington là Vụ trưởng Á Châu Bộ Ngoại Giao Pháp tiết lộ rằng Paris đã cho phép Bollaert chấp thuận việc thành lập một chính phủ lâm thời với Xuân làm Thủ tướng. Tuy nhiên, chính phủ này phải đặt ở Hà Nội hay Huế. Việc thương thuyết giữa Bollaert và Xuân sẽ dựa trên căn bản Hiệp ước Hạ Long ngày 7/12/1947. Bảo Đại sẽ ký tên vào Hiệp ước mới (5/6/1948) giữa Bollaert và Xuân.
91. Công báo Việt Nam [CBVN], I:1 (4/6/1948), tr. 4.
92. SHAT [Vincennes], 10H 642.
93. Công báo Nam phần Việt Nam, 3:22 [31/5/1948]:359; CBVN, I:1 [4/6/1948]:7. Cùng ngày, Xuân ban hành Nghị định thứ 2, công bố tổ chức và chức quyền của chính phủ này; SHAT (Vincennes), 10H 642.
94. CBVN, I:1 [4/6/48]:4.
95. Chủ tịch Hội đồng Tổng trưởng, kiêm Tổng trưởng Quốc Phòng: Nguyễn Văn Xuân. QVK, Phó Chủ tịch, Tổng trấn Nam Phần: Trần Văn Hữu. QVK, Tổng trấn Trung phần: Phan Văn Giáo. QVK, Tổng trấn Bắc phần: Nghiêm Xuân Thiện. QVK, Tùng Bộ Quốc Phòng: Trần Quang Vinh. Lễ nghi, Quốc Gia Giáo dục: Nguyễn Khoa Toàn. Nội vụ: Nguyễn Hữu Trí [không nhận] Tư pháp: Nguyễn Khắc Vê. Tài chánh/Kinh tế Quốc gia: Nguyễn Trung Vinh. Công tác & Kế hoạch: Nguyễn Văn Ty. Thông tin, Báo chí & Tuyên truyền: Phan Huy Đán, Y sĩ [sau đổi tên thành Phan Quang Đán] Canh Nông: Trần Thiện Vàng. Y tế: Đặng Hữu Chí, Y sĩ. Thứ trưởng tòng Dinh Chủ tịch: Đinh Xuân Quảng. Thứ trưởng tòng Bộ Quốc gia Giáo dục: Hà Xuân Tế (CBVN, I:1, [4/6/1948]:15-6). Vì Nguyễn Hữu Trí từ chối Bộ Nội vụ, chức này do Xuân kiêm nhiệm. Ngày 25/9/1948, Trí được cử làm đại diện VN tại Paris, với Vũ Quý Mão làm "Đặc vụ viên." "Chỉ dụ" ngày 9/6/1948 bổ nhiệm Đỗ Quang Giai làm Thứ trưởng Nội vụ; và Ngô Quốc Cồn, Thứ trưởng Lao Động & Hoạt động xã hội (CBVN, I:2 [18/6/1948]:23-4). Qua ngày 28/6/1948, Lê Công Bộ làm Thứ trưởng Nội An (CBVN, I:3[31/7/1948]:35). Ngày 2/6/1948, Xuân ký sắc lệnh thứ ba, ban hành "Pháp qui tạm thời" (Statut Provisoire) của nước Việt Nam. Cờ vàng, 3 sọc đỏ. Quốc ca: Thanh niên hành khúc [nhưng không nhắc tên tác giả Lưu Hữu Phước. (Ngày 7/6/1948, Xuân ký sắc lệnh hủy bỏ pháp qui tạm thời này. Một tuần sau, ngày 14/6, Xuân ký Sắc lệnh liên quan đến các tổ chức công quyền tạm thời. Việt Nam chia làm ba 3 miền, thủ đô là Hà-nội. Quốc kỳ là cờ vàng (chiều dọc bằng 2/3 chiều dài), giữa có 3 sọc đỏ (dày bằng 1/15 chiều dọc của lá cờ và cũng cách nhau chừng ấy). Quốc ca: Thanh niên hành khúc. Theo Nguyễn Văn Tâm, Tâm là tác giả lá cờ vàng 3 sọc đỏ và chọn bài hát của Lưu Hữu Phước làm quốc ca. Theo Nguyễn Khánh, lá cờ vàng ba sọc đỏ là biến thể của lá cờ nền vàng ba sọc xanh của Cộng Hòa Nam Kỳ.
96. Nguyên bản tiếng Pháp: "La France reconnait solennement l'indépendance du Vietnam auquel il appartient de réaliser librement son unité. De son côté, le Vietnam proclame son adhésion à l'Union Francaise en qualité d'Etat associé à la France. L'indépendance du Vietnam n'a d'autres limites que celles que lui impose son appartenance à l'Union Francaise." CBVN, I:2 [18/6/48]:18; CAOM (Aix), GGI, Amiraux, 50062. Ngoài ra, 2/Việt Nam bảo đảm tôn trọng những quyền lợi của công dân Pháp, tôn trọng các nguyên tắc dân chủ, và dành ưu tiên cho các cố vấn và chuyên viên kỹ thuật Pháp trong việc tổ chức nội bộ cùng kinh tế; 3/ sau khi thiết lập một chính phủ lâm thời, các đại diện Việt Nam và Pháp sẽ ký những thỏa ước về văn hoá, chính trị, quân sự, kinh tế, tài chính và kỹ thuật.
97. FRUS, 1948, VI:25. Ngày 6/6/1948, tại Hà Nội, Báo L'Entente, cùng hầu hết các báo chí loan tin về "Hiệp ước" (Accords) Hạ Long. Theo các báo này, Bảo Đại đã ký hiệp ước với Bollaert, dưới sự chứng kiến của Nguyễn Văn Xuân. Theo Phó Lãnh sự Mỹ Edwin C. Rendall tại Hà-nội, cả ba người cùng ký, và Bảo Đại dùng thêm hai chữ "S.M." (Sa Majesté) trước tên mình; FRUS, 1948, VI:24. Hôm sau, 7/6, Hồ phản đối việc "bọn bù nhìn" (fantoche) ký kết hòa ước với bất cứ nước ngoài nào. Ngày 9/6/1948, Tổng Lãnh sự

Abbott gặp Xuân và Hữu. Theo Xuân cần đạt hoà ước gấp, nếu muốn có cơ hội thành công. Việc thương thuyết sẽ tiếp tục ở cả Pháp và Việt Nam, do "Siêu Đại sứ" Bảo Đại thực hiện. Có thể Bảo Đại sẽ hồi hương, nếu đó là kết quả của một cuộc trưng cầu dân ý. (Tướng Pierre Boyer de Latour du Moulin, Tư lệnh Quân Pháp ở miền Nam thì cho rằng Bảo Đại sẽ hồi hương trong một thời gian ngắn). Xuân không mấy tin tưởng vào việc chiêu hồi những người Quốc Gia trong hàng ngũ Việt Minh. Việt Minh đang áp dụng những thủ đoạn hung bạo–kể cả chôn sống–để ngăn chặn phong trào về tề; FRUS, 1948, VI:25-6). Ngày 9/6/1948 này, Ferdinand Baeyens, Giám đốc Á Châu vụ Pháp, thông báo Đại sứ Bruce: Chính phủ Pháp rất bi quan về chính phủ Xuân. Bảo Đại không ưa Xuân, chỉ giữ Xuân cho tới lúc "tường đã khô." Bộ Ngoại Giao và Hải ngoại Pháp đều muốn thay Xuân, chẳng hạn như Diệm; FRUS, 1948, VII:24-25.

98. Nghị định ngày 23/8/1948; CBVN, I:8 (4/9/1948):102. Bảy Viễn đặt bàn doanh ở số 31, rue de Canton, Chợ Lớn

99. Ngày 3/7/1948, Ngoại trưởng Marshall điện cho Woodruff Wallner, Phụ tá Vụ trưởng Tây Âu, đang có mặt tại Paris:

1. Mặc dù vấn đề thống nhất ba kỳ của Việt Nam cần Quốc Hội Pháp phê chuẩn, nhưng Thủ tướng Robert Schumann cần công khai yểm trợ chữ ký của Bollaert;
2. Liệu chính phủ Schumann có gặp trở ngại khi đưa ra Quốc Hội biểu quyết việc thống nhất ba kỳ?
3. Mặc dù Schumann không dám đưa vấn đề ra trước Quốc Hội, nhưng có lẽ cần những lãnh đạo cao cấp nhất–Schumann, Bidault, và Coste-Floret–cùng ra sức;
4. Vấn đề sát nhập Nam Kỳ chỉ khó khăn trong hiện tại? Nếu thế, lúc nào thuận lợi?
5. Cần có những nhượng bộ nào để chứng tỏ thành khẩn khởi đầu?

Cuộc chiến ở Việt Nam đã kéo dài gần ba năm, và Pháp khó đạt một chiến thắng quân sự. Cuộc chiến này làm suy yếu nền kinh tế của Pháp và liên hệ của phương Tây với các sắc dân phương Đông. Quan điểm của Bộ Ngoại Giao Mỹ là sự tiếp tục cuộc biểu diễn những hình nộm mà Pháp đã sản xuất suốt hai năm qua chỉ giúp HCM mạnh hơn, và bảo đảm việc xuất hiện một quốc gia do Cộng Sản thống trị, ngã theo phe Liên Xô. Để tránh điều này, điều quan trọng hơn cả là phải cho cái gọi là chính phủ trung ương hiện nay, hoặc bất cứ một chính phủ chống Cộng nào, một cơ hội thành công bằng những nhân nhượng có thể quyền rũ đại đa số những thành phần không Cộng Sản; FRUS, 1948, VI:30.

Ngày 9/7/1948, Bollaert nói đang đòi Quốc Hội phải phê chuẩn Hiệp ước Hạ Long, như một điều kiện để trở lại Đông Dương. Bollaert đã yêu cầu chính phủ Schumann và Quốc Hội phải có hành động trước cuối tháng 7/1948, và hy vọng sẽ thuyết phục được Schumann đệ trình trước Quốc Hội toàn bộ hồ sơ. Tại Quốc Hội, Bollaert cũng tin rằng sẽ thắng lợi với một đa số vừa phải, để phê chuẩn thỏa ước Hạ-long cũng như chính sách của Bollaert tại Đông Dương. Quyết nghị của Quốc Hội cũng đương nhiên hủy bỏ Hiệp ước 1862 [đúng hơn, hiệp ước 1874], theo đó Nam Kỳ được cắt nhượng cho Pháp. Tuy nhiên, việc sát nhập Nam Kỳ trở lại với lãnh thổ Việt Nam cần một cuộc trưng cầu dân ý; nhưng trong hoàn cảnh hiện tại không dễ tổ chức trưng cầu dân ý. Về những thỏa ước kỹ thuật, Bollaert cho rằng có thể bắt đầu thảo luận từ mùa Thu 1948, không cần sự chấp thuận của Quốc Hội. Thứ Hai, 19/7/1948: Bollaert khẳng định QH phải phê chuẩn Hiệp ước Hạ Long. Không đồng ý với đề nghị "chấp nhận ngầm" mà Coste-Floret đưa ra ngày 17/7/1948. Bollaert cũng lo ngại Bảo Đại mãi mê vui hưởng lạc thú ở Âu Châu, không muốn trở lại Đông Dương, và yêu cầu Mỹ can thiệp; FRUS, 1948, VI:34-35. (Thứ Hai, 19/7/1948: Thủ tướng Schumann xin từ chức. Thứ Tư, 21/7/1948: André Marie được cử làm Thủ Tướng. Thứ Hai, 26/7/1948: Chính phủ Marie nhiệm chức. Schumann, cựu Thủ tướng, nắm Bộ Ngoại giao. 5/8/1948: Đại sứ Caffery báo cáo: Bollaert không chịu trở lại Đông Dương nếu Quốc Hội không thảo luận về vấn đề thỏa ước Hạ-long. 19/8/1948: Thủ tướng Marie tuyên bố ủng hộ Tuyên Ngôn Chung Hạ Long. Tuy nhiên, chưa có một quyết định chính thức nào của Quốc Hội Pháp. ý Bollaert muốn được phê chuẩn chính thức như một hiệp ước, và trở thành Hiến chương của nền bang giao Pháp-Việt (Charte des rapports franco-vietnamiens).

100. FRUS, 1948, VI:25-26.

101. FRUS, 1948, VII:42. Ngày 9/7/1948, Bollaert ăn trưa với Bảo Đại. Khi Bollaert hỏi về việc hồi hương, Bảo Đại nói là còn tùy hoàn cảnh. Bảo Đại muốn đạt được càng nhiều nhượng bộ của Pháp càng tốt; FRUS, 1948, VI:32-33.
102. FRUS, 1948, VI:32-33. Ngày 14/7, Marshall chấp thuận đề nghị của Wallner, chỉ thị cho Đại sứ Caffery tiếp xúc chính phủ Truman. Ngày 15/7, Caffery thông báo đã hoàn tất nhiệm vụ, nhưng nhân viên Bộ Ngoại Giao Pháp cho biết vấn đề cực kỳ khó khăn; Ibid., tr. 33-34. Nhưng năm ngày sau, 19/7, chính phủ Schuman bị đổ.
103. CAOM (Aix), INF, c. 154/1354.
104. Ngày Chủ Nhật, 17/1/1949, Lovett, XLTV Ngoại trưởng Mỹ, gửi công điện cho Đại sứ tại Pháp: Mỹ muốn thấy Pháp đi đến thỏa thuận với Bảo Đại hay bất cứ một "nhóm quốc gia chân chính" nào khác có khả năng lôi kéo đa số dân chúng, và không thể cam kết yểm trợ một chính phủ không vận động được dân chúng ủng hộ, sẽ biến thành một chính phủ bù nhìn, tách biệt khỏi dân chúng, và sự hiện hữu chỉ dựa vào binh lực Pháp. Caffery sẽ được thông báo về hành động phối hợp Mỹ, Bri-tên và Pháp để chống Cộng Sản sau khi nhận được báo cáo của Bri-tên; FRUS, 1949, VII:5. Ngày Thứ Tư, 20/1/1949, Đại sứ Caffery điện báo là Pignon cho biết đã đạt được các điểm căn bản. Hai bên đồng ý rằng cần Quốc Hội Pháp phê chuẩn việc thống nhất Nam Kỳ trước khi chính thức công bố các điểm thỏa thuận để bảo đảm rằng dân chúng sẽ chấp nhận giải pháp Bảo Đại. Vấn đề chủ quyền gồm 2 lãnh vực: Ngoại giao và nội bộ. Về nội bộ, việc bàn giao cơ cấu hành chính có thể thực hiện bất cứ lúc nào, nhưng về tư pháp, cần sắc luật của Quốc Hội. Chính phủ Pháp đang nghiên cứu thời điểm cho Bảo Đại hồi hương, và chuẩn bị hồ sơ chuyển qua Quốc Hội. Quốc Hội sẽ bàn thảo về việc này trước ngày bầu cử hàng tổng (canton) ngày 15/3/1949. Nếu chính phủ thay đổi lập trường, hay Quốc Hội không phê chuẩn, Pignon sẽ từ chức; FRUS, 1949, VII:6.
105. FRUS, 1949, VII:7.
106. FRUS, 1949, VII:10. Thư ngày 8/3/1949 của Auriol gửi Bảo Đại gồm 7 mục chính: Việt Nam thống nhất (Unité du Vietnam); Vấn đề ngoại giao (Question diplomatique); Vấn đề quân sự (Question militaire): Việt Nam sẽ có một quân đội riêng để duy trì trật tự, an ninh nội địa và bảo vệ đế quốc (la défense de l'Empire). Trong trường hợp tự vệ, có thể được các lực lượng Liên Hiệp Pháp yểm trợ (appuyé par les forces de l'Union française). Quân đội VN cũng tham dự vào cuộc bảo vệ biên cương của toàn Khối Liên Hiệp Pháp; Vấn đề chủ quyền trong nước (Souveraineté interne); Vấn đề tư pháp; Vấn đề văn hóa; Vấn đề kinh tế và tài chính (CP 290).
107. AAN, 1949:1545-6. Phụ bản các điều thỏa thuận chỉ công bố vào ngày 18/6/1949.
108. Nguyên văn: "La solution militaire n'est pas obtenue; Bao Dai ne jouit d'aucune autorité au Viet Nam. Le Viet Nam est derrière Ho Chi Minh. Il faut traiter en premier lieu avec Ho Chi Minh; AAN, 1949:1521.
109. AAN, 1949:1522-1523.
110. AAN, 1949:1523, col 3.
111. AAN, 1949:1523, col 3.
112. CAOM (Aix), PA 19, Carton 4/68; AAN, 1949:1590, col1; FRUS, 1949, VII:11.
113. SHAT (Vincennes), Indochine, 10H 642.
114. FRUS, 1949, VII:35-36.
115. FRUS, 1949, VII:27,31.
116. FRUS, 1949, VII: 21-22, 38-45.
117. FRUS, 1949, VII:19-20.
118. FRUS, 1949, VII:24-25; Pentagon Papers, Gravel, I:63.
119. FRUS, 1949, VII:29-30.

120. Irving 1975:69. Ngày Thứ Hai, 6/3/1949, tỉnh báo Pháp báo cáo: Việt Minh triệu tập một buổi họp các cấp chỉ huy quân sự cấp trung đoàn tại Đồng-Tháp-Mười, hoạch định kế hoạch tấn công trả đũa việc Bảo Đại hồi hương, tức vào dịp không trăng từ 22 tới 28 tháng 3 (CP 208). Thứ Tư, 8/3/1949, Việt Minh thành lập Đặc khu Sài-gòn/ Chợ-lớn, gồm các tỉnh Gia-định, Chợ-lớn, và khu Đông-thành cũ (?). Quyết định này do Nguyễn Bình, Lê Duẩn và Phạm Ngọc Thuần ký. Ban chỉ huy của Đặc khu: Chủ tịch: Tô Ký, Phó Tư lệnh Khu 7; Phụ tá: Nguyễn Văn Công, Phó Chủ tịch, Ủy viên quân sự đặc khu Sài-gòn / Chợ-lớn; Bí thư: Ta Nhut Tu (?), Thanh tra chính trị và công an Đông Nam Bộ; Chủ tịch UBHC Sài-gòn/ Chợ-lớn; Chính ủy: Xung, Trưởng phòng chính trị Khu 7. Khu 7 cũ tiếp tục hiện hữu. Bộ Chỉ huy gồm có: Chỉ huy trưởng, Huỳnh Văn Nghệ; Phụ tá: Nguyễn Văn Dung; Chính ủy: Nguyễn Văn Tri. (CP 208) Ngày 26/4/1950, nhân cuộc biểu tình chào mừng Bảo Đại hồi hương tổ chức linh đình tại Hà-nội, Việt Minh ném một quả lựu đạn, khiến một em bé tử thương. Theo Lãnh sự Gibson, Pháp kiên quyết bắt đầu bán các cơ sở kinh doanh, chuẩn bị hồi hương; FRUS, 1949, VII:21.

121. Thủ Tướng: "Đức" Bảo Đại, Quốc trưởng. Phó Thủ tướng kiêm Tổng trưởng Quốc phòng: Trung tướng Nguyễn Văn Xuân. Tổng trưởng Ngoại Giao: Nguyễn Phan Long; Tư Pháp: Nguyễn Khắc Vê; Quốc Gia Kinh tế và Kế hoạch: Trần Văn Văn. Bộ trưởng Phủ Thủ tướng kiêm Nội vụ: Vũ Ngọc Trản; BT Tài chánh: Dương Tấn Tài; BT Ngoại Giao: Lê Thăng; BT Quốc Phòng: Trần Quang Vinh; BT Thương Mại & Kỹ nghệ: Hoàng Cung; BT Canh Nông, Xã hội, Lao động: Phan Khắc Sửu; BT Công tác, Giao thông & Kiến thiết: Trần Văn Cù; BT Quốc Gia Giáo dục: Phan Huy Quát; BT Thanh niên: Nguyễn Tôn Hoàn; BT Y tế: Nguyễn Hữu Phiêm; BT Thông tin: Trần Văn Tuyên. TTK Chính phủ: Đặng Trinh Kỳ; CBVN, II:2 [13/8/1949]:14. Ngày 3/7/1949, Bảo Đại ký sắc lệnh 4-CP, bổ nhiệm Nguyễn Hữu Trí làm Thủ hiến Bắc Việt; Phan Văn Giáo, Thủ hiến Trung Việt, và Trần Văn Hữu, Thủ hiến Nam Việt; CBVN, II:1 [6/8/1949]:6.

122. Ngày 24/3/1950, Luật tiết lộ với cơ quan tình báo Pháp (SEHAN) rằng Diệm không thân cận được với Bảo Đại vì bản tính nhu nhược (faible) và thiếu cương quyết (indécis) của Bảo Đại. Nếu lên nắm quyền, Diệm sẽ chống Cộng thẳng tay, mà muốn thế cần có sự tín nhiệm và yểm trợ tuyệt đối của Bảo Đại. Điều này chắc không có. Ngoài ra, lập trường chính trị của Diệm cũng khác biệt. Thứ nhất Diệm muốn biết chắc thể chế độ chính trị của Việt Nam sẽ được tương tự như India trong Liên Hiệp Bri-tên. Nhưng sự bảo đảm chắc chắn này không được chứng tỏ qua thực tế, như việc bàn giao chủ quyền, hay qua sự tiến hoá của các khuynh hướng chính trị tại Pháp. Luật thêm rằng tại miền Bắc, Diệm chẳng có bao nhiêu người ủng hộ, ngoại trừ phe Ki-tô chịu ảnh hưởng Phát-diệm. Tại Hà-nội, theo Luật, có thể có Trần Văn Lai, Trần Trung Dung và Nguyễn Xuân Chữ. SHAT (Vincennes), Indochine, 10H 1039.

123. Một trong những biên khảo xuất sắc về liên hệ giữa QTCS với Đảng CSĐD do học giả Anatoli Sokolov thực hiện. Ấn bản Việt ngữ của tác phẩm này, theo Sokolov, không được chính xác. Một số phụ chú đã bị cắt bỏ. Tác phẩm Ho Chi Minh: The Missing Years, 1924-1941 (2003) của Quinn-Judge và tuyển tập Lê Hồng Phong (Hà Nội: 2002) cũng chứa đựng nhiều tài liệu Nga giá trị. Xem thêm những công bố của học giả Việt như Đỗ Quang Hưng, Trần Văn Hưng, v.. v... trong Tạp chí Lịch Sử Đảng (1999-2000).

124. Hầu hết các chi tiết trên đã được công bố từ thập niên 1950. Tuy nhiên, ngày tháng và chi tiết mới được tài liệu văn khố Trung Cộng xác tín từ thập niên 1990. Một trong những tác phẩm nên đọc: Qiang Zhai, China & The Vietnam Wars, 1950-1975 (Chapel Hill: Univ. of North Carolina Press, 2000), tr. 15-20. Xem thêm Võ Nguyên Giáp, Đường tới Điện Biên Phủ (Hà Nội: NXBQĐND, 2001), tr. 10-16.

125. Đại tướng Giáp, trong tập hồi ký Điện Biên Phủ (1994) và trong các ấn bản mới của hồi ký (2001) đã ghi nhận sự thực lịch sử cay đắng này.

126. Ngày 21/6/1954, Churchill viết thư cho Eisenhower, đề nghị thành lập một chiến tuyến chống Cộng trong vùng Thái Bình Dương ["establishing a firm front against Communism in the Pacific sphere"]. Churchill cũng tán thành việc thành lập một Liên Phòng Đông Nam Á, giống như Liên Phòng Bắc Đại Tây Dương tại vùng Đại Tây Dương và Âu châu [We should certainly have a SEATO, corresponding to NATO in the Atlantic and European sphere]. Churchill nhấn mạnh: "In no foreseeable circumstances, except possibly a local rescue, could British troops be used in Indochina, and if we were asked our opinion we

should advise against United States local intervention except for rescue;" FRUS, 1952-1954, XIII:1728-1729.

127. Sau đó, có tin đồn Cường Để về Bangkok, được một cán bộ CS tên Quy hết sức chiều đãi. Tuy nhiên, hiện chưa có tài liệu nào minh chứng việc này.

128. FRUS, 1950, VI:884-886. Tối ngày 25/10/1950, Acheson điện cho Heath về việc thành lập QĐGVN. Theo Acheson, viên chức Pháp nghĩ rằng có thể đưa các lực lượng giáo phái vào, tổng số chừng 75,000 người. Thục, Chi và Diệm cũng muốn biến lực lượng Ki-tô Giáo thành một phần quân đội; Ibid., VI:909-10. Ý kiến của Thục, thực ra, chẳng có gì mới lạ. Từ năm 1947, quan tướng Pháp đã khéo léo sử dụng các sứ quân tôn giáo, và ngay cả băng đảng, để ngăn chặn Việt Minh. Các Đơn Vị Lưu Động Bảo Vệ Ki-tô Giáo của Leroy [UMDC] hoạt động không xa giáo phận của Thục. Tháng 7/1950, Bộ Chỉ Huy UMDC rời về tỉnh lý Bến-tre. Trung tá Leroy được làm Tỉnh trưởng tỉnh này [cho tới ngày 25/11/1952; SHAT (Vincennes), 10H 643.

129. Ngày Thứ Tư, 24/1/1951, XLTV Đại sứ Mỹ Gullion báo cáo là Bảo Đại đã nhận được thư của Diệm. Nhưng Bảo Đại không ưa Diệm vì Diệm từng nhiều lần từ chối hợp tác. Phần anh em Diệm và Thục chủ trương giải pháp lập Bảo Long lên ngôi, với Nam Phương và Cường Để làm Nhiếp Chính; FRUS, 1951, VI:359-61.

130. FRUS, 1951, VI:348.

131. Ngày 21/6/1954, Diệm nói với Đại sứ Heath: "I am best known figure in Vietnam after Ho Chi Minh;" FRUS, 1952-1954, XIII:1727. Khi đại ngôn điều này, Diệm quên mất Bảo Đại, Nguyễn Thế Truyền, Nguyễn Tường Tam, v.. v... Phê bình về lời hứa hĩnh của Diệm, một viên chức ngoại giao Mỹ nhận xét Diệm là "nhân vật thứ hai, cách rất xa, Hồ Chí Minh."

132. FRUS, 1952-1954, I:134-41.

133. FRUS, 1952-1954, I:522-523.

134. Thương thuyết bắt đầu từ ngày 8/3/1954. Ngày 4/6/1954 [28/4/1954], Laniel và Nguyễn Trung Vinh ký thoả hiệp "kiện toàn [perfection] nền độc lập của Việt Nam." Hiệp ước này chỉ được "paraphé" [ký tắt]; SHAT (Vincennes), 1K 233, d. 40.

135. Xem chi tiết về tổ chức này trong Chính Đạo, VNNB, Tập I-C: 1955-1963 (Houston: Văn Hóa, 2000) & Tập II-B: Các tổ chức chính trị (Houston: Văn Hóa, đang in). Xem thêm Phạm Văn Liễu, Trã Ta Sông Núi, I:333-342. Nên lưu ý, trong Chính Cương của Cần Lao, không hề đề cập đến thuyết "sáng tạo" hay "tạo hóa" mà đôi lần đề cập đến thuyết "tiến hóa." Điều này chứng tỏ Nhu có thể là một tín đồ Ki-tô, nhưng "chống Giáo sĩ" [anti-clerical] như Nhu thú nhận với Phái đoàn điều tra LHQ vào ngày 28/10/1963; UNGA, Agenda Item 77, Doc. A/5630, 7/12/1963.

<http://www.quanvan.net/index.php?view=story&subjectid=26344&chapter=3>

000 ()() 000

Chương Hai

KIM CƯƠNG BẤT HOẠI

Hoa sen trong biển lửa

1	Đàn áp Tôn giáo và các cuộc Tự Thiêu (<i>Vietnam - Why Did We Go?</i> , Chương 14)	Avro Manhattan
2	Tại sao có cuộc tranh đấu của Phật Giáo?.....	Vũ Ngự Chiểu
3	Kỳ thị tôn giáo dưới chế độ Diệm	Vũ Tài Lục
4	Cuộc vận động chống đàn áp Phật giáo năm 1963.....	Nguyễn Lang
5	Lễ Phật Đản 8/5/1963 tại Huế	Erich Wulff
6	Mùa Phật đản đẫm máu	Chính Đạo
7	Mục tiêu Công bằng Xã hội nhìn từ Phong trào Phật giáo 1963	Lê Cung
8	Phù Đồng 63	Hoàng Nguyên Nhuận
9	Sen đồng và Nắng Hạ 63	Trần Kiêm Đoàn
10	Tường trình tại Liên Hiệp Quốc (9/1963)	Erich Wulff
11	Giới thiệu sách: <i>Sáu tháng Pháp nạn 1963</i> của Minh Không Vũ Văn Mẫu.....	Minh Nguyễn
12	Quách Thị Trang - Vì sao sáng	Hàn Phong Quốc Vũ
13	Đoàn Sinh viên Phật tử Sài Gòn	Lương Hữu Định
14	Sinh viên và Học sinh đứng dậy	Nguyễn Lang
15	Thăm đài Thánh Tử Đạo bên bờ sông Hương.....	Lê Quang Thái
16	Viết về Cố Hòa thượng Mãn Giác và anh Hoàng Văn Giàu.....	Cao Hữu Điền
17	Phật đản 1964 trong Ký ức người dân Sài Gòn	Nguyễn Ly
18	Những ngày tháng không quên.....	Thái Kim Lan
19	Nhìn lại cuộc Tranh đấu Phật giáo 1963.....	Trần Chung Ngọc
20	Bàn thêm về “Phong trào Phật giáo 1963” trong giáo trình Lịch sử Việt Nam Hiện đại	Lê Cung
21	Vài điều căn bản về Phong trào Phật giáo	Cao Huy Thuần

ooo XX ooo

Những Cuộc Đàn Áp Tôn Giáo và Những Cuộc Tự Thiêu

Dư Luận Thế giới Buộc Hoa Kỳ
Phải "Lên Án Những hành Động Áp Bức" của Diệm.

(Trích từ Chương 14 của tác phẩm *Vietnam: Why Did We Go ?*

của **Avro Manhattan** <http://www.reformation.org/vietnam.html>)



** Thiếu số Ca-tô và Phật giáo đồ * Núi lửa phe phái nổ tung * Cờ của Vatican xuất hiện trong một thành phố Phật giáo * Ngày Lễ Phật Đản bị cấm * Đại hồng chung của chùa Xá Lợi * Phật giáo đồ đốt một xóm đạo * Thông điệp của nhà sư * Cuộc tự thiêu * Biểu tình hàng loạt chống Diệm * Lệnh phong tỏa chùa chiền * Phật giáo đồ bị cảnh sát của Diệm giết * Sinh Viên Học Sinh Phật tử bị bắt và tra tấn * Tị nạn trong Tòa đại sứ Mỹ * Dân Mỹ 'sững sốt' về sự tàn nhẫn của Diệm * Hoa Kỳ "lên án những hành động áp bức" của Diệm * Nhóm vận động hành lang Ca-tô-CIA-Diệm làm bé chuyện khuấy động của Phật giáo.*

Mức độ trầm trọng trong chính sách đàn áp tôn giáo của Diệm có thể bị phán xét hay nhất, nếu chúng ta nhớ rằng Ki-tô giáo trong khu vực Đông Nam Á là một thiểu số, và hơn nữa, rằng Giáo Hội Công Giáo là một thiểu số của một thiểu số. Ở Việt Nam, trên tổng dân số tại thời điểm đó từ 10 đến 11 triệu dân, chỉ có 1 triệu rưỡi là giáo dân Ca-tô La Mã. Trong số này, hai phần ba là dân tị nạn từ miền Bắc, trong khi các tín đồ Ki-tô khác, chủ yếu là Seventh Day Baptists hoặc Adventists, có khoảng 50 ngàn người. Phần còn lại của quốc gia là thuần Phật giáo hay các tôn giáo phát xuất từ Phật giáo. Điều này có nghĩa rằng giáo dân Ca-tô chỉ gồm chừng 12 đến 13 phần trăm của toàn bộ Nam Việt Nam. Tương tự, nếu so sánh 12 đến 13 phần trăm dân Mỹ là tín đồ Phật giáo, hoặc Ấn giáo (Hindus), hay Hồi giáo (Moslems) có hành động khủng bố 230 triệu dân chúng Mỹ, mà đa số là tín đồ Ki-tô giáo.

Chiến dịch xói mòn của ông Diệm, và sự loại bỏ trực tiếp hay gián tiếp ảnh hưởng chính trị và tôn giáo của Phật giáo, tất nhiên, đã song hành với sự tạo lập ra một nhà nước cảnh sát trị, và với sự tăng tốc Ca-tô hóa nhà nước, quân đội và lực lượng cảnh sát của mình.

Dù ôm đồn như thế, các hoạt động chống phá Phật giáo của Diệm đã được ranh ma che dấu ở hậu trường. Trước khi phải đối phó với Phật giáo, chính sách này đã được biện giải là, trước hết, ông ta phải tăng cường bộ máy chính trị và cảnh sát của mình. Tia lửa đã lóe chớp khi núi lửa phe phái, bao lâu nay đã âm ỉ ngấm cuối cùng bùng nổ công khai vào ngày 5 tháng 6, năm 1963 [*tác giả ghi: "on June 5, 1963". GCDG: đúng ra là ngày 6 tháng 5 – May 6, 1963*]. Giáo dân Ca-tô La Mã tổ chức ngày lễ tôn vinh Tổng Giám mục Ngô Đình Thục, anh của Diệm. Trong sự vui mừng của họ, họ đã treo cờ của Vatican tại Huế, một thành phố chủ yếu Phật giáo. Không có sự chống đối hoặc bất kỳ cuộc biểu tình bạo động nào về phía Phật giáo đồ.

Ba ngày sau, toàn bộ dân chúng Nam Việt Nam chuẩn bị chào mừng ngày Đản sinh lần thứ 2507 của Đức Phật. Lễ kỷ niệm đặt trọng tâm ở Huế, trung tâm của nền văn hóa Phật giáo trong suốt hơn 2000 năm qua. Phật giáo đồ xin phép treo cờ Phật giáo. Câu trả lời của chính quyền Diệm là một tiếng Không rõ to! Khi đến ngày lễ, hàng ngàn Phật tử biểu tình phản đối sự từ chối của chính phủ. Ngoài ra, hai ngày trước đó, Diệm đã ban hành một sắc lệnh cấm treo các biểu trưng tôn giáo. Sắc lệnh chỉ được ban ra sau khi giáo dân Ca-tô đã

treo cờ của Vatican. Quân đội của Diệm bắn vào đám đông và giết chín Phật tử. Hậu quả của chủ nghĩa đề cao Ca-tô như thế là các cuộc biểu tình đã diễn ra trên khắp miền Nam Việt Nam. Các nhà lãnh đạo Phật giáo đã hội kiến Diệm, yêu cầu kết thúc sự phân biệt đối xử như thế. Diệm từ chối bồi thường cho các nạn nhân, từ chối trách nhiệm, và ngay cả từ chối trừng phạt những kẻ đã chịu trách nhiệm về cuộc tàn sát.

Các nhà lãnh đạo Phật giáo, không nao núng, đã tập hợp 400 tăng ni, và vào ngày 30 tháng 5 đã ngồi lì bốn giờ liền trước mặt tòa nhà Quốc hội ngay tại trung tâm Sài Gòn. Sau đó, vì không được đáp ứng, họ tuyên bố 48 giờ tuyệt thực. Cuộc tuyệt thực lây lan ra các nơi khác. Sau một cử chỉ lấy lòng khi ông sa thải ba viên chức cán bộ của ông ta; Diệm tuyên bố rằng cuộc tàn sát đã được gây ra bởi “những kẻ khuấy động Cộng sản”. Cuộc tuyệt thực lan rộng sang quần chúng, cho đến hơn 10 ngàn cá nhân đã tham gia ngay tại Sài Gòn. Đề gia tăng tính nghiêm trọng của cuộc biểu tình quần chúng, đại hồng chung của chùa Xá Lợi đã được gióng lên không ngừng. Ở Huế, kinh đô Phật giáo, cuộc biểu tình ôn hòa đã trở nên bạo động và bạo lực lại nổ ra. Cuộc bạo hành không kèm chế đến nỗi ngôi đại tự Từ Đàm đã bị đốt phá gần rụi.

Sự chịu đựng của Phật giáo cuối cùng đã nhường chỗ cho sự tức giận cụ thể. Một đám đông Phật tử đã tự xử luật và đã đốt rụi một xóm đạo Ca-tô gần Đà Nẵng [*GCND: việc này xảy ra vào những năm sau khi ông Ngô Đình Diệm chết và sau khi ông Dương văn Minh bị lật đổ, tức sau ngày 30-1-1964, khi những phần tử Cần Lao Công giáo bắt đầu hồi phục*]. Tại Huế, cuộc bạo loạn tái phát, nhà cầm quyền ra lệnh thiết quân luật. Kết quả là, một đám đông Phật giáo đồ, do sinh viên học sinh (SVHS) dẫn đầu, biểu tình trước tòa đại biểu chính phủ, quân đội được gọi đến. Lựu đạn cay đã được tung ra và hơn 77 cá nhân phải nhập viện vì các vết bỏng.

Thêm nhiều cuộc biểu tình Phật giáo diễn ra. Tất cả chẳng đi đến đâu. Cuối cùng, một nhà sư Phật giáo cao tuổi, Hòa Thượng Thích Quảng Đức, đã gửi một kiến nghị đến Tổng thống Diệm. Nội dung viết: "thi hành một chính sách bình đẳng tôn giáo." Rồi thì ngài yên lặng ngồi xuống giữa một đường phố chính của Sài Gòn, đổ xăng vào mình và tự thiêu đến chết. Đó là ngày 2, tháng sáu năm 1963 [*GCND: Đúng ra là ngày 11 tháng sáu*]. Cuộc tự thiêu đã gây ra phản ứng rất lớn bên trong và bên ngoài Nam Việt Nam. Cả thế giới không thể hiểu được những gì đang xảy ra, các phương tiện truyền thông cố ý hay vô tình đã làm vẩn đục và đã tường thuật trái ngược nhau về tình trạng thật của chính sự. Tuy vậy, Diệm vẫn không chịu nhúc nhích.



Các nhà sư Phật giáo khác theo gương Hòa Thượng Thích Quảng Đức . Trong một thời gian ngắn, sáu vị đã tự đốt cháy mình đến chết để phản đối (chính sách kỳ thị tôn giáo).

Diệm và hầu hết các ủng hộ viên Ca-tô của ông đã không hề xao xuyến. Thật vậy, ngay cả một số người của họ còn chế giễu việc tự thiêu. Bà Nhu, em dâu của Diệm chẳng hạn, đã cho rằng các Phật tử "đã tự nướng thịt lấy mình" (barbecuing themselves). Các cuộc biểu tình của Phật giáo tiếp diễn trong suốt tháng tiếp theo. Vào ngày 30 tháng bảy, 30 ngàn người đã tham gia biểu tình phản đối tại Sài Gòn và Huế. Ở Huế, ngày 13 tháng tám, đã xảy ra bạo loạn không kiểm soát được. Một nhà sư trẻ tuổi, ĐĐ.Thích Thanh Tuệ, tự thiêu đến chết trong chùa Phước Duyên (Huế), theo gương của một vị khác vài ngày trước đó, ĐĐ.Thích Nguyên Hương, đã tự thiêu vào ngày 4 tháng tám (Phan Thiết). Rồi vào ngày 15 tháng tám, một ni cô, Diệu Quang, tự thiêu trong sân của chùa Từ Đàm.

Theo sau các cuộc biểu tình cá nhân và đoàn thể Phật giáo, cuối cùng Diệm đã tự lột mặt nạ, ban hành một cuộc phong tỏa toàn quốc bằng cách tuyên bố tình trạng quân luật. Cảnh sát của Diệm đã được thả lỏng. Họ chiếm, đóng, vây hãm và cướp phá hết chùa này đến chùa khác trong thủ đô, tại Huế, Khánh Hòa, Đà Nẵng và các thị trấn khác. Họ đã trấn áp các cuộc biểu tình với sự thô bạo ghê tởm nhất và đánh đập nhiều nhà sư Phật giáo. Cuối cùng một lệnh đã được ban hành đóng cửa tất cả các chùa chiền. Lệnh này đã được đáp lại với sự căm hờn tập thể. Hồn loạn xảy ra. Trong riêng thành phố Huế, vào ngày 21 tháng tám, khoảng dưới một trăm Phật tử bị cảnh sát của Diệm giết chết, trong đó có ba mươi SVHS Phật tử.

Cuộc thảm sát được tiếp nối với các cuộc bắt bớ hàng loạt. Cả ngàn tăng ni bị giam giữ khắp cả Nam Việt Nam. Mật thám Diệm thân nhiên bắn giết hoặc tha hồ đánh đập có tổ chức đám đông Phật giáo đồ. Lực lượng Đặc biệt, dưới sự bao che của Ngô Đình Nhu, bắt giữ bất cứ nhà lãnh đạo Phật giáo nào mà họ có thể tìm thấy. Các Phật tử danh tiếng đã bị tra tấn bởi cảnh sát đặc biệt. Chùa chiền bị phong tỏa. Vào ngày 25 tháng 8, 200 SVHS đã bị bắt với cùng với 6 ngàn cá nhân khác. Hai ngày sau, ngày 27, 4 ngàn người nữa đã bị giam cầm. Ngày 3 tháng chín, 5 ngàn 6 trăm sinh viên học sinh biểu tình khắp các trường. Ngày 15 tháng chín, 6 ngàn sinh viên học sinh khác đã biểu tình tại Đà Lạt, và tại những nơi khác.

Đầu tháng mười, hàng ngàn SVHS Phật tử đã bị bắt giữ và tra tấn bởi mật vụ của Nhu. Các nhà lãnh đạo Phật giáo đã phải ẩn tích, một trong những vị nổi bật nhất, TT. Thích Trí Quang, tị nạn bên trong các bức tường của chính tòa Đại sứ Mỹ. Sự kiện đã được thế giới biết đến cũng nhờ nhiều người Mỹ trong các lớp chính quyền dân sự và quân sự đã bày tỏ sự kinh hãi vào những gì họ đã được chứng kiến với chính mắt của mình. Hầu hết trong số họ, mặc dù còn lẫn lộn với các vấn đề cơ bản của sự xung đột chính trị-tôn giáo, song đã bị sửng sốt cực độ trước sự độc ác của chế độ Diệm. Tại Washington, các cảm xúc cũng không kém sâu sắc. Đã có các cuộc buộc tội và chỉ trích lẫn nhau. Các cuộc đàn áp tôn giáo ở Nam Việt Nam đã đe dọa nền hòa bình trong nước của chính nước Mỹ. Bên cạnh đó, phần còn lại của thế giới đã bắt đầu chú ý đến các sự kiện bằng cách công khai đặt câu hỏi một cách ngượng ngịu về mục đích thực sự của sự hiện diện của Hoa Kỳ trong khu vực Đông Nam Á.

Cuối cùng Hoa Kỳ đành ra một tuyên bố, "... Có vẻ là chính phủ của Việt Nam Cộng Hòa, đã áp đặt các biện pháp đàn áp nghiêm trọng chống lại các nhà lãnh đạo Phật giáo Việt Nam... Hoa Kỳ lên án các hành động đàn áp loại này." Dù đã có điều này, và cả thế giới đều biết vậy, mà các phương tiện truyền thông của Mỹ vẫn im lặng một cách lạ lùng về toàn bộ vấn đề. Khi bị buộc phải tường thuật các tin tức về các cuộc đàn áp tôn giáo đối với Phật tử gây bởi giáo dân Ca-tô Diệm, thì hoặc là họ cung cấp sự tường thuật tối thiểu, hoặc thu nhỏ toàn bộ vấn đề khi không thể bẻ cong các tin tức được. Nhóm vận động Công Giáo-CIA-Diệm muốn rằng một khi toàn bộ bức tranh đã trở nên bị làm cho mờ đi thì người dân Mỹ chưa thể hành động được.

Nhà sư, Thích Tiêu Diêu, tự thiêu đến chết trong sân của chùa Từ Đàm. Qua nỗi đớn đau bởi hỏa thiêu, thân thể của ngài được nhìn thấy cong queo trong lửa. Ngài đã tự thiêu để phản đối việc ban hành các luật lệ chống Phật giáo của Tổng thống Ca-tô Diệm. Điều này đã diễn ra tại đất thiêng Phật giáo thành phố Huế, Nam Việt Nam vào ngày 16 tháng tám, 1963. Trước khi châm lửa, nhà sư đã tuyên bố qua một loa máy rằng ngài đã quyết tự thiêu trước chính ngôi chùa để ủng hộ những đòi hỏi của Phật giáo về các quyền dân sự và quyền tôn giáo của họ đã từng bị từ chối bởi Tổng thống Ca-tô Diệm. Sau khi nói xong, ngài đã tẩm xăng vào tăng bào và tự châm lửa. Đó là lần tự thiêu đầu tiên để phản đối sự đàn áp Phật giáo của Ca-tô giáo tại Nam Việt Nam. Lòng can đảm và tự hy sinh của các tăng sĩ đã gây một ấn tượng lớn lao không chỉ trên toàn Việt Nam, mà còn cả toàn thế giới bên ngoài.



Cuộc tự thiêu của ni cô, Thích Nữ Thanh Quang, tại chùa Diệu Đế ở Huế, vào ngày 31 tháng năm, 1963. Các cuộc tự thiêu là cao điểm của các cuộc phản đối của Phật giáo chống lại sự khủng bố của Ca-tô giáo bởi Diệm và hai người anh em, tổng giám mục và thủ lĩnh ngành mật vụ. “Các nhà bất đồng” Phật giáo đã bị bắt và tổng giam vào các trại tập trung mà không được cần được xét đến các quyền tự do dân sự hoặc tự do cá nhân. Giữa năm 1955 và 1960, ít nhất đã có 24 ngàn người bị thương tật, 80 ngàn người bị thủ tiêu hay ám sát, 275 ngàn người đã bị giam giữ hoặc tra tấn. Cuối cùng, 500 ngàn người đã được gửi vào trại giam hay trại tập trung. Bộ máy đàn áp của nhà nước Công giáo đã trở nên áp đảo và tàn ác đến nỗi Hoa Kỳ phải phản đối, một cách riêng tư hay chính thức, về đặc tính tôn giáo trơ trẽn của chính sách Ca-tô của Diệm. Nhiều nhà sư Phật giáo noi gương của ni cô Thích Nữ Thanh Quang trong việc phản đối chế độ Ca-tô của Diệm. Phải có lòng can đảm tự thân lớn lao mới chuẩn bị cho mình cái chết do tự thiêu để duy trì niềm tin tôn giáo của chính mình. Các cuộc tự thiêu của các tăng ni Phật giáo đã giúp làm sống lại niềm tin tôn giáo của hàng triệu Phật tử, những người đã quyết chống lại các luật lệ bất công của chính phủ Diệm. Giáo Hội Công Giáo đã không hề bày tỏ bất cứ lòng phiến muộn hoặc ngưỡng mộ cho các bậc tử đạo Phật giáo này.



Những biểu lộ kinh hãi trên khuôn mặt của các phụ nữ Việt Nam đang than khóc, trong khi chứng kiến thân thể của một sư cô đang cháy, sư cô đã tự thiêu và chết dưới mắt của hàng trăm người khủng khiếp đứng xem. Sư cô đã bị lửa thiêu trong sân của một ngôi chùa ở Sài Gòn. Sư cô đã tự thiêu để phản đối chống lại những luật lệ chống Phật giáo đang được thi hành bởi chính quyền Nam Việt Nam. Các tăng ni đã nêu và theo gương của sư cô. Sự hy sinh của những người Phật tử như thế đã giúp thu hút sự chú ý của thế giới phương Tây vào thực tế của sự đàn áp đang được tiến hành đối với các Phật tử bởi chế độ Công-giáo-trị ở Nam Việt Nam. Không chỉ trong thời Diệm đang làm tổng thống mà còn cả về sau. Nhiều Phật tử đã bị tù đầy và đã bị tổng giam vào các trại tập trung vì phản đối những luật lệ kỳ thị chống lại họ đã được thông qua bởi nhà cầm quyền Công Giáo.



Giáo dân Ca-tô ẩu đả với Phật tử tại Sài Gòn, thủ đô của Nam Việt Nam.

Những bọn ô hợp Ca-tô tấn công các Phật tử khi họ phản ứng chống các quy định cấm Phật tử cầu nguyện trong và ngoài các tự viện của họ. Các bom xăng "Molotov cocktails" đang nổ chống lại đội quân không vũ trang đã cố gắng phân chia các đối thủ. Những người này đã ném đá và dùng gậy gộc. Các cuộc hỗn loạn tương tự đã xảy ra trong các vùng khác của đất nước, khi Tổng thống Diệm ban hành luật lệ chống Phật giáo. Các đám ô hợp trong ảnh này đang chiến đấu bên ngoài một nhà thờ Công giáo tại thủ đô. Nhiều tòa nhà Ca-tô đã bị Phật tử tấn công, khi giáo dân Ca-tô Diệm phong tỏa tất cả các chùa chiền Phật giáo. Giáo dân Ca-tô trả thù tấn công lại các tòa nhà của Phật giáo. Cảnh sát của Diệm lại thiên vị Ca-tô vì nhiều thành viên của cảnh sát đặc biệt lại chính là giáo dân Ca-tô và do đó, bản thân đã chống lại Phật giáo.



Cuộc tự thiêu trước nhà thờ Công giáo La mã ở Sài Gòn.

Những người qua đường đang cầu nguyện và nhiều người khóc than khi một nhà sư Phật giáo tự thiêu đến chết trước nhà thờ Công giáo La mã ở Sài Gòn. Những cuộc tự thiêu này chứng tỏ cường độ của lòng sôi sục chống lại sự bất công của các quy định chống Phật giáo và giúp củng cố ý chí của Phật tử chống lại sự đàn áp của Công Giáo. Các tăng ni Phật giáo kiên trì thực hành cuộc đề kháng thụ động và đã chứng tỏ niềm tin của họ vào sự phản đối bất bạo động bằng cái chết cho lý tưởng của họ. Những người khác thiêu kiên nhẫn đã tạo nên những cuộc biểu tình phản đối bạo động chống lại cảnh sát mật vụ và quân đội được gửi vào các đường phố để chế ngự những người Phật tử đã đề kháng sự sách nhiễu và đàn áp của Ca-tô.



Quang cảnh kinh hoàng của một nữ giáo viên đang tự thiêu đến chết trước những người chứng kiến bị sững sốt. Cô giáo, một nưc bị lửa tiêu hủy, đang gập mình trong nỗi đau đớn quằn quại. Một ni cô Phật giáo đang kêu than gần bên, được hỗ trợ bởi bạn bè. Cuộc tự thiêu này xảy ra trước một ngôi chùa ở Sài Gòn, một ví dụ khác về độ sâu của sự thất vọng tạo bởi sự đàn áp của giáo dân Ca-tô Diệm chống lại dân chúng Phật giáo của Nam Việt Nam.

Người dịch: **Trần Thanh-Lưu**

[Source: <http://www.reformation.org/vietnam.html>]

00)(00

Tại sao có cuộc tranh đấu của Phật Giáo?

Vũ Ngự Chiêu

Cuộc tranh đấu bi hùng của Phật Giáo năm 1963 là một biến cố làm rung chuyển lương tâm nhân loại. Ngay đến Hồ Chí Minh, người từng lên án tôn giáo là thuốc phiện tinh thần, cũng từng lên án cuộc đàn áp Phật giáo của chế độ ông Diệm bằng lời buộc tội nặng nề: “Tội ác dã man của chúng [họ Ngô] trời đất không dung tha.”

Thay vì nhìn nhận tội ác và lỗi lầm của chế độ Diệm-Nhu, một số người tìm cách bẻ cong lịch sử, vu cáo cho cuộc tranh đấu của Phật giáo đủ điều. Cho tới năm 1965-1966, giáo mục và giáo dân Ki-tô cuồng tín còn tung tin rằng Đại sứ Lodge mỗi đêm “*nhậu nhẹt*” với Thượng tọa Thích Trí Quang. Vài người từng hưởng ân sủng chế độ Diệm còn “*bí ẩn*” ra việc Thượng tọa Quảng Đức bị chích thuốc trước khi tự thiêu; hay đã tự thiêu vì lý do cá nhân hơn cúng dường đạo pháp. Những lời vu khống này, dĩ nhiên, chẳng thay đổi được sự thực lịch sử; nhưng trong gần 30 năm qua cứ vào dịp giỗ anh em ông Diệm-Nhu, được lập đi, lập lại nhiều lần, theo nguyên tắc của Paul Joseph Goebbels (1897-1945): *Nói dối mãi cũng có người tin*. Và, nếu không tin, thì dờ dẫm, bêu xấu, báo chí hoặc bạo lực.

Cho tới đầu thế kỷ XXI—dù chính phủ Mỹ đã nhìn nhận chế độ Cộng Sản Việt Nam từ năm 1996, bình thường hóa thương mại năm 2001—chưa ai tìm được tài liệu nào giúp khẳng định các lãnh tụ Phật giáo là cán bộ Cộng Sản, hay do Cộng Sản giật dây như họ Ngô và thuộc hạ vu cáo. Chỉ thấy những cựu lãnh tụ Phật giáo tranh đấu gục chết trong ngục tù (Thích Thiện Minh), hay đang tiếp tục chống Cộng, ngay trong nội địa Việt Nam (Thích Huyền Quang, Thích Quảng Độ, Thích Đức Nhuận) hay hải ngoại (Hòa thượng Tâm Châu, Hộ Giác, v.v.). Tương tự, vẫn chưa ai trưng được bằng cứ rằng năm 1963 Mỹ xúi dục lãnh tụ Phật giáo nổi lên chống chế độ Diệm. Chỉ là những lời cá vù lấp miệng em, bắt kẻ lý lẽ, hoặc chỉ thứ lý lẽ . . . *để rách sinh chuột con*.

Trong khi đó, rất nhiều bằng chứng khẳng định ông Diệm muốn trở thành một thứ Constantine của Nam Việt Nam; và nỗ lực này được nhiều nhân chứng, kể cả các nhà ngoại giao Tây phương, ghi nhận. Việc ông Diệm tiếp tục áp dụng Dự số 10 của Bảo Đại (nhìn nhận Ki-tô giáo là tổ chức tôn giáo duy nhất hoạt động không phải xin phép chính phủ); hay dành độc quyền Nha Tuyên úy trong quân đội cho Ki-tô giáo; và thành

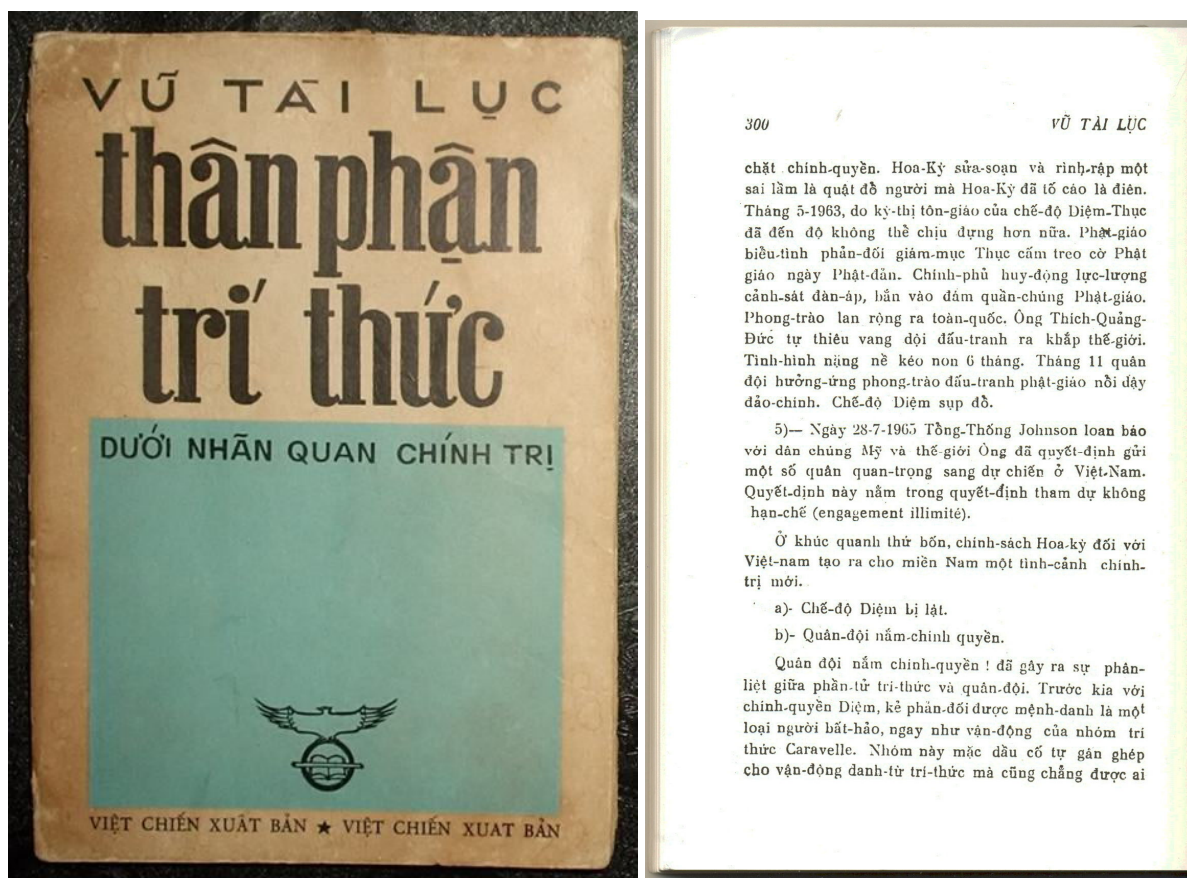
lập Đại học Ki-tô Đà Lạt là ba bằng chứng rõ ràng nhất. Những lời Bảo Đại và Giám mục Lê Hữu Từ chỉ trích ông Diệm năm 1954-1955 cũng chứng minh rõ giấc mơ Constantine của anh em họ Ngô. Thêm một bằng chứng khác nữa là báo cáo ngày 10/3/1962 của Đại sứ Lalouette về những đặc quyền dành cho Ki-tô giáo. (Chính Đạo, *Việt Nam Niên Biểu*, I-C: 1955-1963, tr. 248-9) Tổng Giám Mục Thực thi không những chỉ xen lấn vào thế quyền—như gửi gắm Phạm Ngọc Thảo cho ông Huỳnh Văn Lang, nắm độc quyền đầu thầu việc phá rừng để xây đại học Ki-tô giáo Đà Lạt—mà còn nuôi tham vọng trở thành Hồng Y Giáo chủ đầu tiên của VNCH. (Xem Chính Đạo, *Tôn Giáo & Chính Trị: Phật Giáo, 1963-1967* [Houston: Văn Hóa, 1994], chương I & Phụ Bản; Cao Văn Luận, *Bên dòng lịch sử* [Sài Gòn: 1974], tr. 328) Đó là chưa kể việc ưu tiên cấp học bổng du học cho các giáo dân Ki-tô, dưới sự điều động của Linh mục Luận. Và rồi, cuối cùng, cái “khẩu lệnh” quái ác cấm treo cờ Phật giáo trong mùa Phật đản 1963; lệnh “tái lập trật tự” ở Huế và Sài Gòn; lệnh tấn công chùa chiền và bắt giữ hơn ngàn tăng ni đêm 20 rạng 21/8/1963.

Ngày Thứ Sáu, 27/9, Richardson nói với McNamara rằng khủng hoảng Phật giáo kết tinh những bất bình ngũ yên bấy lâu. Việc bắt giữ tập thể học sinh, sinh viên (kể cả con em công chức, quân nhân) là điều xấu. Việc lùng bắt trong đêm khiến dân chúng ghét chế độ hơn. Theo Bộ trưởng Nguyễn Đình Thuần, muốn cứu đất nước cần áp lực Diệm cải tổ, nhưng Nhu phải ra đi. Nhu là người khởi xướng cuộc tấn đánh các chùa. Đừng đánh giá bằng quan sát phiến diện, dân chúng đang tức giận. Hồ Tấn Quyền cũng không thể thuyết phục được chính cha mình về giá trị của chính phủ. (*FRUS, 1961-1963*, IV:301-3)

Đáng buồn nhất là hiện tượng “đười ươi cầm ống” lịch sử. Không đọc sách lịch sử, không nghiên cứu tư liệu lịch sử, nhưng một số người vẫn khua chuông gõ trống cho những lời cung văn anh em, dòng họ nhà Ngô; và mạ lỵ Phật Giáo hay những người đã mang đến sự sụp đổ của chế độ Ngô Đình Diệm.

000 XX 000

Vũ Tài Lục viết về Kỳ thị Tôn giáo dưới chế độ Diệm
Trích từ “*Thân phận Trí thức dưới Nhân quan Chính trị*” - Việt Chiến xuất bản



“... Tháng 5-1963, do kỳ thị tôn giáo của chế độ Diệm-Thục đã đến độ không thể chịu đựng hơn được, Phật giáo biểu tình phản đối Giám mục Thục cấm treo cờ Phật giáo ngày Phật đản. Chính phủ huy động lực lượng cảnh sát đàn áp, bắn vào đám quần chúng Phật giáo. Phong trào lan rộng ra toàn quốc, Ông Thích Quảng Đức tự thiêu vang dội ra khắp thế giới. Tình hình nặng nề kéo non 6 tháng. Tháng 11, quân đội hưởng ứng phong trào đấu tranh Phật giáo nổi dậy đảo chính. Chế độ Diệm sụp đổ”

[Nguồn: <http://virtualarchivist.wordpress.com/page/2/>]

00)00(00

Cuộc Vận động chống Đàn áp Phật giáo năm 1963

Nguyễn Lang

(Trích *Việt Nam Phật Giáo Sử Luận* tập III)

Cuộc vận động năm 1963 của Phật Giáo đồ được phát khởi từ Huế, trung tâm chỉ đạo của Phật Giáo miền Trung. Lúc đó đứng làm lãnh đạo hội Phật Giáo Việt Nam tại Trung phần là thiền sư Giác Nhiên, một vị cao tăng 84 tuổi, và hai vị thiền sư phụ tá : Trí Thủ và Trí Quang...

BẢO VỆ LÁ CỜ NĂM SẮC

Thiền sư Trí Quang làm việc được hơn một năm thì cuộc tàn sát tín đồ Phật giáo bằng xe tăng và súng đạn xảy ra trước đài phát thanh Huế. Nguyên do của cuộc tàn sát là lệnh cấm treo cờ Phật giáo của chính quyền trước ngày Phật Đản năm ấy.

Cờ Phật giáo là một lá cờ ngũ sắc tượng trưng cho năm sức mạnh gọi là ngũ lực: Tín (lòng tin), tấn (sự cần mẫn), niệm (phép quán niệm), định (sự tập trung tâm ý) và tuệ (ánh sáng giác ngộ). Lá cờ này do một Phật tử cư sĩ tên là Henry Steel Olcott đề nghị tại Tích Lan vào cuối thế kỷ thứ mười chín và đã được các nước Phật giáo chấp nhận^{1[1]}. Đó là một lá cờ nhiều màu sắc rực rỡ, tươi vui, thường được Phật tử Việt Nam in ra hàng triệu lá trên giấy hoặc trên vải để tô điểm cho những ngày lễ, những ngày hội và những đám rước Phật giáo. Lệnh loại bỏ ngày Phật Đản năm 1957 là một trong những động lực thúc đẩy Phật tử cương quyết củng cố và kiện toàn tổ chức của họ.

Sự biểu diễn lực lượng của Phật tử vào những dịp lễ lớn trước mắt các quan sát viên quốc tế đã làm ngửa mặt chế độ, vì hồi đó chính quyền đang vận động với tòa thánh La Mã để đức giám mục Ngô Đình Thục được cất nhắc lên địa vị Hồng Y. Để đạt tới mục tiêu này chính quyền phải chứng tỏ cho tòa thánh thấy Việt Nam đang đi rất mau trên đường Cơ Đốc hóa. Ký giả tờ *Informations Catholiques Internationales* kể rằng đức tổng giám mục Ngô Đình Thục đã nói cho ông rằng ở Việt Nam có nhiều làng đòi làm lễ rửa tội tập thể một lần tất cả dân chúng trong làng, và Giáo Hội không đủ sức cung cấp số người dạy đạo cho họ...^{2[2]}. Lá cờ ngũ sắc của Phật giáo, như vậy, là một trở lực hiển nhiên cho đức tổng giám mục.

Trong khi đó, lá cờ này đối với Phật tử tượng trưng cho con đường Phật giáo đứng trung lập giữa hai thế lực hận thù đang tranh chấp trên thế giới. Lá cờ này tượng trưng cho tôn giáo của họ, cho niềm tin nơi đức từ bi, sự khoan dung và ước vọng hòa bình. Lá cờ cũng tượng trưng cho tôn giáo của họ, cho niềm tin nơi đức từ bi, sự khoan dung và ước vọng hòa bình. Lá cờ cũng tượng trưng cho khối các nước Phật giáo không liên kết.

Năm 1963, tại Vĩnh Hội, Sài Gòn có hỏa hoạn lớn, và hàng ngàn gia đình lâm vào cảnh màn trời chiếu đất. Thiền sư Tịnh Khiết, hội chủ Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam, kêu gọi Phật tử toàn quốc "tổ chức lễ Phật Đản một cách tôn nghiêm như mọi năm, nhưng cố gắng thế nào để ít tốn kém nhất, nên dành dụm số tiền thu góp được mà cứu trợ nạn nhân hỏa hoạn".

Tại cố đô Huế, lễ Phật Đản được trần thiết rực rỡ bằng những phương tiện sẵn có; khắp mọi nhà, ở mọi nẻo đường, đều có treo cờ, treo đèn; ở các công trường thì có hương án bái vọng và công chào kết bằng hoa lá. Vào chiều ngày 07.05.1963, tức là ngày 14 tháng 04 âm lịch^{3[3]} mọi công tác trần thiết và trang hoàng vừa thực hiện xong xuôi thì đúng vào lúc 5 giờ chiều lực lượng cảnh sát thành phố Huế, theo lệnh khẩn từ Sài Gòn đánh ra, đã đi khắp thành phố và buộc dân chúng tháo bỏ tất cả những lá cờ Phật giáo xuống.

¹ [1] Chính H.S. Olcott là người khuyến khích và ủng hộ triệt để đại đức Dharmapala trong việc phát khởi phong trào Phục Hưng Phật Giáo Ấn Độ và Tích Lan vào khoảng năm 1885.

² [2] Information Catholiques Internationales. Paris, số 188, ra ngày 15.03.1963.

³ [3] Ngày Phật Đản từ năm 1958, đã được Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam dời từ ngày mồng tám tháng Tư thành ngày trăng tròn tháng Tư để cho được thống nhất với các nước Phật giáo trên thế giới.

Một số đồng bào nghe theo, nhưng đa số đã cương quyết bất phục tùng. Thấy vậy, hai vị đại lão thiền sư Tịnh Khiết và Giác Nhiên bèn lãnh đạo một phái đoàn Phật giáo tới ngay tư dinh của tỉnh Thừa Thiên kiêm thị trưởng thành phố Huế, để chất vấn về lệnh triệt hạ cờ Phật giáo. Đồng thời quần chúng, vào khoảng 5 ngàn người, tụ tập tại trước tỉnh đường, trưng biểu ngữ phản đối chính quyền. Tỉnh trưởng Nguyễn Văn Đăng thấy có sự như vậy liền tuyên bố tạm là "cảnh sát Huế làm sai thượng lệnh", và cho phép đồng bào treo Phật kỳ trở lại. Đêm đó, theo lời yêu cầu của thiền sư Tịnh Khiết, ông cho loa phóng thanh đi khắp thành phố để loan báo lệnh này.

Vào lúc 6 giờ 30 sáng ngày Phật Đản, đoàn rước Phật trên con đường từ chùa Diệu Đế lên chùa Từ Đàm đã phải dừng lại vào khoảng nửa giờ, bởi vì trong quần chúng một số biểu ngữ chống đối chính quyền được giương lên. Thiền sư Mật Hiển, trưởng ban tổ chức, ra lệnh thu hồi tất cả những biểu ngữ này và chỉ để lại một biểu ngữ: "Cờ Phật giáo Quốc Tế không thể bị triệt hạ". Đoàn người tiếp tục lên đường, nhưng sau đó không lâu, những biểu ngữ khác lại tiếp tục xuất hiện:

Kính mừng Phật Đản.

Phật giáo đồ nhất trí bảo vệ chánh pháp dù phải hy sinh.

Yêu cầu chính phủ thi hành chính sách tôn giáo bình đẳng.

Chúng tôi không từ chối một hy sinh nào.

Phản đối chính sách bất công gian ác.

Đã đến lúc chúng tôi bắt buộc tranh đấu cho chủ trương tôn giáo bình đẳng.

Quần chúng tụ tập trước chùa Từ Đàm để đón đoàn rước Phật trông thấy những biểu ngữ này thì vỗ tay vang dậy. Tuy nhiên, đại lễ Phật Đản được cử hành rất trang nghiêm và thành kính dưới sự hướng dẫn của thiền sư Đôn Hậu. Các bậc tôn túc trưởng lão đều có mặt. Trước khi hành lễ, thiền sư Trí Quang đến trước máy vi âm để phát biểu về vấn đề triệt hạ cờ Phật giáo. Thiền sư Trí Quang tuyên bố rằng nguyện vọng của Phật giáo đồ phát biểu rất chính đáng và có tính cách xây dựng, có lợi ích cho Phật giáo mà cũng có lợi ích cho chính quyền và các tôn giáo khác.

VỤ TÀN SÁT TRƯỚC ĐÀI PHÁT THANH HUẾ

Như thường lệ mỗi năm, buổi lễ đã được thu thanh để rồi sẽ lại được phát thanh vào tám giờ tối hôm ấy trên đài phát thanh Huế. Nhưng tối đó, đài đã không phát thanh chương trình Phật giáo. Quần chúng tụ tập quanh đài phát thanh thấy vậy có ý bất mãn. Quần chúng tại nhà không nghe phát thanh buổi lễ, lấy làm lạ; nhiều người tìm tới đài phát thanh để tìm hiểu nguyên do. Phút chốc quanh đài phát thanh đã có 10.000 người tụ tập. Chính quyền cho xe cứu hỏa tới để xịt nước giải tán. Quân vụ thị trấn ra lệnh quân đội cắm trại một trăm phần trăm. Thiếu tá Đặng Sĩ, phó tỉnh trưởng nội an và tiểu khu trưởng Thừa Thiên, huy động lực lượng thiết giáp bảo an, đại bác quân cảnh, hiến binh và cảnh sát thành phố tới vây quanh quần chúng mà họ gọi là "đám biểu tình".

Thiền sư Trí Quang đến được đài phát thanh, len giữa quần chúng và đi thẳng vào đài mà chất vấn. Ban đầu, nhân viên đài đổ lỗi cho máy móc phát thanh bị hư, cuối cùng thú thực rằng chính quyền ra lệnh cấm truyền đi buổi phát thanh Phật giáo.

Ông tỉnh trưởng đến, cùng thiền sư Trí Quang đi vào đài phát thanh. Trong khi đó, quần chúng yêu cầu xe cứu hỏa ngừng xịt nước để họ thông thả giải tán. Thiếu tá Đặng Sĩ ra lệnh bắn đạn mã tử khiến đám đông náo động. Lựu đạn cay, lựu đạn nổ được tung vào. Đồng thời súng trường và xe thiết giáp được sử dụng vào việc đàn áp. Lúc đó là đúng 9 giờ rưỡi tối. Tiếng la hét của quần chúng át cả tiếng súng và tiếng lựu đạn.

Một số người ra về nửa chừng nghe tiếng la hét tiếng súng nổ, đã quay trở lại đài phát thanh để tìm hiểu. Họ bị các xe thiết giáp chặn lại. Khi thiền sư Trí Quang và ông tỉnh trưởng từ trong đài phát thanh ra tới thì máu đã đổ: tám người đã thiệt mạng vì lựu đạn và bốn người bị thương. Xe thiết giáp cán vỡ đầu một thiếu nhi, sọ em nát vụn. Một thiếu nhi khác bị cán mất nửa đầu và một em khác nữa mất hẳn đầu. Xe hồng thập tự được gọi tới để mang những người bị thương về bệnh viện.

Quần chúng phần uất đứng cả lại, không chịu ra về. Thiền sư Trí Quang đứng ra yêu cầu họ giải tán. Sau nhiều lần khuyên nhủ, quần chúng mới chịu ra về, và đến hai giờ sáng đám đông mới giải tán hết.

Sáng hôm sau, chính quyền loan tin Việt Cộng đã trà trộn vào đám đông trước đài phát thanh và đã ném lựu đạn khiến tám người chết và bốn người bị thương. Thiếu tá Đặng Sĩ họp hội nghị quân sự tại Quân Vụ Thị Trấn. Sau đó lính nhảy dù, biệt động quân, bảo an binh cùng xe thiết giáp, xe lội nước, tập trung đông đảo trước căn cứ Tiểu Khu, và nhiều toán quân nhân súng gắn lưỡi lê đi tuần hành trong thành phố. Cảnh sát vũ trang bằng tiểu liên và lựu đạn cay túc trực ở các ngã đường.

HOẠCH ĐỊNH ĐƯỜNG HƯỚNG VÀ PHƯƠNG PHÁP VẬN ĐỘNG

Ngày 10.05.1963, các vị lãnh đạo Phật giáo họp tại chùa Từ Đàm, hoạch định đường lối và đòi hỏi công bình xã hội. Một bản *tuyên ngôn* được soạn thảo, nêu ra năm nguyện vọng của Phật giáo đồ. Bản *Tuyên ngôn* này được gửi tới tổng thống Ngô Đình Diệm qua trung gian ông đại biểu chính phủ Trung Nguyên Trung Phần. Năm nguyện vọng là:

1. Yêu cầu chính phủ Việt Nam Cộng Hòa thu hồi vĩnh viễn công điện triệt hạ giáo kỳ Phật giáo.
2. Yêu cầu Phật giáo phải được hưởng một chế độ đặc biệt như các hội truyền giáo Thiên Chúa giáo đã được ghi trong Đạo dụ số 10.
3. Yêu cầu chính phủ chấm dứt tình trạng bắt bớ và khủng bố tín đồ Phật giáo.
4. Yêu cầu cho tăng ni Phật tử được tự do truyền đạo và hành đạo.
5. Yêu cầu chính phủ đền bồi một cách xứng đáng cho những kẻ chết oan vô tội, và kẻ chủ mưu giết hại phải đền tội xứng đáng.

Bản *tuyên ngôn* nói trên mang chữ ký của thiền sư Tịnh Khiết, hội chủ Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam, thiền sư Mật Nguyên, đại diện Giáo Hội Tăng Già Trung Phần, thiền sư Trí Quang, đại diện hội Phật Giáo Việt Nam Trung Phần, thiền sư Mật Hiển, đại diện Phật giáo Thừa Thiên và thiền sư Thiện Siêu, đại diện Tỉnh Hội Phật Giáo Thừa Thiên^{4[4]}.

Ngày 15.05.1963, tại chùa Từ Đàm, một **Bản Phụ Đính** của *Tuyên ngôn* 10.05.1963 được công bố, giải thích rõ ràng năm nguyện vọng nói trên. Văn kiện này rất quan trọng, vì trong ấy, lập trường và bản chất của cuộc tranh đấu được nêu ra rõ rệt. Đường lối bất bạo động và mục tiêu cuộc tranh đấu được giải bày rất cặn kẽ. Theo **Bản Phụ Đính** này:

1- Phật giáo Việt Nam không chủ trương lật đổ chính phủ để đưa người của mình lên thay thế mà chỉ nhằm đến sự "thay đổi chính sách" của chính phủ.

2- Phật giáo Việt Nam không có kẻ thù, không xem ai là kẻ thù cả. Đối tượng của cuộc tranh đấu tuyệt đối không phải là Thiên Chúa giáo mà là chính sách bất công tôn giáo. "Chúng tôi tranh đấu cho lý tưởng Công Bình, chứ không phải tranh đấu với tư cách một tôn giáo chống một tôn giáo".

⁴ [4] Đọc toàn văn bản *Tuyên Ngôn* trong sách *Công Cuộc Tranh Đấu Của Phật Giáo Việt Nam* do Quốc Tuệ biên soạn, Sài Gòn, 1964.

3- Cuộc tranh đấu của Phật giáo đòi cho bình đẳng tôn giáo được đặt "trong khuôn khổ của lý tưởng công bằng xã hội".

4- Cuộc tranh đấu của Phật giáo đòi được thực hiện theo đường lối *bất bạo động*. "Chúng tôi phải thể hiện tư tưởng Phật giáo ngay trong công cuộc tranh đấu của chúng tôi. Vì lý do đó, chúng tôi chấp nhận một sự hy sinh đến tột độ và lấy sự hy sinh ấy làm sức mạnh để rung chuyển tận lòng người chứ không phải rung chuyển chính sách mà thôi. Ngay từ bây giờ, chúng tôi có thể tuyên bố minh bạch rằng những người tăng sĩ của Phật giáo là những người sẵn sàng noi theo gương Gandhi - vị thánh của sức mạnh bất bạo động, chúng tôi lại xác định thêm: với phương pháp bất bạo động, chúng tôi sẽ tranh đấu trong phạm vi hợp pháp được ngân nào tốt nhất đó."

5- Phật giáo Việt Nam không chấp nhận sự lợi dụng của bất cứ ai vào cuộc tranh đấu cho bình đẳng tôn giáo và công bằng xã hội. Phật tử từ chối sự lợi dụng của "những người cộng sản và của những kẻ mưu toan chức vị chính quyền".

Về Đạo dụ số 10, *Bản Phụ Đính* đề nghị chính quyền rút *tất cả các tôn giáo* ra khỏi phạm vi ràng buộc của Đạo dụ này, và ban hành một chế độ đặc biệt cho tất cả các tôn giáo, trong đó có Phật giáo và Gia Tô giáo.

Bản Phụ Đính kết luận rằng: nếu các nguyện vọng nói trên của Phật giáo đòi được thực hiện trên lý thuyết, văn kiện và thực thi thì quần chúng Phật giáo sẽ "công khai hoan nghênh tổng thống và chính phủ như đã công khai tranh đấu cho nguyện vọng của họ"^{5[5]}.

Mười hôm sau, vào ngày 25.05.1963, một *Phụ Trương* của *Bản Phụ Đính* được công bố. Mục đích của văn kiện này là nhắc lại cho quốc dân nhớ vai trò lập quốc và xây dựng nền văn hóa quốc gia trong quá trình lịch sử dân tộc của Phật giáo và nói rõ lập trường tranh đấu của Phật giáo cho công bằng xã hội^{6[6]}.

Tại thủ đô Sài Gòn, ngày 15.05.1963, một phái đoàn Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam phối hợp với đại diện của các tổ chức Phật giáo khác đã đến dinh Gia Long để yết kiến tổng thống Ngô Đình Diệm và trao cho ông bản *Tuyên Ngôn* ngày 10.05.1963, đồng thời giải thích cho ông rõ về năm nguyện vọng của Phật giáo đòi. Ba giờ đồng hồ thảo luận chỉ đưa đến một vài hứa hẹn mơ hồ của vị nguyên thủ quốc gia. Tổng thống còn đổ trách nhiệm vụ tàn sát ở Huế cho những người Cộng Sản.

Ngày hôm sau, phái đoàn Phật giáo mở cuộc họp báo tại chùa Xá lợi, công bố bản *Tuyên Ngôn* 10.05.1963 và các *Bản Phụ Đính* và *Phụ Trương*, đồng thời tố cáo trước dư luận những vụ đàn áp, giam cầm và giết chóc mà Phật tử đã phải chịu đựng trong nhiều năm qua. Một tài liệu 45 trang được gửi tới chính quyền ngày 20.05.1963 trong đó có liệt kê những vụ đàn áp, bắt bớ và thủ tiêu nói trên.

Ngày 21.5.1963, một lễ cầu siêu cho các nạn nhân vụ thảm sát tại Huế được tổ chức khắp nơi trên toàn quốc, theo lệnh của đại lão Thiền sư Tịnh Khiết, hội chủ Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam. Trước đó, bộ trưởng Công Dân Vụ là Ngô Trọng Hiếu đã tìm mọi cách để ngăn cản việc tổ chức lễ cầu siêu và yêu cầu Phật tử dời đến ngày rằm tháng Bảy (ngót ba tháng sau) rồi hãy tổ chức. Nhưng toàn quốc đã cử hành lễ này một cách long trọng đúng ngày thiền sư Tịnh Khiết chỉ định. Riêng tại Sài Gòn, số lượng tăng ni tập trung tại chùa Ấn Quang để hành lễ đã lên tới một ngàn vị; tín đồ cư sĩ đứng chật trong ngoài. Một cuộc diễu hành của tăng ni để rước linh vị các nạn nhân về chùa Xá Lợi đã được tổ chức sau đó, và một ngàn vị tăng ni mặc áo ca sa vàng đã nghiêm trang diễu hành trên nhiều đường phố giữa những hàng rào cảnh sát có cả thiết giáp túc trực và dưới mắt quần chúng thủ đô đông đặc hai bên vệ đường. Trong khi đoàn này đang diễu hành, một đoàn tăng ni khác gồm 350 vị xuất phát từ chùa Xá Lợi, bắt đầu một cuộc diễu hành khác, trang nghiêm và lặng lẽ, hướng về trụ sở Quốc Hội.

⁵ [5] Đọc toàn văn bản *Phụ Đính* trong sách *Công Cuộc Tranh Đấu Của Phật Giáo Việt Nam* do Quốc Tuệ biên soạn, Sài Gòn, 1964.

⁶ [6] Nguyên văn trong sách vừa dẫn.

Tại chùa Từ Đàm Huế, ngay sau lễ Cầu Siêu, toàn thể tăng ni có mặt bắt đầu một cuộc tuyệt thực. Hơn hai ngàn người trong số đó có nhiều giáo sư và sinh viên Viện Đại Học Huế, tham dự vào cuộc tuyệt thực này.

ỦY BAN LIÊN PHÁI BẢO VỆ PHẬT GIÁO

Ngày 25.05.1963, thiền sư Tịnh Khiết triệu tập một cuộc gặp gỡ giữa các tập đoàn thuộc Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam và đại diện các tổ chức và môn phái Phật giáo khác như Giáo Hội Nguyên Thủy, Thiền Tịnh Đạo Tráng, Giáo Hội Theravada v.v... để thảo luận về kế hoạch tranh đấu. Một *Ủy ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo* được thành lập để chỉ đạo cho cuộc vận động Phật giáo đồ do thiền sư Tâm Châu đứng đầu làm chủ tịch dưới quyền lãnh đạo tối cao của đại lão thiền sư Tịnh Khiết.

Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo được thành lập, tiếng nói của Phật giáo Việt Nam từ đây là tiếng nói thống nhất của Phật giáo đồ toàn quốc. Sự thống nhất ý chí và lực lượng của Phật tử Việt nam mà lâu nay tất cả mọi người mong mỏi, đã được thực hiện trong vòng hai tiếng đồng hồ, trong một hoàn cảnh cực kỳ nguy biến cho số mạng Phật giáo.

Sau khi thành lập Ủy Ban Liên Phái, đại diện các giáo phái có mặt tại chùa Xá Lợi ngày 25.05.1963 công bố một bản *Tuyên Ngôn* ngắn và gọn tỏ bày quyết tâm đoàn kết tranh đấu bất bạo động cho sự thực hiện năm nguyện vọng. Bản *Tuyên Ngôn* mang chữ ký của các thiền sư Thiện Hoa, trụ sự trưởng Giáo Hội Tăng Già Nam Việt; thiền sư Minh Trực, pháp chủ Giáo Hội Thiền Tịnh Đạo Tráng; thiền sư Thiện Hòa, trụ sự trưởng Giáo Hội Tăng Già Toàn Quốc; thiền sư Thanh Thái, trụ sự trưởng Giáo Hội Tăng Già Bắc Việt tại miền Nam; thiền sư Bửu Chơn, tăng thống Giáo Hội Phật Giáo Nguyên Thủy Việt Nam, thiền sư Lâm Em, tăng thống Giáo Hội Theravada; thiền sư Tâm Châu, phó hội chủ Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam; cư sĩ Nguyễn Văn Hiếu, hội trưởng Phật Giáo Nguyên Thủy Việt Nam; cư sĩ Vũ Bảo Vinh, hội trưởng Hội Việt Nam Phật Giáo (Bắc Việt, tại miền Nam), cư sĩ Sơn Thái Nguyên, đại diện Phật tử Theravada (người Việt gốc Miên) và cư sĩ Mai Thọ Truyền, hội trưởng Hội Phật Học Nam Việt.

PHÁT KHỞI CUỘC VẬN ĐỘNG

Sáng ngày hôm sau, 1963, một phái đoàn Phật giáo đến Phủ Tổng thống để trình *Bản Phụ Đính* của *Tuyên Ngôn* 10.05.1963 và cho chính quyền biết rằng theo lệnh của đại lão thiền sư Tịnh Khiết, các cấp tăng ni trong toàn quốc sẽ tuyệt thực trong 48 tiếng đồng hồ kể từ 14 giờ ngày 30.05.1963 để đòi hỏi chính quyền làm thỏa mãn Năm Nguyện Vọng.

Vào khoảng 10 giờ sáng ngày 30.05.1963, để chuẩn bị cho cuộc tuyệt thực, 352 vị tăng ni đã tổ chức biểu tình, xuất phát từ chùa Ấn Quang, diễu hành tới trụ sở Quốc hội và yêu cầu được gặp các đại biểu Quốc hội. Đồng thời một lá thư của thiền sư Tâm Châu, chủ tịch ủy ban Liên Phái, được gửi tới chủ tịch Quốc hội là Trương Vĩnh Lễ, yêu cầu Quốc hội xác định lập trường đối với những yêu sách của Phật tử. Tại Huế, trước giờ tuyệt thực, Đoàn Sinh Viên Phật tử tung ra một bức thư kêu gọi sinh viên học sinh toàn quốc siết chặt hàng ngũ sau lưng giới lãnh đạo Phật giáo để tranh thủ cho lý tưởng Tự Do và Bình Đẳng^{7[7]}.

Ngày 31.05.1963 sinh viên của tất cả các phân khoa Viện Đại Học Huế họp hội nghị tại chùa Từ Đàm, lập một bản kiến nghị yêu cầu tổng thống và chính phủ "giải quyết năm nguyện vọng chính đáng và tối

⁷ [7] Sau đây là những thành viên khác của Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo: các thiền sư Thiện Hoa, Tâm Giác và Bửu Chơn (ba vị phó chủ tịch), thiền sư Quảng Liên (ủy viên nhân sự), các thiền sư Minh Trực, Trí Quang, Pháp Tri, Lâm Em, Thiện Minh và Thanh Thái (sáu vị cố vấn), thiền sư Đức Nghiệp (ủy viên ngoại giao), thiền sư Quảng Độ (phụ tá ngoại giao), thiền sư Giác Đức (ủy viên nội an kiêm giảng huấn), thiền sư Chánh Lạc (thư ký), thiền sư Hộ Giác (phụ tá giảng huấn) và cư sĩ Chánh Trí Mai Thọ Truyền (tổng thư ký).

thiếu" của Phật tử, đòi chính phủ thực thi "một chính sách tự do, dân chủ và bình đẳng thật sự" và chấm dứt những "mánh lới trẻ con và thiếu tri thức của cán bộ đối với tín đồ Phật giáo". Ký tên vào bản kiến nghị này có đại diện các trường Y khoa, Sư phạm, Văn khoa, Luật khoa, khoa học, Cán sự Y tế và Điều dưỡng, Cao đẳng Mỹ thuật, Quốc gia âm nhạc và Viện Hán học.

Đoàn sinh viên Phật tử Huế mà tổng thư ký là Phan Đình Bính đã đóng một vai trò quan trọng trong bước đầu của cuộc đấu tranh. Tại Sài Gòn, Đoàn sinh viên Phật tử lập tức hưởng ứng lời kêu gọi của họ và dẫn thân ngay vào cuộc vận động.

Tại Huế, trưa ngày 01.06.1963, một cuộc biểu tình lớn được tổ chức trong đó sinh viên và học sinh tới dự rất đông đảo. Tất cả những người biểu tình đều tình nguyện gia nhập cuộc tuyệt thực lúc ấy sắp chấm dứt, và do đó, mọi người quyết định kéo dài cuộc tuyệt thực thêm 24 giờ đồng hồ.

Tại Sài Gòn và các tỉnh thị, cuộc tuyệt thực đã được rất đông tăng ni và quần chúng tham dự; Chùa Ấn Quang và chùa Xá Lợi là hai trung tâm tuyệt thực quan trọng nhất ở thủ đô; riêng số tăng ni tuyệt thực tại hai chùa đã lên tới gần 800 vị. Tại các tỉnh, phong trào quần chúng dâng lên ào ạt: những cuộc biểu tình và diễu hành được tổ chức khắp nơi.

Trước khí thế đấu tranh đó, chính quyền tăng cường các lực lượng phòng thủ và tấn công. Tại Sài Gòn, chiều ngày 30.05.1963 các lực lượng cảnh sát, công an, mật vụ được dàn ra bố trí trên các nẻo đường bao quanh chùa Xá Lợi. Tại Huế, cảnh sát chiến đấu và mật vụ bao vây các chùa Từ Đàm, Báo Quốc và Linh Quang. Ngày 03.06.1963, cảnh sát chiến đấu, lính nhảy dù và biệt kích, sóng người từ thành phố kéo lên. Cảnh sát chiến đấu mang mặt nạ, súng cấm lưỡi lê, đứng cản đường quần chúng. Không tiến thêm được nữa, sinh viên học sinh và đồng bào ngồi ngay xuống mặt đường, chấp tay về hướng chùa Từ Đàm tụng niệm cầu nguyện. Lực lượng cảnh sát tung lựu đạn cay và lựu đạn khói vào giữa quần chúng trong khi một đàn chó *berger* được thả ra để hành hung cắn xé. Đồng bào la hét vang trời. Thiền sư Trí Thủ nghe tin vội vàng tới tận nơi can thiệp để quần chúng được thông thả ra về. Đoàn người về tới Bến Ngự thì lại bị một lực lượng cảnh sát khác tấn công bằng lựu đạn cay và lựu đạn khói. Hàng trăm người bị khói và hơi cay làm ngất xỉu.

Ngày 14.06.1963 quần chúng lại kéo lên chùa. Lần này cảnh sát chiến đấu dùng dây thép gai rào quanh các chùa Từ Đàm, Báo Quốc và Linh Quang. Thiết giáp được huy động đến trấn giữ quanh chùa. Các lực lượng nhảy dù và biệt kích vây kín các chùa, không cho phép một ai ra vào. Quần chúng áp dụng sách lược hôm qua, ngồi xuống đường tụng niệm. Lựu đạn cay, lựu đạn khói và chó *berger* lại được tung ra để đàn áp. Lần này số đồng bào bị thương lên tới 142 người, trong đó có 49 người bị thương nặng. Tất cả đều được chở về điều trị tại bệnh viện Trung ương.

Tại các tỉnh, các chùa trụ sở của hội Phật Giáo Việt Nam và Giáo Hội Tăng Già đều bị phong tỏa một cách tương tự.

Từ ngày 31.05.1963, cư sĩ Mai Thọ Truyền, hội trưởng hội Phật Học Nam Việt đã gửi văn thư cho toàn thể Phật tử trong Phật Học Nam Việt kêu gọi mọi người tham dự cuộc tranh đấu. Các đơn vị tỉnh hội bắt đầu cộng tác với Giáo Hội Tăng Già Nam Việt địa phương để tổ chức cuộc tranh đấu tại các tỉnh miền Nam.

CHIẾN THUẬT CỦA CHÍNH QUYỀN

Căn cứ chính của cuộc tranh đấu như các chùa Xá Lợi, Ấn Quang, Giác Minh, Từ Quang, Báo Quốc, Từ Đàm và Linh Quang lúc đó đã hoàn toàn bị cô lập. Chính quyền còn cho cắt nước và điện của các chùa. Tại các tỉnh Biên Hòa, Gia Định, Ba Xuyên, những đoàn thể Phật giáo bị bắt ép ký những kiến nghị ủng hộ chính quyền. Cảnh sát chặn bắt và vơ vét về nguyên quán tất cả những tăng ni từ tỉnh lên Sài Gòn. Những tăng ni từ Sài Gòn về các tỉnh cũng bị chặn bắt; hành lý của họ bị soát giữ và những tài liệu in ronéo của tranh đấu bị tịch thu. Ở các ngã đường Sài Gòn, cảnh sát có quân đội trợ lực chặn bắt và lục soát những

người mang tài liệu của cuộc tranh đấu. Các quán ăn và các tiệm cà phê ở thủ đô đều có mật vụ Việt Nam nhà nước thường trực.

Các toán cảnh sát chiến đấu, công an xung phong, thanh niên cộng hòa, an ninh quân đội và quân cảnh trang bị máy truyền tin và võ trang đầy đủ đi bủa khắp thủ đô, canh gác, chặn xét các tầng nỉ và những người qua đường. Quân đội và cảnh sát được lệnh cấm trại. Mật vụ và công an theo dõi để khủng bố hoặc bắt giam và tra tấn những người nghi là đang lãnh đạo cuộc tranh đấu, ngấm ngấm bỏ tài liệu Mật Trận Giải Phóng Miền Nam vào các chùa rồi lục soát để vu cáo các thiền sư và Phật tử theo Cộng sản.

Những biện pháp trên của chính quyền không những không dập tắt được ngọn lửa đấu tranh của quần chúng mà còn làm cho ngọn lửa này cháy bùng lên thêm mạnh. Khắp nơi trên thế giới, báo chí đã nói tới cuộc tranh đấu, và phóng viên cùng quan sát viên quốc tế đổ tới Sài Gòn càng lúc càng nhiều. Ủy Ban Liên Phái cho ấn hành những bản tin truyền đi từ các đài BBC, VOA, v.v... và những bài báo ngoại quốc nói về cuộc tranh đấu. Các nước khối Phật giáo không liên kết lên tiếng ủng hộ cuộc tranh đấu của Phật tử Việt Nam. Ý thức được tầm quan trọng của dư luận quốc tế, Phật giáo cương quyết đẩy mạnh cuộc tranh đấu.

ỦY BAN LIÊN BỘ

Trong khi đó, chính quyền một mặt tăng cường những biện pháp kiểm soát, một mặt cố sức xoa dịu tình trạng bằng cách thành lập một Ủy Ban Liên Bộ có mục đích hợp tác cùng Ủy Ban Liên Phái để đi đến sự giải quyết những nguyện vọng của Phật tử. Tuy ý thức được cơ mưu hoãn binh của chính quyền, Ủy Ban Liên Phái cũng phải chấp nhận sự cộng tác với Ủy Ban Liên Bộ, theo đúng đường lối bất bạo động. Một phái đoàn hỗn hợp của hai bên được gửi ra Huế để giải tỏa các chùa Từ Đàm, Linh Quang, Bảo Quốc và Diệu Đế, đồng thời kêu gọi Phật tử trở về sinh hoạt bình thường, kiên nhẫn chờ những biện pháp của chính quyền.

Sự lắng dịu, tuy vậy, chỉ kéo dài được chưa tới một tuần lễ. Thấy tình trạng không thay đổi và đối thoại với Ủy Ban Liên Bộ không đưa đến kết quả nào cụ thể trong khi chính quyền vẫn âm thầm siết chặt những biện pháp kiểm soát, Ủy Ban Liên Phái ra lệnh tiếp tục cuộc đấu tranh. Ngày 11.06.1963, tại ngã tư đường Lê Văn Duyệt, Phan Đình Phùng, đúng 10 giờ sáng, một vị thiền sư ngồi xuống trong tư thế kiết già, lấy dầu xăng đổ lên áo ca sa mình đang mặc và châm lửa tự thiêu, tự biến mình thành một bó đuốc.

NGỌN LỬA QUẢNG ĐỨC

Vị thiền sư ngồi tự thiêu ở ngã tư Phan Đình Phùng-Lê Văn Duyệt tên là Thích Quảng Đức, sáu mươi bảy tuổi, trú trì chùa Quan Âm ở Gia Định. Trong tư thế kiết già, tay bắt ấn Cam Lộ, ông ngồi vững như một pho tượng đồng trong khi ngọn lửa cháy lên cao gần bốn thước, phủ trọn cả thân hình ông. Đó là vào khoảng giờ Ngọ ngày 11 tháng 6 năm 1963.

Lửa cháy trước con mắt kinh ngạc của những ký giả và nhiếp ảnh gia quốc tế. Lửa cháy trước niềm xót thương và lòng kính cẩn của quần chúng có mặt tại đó. Xe cộ dừng lại cả, và mọi người đến vây quanh cảnh tượng hào hùng chưa từng thấy xảy ra ở thủ đô Sài Gòn. Mười lăm phút sau, nhục thân của thiền sư ngã xuống; tiếng kêu khóc của quần chúng vang lên, nức nở. Vài giờ đồng hồ sau, hình ảnh và tin tức thiền sư Quảng Đức tự thiêu đã tràn ngập trên hệ thống truyền hình và báo chương quốc tế. Nhật báo nào cũng đăng hình thiền sư tự thiêu ở trang đầu với tiêu đề lớn. Thế giới chấn động, dồn hết sự chú ý về phía trời Đông Nam Á. Không một ai trên trái đất còn giữ thái độ hờ hững về cuộc tranh đấu của Phật tử Việt Nam.

Thiền sư Quảng Đức tên là Lâm Văn Túc, sinh năm 1897 tại làng Vạn Khánh, quận Vạn Ninh, thuộc tỉnh Khánh Hòa. Lên bảy tuổi, ông được người cậu ruột đem về nuôi và đổi tên là Nguyễn Văn Khiết. Ông

xuất gia với thiền sư Hoàng Thâm, thọ đại giới năm hai mươi tuổi và bắt đầu tu khổ hạnh ở núi Ninh Hòa. Trong năm năm, ông tu thiền và đi du hóa, theo hạnh đầu đà, chỉ giữ bên mình một y và một bát. Sau đó ông về định cư tu tập tại chùa Thiên Ân ở Ninh Hòa, gần thị trấn Nha Trang.

Năm 1932, ông được chi hội Ninh Hòa của An Nam Phật Học mời làm chứng minh đạo sư. Được ít lâu sau đó, ông lại lên đường hành hóa ở các tỉnh miền Nam Trung Việt, đóng góp vào công việc kiến tạo và trùng tu của mười bốn ngôi chùa rải rác trong vùng. Năm 1943, ông vào hành hóa tại các tỉnh miền Nam: Sài Gòn, Gia Định, Bà Rịa, Long Khánh, Định Tường và Hà Tiên. Rồi ông lên Kim Biên (Nam Vang) và dựng tích tượng ở đây trong ba năm, vừa hành đạo vừa học hỏi thêm các kinh điển Pâli.

Trong thời gian hành hóa tại miền Nam và ở Nam Vang, ông đã có công tạo lập hoặc trùng tu cả thảy là 17 ngôi chùa. Ngôi chùa ông thường trú lâu nhất là chùa Long Vĩnh, vì vậy giới Phật tử miền Nam thường gọi ông là hòa thượng Long Vĩnh. Chùa này tọa lạc tại Phú Nhuận tỉnh Gia Định. Tuy ngôi chùa cuối cùng mà ông trú trì là chùa Quan Thế Âm ở 68 đường Nguyễn Huệ thị xã Gia Định, ông cũng còn chính thức là tọa chủ chùa Long Phước ở tỉnh Khánh Hòa. Năm 1953, Giáo hội Tăng Già Nam Việt thỉnh ông làm Trưởng Ban Nghi Lễ, và hội Phật Học Nam Việt mời ông làm trú trì chùa Phước Hòa, trụ sở của hội.

Ông đã có ý tự hiến mình cho cuộc vận động từ ngày 27.05.1963 khi ông viết một lá thư cho giáo hội Tăng Già Toàn Quốc phát nguyện tự thiêu để đóng góp vào công trình tranh đấu^{8[8]}. Lời thỉnh nguyện này bị Giáo Hội bác bỏ. Tuy vậy ông vẫn quyết tâm thực hiện ý nguyện. Sáng ngày 11 tháng 06 năm 1963, trước khi tự thiêu, ông đã viết lại một bức thư gọi là *Lời Nguyện Tâm Huyết*, nói rõ chủ đích và nguyện vọng của ông. Điều đáng ghi nhớ là toàn văn bức thư này đã không chứa một mảy may hận thù và tuyệt vọng nào mà trái lại còn thấm nhuần tình thương và hy vọng. Nguyện văn bức thư như sau:

"Tôi pháp danh Thích Quảng Đức, trú trì chùa Quan Âm, Phú Nhuận, Gia Định.

Nhận thấy Phật giáo nước nhà đang lúc nghiêng ngả, tôi là một tu sĩ mệnh danh là trưởng tử Như lai không lẽ cứ ngồi điềm nhiên tọa thị để cho Phật giáo tiêu vong, nên tôi vui lòng phát nguyện thiêu thân giả tạm này cúng dường chư Phật để hồi hướng công đức bảo tồn Phật giáo.

Mong ơn mười phương chư Phật, chư Đại Đức Tăng Ni chứng minh cho tôi đạt thành ý nguyện sau đây:

1- Mong ơn Phật tổ gia hộ cho tổng thống Ngô Đình Diệm sáng suốt chấp nhận năm nguyện vọng tôi thiếu của Phật giáo Việt Nam ghi trong bản Tuyên ngôn.

2- Nhờ ơn Phật tử bi gia hộ cho Phật giáo Việt Nam được trường tồn bất diệt.

3- Mong nhờ hồng ân đức Phật gia hộ cho chư Đại Đức, Tăng Ni, Phật tử Việt Nam tránh khỏi nạn khủng bố bắt bớ giam cầm của kẻ ác gian.

4- Cầu nguyện cho đất nước thanh bình quốc dân an lạc.

Trước khi nhắm mắt về cảnh Phật, tôi trân trọng kính gởi lời cho tổng thống Ngô Đình Diệm nên lấy lòng bác ái từ bi đối với Quốc dân và thi hành chính sách bình đẳng tôn giáo để giữ vững nước nhà muôn thuở.

Tôi thiết tha kêu gọi chư Đại Đức, Tăng Ni, Phật tử nên đoàn kết nhất trí để bảo toàn Phật pháp."

Ngoài ra ông còn để lại thơ và kệ, cả thảy 5 bài, dặn dò bản đạo và đệ tử.

Thiền sư đã lay chuyển được lòng người tại hải ngoại cũng như ở quốc nội. Người Việt tại hải ngoại hợp tác với các bạn ngoại quốc, liên kết thành những đoàn thể tranh đấu yểm trợ cho cuộc vận động. Đồng bào quốc nội, Phật tử hay không Phật tử, trong niềm cảm thương, đều cảm thấy không còn sợ sệt một điều gì nữa, cương quyết đẩy mạnh cuộc tranh đấu. Văn nghệ sĩ sáng tác rất nhiều trên nguồn cảm hứng mới. Thi sĩ Vũ Hoàng Chương đã viết bài *Lửa Từ Bi* để ca ngợi tình huynh đệ thấp lên bằng ngọn lửa Quảng Đức^{9[9]}.

⁸ [8] Xem Công cuộc tranh đấu của Phật giáo Việt Nam, Quốc Tuệ, Saigon 1964, trang 94-96

⁹ [9] Xin xem mục thơ văn của số báo này.

Ngọn lửa Quảng Đức làm chấn động dư luận quốc tế và rung chuyển cả chế độ Ngô Đình Diệm. Hoàng kinh, ngay chiều hôm 11.06.1963, chính quyền ra lệnh phong tỏa các chùa, nhất là chùa Xá Lợi ở Sài Gòn, nơi di thể thiêu sư Quảng Đức được an trí. Cảnh sát đàn áp khắp mọi nẻo đường dẫn đến chùa Xá Lợi để ngăn chặn những làn sóng người đổ xô về chùa này. Bất chấp những lực lượng cảnh sát này, đồng bào ồ ạt đến chùa Xá Lợi như thác đổ để nghiêng mình trước di thể thiêu sư Quảng Đức. Ban đầu cảnh sát đàn áp và bắt giữ những người tới chùa nhưng sau đó cảnh sát bị làn sóng người tràn ngập. Bốn giờ chiều hôm đó đã có khoảng 15 ngàn người có mặt tại chùa Xá Lợi. Làn sóng người càng lúc càng dồn dập khiến cho chính quyền phải ra lệnh giải tỏa chùa Xá Lợi.

Trong nhiều ngày liên tiếp, quần chúng tới đầy nghẹt chùa Xá Lợi, trong sân cũng như ngoài đường. Lễ rước di thể của thiêu sư Quảng Đức được định vào sáng ngày 16.06.1963. Giới lãnh đạo cuộc tranh đấu đã dự tính tổ chức vào dịp này một cuộc biểu dương đoàn kết lớn.

THÔNG CÁO CHUNG

Rất lo ngại về cuộc bùng nổ lớn vào ngày 16.06.1963, chính quyền đề nghị cấp tốc mở cuộc thương thuyết giữa Ủy Ban Liên Phái và Ủy Ban Liên Bộ để giải quyết những nguyện vọng của Phật giáo. Giới lãnh đạo Phật giáo sẵn lòng chấp nhận sự cộng tác để không đi ngược với tinh thần bất bạo động. Được lệnh của tổng thống Ngô Đình Diệm, Ủy Ban Liên Bộ do phó tổng thống Nguyễn Ngọc Thơ lãnh đạo yêu cầu hai bên họp liên tiếp cả ngày lẫn đêm tại hội trường Diên Hồng để mau chóng đi đến một giải pháp. Phái đoàn của Ủy Ban Liên Bộ, ngoài trưởng đoàn là ông Nguyễn Ngọc Thơ còn có ông Nguyễn Đình Thuần, bộ trưởng Phủ tổng thống, ông Bùi văn Lương, bộ trưởng Nội vụ. Về phía phái đoàn Ủy ban Liên Phái có thiền sư Thiện Minh làm trưởng phái đoàn, các thiền sư Thiện Hoa và Tâm Châu làm đoàn viên, thiền sư Huyền Quang làm thư ký và thiền sư Đức nghiệp làm phụ tá thư ký. Buổi họp đầu tiên bắt đầu từ ngày 14.06.1963. Ủy Ban Liên Bộ được lệnh phải ký kết một bản thông cáo chung trước ngày 16.06.1963 cho nên đã cật lực làm việc : Sau năm buổi họp, cộng tất cả là 30 giờ làm việc, một bản *Thông Cáo Chung* được ký kết vào lúc hai giờ sáng ngày 16 tháng 06 năm 1963.

Bản *Thông Cáo Chung* : 1) Quy định thể thức treo cờ Quốc gia và cờ Phật giáo ; 2) Tách các hiệp hội có tính cách tôn giáo ra khỏi dự số 10 ; 3) Cam kết không trả thù những người tham gia cuộc vận động thực hiện 5 nguyện vọng và điều tra các cuộc khiếu nại của Phật giáo ; 4) Bảo đảm quyền tự do truyền giáo và hành đạo của Phật tử ; và 5) Trừng phạt những người có trách nhiệm trong vụ thảm sát tại đài phát thanh Huế cùng bồi thường cho gia đình các nạn nhân.

Cuối *Bản Thông Cáo Chung* có chữ ký khấn duyệt của thiền sư Tịnh Khiết, hội chủ Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam, và của tổng thống Ngô Đình Diệm^{10[10]}.

Đứng về phương diện thương thuyết, *Bản Thông Cáo Chung* là một thắng lợi lớn của bên Phật giáo. Nếu chính quyền thực tâm thi hành những điều đã thỏa hiệp với thông cáo này thì Phật giáo đồ sẽ không còn có lý do tiếp tục cuộc đấu tranh. Giới lãnh đạo Phật giáo không tin tưởng ngay thơ rằng chính quyền sẽ quyết tâm thực hiện bản *Thông Cáo Chung*, nhưng nguyên tắc tranh đấu bất bạo động bắt buộc họ phải tôn trọng phía địch thủ: theo nguyên tắc này chỉ khi nào địch thủ không giữ lời hứa mình mới có thể buộc họ là không thành thực.

Trong cuộc hội họp của Ủy Ban Liên Phái vào bốn giờ sáng ngày 16 tháng 06 năm 1963 tại chùa Xá Lợi, nhiều vị lãnh đạo đã tỏ ý lo ngại về sự thành thật của phía chính quyền. Thiền sư Thiện Minh trưởng phái đoàn của Ủy Ban Liên Phái, sau khi giải thích về thái độ quân tử cần có trong tinh thần tranh đấu bất

¹⁰ [10] *Công Cuộc Tranh Đấu Của Phật Giáo Việt Nam*. Quốc Tuệ, Sài Gòn 1964, trang 94-96.

bạo động, đã nói với các vị trong buổi họp : « Nếu chúng tôi có những sai lầm trong việc ký kết bản *Thông Cáo Chung* thì chúng tôi nguyện dùng thân này để đền đáp lòng kỳ vọng của Phật Giáo đồ »^{11[11]}.

¹¹ [11] Sau đây là nguyên văn của bản *Thông Cáo Chung*:
"Để giải quyết ôn hòa năm nguyện vọng do Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam đưa ra; Ủy Ban Liên Bộ gồm có:

Phó tổng thống Nguyễn Ngọc Thơ,
Nguyễn Đình Thuần, bộ trưởng Phủ tổng thống,
Bùi văn Lược, bộ trưởng Nội vụ

và phía phái đoàn Phật Giáo

Thượng tọa Thích Thiện Minh, trưởng phái đoàn,
Thượng tọa Thích Thiện Hoa đoàn viên
Thượng tọa Thích Tâm Châu đoàn viên,
Thượng tọa Thích Huyền Quang, thư ký
Đại đức Thích Đức nghiệp, phó thư ký

(do thư giới thiệu của Hội chủ hòa thượng Thích Tịnh Khiết số 24 tháng 6 năm 1963), đã họp tại Hội trường Diên Hồng:
ngày thứ sáu 14.16.1963:

sáng từ 9 giờ 00 đến 12 giờ 00

chiều từ 15 giờ 00 đến 18 giờ 00

Ngày thứ bảy 15.06.1963:

sáng từ 9 giờ 00 đến 12 giờ 00

chiều từ 15 giờ 00 đến 18 giờ 00

đêm từ 21 giờ 00 đến 24 giờ 00

và ngày chủ nhật 16.06.1963:

từ 0 giờ 00 đến 1 giờ 30

Sau khi thảo luận, Ủy Ban Liên Bộ và phái Đoàn Phật Giáo đã thỏa thuận các điểm sau đây:

I. Quốc kỳ - Đạo Ca

Quốc kỳ tượng trưng cho Linh Hồn Dân Tộc, phải được luôn luôn tôn trọng và phải được đặt đúng vị trí.

A-Lễ Quốc gia: Chỉ treo cờ Quốc gia

B-Lễ Phật Giáo:

1. Tại chùa: Quyển môn, cổng chùa, cột lớn giữa sân chùa. Mặt tiền chùa, cờ quốc gia bên phải, cờ Phật giáo bên trái, nhỏ hơn (hai phần ba)

*Cờ rù: Cờ Phật Giáo mà thôi.

*Sân chùa (để trang hoàng) mắc trên giây: toàn cờ Phật Giáo, bằng giấy cỡ nhỏ

*Trong chùa: Chỉ treo cờ Phật giáo

2. Lễ đài:

*Chân đài và chung quanh: Cờ Quốc gia bên phải, cờ Phật giáo bên trái, nhỏ hơn (hai phần ba)

*Trên đài (có thể coi như là trong chùa): Chỉ treo cờ Phật giáo

3. Đám rước:

*Đi trước:

Nếu chỉ một người đi trước, cầm hai cờ: Quốc gia bên phải, Phật giáo bên trái, nhỏ hơn (hai phần ba)

Nếu có hai người đi trước: Mỗi người cầm một, cũng theo thể thức trên.

*Phía sau: *Tín đồ chỉ cầm một cờ Phật giáo cỡ nhỏ.*

4. Xe nhân vật Phật giáo: không treo cờ gì cả

5. Tư gia:

*Trước nhà: *Hai cờ như trước chùa.*

*Trong nhà: *Chỉ treo cờ Phật giáo.*

Đề áp dụng đúng đắn các khoản trên đây, cần quy định:

Cờ treo bên phải: (phải) từ ngoài lộ trông vô chùa

Cờ nhỏ hơn: (nhỏ) là bằng hai phần ba cờ quốc gia (các cán bộ không nên quá khắt khe về kích thước)

II. Dự số 10.

Tách hiệp hội có tính cách tôn giáo ra khỏi Dự số 10 và lập một quy chế hợp với tính cách đặc biệt về nhu cầu sinh hoạt của những Hiệp Hội Tôn Giáo ấy.

Quy chế đó sẽ là một đạo luật do Quốc hội soạn thảo với sự tham khảo trực tiếp ý kiến các tôn giáo liên hệ.

Quốc hội sẽ biểu quyết Đạo luật này chậm lắm là cuối năm 1963 hoặc đầu năm 1964. Trong khi chờ đợi ban hành Đạo luật mới. Ủy Ban Liên Bộ đồng ý sẽ có những chỉ thị cần thiết để Dự số 10 không áp dụng quá khắt khe đối với các hội Phật Giáo, Phật học hiện hữu. Phái đoàn Phật giáo cam kết chỉ thị cho các tăng ni chấp hành nghiêm chỉnh luật pháp quốc gia và thi hành mọi biện pháp kỷ luật nội bộ đối với những hành động lệch lạc.

III. Vấn đề bắt bớ và giam giữ Phật giáo đồ.

Thông Cáo Chung được ký kết sáu giờ đồng hồ trước khi tang lễ thiền sư Quảng Đức được cử hành. Chính quyền ra lệnh loan truyền ngay trong đêm đó bằng xe phóng thanh của bộ Thông Tin. Điện tín báo về bản *Thông Cáo Chung* được chính phủ đánh đi các tỉnh tới tấp, và đài phát thanh Sài Gòn loan tin này từ khi trời còn lờ mờ sáng.

Lúc này đại lão thiền sư Tịnh Khiết đã từ Huế về tới Sài Gòn. Thuận theo lời khẩn khoản của chính quyền, thiền sư ra lệnh hoãn tang lễ thiền sư Quảng Đức lại để tránh những điều có thể tổn thương đến tinh thần *Thông Cáo Chung*. Nhưng quần chúng không tin đài phát thanh và loa phát thanh. Vào lúc tám giờ sáng, số người tại thủ đô kéo nhau ra đường Phan Thanh Giản để chờ đợi tham dự tang lễ đã lên tới bảy trăm ngàn người. Chính quyền khẩn khoản nhờ Ủy Ban Liên Phái đứng ra giải thích cho quần chúng để xin quần chúng trở về. Thiền sư Tâm Giác được lệnh Ủy Ban Liên Phái lên đứng trên mui một chiếc xe, dùng máy phóng thanh báo tin cho quần chúng biết việc ký kết bản *Thông Cáo Chung* là có thật. Lúc ấy đồng bào mới tin và mới bắt đầu lục tục giải tán.

Ngày 17.06.1963, Thiền sư Tịnh Khiết ra thông bạch gửi toàn thể Phật giáo đồ trong nước, báo tin về những thắng lợi đã đạt được trong bản *Thông cáo Chung* và kêu gọi Phật giáo đồ « trở lại nếp sống bình thường thành tâm cầu nguyện cho bản *Thông Cáo Chung* , một văn kiện cam kết long trọng giữa chính phủ và Phật giáo được thi hành nghiêm chỉnh ». Tuy nhiên , thiền sư không quên đặt vấn đề thực thi *Thông Cáo*

Chính phủ lập một Ban Điều Tra để xét lại các hồ sơ khiếu nại của Phật giáo. Tất cả những ai có liên can đến cuộc vận động thực hiện năm nguyện vọng của Tổng Hội Phật Giáo đề ra, bất luận ở đâu, sẽ được tổng thông đặc biệt khoan hồng. Chính phủ sẽ xác nhận lệnh sửa sai đã ban ra cho các cán bộ để thực thi chính sách bình đẳng tôn giáo của chính phủ.

IV. Tự do truyền đạo và hành giáo.

1. Những sinh hoạt thuần túy tôn giáo và thường xuyên như ngày 14, rằm, 30, mồng một, cầu siêu, cầu an hay các ngày vía nếu làm trong phạm vi nhà cửa hay trụ sở Hội phải xin phép.

Các sinh hoạt bất thường và ngoài phạm vi nhà chùa hay trụ sở Hội thì khỏi phải xin phép.

2. Về vấn đề các chùa làng có tính cách thuần túy địa phương. Trung ương cần phải có thì giờ gom góp đủ hồ sơ liên hệ. Vì thế, trong khi chờ đợi, chỉ có thể cho bầu lại ban quản trị mới của các chùa làng nếu xét thấy cần, hầu để cho giới Phật tử được tham gia quyền quản trị các chùa này.

3. Xác nhận thông tư số 166-TTP.TTK ngày 23.09.1963 không áp dụng cho việc tiếp nhận cũng như tạo mãi động sản và bất động sản của Phật giáo.

4. Dành mọi sự dễ dàng cho sự kiểm duyệt về kinh sách Phật giáo theo thể lệ hiện hành.

5. Dành mọi sự dễ dàng cho các sư xây cất (chùa, trường học và cơ sở từ thiện).

V. Trách nhiệm và trợ giúp.

Những cán bộ có trách nhiệm về các vụ xảy ra từ ngày 8 tháng 5 năm 1963, bất kỳ thuộc thành phần nào, cũng sẽ bị nghiêm trị, nếu cuộc điều tra đang tiến hành chứng tỏ lỗi của họ.

Sự cứu gia đình nạn nhân đang là một mối lo âu của các cơ quan xã hội và chính quyền.

Các gia đình nạn nhân ở Huế đã được trợ giúp kịp thời và có thể được trợ giúp thêm tùy theo gia cảnh từng người.

Ủy Ban Liên Bộ sẽ phụ trách theo dõi việc thi hành các điều khoản trên nhất là tại các địa phương.

Nếu có sự lệch lạc Tổng Hội Phật Giáo sẽ kịp thời báo tin cho Ủy Ban Liên Bộ.

Lập thành hai bản chính tại Sài Gòn

Ngày 16.06.1963

PHÁI ĐOÀN PHẬT GIÁO

Ký tên

Thượng tọa Thích Thiện Minh

Thích Tâm Châu

Thích Thiện Hoa

ỦY BAN LIÊN BỘ

Ký tên

Nguyễn Ngọc Thơ

Nguyễn Đình Thuần

Bùi Văn Lược

KHÁN

Hòa thượng Hội Chủ Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam

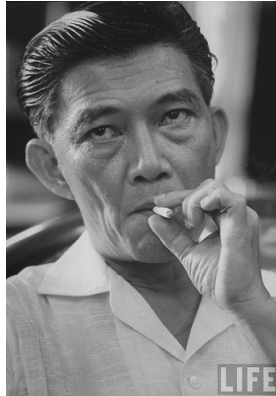
Ký tên: THÍCH TỊNH KHIẾT

Những điều được ghi trong *Thông Cáo Chung* này đã được tôi chấp nhận nguyên tắc ngay từ đầu.

Ký tên: NGÔ ĐÌNH DIỆM

Chung : « Một điều quan trọng mà tất cả tăng ni và Phật tử đều thắc mắc tự hỏi : Liệu những lời cam kết được ghi trong *bản Thông Cáo Chung* này có được thực thi đúng đắn khắp nơi trong nước hay không ? Điều đó còn đợi thời gian trả lời. Tuy nhiên chúng ta tin tưởng ở lời cam kết của tổng thống và Ủy Ban Liên Bộ ; nếu những điều cam kết không được thực thi đúng đắn thì đó không phải là trách nhiệm của chúng ta »^{12[12]}.

THÔNG CÁO CHUNG KHÔNG ĐƯỢC THỰC THI



Tuy nhiên ông Ngô Đình Nhu, cố vấn tối cao của chính phủ Ngô Đình Diệm, quyết tâm diệt trừ phong trào Phật giáo. Ngày 18.06.1963, văn phòng tổng thống đánh mật điện cho đại biểu chính phủ các Miền, các vị tổng giám đốc và các vị tư lệnh các vùng chiến thuật, ra lệnh tạm thời nhún nhường phong trào Phật giáo và chuẩn bị dư luận để đợi lệnh phản công lại phong trào này. Bức mật điện này mang số 1342/VP/TT, do ông Đồng lý văn phòng Phủ tổng thống là Quách Tông Đức ký ngày 19.06.1963, một bản sao của mật điện lọt ngay vào trong tay Ủy Ban Liên Phái. Nguyên văn bức điện như sau: "Để tạm thời làm êm dịu tình hình và khí thế đấu tranh quá quyết liệt của bon tăng ni và Phật giáo phản động, tổng thống và ông cố vấn ra lệnh tạm thời nhún nhường họ- Các nơi nhân hãy theo đúng chủ trương trên và đợi lệnh-Một kế hoạch đối phó thích nghi sẽ gửi đến sau- Ngay từ giờ hãy chuẩn bị dư luận cho giai đoạn tấn công mới-Hãy theo dõi điều tra thanh trừng những phần tử Phật giáo bất mãn và trình thượng cấp kể cả sĩ quan và công chức cao cấp"^{13[13]}.

Cũng ngày 18.06.1963, chính quyền thương lượng với một vài phần tử tăng sĩ trong giáo phái Lục Hòa Tăng để cấp tốc thành lập một Tổng Hội Phật Giáo lấy tên là Tổng Hội Phật Giáo Cổ Sơn Môn để chống lại phong trào Phật giáo, thảo giúp một điện văn bằng Anh ngữ để tổ chức này đánh qua cho hội Phật giáo Tích Lan, tố cáo Tổng Hội Phật Giáo Việt nam "một chi nhánh của hội Phật Giáo Tích lan", đang lợi dụng danh nghĩa của hội để hoạt động chính trị và yêu cầu hội Phật giáo Tích Lan lên tiếng phản đối.

Trụ sở hội Thế Giới Phật Giáo Liên Hữu năm ấy được đặt tại Ngưỡng Quang (Rangoon) Miến Điện và Phật Giáo Tích lan, cũng như Phật Giáo Việt Nam, chỉ là một trong những "Trung tâm địa phương" của hội.

Ngay khi nhận được điện tín, tổng thư ký Trung Tâm Tích Lan là ông W.P. Daluwatte trả lời ngay. Ông nói rằng hội Phật Giáo Tích Lan không có một chi hội nào ở Việt nam cả, rằng " Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam không bao giờ làm một điều gì hoặc có một thái độ nào có thể gọi là phản Phật giáo cả", rằng Phật tử Tích Lan "phản đối mạnh mẽ những hành động kỳ thị tôn giáo và những đối xử có tính cách lăng nhục". Một bản sao của thư này, viết ngày 18.06.1963 được gửi cho Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam^{14[14]}.

¹² [12] *Công Cuộc Tranh Đấu Của Phật Giáo Việt Nam*. Quốc Tuệ, Sài Gòn 1964, trang 137.

¹³ [13] Sách vừa dẫn, trang 143-144.

¹⁴ [14] *Cuộc Tranh Đấu Lịch Sử Của Phật Giáo Việt Nam*, Nam Thanh, Sài Gòn 1964, trang 26.

Ngày 20.06.1963, nhục thân của thiền sư Quảng Đức được rước về An Dưỡng Địa ở Phú Lâm để làm hỏa thiêu. Chính quyền đã bắt đám rước đi theo con đường Trần Quốc Toản thay vì đi đường Phan Thanh Giản. Chính quyền chỉ cho phép khoảng hai trăm vị tăng ni tham dự vào đám rước này, và buộc phải đi bằng xe hơi. Tuy vậy suốt dọc đường, hương án của tư gia đã được bày hai bên lề đường với đèn hương nghi ngút để tỏ sự thành kính đối với vị thiền sư mà từ đây mọi người bắt đầu xưng tụng là Bồ tát Quảng Đức. Ngọn lửa hỏa thiêu đã không đốt cháy được trái tim thiền sư. Trái tim này được đem thiêu lại lần thứ hai với sức nóng ngót 4.000 độ nhưng vẫn không cháy.

Tổng thủ lãnh của Phong Trào Thanh Niên Cộng Hòa là cố vấn Ngô Đình Nhu dự định sử dụng lực lượng này để chống phong trào Phật Giáo. Tại trụ sở Thanh Niên Cộng Hòa ngày 26.06.1963, ông nói: "Phong Trào Thanh Niên Cộng Hòa là một phong trào quần chúng, không phải là một phong trào của chính phủ để mù quáng đi làm tay sai cho bất cứ ai". Tài liệu học tập số 3 của Thanh Niên Cộng Hòa cho rằng:

1- Nội dung cũng như hình thức bản *Thông Cáo Chung* không phù hợp với chủ trương của Thanh Niên Cộng Hòa.

2- Bản *Thông Cáo Chung* trái với luật lệ hiện hành, chưa kể điều hết sức quan trọng là phủ nhận quyền của tổng thống trong vấn đề thả ra những người bị bắt bớ"^{15[15]}.

Trong lá thư gửi tổng thống Diệm ngày 26.06.1963, đại lão thiền sư Tịnh Khiết tố cáo tất cả những hành động nói trên của chính quyền. Ông lại tố cáo những trường hợp đàn áp Phật tử từ ngày *Thông Cáo Chung*: nhiều nơi, dân chúng bắt buộc làm kiến nghị lên án phong trào Phật giáo; nhiều nơi, các chùa còn bị phong tỏa các cán bộ Phật tử bị lùng bắt, công an theo dõi những người đến chùa, biển số xe và tới tận nhà để hăm dọa. Ông còn cho biết rằng vị tổng giám đốc Nha Thanh Niên đang tổ chức một cuộc biểu tình lớn của Thanh Niên Cộng Hòa để yêu cầu chính phủ duyệt lại bản *Thông Cáo Chung*, và tố cáo hành động này là chống lại đường lối của chính quyền^{16[16]}.

Thiền sư Thiện Minh, trưởng phái đoàn Ủy Ban Liên Phái, trong lá thư ngày 1.7.1963 gửi Ủy Ban Liên Bộ, lại tố cáo rằng những bản *Thông Cáo Chung* trên đường gửi ra Huế đã bị tịch thu tại Quy Nhơn, rằng chính quyền địa phương cấm đoán một số các chùa tổ chức hội họp để học tập về bản *Thông Cáo Chung*, rằng chính quyền đã ra lệnh cho báo chí không được đăng tải những bản thông bạch và những tài liệu của phía Phật giáo, rằng khắp nơi chính quyền địa phương đang dùng những phương tiện bán công khai để chống lại sự thực thi *Thông Cáo Chung*^{17[17]}. Phó tổng thống Nguyễn Ngọc Thơ, chủ tịch Ủy Ban Liên Bộ trả lời lại bức thư này và nói rằng những điều mà các thiền sư lên án đã không thực sự xảy ra. Hai bên trao đổi rất nhiều thư từ loại này. Bên Phật giáo, các thư văn được in bằng ronéo để phân phát cho quần chúng; Bên chính quyền, các thư văn được các báo chí thủ đô đăng tải và đài Sài Gòn phát thanh.

Ngày 7.7.1963 để đánh lệch sự chú ý quần chúng khỏi cuộc tranh đấu của Phật tử, chính quyền ra lệnh đem những nhân sĩ đã từng tham dự cuộc đảo chính hụt ngày 11.11.1963 ra xét xử. Được trát tòa án đòi, hôm ấy nhà văn Nhất Linh (Nguyễn tường Tam) uống thuốc độc tự tử vào lúc tám giờ tối sau khi để lại những dòng sau đây:

15

^[15] *Việt Nam Phật Giáo Tranh Đấu Sử*, Tuệ Giác, Sài Gòn 1964, trang 172.

16 ^[16] Theo thư của thiền sư Thiện Minh gửi Ủy Ban Liên Bộ ngày 01.07.1963, trong *Công Cuộc Tranh Đấu Của Phật Giáo Việt Nam*. Quốc Tuệ, Sài Gòn 1964, trang 162-166

17

^[17] Sách vừa dẫn, trang 155-158.

"Đời tôi để lịch sử xử. Tôi không chịu để ai xử tôi cả. Sự bắt bớ và xử tôi những phần tử quốc gia đối lập là một tội nặng, sẽ làm cho nước mất về tay Cộng sản. Tôi chống đối sự đó và tự hủy mình cũng như hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu để cảnh cáo những người chà đạp mọi thứ tự do.

Ngày 7.7.1963, Nhất Linh Nguyễn Tường Tam."

Cái chết của Nhất Linh đã gây xúc động lớn trong quần chúng. Hôm 13/07/1963, khoảng bốn mươi ngàn người đã tham dự tang lễ của nhà văn, giữa những hàng cảnh sát chiến đấu và mật vụ.

Ngày 09.07.1963, bộ nội vụ ban hành nghị định 358-BNV/KS ấn định thẻ thực treo cờ Phật giáo (theo tinh thần *Thông Cáo Chung*) cho Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam. Nghị định này nhằm chia rẽ Tổng Hội với các giáo phái Phật Giáo khác, vì quyền treo cờ này chỉ được áp dụng riêng cho Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam. Ba ngày sau; đại diện tất cả các giáo phái, trong đó có sáu tập đoàn của Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam đồng ký vào một bản kiến nghị phản đối dụng ý chia rẽ của nghị định nói trên và yêu cầu chính phủ cho điều chỉnh nghị định.

Ngày 11.07.1963 Ủy Ban Liên Bộ lại gửi cho Ủy Ban Liên Phái một lá thư cho biết rằng theo sự điều tra của Bộ Nội vụ thì vụ thảm sát ở Huế ngày 07.05.1963 là do Cộng sản gây ra chứ không phải do chính quyền: Bác sĩ Lê Khắc Quyến, giám đốc bệnh viện Trung ương Huế sau khi giải phẫu và chứng nghiệm, đã cho ông đại biểu chính phủ tại Trung Nguyên Trung Phần biết như vậy trong cuộc tiếp xúc ngày 02.07.1963.

Thiền sư Thiện Minh, trong một lá thư đề ngày 12.07.1963 đã trả lời về vấn đề này, buộc tội chính quyền cố tình bưng bít một sự thật không còn có thể bưng bít^{18[18]}. Đồng thời ông nói tới tất cả các hành động vi phạm công khai bản *Thông Cáo Chung* của các cấp chính quyền, nêu ra từng trường hợp một^{19[19]}.

Thời gian thử thách về việc thực thi *Thông Cáo Chung* kéo dài trên ba tuần lễ. Nhận thấy chính quyền không những không thực tâm thi hành *Thông Cáo Chung* mà còn tìm biện pháp làm yếu mòn tiềm lực tranh đấu của Phật giáo, ngày 14.07.1963, đại lão thiền sư Tịnh Khiết cương quyết phát động lại cuộc tranh đấu. Ngày hôm đó, ông gởi một lá thư cho tổng thống Ngô Đình Diệm báo tin rằng ông quyết định ra lệnh tiếp tục cuộc tranh đấu bất bạo động để đòi hỏi sự thực thi nghiêm chỉnh bản *Thông Cáo Chung*. Ông viết: "Tôi tuy tuổi đã tám mươi, vẫn còn đầy đủ sức suốt để ra quyết định này mà tôi lãnh hết trách nhiệm"^{20[20]}. Đồng thời ông ra thông bạch kêu gọi toàn thể tăng đồ và tín đồ đoàn kết sau Ủy Ban Liên Phái để tranh đấu và "đòi hỏi sự thực thi nghiêm chỉnh và nhanh chóng bản *Thông Cáo Chung*". Ngày hôm sau 15.07.1963, nhân danh vị lãnh đạo tối cao của Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo, ông lại ra một *Thông bạch* quy định phương thức tiến hành cuộc tranh đấu. *Thông bạch* ấy như sau:

"Kính Thông bạch các tập đoàn trong Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo.

Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Như bản sao ba văn kiện đính kèm bản Thông bạch này, quý vị lãnh đạo các tập đoàn và toàn thể Tăng Già và tín đồ trực thuộc đều có thể nhận thấy:

Nguyện vọng của Phật giáo là đòi hỏi bản *Thông Cáo Chung* phải được thực thi nghiêm chỉnh và mau chóng.

Nhằm nguyện vọng đó các tập đoàn và các tỉnh trực thuộc hãy thi hành các chi tiết Phật sự sau đây:

1- Khẩu hiệu đòi hỏi:

a) Có ba khẩu hiệu được nêu lên sau đây:

- *Chúng tôi đòi hỏi thi hành đúng đắn bản Thông Cáo Chung* (Anh ngữ: The Joint Communiqué must be carried out seriously).

¹⁸ [18] Sách vừa dẫn, trang 162-166.*

¹⁹ [19] Bác sĩ Lê Khắc Quyến, sau khi bị chính quyền ép ký biên bản cuộc khám nghiệm, đã từ chức giám đốc Bệnh Viện Trung ương và khoa trưởng trường Đại Học Y Khoa Huế. Sau vụ này, các giáo sư ngoại quốc đang dạy tại trường Y Khoa Huế đều từ chức và bỏ về nước để phản đối chính quyền Sài Gòn vì họ đã biết rõ sự thực về cuộc khám nghiệm.

²⁰ [20] Đọc toàn văn lá thư này trong *Công Cuộc Tranh Đấu Của Phật Giáo Việt Nam*, sách đã dẫn, trang 170-174

- *Hãy chấm dứt mọi hình thức khủng bố và áp bức Phật giáo đồ* (Anh ngữ: Stop all forms of terrorizing and suppressing Buddhists).

- Yêu cầu chính phủ giữ sự thành tín đã hứa (Anh ngữ: Request the Government to keep its promises faithfully).

b) Cách dùng các khẩu hiệu là viết nhiều tấm treo ngay nơi tiền đường và những nơi quần chúng có thể nhìn thấy rõ ràng của khuôn viết, tất cả các chùa thuộc giáo hội và hội. Những chùa xa xôi ở thôn quê và núi non cũng viết và căng lên như vậy. Nhưng ngoài ba khẩu hiệu này tuyệt đối không dùng khẩu hiệu nào khác.

2- Hình thức đòi hỏi:

a) Hình thức đòi hỏi thực thi bản *Thông Cáo Chung* là áp dụng tất cả các phương thức bắt bạo động đã áp dụng tất cả các phương thức bắt bạo động đã áp dụng trước đây.

b) Địa điểm tụng kinh và tuyệt thực - những điều phổ thông trong phương thức bắt bạo động - thì tại thị xã, tăng già và tín đồ (hội viên và gia đình Phật tử của các khuôn hội phụ cấp, các giới Phật tử trực thuộc) tập trung tại trụ sở, văn phòng, hoặc chung hoặc riêng của giáo hội và hội. Còn tại khuôn thì hội viên và Gia đình Phật tử khuôn nào tập trung tại khuôn ấy.

Chú ý: tập trung theo thể thức luân phiên.

3- Thời gian đòi hỏi:

Kể từ khi ra *Thông bạch* này cho đến khi có thông bạch mới.

4- Tinh Thần Bắt Bạo Động:

a) Tuyệt đối cố thủ tinh thần và phương pháp bắt bạo động.

b) Nếu đi tụng kinh và tuyệt thực để cầu nguyện mà bị ngăn chặn lại thì dầu mấy người cũng ngồi xuống niệm xong 108 tiếng niệm Phật rồi trở về. Nếu bị bắt thì tất cả cùng xin vào tù. Nếu chùa bị bao vây thì bình tĩnh cầu nguyện cho đến chết.

5- Mục đích đòi hỏi:

a) Hoàn toàn thuộc ý thức tôn giáo tín ngưỡng.

b) và thu hẹp trong sự đòi hỏi thực thi bản *Thông Cáo Chung* một cách nghiêm chỉnh và mau chóng.

Vì ý thức được tính cách sinh tử của Đạo Pháp, tôi chắc chắn toàn thể Phật tử không ai từ chối một sự hy sinh nào trong khuôn khổ tinh thần bắt bạo động.

Hòa thượng hội chủ Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam, Lãnh đạo tối cao Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo.

Thích Tịnh Khiết

Sau khi Thông bạch này được tung ra, tình hình khắp nơi trở nên sôi động. Cuộc tranh đấu quyết liệt của Phật tử bắt đầu.

PHẬT TỬ ĐÒI THỰC THI THÔNG CÁO CHUNG CUỘC TUYỆT THỰC TẠI CHÙA XÁ LỢI

Thông bạch của đại lão thiền sư Tịnh Khiết được đưa ra ngày 15/7/1963 thì chiều ngày 16/7/1963 khoảng trên 150 vị tăng ni đã tổ chức biểu tình trước tư dinh đại sứ Hoa kỳ tại Việt Nam. Họ trưng biểu ngữ kêu gọi Hoa kỳ và các nước bạn của Việt Nam Cộng hòa thuyết phục chính quyền Ngô Đình Diệm thi hành những điều đã được ký kết trong bản Thông cáo chung.

Từ ngày 15/7/1963 chư tăng tại chùa Xá Lợi, kể cả các vị lãnh đạo phong trào trong Ủy ban Liên Phái Bảo vệ Phật giáo, đã bắt đầu một cuộc tuyệt thực. Rạng sáng ngày 17/7, một cuộc diễn hành ôn hòa được phát xuất từ chùa Giác Minh đường Phan Thanh Giản. Đoàn người này lúc bắt đầu đi thì chỉ có trên 1.000 người và chỉ giăng một biểu ngữ: “Chúng tôi đi thăm Thầy chúng tôi đang tuyệt thực để đòi thực thi Thông cáo chung”. Họ vượt qua được mấy lớp rào cảnh sát và kêu gọi quần chúng gia nhập vào lực lượng diễn hành của họ. Những biểu ngữ sau đây được trương lên:

“Chúng tôi bị lường gạt quá nhiều”

“Cờ Phật giáo phải là cờ của tất cả Phật giáo đồ”

“Yêu cầu chính phủ giữ đúng lời thành tín đã hứa”.

Đoàn biểu tình đã mấy lần phá được những hàng rào giây thép gai để tiến tới, nhưng lực lượng cảnh sát và mật vụ đã được huy động đến quá đông đảo. Được trang bị đầy đủ, họ thiết lập những hàng rào kẽm gai rất kiên cố và dàn ra phía sau những chiếc xe cứu hỏa. Thiền sư Quảng Độ, người điều động cuộc diễn hành, đề nghị quần chúng ngồi xuống mặt đường và tĩnh tâm niệm Phật. Đoàn người lúc bấy giờ chỉ cách chùa Giác Minh có năm trăm thước. Sau nửa giờ niệm Phật, quần chúng lặng yên nghe thiền sư Quảng Độ đứng lên nói về cuộc vận động của Phật giáo đồ toàn quốc. Dùng loa phóng thanh, ông chậm rãi nói về chính nghĩa của cuộc tranh đấu. Từ hai đầu đường Phan Thanh Giản và các đường phố lân cận như Nguyễn Thiện Thuật, quần chúng đều đứng lại lắng tai nghe. Các cửa sổ các tầng lầu đều được mở ra; đồng bào xuất hiện trên sân thượng của nhà cửa hai bên khu phố để nghe thiền sư thuyết giải. Lực lượng cảnh sát dùng ống loa định che lấp tiếng nói của ông, nhưng máy phóng thanh của chùa Giác Minh khá mạnh: tiếng nói của thiền sư Quảng Độ vẫn còn được nghe rất rõ. Vào lúc 10 giờ 30 cuộc đàn áp thực sự bắt đầu. Cảnh sát và mật vụ xông vào cướp giật biểu ngữ. Tăng ni và những người điều động cuộc diễn hành bị tấn công bằng báng súng và gây gộc trước con mắt của giới báo chí và quan sát viên quốc tế. Tiếng la hét của phụ nữ và trẻ em vang dậy. Có nhiều vị tăng ni bị đánh ngã quỵ. Có nhiều vị khác bị liệng lên xe cảnh sát và bị chở đi. Bị đàn áp dữ dội, đoàn biểu tình rút lui từ từ về chùa Giác Minh và chùa Từ Quang sát cạnh. Cảnh sát theo sát họ tới cổng chùa và thiết lập một hàng rào giây thép gai để phong tỏa chùa. Trên sáu trăm tăng ni và Phật tử bị cô lập trong chùa hơn hai ngày hai đêm như thế.

BIỂU TÌNH DIỄN HÀNH :

Cũng vào sáng ngày 17/7 khoảng 400 vị tăng ni đến tập hợp tại chùa Xá Lợi. Sau khi lễ Phật và mặc niệm tại chánh điện chùa, họ sắp hàng diễn hành từ đường Bà Huyện Thanh Quan qua đường Lê văn Thạch đến đường Nguyễn Thông, Ngô Thời Nhiệm, Lê Văn Duyệt và đi về hướng chợ Bến Thành. Họ vượt qua được mấy hàng rào dây kẽm gai và tiến được về vườn hoa của Nam chợ Bến Thành. Cuộc diễn hành này, nhờ tính cách bất ngờ của nó, đã làm cho các lực lượng đối phó không kịp trong bước đầu. Đến khi các lực lượng này được huy động đầy đủ thì đa số chư tăng ni đã đến được chợ Bến Thành và chỉ có khoảng mười vị đi sau bị kẹt và bị bắt lại. Đến chợ Bến Thành, tăng ni trương lên những biểu ngữ : “Yêu cầu chánh phủ thực thi bản Thông cáo chung”. Lúc này các lực lượng cảnh sát chiến đấu đã vây quanh đám biểu tình, dưới quyền chỉ huy của viên Giám đốc cảnh sát Trần văn Tư. Ông Trần văn Tư yêu cầu chư tăng ni hạ cờ Phật giáo cùng các biểu ngữ xuống, nhưng không ai tuân hành. Vị đại diện tăng ni đứng lên xin nói về mục đích của cuộc biểu tình diễn hành. Ông giám đốc nha cảnh sát chỉ cho phép vị này được nói trong năm phút, “mau lên còn để chúng tôi thi hành nhiệm vụ”. Đại diện cho chư tăng ni nói: “Chúng tôi tới đây để tỏ cùng quốc dân đồng bào biết rằng: bản Thông cáo chung đã ký kết hơn một tháng nay nhưng chính phủ đã không thực thi nghiêm chỉnh mà còn dùng đủ mọi cách để khủng bố, bao vây, bắt bớ, đàn áp, xuyên tạc Phật giáo đồ”.

Lúc này, đồng bào trong chợ đã đổ ra rất đông, và từ các ngã đường quần chúng cũng kéo tới chật ních. Sau khi phát biểu xong, vị đại diện yêu cầu lực lượng cảnh sát giải tỏa để chư tăng được tự do diển hành về chùa Xá Lợi. Ông Trần văn Tư không chịu, quyết định dùng “những biện pháp thích nghi” để ngăn chặn cuộc diển hành trở về chùa Xá Lợi mà ông biết là sẽ vô cùng đông đảo. Trong khi chờ đợi sự giải tỏa của cảnh sát, các tăng ni ngồi xuống đất và bắt đầu niệm Phật. Cuộc đàn áp bắt đầu. Cảnh sát xông vào, bắt liệng các vị tăng ni lên xe buýt bùng. Chư tăng chống cự lại bằng cách quàng lấy tay nhau thành chùng chuỗi dài. Tình thế trở nên hỗn loạn.

Thấy cuộc đàn áp xảy ra trước mặt quần chúng đông đảo như vậy là không hay, ông giám đốc cảnh sát đổi sách lược. Ông ra lệnh ngừng sự bắt ép và đích thân điều đình với các vị điều động cuộc diển hành, hứa sẽ dùng xe cảnh sát chở tất cả chư tăng ni về chùa Xá Lợi. Thấy cuộc biểu tình đã đạt được nhiều kết quả và chư tăng ni nhiều người đã bị mất sức, thêm nữa thấy ông giám đốc cảnh sát đã lấy danh dự mà hứa sẽ chở chư tăng về chùa Xá Lợi, vị đại diện bằng lòng để cho tăng ni lên xe. Nhưng những chiếc xe này, khi đến ngã tư Tổng đốc Phương, thay vì chạy về chùa Xá Lợi, lại rẽ về hướng Lục Tỉnh. Thấy mình bị lừa, chư tăng ni đập cửa xe rầm rầm. Các vị ngồi trước lấy chân đạp thắng xe, và gạt tay lái cho xe đâm vào lề đường. Nhiều vị mở cửa xe phóng xuống đường trong khi xe đang chạy. Thấy vậy các xe cảnh sát phải ngừng lại. Tất cả các vị tăng ni đều tập hợp lại thành một khối giữa công lộ. Cảnh sát lại dùng giấy thép gai vây họ lại. Hai vị cảnh sát trưởng đến gần chư tăng, xưng là đại diện ông giám đốc cảnh sát, hứa lần này sẽ thực sự cho chư tăng về chùa Xá Lợi. Sợ bị lừa gạt lần nữa, chư tăng ni không ưng thuận, chỉ yêu cầu được tự do đi bộ về chùa Xá Lợi. Họ ngồi xuống đất để đòi hỏi sự giải tỏa của lực lượng cảnh sát. Nhưng cảnh sát không giải tán. Cuộc đàn áp lại xảy ra, khốc liệt gấp mấy lần trước: chư tăng ni bị đánh đập và ném lên xe như những con thú vật. Quần chúng ở đây không đông đảo như ở chợ Bến Thành và giới báo chí không có mặt, vì vậy chư tăng ni bị hành hung một cách tàn nhẫn: có vị bị thoi vào những nơi hiểm yếu, có vị bị bóp họng, có vị bị đâm đá túi bụi.

TĂNG NI BỊ GIAM GIỮ

Các xe cảnh sát chở đầy tăng ni phóng nhanh khỏi thành phố đến chùa Hoa Nghiêm ở An Dương Địa, một khu nghĩa địa lớn nằm giữa khoảng đồng trống miền Phú Lâm. Tại đây cảnh sát đã được túc trực và giấy thép gai đã được giăng khắp thành hàng rào bốn phía. Tất cả tăng ni đều bị cô lập tại đây. Chiều đến, lực lượng bố phòng của cảnh sát được tăng cường hùng hậu. Vào khoảng nửa đêm, cảnh sát có vũ trang súng ống đột nhập vào phòng chư tăng để xét hỏi, điều tra lý lịch, và tra hỏi xem ai là những người đã xúi giục họ đi biểu tình. Những vị tăng sĩ gốc Miên được tra hỏi cặn kẽ hơn cả. Chiều ngày hôm sau, 18/7, nhân viên công quyền đến bắt tăng ni khai lý lịch, in dấu tay và chụp hình: họ bảo đó là thủ tục thông thường phải làm trước khi các vị tăng ni được trả tự do, và hứa là vào ngày mai 18/7 họ sẽ mời Ủy ban Liên phái tới để trao trả chư tăng ni về chùa Xá Lợi. Trưa 19/7 nhiều xe cảnh sát được đưa tới và cảnh sát đòi chở tăng ni về chùa Xá Lợi. Không thấy có vị đại diện nào của Ủy ban Liên phái, chư tăng ni không chịu ra xe, cương quyết ở lại chờ lệnh.

Sáng ngày 20/7, đột nhiên tất cả những hàng rào giấy thép gai và những lực lượng cảnh sát phong tỏa An Dương Địa biến mất, và các ông Ngô Trọng Hiếu, bộ trưởng Công dân vụ và Trần văn Tư Giám đốc cảnh sát xuất hiện với một đoàn báo chí Việt Nam và ngoại quốc. Trước mặt các ký giả và nhiếp ảnh viên, ông Trần văn Tư giải thích rằng sở dĩ chư tăng ni được giam giữ ở đây là vì họ đã biểu tình bất bạo động, bất hợp pháp và đã hành hung các nhân viên công lực. Thiền sư Chánh Lạc đại diện cho chư tăng ni đứng lên giải thích cho báo chí nghe về mục đích và lập trường tranh đấu bất bạo động của Phật tử, cải chính những điều vu khống của ông giám đốc cảnh sát, rồi trả lời rành rẽ từng câu hỏi của các phóng viên đặt ra. Sau đó, đoàn tăng ni quyết định theo phái đoàn báo chí về Sài gòn. Đoàn người đến Phú lâm thì, sau khi để cho giới báo chí đi khỏi, một toán cảnh sát chiến đấu ngăn chặn tất cả tăng ni lại. Thiền sư Chánh Lạc đề nghị toàn thể

ngồi xuống mặt đường niệm Phật. Trong khi vị đại diện tăng ni đối thoại với cảnh sát thì một phái đoàn của Ủy ban Liên phái do thiền sư Thiện Minh hướng dẫn, đến kịp. Kết cuộc là chư tăng được đưa về chùa Xá Lợi bằng xe đồ, có một đoàn xe bình bịch của cảnh sát dẫn lộ.

Vào lúc 12 giờ 15, đoàn xe tới cổng chùa Xá Lợi. Bảy giờ họ được thiền sư Tịnh Khiết, các thiền sư khác trong Ủy ban Liên phái và quần chúng túc trực sẵn ở đây đón tiếp. Thiền sư Tâm Châu, chủ tịch Ủy ban Liên phái, cảm động trước những hy sinh và chịu đựng của chư tăng ni trong bốn ngày bốn đêm vừa qua, đã đứng ra lay tạ đại chúng. Cử chỉ này đã làm cho mọi người xúc động. Những vị tăng ni trọng thương được đưa ngay vào chăm sóc. Sau khi kiểm điểm, số tăng ni bị bắt hoặc mất tích lên tới gần năm chục vị (180)^{21[21]}.

Báo chí và các đài truyền thanh truyền hình quốc tế đã đăng tải đầy đủ về những cuộc biểu tình nói trên tại Sài gòn. Quần chúng tại quốc nội theo dõi các đài BBC, VOA, biết rõ tất cả những gì đã xảy ra tại Sài gòn và những dư luận xôn xao trên thế giới.

DU' LUẬN QUỐC TẾ CHẤN ĐỘNG

Trong lúc đó, tất cả các cấp lãnh đạo trong Ủy ban Liên phái vẫn tiếp tục tuyệt thực tại chùa Xá Lợi. Chính quyền Ngô Đình Diệm biết rõ những gì đang xảy ra trên dư luận quốc tế, nhất là dư luận người Mỹ. Những ký giả như David Halberstam của tờ New York Times viết trên báo này rất nhiều bài bất lợi cho chế độ Sài gòn. Ký giả này nói rằng chính phủ Ngô đình Diệm đã bị nhân dân ghét bỏ, và vấn đề lật đổ chính quyền Diệm chỉ là vấn đề thời gian. Thượng nghị sĩ Hoa kỳ Wayne L. Morse tuyên bố ngày 19/7 rằng ông không đồng ý cho Hoa kỳ viện trợ thêm một đồng nào nữa cho chính quyền Ngô Đình Diệm. Tin tức những ký giả Hoa kỳ bị cảnh sát hành hung được các báo chí ở Hoa thịnh đồn và Nữ Ước đăng tải. Tờ Hoa thịnh đồn thời báo (Washington Post) đã viết những lời bình luận sau đây ngày 19/6/1963:

“Cuộc tranh chấp không còn là một biến động có tính cách địa phương nữa. Vì chế độ ông Diệm liên hệ mật thiết quá với Hoa kỳ, nên cái nguy là Phật giáo đồ ở khắp Á châu sẽ có cảm tưởng rằng dù sao Hoa kỳ cũng dung túng sự kỳ thị tôn giáo. Tuy đó là một cảm nghĩ sai lầm nhưng dù sao đã là đồng minh của một chế độ độc tài và áp bức cho nên Hoa kỳ cũng bị ảnh hưởng”.

Tổng thống Ngô Đình Diệm nhìn thấy nguy cơ của mình. Ngày 18/7 ông lên tiếng trên đài phát thanh Sài gòn. Ông đọc một thông điệp để xoa dịu tình hình. Thông điệp đ8ược lặp lại nhiều lần một ngày trên đài phát thanh. Ông nói:

“Để tỏ rõ chủ trương của chính phủ cương quyết thi hành đúng đắn và hữu hiệu Thông cáo chung và để đánh tan mọi hồ nghi hoặc mưu mô xuyên tạc chia rẽ, chiếu theo đề nghị của Hội đồng Liên bộ, tôi vừa chấp thuận:

- 1- Chỉ thị của nghị định số 358 ngày 9 tháng 7 năm 1963 ấn định thể thức treo cờ Phật giáo. Thể thức này đã áp dụng riêng cho Tổng hội Phật giáo sẽ được áp dụng cho tất cả môn phái nào tự ý công nhận Phật giáo kỳ.
- 2- Chỉ thị Ủy ban Liên bộ hợp tác mật thiết với phái đoàn Phật giáo để cùng nghiên cứu điều tra giải quyết hoặc theo hồ sơ hoặc tại chỗ nếu cần những khiếu nại liên quan đến sự thực thi Thông cáo chung.
- 3- Chỉ thị các cấp quân dân chính mỗi người trong lĩnh vực của mình, trong lời nói cũng như trong việc làm, tích cực góp phần vào việc thực thi Thông cáo chung.

²¹ [21] Sách **Phật giáo tranh đấu** do Quốc Oai biên soạn (Tân Sanh, 1963) có in danh sách 21 vị tăng ni bị cảnh sát đã thương trầm trọng ngày 17/7/1963. Theo Quốc Oai, tất cả các vị Tăng Ni trong cuộc biểu tình ngày 17/7/1963 đều bị đánh đập, không nhiều thì ít. Cảnh sát xé nát áo nhiều người. Có vị bị thương máu me đầy người.

Tôi mong rằng Quốc dân đồng bào ghi nhận ý chí hoà giải tốt bụng của chính phủ trong vấn đề Phật giáo và tôi yêu cầu quốc dân đồng bào từ nay sẽ khách quan phán quyết để có thái độ và hành động, không để ai làm ngăn cản bước tiến của dân tộc trong nhiệm vụ diệt cộng cứu quốc.”

Lời kêu gọi “ghi nhận ý chí hòa giải tốt bụng của chính phủ” được nói lên trong khi các chùa Xá Lợi, Giác Minh, Ấn Quang tại Sài gòn và nhiều ngôi chùa khác trên khắp lãnh thổ còn bị phong tỏa và trên 300 vị tăng ni đang bị vây hãm tại An Dưỡng Địa, và hơn bốn trăm tăng ni khác rải rác trong toàn quốc đang bị giam giữ. Sáng ngày 19/7, thiền sư Tâm Châu gửi một văn thư cho Tổng thống Diệm để đáp lại lời hiệu triệu của ông. Trong lá thư, thiền sư ghi nhận lời hiệu triệu này của Tổng thống và yêu cầu ông cấp tốc phóng thích cho tất cả những ai bị chính quyền giam giữ từ ngày 8/5, ra lệnh cho báo chí được quyền đăng tải các văn kiện của Ủy ban Liên phái, công bố danh sách những người chịu trách nhiệm về cuộc thảm sát ngày 8/5, bồi thường cho các nạn nhân cuộc thảm sát ấy. Đồng thời ông cũng báo tin rằng các chùa Xá Lợi, Ấn Quang và Giác Minh, sau khi được giải tỏa vào khoảng nửa giờ vào sáng 19/7, đã bị các lực lượng cảnh sát phong tỏa trở lại. Ông kết luận “Các vấn đề trên được giải quyết xong, chúng tôi mới có thể hợp tác với Ủy ban Liên bộ mà nghiên cứu xem xét những vấn đề khác để cho cuộc hòa giải được hoàn toàn tốt đẹp”.

Lập trường của Ủy ban Liên phái, do đó là sẽ không chấp thuận việc cộng tác với chính quyền để thành lập Ủy ban Hòa hợp chừng nào những điều căn bản nhất của Thông cáo chung chưa được thực thi. Văn thư trao đổi giữa Ủy ban Liên phái và Ủy ban Liên bộ trong thời gian từ ngày 18/7 đến ngày 30/7 phần lớn là để đề cập tới vấn đề này. Về phía Phật giáo, Ủy ban Liên phái tiếp tục công bố những tài liệu vi phạm Thông cáo chung của chính quyền: những vụ mất tích tăng sĩ, những vụ ám sát và đả thương Phật tử, những vụ rải truyền đơn giả tạo để chống phong trào tranh đấu cho Năm nguyện vọng v.v... (181)^{22[22]}

HỆ THỐNG THÔNG TIN CỦA ỦY BAN LIÊN PHÁI

Các báo chí thủ đô đều nằm trong tay của chính quyền, cho nên Ủy ban Liên phái phải thiết lập một hệ thống tuyên truyền đặc biệt. Các thiền sư Quảng Độ và Đức Nghiệp là những người phụ trách liên lạc với các ký giả quốc tế và các tòa lãnh sự ngoại quốc tại Sài gòn: mỗi khi có tin tức gì cần thông báo, các vị dùng điện thoại, hoặc của chùa, hoặc của những tư gia quanh chùa. Nhiều khi bản tin được truyền đi trên những mảnh giấy nhỏ và được điện thoại cho giới báo chí từ những địa điểm rất xa chùa. Cùng với những vị thông thạo sinh ngữ khác, họ dịch những bài báo ngoại quốc có liên hệ đến cuộc tranh đấu để phổ biến. Họ còn thu thanh những bản tin do các đài phát thanh ngoại quốc truyền đi và chép thành bản tin. Thiền sư Châu Toàn điều động một số nhân viên ngày đêm ấn hành những bản tin này bằng máy in phức bản (stencils). Tài liệu được chuyển đi các trung tâm khác ở thủ đô để được in lại và phổ biến. Tại Huế và các trung tâm đấu tranh khác như Quảng Trị, Quảng Nam, Nha Trang, Đà Lạt, Bình Long, Ninh Thuận, Bình Thuận, Gia Định v.v... đường lối thông tin và tranh đấu cũng được phỏng theo phương thức này.

Trong suốt thời gian tranh đấu, ngày nào quần chúng cũng đến chùa rất đông đảo để lễ Phật, ngồi tuyệt thực và ủng hộ Ủy ban Liên phái. Các thiền sư Giác Đức và Hộ Giác phụ trách thuyết giảng trong các buổi tập hợp và tuyệt thực này. Họ giải thích cho quần chúng rõ lập trường của Phật giáo, thái độ của chính quyền, tố cáo những hành động vi phạm Thông cáo chung và nói về dư luận quốc tế đối với cuộc tranh đấu đòi thực thi Năm Nguyện vọng. Hai vị đều là những thiền sư trẻ và có tài hùng biện.

²² [22] Bản kê khai một số những hành động vi phạm Thông cáo chung, Công cuộc tranh đấu của PGVN, Quốc Tuệ, trang 276-278.

NHỮNG THỦ ĐOẠN CỦA CHÍNH QUYỀN

Trong guồng máy chính quyền, thậm chí trong các lực lượng an ninh, cảnh sát và mật vụ đã có nhiều người đứng về phía tranh đấu. Ủy ban Liên phái luôn luôn được thông báo trước về những biện pháp đàn áp của chính quyền. Cuộc biểu tình của hơn 100 thương phế binh trước chùa Xá Lợi ngày 23/7 do chính quyền tổ chức để chống đối phong trào Phật giáo cũng đã được Ủy ban Liên phái biết trước và thiền sư Tâm Châu đã gửi thư đến chính quyền để phản đối ngày 22/7. Trong một lá thư đề ngày 23/7 thiền sư cũng cho chính quyền biết là ông Ngô Trọng Hiếu, bộ trưởng Công dân vụ đang cho 300 cán bộ cạo đầu giả làm tăng sĩ để đi quyền tiền và đặt may cờ cho Mặt trận giải phóng miền Nam, đang tổ chức một cuộc biểu tình khác cho cô nhi và quả phụ chiến sĩ, và một cuộc biểu tình khác nữa cho những người hành khất và những người có bệnh hủi, xui giục những người này vào chùa Xá Lợi để khiêu khích và để cảnh sát có cớ vào chùa (182)^{23[23]}.

Ủy ban Liên phái đã in sẵn một lá thư đề phát cho những người tự nhận là thương phế binh đến biểu tình trước chùa Xá Lợi ngày 23/7. Lá thư này rất ôn tồn, giải thích cặn kẽ về cuộc tranh đấu của Phật giáo, ghi nhận sự đóng góp và hy sinh của các thương phế binh cho công trình bảo vệ miền Nam và kêu gọi thương phế binh tham dự vào cuộc tranh đấu đòi dân quyền và bình đẳng tôn giáo (183)^{24[24]}.

Chiều ngày 23/7 nha Tổng Giám đốc thông tin triệu tập một cuộc họp báo, cho biết rằng trung tá Trần Thanh Chiêu, thanh tra trung ương dân vệ đoàn và tác giả cuộc biểu tình của thương phế binh hồi sáng đã bị cách chức và phạt 40 ngày trọng cấm. Ngay sau khi đó, thiền sư Tịnh Khiết viết thư cho Tổng thống Diệm xin khoan hồng cho trung tá Chiêu, vì theo thiền sư: **“Không bao giờ vị sĩ quan ấy có ý tự mình làm một việc công khai chống lại với mệnh lệnh của Tổng thống nếu không có một áp lực bên ngoài nào đó”**. (184)^{25[25]}

Chiều ngày 24/7, Ủy ban Liên phái nhận được một lá thư từ các thương phế binh gửi tới chùa Xá Lợi. Lá thư bày tỏ sự ủng hộ của thương phế binh đối với cuộc tranh đấu của Phật giáo đồ và phản nản về nhóm người đã lợi dụng danh nghĩa thương phế binh để làm những điều phản lại nguyện vọng của thương phế binh. Lá thư này mang chữ ký của mười một vị đại diện thương phế binh (185)^{26[26]}. Ngày 1/8 khoảng ba trăm anh em thương phế binh đã tự động tập họp tại chùa Xá Lợi, làm lễ Phật ở chánh điện. Đại diện của họ đến gặp thiền sư Tâm Châu của Ủy ban Liên phái và phát nguyện ủng hộ cuộc tranh đấu.

Ngày 23/7, Ni sư Diệu Huệ mở cuộc họp báo tại chùa Xá Lợi cho biết bà sẽ thiêu thân để chống lại chính sách kỳ thị tôn giáo của chính quyền Ngô Đình Diệm. Ni sư Diệu Huệ là thân mẫu của nhà bác học Bửu Hội, lúc bấy giờ làm đại sứ cho chính quyền Ngô Đình Diệm tại nhiều nước thuộc về miền Tây Phi Châu.

Ngày 30/7, lễ chung thất (49 ngày) của thiền sư Quảng Đức được tổ chức long trọng tại chùa Xá Lợi. Hưởng ứng lời kêu gọi của Ủy ban Liên phái, đồng bào thủ đô kéo đổ dồn về chùa ngay từ hồi tang tảng sớm mặc sự ngăn cản và đe dọa của các giới công an và cảnh sát. Quần chúng chật ních cả vòng trong lẫn vòng ngoài của chùa. Sau lễ cầu nguyện cho giác linh thiền sư Quảng Đức, một bản Tuyên ngôn của Ủy ban Liên phái được phổ biến, kêu gọi đồng bào đẩy mạnh cuộc tranh đấu bất bạo động.

²³ [23] *Phật giáo tranh đấu*, Quốc Oai, trang 135-137

²⁴ [24] *Sách vừa dẫn*, trang 137-140

²⁵ [25] Một tháng sau, trung tá Trần Thanh Chiêu được công khai tuyên dương công trạng và được gán Trung Dũng bội tinh (Công cuộc tranh đấu của PGVN, Quốc Tuệ, trang 231).

²⁶ [26] *Sách vừa dẫn*, trang 237/239

Ngày 1/8, thiền sư Tịnh Khiết gửi một điện văn cho Tổng thống John F. Kennedy, phản đối việc ông đại sứ Hoa kỳ là Frederic Nolting tuyên bố với hãng thông tấn UPI rằng không có chuyện kỳ thị tôn giáo và ngược đãi Phật giáo đồ tại Việt Nam.

NGỌN LỬA NGUYỄN HƯƠNG:

Ngày 4/8/63, trong khi chư tăng ni và tín đồ Phật giáo Bình Thuận đang còn tuyệt thực ở chùa hội quán tỉnh hội, thiền sư Nguyễn Hương châm lửa tự thiêu mình ở đài chiến sĩ ngay trước tỉnh đường Bình Thuận (Phan Thiết). Thiền sư Nguyễn Hương tục danh là Huỳnh văn Lễ, sinh năm 1940 tại làng Long Tỉnh, quận Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận. Ông xuất gia năm mười tám tuổi, theo học với thiền sư Viên Trí chùa Bửu Tích. Năm hai mươi tuổi, ông thọ đại giới, và có đạo hiệu là Đức Phong. Ông nhận chức trụ trì chùa Bửu Tạng ở Bình Thuận từ tháng chín năm 1962. Ông thiêu thân một mình, không cho ai hay biết. Trước khi thi hành bản nguyện ông để lại một lá thư gửi thiền sư Tịnh Khiết, một lá thư khác gửi bốn đạo chùa Bửu Tạng và một lá thư khác gửi song thân. Nội dung những bức thư này là ý nguyện của ông muốn đóng góp vào những nỗ lực tranh đấu để chấm dứt tình trạng đàn áp Phật giáo đồ. Trong lá thư gửi cho song thân, ông xin hai người tinh tiến niệm Phật và đừng trách cứ gì vị bổn sư của ông là thiền sư Viên Trí, vì thiền sư này không hay biết gì về bản nguyện tự thiêu của ông (186)^{27[27]}.

Thiền sư Nguyễn Hương, hiệu Đức Phong, tuy mới có hai mươi ba tuổi, nhưng đã có định lực khá vững vàng. Ông ngồi yên trong lửa đỏ cho đến khi ngã xuống. Đồng bào thấy lửa cháy đến bao quanh đài chiến sĩ. Một đơn vị quân đội được lập tức huy động tới để giải tán quần chúng và chở thi hài ông về bệnh viện Phan Thiết. Đồng bào kéo tới bệnh viện, nhưng các nhân viên công lực đã kéo đến phong tỏa bệnh viện này. Tuy vậy, trước khi bệnh viện bị phong tỏa, khoảng hai mươi vị vừa tăng ni vừa thanh thiếu niên Phật tử đã lọt được vào bệnh viện để túc trực bên di thể thiền sư Nguyễn Hương. Sau khi bệnh viện bị phong tỏa, những người này không ra về được nữa. Quần chúng kéo đến bệnh viện càng lúc càng đông. Tăng ni và Phật tử ngồi xuống trước cổng bệnh viện và bắt đầu tụng niệm cầu siêu cho giác linh người mới khuất. Chính quyền cho xe phát thanh đi khắp thành phố, báo tin “một thanh niên thất tình chán đời tự tử tại đài chiến sĩ”. Các lực lượng cảnh sát không giải tán được quần chúng.

Mãi cho đến nửa đêm, theo lời yêu cầu của các thiền sư Quang Thử, Minh Thuận và Ân Tâm, đồng bào mới chịu ra về. Các vị tăng ni và thanh thiếu niên Phật tử trong bệnh viện nhất định không rời bệnh viện, sợ chính quyền di chuyển thi hài của vị thiền sư. Một số tăng ni và Phật tử khác cũng nhất quyết ngồi lại ngoài bệnh viện. Suốt đêm, họ luân phiên tụng kinh cầu nguyện. Tại chùa Tịnh Hội, quần chúng cũng đã tụ tập đông đảo. Loa phát thanh được bắt lên cột cờ sân chùa và thiền sư Châu Đức đứng ra trình bày về sự tình đã xảy ra, cải chính những điều mà xe phát thanh của chính quyền đã rao nói trong thành phố. Ông cho đồng bào biết là “đại đức Nguyễn Hương, một vị tăng sĩ của Giáo hội Tăng già Bình Thuận vừa tự thiêu để phản đối chính quyền về việc không thực tâm thi hành Thông cáo chung”. Các lực lượng cảnh sát liền tới bao quanh chùa Tịnh Hội. Sáng ngày 5/8, cảnh sát và dân vệ kéo tới đàn áp, bắt các tăng ni nhốt vào các phòng dành cho người điên ở bệnh viện và chở thi hài của thiền sư Nguyễn Hương đi mất.

Tại Sài gòn, tin thiền sư Nguyễn Hương tự thiêu đến tai Ủy ban Liên phái ngày 5/8. Lễ cầu siêu cho thiền sư được dự định tổ chức vào ngày 11/8 trên toàn quốc. Tại chùa Xá Lợi ngày hôm đó, lễ cầu siêu được Đoàn Sinh viên Phật tử, đoàn Thanh niên bảo vệ Phật giáo và Liên đoàn Học sinh Phật tử điều động và tổ chức. Số người tham dự lên tới hai chục ngàn người. Tại lễ cầu siêu này, số lượng tăng ni rất đông đảo. Các tăng sĩ gốc Miên có mặt từng đoàn, cũng mặc pháp phục như họ là các tăng sĩ Nam tông gốc Việt. Tăng sinh và ni sinh của tất cả các Phật học viện miền Sài gòn, Gia định và Thủ đức đều có mặt. Thiền sư Tịnh Khiết đứng

²⁷ ^[27] Sách vừa dẫn, trang 287-291.

ra chủ lễ. Lễ Cầu siêu cử hành xong, chúc thư của thiền sư Nguyên Hương được đem ra tuyên đọc. Trong quần chúng, một rừng biểu ngữ được dựng lên. Trong các biểu ngữ này, có một biểu ngữ nội dung thật đặc biệt: **“Tổng thống Ngô Đình Diệm hãy nắm vững trách nhiệm, đừng để ai lũng đoạn quyền hành, vu khống, đàn áp Phật giáo”**.

Thiền sư Giác Đức đứng trước máy vi âm giải thích về biểu ngữ này. Ông nói đến áp lực nặng nề của các ông Ngô Đình Nhu, Ngô Đình Cẩn và bà Trần Lệ Xuân đối với Tổng thống Ngô Đình Diệm. Ông nhấn mạnh đến sự lộng quyền của ông Ngô Đình Nhu và bà Ngô Đình Nhu, phân tích những âm mưu phá hoại tổ chức Phật giáo và những cố tình vi phạm bản Thông cáo chung. Quần chúng hoan hô ông từng chập. Cũng vào ngày 5/8 thiền sư Tịnh Khiết gửi một lá thư cho ông Ngô Đình Diệm, lưu ý tổng thống về tin đồn liên hệ tới một cuộc đảo chính giả hiệu có mục đích ép ông phải tức khắc đàn áp Phật giáo.

KẾ HOẠCH "NƯỚC LŨ"

Ngày 06.08.1963, Ủy Ban Liên Phái lại được mật báo về một kế hoạch của chính quyền nhằm tiêu diệt phong trào Phật giáo, gọi là "kế hoạch nước lũ". Kế hoạch này nhằm phân hóa và cô lập lực lượng Phật tử, bao vây kinh tế, chặn đứng tất cả guồng máy thông tin của họ và nhất là bôi xấu từng vị lãnh đạo của phong trào bằng cách giả tạo ra những "bằng cứ phạm pháp" của họ có thể truy tố trực tiếp trước pháp luật^{28[28]}. Trong lá thư gửi cho tổng thống Diệm ngày 07.08.1963, thiền sư Tịnh Khiết báo tin cho tổng thống về các kế hoạch này, đồng thời lưu ý ông một lần nữa về những âm mưu thâm độc của những người thân tín nhất bên ông.



Ngày 12.08.1963 một nữ sinh Mai Tuyết An đến chùa Xá Lợi chặt tay trái của cô để cảnh cáo chính quyền. Cô chặt nhiều lát nhưng bàn tay cô không đứt. Máu loang đầy áo cô. Các vị tăng sĩ nghe tin chạy tới, tìm xe chở cô vào bệnh viện. Trước khi chặt tay, cô nữ sinh này đã viết ba bức thư, một cho chư tăng ni và Phật giáo đồ, một cho tổng thống Diệm và một cho bà Ngô Đình Nhu.

NGỌN LỬA THANH TUỆ

Ngày 13.08.1963, một cây đuốc người nữa được thắp lên ở chùa Phước Duyên ở quận Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên. người tự thiêu là một vị tăng 18 tuổi, tên là Thanh Tuệ.

Thiền sư Thanh Tuệ tên đời là Bùi Huy Chương sinh năm 1945 tại Quảng Trị. Ông xuất gia năm 1960, theo học với thiền sư Đánh Lễ tại chùa Phước Duyên. Đêm 12.08.1963 ông viết bốn bức thư để lại, một cho tổng thống Diệm, một cho tăng tín đồ Phật giáo, một cho thầy ông và bốn đạo, và một cho gia đình. Thư của ông viết rất gọn gàng và vắn tắt. Trong thư cho tổng thống Diệm ông yêu cầu chấm dứt việc khủng bố và áp bức Phật tử và phóng thích hết những người bị giam giữ. Ông lại nói rằng chính sự nhục mạ và cản trở của bà Nhu sẽ làm cho chính quyền sụp đổ và đưa Phật giáo đồ đến thành công. Hai giờ khuya ngày 13.08.1963, tại ngôi chùa Phước Duyên hẻo lánh, trong lúc thầy ông đi vắng, ông ra ngồi ngoài tam quan chùa và châm lửa tự thiêu. Khi nhân viên công lực hay tin thì quần chúng trong xã đã tới vây quanh cổng chùa khóc lóc. Cảnh sát không cho phép đưa di thể người học tăng trẻ tuổi về chùa Từ Đàm. Việc xô xát diễn ra và trong cuộc đàn áp 25 người trong làng bị thương, trong số đó có 5 người phải chở đi bệnh viện. Cảnh sát chở thi hài thiền sư Thanh Tuệ đi mất.

Ngày 13.08.1963, Ủy Ban Liên Bộ của chính quyền mở cuộc họp báo tại Hội trường Diên Hồng, đổ trách nhiệm cho Ủy Ban Liên Phái đã không cộng tác để thành lập Ủy Ban Hỗn Hợp trong mục đích thi hành

²⁸ [28] Sách vừa dẫn, trang 318-319.

Thông Cáo Chung. Ngày hôm sau, Ủy Ban Liên Phái mở cuộc họp báo tại chùa Xá Lợi, và trước mặt giới báo chí quốc nội và quốc tế, thiền sư Thiện Minh đã giải thích những lý do khiến cho Ủy Ban Liên Phái chưa chịu tham dự thành lập Ủy Ban Hồn Hợp. Thiền sư nói rằng sở dĩ *Thông Cáo Chung* không được thi hành là chỉ tại vì chính quyền không chịu thi hành. Theo ông, *Thông Cáo Chung* chỉ là một biện pháp của chính quyền để dẹp bỏ ngày tang lễ của thiền sư Quảng Đức. Không có một điều khoản nào ghi trong thông cáo chung đã được thi hành. Ông cho biết báo chí tại quốc nội, kể cả tờ *The Times of Việt Nam*, chỉ được quyền đăng tải quan điểm của chính quyền và sự thực luôn luôn bị chính quyền bóp méo. Ông kêu gọi ngừng phong tỏa các chùa, phóng thích tất cả những người bị bắt giữ và chấm dứt mọi hành động đàn áp, khủng bố, phỉ báng và xuyên tạc. Đồng thời ông cũng cho biết tin đại lão thiền sư Tịnh Khiết kêu gọi chư tăng ni và tín đồ ngưng hành động tự thiêu.

NGỌN LỬA DIỆU QUANG

Tại Huế ngày 15.08.1963, khoảng một ngàn sinh viên và học sinh tổ chức biểu tình tại thành phố để phản đối vụ đàn áp trước chùa Phước Duyên và buộc chính quyền trả lại thi thể thiền sư Thanh Tuệ về chùa. Cũng hồi tám giờ rưỡi ngày hôm đó, một ni sư tắm dầu xăng và châm lửa tại quận Ninh Hòa gần thị xã Nha Trang.

Ni sư Diệu Quang tên đời là Ngô Thị Thu, sinh năm 1936 tại làng Phù cát, tỉnh Thừa Thiên. Ni sư xuất gia hồi 21 tuổi, theo học với ni sư Diệu Hoa tại ni viện Vạn Thạnh ở Nha Trang. Tất cả những di bút của cô để lại cũng như thi hải của ni sư Diệu Quang lập tức bị cảnh sát mang đi biệt tích. Không ai biết được nội dung của những bức thư ni sư để lại. Phần uất về thái độ của giới công quyền, một cuộc biểu tình tuần hành rất lớn được tổ chức ngay tại thị xã Nha Trang để phản đối. Cuộc biểu tình này bị đàn áp rất dã man. Hơn 200 người bị bắt giữ và gần 30 người bị đả thương. Chùa Hội Quán và Phật học viện Hải Đức bị phong tỏa và điện nước bị cắt suốt trong ba ngày ba đêm. Khoảng 300 tăng ni và cư sĩ thân cận chư tăng bị cô lập trong hai địa điểm đó.

Vì có nhiều người bị thương trong chùa và vì thuốc men và các phương tiện chạy chữa khác không có nên một số tăng đồ và tín đồ liều phá vòng vây quanh chùa để chạy ra ngoài cầu cứu sau ba ngày bị phong tỏa. Họ bị đàn áp dữ dội. Bốn vị tăng, một vị ni và ba cư sĩ bị trọng thương; hai vị tăng sĩ khác bị liệt xuống hồ. Rất đông thanh thiếu niên bị bắt.

Tại Sài Gòn ngày hôm sau, thiền sư Tịnh Khiết viết kháng thư gửi lên tổng thống Diệm về vụ đàn áp này.

LỆNH TỔNG ĐÌNH CÔNG TẠI HUẾ

Ngày 16.08.1963 tại Huế, tất cả mọi chợ búa trường học, xí nghiệp và công tư sở đều nhất loạt tổng đình công theo lời kêu gọi của giới lãnh đạo Phật giáo. Chính quyền thị xã ban hành lệnh giới nghiêm và thiết quân luật toàn diện. Tất cả các chùa lớn đều bị phong tỏa, hàng ngàn người bị cô lập trong các chùa Linh Quang, Từ Đàm và Diệu Đế.

NGỌN LỬA TIÊU DIÊU

Ngày hôm đó, để cứu nguy, thiền sư Tiêu Diêu châm ngọn lửa tự thiêu ngay tại chùa Từ Đàm, để lại ba bức thư, một cho thiền sư Tịnh Khiết, một cho các đệ tử của ông và một cho tổng thống Diệm.

Thiền sư Tiêu Diêu đã bảy mươi một tuổi. Ông sinh năm 1892 tại làng An Truyền, quận Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên. Ông xuất gia lúc ba mươi tám tuổi, theo học với thiền sư Tịnh Khiết ở chùa Tường Vân. Ông thọ đại giới năm 1952 và sau đó dựng một tịnh thất gần chùa Châu Lâm để tĩnh tu. Ông từng được học Phật tại các chùa Tây Thiên và Linh Quang. Ông tự thiêu vào lúc bốn giờ sáng ngày 16.08.1963.

Sợ chính quyền đến cướp nhục thể của thiền sư như những lần trước, gần năm ngàn người túc trực ngày đêm tại chùa Từ Đàm để bảo vệ và sẵn sàng ngăn chặn cảnh sát.

Cùng ngày hôm ấy, Ủy Ban Liên Phái tại chùa Xá Lợi, sau khi được tin, đã gửi thông bạch tố cáo sự tàn nhẫn của chế độ trước dư luận quốc dân và thế giới. Lá thư của thiền sư Tịnh Khiết gửi tổng thống Diệm chiều hôm ấy nói đến sự ngược đãi của chính quyền đối với người Phật tử "một sự ngược đãi chưa từng có trên đất nước này". Ông viết: "Chúng tôi đã đến nước không còn nghĩ đến sự kêu cầu nhân đạo và công lý; Chúng tôi chỉ mong bao nhiêu tội ác của một chế độ xem dân như cỏ rác được thực hiện ngay để chúng tôi có dịp chết an hơn sống khổ và cũng để cho chân tướng của nền Cộng Hòa Nhân Vị do nhà Chí Sĩ xây dựng được phơi bày trước mắt đồng bào và thế giới"^{29[29]}.

Tại Huế, linh mục Cao Văn Luận, viện trưởng Đại Học Huế bị bãi chức vì ông đã nói thẳng vào mặt những người cầm đầu chính phủ : "Các ông vô đạo. Bên Phật giáo có chính nghĩa".

GIÁO CHỨC ĐẠI HỌC TỪ CHỨC

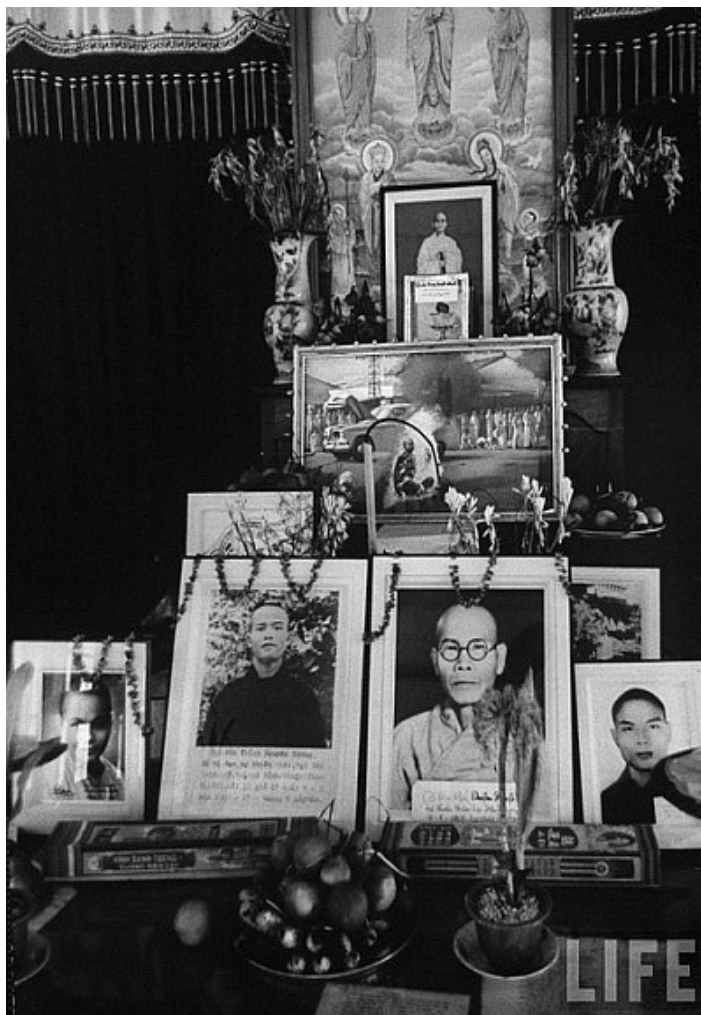
Các giới chức Viện Đại Học Huế trong đó có ông Lê Khắc Quyến (khoa trưởng Y khoa), Bùi Tường Huân (Khoa trưởng Luật khoa), Tôn Thất Hanh (khoa trưởng Khoa học), Nguyễn Văn Tường (giám đốc học vụ Đại học Sư phạm), Lê Tuyên (giám đốc Học vụ Văn khoa) và ba mươi nhân viên giảng huấn của trường đại học này ra thông cáo từ chức. Đồng thời toàn thể giảng viên Viện Hán Học Huế cũng ra tuyên cáo phản đối chính quyền và tuyên bố từ bỏ chức vụ.

Các giới đều đã có mặt trong cuộc tranh đấu. Sự bất hợp tác trở nên toàn diện và từ Huế, phong trào bất hợp tác bắt đầu chuyển sang Sài Gòn và các tỉnh.

Tại Huế, mọi guồng máy xã hội đều tê liệt. Ngoài lực lượng cảnh sát, lực lượng đặc biệt, công an và mật vụ, không còn ai theo lệnh chính quyền nữa. Chính quyền lâm vào một tình trạng nguy ngập đến nỗi đã phải chuyên chở từ Sài Gòn ra Huế trước ngày 16 tháng 8 năm 1963 nhiều đơn vị cảnh sát chiến đấu và Lực Lượng Đặc Biệt. Trên đường không còn một ai qua lại.

Tại Sài Gòn ngày 16.8.1963, Ủy Ban Liên Phái gửi một bức điện tín cấp báo cho tổng thư ký Liên Hiệp Quốc và cho các tổ chức Phật giáo bạn như Thái Lan, Nhật Bản, Đại Hàn, Tân Gia Ba, Tích Lan, Miến Điện, Đài Loan và Ấn Độ. Điện tín nói đến tình trạng bi thiết của Phật giáo Việt Nam và kêu gọi cấp cứu: "Chúng tôi gửi đến Thế Giới Tự Do, các tổ chức Phật giáo ngoại quốc lời kêu cứu thiết tha này và thành thật tri ân mọi sự can thiệp, nhân danh dân quyền, để chấm dứt một sự ngược đãi đã trở thành dã man".

Trong khi đó quân đội Cộng Hòa được lệnh cấm trại 100%. Đường phố đầy cảnh sát vũ trang. Dây thép gai từng đồng lớn chằng trên vỉa hè xung quanh các chùa.



Hình ảnh các nhà sư đã tự thiêu phản đối chính phủ Ngô Đình Diệm (Chùa Xá Lợi, 9/1963)

LỄ CẦU SIÊU TẠI CHÙA XÁ LỢI

Ngày 17.8.1963, lệnh tập hợp để cầu siêu cho tất cả những thiền sư đã thiêu thân vì bảo vệ Phật giáo được Ủy Ban Liên Phái truyền ra. Trên ba mươi ngàn người đã đến chùa Xá Lợi vào ngày 18.08.1963. Sau khi bài diễn văn đã được tuyên đọc, Đoàn Sinh Viên Phật Tử Sài Gòn kêu gọi quần chúng tham dự một cuộc tuyệt thực tại chỗ. Khoảng mười ngàn người hưởng ứng ngồi xuống. Chủ lực của cuộc tuyệt thực là thanh niên thuộc các đoàn thể Sinh Viên Phật Tử, Học Sinh Phật Tử và Đoàn Thanh Niên Bảo Vệ Phật Giáo. Rất nhiều đồng bào không tuyệt thực cũng ở lại yểm trợ.

Suốt ngày hôm ấy, quần chúng thủ đô thay nhau, hết lớp này đến lớp khác, kéo đến chùa để ủng hộ cuộc tuyệt thực. Cảnh Sát Chiến Đấu túc trực quanh vùng để đề phòng tuyệt thực biến thành cuộc biểu tình diễn hành. Thiền sư Giác Đức lại lên máy vi âm đàm đạo với đại chúng.

Dùng những lý luận sắc bén, ông diễn bày tính cách phi nhân của chế độ. Ông lại lên án gắt gao bà Ngô Đình Nhu về những lời nhục mạ Phật giáo của bà^{30[30]}. Sẵn thù ghét chế độ, quần chúng hoan hô ông từng chập. Ông lên diễn đàn nhiều lần trong một ngày và giữ cho cuộc tuyệt thực luôn luôn linh động.

³⁰ [30] Bà Ngô Đình Nhu đã từng gọi hành động tự thiêu của các thiền sư là "nướng chá" và đã từng tuyên bố công khai với báo chí trong nước và ngoại quốc là các vị tăng càng tự thiêu càng nhiều thì bà càng vỗ tay hoan hô.

Từ ngã tư các đường Bà Huyện Thanh Quan và Ngô Thời Nhiệm đến đường Phan Thanh Giản, quần chúng đứng ngòai chật ních. Thế đấu tranh của quần chúng càng lúc càng mãnh liệt.

ĐÒN ÁC LIỆT CUỐI CÙNG CỦA CHÍNH QUYỀN

Chính quyền Ngô Đình Diệm không lùi bước. Ngày 21.08.1963 chính quyền này đánh một đòn ác liệt cuối cùng: tất cả các ngôi chùa làm căn cứ cho cuộc tranh đấu của Phật tử trên toàn quốc đều bị tấn công một lần và tất cả các vị lãnh đạo của cuộc đấu tranh, tăng ni cũng như cư sĩ, đều bị tổng vào ngục tối.

Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Pháp tại chùa Xá Lợi được mật báo về cuộc đánh úp này vào lúc 5 giờ chiều ngày 20.08.1963. Một buổi họp thu hẹp của Ủy Ban Liên Phái được tổ chức ngay sau đó để bàn định kế hoạch đối phó với cuộc tấn công này mà các vị lãnh đạo Phật giáo cho là lá bài chót của chế độ. Sau buổi lễ Phật vào tám giờ rưỡi tối, các Phật tử đến hành lễ tại chùa Xá Lợi được yêu cầu ra về vào lúc chín giờ thay vì mười một giờ như thường nhật. Vào khoảng mười giờ đêm thì cảnh chùa đã trở lại yên tĩnh. Tam quan chùa và các cửa hông chùa đều được đóng lại kỹ lưỡng. Đèn ngoài sân chùa được để sáng chứ không tắt như mọi hôm. Các tiểu ban của Ủy Ban Liên Phái vẫn im lặng làm việc. Một số thanh niên tăng ngòai canh gác các cổng chùa. Vào lúc mười lăm phút sau nửa đêm, Ủy Ban Liên Phái nhận được một tin nữa bằng điện thoại do một người không xưng danh tin cho biết chùa Xá Lợi sắp bị tấn công và các vị lãnh đạo Phật giáo sẽ bị bắt cóc. Tất cả tăng ni trong chùa đều im lặng niệm Phật để chờ đợi.

Đúng ba mươi phút sau nửa đêm, một hồi còi ré lên phía ngòai và xe cảnh sát đổ đến vây quanh chùa. Khoảng 200 người của Lực Lượng Đặc Biệt ào tới tấn công chùa. Giây điện thoại và dây đèn bị cắt đứt. Các vị lãnh đạo cao cấp của Phật giáo lúc này đã rút lên chánh điện, bao bọc bởi chư tăng ni. Một số thanh niên tăng trần ở cầu thang để ngăn không cho bọn người hung dữ tiến lên xâm phạm vào các bậc trưởng thượng của họ. Những cuộc đập phá đã bắt đầu. Bàn thờ thiền sư Quảng Đức bị lật đổ, các cánh cửa và hương đài bị đập phá. Một số chư tăng đánh trống và động chuông để báo hiệu nguy cấp cho dân cư trong khu phố. Nhiều vị khác gõ vào bất cứ thứ gì có thể tạo nên âm thanh để góp phần vào bất cứ thứ gì có thể tạo nên âm thanh để góp phần vào việc báo hiệu.

Sau khi phá phách bên dưới xong xuôi, những người tấn công bắt đầu leo lên thượng điện. Tại đây, thanh niên tăng đã chất ghế và bàn đầy cầu thang khiến họ không tiến lên ngay được. Những người tấn công tung lựu đạn cay, các tăng ni ho sặc sụa, nước mắt nước mũi chảy ròng ròng. Họ dùng khăn ướt bịt mặt lại và tiếp tục liệng thêm bàn ghế xuống để chặn đường cầu thang. Thanh niên tăng cầm cự được khoảng gần một giờ rưỡi thì kiệt lực. Nhiều vị ngã lăn bất tỉnh. Lựu đạn cay ném lên chánh điện nhiều quá khiến họ không còn không khí để thở. Áo quần họ cháy sém. Những người tấn công đã lên tới chánh điện, dùng súng và lưỡi lê dồn tất cả tăng ni vào một góc. Họ còng tay từng người rồi dẫn ra trước sân thượng điện. Những ai kháng cự đều bị đánh đập không nương tay. Những người mệt mỏi không đi nhanh đều bị họ tổng báng súng vào lưng. Nhiều tăng ni mặt mày bị đập, máu tuôn ướt áo.

Trong khi đó, một số trong những người tấn công đi lòng soát các phòng ốc khác trong chùa. Họ phá cửa một căn phòng khóa kín trên tầng xá và tìm thấy gần mười vị thiền sư đang tĩnh tọa. Đại lão thiền sư Tịnh Khiết có mặt trong số người này. Ông bị những người tấn công xô ngã sấp và bị một vết thương nơi mắt trái.

Trong lúc cuộc đàn áp đang diễn ra trên thượng điện, một số tăng sĩ ở bên dưới tìm cách leo lên bức tường sau chùa Xá Lợi để thoát ra ngòai. Bốn vị trong số đó bị bắn rơi trở lại dưới chân tường. Hai vị trèo thoát được sang địa phận của cơ quan USOM của Hoa Kỳ^{31[31]} và xin tỵ nạn ở đây.

³¹ [31] U.S.O.M. là United States Operation Mission.

Ngót hai trăm năm mươi vị tăng ni bị bắt. Những người tấn công được lệnh áp giải các thiền sư Tịnh Khiết, Tâm Châu, Thiện Minh, Quảng Độ, Giác Đức và các vị quan trọng khác trong Ủy Ban Liên Phái đi trước. Các vị tăng ni khác được lần lượt áp giải ra xe. Năm chiếc xe cam nhông lớn chất đầy các vị tăng ni, người thì bị thương, người còn bất tỉnh, rời chùa Xá Lợi. Cuộc tấn công chùa chấm dứt vào lúc 2 giờ 15 phút sáng ngày 21.08.1963.

Chùa Xá Lợi bị tàn phá tan hoang. Tượng Phật Thích Ca tại chánh điện cũng bị xâm phạm. Những người tấn công đã móc mắt tượng Phật để chiếm lấy hai hạt kim cương trong hai mắt tượng.

Trong khi chùa Xá Lợi ở Sài Gòn bị tấn công thì trong toàn lãnh thổ Việt Nam các chùa lớn làm căn cứ cho cuộc tranh đấu của Phật giáo cũng đều bị tấn công nhất loạt. Cuộc tấn công chùa Từ Đàm ở Huế gặp sức kháng cự của khoảng năm ngàn Phật tử trong chùa, đã phải kéo dài từ một giờ khuya tới tám giờ sáng. Lực lượng tấn công là hai ngàn rưỡi, tất cả đều thuộc Lực Lượng Đặc Biệt. Các chùa Diệu Đế, Linh Quang, Ấn Quang, Giác Minh, Từ Quang, Báo Quốc và các chùa hội quán các tỉnh hội Phật giáo trong nước đều bị đánh úp cùng một ngày một giờ. Khắp nơi, tăng sĩ và cư sĩ đều bị đánh đập và bắt trời trước khi dẫn đi. Số lượng những tăng sĩ và cư sĩ toàn quốc bị bắt nhốt đêm đó, theo tài liệu của chính quyền là 1.400 vị nhưng có thể cao hơn nhiều. Tài liệu mật của *Ngũ Giác Đài*^{32[32]} về cuộc chiến tại Việt Nam cũng nói đến con số 1.400 vị bị bắt trong đêm đó.

Theo sách *Công Cuộc Tranh Đấu Của Phật Giáo Việt Nam* của Quốc Tuệ, ngoài số tăng ni và cư sĩ lãnh đạo cuộc tranh đấu bị bắt vào đêm 20.08.1963, chính quyền đã cho người đi bắt thêm khoảng hai ngàn người khác tại tư gia của họ trong đêm đó và những ngày kế tiếp. Bác sĩ Lê Khắc Quyến, khoa trưởng trường Y khoa Huế và thi sĩ Vũ Hoàng Chương tác giả bài *Lửa Từ Bi* cũng bị giam giữ trong dịp này. Trong số những người bị bắt sau này, có nhiều giáo sư, luật sư và sinh viên nhất là ở Sài Gòn và Huế. Tất cả các nhân viên của ban Chấp Hành Đoàn Sinh Viên Phật Tử Sài Gòn và Huế cũng đều bị bắt tại tư gia của họ.

Sáng tinh sương ngày 21.08.1963 trên toàn lãnh thổ Việt nam Cộng Hòa, sắc lệnh thiết quân luật đã được dán đầy trên thành phố. Xe phóng thanh của chính quyền chạy khắp phố phường và thôn xã để loan tin "chính phủ đã diệt xong bọn phản động". Truyền đơn và hiệu triệu của chính quyền bay đầy đường.

Các chùa chiền trong toàn quốc hoang tàn và vắng lạnh đến nỗi nùng. Một sự im lặng nặng nề và tang tóc bao trùm lên đời sống của toàn dân chúng. Tất cả các vị lãnh đạo Phật giáo đều bị bắt. Sóng gió do phong trào Phật tử gây ra hình như không còn nữa. Nhưng sóng gió bắt đầu nổi dậy trong lòng người. Những đợt sóng ngầm vĩ đại trong lòng đại dương không còn ai ngăn chặn và không có cách nào ngăn chặn được nữa. Đêm 20.08.1963, chính quyền của Ngô Đình Diệm đã chọn cho mình một tuyệt lộ.

SINH VIÊN VÀ HỌC SINH ĐỨNG DẬY

Sáng ngày 21.08.1963, sau khi đánh úp các chùa trong toàn quốc, tổng thống Ngô Đình Diệm triệu tập nội các và báo tin là quân luật đã được thiết lập trên toàn lãnh thổ vì Cộng quân đã xâm nhập các châu thành và vùng phụ cận thủ đô Sài Gòn. Ông cũng cho các vị bộ trưởng hay về việc đánh chiếm các chùa và bắt giữ "bọn tăng ni làm loạn".

Bộ trưởng bộ Ngoại giao Vũ Văn Mẫu đập bàn lên tiếng phản đối hành động dã man của chính quyền. Ông bỏ buổi họp ra về, cạo đầu để bày tỏ lập trường mình và gửi thư từ chức bộ trưởng bộ Ngoại giao. Rồi ông bôn ba đi tìm các vị khoa trưởng và các giáo sư đại học đồng nghiệp cũ của ông, vận động thành lập *Phong Trào Trí Thức Chống Độc Tài*. Hành động quả cảm của ông Vũ Văn Mẫu đã châm ngòi cho

³² [32] *The Pentagon Papers* do nhật báo *The New York Times* xuất bản năm 1971, New York.

phong trào sinh viên và học sinh bùng cháy trong toàn quốc. Sinh viên Trung Tâm Kỹ Thuật Phú Thọ bãi khóa ngay trong buổi chiều 21.08.1963. Giáo sư Lê Sĩ Ngạc của Trung Tâm đứng lên tán đồng lập trường của sinh viên và lên án chính sách tàn bạo của chính quyền.



GS Vũ Văn Mẫu và tướng Đỗ Mậu

Chiều ngày 22.08.1963 khoa trưởng Y khoa Sài Gòn là bác sĩ Phạm Biểu Tâm gửi đơn từ chức; Ông bị bắt giam và ngày hôm sau 23.08.1963, nghe tin ông bị bắt, tất cả sinh viên Y khoa kéo nhau đến trường. Họ bàn tính kế hoạch chia thành từng nhóm đi thuyết phục các vị khoa trưởng và giáo sư các khoa từ chức. Đồng thời họ bàn kế hoạch vận động thành lập một Ủy Ban Chỉ Đạo Sinh Viên Liên Khoa. Chiều hôm ấy Ủy ban này được thành lập, do sinh viên Tô Lai Chánh đứng làm chủ tịch. Ủy Ban gồm có mười tám sinh viên. Đại diện cho Dược khoa có cô Lê Thị Hạnh, Y khoa: Đường Thiện Đồng; Văn khoa: Lâm Tường Vũ; Kiến trúc: Nguyễn Hữu Đồng; Công chánh: Nguyễn Thanh; Sư phạm: Nguyễn Văn Vinh; Luật khoa: Tô Lai Chánh.

Ủy Ban Chỉ Đạo Sinh Viên Liên Khoa phát động phong trào bãi khóa: sinh viên các trường Y khoa, Luật khoa, Dược khoa, Mỹ thuật v.v...theo gót sinh viên Trung Tâm Kỹ Thuật Phú Thọ lần lượt bãi khóa. Trong thời gian vài tuần lễ, phong trào bãi khóa lan tới tất cả các cấp trung học ở toàn quốc.

Sáng ngày 24.08.1963 trên ba ngàn sinh viên và học sinh tụ tập tại trường Luật khoa Sài Gòn để đón tiếp giáo sư Vũ Văn Mẫu. Họ vây quanh ông Mẫu, hoan hô ông vang dội. Đồng thời Ủy Ban Chỉ Đạo tung ra một bản tuyên ngôn mà họ đã biểu quyết ngày hôm qua, 23.08.1963, yêu cầu chính quyền:

1. Thực sự tôn trọng và bảo vệ tự do tín ngưỡng.
2. Trả tự do cho tăng ni và tín đồ Phật giáo, sinh viên, học sinh và giáo sư hiện bị giam giữ.
3. Chấm dứt tình trạng khủng bố, bắt bớ hành hạ tín đồ Phật giáo.
4. Giải tỏa chùa chiền, ban bổ tự do ngôn luận.

Bản tuyên ngôn kết thúc bằng những câu sau đây: "*Sinh viên và học sinh Việt nam nguyện đem mồ hôi và xương máu để tranh đấu cho bốn nguyện vọng khẩn thiết trên. Đồng bào hãy sát cánh cùng chúng tôi sẵn sàng hy sinh cho tự do và đòi được quyền phụng sự Tổ quốc*".

Dưới bản tuyên ngôn, danh từ Ủy Ban Chỉ Đạo Sinh Viên Liên Khoa được đổi thành Ủy Ban Chỉ Đạo Sinh Viên Và Học Sinh.

Chỉ trong vòng ba hôm sau ngày đánh úp các chùa, phong trào sinh viên và học sinh đã làm rung động thủ đô Sài Gòn. Ngày 25.08.1963 ba trăm sinh viên học sinh tổ chức biểu tình tại Công trường Diên Hồng phía trước chợ Bến Thành. Cuộc biểu tình này đã được tổ chức một cách tài tình bởi vì trong tình trạng giới nghiêm, khắp nơi tại thủ đô đều có các đơn vị vũ trang canh gác, nhất là tại trung tâm Sài Gòn. Từng

toán nhỏ sinh viên và học sinh đã do nhiều ngã đường đi tới: vào khoảng mười giờ sáng đột nhiên biểu ngữ được tung ra trước chợ Bến Thành và cuộc biểu tình thành hình. Các trung đội Cảnh Sát Chiến Đấu gần đó được tin liền kéo tới đàn áp. Cảnh sát bắn cả vào đám biểu tình. Một em nữ sinh tên Quách Thị Trang bị trúng đạn tử thương^{33[33]}. Một số sinh viên trốn thoát được. Một số bị thương. Khoảng 200 người bị bắt giữ. Tử thi Quách Thị Trang bị mang đi mất. Ngay chiều hôm đó chính quyền đô thành ra thông cáo rằng các lực lượng an ninh đã được lệnh nổ súng vào bất cứ đám đông nào tụ họp ngoài công lộ mà không xin phép trước.

Sau cuộc biểu tình ngày 25.08.1963, sinh viên và học sinh đã trở thành đối tượng khủng bố và đàn áp của chính quyền. Các phân khoa đại học và các trường trung học lớn tại Sài Gòn đều được giăng thép gai và những hàng rào cảnh sát canh gác. Để đáp lại biện pháp này, sinh viên và học sinh tổ chức bãi khóa. Họ còn vận động với các giới giáo sư của họ gửi thư từ chức.

Ngày 07.09.1963, học sinh các trường trung học công lập Gia Long, Trưng Vương và Võ Trường Toản tổ chức mít tinh bãi khóa ngay tại sân trường của họ. Họ không vào lớp mà kê bàn để đứng lên diễn thuyết, tố cáo tội ác của chế độ. Biểu ngữ được họ viết lên trên các bức tường hoặc trên những tấm bia lớn mà họ giăng lên khắp nơi.

Học sinh các trường Trưng Vương và Võ Trường Toản định tổ chức biểu tình diễn hành, nhưng vừa ra khỏi cổng trường họ bị cảnh sát đàn áp. Cuộc xung đột tại cổng trường tới một giờ trưa mới được chấm dứt và khoảng ba trăm học sinh của hai trường bị bắt giữ. Trương Kỹ Thuật Cao Thắng, trường Mỹ Thuật Gia Định và các trường trung học Chu Văn An, Hồ Ngọc Cẩn liền tiếp đứng dậy. Trường Chu Văn An là một trường nam sinh, nổi tiếng là tranh đấu ác liệt nhất với cảnh sát^{34[34]}. Ta cũng nên nhớ là trong ba trường đi tiên phong cho phong trào bãi khóa và tranh đấu của học sinh có tới hai trường nữ trung học: đó là Trưng Vương và Gia Long.

Số học sinh các trường trung học tại Sài Gòn bị bắt giữ lên tới hai ngàn. Tại các tỉnh, học sinh các trường công lập và tư thục cũng đứng lên tranh đấu tương tự.

Trong lúc đó, trên đài phát thanh Sài Gòn, chính quyền kêu gọi phụ huynh học sinh kiểm soát con cái mình đừng cho chúng "mắc mưu Cộng Sản". Ông Phan Văn Tạo, tổng giám đốc Thông tin mở cuộc họp báo đưa hai thiếu nhi khoảng 15-16 tuổi ra để hai em này tự nhận là Cộng Sản xúi dục đồng bạn đi biểu tình. Cuộc họp báo này không chinh phục được ai bởi vì trong thâm tâm các bậc phụ huynh đều biết vì lý do gì mà con cái mình tham dự vào cuộc tranh đấu. Dưới sự đàn áp của bạo quyền, đất nước mang một bộ mặt rách nát, tả tơi. Vấn đề không còn là vấn đề thành bại của cuộc tranh đấu Phật giáo. Vấn đề là vấn đề sinh mệnh và thể diện của cả một dân tộc. Một bầu không khí u uất nặng trĩu đè nặng lên cả trên đất nước. Không những dân chúng mà cả đến quân đội và nhiều thành phần trong lực lượng chính quyền và cảnh sát cũng thấy áp lực nặng nề và u uất đó.

PHẬT GIÁO THUẦN TÚY

Liên ngay sau khi tấn công các chùa trong toàn quốc, chính quyền đưa ra một tổ chức lấy tên *Ủy Ban Liên Hiệp Phật Giáo Thuần Túy*. Người chủ chốt của tổ chức này là thiền sư Nhật Minh ngày trước đã từng là học viên của một khóa tu nghiệp cho các vị trú trì được Giáo hội Tăng Già Nam Việt tổ chức tại chùa Tuyền Lâm ở Chợ Lớn. Mục đích của *Ủy Ban Liên Hiệp Phật Giáo Thuần Túy* là tạo ra hình ảnh của một thứ Phật giáo không chống đối chính quyền và được sống an lành trong sự che chở của chính quyền. Vì thiền sư Nhật Minh không có một khuôn mặt có kích thước lớn nên chính quyền, qua sự trung gian của một vài người thân chính quyền như bà Võ Văn Vinh và ông Đoàn Trung Còn, đã tìm cách thuyết phục được thiền

³³ [33] Sau ngày cách mạng thành công, người ta tìm ra được ngôi mộ của Quách Thị Trang tại nghĩa địa Gò Vấp.

³⁴ [34] Cảnh Sát Chiến Đấu đã phá cổng và leo tường, thâm nhập vào trường Chu Văn An để đàn áp học sinh. Học sinh bắc loa kêu gọi cảnh sát và quân đội ủng hộ cuộc tranh đấu của họ. Sau khi cảnh sát thâm nhập được vào trường, học sinh bắt đầu kháng cự lại. Họ liệng bàn ghế từ trên lầu xuống làm hàng chục cảnh sát viên bị thương. Họ cầm cự được trong nhiều giờ trước khi bị chế ngự. Chỉ có độ 100 học sinh leo tường sau trốn sang được khu cư xá đại học, còn tất cả đều bị bắt.

sư Thiện Hòa đứng tên vào *Ủy Ban*, hứa hẹn rằng *Ủy Ban* sẽ có uy lực can thiệp để chính quyền thả tự do cho toàn thể tăng ni và cư sĩ đang bị bắt giữ.

Nóng lòng về việc "giải cứu chư tăng" thiền sư Thiện Hòa nhận lời và sau đó chính quyền đã cho phóng thích một số tăng ni và Phật tử mà họ cho là vô hại và không có tính cách chủ chốt trong cuộc tranh đấu. Việc chấp thuận để tên mình trong *Ủy ban Liên Hiệp Phật Giáo Thuần Tủy* có lẽ là vết tỳ duy nhất trong cuộc đời hành đạo của thiền sư Thiện Hòa. Ta cũng nên biết là trong thời gian này tất cả những đạo lữ và cổ vắn của thiền sư Thiện Hòa đều đang bị chính quyền giam giữ. Tuy chính quyền đã để cho đại lão thiền sư Tịnh Khiết về chùa Ấn Quang, nhưng tất cả các thiền sư phụ tá cho Người đều còn bị giam cầm.

NGỌN LỬA QUẢNG HƯƠNG

Trong khi ấy, cuộc tranh đấu của các giới vẫn được tiếp tục. Các cuộc biểu tình của thanh niên và phụ nữ tổ chức vào ngày cuối của tháng chín tại Sài Gòn chứng tỏ rằng cuộc tranh đấu vẫn còn được tiếp tục.

Vào giữa trưa ngày 5.10.1963, thiền sư Quảng Hương châm lửa tự thiêu tại trước chợ Bến Thành, để lại một huyết thư cảnh giác tổng thống Ngô Đình Diệm.

Ngọn lửa Quảng Hương chứng tỏ cho thế giới thấy rằng vấn đề Việt nam vẫn còn đó nguyên vẹn, và đồng thời vô hiệu hóa tất cả những hình thái giả trang của chính quyền, những giả trang nhằm đánh lừa dư luận quốc tế, gây cảm tưởng là cuộc tranh đấu của Phật giáo đồ tại Việt nam đã kết liễu.

Thiền sư Quảng Hương năm ấy ba mươi bảy tuổi, tên đời là Nguyễn Ngọc Kỳ, ông sinh năm 1926 tại Phú Yên. Ông xuất gia năm 1943, thọ đại giới năm 1949 rồi trú trì chùa Liễu Sơn. Năm 1950 ông vào thụ huấn Phật học viện Nha Trang và đến năm 1959 được cử làm giảng sư tại Đà Lạt. Năm 1961 ông được mời giữ chức vụ trú trì và giảng sư tại tỉnh hội Phật giáo Ban Mê Thuột. Ông hành đạo tại đây cho tới ngày ông vào châm lửa tự thiêu tại chợ Bến Thành ở Sài Gòn.

PHÁI ĐOÀN ĐIỀU TRA LIÊN HIỆP QUỐC TỚI SÀI GÒN

Sáng ngày 7.10.1963 tại Nữ Ước, Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc mở một cuộc họp về tình hình Việt Nam. Cũng vào sáng hôm đó, tại trung tâm Tôn Giáo (Church Center for the United Nations) trong Carnegie Hall, gần bên phòng đại hội, thiền sư Nhất Hạnh họp báo nhân danh Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo để nói rõ về nhu yếu gửi một phái đoàn sang điều tra về tình trạng nhân quyền bị vi phạm tại Việt nam. Sau cuộc họp báo, ông bắt đầu một cuộc nhịn ăn. Cuộc nhịn ăn này được kéo dài tới ngày 12.10.1963.

Một phái đoàn 7 người được Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc cử ra do ông Abdul Rahman Pazhwak đại diện A Phú Hãn cầm đầu, có nhiệm vụ qua Việt Nam điều tra về tình trạng chính quyền và Phật Giáo. Trước khi lên đường, phái đoàn đã được thiền sư Nhất Hạnh chỉ dẫn sơ lược về những phương pháp để có thể thu thập được những sự kiện chính xác về tình trạng Việt nam và qua mắt được những giả trang của chính quyền Sài Gòn^{35[35]}. Phái đoàn rời Nữ Ước vào ngày 21.10.1963 và tới phi cảng Tân Sơn Nhất vào nửa đêm rạng ngày 24.10.1963.

Tại Sài Gòn, tổ chức bí mật của Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo tìm mọi cách để liên lạc với phái đoàn. Ủy ban đã tìm cách đưa được vào cho ông trưởng phái đoàn một lá thư của đại lão thiền sư Tịnh Khiết ngay hôm đầu tiên phái đoàn tới cư trú tại khách sạn Hoàn Mỹ, dù khách sạn đã được công an và mật vụ

³⁵ [35] Tại Liên Hiệp Quốc lúc này người đại diện của chính phủ Ngô Đình Diệm là nhà bác học Bửu Hội. Ông Bửu Hội từ Châu Phi được lệnh bay sang Nữ Ước vào đầu tháng chín để lãnh đạo Phái Đoàn Việt Nam tại Liên Hiệp Quốc. Tại Sài Gòn thân mẫu của ông là ni sư Diệu Huệ, nghe tin con mình đang vận động che giấu sự thực về cuộc đàn áp Phật giáo tại Việt Nam, đã tìm mọi cách liên lạc với ông để khuyên ông từ bỏ công việc đó. Tại Nữ Ước, thiền sư Nhất Hạnh cũng đã gặp ông Bửu Hội tới hai lần để khuyên ông từ chức, nhưng không được ông nghe lời. Ngày 20.10.1963, thân mẫu của ông họp báo tại Sài Gòn tuyên bố bà không còn nhận Bửu Hội là con nữa

canh gác một cách nghiêm mật. Ngày 27.10.1963, phái đoàn tuyên bố đi điều tra tại Thủ Đức nhưng đã bắt ngờ tới chùa Ấn Quang để tiếp xúc với thiền sư Tịnh Khiết. Trong cuộc tiếp xúc này, phái đoàn đã yêu cầu tất cả mọi người ra khỏi phòng họp và chỉ để thiền sư một mình tiếp xúc với phái đoàn.

NGỌN LỬA THIỆN MỸ

Đúng vào mười giờ sáng hôm ấy, thiền sư Thiện Mỹ châm lửa tự thiêu trước nhà thờ Đức Bà tại Sài Gòn. Thiền sư Thiện Mỹ tên đời là Hoàng Miêu sinh năm 1940 tại Bình Định. Ông xuất gia từ hồi bé thơ, thọ giới sa di năm mười sáu tuổi và thọ đại giới năm hai mươi tuổi. Ông từ Đà Lạt vào Sài Gòn vào giữa tháng mười năm 1963 và cư ngụ tại chùa Vạn Thọ. Ông đã định tự thiêu tại chùa Ấn Quang trước đó nhưng sau vì cảnh sát và mật vụ biết trước được nên ông lại thôi.

Ông châm lửa tự đốt mình vào lúc 10 giờ sáng ngày chủ nhật 27.10.1963 ngay tại trước nhà thờ Đức Bà nên lúc phát giác ngọn lửa, nhiều đồng bào Công giáo từ trong nhà thờ chạy ra chứng kiến. Những Phật tử đi ngang qua cũng bao quanh lại; nhiều người dập đầu đánh lễ trước cảnh tượng bi hùng đó. Cảnh sát gần đấy nghe tiếng vội chạy lại. Hoàng hốt họ không biết làm gì nên dùng nón đề quạt tắt ngọn lửa, nhưng càng quạt ngọn lửa càng lớn. Một số ký giả ngoại quốc có lẽ vì đã được thông báo trước đã tìm tới kịp để chứng kiến cảnh tượng. Phim và máy hình của họ bị cảnh sát giật đi. Cảnh sát chạy tìm được một cái mền đem phủ lên người thiền sư Thiện Mỹ. Cái mền bốc cháy. Thấy thế cảnh sát liền giật mền và kéo ngã vị thiền sư đang tự thiêu. Thiền sư Thiện Mỹ gượng ngồi trở lại trong tư thế kiết già. Thoáng thấy những người chung quanh đang dập đầu đánh lễ, ông chấp hai tay vái họ và cố ngồi vững chãi giữa ngọn lửa hồng. Mười phút sau, ông ngã ra. Lúc ấy xe cứu hỏa mới tới xịt nước. Lúc bốn người trong Phái Đoàn Điều Tra của Liên Hiệp Quốc tới được thì xe cứu hỏa vẫn còn xịt nước để xóa bỏ những dấu tích của vụ tự thiêu; trong khi đó đồng bào đang tụ lại thành một cuộc biểu tình.

Thiền sư Thiện Mỹ có để lại bốn bức thư: một cho tổng thống Ngô Đình Diệm, một cho thiền sư Tịnh Khiết, một cho ông U Thant và một cho Phật giáo đồ.

Ngọn lửa tự thiêu của thiền sư Thiện Mỹ là ngọn lửa cuối cùng đã làm sụp đổ bạo quyền.

(Trích từ *Việt Nam Phật Giáo Sử Luận*, tập III, Nguyễn Lang, nhà xuất bản Lá Bối, San José, USA, 1992, trang 341-417) - Ý Thảo và Nguyên Định đánh lại vì tính-

))) 0 (((

Lễ Phật đản 8/5/1963 tại Huế

Trích hồi ký Bác sĩ ERICH WULFF
Việt dịch: MINH NGUYỄN

Lời người dịch: Bài này được trích dịch từ quyển **Vietnamesische Lehrjahre (Những năm dạy học tại Việt Nam)**, Suhrkamp Verlag, Taschenbuch Ausgabe, st 73, Germany, 1972, trang 129-142 với tên tác giả Georg W. Alsheimer, bút hiệu của Bác sĩ người Đức **Erich Wulff**. BS Wulff dạy tại trường Đại học Y khoa Huế 1961-1967, trong khuôn khổ viện trợ giáo dục của Tây Đức. Vì một sự tình cờ, tác giả đã chứng kiến biến cố tại Đài Phát thanh Huế đêm 8/5/1963 làm 8 Phật tử bị chết một cách thê thảm và đã trình bày sự kiện này trước Ủy ban điều tra đàn áp Phật giáo Việt Nam của Liên hiệp quốc vào tháng 9/1963.

Khi tôi cùng với Fred, Tuấn (1), Phương và người chị tên Hà đi dạo đến chùa Từ Đàm vào buổi tối ngày mùng 7 tháng 5 (1963), chúng tôi cảm thấy có một điều gì đặc biệt đang xảy ra. Đó là buổi tối trước ngày mừng lễ Phật Đản lần thứ 2507. Lá cờ năm màu của Hội Phật giáo quốc tế được treo lên bên cạnh những cây lồng đèn đủ màu trước mỗi nhà. Tại những quán ăn hay cà phê bên đường, người ta thấy nhiều nhóm sinh viên, dân lao động và các vị lớn tuổi bận lễ phục đang thảo luận một cách hăng say. Đêm hôm đó là một trong những đêm hè đầu tiên trong năm. Sau cái nắng chói chan lúc ban chiều, nay người ta cảm thấy được thoải mái hơn, mặc dầu khí trời chưa được dịu mát cho lắm. Những mặt đường, những bức tường và các mái nhà đã được nung nóng suốt ngày, nay bắt đầu nhả lại bớt cái nóng cho không khí bao quanh. Nếu người ta tiến lại gần những vật nóng đó, người ta sẽ cảm thấy chúng dường như đang rung động.

Trên các con đường người ta thấy quang cảnh của một ngày lễ hội lớn. Những gia đình với đông đảo con cái đi đến viếng thăm các ngôi chùa trang hoàng với nhiều cây lồng đèn hay đứng trở mắt nhìn các quyền môn với nhiều ánh đèn néon sáng chói hay các hương án kết bằng giấy đầy màu sắc sặc sỡ. Không khí giống như là một ngày mừng lễ chiến thắng vậy.

Fred kể cho chúng tôi nghe do đâu mà có không khí như thế. Ngày hôm trước, đức Tổng giám mục Ngô Đình Thục, người anh cả của Tổng thống Diệm, đã thành công trong việc vận động chính quyền ban hành một công văn truyền đi bằng điện tín cấm treo cờ Phật giáo quốc tế. Sáng hôm nay đã có một viên cảnh sát theo đạo Gia tô giựt xuống một lá cờ treo trên một hương án nằm bên đường. Chiều nay đã có những toán cảnh sát đi vào nhiều nhà tư nhân và tịch thu các lá cờ bị cấm. Điều này không thể làm cho giới tăng già Phật giáo ngồi yên được. Họ đã kêu gọi quần chúng Phật tử hãy đến phản đối sự cấm đoán này trước tòa Tỉnh trưởng Thành phố Huế. Chiều nay đã có hàng ngàn người biểu tình trước tòa Tỉnh trưởng và đòi thu hồi lại ngay biện pháp kỳ thị kia. Đứng trước phản ứng mạnh mẽ bất ngờ đó, ông Tỉnh trưởng đã ra lệnh cảnh sát tạm thời cho phép treo cờ Phật giáo vào dịp lễ mừng ngày Phật Đản ngày mai. Ông ta cũng thông báo cùng các vị lãnh đạo Phật giáo rằng ông sẽ can thiệp vào Saigon để yêu cầu thu hồi lại lệnh cấm đoán trên. Không khí tung bừng tối hôm nay như thế là do kết quả của cuộc biểu tình hồi chiều nay. Đám đông bắt đầu ý thức được sức mạnh của mình khi cùng nhau tranh đấu cho một mục tiêu chung.

Trong những năm vừa qua, các người bạn của tôi như Tuấn, Miên và Quát (1) đã kể lại cho tôi nghe về sự căng thẳng ngày càng tăng giữa chế độ và Phật giáo. Vào tháng 3 năm 63 tôi có đọc một bài viết trên một tờ báo Thiên chúa giáo Pháp lên án thái độ “huyền hoang đặc thắng” của Giáo hội Thiên chúa giáo Việt Nam (sau này vào năm 65 tôi có gặp tác giả bài báo đó, linh mục Nguyễn ngọc Lan tại nhà bạn tôi Raoul). Ngoài ra tôi còn nghe nói đến những khóa học về thuyết Nhân vị do đức Tổng giám mục Thục tổ chức tại Vĩnh Long. Rất nhiều công chức và sĩ quan không theo đạo Thiên chúa cũng phải tham dự. Nhiều người kỳ vọng sau khi tham dự các khóa học đó sẽ được thăng quan tiến chức nhanh hơn, trong số đó có tướng Nguyễn văn Thiệu sau này.

Tôi cũng có nghe nói đến trường hợp nhiều người đã theo phe kháng chiến Việt minh hay những phe đối lập chính trị khác đã phải đổi theo đạo Thiên chúa để khỏi bị công an làm khó dễ. Toàn bộ viện trợ thực phẩm của Hoa kỳ (Chương trình thực phẩm vì hòa bình) đã bị Tổ chức xã hội Thiên chúa giáo và các linh mục tại các thôn xã lợi dụng để vận động “cải đạo” trong quần chúng Phật tử. Có một tin đồn nói rằng Tổng giám mục Thục muốn đổi đạo cho một phần ba dân số Việt nam để hy vọng sẽ được phong làm Hồng y. Tôi cũng biết rằng Giáo hội Thiên chúa giáo là tôn giáo duy nhất tại Việt nam được công nhận như là một hiệp hội công cộng, trong khi đó Phật giáo phải bằng lòng với tư cách của một hiệp hội tư, không khác gì một hội đá banh. Tuy đây là một điều còn sót lại từ thời Pháp thuộc, nhưng nay vẫn còn được áp dụng, mặc dù giới tăng già Phật giáo đã lên tiếng nhiều lần yêu cầu thay đổi. Phật giáo phải xin phép chính quyền mỗi khi muốn mở một bệnh viện hay trường học, muốn mua đất đai để xây chùa hay tổ chức các lễ hội rước tượng Phật – một sự bó buộc mà Thiên chúa giáo không phải tuân hành do tính cách được biệt đãi. Trong vòng hai năm vừa qua, các đơn xin phép như thế của Phật giáo chỉ được chấp nhận một cách khó khăn và thừa thớt, hay chỉ được cấp rất trễ nải, gây ra nhiều khó khăn về mặt tổ chức. Trong một quốc gia mà có tới 80 phần trăm dân số tự cho mình là theo Phật giáo, mặc dầu chỉ có khoảng một nửa là tham gia tích cực vào các nghi lễ đạo Phật, trong lúc chỉ có 10 phần trăm theo Thiên chúa giáo, những cố gắng cải đạo hay những lôi kéo vì quyền lợi vật chất hay nghề nghiệp dành riêng cho những con chiên ngoan đạo, cùng lúc với những biện pháp hành chánh kỳ thị đối với Phật giáo tất nhiên đã tạo nên những sự bất bình và lo lắng trong quần chúng.

Tất cả những căng thẳng này ở Huế, nơi trung tâm của Phật giáo Việt nam, đã chưa dẫn đến một sự bùng nổ, là do sự khéo léo của người em út của Tổng thống Diệm là ông Ngô đình Cẩn. Mặc dầu ít học, không nói được tiếng ngoại ngữ nào, với lập trường vô cùng bảo thủ và bài ngoại, ông ta đã tìm được với các nhà lãnh đạo Phật giáo tại địa phương một sự đồng thuận nào đó về mặt chính trị và ý thức hệ, vì cùng có quan điểm quốc gia cực đoan. Ông ta cũng không phải là một người ngoan đạo. Ông ta chán ngán những lời khuyên bảo của các linh mục trong những lần xung đột, vì họ tìm cách khuyên ông hãy từ bỏ những chuyến buôn gạo và súng đạn cho “Việt cộng” cũng như những chuyến buôn thuốc phiện. Họ cũng đã chỉ trích việc ông ta thanh toán một cách không thương tiếc những kẻ đối thủ trên thương trường hay đã can thiệp một cách trắng trợn vào công việc của chính quyền. Ông ta bày tỏ thái độ không muốn trở về con đường thánh thiện của một con chiên và cũng không nghĩ đến việc ủng hộ một cách tích cực các cố gắng truyền giáo của Giáo hội Gia tô. Ngược lại, theo một lời đồn đãi, mỗi tuần vào ngày thứ bảy ông ta ngồi uống trà với nhà sư Thích Trí Quang và bàn luận về cách thức đẩy lùi các ảnh hưởng của Tây phương trên các lãnh vực văn hóa, kinh tế cũng như chính trị. Ông ta đã có lần nói với Linh mục Cao văn Luận, đương kim Viện trưởng Viện Đại học Huế, một con người cởi mở và đứng đắn rằng: “Thưa Cha, thế nào con cũng xuống địa ngục. Thế thì tại sao con không làm những điều mà con thích”. Và thật vậy, ông ta thích có nhiều tiền, thích chơi đồ cổ, thích nhiều quyền lực và thích kinh tài. Ông ta có riêng một vườn nuôi thú với nhiều hổ và beo cũng như một lực lượng quân sự đặc biệt.

Những việc làm lộ liễu có tính cách băng đảng đó của ông Cẩn, sự độc lập chính trị cũng như các hành vi coi thường đạo đức đó của ông ta đã thúc đẩy hai ông Diệm và Nhu phải vận động Giám mục Thục đương nhiệm tại Vĩnh Long đổi về Huế đảm nhiệm chức vụ Tổng giám mục. Năm 1960 đức cha Thục về Huế thật và đã giành lấy nhanh chóng sự trung thành của những người cầm đầu ngành công an và quân đội tại đây. Trung tâm quyền lực đã dần dần được chuyển từ trụ sở băng đảng về tòa Tổng giám mục. Đồng thời một chiến dịch tấn công Phật giáo, những kẻ được coi là “vô đạo và vô thần” cũng được bắt đầu. Đức cha Thục

với phương tiện tài chánh dồi dào đã cho xây rất nhiều nhà thờ và chủng viện.



TGM Ngô đình Thục

Đức cha để cho các vị linh mục dưới tay làm việc chung với Công an mật vụ và dùng Công an mật vụ này để phục vụ tôn giáo của mình. Đức cha cho các viên chức hành chánh hay quân sự hay rằng sự tham dự lễ nhà thờ mỗi chủ nhật sẽ có lợi ích cho sự nghiệp của họ. Những biện pháp kỳ thị trước đây được thi hành một cách lỏng lẻo đối với Phật giáo thì nay bất ngờ được siết chặt. Trường học không được xây cất nữa, các lễ rước Phật chỉ được cho phép trong những dịp đặc biệt. Trong các thôn xã nếu những ai không vâng lời các vị linh mục thì liền bị tình nghi là chống đối chế độ, hay được coi là nổi giáo “cộng phỉ”.

Trong lúc ở tại Saigon và Đà Nẵng bắt đầu có những cơ sở ăn chơi trụy lạc hay kinh tài mờ ám dính líu đến một vài người có thanh thế của chế độ, thì ở tại Huế một phong trào bắt đầu hướng về đạo Phật được coi như là để chống đối chế độ. Những người sinh viên, tiểu chức và giới buôn bán nhỏ, trước đây quá lăm đi chùa mỗi năm một lần do sự thúc dục của người mẹ hay vợ thì nay bắt đầu tham gia hàng loạt những tổ chức Phật giáo như Gia đình Phật tử, Sinh viên Phật tử, Tiểu thương Phật tử v.v... Như thế chính nhà cầm quyền vô tình đã thúc đẩy một sự đối lập có tổ chức.

Một số lớn quần chúng Huế từ lâu đã tìm thấy trong đạo Phật một định hướng tinh thần. Trong những năm 30 một phong trào chấn hưng đạo Phật đã khởi đầu từ chùa Từ Đàm, lan tràn khắp miền Trung và ra tận đến đồng bằng Cửu long. Hòa thượng Thích Tịnh Khiết và bác sĩ Lê đình Thám đã phát họa những nền tảng lý thuyết và thực hành của phong trào chấn hưng này. Phật giáo cần được tổ chức một cách thống nhất trên toàn quốc, do đó một Tổng hội Phật giáo Việt nam đã được thành lập. Đồng thời các tu sĩ không còn phải học thuộc lòng những kinh kệ để cúng tế hay làm phù phép, mà phải tu dưỡng theo con đường tu hành trong sáng của đức Phật và đem truyền bá những điều đó đến các đệ tử hay những người quen biết. Hội Phật học tại Saigon cũng được thành lập trong tinh thần đó. Trong những chùa chiền mới được xây cất, các hình tượng của những vị thần linh hay ma quỷ không còn được trưng bày, còn tại các ngôi chùa cũ thì không được đem thêm vào nữa. Các tu sĩ trẻ tuổi được gửi đến học tại các trường trung hay đại học. Sự thành lập các trường học, cô nhi viện và nhà hộ sinh chứng minh một sự tham dự vào các hoạt động xã hội và từ thiện mà từ nhiều thế kỷ qua Phật giáo đã vắng bóng.

Hiện tượng dần thân và về nguồn này cũng làm trỗi dậy trong những tín đồ và tu sĩ Phật giáo tinh thần dân tộc yêu nước. Họ khám phá ra rằng chính một người Á đông đã rao truyền một lối sống tâm linh và đạo đức đã được toàn thế giới kính phục và đồng thời cũng là một con đường đem lại hòa bình và hạnh phúc cho con người. Họ cảm thấy rằng “con đường trung đạo” của đức Phật Thích Ca thích hợp với tâm tính người Á đông

hơn là đạo Thiên Chúa được nhập cảng từ phương Tây với lối truyền giáo thô bạo đi cùng với sự xâm chiếm của giới thực dân và xa lạ đối với những nguyên tắc đạo đức truyền thống của dân tộc. Từ những nhận định đó, họ đã xích lại gần với đòi hỏi phải có một Đông Nam Á mang tính chất Phật giáo, độc lập đối với Tây phương về các phương diện chính trị và văn hóa. Họ nỗ lực theo đường hướng này, đúng ngay vào lúc mà người Mỹ có chính sách ủng hộ Tổng thống Diệm chống lại Mặt trận Giải phóng, mà người Mỹ xem như là một tranh chấp quốc tế để “đẩy lùi lại Trung Cộng”. Nhưng người Phật tử thì lại xem như là một cuộc chiến tranh tôn giáo. Những người học trò đầu tiên của Hòa thượng Thích Tịnh Khiết và bác sĩ Lê đình Thám càng ngày càng cổ vũ cho một nền văn hóa dân tộc mang tính chất Phật giáo và một sách lược chính trị trung lập. Người ta có thể tìm đọc cơ sở lý luận của khuynh hướng này trong những bài viết của Thượng tọa Thích Trí Quang, vị lãnh đạo có uy tín chống chế độ Ngô đình Diệm và những chính phủ quân nhân sau này của các tướng Khánh, Kỳ và Thiệu.

Tất cả những điều này tôi chỉ biết được một cách mờ mờ vào tối ngày mùng 7 mà thôi. Trước đó chỉ có một lần sau khi đến Huế vài tuần, tôi có dịp tiếp xúc với giới tăng già Phật giáo, khi được mời tham dự một buổi chiêu đãi dùng cơm chay nhân dịp có một vị sư người Anh đến ghé thăm một chùa nhỏ tại ngoại ô. Sau đó vào buổi tối tôi tháp tùng Hòa thượng Thích Mật Nguyên đến dự lễ đón tiếp chính thức vị sư người Anh tại chùa Diệu Đế nằm bên kia sông Hương và tôi có dịp làm quen với sự trang nghiêm của nghi lễ Phật giáo. Tôi ngạc nhiên vô cùng khi thấy rất nhiều người trẻ tham dự với một thái độ thư thái và hóm hỉnh. Trên khuôn mặt của họ, tôi không thấy vết tích của một sự chán đời nào. Ngược lại người ta có thể cảm nhận một sự tích lũy của sức mạnh và ý chí, để được sử dụng vào một ngày nào đó. Rất có thể ngày đó là ngày hôm nay.

Trên đường trở về lại nhà, chúng tôi gặp Orje và Hans (2). Tôi kể sơ lược cho họ nghe về các biến cố ngày hôm nay. Họ liền nói ngày mai họ muốn quay phim đoàn rước Phật lên chùa Từ Đàm cũng như buổi lễ trình trọng trước bàn thờ vĩ đại đã được bày trước chùa. Họ cũng muốn đem theo máy ghi âm vì thế nào cũng có một lời tuyên bố của một vị lãnh đạo Phật giáo về những biện pháp kỷ thị của nhà cầm quyền và về những cuộc biểu tình đã xảy ra ngày hôm nay.

Sáng ngày hôm sau tôi thức dậy trễ nên không theo dõi được phần đầu của đoàn rước, và chỉ có thể đứng nhìn đoàn người đi qua từ lầu thượng căn nhà tôi ở. Tôi không thấy có gì đặc biệt đáng để ý, ngoài những biểu ngữ thông thường chào mừng ngày đức Phật đản sanh. Đến trưa, Orje và Hans về kể lại cho tôi nghe rằng Thích Trí Quang (đây là lần đầu tiên tôi nghe tên vị sư này) đã lên án những biện pháp kỷ thị Phật giáo, cũng như những hành vi nhục mạ các biểu tượng tôn giáo của cảnh sát và tuyên bố rằng, các Phật tử sẽ không khoan tay ngồi yên trước những khiêu khích đó. Sau đó là những lời hoà hoãn và Thích Trí Quang đã nói lời cảm ơn viên trưởng đã ngưng thi hành lệnh cấm treo cờ. Buổi lễ được chấm dứt trong không khí hòa bình và nhất trí, và mọi việc có thể được xem như tạm giải quyết ổn thỏa.

Fred đã lấy máy bay trở lại Saigon lúc buổi trưa và Tuấn và Phương thì muốn đi ngủ sớm. Do đó tôi quyết định đi xem xine, vì định ninh rằng sẽ không có gì xảy ra nữa đâu. Buổi tối hôm đó trời thật nóng bức; khí trời dường như đã biến thành một khối nặng nề và đứng yên một chỗ khiến người bộ hành khó bước xuyên qua được. Nơi một góc đường ở trước tòa Đại biểu chính phủ, tôi thấy một đoàn người đông đảo đi không dứt và đổ xuống từ hướng chùa Từ Đàm và di chuyển về con đường lớn. Tôi tự hỏi, buổi lễ hôm nay sao chấm dứt sớm vậy. Nhưng tôi để ý thấy rằng rất nhiều người bước đi một cách vội vàng. Chắc có chuyện gì đang xảy ra. Tôi bỗng nghe một người nào đó gọi tên tôi. Đó là Tý (3), một người học trò của tôi, mà tôi đã để ý ngay đầu năm học vì sự khôi hài và lanh lợi của anh ta. Tý hỏi tôi muốn đi cùng đến nghe phát thanh lại bài nói chuyện sáng hôm nay của Thích Trí Quang, bài này sẽ được phát đi trong vòng vài phút nữa và sẽ được truyền ra bên ngoài bởi những loa phóng thanh đặt trước trụ sở Đài. Anh ta muốn phiên dịch cho tôi bài nói chuyện đó. Tôi nghĩ rằng đây là một cơ hội tốt để biết biến cố ngày hôm qua đã được giải quyết êm thấm hay chưa.

Trong khuôn viên của Đài Phát thanh Huế nằm bên đầu cầu Trường tiền bắc ngang qua sông Hương, một đám đông quần chúng đã tụ tập ở đó. Mỗi phút lại thêm nhiều người đổ xô đến, đứng chật ních lan ra đến hàng rào và ngã tư đường trước Đài. Lúc 9 giờ tối số người lên đến khoảng 6000. Sau đó có một tin đồn truyền miệng nói rằng buổi phát thanh đặc biệt hằng năm nhân ngày Phật đản nay đã bị cấm vào giờ phút chót. Quần chúng Phật tử đã tụ tập đông đảo trước đài phát thanh vì họ chỉ nghe trong máy thu thanh phát đi những bản quân nhạc thay vì tiếng nói của Thích Trí Quang và dự đoán sẽ có những chương ngại mới sau lệnh cấm treo cờ ngày hôm trước, và để sẵn sàng phản đối nếu cần thiết. Sinh viên, học sinh, người già và trẻ con đứng xen lẫn bên nhau. Rất nhiều người còn dắt theo xe đạp. Lại có không khí như một ngày lễ hội giống như ngày hôm qua. Mọi người nói chuyện với nhau mặc dù chưa quen biết bao giờ.

Loa phóng thanh loan báo hiện đang có những cố gắng thương thuyết với viên Tỉnh trưởng và khoảng nửa giờ nữa bài nói chuyện sẽ được phát đi. Các tín đồ cần chứng tỏ quyết tâm bằng sự nhẫn nhục chờ đợi trong sự yên lặng và trật tự. Một người học sinh nóng nảy đã đem treo lá cờ Phật giáo năm màu trên nóc nhà Đài phát thanh đã được yêu cầu đem cờ xuống. Lâu lâu đám đông lại được yêu cầu kiên nhẫn và giữ trật tự, mỗi khi có vài người hô to những câu chống chính phủ. Chúng ta không chống chính phủ, giọng nói của một vị tu sĩ phát ra từ loa, chúng ta chỉ đòi hỏi quyền lợi đã trở thành truyền thống của chúng ta, và chúng ta sẵn sàng hy sinh khi cần thiết để bảo vệ niềm tin. Từ từ đám đông trở lại yên tĩnh. » Ông có biết Trần đức Thảo không? », một sinh viên đứng sau lưng tôi hỏi như vậy. Thảo là một triết gia, học trò của Husserl và Heidegger, đã cố gắng tổng hợp những triết thuyết của Husserl và Marx và đã trở về Hà nội năm 1954. Những năm trước đây tôi có đọc về Hiện tượng luận, do đó tôi biết tên ông ta. Nhưng điều mà làm tôi ngạc nhiên, là ở thành phố Huế này, có người dám nêu tên ông một cách công khai. Nhiều phụ nữ và trẻ con cùng hát những bài vui nhộn. Đám đông ý thức được sự quan trọng của giờ phút này và uy quyền của chính mình. Mỗi người đều tin tưởng rằng lần này viên Tỉnh trưởng cũng sẽ nhượng bộ. Như thế một kỷ nguyên chính trị mới sẽ bắt đầu tại Việt nam, trong đó quần chúng không còn là những thần dân cúi đầu chấp nhận những kẻ cầm quyền cai trị theo ý trời.

Thình lình có một đoàn xe chạy lại. “Chúng ta cảm ơn vị Tỉnh trưởng đã đến với chúng ta, yêu cầu đồng bào nhường chỗ”, đó là giọng nói của Thích Trí Quang truyền qua loa phóng thanh. Dưới tràng pháo tay viên Tỉnh trưởng tìm một lối đi giữa đám đông và biến mất cùng với vị Sư vào trong toà nhà. Nét căng thẳng của đám đông càng lúc càng tăng lên. Không biết cuộc thương thuyết bên trong xảy ra thế nào?



Bác Sĩ E. Wulff với Thượng Tọa Thích Trí Quang tại chùa Ân Quang (tháng 11-1967)

Vài phút sau đó có tiếng ầm ầm của một đoàn xe thiết giáp. Có tất cả năm xe thiết giáp xuất hiện. Một chiếc tìm cách đi thẳng vào trong khuôn viên của Đài phát thanh. Nó dừng lại chỉ cách Tý và tôi vài bước mà thôi. Dòng chữ trắng mang tên Ngô đình Khôi được kẻ trên nền lục của phần trên sắt dày của chiếc xe thiết giáp.

“Lẹ lên, mau ra khỏi đây”, Tý nói, “Chiếc xe này thuộc một binh đội đặc biệt tuyệt đối trung thành với ông Diệm”. Ngô đình Khôi là tên của người anh cả của ông Diệm, đã bị Việt minh giết trong sự hỗn loạn của năm 1945, lúc đó đang làm tỉnh trưởng tỉnh Quảng nam và từng cộng tác mật thiết vì tư lợi trong nhiều năm với giới bảo hộ Pháp. Mặc dầu ông Diệm có thái độ chính trị khác với ông anh, nhưng không bao giờ ông tha lỗi cho người cộng sản đã giết chết anh ông và do đó từ chối mọi sự hợp tác với Hồ chí Minh, ngay cả vào lúc mà một số chức sắc Thiên chúa giáo ở tại miền Bắc đi biểu tình dưới lá cờ Việt minh chống thực dân Pháp.

Chúng tôi tìm cách vượt qua hàng rào của Đài. Điều này không dễ dàng. Hàng trăm người cũng cảm thấy tình hình trở nên đáng lo ngại nên tìm cách chạy ra khỏi cổng ra vào rất hẹp của Đài. Nhiều người tìm cách đem xe đạp của mình ra, một số khác phải quăng xe để lại, nên người ta phải bước lên chúng để thoát ra ngoài. Vành xe, bánh xe và tấm xe kêu rào rào dưới chân người bước qua. Tý và tôi rút cuộc cũng nhảy qua được hàng rào cao 1,20 mét. Từ phía bên kia đường chúng tôi có thể nhìn lại quang cảnh xảy trước mắt một cách rõ ràng hơn. Một xe chữa lửa đang xịt nước lên đám đông đang thừa dằn. Nhưng áp xuất nước rất yếu để có thể gây sợ hãi cho người khác. Làn nước chỉ có tác dụng đem đến sự mát mẻ trên các khuôn mặt và áo quần những người có mặt, gây nên một tràn cười vui vẻ.

Và rồi những phát đạn đầu tiên được bắn ra từ nòng súng ca nông của xe thiết giáp ; chúng tôi nghe khoảng 10 phát súng nổ kêu vang và khô khan. Như những người chung quanh, Tý và tôi nằm rạp xuống đất. Tôi có thể nhìn thấy rõ ràng đầu ngọn lửa phát ra từ hòng súng của hai chiếc xe án ngự nơi bồn tròn nằm phía đầu cầu Trường tiền. Sau tiếng súng là một chập im lặng. Với một vài bước nhảy, Tý và tôi băng qua con đường lớn để vào núp nơi một con đường nhỏ bên cạnh. Những người chung quanh chúng tôi cũng làm như thế. Từng nhóm từ mười đến hai mươi người vung tay lên bày tỏ sự bất bình của mình. Đứng vào lúc đó một loạt súng trường bắt đầu nhả đạn. Một chiếc thiết giáp bắt đầu tìm cách phân tán những đám nhỏ này.

Chúng tôi tìm cách trốn bỏ đi và cuối cùng chạy về được đến nhà của Orjes và Hans chỉ nằm cách chỗ tai biến khoảng 150 mét. Hans đang đứng trước nhà. Tôi kể cho anh ta nghe những gì đã xảy ra. Tiếng súng sau đó đã ngưng. Hans hỏi, có ai chết hay bị thương không. Chúng tôi không biết. Câu hỏi này làm chúng tôi bất an, rất có thể người ta cần sự cứu thương. Cho nên chúng tôi ba người đi trở lại Đài phát thanh. Giữa đường, trước khách sạn dành riêng cho cố vấn quân sự Mỹ, tôi gặp Paul Miller, một người Mỹ trẻ làm việc trong Văn phòng trường Đại học. Anh ta kể rằng « họ đã đi qua đây ». Thiếu tá Đặng Sỹ, người cầm đầu đoàn quân, đã bảo anh ta phải lánh mặt đi chỗ khác : « Sắp có màn phải giết người », vì ông ta đã nhận được lệnh từ cấp trên đến dẹp tan vụ bạo loạn tại Đài phát thanh với bất cứ giá nào. Ngay cả Paul cũng không biết có người chết hay không. Anh ta đã trải qua trận bắn phá trong khách sạn “Cỏ vắn”. Nhưng anh ta biết rằng Thiếu tá Sỹ là một người Ki tô quá khích và là một người thân tín của Tổng giám mục Thục (4).

Ngã tư đường trước Đài phát thanh giống như một bãi chiến trường giờ đây hoang vắng. Vô số chiếc xe đạp cong queo và dày dệp đủ màu nằm ngổn ngang trên đường giờ đây đã vắng bóng người; chỉ có một nhóm nhỏ thanh niên Phật tử cầm cờ năm màu đi về hướng phía bên kia chiếc cầu, theo sau là một chiếc thiết giáp, thỉnh thoảng bắn đuổi theo sát trên đầu người. Có hai viên cảnh sát đứng ở đó, nhưng chắc cũng không rõ tại sao họ có mặt. Chúng tôi hỏi các người cảnh sát, có gì trầm trọng không. Họ nói không biết gì và khuyên chúng tôi nên vào nhà thương xem thử sao.

Trong khu nhập viện có khoảng 20 người bị thương đang nằm. Không có ai bị thương trầm trọng cả. Họ chỉ bị trầy xước và trẹo xương vì trong lúc hỗn loạn, họ đã bị đè bẹp và dẫm lên người. Họ đang được chăm sóc bởi bác sĩ Tô đình Cự, trưởng phòng mổ của bệnh viện. Ông ta có vẻ hốt hoảng khi thấy chúng tôi xuất hiện. “Các ông hãy về đi, đây không phải là chuyện của các ông. Chỉ có một vài vết thương nhẹ, một mình chúng tôi cán đáng được rồi”, ông ta nói như vậy. Khi chúng tôi sắp sửa ra về, thì có một người y tá trước đây làm trong khu Tâm thần ra dấu kêu tôi lại. “Ông hãy vào xem trong nhà xác”, ông ta nói khẽ bên tai tôi như vậy.

Nhà xác nằm bên cạnh nhà thương điên và do những lao công của nhà thương này canh gác. Không có ánh đèn điện. Dưới ánh sáng yếu ớt của đèn bạch lập, chúng tôi thấy có bảy thân người đầy máu me được đặt trên ba bàn khám nghiệm bằng đá. Từ chân đến ngực thân thể họ còn nguyên vẹn. Nhưng năm cái xác – tất cả là trẻ em- thì không còn đầu. Nơi một người phụ nữ thì có những vết đạn bắn vào cánh tay, vai và cổ. Các xe thiết giáp đã bắn nát đầu các em thiếu nhi, có lẽ vào lúc các em leo qua hàng rào của Đài phát thanh và nhô đầu ra trước. Nếu như các em khôn ngoan như người lớn, tức là nằm xuống dưới đất lúc súng đạn bắt đầu nổ, thì có lẽ các em đã không hề hấn gì.

Cha mẹ của những người tử nạn đang thút thít khóc. Người cha của một em bé gái đã chết yêu cầu chúng tôi chụp hình những xác chết. Nhưng chúng tôi không có mang theo máy hình. Hans và Tý đi về kiểm Orje, vì anh ta có đem về Huế đầy đủ máy móc. Khi tôi muốn quay đi không muốn nhìn cảnh thảm này nữa, thì tôi chợt thấy bên cạnh cánh tay của một xác trẻ em không đầu một con mắt dính vào một ít da đầu và một khúc xương trán. Trước nhà xác tôi gặp một vị sư trẻ tuổi của chùa Bảo quốc và đang theo học tiếng Phạn tại Đại học. Ông ta đã trốn vào nhà thương vì sợ bị bắt giữa đường. Tôi đưa ông ta về lại chùa, tọa lạc chỉ cách căn phòng tôi ở vài bước (5).



BS Wulff chụp ảnh lưu niệm tại Đài

Tượng niệm Thánh tử Đạo cùng chư Tăng và các học giả quốc tế đến Huế dự lễ Phật đản PL.2552 -2008, Link:

<http://www.giacngo.vn/lichsu/2010/02/11/5ED242/>

Khi về đến khu cư xá giáo sư đại học tôi vội bước lên các tầng cấp để đến căn phòng của gia đình Giáo sư Krainick. Tình cờ lúc đó bà Krainick đang đọc vào máy ghi âm bức thư gia đình hỏi thăm các người con. Trong sự hốt hoảng lúc bà và ông chồng nghe tôi kể lại những biến cố vừa xảy ra, bà đã quên tất máy. Do đó mà có được lời tường thuật đầu tiên ghi lại chỉ không đầy một giờ đồng hồ sau các biến cố trên ; cuộn băng nhựa ghi âm này đã được dùng làm bằng chứng vào tháng chín năm 1963 trước Ủy ban Việt Nam của Liên hiệp quốc, kèm theo với lời khai danh dự chứng thật nguyên bản của Giáo sư Krainick.

Sau đó cũng vào khoảng 11 giờ 30 đêm, tôi đến đánh thức ông bạn Tuấn và cũng kể những gì đã xảy ra. Tuấn tức thời hiểu được tầm quan trọng chính trị của biến cố. Tuấn nhận định rằng những cuộc biểu tình khắp toàn quốc của các giới Phật tử sẽ làm giảm uy tín của ông Diệm, và cuối cùng người Mỹ phải bỏ rơi ông ta. Quân đội vì sợ cúp viện trợ sẽ tìm cách lật đổ ông ta. Tôi cần phải đi vào Saigon để thông báo cho Miên và Quát (6) biết, đồng thời tìm cách đưa tin cho các hãng thông tấn Mỹ để họ khai thác biến cố này. Có

một sự trùng hợp là Giáo sư Krainick và tôi đã dự định từ lâu sẽ vào Saigon trong các ngày tới để gặp ông bộ trưởng bộ Giáo dục và vé máy bay đã được mua sẵn rồi. Đây là một cơ hội tốt để về thủ đô mà không ai để ý.

Sáng hôm sau vào lúc 7 giờ vị sư trẻ mà tôi đã đưa về chùa tối hôm qua đến gặp tôi và đưa hai bức thư nhờ chuyển đến Thượng tọa Thích Minh Châu hiện đang du học tại Ấn độ và Tổ chức Phật giáo quốc tế. Tôi được yêu cầu tìm cách chuyển ngầm hai bức thư này ra khỏi nước. Trước khi chúng tôi lên đường ra phi trường Phú bài, Orje xuất hiện và giao cho tôi cuộn phim chụp tối hôm qua. Nửa giờ trước khi cảnh sát cấm không cho ai vào nhà xác, anh ta đã chụp được tất cả xác những người chết. Giáo sư Krainick bỏ cuộn phim vào túi quần của ông ta – để phòng trường hợp cảnh sát đã nghĩ biết được sự có mặt của tôi tại nơi xảy ra tai biến và sự lục lọi sau đó của chúng tôi tại bệnh viện. Nhưng ở Phi trường Phú bài hay tại Saigon không ai để ý gì đến chúng tôi. Chắc hẳn đối với mặt vụ của ông Diệm, các biến cố đã xảy ra một cách quá bất ngờ và không ai tính đến chuyện sẽ có những nhân chứng ngoại quốc.

Cùng với ông Krainick tôi thuê một căn phòng tại khách sạn. Tôi tìm đến Miên (7) liền và đánh thức ông ta ra khỏi giấc ngủ trưa. Ông ta mở cửa cho tôi mà đang còn ngáy ngủ và mặt mày nhăn nhó. Nhưng bộ tịch ông ta thay đổi liền sau khi hiểu được vấn đề. Thái độ tính toán của ông ta là một gáo nước lạnh vào sự phấn uất và nóng lòng của tôi. Giống như Tuân, ông ta chỉ nhìn thấy nơi những xác chết những con bài sáng giá có được một cách bất ngờ trong công cuộc vận động chống chế độ độc tài. Trong lúc Tuân chống chế độ độc tài vì chịu không nổi những bất công thì đối với Miên, đây chỉ là một mưu toan phản loạn. Miên thay áo quần và chúng tôi kéo đến nhà Quát. Ông này cũng được đánh thức ra khỏi giấc ngủ trưa. Sự điềm tĩnh và trịnh trọng thường lệ của ông ta bỗng chốc đã biến thành một sự kích động sau khi đã nghe tôi kể chuyện. Phải tạo một thể liên minh tức khắc với Phật giáo, trước khi người khác cùng có ý tưởng này. Sự việc đã có nhiều người chết chỉ là chuyện bên lề đối với ông ta. Ông ta nhận lấy cuộn phim từ tay tôi và hứa sẽ nhờ người thân tín sang ra khoảng 12 bản trong vòng 24 tiếng đồng hồ. Sau đó chúng tôi trở về lại khách sạn, vì lúc 5 giờ chiều Giáo sư Krainick và tôi có hẹn với ông bộ trưởng giáo dục.

Nội dung của buổi tiếp kiến này chỉ còn lưu lại trong trí nhớ của tôi một cách rời rạc. Dự thảo xây dựng những trung tâm lâm sản cho trường đại học đã được bàn đến. Ông Krainick và tôi đã chiết tính phí tổn xây cất và bảo quản, kê những dụng cụ cần thiết cần mua và những đề nghị xin tài trợ. Đó là một trong những đồ án phát triển toàn hảo về mặt kỹ thuật, nhưng nếu xét về các mặt chính trị, kinh tế và tâm lý thì là hảo huyền, mà bất cứ một người cộng tác viên ngoại quốc nào đây thiện chí đều đưa ra trong những năm đầu tiên đến nơi quốc gia mình muốn giúp. Trong lúc nói chuyện, thật tình hồn vía của tôi để chỗ khác. Những giọng nói của Giáo sư Krainick, của ông Bộ trưởng, và ngay cả của chính tôi đã xa rời thực tại, tất cả đối với tôi như tiếng phát âm ngây ngô của những người gỗ được lên giây cót; những cử chỉ buồn cười của ông bộ trưởng, những cúi đầu thái quá của ông Krainick và ngay khuôn mặt dài thòn ra của chính tôi đã khiến tôi muốn bật cười. Lúc cuộc nói chuyện kết thúc, tôi có cảm tưởng giống như một người điên được thả ra khỏi trước cửa nhà thương điên.

Buổi tối hôm đó Raoul mời tôi ăn chung với hai nhà báo, phóng viên người Mỹ Neel Sheehan và người Úc Nick Turner. Lúc tôi kể cho họ nghe về những gì đã xảy ra ở Huế, họ nghi ngờ không tin tưởng chút nào lời kể của tôi. Chuyện xảy ra đối với họ quá động trời, nên họ không muốn đụng chạm đến nếu không có một đảm bảo nào. Sau khi tôi đưa cho họ xem các ảnh do người của ông Quát sang, họ nhẩy dậy lên và lôi giấy bút ra để ghi chép. Ngay trước nửa khuya họ đã chuyển đi bằng máy viễn ký những bản tin đến khắp thế giới. Vì Turner làm việc cho hãng thông tấn Reuter, Sheehan cho hãng UPI, tôi hy vọng sẽ đọc được những hàng chữ lớn trên báo chí khắp năm châu. Một sự lầm to, một sự ngây thơ làm sao! Sau 48 tiếng đồng hồ, tôi phải nhận ra rằng, ngoại trừ đài Hà nội, không một đài phát thanh nào đưa tin, ngay cả những tờ báo lớn như Le Monde, New York Times đều im bất.

Không chịu bó tay, tôi quyết định lấy máy bay qua Phnom Penh. Chính quyền Campuchia trong thời gian qua đã bị chính quyền ông Diệm đả kích dữ dội vì đường lối ngoại giao trung lập. Vào cuối những năm 50, cơ quan phản gián Mỹ CIA với sự cộng tác của một vài điệp viên Việt nam đã tìm cách lật đổ chính quyền của hoàng thân Sihanouk, nhưng đã bị thất bại. Chính Miên và một người lanh lợi khác tên là Đặng đức Khôi đã điều khiển công tác này. Ở Lào thì họ thành công hơn. Tướng Phoumi Nosavan đã lên nắm quyền với sự giúp đỡ của họ và CIA. Thái độ không thích chế độ ông Diệm của hoàng thân Sihanouk làm tôi hy vọng có thể đạt được một kết quả nào đó trong việc báo động của tôi. Từ nơi đó, tôi cũng có thể viết thư cho một vài tờ báo Tây Đức kèm theo với những hình ảnh do Orje chụp và gói lá thư mà vị sư trẻ người Huế nhờ tôi chuyển đến Thượng tọa Thích Minh Châu. Ngoài ra cuộn phim có những âm bản chụp những xác chết làm tôi không yên lòng chút nào. Chừng nào những âm bản này chưa ra khỏi Việt Nam, thì tôi còn lo lắng cho an ninh của ngay chính bản thân tôi...

BS ERICH WULFF

Minh Nguyễn (Dịch để tưởng niệm 8 vị Thánh tử đạo đêm 8/5/1963 tại Đài Phát thanh Huế).
(bổ túc tháng 4/2007)

Chú thích của người dịch:

- (1) Vì bài tường thuật được phổ biến lần đầu tiên năm 1968 tại Tây Đức trong lúc chiến tranh đang xảy ra dữ dội tại Việt Nam và để tránh những hệ lụy không tốt cho các nhân vật trong bản hồi ký, tên thật của rất nhiều người bạn của tác giả đã được ghi dưới một tên khác, như Tuân tức là Giáo sư Bùi tường Huân, sau này sẽ làm bộ trưởng và thượng nghị sĩ, Miên tức là Đại sứ Bùi Diễm, Quát tức là Thủ tướng Phan huy Quát sau này v.v..
- (2) Tức hai Giáo sư Raimund Kaufmann và Hans Hoelterscheid. Xem **Ký ức của BS Wulff** được phổ biến trên trang nhà Khuông Việt số 7:
http://www.khuongviet.com/kv-archive/PD63/Kyuc_Wulff.htm
- (3) Tức anh Tôn thất Kỳ, sinh viên y khoa .
- (4) Theo sự tiết lộ của GS Trần Hữu Thế, cựu bộ trưởng Giáo dục đối với GS Vũ văn Mẫu trong quyển sách „Sáu tháng pháp nạn“ (Giao Điểm xuất bản 2003), chính TGM Ngô đình Thục đã ra lệnh cho Thiếu tá Đặng Sỹ phải „**đẹp**“ đám đông Phật tử tại đài Phát thanh Huế tối 8/5/1963. Trích:
“Chính tối hôm Phật đàn cũng đã có một bữa tiệc tại nhà Ngô đình Cẩn với sự hiện diện của TGM Thục, một số bộ trưởng và nhiều nhân vật cao cấp trong chính phủ. Đang giữa bữa ăn thì Tỉnh trưởng Nguyễn văn Đăng và Phó Tỉnh trưởng Đặng Sĩ hốt hoảng xin vào trình bày tình hình rất căng thẳng vì mấy ngàn Phật tử đang tụ họp trước Đài Phát thanh. Vì phụ trách các vấn đề an ninh, Thiếu tá Đặng Sĩ xin chỉ thị để đối phó.

Ngô đình Cẩn ngồi yên không nói gì, hay không muốn nói có lẽ vì đã đoán trước được ý kiến của ông anh Ngô đình Thục thế nào cũng chống đối thái độ hòa hoãn của ông ta trong vụ này. Sau báo cáo của Đặng Sĩ, TGM Ngô đình Thục đang ăn bỗng ngưng lại, giơ tay ra hiệu cho Thiếu tá Đặng Sĩ “**Đẹp...!**”. Tỉnh trưởng và Phó Tỉnh trưởng lãnh chỉ thị lui ra. Sau đó thì các sự việc xảy ra như bác sĩ Erich Wulff đã tường thuật rõ ràng các điều mắt thấy tai nghe tại chỗ” (tr.215-216).

- (5) Vị sư trẻ này chính là Thầy Lê Mạnh Thát, theo sự xác nhận của Thầy với người dịch vào tháng 7/2006 tại Sai Gòn. Thầy cũng là người đã đặt câu hỏi với tác giả về triết gia Trần Đức Thảo.
- (6) Xem chú thích 1.
- (7) Xem chú thích 1.

000)(000

Mùa Phật Đản Đẫm Máu

Chính Đạo

Cuộc tranh đấu của Phật Giáo năm 1963 là một đề tài còn gây nhiều xúc động và tranh cãi. Tuy nhiên, tới nay vẫn chưa có nghiên cứu sử đích thực nào về đề tài này. Một trong những lý do là thiếu sử liệu. Tài liệu văn khố chưa được hoàn toàn giải mật. Đa số tác giả đều đứng về phe này hay phe kia, xếp đặt và diễn giải các dữ kiện vốn bị giới hạn và thiếu sót theo sự yêu ghét hay khuynh hướng chính trị, tôn giáo của họ. Tác nhân lịch sử bị đặt lên những chiếc giường của tên tướng cướp, thừa chặt bớt, ngắn kéo dài ra cho vừa khuôn thước thành kiến tiên thiên của mình. Không ít người còn bịa đặt ra những chi tiết không thực để bẻ cong lịch sử. Trong cuốn *Tôn Giáo Chính Trị: Phật Giáo, 1963-1967*, do nhà Văn Hóa xuất bản năm 1994 tại Houston, Texas, tôi đã dành một chương khá dài cho cuộc tranh đấu năm 1963 của Phật giáo miền Nam. 10 năm sau, nhiều tài liệu văn khố Mỹ, Pháp, Việt Nam và Liên Hiệp Quốc được giải mật thêm, nên tác giả đã hiệu đính chương này sau mỗi lần nghiên cứu ở các văn khố, kết thúc thành bài “Mùa Phật Đản Đẫm Máu” trong tập *Cuộc Thánh Chiến Chống Cộng* (Houston: Văn Hoá, 2004). Mới đây, nhờ được du khảo tại Việt Nam, làm việc trên các tư liệu văn khố VNCH tại Trung tâm Lưu trữ Quốc Gia II Sài Gòn, chúng tôi lại hiệu đính thêm bài này. Tuy nhiên, trên đại thể, những nét chính không thay đổi bao lắm. Xin đọc thêm “Cái chết của một hàng tướng: Dương Văn Minh, 1916-2001,” trong Nguyễn Vũ, *Ngàn Năm Soi Mặt* (Houston: Văn Hóa, 2002), tr. 9-156; bản hiệu đính đăng trên Phụ Bản tháng 9 & 10/2006 của Hạp Lưu online.

I. TỪ CỜ ĐẾN MÁU LỬA:

Ngày 6/5/1963, Đồng lý Văn Phòng Phủ Tổng Thống, Quách Tòng Đức, gửi đi khắp nơi lệnh cấm treo cờ tôn giáo ngoài các nơi thờ tự, theo “chỉ thị” của Tổng thống Ngô Đình Diệm (1955-1963). (1) Lệnh này, dù đã có sự tham khảo mật với Mai Thọ Truyền, Phó Hội chủ Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam, được ban hành không đầy 48 tiếng đồng hồ trước Lễ Phật Đản 2507 (15/4 Quý Mão, tức 8/5/1963), và tới các địa phương trong ngày, khi các tư gia, chùa chiền đã treo cờ ngũ sắc Phật giáo, cùng biểu ngữ và cổng chào. Theo lời khai của viên chức chính phủ với phái đoàn Liên Hiệp Quốc [LHQ] vào tháng 10/1963, Diệm biết rõ rằng lệnh cấm treo cờ trên sẽ ảnh hưởng đến ngày Phật Đản sắp tới—ngày lễ quan trọng nhất của Phật Giáo—nhưng bất chấp hậu quả. (2)

Lập luận của chính phủ để biện minh cho lệnh cấm treo cờ là quốc kỳ (cờ vàng ba sọc đỏ) phải được tôn trọng hơn cờ tôn giáo. Dân chúng phải treo quốc kỳ, còn cờ tôn giáo chỉ được phép treo trong các ngày lễ, tại các nơi thờ tự hay tư gia, với sự chấp thuận của chính quyền địa phương. Đó là tinh thần Nghị định 189/BNV/NA/P5, ngày 12/5/1958 của Bộ Nội Vụ, được tái xác nhận ngày 14/6/1962. (3) Cờ Phật giáo ngũ sắc được chính thức công nhận tại Đại Hội Phật Giáo Thế Giới [World Fellowship of Buddhists, hay Hội Bằng Hữu Phật Giáo Thế Giới] tại Colombo (Sri Lanka, hay Tích Lan), từ ngày 26/5 tới 7/6/1950. Thượng

tọa Tổ Liên (1903-1977) đại diện cho Việt Nam tại Đại Hội này. Chùa Quán Sứ Hà Nội là nơi lá cờ ngũ sắc của Phật giáo được trưng lên trước tiên trên toàn thể đất nước Việt Nam. Trong thập niên 1950, lá cờ Phật Giáo ngày càng trở thành quen thuộc vì sự phát triển khá mạnh của các hệ phái Phật Giáo tại phía Nam vĩ tuyến 17.

Sự phát triển đặc biệt này, cần nhấn mạnh, không do sự khuyến khích của tam đầu chế Ngô Đình Thục-Ngô Đình Diệm-Ngô Đình Nhu. Việc giúp đỡ bất cứ tôn giáo không Ki-tô nào chỉ có tính cách tượng trưng, do các cấp viên chức địa phương (như không khắt khe áp dụng luật số 10 về các hiệp hội, hay cho mở sổ sổ để gây quỹ, v.. v...). Nhận hiểu rằng Phật tử chiếm đa số dân chúng trong nước, trong những năm đầu, Thục-Diệm-Nhu làm ngơ trước sự phát triển của các khuôn hội, đoàn Phật tử, v.. v... Những người góp công lớn trong việc phát triển của Phật giáo là tăng ni di cư và Phật tử chống Cộng. Xây dựng chùa chiền, tổ chức các ban đại diện, phong trào Phật tử, phát huy và hoằng dương đạo pháp là một phương thức chống Cộng hòa bình và hữu hiệu nhất: Lấy tôn giáo chống lại Cộng Sản vô thần (những người từng ví von tôn giáo như thuốc phiện).(4)

Ngoài ra, việc phát triển các chùa chiền, khuôn hội còn phản ánh một giai đoạn mới của cuộc chiến tranh lạnh giữa Phật Giáo và Ki-tô giáo, đã kéo dài hơn bốn thế kỷ, và lên cao độ dưới thời Pháp thuộc (1858-1945, 1945-1955). Trong giai đoạn Pháp xâm chiếm Việt Nam, Ki-tô giáo ngày một vượt thắng vì là tôn giáo của giai tầng chiếm đóng (Pháp) và đa số giai tầng trung gian bản xứ trung kiên. Rất nhiều danh tự của Đại Nam đã biến thành nhà thờ ở Hà Nội, Sài Gòn, Nam Định hay Quảng Trị. Mặc dù từ thập niên 1910 viên chức Pháp quyết định đoạn tuyệt với chính sách đồng hóa và Ki-tô hóa của Hội truyền giáo, chuyển sang chính sách hợp tác hay Pháp-Việt đề huề, mãi tới thập niên 1920 Phật giáo và các tổ chức tôn giáo bản xứ khác mới bắt đầu được “duy tân” và khuyến khích đoàn ngũ hóa. Nhưng thời gian này, các cộng đồng Ki-tô bản xứ đã trở thành những quốc gia trong một quốc gia, tự ban danh hiệu “công giáo,” và cung cấp cho giai tầng trung gian bản xứ cũng như thị dân một nhân số quan trọng.

Chính vì thế, Ngô Đình Diệm (1897-1963)—với thành tích hết hợp tác với Pháp tới Nhật, và bị đánh giá là “*cuồng đạo*” [a Catholic mystic hay religious fanatic]—vẫn được chọn cầm đầu miền Nam. Ngắn và gọn, số chùa chiền, tu viện, khuôn hội Phật giáo gia tăng từ 1954 tới 1963 không chỉ do ảnh hưởng quốc sách chống Cộng, mà còn phản ánh sự chống đối vừa tiêu cực vừa tích cực của Phật giáo với chế độ giáo phiệt Ki-tô Diệm-Thục-Nhu.(5) Tổng Giám Mục Thục (1897-1984), người cai quản địa phận Huế từ năm 1961, dĩ nhiên chẳng muốn thấy sự hiện hữu của bất cứ lá cờ Phật giáo nào tại Huế hay miền Trung, nói chi sự phát triển vững mạnh của Tổng Giáo Hội Phật Giáo. Thục, theo Tướng Lê Văn Nghiêm, từng tuyên bố với những người tín cẩn rằng “*cần phải hạ Phật giáo bằng mọi phương tiện, nếu không Phật giáo sẽ mạnh hơn Ki-tô,*” và “*ngay cả đời sống giáo dân sẽ bị đe dọa.*”(6)



Toàn gia đình Ngô Đình quây quần quanh bà Khả

Mùa Xuân 1963 Thục có thêm lý do khác để “ra tay” với Phật Giáo. Lễ kỷ niệm 25 năm thụ phong Giám mục sắp đến. Thục—theo lời một nhân chứng ngoại quốc, viết bằng Mỹ ngữ ngày 12/6/1963, và Linh mục Cao Văn Luận, Viện trưởng Đại học Huế—đã xin với Vatican lên chức Hồng Y vì “80% dân chúng trong giáo phận Huế là giáo dân Ki-tô.” Vatican bèn gửi một phái đoàn điều tra tới miền Trung vào đầu tháng 5/1963. Mặc dù cờ Ki-tô giáo nửa vàng, nửa trắng giăng mắc khắp nơi trong thời gian phái đoàn ở Việt Nam, đại biểu Vatican cũng ghi nhận Phật tử đang chuẩn bị cờ ngũ sắc, biểu ngữ và cổng chào mừng đón Phật đản 2507. Bởi thế phái đoàn Vatican kết luận sơ khởi rằng chỉ có 20% dân miền Trung theo đạo Ki-tô mà không phải 80% như Thục báo cáo. Để che dấu sự thực, Thục ngấm cho lệnh viên chức địa phương cấm treo cờ hay tuần hành rước lễ Phật Đản. (7) Dù Thục có áp lực Diệm ban hành lệnh cấm treo cờ Phật giáo ngày Phật Đản 2507 hay chẳng, văn thư nhắc nhở lệnh cấm ngày 6/5/1963 là sỉ nhục lớn với Phật tử. Vì, cho tới ngày 5/5, cờ Ki-tô giáo—nói theo Thục, chỉ là mấy thước vải vô nghĩa biểu hiệu cho nước Vatican mà không đại diện cho Ki-tô giáo—còn pháp phối khắp miền Nam, trong khi tổng số giáo dân không đầy 10% dân số. Ngày này, Tổng thống Diệm còn cử hành quốc lễ chúc mừng kỷ niệm 25 năm Thục được phong chức Giám Mục tại nhà thờ trên đường Kỳ Đồng, Sài Gòn. (8)

Ngay chiều ngày 6/5 (13/4 Quý Mão), Tỉnh trưởng Thừa Thiên kiêm Thị trưởng Huế là Nguyễn Văn Đăng sao gửi công điện của Quách Tòng Đức cho các tổ chức tôn giáo, đặc biệt là Ban trị sự Giáo hội Tăng già và Hội Phật Giáo Việt Nam tại Trung Phần và tỉnh Thừa Thiên, cùng Ban tổ chức Lễ Phật Đản tại Thừa Thiên-Huế. Các lãnh đạo Phật giáo phản ứng một cách chùng mực. Sáng hôm sau, một phái đoàn đại diện Tăng Già và ban tổ chức Phật Đản—gồm Thượng tọa Thích Trí Quang, Thích Mật Nguyễn, Thích Thiện Minh và Thích Thiện Siêu—đến gặp Thị trưởng Đăng để “trình bày những thắc mắc và uất ức” của Phật tử về lệnh cấm treo cờ. Không thỏa mãn với lời giải thích của Đăng, đại diện Phật Giáo yêu cầu được tiếp kiến Cố vấn chỉ đạo miền Trung là Ngô Đình Cẩn (1911-1964) về lệnh cấm treo cờ. Ngô Đình Cẩn đồng ý, mời Trí Quang tới tư dinh, dự một cuộc họp với Bộ trưởng Nội vụ Bùi Văn Lương và Thị trưởng Đăng vào lúc 11G45 ngày 7/5/1963 (14/4 âm lịch). Sau một hồi thảo luận, Cẩn đồng ý cho các chùa chiền và lễ đài tiếp tục treo cờ, nhưng các tư gia thì nên cho Cảnh Sát đi thuyết phục hạ cờ. Bởi thế, lúc 12 giờ trưa ngày 7/5/1963, Đăng gọi Trưởng ty Cảnh sát Huế tới tư dinh Cẩn, cho lệnh sử dụng Mật vụ để áp lực dân chúng hạ cờ. (9) Có lẽ vì thế một số nhân viên Cảnh Sát, Công An đã sốt sắng tháo gỡ cờ Phật giáo bất chấp sự phản đối của dân chúng. (10)

Khoảng 17G45 ngày 7/5, một phái đoàn gồm các đại diện Giáo Hội Tăng Già, ban tổ chức Phật đản 2507 và khoảng 200 Phật tử kéo tới Toà Hành chánh tỉnh gặp Đăng. (11) Theo lời Bộ trưởng Nội vụ Lương khai với Phái đoàn Liên Hiệp Quốc ngày 30/10/1963, đích thân Lương cho tạm hoãn thi hành lệnh cấm treo cờ, và

lãnh đạo Phật giáo rất miễn cưỡng.(12) Tại Đà Nẵng, cách Huế khoảng 100 cây số về phía Đông Nam, Cảnh sát cũng tới các cơ sở thương mại, ra lệnh cấm treo cờ mừng Phật đản; bằng không sẽ bị rút giấy phép. Chẳng hiểu việc làm này liên hệ gì đến Thị trưởng Hà Thúc Luyện hay chẳng. Cách nào đi nữa, ngày 8/5, Thiếu tướng Lê Văn Nghiêm, Tư lệnh Quân Đoàn I, vẫn cho phép quân nhân Phật tử tổ chức lễ Phật Đản.(13) Tại Đà Nẵng, quân nhân Phật tử dựng một khán đài tại góc đường Thống Nhất và bờ sông Bạch Đằng (sông Hàn), và tổ chức diễu hành xe hoa. Tại Huế, Phật tử cũng dựng khán đài và kết cờ Phật Giáo. Nhưng không khí đấu tranh phẫn phất trong không gian. Trong cuộc rước lễ từ chùa Diệu Đế tới chùa Từ Đàm vào sáng ngày 8/5/1963, Phật tử đã trưng lên một số biểu ngữ đòi bình quyền tôn giáo và thề bảo vệ giáo kỳ bằng mọi giá. Người châm ngòi nổ cho cuộc tranh đấu là Thượng tọa Trí Quang, Chủ tịch Hội Phật Giáo Trung Phần, qua bài diễn văn nẩy lửa trong buổi lễ sáng 8/5 tại chùa Từ Đàm, với sự tham dự của nhiều viên chức cao cấp địa phương (ngoại trừ Đại biểu Trung Nguyên Trung Phần và Thị trưởng Đàng).

Chưa hết. Tối đó, một biến cố đẫm máu đột ngột xảy ra. Giữa lúc hàng ngàn Phật tử tụ họp trước Đài phát thanh Huế vào khoảng 8 giờ tối để nghe chương trình phát thanh đặc biệt Phật Đản, một nhóm thanh niên Ki-tô giật cờ Phật Giáo tại một cổng chào, rồi xông tới đập phá lễ đài. Bạo động bùng nổ. Giám đốc đài Huế, Ngô Ganh, sau khi nhận chỉ thị phải từ chối phát thanh lại cuốn băng buổi lễ Phật Đản tại chùa Từ Đàm, khóa trái cửa “để bảo vệ máy móc” trước sự đe dọa của một số Phật tử hung hãn. Khoảng 22 giờ, Thị trưởng Đàng được mời tới Đài phát thanh bàn thảo với Thượng Tọa Trí Quang về nội dung chương trình Phật Đản mà hàng ngàn người đang chờ đợi, Thiếu tá Đặng Sỹ, Phó Tỉnh trưởng Nội An, dẫn Cảnh Sát, và lực lượng an ninh (Biệt đội Ngô Đình Khôi) gồm 8 tuần thám xa [blinder] của Địa Phương Quân, 1 đại đội ĐPQ, 1 đại đội trừ Bộ Binh, đến tái lập trật tự. Sau khi đám đông không chịu giải tán, Sỹ cho lệnh dùng lựu đạn cay, vòi rồng phun nước, và rồi nổ súng. Đa số binh sĩ không tuân lệnh, chỉ có đơn vị riêng của Sỹ thẳng tay đàn áp. Xe tuần thám chạy ngang dọc giữa đám đông. Dân chúng hoảng hốt tranh nhau bỏ chạy tứ phía. 9 người chết (kể cả 2 trẻ em bị tuần thám xa cán), và 14 bị thương.(14)

Đây là một hành động có thể bị truy tố về tội ác chiến tranh [war crime] và tội ác chống lại nhân quyền [crime against Human rights] của Sỹ; và các cấp chỉ huy, kể cả Ngô Đình Diệm, phải liên đới trách nhiệm.(15) Để che đậy sự thực, thoát tiền chính phủ loan tin một quả lựu đạn của quân khủng bố (Cộng Sản) từ đám đông ném ra, vì quân đội chỉ bắn lên trời hoặc dùng đạn mã tử. Lời giải thích này được ghi vào mật điện số 100/MM, từ văn phòng Đại biểu Trung nguyên Trung Phần (Hồ Đắc Khương) gửi về Phủ Tổng thống ngày 9/5/1963. Theo Mật điện trên, trong lúc Đặng Sỹ đàn áp đám đông, “một quả lựu đạn MK-2 đã từ trong đoàn người phóng ra làm cho 7 thường dân chết, 1 thường dân và 5 binh sĩ bị thương. Cơ quan an ninh đã phải xử dụng lựu đạn cay mắt để giải tán đoàn người và tình hình đã trở lại tương đối yên tĩnh vào lúc 24G00.” VP/ĐBCP/TNTP cũng qui tội cho Việt Cộng, và xin được tổ chức biểu tình ngày 9/5/1963.(16) Sau khi đám đông bị giải tán, viên chức chính phủ mang 9 xác chết tới bệnh viện Trung ương Huế. Theo một nguồn tin an ninh Mỹ, dù được lệnh phải ghi vào giấy chứng tử là các nạn nhân “chết vì lựu đạn do khủng bố Việt Cộng ném,” Y sĩ Lê Khắc Quyền, Giám đốc Bệnh viện kiêm Giám đốc Y tế miền Trung, không đồng ý: Các y sĩ thực hiện giáo nghiệm (lý khám) kết luận rằng đa số nạn nhân đều chết vì những vết thương trên đầu, và di thể không hề có mảnh “lựu đạn MK-2” nào.(17)

Bởi vậy, viên chức chính phủ, dù vẫn nhất tề trút mọi trách nhiệm cho Việt Cộng, nhưng bắt đầu sửa sai từ “lựu đạn” sang “mìn từ lực” [plastic] cho có vẻ hợp lý hơn.(18) Ngày 11/7/1963, Phó TT Nguyễn Ngọc Thơ, trong thư gửi Thượng tọa Thiện Minh, biện minh rằng các nạn nhân đêm 8/5/1963 là do “plastic” của Việt Cộng; chính Y sĩ Quyền, Giám đốc Bệnh viện Trung Ương Huế, đã xác nhận việc này trong buổi tiếp xúc ngày 8/7/1963 với Đại biểu TNTP và các y sĩ lý khám.(19) Tháng 10/1963, Trần Từ Oai khai với phái đoàn LHQ tìm sự thực về sự vi phạm nhân quyền tại Nam Việt Nam rằng Cộng Sản đã cho nổ hai trái mìn từ lực mà quân đội VNCH cũng như Mỹ không có [That night another more violent meeting took place at the Huế radio station. Communist elements took advantage of it to explode two plastic charges which caused the death of eight persons, including several children and a Catholic girl]. Ở một đoạn khác, Oai lập lại lời cáo

buộc này [With regard to the charge that the Government had ordered the killing of the demonstrators by tanks, cannons, rifles and grenades, this was an absolute slander. According to the findings of the medical experts, all the wounds on the victims' bodies were caused by the explosion of plastic charges, which are not used by the Army or the security forces of Vietnam, but only by Communists.]" (20) Bộ trưởng Nội vụ cùng một luận điệu.(21)

Những ngày kế tiếp, tình hình Huế cực kỳ sôi động. Suốt đêm mùng 8 rạng 9/5, thanh thiếu niên kéo nhau đi quanh đường phố, hô to khẩu hiệu đả đảo Diệm. Khoảng 11G00 sáng, chừng 800 Phật tử tụ họp biểu tình. Đứng yêu cầu họ giải tán để tránh bị “phản loạn” lợi dụng. Đứng cũng ra lệnh giới nghiêm từ 9 giờ tối. Ngày 9/5, Diệm sai Bộ trưởng Nội vụ trở lại Huế giải quyết. Lương áp lực Trí Quang đi theo xe phóng thanh kêu gọi mọi người ra về. Trí Quang chỉ hòa thuận bề ngoài, chưa chịu lùi bước.(22)

Chiều 9/5, Phong trào Cách Mạng Quốc Gia tổ chức mít-tinh, lên án Cộng Sản phá hoại, khủng bố trong đêm 8/5. Rất ít người tham dự, và không ai lên diễn đàn. Một số tiểu đoàn Dù gốc Nùng được điều tới Huế để “bảo vệ trật tự.” Mật vụ bắt đầu lùng bắt các lãnh tụ Phật tử, và lực lượng an ninh cô lập hàng ngàn người biểu tình trong vòng rào kẽm gai.(23)

Ngày 10/5, trong cuộc biểu tình qui tụ khoảng 5,000-6,000 Phật tử, tăng ni tại chùa Từ Đàm, Trí Quang đọc diễn văn, kêu gọi bất bạo động và Phật tử tiếp tục treo cờ. Sau đó, đại diện Ủy ban tranh đấu trao cho Đảng một Tuyên Ngôn [Manifesto], đòi hỏi 5 điều tương đối ôn hoà: tự do treo cờ; Phật giáo được hưởng quyền dành cho Ki-tô giáo qui định trong Dự số 10 [ngày 6/8/1950]; ngưng bắt giữ và khủng bố Phật tử; tự do tín ngưỡng; bồi thường cho nạn nhân ngày 8/5 và trừng trị những người có trách nhiệm. Năm người ký tên là Hòa Thượng Tường Vân, Thượng tọa Mật Nguyên, Mật Hiền, Trí Quang, và Thiện Siêu.(24) Với đại đa số Phật tử, “Dự số 10” nêu trong Thông Bạch ngày 10/5/1963 có vẻ xa lạ. Dự này do Bảo Đại ban hành ngày 6/8/1950, liên quan đến qui chế các hiệp hội, đảng phái, gồm 5 chương, 45 điều. Điều thứ 44 ghi nhận: “*Chế độ đặc biệt cho các hội truyền giáo Thiên chúa và Gia tô, và các Hoa kiều lý sự hội sẽ ấn định sau.*”(25) Điều này có nghĩa các tổ chức tôn giáo không Ki-tô như Phật giáo, Hoà Hảo, Cao Đài, Islam v.. v... đều chỉ được phép hoạt động nếu có sự đồng ý của chính phủ. Thị trưởng Đàng, “con nuôi tinh thần” của Hòa thượng Tịnh Khiết, Hội chủ Tổng hội Phật Giáo, lên diễn đàn xin lỗi về tai nạn đã xảy ra, và hứa bồi thường cho gia đình nạn nhân. Cần cũng áp lực Trí Quang phải ngưng tranh đấu, tìm cách giải quyết.

Hôm sau, 11/5, Trí Quang triệu tập một buổi họp với các giáo sư và sinh viên, học sinh để giải thích 5 nguyện vọng của Phật giáo.(26) Đồng thời, các lãnh tụ Phật Giáo bắt đầu khai thác cái chết của các nạn nhân tới Phật Đản, ca ngợi họ như “thánh tử đạo.” Ngày 12/5, Trí Quang yêu cầu Đàng cho làm lễ cầu siêu cho các nạn nhân vào ngày 14/5. Đàng không dám tự quyền, đề nghị Phật Giáo thảo luận với Tư lệnh Quân Đoàn I và Đại biểu Chính phủ tại TNTP vào hôm sau. Phật Giáo đồng ý lùi ngày cầu siêu lại một tuần, tức 21/5/1963. Riêng ngày 14/5, chỉ được làm lễ cầu siêu trong chùa Từ Đàm.

Trong ngày 13/5, Trí Quang cũng gặp Đại biểu chính phủ để thảo luận về 5 đòi hỏi của Phật Giáo. Mặc dù cho rằng những yêu sách của Phật Giáo “vô căn” [groundless], viên chức này tuyên bố chính phủ sẽ cứu xét. Đại biểu của chính phủ thêm rằng đòi hỏi của Phật Giáo mang tích cách một “tối hậu thư,” và đây là một sai lầm.(27) Tại Sài Gòn, mặc dù Quách Tòng Đức đã bí mật hội ý với Mai Thọ Truyền trước ngày ban hành lệnh cấm treo cờ, Phật tử biểu tình liên tiếp trong hai ngày 7 và 8/5 để chống lệnh cấm và đòi bình quyền tôn giáo. Ngày 9/5, Thượng tọa Tâm Châu, Phó Hội chủ Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam, thành lập Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo–quyết “Tứ Vì Đạo.”

Ủy ban Liên Phái qui tụ 11 Hội đoàn, gồm Giáo Hội Tăng Già Nam Việt, Giáo Hội Tăng Già Trung Việt, Giáo Hội Tăng Già Bắc Việt tại miền Nam, Hội Phật Học Nam Việt, Hội Phật Giáo Trung Việt, Hội Phật Giáo Bắc Việt tại miền Nam [thuộc Tổng hội Phật giáo Việt Nam; 1960-1965: Hội chủ: Hòa thượng Thích Tịnh Khiết; Phó Hội chủ: Thượng tọa Thích Tâm Châu, Mai Thọ Truyền], Giáo Hội Thiền Định Đạo Tràng (chùa Phật Bửu, đường Cao Thắng; Đạo chủ là Hòa thượng Minh Trực, có 16 chùa), Giáo Hội Tăng Già

Kampuchia [người Việt gốc Khmer], Hội Phật Giáo Campuchia [người Việt gốc Khmer], (chùa Chantareansey, đường Trương Minh Giảng, Phú Nhuận; Lục cả Lâm Em), Giáo Hội Tăng Già Nguyên Thủy [Theravada] (chùa Kỳ Viên, đường Phan Đình Phùng [người Việt], Đại Đức Bửu Chơn, Tăng thống), Hội Phật Giáo Nguyên Thủy [người Việt] (Hội trưởng: Nguyễn Văn Hiếu; ngoài chùa Kỳ Viên còn có 6 chùa khác: chùa Bình Đông, Phú Lâm, Gò Dưa, Bình Hòa (chùa Phổ Minh) và Đà Nẵng (Tam Bảo)). Tâm Châu, một tăng di cư, từng vận động chống việc chiếu phim về Phật Thích Ca, được cử làm Chủ tịch; với Mai Thọ Truyền, Tổng thư ký. Văn phòng đặt tại chùa Xá Lợi trên đường Bà Huyện Thanh Quan. (28) Thượng tọa Tâm Châu cũng gửi một tâm thư cho các tăng ni mọi cấp, kêu gọi mọi người quyết tâm bảo vệ giáo kỳ với tinh thần “tử vì đạo.” (29) Riêng Thượng tọa Thiện Hòa (1907-1978), Trị sự trưởng Giáo Hội Tăng Già Toàn Quốc, kêu gọi tinh thần bất bạo động, hòa giải. (30)

Cuộc đàn áp ở Huế không chỉ tạo nên tia lửa điện tranh đấu trong hàng ngũ Phật tử Việt Nam mà cũng khiến Bộ Ngoại Giao Mỹ đặc biệt quan tâm. Dù tuyên bố trung lập, Bạch Cung có thiện cảm với Phật Giáo. Từ Oat-shinh-tân, chiều 9/5 [04G24 sáng 10/5 VN], Ngoại trưởng Dean Rusk chỉ thị Đại sứ Frederick Nolting yêu cầu Diệm: (1) Không nên đàn áp Phật tử, (2) bày tỏ cảm tình với gia đình nạn nhân và giúp tiền an táng, (3) sử dụng những biện pháp thích nghi để văn hóa trật tự, và (4) tạo tinh thần thân ái giữa các nhóm giáo dân. (31) Trong khi đó, Trung ương Tình báo Mỹ [CIA] ghi nhận Cao Đài và Hoà Hảo đang thảo luận phối hợp hành động với Phật giáo. Lại cũng có tin tuyệt thực đã bắt đầu tại Huế từ ngày 12/5. Theo Trung tá Trần Văn Thường–Giám đốc Cảnh Sát Công An Trung nguyên Trung Phần, người đã điều tra về việc đàn áp Phật Giáo ở miền Trung năm trước–Phật tử dự định biểu tình khắp đồng bằng miền Trung ngày 21/5.

Tại Sài Gòn cũng có tin sẽ biểu tình ngày 21/5. (32) Do sự dàn xếp của Nolting, ngày 15/5, Tổng thống Diệm tiếp đại diện Phật giáo tại Sài Gòn. Phái đoàn đầu tiên này gồm Thượng tọa Thiện Hòa (Trị sự trưởng Giáo Hội Tăng Già Toàn quốc); Thiện Hoa (Trị sự trưởng Giáo Hội Nam Việt); Thiện Thái (Trị sự trưởng Giáo Hội Bắc Việt), Lâm Em (Trị sự trưởng Chùa Chantareansey), Dũng Chí (đại diện Phật Giáo Nguyên Thủy), cùng hai cư sĩ Mai Thọ Truyền (Hội trưởng Hội Phật học Nam Việt), và Vũ Bảo Vinh (Hội trưởng Hội Phật học Bắc Việt). Phe chính phủ có Bui Văn Lương (Nội vụ) và Paul Ngô Trọng Hiếu (Công dân vụ). (33)

Theo Việt Tân Xã ngày 17/5, về đòi hỏi số 1 (rút lại lệnh cấm treo cờ Phật giáo), Diệm cho rằng cả Ki-tô lẫn Phật giáo đã có lỗi về việc treo cờ; chỉ được treo giáo kỳ trong các thánh đường hay chùa. Về đòi hỏi thứ hai (Dự số 10), Diệm nói sẽ cứu xét lại. Điểm 3, về việc bắt giữ Phật tử và tăng ni, Paul Hiếu nói không hề có “khủng bố.” Lương cũng khẳng định “không hề có việc quân đội ném lựu đạn, xe thiết giáp bắn trọng pháo hay cán vào đám đông. . . . Sự thật chỉ có hai trái mìn từ lực [plastic] do Việt Cộng thừa lúc lộn xộn mà giựt, vì Quân đội không có plastic và căn cứ vào vết tích còn lại.” Diệm nói những người bị bắt có hành động bất an cho dân chúng và chính quyền, nếu tha ra, phần tử xấu sẽ lợi dụng. Điểm 4, về tự do tín ngưỡng, Diệm xác nhận đó là quyền hiến định. Điểm 5, về bồi thường, Diệm chỉ hứa sẽ nghiên cứu việc trợ cấp. Đại diện Phật giáo đưa thêm hai đề nghị: ra Huế thăm viếng những người bị bắt giữ và tổ chức cầu siêu cho nạn nhân. Diệm nói sẽ cứu xét đòi hỏi thứ nhất, và đồng ý đòi hỏi thứ hai, với điều kiện chỉ tổ chức trong khuôn viên các chùa. Nhưng đại diện Phật giáo, qua buổi họp này, kết luận rằng Diệm chưa có quyết định nào rõ rệt. (34) Tuy nhiên, họ kiên nhẫn chờ đợi thiện chí của chính phủ. Có lẽ vì vậy, Trí Quang đồng ý tu chính lại 5 nguyện vọng, và ngày 15/5, nhờ Đăng chuyển thư cho Cần, hứa không tranh đấu nữa. (35)

Đáng ghi nhận là từ ngày 15/5 này, Bộ trưởng Nội vụ Lương bắt đầu thay “lựu đạn” bằng hai trái mìn từ lực của Cộng Sản mà quân đội không được cấp phát. Đây là nỗ lực “sửa sai” đầu tiên của chế độ để chối bỏ tội lỗi (trong khi mãi tới ngày 25/5, Diệm mới thú nhận là cấp dưới đã báo cáo sai lạc về một hay nhiều trái lựu đạn). (36) Vì sắp qua Greece [Hy Lạp] nghỉ thường niên, Nolting khuyên Diệm nên ra tuyên cáo chính thức về vấn đề Phật Giáo. Nolting cũng tiếp xúc Khâm sứ Vatican là Salvatore d’Asta và Linh mục Cao Văn Luận

để thuyết phục Diệm. Theo Bộ trưởng Phủ Tổng thống Nguyễn Đình Thuần, thương thuyết với Phật giáo tiến triển tốt đẹp, nhưng chủ chốt là chính phủ muốn tránh trách nhiệm.(37)

Ngày 18/5, khi cùng XLTV Đại sứ William C. Trueheart qua chào tạm biệt Diệm, Nolting cố thuyết phục Diệm đáp ứng nguyện vọng của Phật giáo. Nolting muốn Diệm tuyên bố chịu trách nhiệm về biến cố ở Huế, bồi thường cho nạn nhân, và tái khẳng định chính sách bình quyền tôn giáo và không kỳ thị. (38) Diệm không hứa điều gì. Diệm vẫn tin, hoặc muốn diễn giải rằng biến cố ở Huế là do các lãnh tụ Phật giáo kích động; những người ở Huế chết vì một hay nhiều trái lựu đạn, do Cộng sản hay phe chống chế độ ném, không phải viên chức chính phủ; và một số lãnh đạo Phật giáo lợi dụng biến cố ở Huế để củng cố thế lực trong nội bộ Giáo hội. Dưới mắt Diệm, vấn đề Phật giáo không quá nghiêm trọng như Mỹ tưởng nghĩ.(39) Dù được xem những khúc phim về cuộc đàn áp Diệm không thay đổi lập trường.(40) Diệm chỉ cách chức Đẳng, đưa Nguyễn Văn Hà ra Huế. Đồng thời, bổ nhiệm Nguyễn Xuân Khương, đương kim Tổng Giám Đốc Điền Địa, làm Đại biểu Trung Nguyên Trung Phần, hiệu lực từ ngày 1/6/1963. Cho rằng chính phủ kỳ thị Phật Giáo, các tầng ni quyết tranh đấu đến cùng.

Ngày 19/5, Hòa thượng Tịnh Khiết thông báo cho Đại biểu TNTP và Thiếu tướng Tư lệnh QĐ I rằng đã chấp thuận cho hai Thượng tọa Mật Nguyên và Trí Quang tuyệt thực để cầu cho nguyện vọng của Phật Giáo.(41) Ngày 23/5, năm lãnh tụ Phật giáo, gồm cả Hòa thượng Tịnh Khiết, ra tuyên ngôn khẳng định lập trường bất bạo động và phi chính trị, nhưng cương quyết đòi chính phủ phải thỏa mãn các đòi hỏi của Phật Giáo “trong một thời [gian] càng sớm càng tốt,” đồng thời ngưng ngay những cuộc “khủng bố, bắt giữ.”(42)

Tại Sài Gòn, sáng ngày 21/5, 600 tu sĩ làm lễ cầu siêu cho nạn nhân ở Huế, rồi diễn hành từ chùa Ấn Quang đến chùa Xá Lợi. Bốn ngày sau, Ủy Ban Liên Phái ra tuyên cáo ủng hộ 5 nguyện vọng của Phật Giáo, và hứa đoàn kết tranh đấu cho bằng được các nguyện vọng trên. (43) Phần chính phủ vẫn im lặng khó hiểu. Mặc dù từ ngày 24/5 các chuyên viên y khoa khẳng định rằng thương tích nạn nhân ở Huế đêm 8/5 không do mảnh lựu đạn gây nên Diệm vẫn chẳng tỏ một thái độ hòa giải nào.(44) Các lãnh đạo Phật Giáo bèn quyết định mở rộng cuộc tranh đấu: Ngày 28/5, Tâm Châu thông báo với Tổng thống Diệm là sẽ tổ chức tuyệt thực trong vòng 48 giờ, kể từ 14 giờ ngày 30/5/1963.(45)

Hôm sau, 29/5, báo chí mới đăng thông cáo của Diệm, khẳng định quyền tự do và bình đẳng tín ngưỡng được qui định trong điều 17 của Hiến Pháp; nhưng vẫn bảo vệ lệnh treo cờ, vì quốc kỳ phải có địa vị tối thượng, và khẳng định chính phủ “không hề có ý nghĩ phân biệt đối xử với bất cứ tôn giáo nào.”(46) Thời gian này, báo chí Mỹ cũng ra sức ủng hộ Phật Giáo. Gây chấn động nhất là bài trên tuần báo Newsweek số đề ngày 27/5/1963, vạch trần sự lộng hành của tập đoàn cai trị Ki-tô của Thực cùng các “quan” ở Huế.(47) Ngày 29/5, tại Mỹ, báo New York Times [New York Thời Báo] cũng khai thác ngay bản tin mà Ủy Ban Liên Phái gửi cho các cơ quan truyền thông và nhiệm sở ngoại giao, tường thuật rằng Phật tử rất bất mãn về cách đối xử của Diệm, và đang chuẩn bị đấu tranh tuyệt thực, đồng thời tổ chức cầu siêu trong vòng 4 tuần lễ. David Halberstam—một ký giả lập nên sự nghiệp nhờ chiến tranh Việt Nam và chủ trương nhà Ngô phải ra đi—thuật lại rằng trong buổi họp ngày 15/5, Diệm đã lên án các tầng sĩ là “bọn khùng” [damn fools] khi đòi hỏi bình đẳng tôn giáo, vì quyền này đã được Điều 17 của Hiến pháp (một bộ tiểu thuyết luật pháp và nhân quyền) bảo đảm.

Bộ Ngoại Giao Mỹ vội thông báo cho Trueheart về nội dung bài báo trên, đồng thời chỉ thị Trueheart phải đích thân gặp Diệm, thuyết phục Diệm thỏa mãn nguyện vọng của Phật giáo.(48) Hôm sau, Bộ Ngoại Giao đồng ý cho Trueheart gặp Khâm sứ Vatican, nhờ khuyên bảo Diệm về vấn đề Phật Giáo.(49) Trueheart chưa kịp gặp Diệm, Phật Giáo đã hành động. Hòa thượng Tịnh Khiết—đứng hơn nhóm lãnh đạo tranh đấu—chỉ thị cho các tầng sĩ tuyệt thực 48 tiếng đồng hồ kể từ 2 giờ chiều ngày 30/5. Ngày này, tại Sài Gòn, 350 tăng ni biểu tình trước Quốc Hội, rồi tuyệt thực.(50) Tại Huế, dù chùa Từ Đàm bị cô lập, các cấp lãnh đạo Phật giáo vẫn tuyệt thực. Khoảng 3,000 Phật tử bị vây hãm trong vòng rào kẽm gai. Tại Quảng Trị, Phật tử biểu tình trong trật tự.

Ngày Thứ Bảy, 1/6, đúng ngày Tỉnh trưởng Đàng, Phó Nội an Sỹ và Đại biểu Trung phần bị thay thế, nhiều đoàn Phật tử Huế tụ họp tại một số địa điểm trong thành phố, kể cả Dinh tỉnh trưởng và Tòa Đại biểu chính phủ tại miền Trung. Khoảng 10,000 người tụ họp trước chùa Từ Đàm. Sau đó giải tán do yêu cầu của các tầng sĩ. Đỗ Cao Trí điều Nhảy Dù và M-113 từ Quảng Trị vào Huế đề phòng bất trắc.(51) Tại Đà Nẵng, Phật tử cũng tổ chức tuần hành không bạo động vào ngày 1/6, do các tầng ni dẫn đầu. Tối hôm trước, 31/5, Đại tá Lâm Văn Phát, Tư lệnh Sư đoàn 2 BB–một giáo dân Ki-tô tân tòng, thường tự chứng tỏ là rất trung thành với chế độ–cho lệnh các đơn vị dưới quyền chuẩn bị chống biểu tình.

Chiều 1/6, một xe vận tải hai tấn rưỡi (GMC) của quân đội chở đầy đạn bổng dưng bị hư máy ở một ngã tư cách Toà Thị chính một khu phố về phía Bắc. Cấp chỉ huy bèn phái một xe GMC khác tới tháo dỡ đạn, dưới sự bảo vệ an ninh của một đơn vị tác chiến. Quân Cảnh, Cảnh Sát và Công An cũng chặn đường từ phía Nam lên Toà Thị chính. Kế hoạch của Phát không đủ ngăn cản Phật tử biểu tình trong trật tự. Các tầng ni dẫn đầu một đoàn phụ nữ và thiếu niên diễn hành qua đường phố, với khẩu hiệu đòi tự do tín ngưỡng và bình quyền tôn giáo. Tới trước cửa Toà Thị chính, 7 nhà sư rời đám đông, biểu tình ngồi; trong khi Phật tử tiếp tục cuộc diễn hành, rồi giải tán. Giữa lúc Phật tử đang biểu tình, Phát vào gặp Thị trưởng Đà Nẵng là Hà Thúc Luyện, cho lệnh phải dời 7 nhà sư đang ngồi trước Toà Thị chính, và giải tán cuộc diễn hành, cho dẫn “đích thân Thị trưởng phải ném lựu đạn vào đám đông.” Luyện, dù là một cán bộ Cần Lao cao cấp thân tín của Cần, từ chối. Trong đêm 2/6, Phát điều thêm một số đơn vị khác vào thành phố. Một đại đội tăng cường cho Ty Công An Đà Nẵng (đối diện khách sạn). Phần quân nhân Phật tử bị cầm trại. Trong đêm, 7 nhà sư bị bắt đi mất tích. Qua hôm sau, 3/6, Luyện bị cắt chức Thị trưởng; gọi vào Sài Gòn trình diện. Trung tá Trần Ngọc Châu, Tỉnh trưởng Kiến Hoà, một Phật tử gốc miền Trung, ra thay. (52) Trong khi Đà Nẵng đang sôi động, ngày 2/6, Phật tử Quảng Trị lại biểu tình. Chính quyền đàn áp bằng lựu đạn cay. Giao thông với Huế bị cắt đứt. (53) Chiều hôm sau, 3/6, tại Huế, khoảng 500 thanh niên tụ họp trước Tòa Đại Biểu Trung Phần. Quân đội “dàn chào” bằng lựu lê và lựu đạn cay. Các nẻo đường dẫn đến chùa bị phong tỏa bằng kẽm gai. Phật tử biểu tình ngồi. Binh sĩ dùng lựu đạn cay giải tán. Trong khi đó, Trí Quang đã tuyệt thực nhiều ngày, sức khoẻ suy giảm. Đại tá Trí ra lệnh giới nghiêm. Khoảng 18G30, quân đội lại tấn công mạnh Phật tử biểu tình tại chợ Bến Ngự. Dùng cả chất hóa học (blister gas), khiến 67 nạn nhân bị nôn mửa, lưu lại vết bỏng trên da.(54)

Được báo cáo, ngày 3/6 [sáng 4/6 Việt Nam] Bộ Ngoại Giao Mỹ hai lần chỉ thị Trueheart phải yêu cầu Diệm hoà giải với Phật giáo và báo cáo rõ hơn về khối hóa học sử dụng để đàn áp Phật tử.(55) Trueheart vội đến gặp Thuần vào khoảng 11G45 ngày 4/6. Khác với Nolting, Trueheart trở lại thái độ công khai áp lực mà cựu Đại sứ Elbridge Durbrow đã áp dụng. Trueheart cảnh cáo rằng Mỹ có thể ngưng yểm trợ nếu còn đàn áp Phật Giáo. Thuần tiết lộ Hội đồng chính phủ đã đề nghị thành lập một Ủy Ban Liên Bộ [UBLB] để cứu xét các đòi hỏi của Phật Giáo như Trueheart yêu cầu từ ngày 1/6, và Diệm đã chấp thuận. Nhu cũng hứa sẽ tiếp xúc với lãnh tụ Phật Giáo. Ngay chiều đó, Thuần còn mời Trueheart tới tư dinh, nói đã thành lập một ủy ban điều tra về hơi độc ở Huế, do Đại tá Nguyễn [Trần] Văn An, và Trung tá Y sĩ Liêm cầm đầu. Diệm cũng sẽ tuyên bố thành lập UBLB, gồm Phó Tổng Thống Thơ, Lương và, Thuần.(56) Nhưng khoảng 17G00, Bộ Tư lệnh Quân viện Mỹ tại Việt Nam [MAC-V] lại xin ý kiến Trueheart về việc Bộ Tổng Tham Mưu yêu cầu MAC-V không vận 300 Cảnh sát từ Vũng Tàu ra Huế. Trueheart không chấp thuận.(57)

III. TUYÊN CÁO CHUNG 16/6/1963:

Do áp lực Mỹ, từ giữa tháng 5/1963, Diệm đã gặp lãnh tụ Phật Giáo để thảo luận về 5 đòi hỏi ngày 10/5. Tuy nhiên, chế độ có vẻ chỉ muốn kéo dài thời gian để vô hiệu hóa dần cuộc tranh đấu. Họ Ngô không muốn nhìn nhận trách nhiệm vì cho đó là nhược điểm. Diệm cũng không muốn thỏa mãn các nguyện vọng đưa ra ngày 10/5 vì sợ Phật Giáo sẽ tiếp tục đòi hỏi nhiều hơn. Áp lực của Mỹ khuyên Diệm hòa hoãn thì được giải thích theo một ý nghĩa khác–thực ra, chế độ Diệm đang rơi vào một cuộc khủng hoảng niềm tin với Mỹ, và Nhu đang bí mật ve vãn Cộng Sản với sự tiếp tay của Pháp và India.(58) Trong khi đó, lãnh tụ Phật Giáo khéo

léo phôi hợp giữa biểu tình và ngoại giao, nhất là việc sử dụng các cơ quan truyền thông quốc tế. Một số giáo chức Tây Germany [Đức] và ký giả ngoại quốc cũng tích cực tiếp tay.(59)

Biến cố gây xúc động nhất là cuộc tự thiêu của Thượng tọa Quảng Đức ở Sài Gòn ngày 11/6/1963. Có thể nói lần đầu tiên mới có một cuộc đấu tranh chính trị tinh xảo đến thế. Bởi vậy, chính phủ Mỹ không ngừng áp lực Diệm phải giải quyết cuộc khủng hoảng. Ngày 16/6, Diệm và Tịnh Khiết ra một Thông cáo chung. Nhưng Diệm không thực tâm thi hành những điều đã ký kết. Thục và vợ chồng Nhu-Lê Xuân cũng tìm mọi cách ngăn chặn việc thực thi tuyên cáo ngày 16/6. Phật giáo không lùi bước.

A. THƯƠNG THUYẾT:

Chiều ngày 5/6/1963, Ủy Ban Liên Bộ [UBLB] cùng các Thượng Tọa Thiện Minh và Thiện Hoa ngồi vào bàn thương thuyết. Ngay sau buổi họp đầu, cả đôi bên đều thất vọng về sự thiếu thành khẩn của nhau. Đầu vậy, Thuần cùng Thiện Minh, phụ tá của Trí Quang, bí mật đạt được thỏa thuận sơ khởi trên 5 đòi hỏi của Phật giáo, với điều kiện phải được Diệm phê chuẩn.(60) Hôm sau, 6/6, hai bên đồng ý chính phủ sẽ rút quân đội và an ninh khỏi vùng lân cận các chùa, Đỗ Cao Trí ngừng biểu dương võ lực. Ngược lại, Phật giáo ngừng tuyên truyền chống chính phủ.

Thiện Minh lập tức lên đường ra Huế tường trình về những điều thỏa thuận với UBLB, mang theo một cư sĩ quen biết Thuần để bảo đảm rằng những phần tử “quá khích” [extremist elements] không phá hoại thương thuyết. Theo dự trù, Tịnh Khiết, đang tuyệt thực ngoài Huế, cũng sẽ vào Sài Gòn ký tuyên cáo chung.(61)

Ngày 6/6 này, Diệm đọc một diễn văn truyền thanh ngắn, kêu gọi mọi người hãy bình tĩnh vì chính phủ cần thời gian để giải quyết cuộc khủng hoảng.(62) Nhưng tại Huế, tình hình thêm căng thẳng. Trong ngày 5/6, bạo động lại diễn ra khiến 4 Phật tử chết, hơn 100 bị thương và hơn 1,000 người bị bắt. Hai sinh viên bị mất tích. 3 y sĩ Germany [Đức] và 2 y sĩ Mỹ đang phục vụ tại Huế đã tích cực giúp đỡ Phật tử. Diệm bèn cho lệnh hai y sĩ Germany, Erich Wulff và Hans Holterscheidt, phải lập tức rời cố đô. Sau đó, trục xuất họ khỏi Sài Gòn với lý do “không được ưa chuộng” [Persona Non Grata].(63) Chính quyền Huế còn ngưng tiếp tế cho những người biểu tình bị cô lập. Lãnh sự John J. Helble báo cáo rằng tình trạng thực phẩm và nước uống tại chùa Từ Đàm đã ở mức báo động đỏ. Phi cơ chính phủ thì rải truyền đơn đả kích Trí Quang và đòi bắt giữ cả Tịnh Khiết.(64)

Tại Sài Gòn, thái độ họ Ngô cũng đột ngột cứng rắn. Vợ chồng Nhu-Lê Xuân công khai trách mắng Thuần đã nhân nhượng quá nhiều.

Ngày 7/6, Phòng Trào Phụ Nữ Liên Đới [PTPNLD] của Lê Xuân ra “quyết nghị” lên án những cuộc biểu tình chống chính phủ là chống lại chính nghĩa quốc gia (anti-nationalist), bị “Cộng sản khai thác và lợi dụng, dẫn đến hỗn loạn và trung lập.” Và yêu cầu chính phủ không thể tiếp tục im lặng trước những mưu toan chính trị, lập tức trục xuất những ngoại nhân chuyên phá hoại, dù mặc áo thầy tu hay không, đặc biệt là những kẻ mưu toan biến Việt Nam thành chư hầu ngoại bang.(65) Quyết nghị này được trao cho báo chí ngày hôm sau, 8/6/1963.

Ngày này, Trueheart gặp Thuần về quyết nghị của PTPNLD trên nhưng Thuần thú nhận mình không giải quyết được gì. Chiều đó, Trueheart vào Dinh Gia Long, đích thân phân đôi lời tuyên bố của vợ Nhu, và dọa sẽ công khai không ủng hộ chính sách Phật giáo của Diệm. Diệm nói không thể bác bỏ quyết nghị của PTPNLD, vì đây là một hội đoàn tư nhân, nhưng sẽ cho lệnh Bộ trưởng Nội vụ phải để những người biểu tình tại chùa Từ Đàm được tiếp tế lương thực và nước uống. Diệm cũng nói không biết gì về việc phi cơ chính phủ thả truyền đơn si nhục lãnh tụ Phật giáo. Sau đó, Diệm khẳng định lập trường: Sẽ thương thuyết trong thể mạnh; Phật giáo vi phạm lời cam đoan tạm ngưng chiến dịch tuyên truyền, tiếp tục phát tài liệu cho báo chí ngoại quốc (như Thiện Minh đã tiết lộ về những điều khoản thỏa thuận); Phật giáo thiếu thành tín (bad faith).



Lần đầu tiên, Diệm thú nhận với Trueheart rằng chính quyền địa phương bất lực trong việc đối xử với Phật giáo; vì mãi đến ngày 24/5—tức hơn hai tuần lễ sau cuộc thăm sát ở Huế—chuyên viên y khoa mới báo cáo là thương tích không do mảnh lựu đạn gây nên. Nhưng Diệm nhấn mạnh sẽ sử dụng mọi biện pháp cần thiết để duy trì trật tự nếu hỗn loạn tiếp tục.(66)

Hôm sau, 9/6, báo Times of Vietnam [Việt Nam Thời Báo] đăng nghị quyết ngày 7/6 của PTPNLĐ. Báo này nhấn mạnh vai trò các tăng sĩ Nam tông (Theravada) trong những cuộc rối loạn hiện nay. Hàm ý là phe Nam tông có liên hệ với chính sách trung lập hoá miền Nam của Charles de Gaulle và Norodom Sihanouk. Các báo Việt ngữ không đăng. Diệm cũng cho lệnh đài phát thanh không nhắc đến lời Lê Xuân đã kích Phật Giáo. Tuy nhiên, lệnh này ban hành sau khi đài Sài Gòn đã phát thanh vài ba lần.

Tại Huế, số Phật tử bị phong tỏa đã 3 ngày không có nước uống, thực phẩm và thuốc men. Một số tư nhân mang tặng thực phẩm, nước uống. Chính phủ cho chụp hình, loan báo đó là do chính phủ cung cấp. Trong khi đó, điện thoại với Sài Gòn bỗng ngưng bị “hư.” Lãnh sự Huế Helble không thể liên lạc được với Trueheart. Thuần cũng lâm vào cảnh tương tự. Phi cơ chính phủ tiếp tục rải truyền đơn, tố cáo Trí Quang là Cộng Sản. Đây là bước chuẩn bị cho việc bắt giữ các lãnh tụ tranh đấu—vì chỉ cần “liên hệ với phe Cộng” đã là trọng tội, có thể bị kết án tử khổ sai tới tử hình. Không ít người đã bị tra tấn đến chết hay thủ tiêu.(67)

Tại Oat-shinh-tân, trưa ngày 8/6 [đêm 8 rạng 9/6 tại Việt Nam], Ngoại trưởng Rusk chỉ thị Trueheart yêu cầu Diệm bác bỏ nghị quyết của PTPNLĐ, rút lại Sắc luật số 10, và cần xác định chính phủ duyệt trước hay chẳng lời tuyên bố của Lê Xuân. Lời tuyên bố của Lê Xuân, Rusk nhấn mạnh, làm suy giảm vị thế của VNCH, và làm tổn hại uy tín của Mỹ, có thể gây khó khăn cho việc tiếp tục yểm trợ VNCH tại Quốc Hội cũng như dư luận Mỹ. (68) Gặp Thuần ngày 9/6, Trueheart cho biết chỉ thị của BNG Mỹ. Rồi đã kích việc chính phủ đang chuẩn bị phản biểu tình vào ngày 10 hay 11/6. Kế hoạch phản biểu tình của Paul Hiếu này gồm có những thủ thuật sử dụng “sư giả” từ các tỉnh, Thanh Niên Cộng Hoà và bọn tệ đoàn xã hội ở Chợ Lớn giả làm sư. Trueheart cảnh cáo rằng nếu quả thực như vậy, cần phải ngừng ngay. Trueheart cũng nêu lên vấn đề giáo dân Đà Nẵng đang chuẩn bị ra nghị quyết cách chức Thiếu tá Thiệt, Tỉnh trưởng Quảng Nam, nhân dịp làm lễ cầu hồn cho Giáo hoàng John XXIII (1958-1963) vào ngày 10/6. Nếu đúng sự thực, cần chấm dứt ngay. Trueheart còn nêu lên vấn đề 4 ký giả (Michaud của AFP, Sheehan của UPI, Browne của AP và Parry của báo NY Times) đã bị bắt giữ 1 giờ đồng hồ tại Quận 3. Hành động này, Trueheart bảo thẳng Thuần, là “khùng” và bất lợi.(69)

Mãi tới 9 giờ sáng ngày Thứ Hai, 10/6, Thuần mới gặp Trueheart để phúc đáp. Thuần nói đã trình bày với Diệm và Nhu về những đề nghị của Mỹ. Về Sắc luật số 10, Diệm không có quyền rút lại. Quyết nghị của PTPNLĐ không phải là “tuyên bố của bà Nhu,” mà là của “một tổ chức đại chúng” (cả Thuần lẫn Trueheart đều mỉm cười). Diệm đã điện thoại cho Paul Hiếu trước mặt Thuần về vấn đề tổ chức phản biểu tình. Hiếu chối không có kế hoạch đó. Cũng không có kế hoạch đòi cách chức Tỉnh trưởng Quảng Nam. Đang dàn xếp cho những người trong chùa Từ Đàm ở Huế ra về không gặp trở ngại, ngoại trừ các công chức. Chính phủ không đứng ra tổ chức lễ cầu hồn cho John XXIII. Diệm vẫn muốn thương thuyết, nhưng cần cô lập những thành phần quá khích. UBLB của PTT Thơ sẽ họp lúc 10G00 để nghiên cứu lá thư mới nhất của UB Tranh đấu Phật giáo.(70)

B. NGỌN LỬA CÙNG DƯỜNG ĐẠO PHÁP:

Biến cố khiến cuộc tranh đấu của Phật giáo được dư luận thế giới chú ý nhất là cuộc tự thiêu của Thượng tọa Quảng Đức tại ngã tư Phan Đình Phùng-Lê Văn Duyệt Sài Gòn (ngay trước Tòa Đại



sứ Kampuchea).

Quảng Đức, tục danh Lâm Văn Túc (1897-1963), đang tu tại chùa Quán Thế Âm trên đường Nguyễn Huệ, Gia Định. Lúc 9g30 sáng ngày 11/6—giữa lúc Diệm và hầu hết nhân viên cao cấp trong chính phủ đang tham dự buổi quốc lễ cầu hồn cho Giáo Hoàng John XXIII— chiếc xe Austin của một Phật tử, dưới sự dẫn đường của một đoàn 400-500 tăng sĩ, đưa Quảng Đức tới chỗ hóa thân. Địa điểm này được các tăng ni làm hàng rào cản không cho Cảnh sát can thiệp. Số khán giả tò mò lên tới khoảng 500 người, ngày càng đông. Một số ký giả như Sheehan của hãng UPI cũng được báo trước. Từ xe bước xuống giữa ngã tư, Quảng Đức ngồi xuống theo thể thiền định, nhờ một Đại đức đỡ xướng lên thân thể mình, rồi tự tay châm lửa bằng diêm (quẹt). Malcolm Browne, nhân viên hãng AP, thu được tấm hình này—bức hình rồi sẽ gây chấn động dư luận thế giới.(71) Trưa đó, khoảng 400 tăng sĩ đưa thi hài Quảng Đức tới chùa Xá Lợi. 2,000 Phật tử cũng lũ lượt kéo nhau tới chùa. Khoảng 1,000 Cảnh sát tới “bảo vệ an ninh,” nhưng các tăng ni được di chuyển tự do trong khu vực này.(72)

Khoảng 12G30, quân đội được lệnh cấm quân. Bảy tiểu đoàn Dù nhận lệnh ứng chiến. Đại tá Lê Quang Tung tăng cường 2 Đại đội Lực Lượng Đặc Biệt [LLDB] cho Sài Gòn, trí quân trong phi trường Tân Sơn Nhất. Nhân viên Mỹ được nghỉ sớm, và khuyến cáo không nên đến gần các đám biểu tình.(73)

Phản Trueheart tới gặp Thuận tại tư dinh, bảo thẳng Thuận rằng Diệm phải có thái độ ngay chiều đó, bằng không Mỹ sẽ tuyên bố không liên hệ đến chính sách tôn giáo của Diệm. Khi Thuận hỏi có thể dẫn lời Trueheart cho Diệm và Nhu nghe được không, Trueheart đồng ý. Trueheart cũng lưu ý Thuận về kháng thư của PTPNLĐ đăng trên Times of Vietnam sáng đó để phản đối hãng UPI khi gửi đi bản tin của Sheehan; và cảnh cáo rằng nếu đây là bước đầu để trục xuất Sheehan thì là một điều “ngu xuẩn” (stupid). (74) Phó Tổng thống Thơ và Ngoại trưởng Vũ Văn Mẫu cũng vào yêu cầu Diệm phải có hành động tức khắc, đồng thời chỉ thị UBLB xúc tiến nhanh việc thương thuyết với Ủy Ban Liên Phái Phật Giáo Tranh Đấu.(75)

Ngày tối 11/6 đó, Diệm đọc diễn văn, cam kết là “*phía sau Phật Giáo trong nước còn có Hiến Pháp, tức là có tôi.*”(76) Diệm hy vọng diễn văn truyền thanh của mình sẽ trấn an dư luận cho tới hôm sau, khi UBLB gặp mặt Ủy Ban Liên Phái. Tại Oat-shinh-tân, gần nửa đêm 11/6 [gần trưa 12/6 tại Việt Nam], Rusk chỉ thị cho Trueheart: “Nếu Diệm không có những bước cấp tốc và hiệu lực để giải quyết cuộc khủng hoảng để gây lại niềm tin của Phật tử, chúng ta sẽ phải tái duyệt xét việc ủng hộ chế độ Diệm.”(77)

Tối ngày 12/6, Trueheart mới gặp được Diệm. Không những thông báo cho Diệm biết cuộc tự thiêu của Quảng Đức đang gây sôi nổi dư luận thế giới, Trueheart còn trao cho Diệm một văn bản cảnh giác—theo đúng chỉ thị của Rusk—là Mỹ có thể sẽ công khai tuyên bố không ủng hộ chính sách Phật giáo của Diệm. Trước khi kiêu từ, Trueheart nêu lên 3 điểm:

1. Báo cáo ngày 11/6 cho biết chính quyền Huế và Đà Nẵng tiếp tục bắt giữ người biểu tình.
2. Chính phủ không thể truy tố những người “giúp” Thượng tọa Quảng Đức tự thiêu. (Diệm nói có người giúp Quảng Đức đỡ xướng lên mình, và châm lửa. Trueheart nhấn mạnh rằng hai nhân chứng đích mắt thấy Quảng Đức tự mình tưới xăng và châm lửa).
3. Có tin chính phủ đang cấm các tăng ni từ các tỉnh vào Sài Gòn. (Cả Diệm lẫn Thuận trả lời là vì lý do an ninh. Diệm thêm rằng Quốc Hội đang thành lập tiểu ban nghiên cứu việc sửa đổi Sắc Luật số 10). (78)

C. THÔNG CÁO CHUNG:

Từ sáng 12/6, Hoà thượng Tịnh Khiết cùng Trí Quang và Thiện Minh rời Huế vào Sài Gòn để thương thuyết với UBLB. Ba lãnh tụ Phật giáo tới phi trường Tân Sơn Nhất lúc 13G15, và tạm trú tại chùa Xá Lợi. (79) Phó TT Thơ viết thư yêu cầu hai bên họp ngay lúc 18G00 hôm đó để giải quyết mau chóng các đòi hỏi của Phật giáo. Phe Phật giáo muốn trì hoãn ít ngày để bàn bạc với các đại diện miền Nam, nên nêu lý do Tịnh Khiết còn yếu sau 5 ngày tuyệt thực, cần tĩnh dưỡng ít lâu. Thơ lại đề nghị gặp nhau hôm sau, giờ và địa điểm do Phật giáo chọn. Cuối cùng, Phật giáo đề nghị họp ngày 14/6, với điều kiện chính phủ phải nhân nhượng toàn bộ 5 đòi hỏi ngày 10/5/1963.(80)

Ngày 14/6, phái đoàn Phật Giáo do Thiện Minh làm Trưởng đoàn—gồm Thiện Hoa, Tâm Châu, Huyền Quang (Thư ký), và Đại đức Đức Nghiệp (Phó Thư ký)—bắt đầu họp với UBLB. Do áp lực của Trueheart, ngay sáng hôm đó, chính phủ nhượng bộ đòi hỏi thứ nhất: đồng ý cho Phật tử treo cờ Phật Giáo. Trong phiên họp chiều, đồng ý sửa lại Sắc luật số 10 của Bảo Đại. Đề chứng tỏ thiện chí, Tịnh Khiết kêu gọi Phật tử tạm ngưng biểu tình.(81)

Hôm sau, khoảng 18G30, thương thuyết hoàn tất. Ngày Chủ Nhật, 16/6, hai bên ra thông cáo chung với những điều khoản sau: Tạm ngưng áp dụng Dự số 10; cứu xét lại những khiếu nại của Phật Giáo; xác nhận tự do tôn giáo; sẽ “trợ cấp” (không phải “bồi thường”) cho gia đình nạn nhân ở Huế. Tịnh Khiết và Diệm cùng ký vào bản Tuyên Cáo trong Dinh Gia Long—nhưng Diệm không ký ngang chỗ “Khán” của Tịnh Khiết mà ghi vào góc trên của bản Thông cáo chung như sau: “Những điều được ghi trong thông cáo này thì đã được tôi chấp nhận nguyên tắc ngay từ đầu; Ngô Đình Diệm.” (82)

Trong khi thương thuyết đang diễn ra, Phật tử và một số lãnh tụ Phật giáo thiên về bạo động hơn. Ngày 13/6, Phật tử khắp nơi treo cờ Phật Giáo, chống lại lệnh cấm của Diệm (thực ra Diệm đã bí mật đồng ý). Buổi lễ cầu siêu cho Quảng Đức ngày 16/6 tại chùa Xá Lợi quy tụ hàng chục vạn người. Hơn 500,000 thanh niên, học sinh và Phật tử xuống đường biểu tình. Xô xát Cảnh Sát kéo dài 45 phút trước chùa Xá Lợi.(83) Buổi tối, Thiết Giáp phải đến tăng cường cho Cảnh Sát. Một thiếu niên 15 tuổi bị tử thương vì trúng đạn ở đầu. 3 tăng và 2 Phật tử bị thương. Hàng ngàn người bị bắt giữ.(84) Ba ngày sau, 19/6, nhờ Cảnh Sát, Công An nỗ lực ngăn chặn Phật tử tham dự, lễ hỏa táng Quảng Đức bớt hỗn loạn hơn.

IV. GIAI ĐOẠN “HƯU CHIẾN,” 19/6-20/8/1963:

Thông cáo chung ngày 16/6/1963 là cơ hội tốt nhất cho chính phủ Diệm giải quyết cuộc khủng hoảng Phật Giáo. Nhưng vì những nguyên do thâm kín, họ Ngô quyết định không tôn trọng những điều đã cam kết. Phật Giáo chẳng phải không đề phòng. Lãnh đạo Phật Giáo chỉ tạm thời “ngưng chiến” trong vòng 2 tuần lễ, chờ đợi thành tâm của chính phủ.

A. NỖ LỰC PHÁ HOẠI THÔNG CÁO CHUNG 16/6/1963:

Có dấu hiệu cho thấy vợ chồng Nhu-Lệ Xuân muốn phá hoại việc thực hiện thông cáo chung với Phật giáo. Một mặt, Nhu vận động các hội Phật giáo độc lập chống lại cuộc tranh đấu. Ngày 20/6, Phật Giáo Cổ Sơn Môn –mới thành lập tại chùa Giác Lâm, Chợ Lớn; do Huệ Tâm, Hoà thượng trụ trì chùa Trung Nghĩa, Sa Đéc, thủ lĩnh Lục Hòa Tăng làm Tăng thống—tuyên bố ủng hộ chính sách tôn giáo của chính phủ, và đứng ngoài chính trị.(85) Nhu còn cho lệnh cắt bỏ đoạn phim thời sự về cuộc thương thuyết giữa chính phủ và Phật giáo.

Mặt khác, Nhu sai các tỉnh tổ chức mít-tinh lên án phong trào tranh đấu của Phật giáo và phong tỏa các chùa chiền. Đoàn viên Thanh Niên Cộng Hoà [TNCH] mặc đồng phục xanh dương đậm đi lấy chữ ký để ra thỉnh nguyện thư phản đối bản thông cáo chung 16/6/1963, và chuẩn bị biểu tình đòi xét lại thông cáo chung này. Bản thông cáo số 3 của TNCH đệ trình lên “Tổng thủ lãnh” Nhu đề ngày 25/6/1963 gồm nhiều lời đả kích Phật giáo nặng nề như “đi đoàn cuồng tín,” “phản loạn, tay sai của kẻ thù chung,” v.. v... Đồng thời, lên án

Tuyên cáo chung 16/6/1963 là “không phù hợp với lý tưởng của TNCH, co đặt những đặc quyền và độc quyền cho một nhóm, có những chủ trương trái với luật lệ hành chánh.”(86) Trước sự phản kháng của Phật giáo, ngày 1/7/1963, TNCH lại ra Tuyên cáo số 4, ám chỉ lãnh tụ Phật giáo tranh đấu liên hệ với bọn phản loạn và phản quốc, trong khi đích thân Tổng thủ lãnh “cảnh giác để không cho phép bọn đầu cơ chính trị và Cộng Sản lợi dụng Thông cáo chung [16/6] đó hầu làm sai lệch nó ra ngoài phạm vi tôn giáo.”(87)

Lê Xuân thì cho PTPNLĐ họp tại trụ sở trung ương ngày 16/6, dùng loa phóng thanh công bố Quyết nghị ngày 7/6. Rồi ra một Bạch thư [Sách trắng], do vợ chồng Gene và Ann Gregory, chủ nhiệm báo Times of Vietnam soạn thảo, đăng trên chính tờ Times of Vietnam số ra ngày 17/6, miệt thị cuộc tranh đấu của Phật giáo, tố cáo cuộc tranh đấu không vì lý do tôn giáo mà chỉ vì lý do chính trị.(88) Rồi đến kế hoạch ăn mừng lớn suốt ba ngày, từ 25 tới 27 tháng 6/1963, để kỷ niệm 25 năm Thực được phong chức Giám mục (Lễ Ngân Khánh = Tea Deum).(89)

Có lẽ anh em họ Ngô muốn sử dụng ngày lễ này để vận động sự ủng hộ của khối giáo dân Ki-tô chống lại Phật Giáo. Bởi thế, ngày 16/6, Tổng Giám Mục Paul [Nguyễn Văn] Bình chỉ thị các họ đạo phải giữ tôn giáo biệt lập với chính quyền. “*Một giáo dân Ki-tô tốt, và đạo hạnh, là công dân thượng hạng, ràng buộc với tổ quốc, trung thành với chế độ cầm quyền, bất kể sự chính thống của chính quyền ấy.*” Đó là lời giải thích của Pie XI, trong Sắc Dụ ngày 31/12/1929.”(90) Hệ thống tuyên truyền của chế độ cũng tìm đủ cách hạ giá trị các lãnh tụ và mục tiêu tranh đấu của Phật tử. Cán bộ chính phủ loan tin Cộng Sản đã nhúng tay vào máu khi ném lựu đạn vào đám đông đêm 8/5/1963. Khi những cuộc giải phẫu tử thi không tìm thấy mảnh lựu đạn, câu chuyện biến thành mìn từ lực Cộng Sản. Ít năm sau, lại mọc ra chi tiết một Đại úy Mỹ đã chết từng tự nhận đặt chất nổ.

Thượng tọa Trí Quang, linh hồn của cuộc tranh đấu miền Trung, bị cáo buộc là cán bộ Cộng Sản cao cấp, từng bị Pháp bắt giữ, âm mưu lật đổ chính quyền từ năm 1960. Hòa thượng Tịnh Khiết, theo những lời tuyên truyền này, không biết quốc ngữ, chỉ ký vào những gì các sư trẻ, quá khích bắt buộc phải ký. Cuộc tự thiêu của Quảng Đức không tự nguyện, mà là một hình tội sát nhân. Quảng Đức, theo lập luận này, đã bị chích thuốc trước khi “sát nhân” đổ dầu và châm lửa đốt cháy. Diệm và Nhu còn đe sẽ truy tố những người đã trợ giúp thượng tọa hóa thân ra tòa.

Lê Xuân thì khẳng định rằng cuộc tự thiêu của Quảng Đức chỉ là một màn “nướng thịt sư” [barbecue of a bonze] với xăng nhập cảng. Bác sĩ riêng của Diệm mật báo với Nolting rằng Quảng Đức bị một số sư trẻ thuyết phục nên tự thiêu; vì ít năm trước, Quảng Đức từng hứa với một người bạn là sẽ “đồng tử,” và nay người bạn đó đã chết, Quảng Đức cần giữ lời thề. Nói cách khác, Quảng Đức không thích chính trị, và không tự thiêu để chống chính phủ.(91) Trong khi đó, tại vài địa phương, viên chức thông tin loan tin chống Phật Giáo, chùa chiền bị phong tỏa, sinh viên, học sinh và thanh niên Phật tử liên tục bị gây khó khăn, và bắt giữ. Điều khiến các lãnh tụ tranh đấu bất mãn nhất là tổ chức Cổ Sơn Môn công khai tố cáo phe tranh đấu có ý đồ làm chính trị. Ngày 26/6, Tịnh Khiết phải than với Diệm rằng “tình thế không những không thay đổi mà còn trầm trọng hơn.”(92) Ngày 1/7, Hoàng Văn Giàu, Trưởng đoàn Thanh Niên Phật Tử, gay gắt lên án thái độ của chính phủ và kêu gọi Phật tử quyết tâm tranh đấu.(93)

B. NỖ LỰC HÒA GIẢI CỦA MỸ:

Kennedy và các cố vấn cực kỳ bối rối. Trong một phiên họp Hội Đồng An Ninh Quốc Gia [ANQG], Kennedy đặt câu hỏi phải chăng Quảng Đức đã bị “thuốc” [drugged], nhưng các cố vấn khẳng định đức tin đã quá đủ cho những hy sinh tương tự. Dù là một giáo dân Ki-tô, ủng hộ Diệm từ thập niên 1950, Kennedy chỉ thị toà Đại sứ Sài Gòn phải áp lực bắt Diệm đáp ứng ngay đòi hỏi của Phật giáo. Ngày 14/6 [11 giờ sáng 15/6/1963 VN], Rusk chỉ thị Trueheart cứu xét việc đưa Phó Tổng thống Thơ lên thay Diệm trong trường hợp bất trắc, và Trueheart phải tiếp xúc Thơ cùng những người không ủng hộ Diệm.(94) Nhưng hai ngày sau, Trueheart trả lời là không tiện bàn với Thơ, vì tình hình đã sáng sủa hơn—Phật giáo và UBLB đạt được thông cáo chung. Trueheart chỉ hứa sẽ thuyết phục Diệm hoà hoãn với Phật giáo, và nếu Diệm không chịu thực thi thông cáo chung, sẽ xúc tiến tìm “một giải pháp khác Diệm.”(95)

Ngày 18/6, Trueheart bảo Thore rằng chỉ nên coi những thỏa thuận như bước khởi đầu mà chưa phải hồi kết của cuộc khủng hoảng. Diệm cần thực hiện những điều đã thỏa thuận. Sáng đó, khi gặp Thuận, Trueheart cũng nói tương tự, với lời lẽ cứng rắn hơn. Trueheart đặc biệt nhắc Thuận về luận điệu của tờ Times of Vietnam ngày 17/6 về tuyên cáo chung, và hành vi khiêu khích của PTPNLĐ.(96)

Tối 19/6 [8G28 ngày 20/6/1963 tại VN], Roger Hilsman chỉ thị cho Trueheart nên lưu ý các viên chức Việt là đừng nên đồng hoá một cá nhân với chế độ. Thí dụ như lời tuyên bố “Phật giáo có thể tin cậy nơi Hiến pháp, nghĩa là tôi” của Diệm tạo nên những cảm tưởng xấu ở Mỹ. Viên chức Việt cũng cần tiếp xúc thường xuyên với các lãnh tụ Phật giáo và đối xử đồng đẳng với họ. Đặc biệt, thỏa ước 16/6/1963 phải được tôn trọng và nhanh chóng thực hiện để giảm thiểu sự nghi ngờ của Phật tử.(97)

Dư luận thế giới cũng đã chú ý hơn đến cuộc tranh đấu của Phật giáo. Ngày 14/6, Norodom Sihanouk viết thư cho Kennedy, phản đối việc đàn áp Phật giáo tại miền Nam VN. Sihanouk cũng gửi cho TTK/LHQ U Thant, Thủ tướng Bri-tên McMillan, TT Pháp de Gaulle và TT India, Radhakrishnan, thông điệp tương tự. Sihanouk còn trao cho Đại biện VNCH tại Phnom Penh một công hàm về vụ tàn sát Phật tử ở Huế.(98)

Hôm sau, 15/6, lần đầu tiên tin Phật Giáo Việt Nam được lên trang nhất báo The New York Times [Nữ Ước Thời Báo], tờ báo uy tín của giới trung lưu Mỹ. Max Frankel, tác giả, cho rằng nhân viên ngoại giao Mỹ đã nói thẳng với Diệm bằng giọng điệu gay gắt rằng VN phải thỏa mãn các đòi hỏi của Phật Giáo, bằng không Mỹ sẽ tuyên bố không yểm trợ chính sách Phật Giáo của Diệm.(99) Thông báo cho Trueheart tin này, BNG chỉ thị Trueheart nói với Diệm rằng chính phủ Mỹ vẫn yểm trợ Diệm; tạm thời không đề cập đến bài báo trên NYT. Hầu hết báo lớn và các lãnh tụ Mỹ đều chỉ trích chế độ Diệm.

Ngày 18/6, Thủ tướng Ceylon là Bandaranaike cũng gửi thư cho Kennedy, yêu cầu hòa giải để Phật tử, vốn chiếm đa số tại Việt Nam, được quyền tự do tín ngưỡng. Mười ngày sau, 28/6, đại biểu Cambodia, Ceylon và Nepal tại LHQ gặp đại biểu Mỹ để bày tỏ quan tâm về tình hình Phật giáo Việt Nam.(100) Đáng lưu ý là trong hai tháng đầu tranh đấu của Phật Giáo—mặc dù chính phủ Ngô Đình Diệm không ngớt vu cáo cuộc tranh đấu do Cộng Sản xúi dục, và sau này Nguyễn Hữu Thọ đánh giá nó như “món quà từ trên trời rơi xuống”—cả Hà Nội lẫn MT/GPMN đều chưa bày tỏ một thái độ rõ ràng nào ngoài những phản kháng chung chung của Võ Nguyên Giáp hay Hà Văn Lâu gửi Ủy Ban Quốc Tế Kiểm soát Đình chiến, hay Tuyên cáo của MTGPMN về việc vi phạm Hiệp định “Giơ neo vơ.”(101)

Mãi tới ngày 15/7 mới có tin tình báo là MTDTGPMN kêu gọi binh sĩ và cảnh sát ủng hộ cuộc tranh đấu của Phật Giáo. (102) Cũng từ ngày này, có dấu hiệu cán bộ nằm vùng CS xâm nhập vào các cuộc tranh đấu, lôi kéo thanh thiếu niên nam nữ. (103) Các cơ quan tuyên truyền của Đảng Lao Động Việt Nam mở nhiều chiến dịch khai thác cuộc tranh đấu:

- *Mít tinh, tuyên cáo đả kích Mỹ-Diệm và ủng hộ cuộc tranh đấu của Phật Giáo trước dư luận quốc nội cũng như quốc tế.*
- *Xâm nhập cán bộ vào các đô thị và phong trào tranh đấu*
- *Gia tăng hoạt động quân sự, đánh phá các đồn bót và Ấp chiến lược.*
- *Khoét sâu sự khác biệt giữa chính quyền miền Nam và Phật Giáo.*

Vì vậy, có lúc an ninh Mỹ phải đặt câu hỏi thực chẳng CS đã bỏ vùng thôn quê, dồn vào mặt trận tỉnh thị.

C. THAY ĐỔI ĐẠI SỨ MỸ:

Giữa thời gian này, Oat-shinh-tân gửi công hàm hỏi ý kiến Diệm về việc thay Đại sứ ở Sài Gòn. Ngày 20/6/1963, BNG Mỹ chỉ thị cho Trueheart xin gặp Diệm để xin ý kiến về việc cử Henry Cabot Lodge thay Nolting.(104)

Sau khi tiếp Trueheart khoảng 1 tiếng đồng hồ chiều ngày 22/6, ba ngày sau, 25/6, Diệm sai Thuận cho Trueheart biết Diệm rất bất mãn. Diệm cho rằng Mỹ đang thay đổi chính sách và nỗ lực bắt Diệm phải làm theo Mỹ hay sẽ bị loại bỏ [Diem thought a new American policy was involved and an effort to force him to do our bidding or to unseat him]. Diệm cũng nhắc đến tai Lodge rằng “họ có thể gửi 10 Lodge tới đây, nhưng tôi không để cá nhân tôi hay đất nước này bị hạ nhục, kể cả việc họ huấn luyện pháo binh bắn vào

dinh thự này [they can send ten Lodges, but I will not permit myself or my country to be humiliated, not if they train their artillery on this Palace].(105) Theo Thuần, Diệm sẽ trở nên cứng đầu hơn. Trueheart bảo thẳng Thuần rằng cách tốt nhất để tránh đương đầu với Mỹ là chính phủ Diệm nên bắt đầu thay đổi cách làm việc.(106)

Ngày 26/6, Thứ trưởng Ngoại giao George W. Ball chỉ thị cho Trueheart gặp Diệm, giải thích rằng chính sách của Mỹ không thay đổi; đó là yểm trợ chính phủ chống Cộng miền Nam. Riêng việc bổ nhiệm Lodge đã được quyết định từ tháng 4/1963, trước khi xảy ra cuộc khủng hoảng Phật giáo, vì Nolting đã ở Việt Nam hai năm. Mục đích của Mỹ là cảnh giác Diệm về những hiểm họa có thể tránh, không để làm suy yếu Diệm. Nhưng quyết định và hành động là trách nhiệm của riêng Diệm.(107) Hôm sau, Diệm tiếp Trueheart khoảng 2 tiếng rưỡi đồng hồ, tuyên bố sẽ thực hiện việc dân chủ hóa từ nông thôn lên, nhưng không muốn vợ chồng Nhu bị tách xa cá nhân mình.(108) Thuần cũng thông báo với Trueheart là Chính phủ Việt Nam sẽ ra chỉ thị cho các tỉnh thi hành nghiêm chỉnh bản tuyên cáo chung 16/6/1963. Cá nhân Diệm có thể sẽ ra Huế để nghiên cứu và giải quyết mọi sự; Diệm cũng sẽ đọc diễn văn về việc thực thi tuyên cáo chung.

Nhưng ngày 27/6, Bộ trưởng Nội Vụ Lương lại tuyên bố với một nhân viên CIA rằng Cộng sản đã xâm nhập phong trào tranh đấu của Phật giáo, và trong vài ngày tới, sẽ ra thông cáo về việc những người bị bắt giữ.(109) Lời cáo buộc của Lương báo hiệu chính sách mới của họ Ngô với Phật giáo. Rất có thể chính sách này được thảo luận kỹ càng hơn trong dịp anh em họ Ngô về Huế dự lễ kỷ niệm 25 năm ngày thụ phong Giám mục của Thực, trong các cuộc họp mật vào cuối tháng 6/1963.(110)

Tại Mỹ, Kennedy và các cố vấn theo dõi những biến chuyển ở Sài Gòn với mắt nhìn bị quan. Phản ứng tại nội địa Mỹ cũng chẳng có gì đáng lạc quan. Ngày 27/6, báo New York Times đăng bài cây đăng nguyên một trang của 12 lãnh tụ Tin lành Mỹ, kể cả Reinhold Niebuhr và James Pike, yêu cầu Mỹ triệt thoái khỏi Việt Nam. Bài cây đăng trên có cả hình Quảng Đức tự thiêu của Browne. Chỉ còn vài ký giả ủng hộ Diệm trên những tờ báo mà Giáo Hội Ki-tô Mỹ có ảnh hưởng.

Quyết định bổ nhiệm Lodge cũng tạo nên những tia lửa điện trong chính giới và hàng ngũ Tướng tá Việt Nam. Lodge, một lãnh tụ đảng Cộng Hoà từng đứng phỏ trong liên danh Richard M. Nixon năm 1960, nổi danh là “vua đảo chính” (đặc biệt là việc đảo chính Lý Thừa Vãn ở Nam Hàn). Bởi thế, các mưu toan đảo chính Diệm bắt đầu rộn rịp tại Sài Gòn. Tin đồn đảo chính loan truyền rộng rãi. Cuối tháng 6/1963, cơ quan CIA đã thiết lập được danh sách các nhóm có ý làm đảo chính. Đáng kể nhất có nhóm “Bác sĩ” Trần Kim Tuyến. Tuyến mới mất chức Giám đốc Mật Vụ, và đang chờ đi ngoại quốc. Quanh Tuyến có một số nhân viên Bộ Công Dân Vụ của Paul Hiếu, Tổng Nha Thông Tin, Mật Vụ, và một số sĩ quan trẻ. Nhóm khác do Huỳnh Văn Lang và Trung tá [Albert] Phạm Ngọc Thảo, Thanh tra Ấp Chiến Lược, chủ trương. Nhóm này gồm hầu hết cựu đảng viên của hệ Cần Lao “Liên kỳ Nam-Bắc Việt” do Lang thiết lập tại miền Nam, kể cả Thiếu tướng Trần Thiện Khiêm, Tham Mưu trưởng Liên quân.

Từ ngày 30/5, đã có tin đồn Tuyến và Albert Thảo mưu làm đảo chính. (Tuyến bị thất sủng; sau đó bị gửi qua Morocco [Ma Rốc] và Cộng Hòa Arab, nhưng hai xứ này không nhận). Hai nhóm Tuyến và Thảo, phần đông là Ki-tô giáo, không muốn thấy “thiên mệnh Mỹ” rơi vào tay Phật giáo. (Theo tình báo Mỹ, Tuyến được sự yểm trợ của Tổng Giám Mục Nguyễn Văn Bình, Hoà thượng Thích Tâm Châu, Thích Thiện Minh, Trung Tướng Dương Văn “Big” Minh và Thiếu tướng Tôn Thất Đính. Lãnh tụ của nhóm Tuyến có lẽ là Nguyễn Ngọc Thơ). Nhưng mạnh nhất, và được Mỹ tin cậy nhất, là nhóm do Trung Tướng [André] Trần Văn Đôn, Quyền Tổng Tham Mưu Trưởng, đại diện. Từ tháng 6/1963, André Đôn và em rể là Lê Văn Kim đã xin Nolting cho làm đảo chính, nhưng bị Nolting nghiêm khắc trách mắng: "Đừng cho tôi mấy thứ làm loạn và yểm trợ nổi loạn. Tại sao mấy ông không lo làm tròn nhiệm vụ của các quân nhân? Nước Mỹ không dính líu vào vấn đề đảo chính.(111)"

Ngày 8/7, André Đôn nói với một nhân viên CIA là nhóm mình được đa số cấp chỉ huy ủng hộ, ngoại trừ Thiếu tướng Huỳnh Văn Cao, Tư lệnh QĐ IV, và Tôn Thất Đính, Tư lệnh QĐ III.(112)

Nhưng khuôn mặt mà chế độ gờm sợ nhất vẫn là Trung Tướng Dương Văn Minh (1916-2001). “Big” Minh, một thời được ca tụng như “Anh hùng Rừng Sác,” đang là một Tướng không có quân, vô quyền lực với chức vụ Cố Vấn Quân Sự Phủ Tổng Thống từ ngày 8/12/1962. Không ai rõ tại sao Tướng Minh bỗng dưng bị thất sủng. Người nêu lý do Minh đã dấu đi một phuy vàng tịch thu được trong chiến dịch truy lùng Bình Xuyên. Người suy diễn rằng Diệm không tin Minh, một Tướng ngoại đạo, do Pháp đào tạo, lại có em trai theo Việt Minh. Thêm vào đó, một số quan Tướng Mỹ, kể cả Lansdale, không ưa “Big” Minh. Ngày 27/12/1961, chẳng hạn, Lansdale phản đối việc cử “Big” Minh nắm giữ quân đội vì, theo Lansdale, Minh từng công khai nói về ý định đảo chính Diệm.(113) Theo Phó Tổng thống Nguyễn Ngọc Thơ, cá nhân ông ta và Big Minh bị Ngô Đình Nhu dèm xiêm với Tổng thống Diệm là thành phần “chủ bại,” nên bị nghi ngờ và thất sủng từ năm 1959.

Cách nào đi nữa, “Big” Minh từng mưu định ám sát Nhu, nhưng phải bỏ dở. Trong số đồng minh “tự nhiên” của “Big” Minh có Mai Hữu Xuân, Lê Văn Kim, các sĩ quan gốc miền Nam và một số đảng viên Đại Việt thời cơ như Đặng Văn Sung và Bùi Diễm.



Tướng Dương văn Minh

D. ĐỢT TRANH ĐẤU THỨ HAI CỦA PHẬT GIÁO:

Phật Phật giáo vẫn chuẩn bị tiếp tục tranh đấu, nếu cần. Ngày 26/6, Thiện Minh viết thư phản đối với UBLB về việc thành lập Phật Giáo Cổ Sơn Môn. Không hài lòng với thư trả lời ngày 28/6 của UBLB, nhóm tranh đấu quyết định xuống đường. Ngày 30/6, hàng ngàn tăng ni Sài Gòn bắt đầu tuyệt thực. Qua đầu tháng 7/1963, sinh viên, học sinh Sài Gòn biểu tình trước Quốc hội để yểm trợ cuộc tuyệt thực của các tăng ni.

Ngày 1/7, tờ Times of Vietnam cho đăng trên trang nhất bản tin tựa đề: “Băng keo Scotch bí ẩn và Đoạn kết chứng hoang tưởng đã lộ dạng” [Mysterious Scotch Tape and End to Schizophrenia In Sight]. Bài này hàm ý có sự chia rẽ giữa Nhu và Thơ-Thuần, cáo buộc Quảng Đức đã bị “thuốc” trước khi tự thiêu, và đưa ra nhận định thời gian hưu chiến hai tuần đã qua, nhưng Sài Gòn vẫn yên tĩnh; ngoại trừ có một biến cố đặc biệt nào, thí dụ như một cuộc tự thiêu khác, có thể kết luận rằng những đòi hỏi của Phật giáo đã được thỏa mãn.”(114) Hai ngày sau, 3/7, Phó TT Thơ tuyên bố là, theo sự điều tra của chính phủ, chính “Việt Cộng” đã gây nên cuộc thảm sát đẫm máu ở Huế. (Vì việc này, ngày 10/12/1963, Thơ đã bị chất vấn gay gắt trong một buổi họp báo ở Sài Gòn sau ngày đảo chính Diệm)

Tại Mỹ, từ ngày Thứ Hai, 1/7, Michael Forrestal đã yêu cầu cho Nolting trở lại Việt Nam vì Phật giáo có thể biểu tình trở lại sau thời gian “hưu chiến.” Tối 1/7 đó, Ball chuyển chỉ thị của Hilsman và Nolting cho

Trueheart là phải gặp Diệm ngay, bảo thẳng Diệm rằng dư luận Mỹ nghĩ rằng người thân của Diệm đang có tình phá hoại sự thỏa thuận với Phật giáo. Đúng hay sai, dư luận Mỹ cũng cho rằng đang có bách hại tôn giáo ở miền Nam. Khi gặp Thuần, Trueheart yêu cầu Thuần đọc bài viết trên Times of Vietnam, và đề nghị Mỹ muốn Lê Xuân đừng nên tuyên bố gì hết; bài báo trên Times of Vietnam hàm ý thách thức Phật giáo tiếp tục tự thiêu. Rồi thêm chẳng lẽ Diệm không hiểu rằng chỉ cần một vụ tự thiêu nữa là chính phủ Mỹ sẽ tuyên bố không dính líu gì đến chính sách tôn giáo của Diệm? Thuần trả lời rằng Diệm không biết điều đó, và đề nghị Trueheart nên nói thẳng với Diệm.(115)

Trueheart xin chỉ thị của Bộ Ngoại Giao và Ball cho gặp Diệm, nói thẳng với Diệm; và nếu cần, gặp cả Nhu. (116) Buổi Diệm gặp Trueheart chiều ngày 3/7 khiến liên hệ giữa hai bên thêm căng thẳng. Khi Trueheart đề nghị Diệm đích thân gặp các lãnh tụ tôn giáo để giải quyết, Diệm nói sẽ nghiên cứu lại. Khi Trueheart đề cập đến bài trên Times of Vietnam, Diệm cũng chỉ nói sẽ nghiên cứu.(117)

Hôm sau, Thuần cho Trueheart biết rằng có lẽ Diệm không hành động gì về những đề nghị của Trueheart và yêu cầu Nolting trở lại Sài-Gòn càng sớm càng tốt.(118) Cũng trong ngày 4/7 này Lê Xuân viết bài “**Who Is Spokeman of Whom?**” [Ai là phát ngôn viên của ai?] trên Times of Vietnam, phủ nhận tờ Times of Vietnam là cơ quan ngôn luận của mình. Nếu những bài trên Times of Vietnam có trùng hợp ý kiến của Lê Xuân, đó cũng không phải là quan điểm của chính phủ. Lê Xuân cũng khẳng định không đại diện cho chính phủ VNCH, và những kẻ xuyên tạc có thể bị lợi dụng bởi Cộng Sản và tay sai [lackeys] của chúng. Bài này đã được phát cho báo chí ngày hôm trước.(119)

Trong phiên họp HĐ/ANQG từ 11G00-11G45 ngày 4/7 (khoảng nửa đêm ngày 4/7 tại Sài Gòn), ý kiến chung của các viên chức Mỹ là Diệm không chịu xa Nhu. Hilsman, Phụ tá Ngoại trưởng Mỹ, thông báo cho Kennedy biết sẽ có đảo chính trong vòng 4 tháng.(120)

Hôm sau, 5/7, từ Greece về tới Oat-shinh-tân, Nolting được mời tham dự phiên họp của HĐ/ANQG, rồi nhận lệnh trở lại Sài Gòn càng sớm, càng tốt, với hy vọng cho Diệm cơ hội chót. Giữa lúc Nolting đang trên đường về nhiệm sở, ngày Chủ Nhật, 7/7, tại đường Trương Minh Giảng, Công an hành hung một nhóm ký giả ngoại quốc nổi danh chỉ trích chế độ như Browne, Trưởng văn phòng hãng AP, Peter Arnett, gốc New Zealand, Sheehan, Halberstam, v.. v..., khi họ đang quan sát và thu hình cuộc biểu tình của các tăng ni chùa “Miên.”(121)

Ngày 10/7, bản ước lượng tình báo đặc biệt [SNIE 53-2-63] của Hội đồng ANQG Mỹ dự đoán rằng nếu Diệm không thi hành nghiêm chỉnh tuyên cáo chung 16/6, sẽ có đảo chính trong tương lai gần, với hơn 50% cơ hội thành công.(122)

E. NỖ LỰC VÔ VỌNG CỦA NOLTING:

Nolting vừa về tới Sài Gòn ngày 11/7 đã được Diệm mời vào Dinh Gia Long, trình bày tình hình. Để trả lời câu tuyên bố của Nolting với giới truyền thông khi vừa bước xuống phi trường–là mong muốn hai bên tiếp tục nói chuyện để đạt thỏa thuận–Diệm nói kết quả thương thuyết tùy thuộc vào phe tranh đấu.(123) Vì nghi ngờ rằng Phật giáo bị Cộng Sản giết giây, Nolting nỗ lực nổi lại mối giao hảo giữa Toà Đại sứ và Diệm. Ngày 15/7, Nolting khuyên Diệm nên công bố một số nhân nhượng cần thiết với Phật giáo. Diệm đồng ý, nhưng chưa có hành động nào. Theo Nolting, chính Diệm cũng đang muốn từ vì đạo (124)

Nhưng cuộc diễn hành tới trước tư thất Đại sứ Nolting ngày 16/7, do Tâm Châu dẫn đầu, để phản đối việc chính phủ tiếp tục đàn áp, bắt giữ tăng ni, Phật tử, và khẳng định Phật giáo không phải là Cộng sản hay bị Cộng sản lợi dụng, khiến Diệm cứng rắn hơn.(125) Hôm sau, 17/7, Trần Văn Tư, Giám đốc Nha Cảnh sát Đô thành, sai Cảnh sát đàn áp dữ dội cuộc biểu tình bất bạo động ở Sài Gòn và chùa Giác Minh tại Chợ Lớn. Hàng chục xe chở người bị bắt đến các trại tập trung vào An Dưỡng Địa Phú Lâm để sưu tra lý lịch. Các chùa đều bị phong tỏa.

Sau khi Kennedy tuyên bố trong buổi họp báo ngày 17/7 tại Oat-shinh-tân là hy vọng cuộc tranh chấp tôn giáo sẽ được giải quyết sớm, ít giờ sau [ngày 18/7 tại Việt Nam], Diệm tuyên bố trên đài thanh không hề đàn

áp Phật giáo, yêu cầu mọi người đoàn kết sau lưng chính phủ, rồi kết luận bằng câu “*Xin ơn trên ban phép lành cho chúng ta.*”

Hôm sau nữa, 19/7, Diệm cho phát lại bài diễn văn truyền thanh vắn vắn 2 phút kể trên. Ngày này, Ủy Ban Liên Phái Tranh Đấu Bảo Vệ Phật Giáo tán thành lời kêu gọi của Diệm; và yêu cầu có những biện pháp cụ thể để thực hiện Tuyên cáo chung 16/6/1963, như phóng thích những người bị bắt giữ từ ngày 8/5, trừng phạt những người gây nên tội ác trong ngày 8/5, và bồi thường thiệt hại cho các nạn nhân và gia đình. Hôm sau, 20/7, đích thân Paul Hiếu và Trần Văn Tư tới Phú Lâm yêu cầu các tăng ni bị bắt giữ được trở lại chùa Xá Lợi.(126)

Ngày 22/7, Ủy Ban tranh đấu gửi điện văn thông báo khắp nơi là cuộc đấu tranh đòi hỏi thực thi Thông cáo chung chưa chấm dứt: Luân phiên cầu nguyện và tuyệt thực.(127) Các lãnh tụ tranh đấu cũng tổ chức họp báo tại chùa Xá Lợi, lên án chính phủ không giữ lời hứa.(128) Điều đó, có lẽ Nolting rõ hơn ai hết. Chiều ngày 16/7/1963, khi Nolting vào Dinh Gia Long gặp Nhu, Nhu đã tuyên bố Phật giáo không có sự đe dọa nào đáng kể.

Nhưng các cố vấn của Kennedy nhìn sự việc một cách khác. Ngày 23/7, Hilsman chỉ thị cho Nolting là Bộ Ngoại Giao dự trù sẽ còn nhiều cuộc biểu tình của Phật giáo; những cuộc biểu tình này khích động thị dân, và có thể sẽ có đảo chính trong vài tháng, nếu không phải vài tuần; và những cuộc đảo chính ấy hy vọng thành công. Bởi thế, Nolting có thể ra tuyên cáo tự cách biệt với chính sách của Diệm; khuyến khích việc ký vị hợp hiến (Thơ lên thay); thuyết phục những người muốn đảo chính bỏ ý định; hoặc, tiếp tục chờ đợi, hy vọng Diệm cải cách. Hiện tại, nên theo đuổi chính sách chờ đợi.(129)

Nolting vẫn ra công bảo vệ Diệm. Theo Nolting, Diệm là cơ hội tốt nhất của miền Nam.(130) Ngày 28/7, Nolting còn tuyên bố với hãng UPI là không hề có việc đàn áp Phật Giáo ở VNCH, vì Bộ trưởng Nội Vụ Lương đã cho Nolting biết sẽ không dùng biện pháp mạnh để đàn áp; và dân chúng đã chán ngán cảnh hỗn loạn. Diệm còn trực tiếp chỉ thị cho Đại tá Nguyễn Văn Y, Giám đốc Mật vụ, và Trần Văn Tư, Giám đốc Cảnh Sát Đô thành, không được dùng vũ lực. Phó Tổng thống Thơ cũng nói đại diện Phật giáo đồng ý gặp Thơ trên căn bản bán chính thức từ ngày 31/7/1963.

Nhu và Lê Xuân tiếp tục sử dụng cán bộ Cần Lao cùng các tổ chức ngoại vi như Thanh Niên Cộng Hoà, Thanh Nữ Cộng Hoà chống Phật Giáo. Vì quá hăng say phục vụ lãnh tụ và để chuộc tội thua trận Tua Hai (Tây Ninh) hơn ba năm trước, ngày Chủ Nhật 23/7, Trung Tá Trần Thanh Chiêu, Giám đốc Nha Thanh Tra Dân Vệ, tụ tập khoảng 100 dân vệ, gia đình tử sĩ và thương phế binh trước chùa Xá Lợi, yêu cầu “các thầy trở lại việc tu hành, ngưng tiếp tục gây rối loạn chỉ làm lợi cho Cộng Sản.”(131)

Lỗ mẫn nhất là Lê Xuân. Không những chỉ thị cho tờ Times of Viet Nam đả kích Phật giáo, mà còn hàm ý thách thức các tăng ni tiếp tục tự thiêu.(132) Để trả lời Lê Xuân, ngày 23/7, Sư bà Diệu Huệ, mẹ Giáo sư Bửu Hội, họp báo tuyên bố sẵn sàng tự thiêu cúng dường tam bảo. Tuy nhiên, cuối cùng Bửu Hội thuyết phục được mẹ mình ngưng tự thiêu.(133)

Ngày 1/8, Lê Xuân tuyên bố với phóng viên đài truyền hình Mỹ CBS rằng các lãnh tụ Phật giáo đang âm mưu lật đổ chính phủ; và tất cả những gì Phật tử đã làm chỉ có mỗi việc “nướng thịt một sư” [barbecue a bonze] với “săng nhập cảng” [imported gas]. Hai ngày sau, 3/8, Lê Xuân tuyên bố trước khoá sinh khoá III Phụ Nữ Bán Quân Sự rằng những vụ tranh đấu chỉ có bề ngoài tôn giáo, nhưng mục đích là chính trị, với thủ thuật Cộng Sản, cần phải bẻ gãy. Đại sứ Trần Văn Chương, cha ruột Lê Xuân, phải công khai trách Lê Xuân là “thiếu tư cách và hỗn láo” [impertinent and disrespectful] trên đài Tiếng Nói Hoa Kỳ [VOA] vào ngày 6/8. Ngày 8/8, để trả lời Đại sứ Chương, Lê Xuân tuyên bố dù có “thiếu lễ độ” cũng phải nói “sự thực.” Lê Xuân cũng biện hộ cho những lời tuyên bố trên đài CBS ngày 1/8; khẳng định các lãnh tụ Phật giáo không đại diện cho Phật giáo hay dân tộc Việt Nam.

Hôm sau nữa, 9/8, trong bài phỏng vấn của tuần báo Mỹ Newsweek, Lê Xuân còn hung hăng hơn.(134) Ngoài ra, còn có tin em trai Lê Xuân, Trần Văn Khiêm, lên thay Trần Kim Tuyến làm Giám đốc Mật vụ, và

Khiêm đã lập sẵn danh sách những người chống đối để quăng lưới. Khiêm mang danh sách trên ra khoe với cả một ký giả Australia.(135) Nhu cũng tiếp tay vợ trong chiến dịch đả kích Mỹ và Phật giáo. Trả lời câu hỏi của Reuters ngày 3/8, Nhu tuyên bố chùa Xá Lợi đang trở thành một trung tâm mưu lật đổ chính phủ, và nếu không giải quyết được vấn đề Phật giáo, sẽ có một cuộc đảo chính chống Mỹ và Phật giáo.(136) Ngày 7/8, Nhu nói với Nolting là hoàn toàn ủng hộ chính sách của Diệm qua bản tuyên cáo ngày 18/7, nhưng Lê Xuân có quyền phát biểu ý kiến riêng của một công dân.

Ngày 8/8, nhật báo New York Times đăng hai bài trên trang nhất về Việt Nam. Bài thứ nhất của Halberstam, từ Sài Gòn, với tựa “Bà Nhu Tố Cáo Mỹ Bất Chết ở Việt Nam” [Mrs. Nhu Denounces U.S. for “Blackmail” in Vietnam]. Lê Xuân, theo Halberstam, tuyên bố rằng Diệm không có quân chúng ủng hộ, phải dựa vào vợ chồng Nhu. Bài thứ hai của Tad Szulc ở Oat-shinh-tân, tiết lộ mối quan tâm ngày một gia tăng của chính phủ Kennedy về việc chính phủ Diệm khó sống còn nếu không hòa hoãn với Phật giáo. Tính sổ chung với những tuyên bố đòi rút sổ cổ vấn Mỹ trong tháng 5/1963, kế hoạch âm thầm ve vãn Cộng Sản Bắc Việt và sử dụng Pháp để giải tỏa áp lực Mỹ, vợ chồng Nhu mới đích thực trở thành Persona Non Grata với Oat-shinh-tân.

Đặt mình trước nhiều hơn một lần đạn—và nhất là đã bị thuyết phục rằng cuộc tranh đấu của Phật giáo chẳng những không thuần túy tôn giáo mà chỉ là một âm mưu chính trị, nhằm lật đổ chính phủ, do Cộng Sản xúi dục—mọi nỗ lực của Nolting ở Việt Nam hầu như uổng phí. Ngày 30/7, Phật tử tổ chức linh đình giỗ thất tuần (49 ngày) Quảng Đức. Hôm sau, 31/7, Ủy Ban Tranh Đấu Bảo Vệ Phật Giáo ra tuyên cáo phản đối lời tuyên bố ngày 28/7 của Nolting; và hôm sau nữa, 1/8, Tâm Châu gửi thư trách cứ Nolting, khẳng định “những vụ đàn áp là cực độ của cả một chuỗi lạm quyền, áp bức giết chóc mà Phật tử phải gánh chịu trong nhiều năm, dưới nhiều hình thức, do cấp thừa hành bên dưới của một nền hành chánh cố tình dung túng gây ra.”(137) Ngày 1/8, Tịnh Khiết cũng gửi công điện cho Kennedy, phản đối lời tuyên bố của Nolting rằng không có việc đàn áp Phật Giáo ở VNCH.(138) Một Nhóm Người Yêu Nước thì ra tuyên ngôn phản đối Nolting là không hiểu biết gì về tình cảnh Phật giáo tại Việt Nam.

Ba ngày sau, 4/8, Đại Đức Nguyên Hương (Huỳnh Văn Lễ) tự thiêu trước Dinh Tỉnh trưởng Phan Thiết, và Phật tử xuống đường biểu tình đòi lại xác đã bị Cảnh Sát lấy đi. Ngày 12/8, một nữ sinh chặt một bàn tay phản đối chính quyền và luận điệu hỗn hào của Lê Xuân đối với các tăng ni. Rồi, ngày 13/8, Đại Đức Thanh Tuệ cúng dường tam bảo ở chùa Phước Duyên, Hương Trà, Thừa Thiên. Hai ngày sau, ni cô Diệu Quang tự thiêu ở Ninh Hòa. Hôm sau nữa, 16/8/1963, Thượng tọa Tiêu Diêu tự thiêu tại chùa Từ Đàm, Huế.(139)

Bề bàng hơn nữa là anh em họ Ngô cũng bắt đầu coi thường Nolting. Khi Nolting cho Diệm xem bức công điện khẳng định chính phủ Mỹ không thay đổi chính sách về Việt Nam, Diệm nói: “Tôi tin ông, nhưng không tin nội dung bức điện ông nhận được.”(140) Khi Nolting đề nghị Diệm có biện pháp với Lê Xuân—người mà theo Nolting đã vượt ngoài sự kiểm soát của cha mẹ và anh chồng—Diệm chỉ hứa “sẽ cứu xét.”(141)

Ngày 12/8, khi tiếp kiến Nolting, Diệm cho rằng các tăng ni không thành thực, và thế giới không biết đến việc các sư giả muốn lật đổ chế độ. Sau dạ tiệc đưa tiễn Nolting của Diệm, ngày 13/8, Thơ hợp báo, tuyên bố sẽ truy tố một số người tham dự biểu tình ngày 8/5, và những người bị bắt sau ngày 16/6 có thể không được khoan hồng. Trong phần hồi đáp, Thơ so sánh trường hợp Lê Xuân với những lời chỉ trích chính phủ VNCH của Thượng Nghị Sĩ Mansfield. Buổi họp báo của Thơ khiến Ngoại trưởng Rusk phải gửi điện tín cho Nolting, hỏi liệu Diệm có muốn đi nghỉ mát chung với vợ chồng Nhu chăng? (142)

Sau nhiều lần xin ở lại Sài Gòn nhưng bị từ chối, ngày 14/8, Nolting vào chào từ biệt Diệm. Gần lúc chia tay Diệm mới hứa sẽ phủ nhận những lời lỗ mông của Lê Xuân. Những lời hứa cho có. Ngày 15/8, tờ Times of Viet Nam ca ngợi Nolting như “người đầu tiên xứng đáng với tước hiệu đại sứ.”(143)

Do sự dàn xếp của Nolting, báo New York Herald Tribune [Diễn Đàn Tiền Phong New York] đăng bài phỏng vấn Diệm của Marguerite Higgins. Higgins trích lời Diệm là chính phủ vẫn theo đuổi chính sách ôn hoà với Phật giáo. Diệm và gia đình cũng rất vui lòng về việc bổ nhiệm tân Đại sứ Lodge.(144) Thực ra, đây

chỉ là món quà tiễn chân Nolting, và để trấn an dư luận Mỹ, vì Diệm-Nhu đang có kế hoạch xuống tay mạnh với Phật giáo. (145)

Tại miền Trung, việc bắt giữ, hành hung, ám sát Phật tử vẫn diễn ra hàng ngày. Tại Huế, sau phiên họp giữa Thị trưởng Nguyễn Văn Hà và lãnh đạo Phật Giáo ngày 9/8, thái độ chính quyền ngày một cứng rắn. Ngày 10/8, Thị trưởng Huế yêu cầu Thượng tọa Thiên Minh tháo gỡ các biểu ngữ chống chính phủ theo tinh thần buổi gặp mặt ngày 9/8/1963. (146) Phó Tỉnh trưởng Hồ Ứng Dân cũng yêu cầu Tỉnh hội Phật Giáo Thừa Thiên chấm dứt việc phổ biến các tin tức và tài liệu bất hợp pháp. Đồng thời ra thông cáo cấm dân chúng tập trung đông đảo tại chùa Từ Đàm và Diệu Đế vào những giờ phát thanh của Phật Giáo. (147)

Mở sáng Thứ Ba, 13/8/1963, Đại đức Thanh Tuệ tự thiêu tại chùa Phước Duyên. (148) Cuộc tự thiêu này châm ngòi cho một đợt tranh đấu mới.

Ngày 14/8, Hoà thượng Tịnh Khiết gửi văn thư than phiền về việc di chuyển linh cữu Thanh Tuệ. (149) Thượng tọa Mật Hiền cũng xin gặp Đại biểu TNTP tường trình về trường hợp Thanh Tuệ. Trong khi đó, một thợ mộc Phật tử phụ trách việc treo biểu ngữ và cờ bị bắn chết. (150) Hôm sau, 15/8, khoảng 100 học sinh và sinh viên Huế biểu tình từ chùa Từ Đàm về Tòa Hành Chánh tỉnh. Cảnh sát trưởng quận Hữu ngạn chặn đoàn biểu tình trước trường Đồng Khánh, bị xô đẩy, mang thương tích cùng một cảnh binh. Sau đó đoàn biểu tình kéo tới ngôi tại hoa viên trước tòa hành chính. (151)

Cảnh sát đặt nút chặn phong tỏa chùa Từ Đàm. Buổi trưa, khoảng 300 Phật tử tụ họp trên đường Trần Hưng Đạo. Chính quyền thả chó đàn áp. Xô xát dữ dội. Một số bị bắt. Đám đông bị giải tán trong vòng nửa giờ. 50% nhà hàng, cửa tiệm đóng cửa. 70% sập vãi Đồng Ba ngưng hoạt động. (152) Ngày này, Ni cô Diệu Quang–tục danh Ngô Thị Thu (1936-1963), sinh tại Phù Cát, Thừa Thiên, tu tại ni viện Vạn Thạnh, Nha Trang–tự thiêu tại chùa Ninh Hoà. (153) Hôm sau nữa, 16/8, Đại đức Tiêu Diêu–tục danh Đoàn Văn Mễ (1893-1963), cha của Đoàn Văn An, giảng sư Đại học Huế; năm 1930 mới đi tu, học trò Tịnh Khiết–tự thiêu ở chùa Từ Đàm. Chính quyền ban hành lệnh thiết quân luật từ 6 giờ sáng, xe tăng án ngữ ở một số ngã tư, kẽm gai kéo ra ngăn chặn. (154) Hội Phật Giáo tung tin quân đội đã cướp thi hài Tiêu Diêu dấu đi. Anh ruột Tiêu Diêu là Bùi Câu minh xác đã đến tận nơi xin lãnh thi hài về quê mai táng. (155)

Ngày Thứ Bảy, 17/8, Thị trưởng Huế Nguyễn Văn Hà lại ra thông cáo: "Yêu cầu đồng bào tuyệt đối tránh mọi lợi dụng tôn giáo để đả kích chính phủ, vi phạm luật pháp quốc gia và làm trở ngại công cuộc bảo vệ an ninh trật tự công cộng."

Đưa ra 4 điểm sẽ thi hành:

Triệt để thi hành thông cáo chung;

Phật tử được hoàn toàn tự do đi chùa dự lễ tôn giáo;

Không hề chủ trương bắt bớ Phật giáo đồ nếu các đồng bào đó không hành động gì phạm đến kỷ luật quốc gia; trong trường hợp có sự bắt bớ trái phép yêu cầu cấp tốc can thiệp với tòa [tỉnh] để giải quyết gấp;

Sẽ thiết lập một Ủy Ban đặc biệt có nhiệm vụ tiếp xúc với đồng bào Phật Giáo để giải quyết nhanh chóng những việc liên quan đến vấn đề thực thi thông cáo chung. (156)

Tuy nhiên thông cáo trên không đủ ngăn chặn tăng ni, Phật tử tập nập tới chùa Từ Đàm bái viếng thi hài Thích Tiêu Diêu. Buổi chiều, Tiểu khu Thừa Thiên mở cuộc họp báo trình bày vụ Tiêu Diêu. Trong khi đó, Chủ Nhật, 18/8, Thích Minh Nhật, Tổng thư ký THPG tại Sài Gòn, diễn thuyết tại chùa Diệu Đế. Đề tài: "Phật tử trong giai đoạn hiện tại." Khoảng 2000 người tham dự. Tại Sài Gòn, Phật tử cũng tụ họp đông đảo ở chùa Xá Lợi vì có tin chính phủ sẽ ra tay tấn công. Trong khi đó, mười Tướng lãnh và Tư lệnh đơn vị họp mật. Đồng ý yêu cầu Diệm thiết quân luật, để bắt buộc các tu sĩ trở lại chùa.

Thời gian này, sinh viên Huế cũng bắt đầu xao động. Ngày 15/8, đại diện sinh viên Phật tử gặp Viện trưởng Đại học Huế là Cao Văn Luận, xin can thiệp trả tự do cho những người bị bắt giữ. Mới xuất ngoại trở về, ghi nhận được những đổi thay của chính giới Mỹ, Luận có phần thiện cảm với phe tranh đấu, nên hứa sẽ can

thiệp.(57) Nhưng ngay chính Linh mục đang bị thất sủng. Ngày 16/8, trong khi chính quyền địa phương ban hành lệnh thiết quân luật từ 6 giờ sáng, bố trí xe tăng án ngữ ở một số ngã tư, kẽm gai kéo ra ngăn chặn dự định tự thiêu của Đại đức Tiêu Diêu ở chùa Từ Đàm, Bộ trưởng Giáo Dục Nguyễn Quang Trinh cùng Trần Hữu Thế, tân Viện trưởng Đại học Huế, tới cố đô để làm lễ bàn giao với Linh mục Luận vào ngày hôm sau.(158)

Nhân cơ hội này, sinh viên tranh đấu khai thác việc thay thế Viện trưởng Luận. Ngày 17/8, lễ bàn giao chức Viện trưởng được đánh dấu bằng vụ từ chức tập thể của các Giáo sư Đại học Huế: Lê Khắc Quyến, Khoa trưởng Y khoa; Bùi Trần Huân, Luật khoa; Tôn Thất Hanh, Khoa học; Nguyễn Văn Trường, ban Khoa học Sư phạm; Lê Tuyên. Thế phải bỏ vào Sài-gòn báo cáo. Trong khi Luận lên đường vào Đà Nẵng, các giáo sư lại ký kiến nghị phản đối việc cách chức Luận (159)

Buổi chiều 17/8, Tiểu khu Thừa Thiên mở cuộc họp báo trình bày vụ Tiêu Diêu. Lúc 16G00, ký giả ngoại quốc kéo nhau rời phòng họp vì có tin khoảng 200 sinh viên Huế bắt đầu biểu tình tới Tòa Đại biểu TNTP đưa kiến nghị yêu cầu lưu giữ Viện trưởng Luận. Nguyễn Xuân Khương và Bộ trưởng Trinh ra nhận kiến nghị trước cổng Tòa Đại biểu. (160)

Chủ Nhật, 18/8, một số Khoa trưởng, Giáo sư và khoảng 500 sinh viên hội thảo tại Đại học Huế. Vận động bãi khóa, bỏ thi cử, phản đối việc cách chức Cao Văn Luận, và thành lập một Ban chấp hành Sinh viên mới, hầu mở rộng liên lạc với Tổng hội Sinh viên Sài Gòn và Đà Lạt. Họ đưa kiến nghị lên Tổng thống. (161)

Hôm sau, 19/8, sinh viên Huế hủy bỏ một cuộc biểu tình vì sợ bị chụp mũ Cộng Sản (ngày kỷ niệm Cách Mạng tháng 8/1945). Nhưng các giáo chức đệ đơn từ chức trong khi sinh viên yêu cầu tân Viện trưởng Thế—đương kim Đại sứ Philippines, mới được Ngô Đình Thục đề cử thay Linh mục Luận mà không hề thông báo cho Bộ Ngoại Giao—chuyển thỉnh nguyện mời Cao Văn Luận trở lại. (162) Thứ Ba, 20/8, Viện trưởng Thế cho lệnh những buổi hội họp trong khuôn viên trường phải xin phép trước. (163)

Giọt nước làm tràn ly, và cũng là chiếc đinh đầu tiên đóng lên nắp quan tài VNCH, là cuộc tấn công hầu hết các chùa chiền trên toàn quốc vào nửa đêm ngày 20, rạng ngày 21/8/1963. Đây là một tội ác vi phạm nhân quyền khác, nặng nề gấp trăm lần cách dùng đèn cầy [nến] đốt hậu môn tù nhân mà có nhân chứng tiết lộ rằng Tri huyện Ngô Đình Diệm sinh dùng để khảo cung nghi can ngày còn làm quan cho Pháp hơn 30 năm trước. Cuộc tấn công này và những thủ thuật bùng bít, xuyên tạc của anh em ông Diệm-Nhu trong những ngày kế tiếp—như ông Diệm cả quyết rằng chỉ lục soát vài chục ngôi chùa lớn trong số 4,700 chùa khắp miền Nam—gỡ xuống chiếc mặt nạ “*tiết trực tâm hư*” của ông Diệm, và gột sạch bất cứ thiện cảm nào còn sót lại với ông ta trong đám đông thâm lặng cũng như viên chức Mỹ. Cho đến nay, vẫn còn người cố tình xuyên tạc về biến cố tấn công các chùa chiền đêm 20 rạng 21/8. Bởi thế tưởng nên thuật lại tóm lược biến cố trên.

IV. GIOT NƯỚC LÀM TRÀN LY:



Cabot Lodge và Ngô Đình Diệm

Sau khi Nolting rời Việt Nam, anh em Diệm-Nhu quyết chào đón tân Đại sứ Lodge bằng vài món quà ngoạn mục. Hai món quà lớn nhất là cuộc tổng tấn công các chùa trên toàn quốc và công khai tiếp xúc với sứ giả Hà Nội. Nguyên cớ gần có lẽ là bức điện văn mật ngày 16/8/1963 của Đại sứ Trần Văn Chương: Theo Chương, dư luận thế giới và đặc biệt là tại Mỹ tin rằng Diệm không thể mang lại chiến thắng Cộng Sản. Cuộc khủng hoảng Phật Giáo vốn dĩ không phải là nguyên nhân, mà chỉ là hậu quả, một giọt nước làm tràn ly. Bởi thế, Diệm phải ngưng tin dùng các cố vấn Nhu và Cần.(164)

Đúng ngày 16/8 này, báo Life đăng lại lời Lê Xuân tuyên bố là sẽ phá tan Phật giáo. Trong khi đó, Hòa thượng Tịnh Khiết viết thư cho Diệm, cực lực phản kháng “sự ác độc của một chế độ xem dân như cỏ rác,” và “mong được chết an hơn sống khổ.”(165)

Ngày 17/8, Phật tử tụ họp đông đảo ở chùa Xá Lợi. Hôm sau, hơn 10,000 Phật tử đến chùa Xá Lợi làm lễ cầu siêu.

A. CUỘC TỔNG CÀN QUÉT CHÙA CHIỀN:

Ý định tấn công các chùa chiền và ban hành thiết quân luật từ nửa đêm ngày 20/8 không được giữ bí mật hoàn toàn như người ta thường nghĩ. Bộ trưởng Nguyễn Đình Thuần đã cho nhân viên Tòa Đại sứ Mỹ biết về Thiết quân luật trước nhiều giờ.(FRUS, 1961-1963, III:595n2) Một ký giả Mỹ cũng tự nhận được “mật báo” từ một viên chức nào đó tại Dinh Gia Long, nên đã tới chùa Xá Lợi trước khi xảy ra cuộc tấn công. Và, thực ra, từ hơn nửa tháng trước, đích thân ông Nhu đã răn đe trong cuộc phỏng vấn của hãng thông tấn Reuters là sẽ phá tan chùa Xá Lợi, nhưng khi bị Nolting chất vấn đã qui trách cho ký giả Mỹ dẫn không đúng lời mình. Từ ngày 7/8/1963, Hòa thượng Tịnh Khiết cũng đã báo động với Tổng thống Diệm về “*Kế hoạch Nước Lũ*,” nhằm cô lập và phân hoá các chùa, đồng thời đàn áp cuộc đấu tranh của Phật Giáo. (165bis) Ngày Chủ Nhật 18/8, mười Tướng và Tư lệnh đơn vị—kể cả Huỳnh Văn Cao và Tôn Thất Đính—hợp mật, rồi đồng ý yêu cầu Diệm thiết quân luật, để bắt buộc các tu sĩ trở lại chùa.(166) Hai ngày sau, 20/8, các Tướng trình dự thảo Thiết quân luật lên Nhu và Diệm. Diệm chấp thuận, cho lệnh André Đôn, mới được cử làm Quyền Tổng Tham Mưu Trưởng thay Đại tướng Lê Văn Ty, ký tên và công bố ngay nửa đêm đó. Đính được cử làm Tổng trấn. Tuy nhiên, Diệm không hề hé môi về kế hoạch trên trong buổi họp chính phủ suốt chiều ngày 20/8.(167)

Khoảng nửa giờ sau khi Thiết Quân luật có hiệu lực, Nhu cho lệnh tấn công các chùa trên toàn quốc. Tại chùa Xá Lợi Sài Gòn, nơi đặt bản doanh Ủy ban Tranh đấu Liên Phái, hai đại đội thuộc Liên đoàn 31 Lực Lượng Đặc Biệt [LLDB], Đại đội 16 Bảo An, và Cảnh Sát mặc giả quân phục đánh chiếm mục tiêu. Hòa thượng Tịnh Khiết, Thượng tọa Tâm Châu, cùng nhiều tăng sĩ bị bắt giam sau một giờ chống cự. Khoảng 30

tăng sĩ bị thương, và 2 người bị mất tích. Đích thân Đại tá Lê Quang Tung, Chỉ huy trưởng LLDB, và Giám đốc Cảnh sát CA Đô thành, Trần Văn Tư [tài liệu Pháp ghi là Cò Túc?], chỉ huy, dưới sự điều động của Đính. Do mật báo từ Dinh Độc Lập, ký giả ngoại quốc biết trước tin này và có mặt tại chùa Xá Lợi để chứng kiến cuộc “vét chùa”, và quyết tâm bảo vệ đạo pháp của các tăng ni. Các chùa Ấn Quang, Chantareansay (Sài Gòn) đều bị chiếm. Các tăng trụ trì, Thiện Hoa và Lâm Em, bị bắt. (168) Đồng thời, hai chùa Linh Mụ và Từ Đàm (Huế), cùng các chùa ở Đà Nẵng, Nha Trang v.v. v... đều bị chìm trong “nước lũ” bạo lực.

Tại Huế, khoảng 3 giờ đêm tiếng mõ, tiếng chuông, tiếng kêu cầu cứu vang lên khắp nơi. Đồng bào quanh chùa đánh mõ, gõ thùng thiếc báo nguy. Đợt tấn công đầu, Cảnh sát bị đẩy lui. Sau đó, Đỗ Cao Trí cho lệnh nổ súng. Những giáo sư, sinh viên và học sinh tranh đấu cũng bị bắt giữ. (169) Tổng cộng khoảng 1,400 tăng sĩ, bị bắt trên toàn quốc. Chỉ có hai sư từ chùa Xá Lợi thoát được tới Phái Bộ Kinh Tế [USOM] gần đó xin tị nạn. Qua ngày 23/8, Trí Quang cũng trốn được vào Toà Đại sứ Mỹ. (170)

Tại Sài Gòn, Diệm triệu tập Hội đồng chính phủ vào lúc 5G30 sáng. Diệm chỉ giải thích rằng phải thiết quân luật theo điều 44 Hiến pháp vì Cộng Sản đã xâm nhập một số tỉnh lý, quận lý gần thủ đô; nhưng tuyệt nhiên không đề cập đến vụ tấn công chùa Xá Lợi. Vì đã được một nhân viên báo tin cuộc tấn công chùa Xá Lợi, Ngoại trưởng Mậu phản đối. Phó Tổng thống Thơ cũng ngả theo Mậu. (171) Nửa giờ sau, đài phát thanh bắt đầu loan đọc Tuyên cáo ban hành lệnh giới nghiêm trên toàn lãnh thổ, hiệu lực từ ngày 21/8: “Chiều điều 44 Hiến Pháp, kể từ ngày 21/8/1963, tôi tuyên bố ban hành lệnh giới nghiêm trên toàn thể lãnh thổ Quốc Gia. Ủy nhiệm cho QĐVNCH tận dụng mọi phương tiện và thi hành mọi biện pháp cần thiết bảo vệ Quốc Gia chiến thắng Cộng Sản, xây dựng tự do, dân chủ”. “Số người đầu cơ chính trị, lợi dụng tôn giáo, lợi dụng thái độ hòa giải tốt bụng của chính phủ liên tiếp hành động bất hợp pháp để tạo nên một tình trạng rối loạn phá hoại chính sách ấy và cản trở chủ trương dân chủ pháp trị, rất tổn thương cho uy tín Phật Giáo, chỉ lợi cho Cộng Sản.” (HS 8501 & 8506) Quân đội VNCH từ nay “chịu trách nhiệm hoàn toàn về an ninh công cộng, có quyền xét các tư gia bất cứ giờ nào, bắt giữ những người xét ra có hại cho an ninh công cộng; cấm mọi cuộc hội họp, tụ tập có thể phương hại cho an ninh trật tự công cộng; hạn chế tự do báo chí, kiểm soát hệ thống phát thanh, kiểm soát phim ảnh kịch trường; cấm tàng trữ, lưu hành những ấn loát phẩm, tài liệu, truyền đơn xét có hại cho an ninh công cộng (điều 3); tất cả mọi vi phạm đến trật tự công cộng đều thuộc thẩm quyền của Tòa án quân sự (điều 4). (Sắc lệnh này gồm 5 điều, công bố theo tình trạng khẩn cấp. (172) Nhu cũng đọc diễn văn, yêu cầu Thanh Niên Cộng Hòa yểm trợ chính phủ. (173)

Trong phiên họp hàng tuần về Á Chiến Lược ngày Thứ Sáu, 23/8, Ngô Đình Nhu dành nhiều thì giờ giải thích về cuộc đấu tranh của Phật Giáo. Theo Nhu, tình trạng trầm trọng trong nước từ hơn 3 tháng qua là “do một số Sư Sãi đã tiếm đoạt địa vị của Phật Giáo và có những hành vi, ngôn ngữ và thái độ hoàn toàn trái ngược với Pháp Chánh của Đạo Phật và luật pháp của Quốc Gia, đồng thời bất chấp đến ý chí hòa giải tốt bụng của Tổng thống và chính phủ... Thiện chí ôn hòa của chính phủ đã bị số sư sãi trên coi là biểu hiệu của một sự nhu nhược, nên họ càng làm tới. Họ đã biến các chùa chiền nhất là chùa Xá Lợi thành những trung tâm khuấy rối, khủng bố các vị chân tu, hàng ngày mạt sát và đã kích chính phủ, rồi cứ thế được đà, họ đã tiến tới những âm mưu vận động phá hoại quốc gia, và tổ chức đảo chánh cố kết với Cộng Sản và Ngoại quốc.” Họ dùng phương pháp “bình nghị” để cưỡng ép các vị chân tu phải lần lượt tự thiêu để họ liên tục khai thác bên cạnh những xác chết đó hầu thực hiện những âm mưu chính trị của họ. Ban Trị sự Giáo Hội Tăng Già Nam Việt phải bỏ chùa Ấn Quang về miền Tây. -“Thiêu đốt Thượng tọa Thích Quảng Đức.” [tr. 7] Có người bật quẹt đốt Quảng Đức vì hộp quẹt trong người Thượng tọa bị ướt, không cháy. Vị sư đưa hộp quẹt đốt Quảng Đức hồi hận bỏ trốn, bị lùng bắt để thủ tiêu. Với chính phủ thì bọn người lợi dụng tôn giáo này đã đi từ khiêu khích này tới khiêu khích khác liên tục. . . Chính phủ tự mình đặt vào một thế bất động trong lúc bọn người lợi dụng tôn giáo cứ tiến tới vừa khiêu khích vừa ru ngủ mình [Tâm Châu và Thiện Minh xin gặp Nhu nhưng không đến, không viết thành văn lời yêu cầu; không tham gia Ủy Ban Hòa Hợp] Ai ứng tu hành thì quyết tâm tu cho đắc đạo, và ai ứng làm chính trị thì phải từ bỏ áo tu, ra hẳn ngoài đời để làm chính trị, chứ không thể kéo dài tình trạng mập mờ, nửa đạo nửa đời như từ hơn ba tháng nay được. (174) Ngày này, các cấp TNCH gửi kiến nghị ủng hộ Diệm. (175) Tại Huế, ngày 24/8, Tỉnh trưởng Nguyễn

Mâu sử dụng TNCH xét giấy người khả nghi. Hôm sau, 25/8, tổ chức “50,000 người” biểu tình trước bến Phú Văn Lâu chống và “lên án bọn lưu manh phản động đội lột tôn giáo âm mưu phá rối an ninh công cộng,” và lên án bọn phản loạn đội lột tôn giáo. (176) Mâu còn cho lệnh bắt giữ Thích Trí Hữu, Tổng Thư Ký Phật Giáo Trung Phần, cùng hai người tháp tùng. (177)

Chiến dịch Nước Lũ nhằm đánh chiếm chùa và bắt giữ tăng ni là một thứ chiến thắng cay đắng cho chế độ Diệm-Nhu. Mặc dù hầu hết các lãnh đạo phong trào tranh đấu đều bị bắt giữ–ngoại trừ Thượng tọa Thích Trí Quang và hai tăng trốn vào được Tòa đại sứ Mỹ tại Sài Gòn–biến cố này gây nên một chuỗi phản ứng dây chuyền mà kết quả chung cuộc là cái chết bi thảm của ba anh em họ Ngô. Trên bình diện quốc nội, sinh viên, học sinh Huế–có sự tiếp tay của cán bộ Cộng Sản hay chẳng–xuống đường biểu tình dữ dội. Đường phố Đà Nẵng cũng rung chuyển khí thế đấu tranh và quyết tâm đánh dẹp biểu tình của nha tráo chế độ. Thực, rồi Nhu yêu cầu Linh mục Luận, lúc đó đang tạm trú ở Đà Nẵng, trở lại Huế giải quyết. Luận từ chối, dù là một cán bộ Cần Lao cao cấp–chuyên tham quan Mỹ trong mùa Hè 1963 cho Luận nhận hiểu ngày tàn của chế độ đã điểm. (178)

Một biến cố chấn động dư luận là chiều ngày 22/8, Ngoại trưởng Vũ Văn Mẫu đột ngột xuống tóc, đệ đơn xin từ chức. Sau đó, tiếp kiến các phái đoàn Ngoại giao (Trung Hoa Quốc Gia, Thái Lan, Đại Hàn, Nhật Bản, Lãnh sự India, Chủ tịch UHQTSCĐ), và chào từ biệt Nguyễn Ngọc Thơ tại Hội trường Diên Hồng. Sáng ngày Thứ Bảy, 24/8, Mẫu tới Đại học Luật khoa nói chuyện với khoảng 3000 sinh viên các phân khoa sinh viên. Hào sinh viên tranh đấu bắt bạo động. Có Vũ Quốc Thúc và Nguyễn Văn Bông xuất hiện. Hẹn sẽ gặp lại vào ngày hôm sau. Nhưng từ ngày này, bị giam lỏng tại gia. (179) Ngày 23/8, Diệm đã không chấp thuận cho Mẫu từ chức, mà chỉ cho nghỉ dài hạn ba tháng, qua Nepal hành hương. Ngày 26/8, trên đường ra phi trường qua India, Mẫu bị Tổng trấn Tôn Thất Đình cản lại tịch thu thông hành. Mãi tới ngày 29/8, Mẫu mới được rời nước.

Biến cố thứ hai là sự nhập cuộc của giới sinh viên, học sinh Sài Gòn. Ngày 22/8, 1253 sinh viên trường Kỹ thuật Phú Thọ (trên tổng số 1291 người) bãi khoá. Chỉ có 15/80 sinh viên ban Cao đẳng hỗn hợp, 7/302 sinh viên Công chánh và 16/189 sinh viên ban Điện đi học. (180) Hôm sau, 23/8, sinh viên Y-Dược Sài Gòn xuống đường ủng hộ cuộc tranh đấu của Phật tử và sinh viên, giáo chức tại miền Trung. Cảnh sát đàn áp mạnh, bắt giữ nhiều người. Việc sinh viên Y-Dược, được coi là cốt cán của chế độ và những thành phần bảo thủ nhất trong xã hội, nghiêng về phe Phật Giáo cho thấy uy tín chế độ đã suy tàn. Anh em Diệm-Nhu tìm cách vuốt ve, nhưng không thành công. Nhiều người trong số 19 thành viên ủy ban đại diện bị bắt. (181) Sáng Chủ Nhật 25/8, hàng chục ngàn sinh viên học sinh biểu tình tại Chợ Bến Thành và nhiều địa điểm khác trong thủ đô. Hai anh em Diệm-Nhu thẳng tay đàn áp. Nhiều người chết, bị thương, hay bị bắt giữ. Vì dám chống đối chế độ, sinh viên, học sinh được chụp ngay cho cái mũ “Cộng Sản.” Trong khi đó, Trần Văn Chương–cha vợ Nhu, đương kim Đại sứ tại Mỹ –cũng từ chức phản đối, hoặc bị Diệm cách chức, từ ngày 22/8/1963. Mẹ Lệ Xuân, Thân Thị Nam Trân, từ chức Quan sát viên tại Liên Hiệp Quốc.

Từ ngày 17/8, Chương đã gửi mật điện cho Diệm, báo cáo rằng dư luận thế giới và đặc biệt tại Mỹ tin rằng Diệm không thể mang lại chiến thắng Cộng Sản. Cuộc khủng hoảng Phật Giáo vốn dĩ không phải là nguyên nhân, mà chỉ là hậu quả, một giọt nước làm tràn ly. Phải ngưng tin dùng các cố vấn Nhu và Cần. Nội các cho rằng điện văn đó không thể chấp nhận được, “khiêu khích và huênh hoang,” nên ngày 21/8/1963 bị Diệm cách chức trước khi xin từ chức. Diệm tuyên bố phải loại trừ bọn phá hoại, không đàn áp Phật Giáo, và tin tưởng ở quân đội. (182) Tối 27/8, hai vợ chồng Chương còn thúc dục Tướng Lansdale là Mỹ phải lật đổ ngay Diệm-Nhu, bằng không dân chúng sẽ trở thành chống Mỹ. Đích thân Nam Trân yêu cầu Lansdale qua ngay Sài Gòn, khuyên anh em Diệm rời nước. Nam Trân nhấn mạnh: “*Dân chúng đã ghét họ, và họ không nên ở lại để chờ dân chúng giết. Họ chắc chắn sẽ bị giết nếu còn ở lại, và chẳng có ai trong Dinh [Gia Long] bảo vệ họ về cảm tưởng của dân chúng. Họ đã bị cách biệt hẳn với thực tế. Sau chín năm cầm quyền, tại*

sao họ còn muốn tiếp tục nếu toàn gia bị chết. Nước Mỹ đã bảo Syngman Rhee [Lý Thừa Vãn của Nam Hàn] rời nước [năm 1961]. Tại sao không làm như thế với Diệm và Nhu? (183)"

Ngày 24/8, Vũ Văn Thái—cựu Giám đốc Ngân sách và Ngoại viện, hiện đang làm việc cho cơ quan LHQ tại Lome, Togo—cũng viết thư cho Harriman, đề nghị Diệm và gia đình phải ra đi. Nội dung thư Thái tương tự như thư riêng của Vũ Văn Mẫu gửi Chester Bowles từ New Dehli. (184) Trong khi đó, cuộc tấn công chùa chiền ngày 21/8 gây nên những phản ứng sâu đậm khắp thế giới. Từ ngày 11/6, bức hình tự thiêu của Thượng tọa Quảng Đức đã trở thành biểu tượng của cuộc tranh đấu của Phật giáo và chính sách giáo phiệt Ki-tô của anh em Diệm. Vào thượng tuần tháng 8/1963, một số nước Phật giáo chính thức yêu cầu triệu tập Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc thảo luận. Ngày 22/8, từ Nam Vang, chính phủ Cao Miên ra tuyên cáo: “Chính phủ Hoàng gia Căm-bốt kính hoàng đón nhận tin chính phủ Sài-gòn đàn áp man rợ các tăng ni và Phật tử Nam Việt Nam vào rạng sáng ngày 21/8/1963. Việc tấn công các chùa bằng lực lượng tinh nhuệ của chính phủ, việc tàn sát tăng ni, việc bắt giữ, việc phong tỏa các nơi thờ tự đang diễn ra tại thủ đô Việt Nam là một thách thức thế giới văn minh. Trong lịch sử hiện đại chỉ có chế độ Hitler mới dám vi phạm những tội ác chống lại quyền tối thượng của con người như thế.” Tiếp đó, chính phủ Sihanouk kêu gọi các quốc gia tố cáo và ngăn chặn tội ác đàn áp Phật giáo của chính phủ Diệm. Nam Vang còn kêu gọi Vatican cho lệnh chính quyền Diệm và tín đồ Ki-tô phải theo đúng nguyên tắc cao cả của Ki-tô giáo. (185)

Ngay đến Vatican, điểm tựa vững chắc nhất của chế độ Diệm, cũng bất bình. Khâm sứ Vatican d’Asta từng bảo thẳng Diệm rằng việc tấn công chùa chiền và đàn áp Phật Giáo làm hại cho uy tín Vatican và đi ngược lại quyền lợi của quốc gia Việt Nam. Tại Mỹ, hầu hết các cơ quan ngôn luận đều yêu cầu chính phủ Mỹ có thái độ tức khắc. Tờ New York Times kịch liệt lên án chính phủ Diệm, mà sự mất lòng dân, độc tài và tàn bạo biểu lộ qua cuộc đàn áp Phật giáo. Báo này cũng chỉ trích chính phủ Kennedy đã không sử dụng áp lực thích đáng với Diệm và chậm trễ trong việc minh định thái độ. (186) Những báo khác gọi chế độ Diệm là độc tài, cảnh sát trị, làm mất giá trị sự tham chiến của lính Mỹ trong cuộc chiến chống Cộng. (187)

Chỉ riêng tờ New York Herald Tribune muốn chính phủ Kennedy tiếp tục yểm trợ chính phủ Diệm trước hiểm họa Cộng Sản. Marguerite Higgins, trong loạt bài viết về chế độ Diệm, lập lại hầu như nguyên văn lời tuyên truyền của chế độ Diệm: không có kỳ thị tôn giáo mà những biến động thuần có tính cách chính trị, do Cộng Sản giật dây, với sự hỗ trợ của báo chí ngoại quốc, đặc biệt là Mỹ. Bối rối và giận dữ nhất là các viên chức Mỹ. Tại Sài Gòn, để bảo mật, ngay sau nửa đêm 20/8, Nhu cho lệnh cắt đứt dây điện thoại tới Tòa Đại sứ Mỹ và tư gia các viên chức Mỹ. Bởi thế, ngày 21/8, từ Trueheart tới Chánh sở CIA John H. Richardson đều không biết rõ chính Diệm đã cho lệnh, hay các Tướng lãnh đã làm đảo chính, đánh chiếm chùa chiền. Ngộ nhận các Tướng làm đảo chính, đài VOA và Bộ Ngoại Giao Mỹ nghiêm khắc qui trách cho quân đội. (188) Mãi tới 6G00 sáng ngày 21/8—sau khi Diệm đã cho công bố lý do hành quân cảnh sát lục soát một số chùa, và giới nghiêm vì Cộng Sản xuất hiện gần Sài Gòn—Tướng André Đôn mới điện thoại cho Paul Harkins thông báo về lý do ban hành thiết quân luật. Theo Đôn, Diệm cho lệnh Thiết quân luật để chống lại Phật giáo. Lệnh này chắc không kéo dài quá ngày bầu cử [Quốc Hội dự trù vào ngày 31/8/1963]. Đôn cũng tiết lộ mới chỉ sử dụng 1 tiểu đoàn Dù, 1 tiểu đoàn TQLC, và quân cảnh ở Sài Gòn.

Tuy nhiên, các đơn vị ven đô đều đặt trong tình trạng báo động. Thiết giáp cũng xuất hiện tại thủ đô và Chợ Lớn. Đại sứ Nolting—đang dự hội nghị Honolulu với tân Đại sứ Lodge, Hilsman, Đề Đốc Harry D. Felt, và Paul Kattenburg, tân Chủ tịch Ủy Ban Đặc Nhiệm Việt Nam tại Bộ Ngoại Giao Mỹ—gửi cho Diệm một công điện phản đối, trách móc Diệm: “Đây là lần đầu tiên ông không giữ lời hứa với tôi.” (189) Hôm sau, 22/8, Tổng thống Kennedy chỉ thị Lodge nhận nhiệm sở càng sớm càng tốt, vì Lodge dự định ghé thăm Hong Kong ít ngày, rồi trình ủy nhiệm thư vào ngày 26/8. Oat-shinh-tân vội gửi một phi cơ quân sự đặc biệt cho Lodge tới ngay Sài Gòn. Khoảng 21G30 ngày 22/8, Lodge mới có mặt tại thủ đô miền Nam. Tới trước Lodge vài tiếng đồng hồ là mặt điện của Hilsman, chỉ thị phải tìm cách giảm quyền lực Nhu. (190)

Lodge là một lãnh tụ quan trọng của Đảng Cộng Hòa Mỹ. Năm 1960, Lodge từng đứng chung liên danh với Richard M. Nixon, nhưng bị liên danh Kennedy-Johnson của Đảng Dân Chủ đã bại khít khao. Từ tháng 6/1963, khi Oat-shinh-tân hỏi ý kiến về việc đề cử Lodge, Diệm không phản đối, nhưng không dấu sự bất mãn và lo ngại. Nhu mĩa mai gọi Lodge là Toàn quyền [Gouverneur General], trong khi Diệm tuyên bố dù có gửi 10 Lodge qua Việt Nam, Mỹ vẫn phải huấn luyện người bắn pháo binh vào Dinh Gia Long. Trong buổi tiếp kiến Kennedy vào trưa ngày 15/8, Lodge có cảm tưởng rằng Kennedy đặc biệt lo ngại về tình hình Việt Nam, và hàm ý rằng chế độ Diệm đang đi vào đoạn kết. Cuộc tấn công chùa ngày 21/8 đặt Lodge trước một việc đã rồi. Một cái tát xiếc, như một ký giả Mỹ nhận định, nếu xét kỹ những áp lực và đòi hỏi “hòa hoãn với Phật giáo” của Oat-shinh-tân. Ngay trong ngày 23/8, Lodge cho nhân viên đi tiếp xúc hầu hết các nhân vật cao cấp Việt để có được một hình ảnh rõ ràng về tình hình. Lodge còn mời các ký giả Mỹ tới tham khảo hầu cải thiện liên hệ giữa Tòa Đại sứ với các ký giả. Không kém quan trọng, Lodge cho người đi tháo gỡ dây kẽm gai mà Cảnh sát giăng kín trụ sở USOM, đích thân tiếp xúc hai nhà sư xin tị nạn, và gặp đại diện nhóm Caravelle. Lodge còn tiếp xúc với Đại sứ Italia Giovanni d’Orlandi và Khâm sứ Vatican Salvatore d’Asta.

Chỉ trong vòng 24 giờ, Lodge đã nắm vững được tình hình. Trước hết, quân đội không dính líu gì đến cuộc tấn công chùa chiền, và nhiều nhóm muốn làm đảo chính. Nhân viên CIA Lucien “Lu” Conein và Rufus Phillips được Nguyễn Đình Thuần, Võ Văn Hải, Chánh văn phòng của Diệm, André Đôn, và Lê Văn Kim, khẳng định rằng chính Nhu cầm đầu cuộc tấn công chùa chiền.(191) Buổi nói chuyện giữa Đôn và Conein tại Bộ Tổng Tham Mưu khiến Lodge chú ý nhất. Đôn yêu cầu đài VOA cải chính là không phải quân đội đã tham gia cuộc đàn áp, tấn công các chùa chiền, mà chính Cảnh sát đặc biệt của Nhu. Theo Đôn, khoảng 1,420 tăng ni bị bắt giữ khắp miền Nam trong ngày 21/8. Nhu là “khôỉ óc” [thinker] của Diệm; nhưng Diệm có quyền quyết định. Lê Xuân hành xử như “vợ” [platonic wife] Diệm. Diệm chưa bao giờ lấy vợ và không quen có đàn bà bao quanh. Chín năm qua, Lê Xuân chăm sóc Diệm sau mỗi ngày làm việc mệt nhọc. Lê Xuân nói chuyện, giúp Diệm giải tỏa áp lực, và giống như bất cứ người vợ nào, thống trị gia đình. Giữa Diệm và Lê Xuân không có liên hệ tình dục, vì Diệm chưa hề trải qua mùi vị nam nữ. Diệm và Lê Xuân, theo Đôn, giống như Hitler và Eva Braun. Đôn cũng tiết lộ Diệm rất thích những thanh niên đẹp trai. Một Trung sĩ làm vườn đã được cất nhắc lên Trung tá, trông coi dinh điền quân đội, nhờ đẹp trai. Theo Đôn, không thể tách rời Diệm với vợ chồng Nhu. Nếu phải chọn giữa Diệm và Nhu, Đôn muốn Nhu ra đi.(192) Tướng Lê Văn Kim, phụ tá báo chí của Đôn, tâm sự với Phillips, Giám đốc Phòng Cải Cách Điền Địa của cơ quan USOM, đặc trách Áp Chiến Lược, là quân đội đã trở thành “tay sai” của Nhu. Chính Nhu đã bày mưu để các Tướng yêu cầu ban hành thiết quân luật. Và, 1426 tăng ni, Phật tử đã bị bắt giữ.

Sáng ngày 23/8, sinh viên Y khoa và Dược đã bắt đầu biểu tình. Nhu đã cho lệnh Cao Xuân Vỹ tổ chức phản biểu tình vào ngày 25/8. Trong bữa điểm tâm tại tư dinh Nguyễn Đình Thuần ngày 24/8, Thuần cũng nói với Phillips rằng vợ chồng Nhu phải ra đi. Theo Thuần, ngày hôm trước (23/8), Diệm đã viết thư cho Lê Xuân, yêu cầu từ nay đừng tuyên bố gì nữa. Diệm cũng đã chuyển cho Benoit Trần Tử Oai và Tổng Giám Đốc Thông Tin [Phan Văn Tạo?] biết lệnh này. Theo Thuần, Mỹ đừng lo ngại việc mở cửa cho Cộng Sản với cái giá phải yểm trợ một chính phủ có Nhu. Nếu Mỹ cả quyết, các Tướng sẽ hành động.(193) Vị đắng của cảm giác bị anh em Diệm-Nhu “phản bội” và ý niệm vai trò Diệm đã mất đi sự tối thiết hoặc hữu dụng trong chiến lược của Mỹ khiến Lodge giữ thái độ xa cách với Dinh Gia Long. Sách lược của Lodge là giai đoạn mềm mỏng dưới thời Nolting đã qua. Diệm phải tìm đến Lodge—như ngày nào Diệm đã phải tìm đến tu viện Maryknoll ở New Jersey và Oat-shinh-tân cầu viện trợ. Vì, thực ra Diệm cần Mỹ hơn Mỹ cần Diệm. Chỉ có Tướng Harkins vẫn ủng hộ Diệm.

Trong báo cáo ngày 22/8 về Oat-shinh-tân, Harkins tán thành việc tấn công các chùa, vì muốn ổn định tình hình. Harkins cũng không đồng ý việc đặt Đôn lên chức Tổng Tham Mưu trưởng, hay Đính nắm Quân đoàn III và Biệt Khu Thủ Đô, vì việc bổ nhậm này tạo cho phe đảo chính cơ hội nắm quyền dễ dàng.(194) Tuy nhiên, phe Cổ vấn ANQG Bundy cùng Harriman và Hilsman tại Bộ Ngoại Giao cảm thấy đã quá đủ với họ

Ngô. Ngày cuối tuần 24/8, XLTV Ngoại trưởng George Ball bật đèn xanh cho Lodge tìm một giải pháp khác Diệm.

KẾT TỪ:

Mùa Phật Đản 2507 (1963) đã đi vào lịch sử Phật giáo Việt Nam như một trong những trang bi hùng nhất. Bảy ngọn lửa cúng dường cho đạo pháp của tăng ni làm rung động lương tâm nhân loại, ngoại trừ anh chị em nhà họ Ngô và nhà trào, trong “*con diên cuồng tập thể của một gia đình cai trị chưa từng thấy từ thời các Nga hoàng*.” (195) Đây là lần đầu tiên Phật Giáo đã vượt ra ngoài thể thụ động, “xuất thế” quen thuộc, đứng lên tranh đấu cho quyền tự do và bình đẳng tín ngưỡng của mình. So với đồng đạo ở phía Bắc vĩ tuyến 17, lãnh đạo Phật Giáo miền Nam đã chứng tỏ một lòng vì đạo cao sâu hơn nhiều bậc. Họ đã giành đoạt được quyền tự do và bình đẳng tôn giáo bằng máu, nước mắt và mồ hôi, mà không chờ đợi, van vái ân sủng của nhà cầm quyền. Cuộc tranh đấu của Phật Giáo miền Nam trong năm 1963, qua những tài liệu văn khố hiện đã giải mật, nặng tính chất tôn giáo hơn chính trị. Mặc dù chế độ Diệm-Nhu-Thục cố tình diễn giải cuộc tranh đấu của Phật Giáo dưới góc cạnh xấu xí nhất—như nặng mang tính chất chính trị hơn tôn giáo, có bàn tay Cộng Sản giết giây, có bàn tay ngoại cường (hiều như người Mỹ), v.. v...—mùa Phật đản đẫm máu 1963 là cao điểm của phong trào duy tân Phật Giáo Việt Nam từ thập niên 1920. Tính cách phi-chính-trị của cuộc tranh đấu khiến người Mỹ, đặc biệt là Cố vấn ANQG Bundy và Đại sứ Lodge ra sức tiếp trợ.

Nói cách khác, cuộc tranh đấu của Phật Giáo đã khơi động niềm cảm phục của các viên chức Mỹ cũng như dư luận thế giới, nơi giáo hội và chính phủ đã hoàn toàn biệt phân, và tự do tín ngưỡng được coi như nhu cầu tối thiết, một quyền người cơ bản. Ngay đến đại diện Vatican ở Sài Gòn cũng phải cảnh cáo Diệm rằng việc đàn áp Phật Giáo là một tội ác, làm giảm uy tín giáo hội Ki-tô. Các tăng ni lãnh đạo phong trào tranh đấu không chỉ chứng tỏ tinh thần Bồ tát đại dũng trước bạo lực, sẵn sàng dùng nhục thân bảo vệ Phật pháp, mà còn chứng tỏ một chiến thuật vận động đấu tranh tỉ mỉ, xuất sắc. Họ đã phối hợp giữa vận động quần chúng và các cơ quan truyền thông quốc tế để tạo nên những biến động thu hút dư luận và cảm tình của ngay những người chưa đủ khả năng tìm kiếm ra vị trí Việt Nam trên bản đồ thế giới.

Cuộc tranh đấu của Phật Giáo hẳn có thể đã không xảy ra, hoặc giảm bớt cường độ và rút ngắn về thời gian, nếu nhà cầm quyền khéo léo kiểm soát và giảm thiểu những hậu quả tại hại. Nhưng chế độ Diệm-Thục-Nhu, giống như bất cứ một chế độ giáo phiệt tương tự nào, đã đánh giá thấp biên độ và khả năng phát triển của phong trào tranh đấu. Họ đã sử dụng nguyên vẹn những thủ thuật đã áp dụng đối với Cao Đài, Hòa Hảo, Bình Xuyên của tám chín năm trước, khi người Mỹ can đảm hy sinh cả giao tình với nước Pháp để giữ Diệm ở lại chiếc ghế Thủ tướng. Nhưng hơn tám năm đã qua, hơn hai tỉ Mỹ kim đã đổ vào Việt Nam. Viễn ảnh thua trận bắt đầu ám ảnh những chuyên viên về Việt Nam, mà Fishel, Mendendall hay Mansfield chỉ là ít nhân vật tiêu biểu. Dù rằng vẫn chưa có một con ngựa nào khá hơn Diệm xuất hiện, các viên chức Mỹ đã mất đi ảo tưởng về khả năng duy trì một miền Nam chống Cộng của họ Ngô. Đó là chưa nói đến mối bận tâm canh cánh bên lòng về âm mưu ve vãn Cộng Sản của anh em Diệm-Nhu trong mùa Xuân-Hè 1963, hoặc mối đại họa là bỗng một ngày nào đó Diệm-Nhu công khai đòi Mỹ triệt thoái khỏi Nam Việt Nam. Cuộc tranh đấu của Phật Giáo cũng bùng nổ trong một tình thế an ninh-quân sự đặc biệt.

Từ năm 1962-1963, Bắc Kinh đã sốt sắng hơn trong việc sử dụng thanh nam, thanh nữ và tài nguyên Việt Nam, Lào, Kampuchea—cùng cái gọi là học thuyết Mao về “chiến tranh giải phóng”—để gạt ảnh hưởng Mỹ khỏi ngưỡng cửa chiến lược Đông Nam. Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam đã có cả lực lượng vũ trang lên tới cấp trung đoàn, và một hệ thống hành chính nông thôn, cùng tình báo tại các thành thị. Mặc dù không chính thức ủng hộ cuộc tranh đấu của Phật Giáo, Trung Ương Cục Miền Nam—mới được cải tổ vào cuối Hè 1961—đã lợi dụng cơ hội gửi cán bộ tình báo chiến lược xâm nhập vào thành thị, khoét dần những lỗ hổng làm cơ sở tiềm sinh trong giới sinh viên, học sinh, tôn giáo. Cho đến một lúc, các lãnh đạo Phật Giáo mới khám phá ra rằng chiến thắng của Phật Giáo năm 1963 mới chỉ là chiến thắng phiến diện. Giai đoạn 1966-1968, khi Cố

vấn QNQG Bundy đã rời chính quyền và Lodge cùng Ellsworth Bunker đã mất hết thiện cảm, các lãnh tụ Phật Giáo sẽ tri nghiệm được rằng đừng nên trộn lẫn giữa tôn giáo và chính trị.

Phụ chú:

1. CD số 9195, ngày 6/5/1963; Kho Lưu Trữ Quốc Gia [KLTQG] II (Thành phố Hồ Chí Minh), Phủ Tổng thống Đệ Nhất Việt Nam Cộng Hòa [PTT/ĐICH], HS 8501; 8352; Lê Cung, Phong trào Phật Giáo miền Nam Việt Nam năm 1963 (Huế: Thuận Hóa, 2003), tr. 131-132.
2. Xem, chẳng hạn, lời khai của Bénéoit Trần Tử Oai, Bộ trưởng Thông tin, UN/GA Official Records, Agenda Item 77: “The violation of Human rights in South Vietnam;” Doc. A/5630, 7/12/1963, tr. 12-16. [Sẽ dẫn UNGA Doc. A/5630]. Bùi Văn Lương khai với Phái đoàn LHQ ngày 30/8/1963, là đích thân Lương cho lệnh tạm hoãn treo cờ, và các lãnh đạo Phật giáo rất mãn nguyện. [I also gave instructions to the administrative local authorities provisionally, not to apply the circular [of 6 May 1963]. The leaders of the monks are very pleased. They . . . told me I had given complete satisfaction to their desires.]; Ibid., tr. 22, 23. Xem thêm lời Ngô Đình Diệm, Ibid., tr. 16; Ngô Đình Nhu: Ibid., tr. 16-20; Nguyễn Ngọc Thơ: Ibid., tr. 20-21; Nguyễn Đình Thuận: Ibid., tr. 25-27; Hồ Đắc Khương, Đỗ Cao Trí: Ibid., tr. 27-29; Trương Công Cửu: Ibid., tr. 29-31. Để chuẩn bị đón phái đoàn LHQ điều tra về việc vi phạm nhân quyền ở Nam Việt Nam, cơ quan Việt Tân Xã [VTX] của chính phủ Diệm, do Tôn Thất Thiện cầm đầu, cũng lưu hành một tài liệu bằng ba thứ tiếng Việt, Anh, Pháp, gồm 3 tập. Xem Vấn đề Phật giáo [The Buddhist Questions]; KLTQG II (TP/HCM), PTT/ĐICH, HS 8506, 8511. Xem thêm Thích Trí Quang, “Cuộc vận động Phật giáo Việt Nam: Giai đoạn phát khởi;” Liên Hoa nguyệt san (29/1/1964), tr. 22, 28; dẫn trong Vũ Văn Mẫu, Sáu tháng pháp nạn 1963 (Giao Điểm: 2003), tr. 91.
3. Tác giả luật hạn chế treo cờ là Lâm Lễ Trinh, Bộ trưởng Nội vụ; KLTQG II (TP/HCM), PTT/ĐICH, HS 8368. Ngày 29/5/1963, chính phủ ra thông cáo: “Khi qui định thể thức treo quốc kỳ và đạo kỳ, chánh phủ chỉ muốn nhắc nhở Quốc kỳ là tượng trưng cho chánh nghĩa, là kết tinh ý thức đấu tranh toàn diện, toàn dân, toàn quân.” Vấn đề Phật giáo (1963), I:1; Ibid., HS 8511. Xem thêm chi tiết trong Ibid., HS 8507.
4. Xem, chẳng hạn, thư ngày 11/3/1955, gửi Thủ tướng, của Đoàn Trung Côn [Còn], Hội trưởng sáng lập Tịnh Độ Tông Việt Nam, TTK Ủy ban vận động Phong trào Phật Giáo Xã hội; KLTQG II (TP/HCM), Phủ Thủ tướng [PThT], HS29229: (Phật Giáo, 1954-1955). Xem bảng tổng kết số chùa tại miền Nam vào tháng 9-10/1963 trong Ibid., PTT/ĐICH, HS 8506, & 8512. Tại Sài Gòn có 180 chùa: 69 thuộc THPGVN, 22 thuộc Cổ Sơn Môn, và 89 thuộc các môn phái khác và chùa tư. Ibid. Từ 1954 tới 1963, chính phủ trợ cấp 24 tổ chức Phật Giáo 3,681,000 đồng, quá chênh lệch so với trợ giúp cho Ki-tô; Ibid, HS 8540.
5. Xem, thư ngày 20/2/1962, Thích Tịnh Khiết gửi Ngô Đình Diệm, về việc đàn áp Phật Giáo tại Phú Yên, Bình Định, Quảng Ngãi, Quảng Nam; KLTQG II (TP/HCM), PTT/ĐICH, HS 7941; thư ngày 17/2/1962, Wesley Fishel gửi John A. Hannah, Viện trưởng Đại học Tiểu bang Michigan (MSU); Foreign Relations of the United States [FRUS], 1961-1963, II:148-52; báo cáo của Đại sứ Roger Lalouette ngày 10/3/1962; Chính Đạo, Việt Nam Niên Biểu, 1939-1975 [VNNB], I-C: 1955-1963, tr. 248-250. Xem thêm chú [32] infra.
6. Archives du Ministère des Affaires Etrangères [AMAE] (Paris), Cambodge-Laos-Vietnam [CLV], Sud Vietnam [SV], 17:70-73.
7. Xem Phụ Bản I, Chính Đạo, Tôn Giáo & Chính Trị: Phật Giáo, 1963-1967 (Houston: Văn Hóa, 1994). Đa số chi tiết dưới đây rút từ tài liệu Mỹ ngữ trên. Chúng tôi chỉ ghi những tài liệu khác nếu cần thiết. Xem thêm Cao Văn Luận, Bên Giòng Lịch Sử (Sài Gòn: 1972), tr. 328. Ngày 16/9/1963, Lãnh sự Pháp ở Tourane báo cáo rằng theo Tướng Nghiêm chính sách bài Phật giáo chỉ là của Thực. Ngày 8/5, khi Nghiêm vào Sài Gòn gặp Diệm, Diệm cho lệnh phải thẳng tay với Phật giáo, và nhận lệnh từ Cán. Đại tá Đỗ Cao Trí, Tư lệnh Sư đoàn I, được lệnh “duy trì trật tự ở Huế.” Sau đó Trí được thăng cấp Tướng, thay Nghiêm nắm Vùng I. AMAE (Paris), CLV, SV, 17:70-73. Về những việc làm của Trí, xem KLTQG II (TP/HCM), PTT/ĐICH, HS 8527.
8. Ngày 5/5/1963 này, Diệm long trọng tổ chức Lễ Tạ Ôn chào mừng ngày thụ phong của Tổng Giám Mục Thực tại nhà thờ Dòng Cứu Thế trên đường Kỳ Đồng, Sài Gòn. Thực cũng tham dự. Ngoài lễ nghi quân cách, cờ Ki-tô giáo chi chít khắp nơi. Xem KLTQG II (TP/HCM), PTT/ĐICH, HS 8425.

9. Nguyễn Văn Đăng, “Phúc trình của Tòa Hành chánh tỉnh Thừa Thiên về lễ Phật Đản tại Huế (20/5/1963),” tr. 2; KLTQG II (TP/HCM), PTT/ĐICH, HS 8529. Theo một nguồn tin, Cẩn còn sai Hồ Đắc Khương, Đại biểu Chính phủ tại Trung nguyên Trung Phần, gửi điện xin hoãn thi hành lệnh trên. Cẩn cũng bảo Đăng đừng can thiệp vì có giao tình với Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam và, theo lời đồn, bài vị Ngô Đình Diệm, cha Ngô Đình Khả, còn đặt tại chùa Diệu Đế. Diệm theo đạo thờ cúng tổ tiên. Khả (1856-1914) U, cha Diệm, là người đầu tiên theo đạo Ki-tô, và hành nghề thông ngôn trong thời gian Pháp đánh chiếm Bắc và Trung Việt. Chức vụ cuối cùng của Khả là Đề đốc kinh thành vào cuối đời Thành Thái, và được hàm Thượng thư khi về hưu. Nhờ tước hàm Thượng thư này của Khả, năm 1917 Diệm được tập ấm chức cửu phẩm, làm việc tại Tân Thư viện Huế, tức Musée Khải Định. Xem Chính Đạo, “Jean Baptiste Ngô Đình Diệm (1897-1963);” Cuộc thánh chiến chống Cộng (Houston: Văn Hoá, 2004). Cũng có tin bài vị Diệm đặt tại chùa Từ Hiếu. Tuy nhiên, vào tháng 12/2004, chưa thể khẳng định có chăng bài vị nói trên (tiếp xúc với một tăng của chùa này).
10. Báo cáo số 249-VP/M, ngày 10/5/1963; [KLTQG II (TP/HCM), TNTP.167;] Lê Cung, 2003:136.
11. Báo cáo số 2262-TT/VP/BTM, ngày 9/5/1963, Thừa Thiên gửi BNV; KLTQG II (TP/HCM), PTT/ĐICH, HS 8529.
12. UN Doc. A/5630, 7/12/1963:22, col2. Xem thêm Thích Trí Quang, “Cuộc vận động Phật giáo Việt Nam: Giai đoạn phát khởi;” Liên Hoa nguyệt san (29/1/1964), tr. 22, 28; dẫn trong Vũ Văn Mẫu, Sáu tháng pháp nạn 1963 (Giao Điểm: 2003), tr. 91.
13. Xem thêm Nguyễn Ngu Í, “Đại học Huế tranh đấu chống chế độ cũ qua hai giờ nói chuyện với Giáo sư Lê Tuyên;” Bách Khoa, số 171 (15/2/1964), tr. 37-47, và số 172 (1/3/1964), tr. 27-42. Sẽ dẫn: Nguyễn Ngu Í, 1964a, và Nguyễn Ngu Í, 1964b.
14. US-Vietnam Relations, 1945-1967, Bk 3, p. 5; CD số 5, 10/5/1963, Huế gửi BNG; US Department of State, Foreign Relations of the United States [FRUS], 1961-1963, III:284; Airgram A-20, 3/6/1963, Helble gửi Sài Gòn; III:277,n2; Chính Đạo, VNNB, I-C:1955-1963, tr. 279-280.
15. Xem danh sách các nạn nhân trong Phụ lục đính kèm của báo cáo của Nguyễn Văn Đăng ngày 20/5/1963; TTLTQG II (TP/HCM), PTT/ĐICH, HS 8529. Sỡ sau này bị kết án chung thân khổ sai, nhưng được Nguyễn Văn Thiệu ân xá vào năm 1966 Ô sau cuộc nổi dậy của miền Trung.
16. CD số 100/MM, ngày 9/5/1963, TNTP gửi Đồng lý VPTT; TTLTQG II (TP/HCM), PTT/ĐICH, HS 8523.
17. KLTQG II (TP/HCM), PTT/ĐICH, HS 8529 [?].
18. Xem, chẳng hạn, báo cáo của Thị trưởng Huế và các cấp chỉ huy cảnh sát, quân đội trong KLTQG II (TP/HCM), PTT, ĐICH, HS 8529.
19. Ibid., HS 8506.
20. UN/GA Doc. A/5630, 1963, tr. 12, col.2.
21. “I had concluded, according to the specialists in artillery and artificiers, whom we had consulted in Hue and Sai Gon, that it was probably bombs of plastic . . . that we had many bullets because the United States had given us many free, but we had no plastic; plastic is the arm of the Viet Cong guerilla.” A/5630, 1963:24, col 1.
22. Theo Lương, Trí Quang đã âm mưu chống chính quyền từ năm 1960, với sự xúi dục của Cộng Sản. Đặng Ngọc Lựu, thân cận của Trí Quang, cung cấp tin này; UN/GA Doc. A/5630, 1963:22-23.
23. FRUS, 1961-1963, III:284-285.
24. Tâm thư 10/5/1963, công điện cùng ngày của Thích Tịnh Khiết, và tài liệu giải thích ngày 16/5/1963, 23/5/1963 (Tịnh Khiết, Mật Nguyễn, Mật Hiên, Trí Quang, Thiện Siêu ký) có thể tìm thấy trong KLTQG II (TP/HCM), PTT/ĐICH, HS 8541. Tường Vân là tên chùa Hòa thượng Tịnh Khiết trụ trì. TT Mật Nguyễn, tục danh Trần Lộc, 56 tuổi, tu tại chùa Linh Quang. TT Mật Hiên, tục danh Nguyễn Duy Quang, 56 tuổi, tu tại chùa Trúc Lâm. TT Trí Quang, tục danh Phạm Trí Quang, sinh năm 1922, và TT Thiện Siêu, tục danh Vũ Trọng Tường, 43 tuổi, tu tại chùa Từ Đàm; Ibid., HS 8531. Bản dịch Mỹ ngữ trong FRUS, 1961-1963, III:287-288.
25. Công báo Việt Nam [CBVN], III:3 [19/8/1950]:434-437. Người soạn thảo luật này là Nguyễn Khắc Vệ, Tổng trưởng Tư Pháp của chính phủ Trần Văn Hữu. Bản dịch Anh ngữ Dự số 10 ngày 6/8/1950 cùng hai tu

chính ngày 19/12/1952 và 3/4/1954 trích in trong phần phụ bản XV của UNGA, Doc. A/5630, 7/12/1963:86-89.

26. Nguyễn Ngu Í 1964a:40-41. [Xem chú 13 supra]

27. FRUS, 1961-1963, III:288, n3. Đại biểu chính phủ cũng yêu cầu hoãn ngày cầu siêu cho nạn nhân Huế từ 14/5 tới 21/5; CD ngày 13/5/1963, Thừa Thiên gửi BNV; KLTQG II (TP/HCM), PTT/Đ1CH, HS 8529.

28. Tâm Châu, *Bạch Thư về vấn đề chia rẽ của Ấn Quang với Việt Nam Quốc Tự* (Montréal: Tổ đình Từ Quang, 1994), tr:17. Một nhân chứng khai UBLP/BVPG gồm 14 hội đoàn. Xem thêm Việt Nam Cộng Hòa, Phủ Tổng thống, Phủ Đặc Ủy Trung Ương Tình Báo, “Bàon nghiên cứu đặc biệt: Phật Giáo Việt Nam” [n.d.]; PTTĐ1CH, HS 8573.

29. Tục danh là Đoàn Văn Hanh, sinh khoảng năm 1922 tại Ninh Bình, Bắc Việt. Tu tại chùa Xuân Dương, huyện Đa Phúc, Phúc Yên (Phái Vĩnh Nghiêm). 1951: Cùng Tổ Liên vào Huế tổ chức Đại hội thống nhất Phật giáo. 1952: Phó Trị sự Giáo Hội Tăng Già Toàn Quốc Việt Nam. 1955: Tham gia Giáo Hội Tăng Già Bắc Việt tại miền Nam. 1959: Thành lập Hội Phật Giáo Quán Âm Phổ Tế. Trụ sở tại 584/1 đường Phan Thanh Giản Sài-gòn. 1/1963: Lập Ủy Ban Liên Phái chống phim Sakya. 9/5/1963: Thành lập Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo, qui tụ 11 hội đoàn. Trụ sở đặt tại chùa Xá Lợi. 25/5/1963: Phát động phong trào tranh đấu tích cực ở miền Nam. 30/5/1963: Tuyệt thực 48 giờ cùng hàng trăm tăng ni. Thứ Sáu, 14/6/1963: Tham gia phái đoàn Phật Giáo nói chuyện với Ủy Ban Liên Bộ của chính phủ Diệm. 16/7/1963: Dẫn đầu một đoàn biểu tình trước tư dinh Đại sứ Nolting. 21/8/1963, mờ sáng: Bị bắt tại chùa Xá Lợi cho tới ngày 1/11/1963. 31/12/1963: Tham dự Đại Hội Thống Nhất Phật Giáo ở Chùa Xá Lợi [cho tới ngày 4/1/1964]. Được bầu làm Chủ tịch Viện Hoá Đạo với nhiệm kỳ 2 năm. 13/1/1964: Nhận chức Viện trưởng Hoá Đạo. 20/1/1965: Cùng Trí Quang, Pháp Trí, Thiện Hoa và Hộ Giác tuyệt thực chống chính phủ Trần Văn Hương. 27/1/1965: Hội Đồng Quân Lực ra tuyên cáo nắm lại chính quyền. Viện Hoá Đạo ra lệnh ngừng tranh đấu. Các sư ngưng tuyệt thực. 24/8/1964: Khánh yêu cầu Trí Quang, Tâm Châu và Thiện Minh kêu gọi sinh viên, học sinh và Phật tử ngưng biểu tình. Các lãnh tụ Phật giáo ra điều kiện: hủy bỏ hiến chương Vũng Tàu, thành lập chính phủ dân sự, bảo đảm tự do tôn giáo, và tổ chức bầu cử ngày 1/11/1965. /1975: Tị nạn ở Pháp, rồi Canada. Hiện tu tại Tổ đình Từ Quang, Montréal, Québec. 9/1/1995: Cùng 126 tăng sĩ ký tên vào kháng thư phản đối việc bắt giữ Huyền Quang và Trí Độ. 2/5/1995: Tham dự biểu tình ở Oat-shinh-tân.

30. Thiện Hoà, tục danh Hứa Khắc Lợi, sinh tại Chợ Lớn, đi tu từ năm 1935. 1935: Theo học Phật học đường Lương Xuyên. 1936-1938: Theo học An Nam Phật học đường tại chùa Tây Thiên, Huế. 1938-1939: Theo học Phật học đường Long Khánh, Bình Định. 1939: Theo học Phật học đường Báo Quốc, Huế. 1945-1950: Ở Bắc. 5/1950: Về Sài Gòn. Dạy tại Phật học đường Sùng Đức. 1951: Giám đốc Phật học đường Nam Việt tại chùa Ấn Quang. 1953: Trị sự trưởng GHTGNV. 1959: Trị sự trưởng GHTGTQ. 15/5/1963: Gặp Ngô Đình Diệm về 5 nguyện vọng của Phật Giáo. 26/8/1963: Chủ tịch Ủy Ban Liên Hiệp Bảo Vệ Phật Giáo Thuần Tủy, ủng hộ Ngô Đình Diệm. 1967: Tổng Vụ trưởng TV Tài chính & Kiến thiết của GHPGVNTN tại Ấn Quang. 1973: Phó Tăng Thống. 7/2/1978: Chết tại chùa Ấn Quang.

31. CD 1066, ngày 9/5/1963, BNG gửi Sài Gòn, FRUS, 1961-1963, III:283. Xem thêm báo cáo ngày 18/6/1962 của Bùi Văn Lương; KLTQG II (TP/HCM), PTT/Đ1CH, HS 7941.

32. FRUS, 1961-1963, III:310.

33. Bộ Công Dân vụ [Civic Action] bao gồm Tổng Nha Thông tin dưới quyền Phan Văn Tạo.

34. FRUS, 1961-1963, III:309-310; Mẫu 2003:246-255.

35. Tâm Châu, *Bạch Thư về vấn đề chia rẽ của Ấn Quang với Việt Nam Quốc Tự* (Montréal: Tổ đình Từ Quang, 1994), tr. 18.

36. Không rõ Lương hay VTX của Tôn Thất Thiện và Đặng Đức Khôi đã phát minh ra lối giải thích mới này.

37. FRUS, 1961-1963, III:311.

38. Đề nghị này Nolting đã trình về BNG ngày 18/5 và được Rusk chấp thuận ba ngày sau, 21/5; FRUS, 1961-1963, III:312,n3.

39. FRUS, 1961-1963, III:314. Sau này, Nhu còn phát minh ra lối giải thích “pain of growth” [sự đau đớn khi phát triển] của Phật giáo Việt Nam, một hiện tượng quen thuộc của các nước chậm tiến.

40. Gravel, II:226. Theo Trueheart, Diệm có vẻ “giận dữ” [quite agitated], và không muốn nghe theo lời khuyên của Mỹ; FRUS, 1961-1963, III:338.
41. CD ngày 19/5/1963, Thừa Thiên gửi BNV; KLTQG II, PTT/ĐỊCH, HS 8529.
42. Ibid., HS 8541.
43. Ibid.
44. CD 1136, 9/6/1963, Trueheart gửi BNG; FRUS, 1961-1963, III:368.
45. KLTQG II, PTT/ĐỊCH, HS 8541.
46. VNCH, Vấn đề Phật Giáo: Lập trường của chính phủ VNCH: Văn kiện căn bản, Tập I (từ 6/5/1963 tới 21/8/1963), tr. 1; Ibid., HS 8511. Người chủ biên tập tài liệu này là Tôn Thất Thiện, Giám đốc Việt Tân Xã.
47. Nguyên văn: *The Buddhists (estimated at some ten million) have long been resentful of the mandarins of Hue and their ruling Catholic oligarchy; the Buddhists particularly resent a host of restrictions imposed on their religious freedom by President Diem. Most of Ngo Dinh Diem's high Government officials, chiefs of provinces and military officers are Catholics, and most young army officers are convinced that they must be at least nominal Catholics if they wish to rise above the rank of captain. Diem apparently believes (and with some reason) that Catholics are more loyal to him personally and also more genuinely dedicated in their anti-Communism. Catholicism, therefore, seems to have become a kind of status symbol, as well as a prerequisite for advancement . . .*
The Buddhists say that most Government supplies pass through Catholic hands and are distributed chiefly to Catholics. One American adviser has reported that Catholic battalion commanders in South Vietnam's army get better equipment and heavier weapons than the non-Catholics. In the countryside, there are a number of villages where Christian priests are in control and maintain their own private armies. In the northern coastal region around Hue, small units of these troops, known as the 'Bishop's Boys', are directly responsible to the Archbishop, and their primary mission is to protect churches and priests. They are armed with United States weapons and trained at least in part by United States advisers. Vast supplies of United States food relief (wheat, flour, rice, cooking oils) are distributed in South Vietnam through Catholic Relief Services to Catholic priests in the provinces. Some Viet-Nameese are convinced that many of these supplies never reach the intended beneficiaries but find their way into the black market instead.” A/5630:90.
48. NYT, 29/5/1963; FRUS, 1961-1963, III:335-336.
49. CD 1162, 30/5/1963, BNG gửi Sài Gòn; FRUS, 1961-1963, III:337n3.
50. Thư ngày 28/5/1963, Tâm Châu gửi TT; Báo cáo ngày 30/5/1963 của Q. Đô trưởng Vũ Tiến Huân; KLTQG II, PTT/ĐỊCH, HS 8501.
51. FRUS, 1961-1963, IV:340-341.
52. Xem Trần Ngọc Châu, “Phúc trình về cuộc tranh chấp của Tỉnh hội Phật giáo tại Đà Nẵng” (19/9/1963); TTLTQG II (Sài Gòn), HS 8520.
53. KLTQG II, PTT/ĐỊCH, HS 8520.
54. FRUS, 1961-1963, III:343-347; A/5630.
55. FRUS, 1961-1963, III:348-349. Tướng Đôn báo cáo rằng đây là loại lựu đạn cay Pháp sử dụng trong Thế chiến thứ nhất (1914-1918).
56. Ngày 26/2/1964, Thích Trí Quang yêu cầu Thủ tướng Nguyễn Khánh điều tra và trừng trị thủ phạm; đồng thời bồi thường xứng đáng cho các nạn nhân. Ngày 7/3/1964, đích thân Trí Quang gặp Thiếu tướng Tôn Thất Xứng, Tư lệnh QĐ I, Vùng I Chiến thuật, yêu cầu giải quyết. Ngày 17/3/1964, Thiếu tướng Xứng xác nhận một đơn vị quân đội đã nhận lệnh xua chó berger và ném lựu đạn cường toan vào đám đông Phật tử đang tiến đến chùa Từ Đàm. Ngày 5/3/1964, Nha CS Trung nguyên Trung phần đã xác nhận việc này. “Hiện còn khoảng 40 nạn nhân bị xuất huyết, mắt càng ngày càng mờ, cơn điên cuồng ngày càng tăng.” [41 người bị thương trong các ngày 3, 4, 5, và 6/6/1963 điều trị tại Huế. 20 người xin về nhà. 47 người trong số trên là Phật tử. Danh sách do Nha CSBTNTP: 45 người. Phật tử trở lại điều trị ở Huế, 10 người]; (PThT, HS 29369) Ngày 21/3/1964, do sự can thiệp của Đại tá Nguyễn Chánh Thi, 12 nạn nhân được phi cơ quân sự đưa từ Huế vào Sài Gòn. 5 người điều trị tại Grall, 7 người khác ở Tổng Y Viện Cộng Hòa. (Tờ trình số

- 330/BYT/VP/M, ngày 13/4/1964, Đại tá Vương Quang Trường gửi Phó Thủ tướng đặc trách Văn Hóa-Xã hội; (PThT, HS 29369)
57. FRUS, 1961-1963, III:349-352.
58. Xem Chính Đạo, “Phiến Cộng trong Dinh Gia Long;” *Đi Tới* (Montréal, Canada), số 73 & 74, 9-10/2003, tr. 46-77; *Idem.*, *Cuộc thánh chiến chống Cộng* (Houston, TX: Văn Hoá, 2004). Bản cập nhật đăng trên *Hợp Lưu* online.
59. Xem báo cáo của Nha Cảnh Sát Bắc Trung nguyên Trung Phần về những hành động và âm mưu của người Mỹ có liên hệ đến cuộc đấu tranh của Phật Giáo, 12-16/9/1963 [Thiếu tá Đào Quang Hiếu, 16/9/1963]; HS 8502.
60. FRUS, 1961-1963, III:356-358; KLTQG II, PTT/ĐỊCH, HS 8509.
61. FRUS, 1961-1963, III:359-360, 360-361. Sau này, mới xác nhận “phần tử quá khích” là nhóm “Phật giáo nhập thế,” hay “tân tăng,” mà người dưới phổ gọi là “sư hổ mang” – và đa số đi tu để trốn lính. Họ gọi phái Lục Hòa Tăng là “thầy cúng.”
62. FRUS, 1961-1963, III:360; Vấn đề Phật Giáo, I:1; TTLTQG II, PTT/ĐỊCH, HS 8511.
63. CD ngày 4/6/1963, Nguyễn Quang Trinh gửi Viện trưởng Huế; *Ibid.*, HS 8501. Giáo sư Wulff, một chứng nhân của cuộc thảm sát 8/5 tại Huế, đã viết hồi ký về biến cố trên, và bạn ông chụp được nhiều hình ảnh tại nhà xác Huế. Các tài liệu này được nạp cho Liên Hiệp Quốc, khiến LHQ quyết định mở cuộc điều tra. Trong dịp viếng thăm Bệnh viện Huế ngày 18/4/1964, Đại tá Nguyễn Chánh Thi đã yêu cầu di tản những bệnh nhân bị phỏng vì chất cường toan trong ngày 4/6/1963 tại Huế vào Sài Gòn điều trị. Xem tờ trình ngày 13/4/1964, Bộ trưởng Y tế gửi Phó Thủ tướng đặc trách Văn hoá-Xã hội; TTLTQG II, Phủ Thủ tướng, HS 29369.
64. FRUS, 1961-1963, III:367-368.
65. “Quyết nghị của Phong Trào Phụ Nữ Liên Đới Việt Nam” (Sài Gòn, 7/6/1963), KLTQG II (TP/HCM), PTT/ĐỊCH, HS 8515; FRUS, 1961-1963, III:362n2.
66. *The Pentagon Papers* (Gravel), II:208; FRUS, 1961-1963, III:366-369.
67. Năm 1956-1957, Hồ Vinh, một giáo sư Pháp văn trường Phan Châu Trinh Đà Nẵng từng bị tra tấn đến chết trong nhà lao Thừa Phủ (Huế). Nguyễn Đăng Ngọc, hiệu trưởng, một cán bộ Cần Lao, đích thân đến các lớp đọc bức công điện mật, loan tin “tên Cộng Sản Vinh” đã “tự tử” trong ngục. Xem thêm lời khai của Phan Quang Đông, và bản án Ngô Đình Cẩn ngày 22/4/1964 về những cuộc thủ tiêu những người bị vu cáo là Cộng Sản hay gián điệp Pháp, như Nguyễn Văn Yển, v.v. v...
68. CD 1194, 8/6/1963 & 1196, 8/6/1963, BNG gửi Đại sứ Việt Nam; FRUS, 1961-1963, III:363-364, 364-366. Trong số các đề nghị, BNG yêu cầu VNCH “ít nữa cũng tạm thời ít nhắc đến thuyết Nhân Vị trước công chúng và tuyên truyền của chính phủ vì đám đông đồng hóa Nhân Vị với Ki-tô giáo; bổ nhiệm các tuyên úy Phật giáo; thành lập một Hội Đồng Tôn Giáo Quốc Gia, vài tăng hay lãnh tụ Phật tử ứng cử trong cuộc tranh cử vào Quốc Hội tháng 8/1963, và cho họ đặc cử [at least temporarily playdown Personalism in public pronouncements and GVN propaganda because of popular identification Personalism with Catholicism; appoint Buddhist chaplains; create National Religious Council, permit several monks or lay Buddhist leaders run for and win seats in August National Assembly elections [NVN: two monk representatives]; *Ibid.*, III:364-365. Trong báo cáo về Oat-shinh-tân, Trueheart nói không có ý định gặp Diệm, vì Thuần đã đạt được một số tiến bộ. BNG Mỹ đồng ý.
69. FRUS, 1961-1963, III:369-371. Giao tình giữa chính phủ Diệm và báo chí Tây phương đầy sóng gió từ năm 1957, sau khi Diệm được tặng bốc như “Winston Churchill của Đông Nam Á.”
70. FRUS, 1961-1963, III:371-373. Về lễ cầu hồn cho John XIII, Paul Hiếu không nói đúng sự thực. Xem văn thư về lễ trên trong KLTQG II, PTT/ĐỊCH, HS 8428.
71. FRUS, 1961-1963, III:374. Hiện nay, tại góc đường Cách Mạng Tháng Tám và Nguyễn Đình Chiểu (trụ sở Ủy Ban Nhân Dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, tức Tòa Đại sứ Cao Miên cũ), còn một miếu nhỏ thờ Thượng tọa Quảng Đức)
72. FRUS, 1961-1963, III:375-376.
73. FRUS, 1961-1963, III:376-378.
74. FRUS, 1961-1963, III:376-378.

75. Mẫu, 2003:277.
76. “Thông điệp của Tổng thống gửi đồng bào thủ đô ngày 11/6/1963;” KLTQG II, PTT/ĐỊCH, HS 8506, 8501; NYT, 12/6/1963. Sau này, có lẽ do áp lực Mỹ, bản dịch tiếng Anh được viết nhẹ hơn: “Buddhism in Vietnam finds its fundamendal safeguard in the Constitution of which I personally am the guardian.”
77. Nguyên văn: “If Diem does not take prompt and effective steps to reestablish Buddhist confidence in him we will have to reexamine our entire relationship with his regime;” CD 1207, 11/6/1963, BNG gửi Đại sứ Việt Nam; FRUS, 1961-1963, III:383.
78. FRUS, 1961-1963, III:385-387. Theo tài liệu Bạch Cung ngày 14/6/1963, Kennedy không biết gì về đe dọa giải kết [disassociation] này, và nhấn mạnh rằng đây là lần chót; từ nay bất cứ lời đe dọa chính thức nào cần được sự phê chuẩn của Kennedy. Ibid., III:386-387.
79. Tâm Châu 1994:19; FRUS, 1961-1963, III:384.
80. FRUS, 1961-1963, III:387-389. Theo Thuần, Phật giáo đã sửa đổi đôi chút các đòi hỏi, nhưng Trueheart nhấn mạnh nên bỏ các tiểu tiết để đạt ngay thỏa ước.
81. FRUS, 1961-1963, III:391.
82. KLTQG II, PTT/ĐỊCH, HS 8509. [Xem Phụ Bản] Xem thêm Tâm Châu, 1994:41-4; The Pentagon Papers (Gravel), II:226-7; FRUS, 1961-1963, III:Tài liệu 177, 178, 179.
83. NYT, 16/6/1963; FRUS, 1961-1963, III:396-397.
84. NYT, 17/6/1963; FRUS, 1961-1963, III:396-397. Theo bản tin AP ngày 17/6, đây là cuộc biểu tình chống chính phủ bạo động nhất từ nhiều năm qua; Ibid., III:397n3.
85. Lãnh đạo hệ phái này cho rằng họ là hệ phái lâu đời nhất tại Việt Nam, với hai triệu Phật tử. Mãi tới năm 1964, Cổ Sơn Môn mới gia nhập Giáo Hội Phật Giáo Thống Nhất.
86. KLTQG II, PTT/ĐỊCH, HS 8501; Mẫu, 2003:302-304.
87. KLTQG II, PTT/ĐỊCH, HS 8501; Mẫu, 2003:307-313. Theo Nhu, TNCH lên tới 1.5 triệu đoàn viên; Ibid., tr.300, 304, 310.
88. FRUS, 1961-1963, III:401. Gene Gregory từng quen biết Diệm từ thập niên 1950.
89. FRUS, 1961-1963, III, tr. 409-410.
90. Nguyên văn bản dịch tiếng Pháp: “Un bon catholique, en vertu même de la doctrine catholique, est le meilleur des citoyens, attaché à sa patrie, loyalement soumis à l'autorité civile établie, sous n'importe quelle légitime de gouvernement.” Ainsi s'explique Pie XI dans l'encyclique illius Magistri du 31 décembre 1929.”
91. Nolting, From Trust to Tragedy: The Political Memoirs of Frederick Nolting [Từ tin cậy tới thảm kịch: Hồi ký chính trị của Frederick Nolting] (New York: Preager, 1988), tr. 115-116. Lập luận của Nolting giống hệt tuyên cáo của chính phủ Diệm ngày 21/8/1963–“lợi dụng tín ngưỡng cho mục đích chính trị.”
92. Thư ngày 26/6/1963, Tịnh Khiết gửi TT; KLTQG II, PTT/ĐỊCH, HS 8541.
93. Ibid., HS 8541.
94. CD 1219, 14/6/1963, BNG gửi Đại sứ SG; FRUS, 1961-1963, III:394-395. Charles Ben Wood, người phụ trách Phòng Đông Dương, soạn thảo Kế hoạch này từ tháng 5/1963, chuyển về Oat-shinh-tân ngày 23/5/1963, và được Bạch Cung chấp thuận ngày 6/6/1963; FRUS, 1961-1963, III:Tài liệu 133. Ngày 16/6, Sài-gòn mới nhận được lệnh trên.
95. Chính Đạo, VNNB, I-C:1955-1963, tr. 296, 298.
96. FRUS, 1961-1963, III:400-401.
97. FRUS, 1961-1963, III:402-404.
98. FRUS, 1961-1963, III:392.
99. Max Frankel, “US Warns South Viet-Nam on Demands of Buddhists” [Mỹ cảnh giác Nam Việt-Nam về những đòi hỏi của Phật tử]; NYT, 15/6/1963. Tài liệu BNG ghi là ngày 14/6/1963; FRUS, 1961-1963, III:393.
100. FRUS, 1961-1963, III:392.
101. Báo cáo của Đại tá Nguyễn Văn An ngày 22/5/1963 & 15/6/1963; KLTQG II, PTT/ĐỊCH, HS 8508.
102. Ngày 18/7, Cảnh sát Quận 5 bắt giữ ba người bị tình nghi hoạt động nội tuyến cho CS trong hàng ngũ Phật Giáo; Ibid., HS 8501.

103. Hội nghị Khu Ủy Khu V mở rộng [từ 15/7 tới ngày 31/7/1963] ra nghị quyết: “trước mắt ra sức nuôi dưỡng mở rộng cuộc đấu tranh của đồng bào Phật Giáo và nhân dân các tầng lớp chống địch đàn áp Phật Giáo, chia rẽ các tôn giáo.” [tr. 942] (Huế: thuộc Liên tỉnh I của Khu V) Tuy nhiên, đường lối tổng quát không thay đổi: Cần phải và có khả năng kiềm chế địch trong loại chiến tranh thứ ba và thắng địch trong loại chiến tranh ấy [tr. 907]; trường kỳ kháng chiến, đánh địch trường kỳ, giành thắng lợi từng phần [tr. 908]; ở miền núi, đấu tranh vũ trang là chính [tr. 910]; ở đồng bằng, đấu tranh chính trị, vũ trang song song.[tr.910]; ở đô thị đấu tranh chính trị là chủ yếu, có kết hợp đấu tranh vũ trang trong một mức độ nhất định.[tr. 911] [VKĐTT, 24:895-954]

Nghị quyết tháng 10/1963 của Khu VI mới ghi nhận “cần chú ý tranh thủ xây dựng cơ sở trong tín đồ Phật Giáo và từng mặt liên minh hành động tiến tới nắm một số sư sãi tiến bộ, có uy tín trong giới Phật Giáo, cũng như phải tích cực tranh thủ xây dựng những phần tử lớp trên . . . có xu hướng tiến bộ để tiến tới hình thành Mặt Trận lâm thời của thành phố.” (VKĐTT, 24:989)

104. CD số 1250 gửi Sài Gòn, DOS, Central Files, PER-Lodge, Henry Cabot. (Ngày 22/6, Trueheart báo cáo là Diệm đồng ý tiếp Trueheart vào chiều ngày 22/6; CD số 1230 từ Sài Gòn; Ibid)

105. FRUS, 1961-1963, III:414. Diệm khẳng định với Trueheart là sẽ tôn trọng những điều thỏa thuận với Phật giáo; phủ nhận không có việc Nhu sử dụng Thanh Niên Cộng Hoà để chống lại Phật giáo; nhưng không đề cập gì đến Bạch thư của Lê Xuân. Về Cổ Sơn Môn, Diệm nói họ có quyền tự do họp Đại Hội và bày tỏ ý kiến. Việc phóng thích những người tham dự biểu tình, Diệm nói cần thanh lọc; nếu họ không Cộng sản sẽ được phóng thích. Tóm lại, chính Diệm tách dần khỏi những lời cổ vắn của Mỹ; Ibid., III:411-413.

106. Ibid.

107. CD 1271, 26/6/1963, Ball gửi Đại sứ VN; Ibid., III:415-416.

108. FRUS, 1961-1963, III:427-428.

109. FRUS, 1961-1963, III:426n3.

110. FRUS, 1961-1963, III:429-431; Chính Đạo, VNNB, I-C:1955-1963, tr. 304-305.

111. Nolting, 1988:126.

112. The Pentagon Papers (Gravel), II:236; FRUS, 1961-1963, III:474; Chính Đạo, VNNB, I-C:1955-1963, tr. 307.

113. US-Vietnam Relations, 1945-1967, Bk 11, tr. 427.

114. FRUS, 1961-1963, III:433n2.

115. FRUS, 1961-1963, III:441-443.

116. FRUS, 1961-1963, III:443-444.

117. FRUS, 1962-1963, III:445-447.

118. FRUS, 1962-1963, III:449-450.

119. Thời thực dân Pháp, cái mũ “Cộng Sản” đồng nghĩa với “phản loạn.” Nhưng hiện tượng chụp mũ “Cộng Sản” cho người khác ý kiến hoặc mình không ưa còn phát triển rộng rãi hơn, vì quốc sách miền Nam là “chống Cộng.” Tàn tích của thói quen “Tổ Cộng” này được bảo quản tốt đẹp ở hải ngoại.

120. FRUS, 1962-1963, III:451-453.

121. Hôm sau, Browne và Arnett bị truy tố về tội hành hung hai Phó Thẩm sát viên công nhựt Nguyễn Văn Lăng và Lâm Văn Lý. Xem báo cáo của Phạm Công Kinh, Quận trưởng Cảnh Sát Q. 3, trong KLTQG II, PTT, ĐỊCH, HS 8536. Theo Trần Thiện Khiêm, các ký giả này dùng đá và máy ảnh để đánh trả Cảnh sát. Một viên chức nào đó, phê bằng mực đỏ: “Có thực không?” Ibid., HS 8527. BNG Mỹ chỉ thị Trueheart can thiệp để miễn tố. Thoạt tiên, Diệm không đồng ý. Mãi tới ngày 17/7 mới thuận. FRUS, 1962-1963, III:470-472.

122. The Pentagon Papers (Gravel), II:729-33; US-Vietnam Relations, Bk 12:534;

123. FRUS, 1962-1963, III:483-485.

124. Nguyên văn: [He is hurt by what he considers misrepresentations and calumnies (both in Vietnam and outside), torn by conflicting advise, resentful of US pressure, and not completely in control of his government's actions (Nhus). He is, in brief, in a martyr's mood himself.]; CD 85, ngày 15/7/1963, Nolting gửi BNG; FRUS, 1961-1963, III:487; Nolting 1988:113.

125. Khán giả và công an, mật vụ khoảng 500 người. Khoảng 11G45, đoàn biểu tình kéo về chùa Xá Lợi, tuyên bố sẽ tuyệt thực 48 giờ. FRUS, 1961-1963, Tài liệu 221; Tâm Châu, 1994:19. Ngày 9/7/1963, Tâm Châu đã viết thư cho Đại sứ Mỹ, yêu cầu Mỹ cho quân bảo vệ chùa Xá Lợi vì đang có dấu hiệu Diệm-Nhu sẽ đánh chùa. Ibid., III:478-479.
126. Mẫu, 2003:353.
127. Báo cáo ngày 23/7/1963 của Đại biểu CP tại Cao nguyên trung phần; TTLTQG II, PTT, ĐỊCH, HS 8501.
128. Mẫu, 2003:354-360.
129. FRUS, 1961-1963, III, Tài liệu 234. Tưởng nên ghi nhận Hilsman từng là Giám đốc cơ quan sưu tầm và tình báo, từng ghé thăm Sài Gòn vào tháng 1/1963 và gặp gỡ nhiều nhân vật quan trọng, kể cả Ngô Đình Diệm. Xem FRUS, 1961-1963, vol III: Jan-August 1963 (Washington, DC: GPO, 1991), tr. 1-16.
130. FRUS, 1961-1963, III, Tài liệu 237.
131. Ngày 24/7, Thuần cho Nolting biết Chiêu đã bị phạt kỷ luật. Báo chí loan tin Chiêu bị 40 ngày trọng cấm. Ngày 26/7, Tịnh Khiết viết thư xin Diệm nhẹ tay hơn với Chiêu. Ngày 30/7, Nhu định truy tố Chiêu ra tòa để có dịp nói rõ “nguyên do thúc đẩy Chiêu biểu tình ... cho báo chí ghi chép.” CD ngày 31/7/1963, Đồng lý văn phòng Phủ TT gửi Bộ trưởng Phụ tá Quốc Phòng; TTLTQG II, PTT/ĐỊCH, HS 8501. Sau đó, Chiêu được ân thưởng “Trung dũng bội tinh.” Theo Vũ Văn Mẫu, các thương phế binh đều là giả; Mẫu, 2003:313-314.
132. FRUS, 1961-1963, III:Tài liệu 198, 200.
133. TTLTQG II, PTT/ĐỊCH, HS 8501. Hội còn đại diện chế độ qua New York trình bày với Tổng thư Ký LHQ về cuộc tranh đấu của Phật Giáo vào tháng 10/1963. Tưởng cũng nên ghi nhận, Hội chỉ bênh vực Nhu, và đồng ý bắt Thực cũng như Lệ Xuân phải rời nước để trấn an dư luận.
134. Newsweek, 9/8/1963; Chính Đạo, VNNB, I-C:1955-1963, tr. 314.
135. Ngày 11/8, Thuần báo cáo với Nolting là Lệ Xuân giao cho Khiêm tổ chức một lực lượng Mật vụ riêng; nhưng Nhu phủ nhận. Ngày Thứ Bảy, 31/8, khi được ký giả người Úc, Denis Warner, phỏng vấn, Khiêm cho Warner coi một danh sách các viên chức mà Khiêm định ám sát. Theo CIA, Chương, cha Khiêm và Lệ Xuân, coi Khiêm như “bắt lực, tham nhũng và hèn nhát;” FRUS, 1961-1963, IV:Tài liệu 68.
136. Ngày 5/8, báo NYT đăng lại tin này; Chính Đạo, VNNB, I-C:1955-1963, tr. 312. Tại Việt Nam, Tịnh Khiết cũng viết thư cho Diệm, báo động về Kế hoạch Nước Lũ, gồm hai giai đoạn đảo chính và phản đảo chính giả; Thư ngày 5 & 7/8/1963, Tịnh Khiết gửi TT; TTLTQG II, PTT/ĐỊCH, HS 8541.
137. Ibid., HS 8541; Mẫu, 2003:344-346.
138. TTLTQG II, PTT/ĐỊCH, HS 8541; Mẫu, 2003:343-344.
139. Chính Đạo, Tôn Giáo & Chính trị, 1994:334-335. Xem thêm TTLTQG II, PTT/ĐỊCH, HS 8541 (Thanh Tuệ), 8532 (Diệu Quang), 8534 (đô thành)
140. Nolting 1988:117.
141. Trong báo cáo ngày 10/8, Nolting cho biết Thơ, Thuần, Nhu, Mẫu, Bửu Hội v.. v... đưa ra giải pháp sau: Lệ Xuân đi “nghỉ dài hạn,” Tổng Giám Mục Thực sẽ được thăng cấp [về Roma]. Thuần còn mật báo rằng các Bộ trưởng đều đồng ý đã đến giờ thứ 11 của Diệm. Lệ Xuân cùng em ruột là Trần Văn Khiêm tổ chức một toán cảnh sát đặc biệt để bắt cóc đối thủ. Chắc chắn Nhu cũng biết việc này.
142. FRUS, 1961-1963, III:Tài liệu 252; Chính Đạo, VNNB, I-C:1955-1963, tr. 315.
143. Nolting, 1988:119.
144. NYHT, 15/8/1963; Nolting 1988:118; KLTQG II, PTT, ĐỊCH, HS 8506.
145. Ngày 9/8/1963, trong phiếu trình lên Kennedy về vợ chồng Nhu, Michael Forrestal tiết lộ Miên, Ceylon [Sri Lanka], và Nepal đã đưa vấn đề Phật giáo ra trước văn phòng Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc. Có thể sẽ họp Đại Hội Đồng LHQ.
146. Văn thư số 4406/NA/CT ngày 10/8/1963; HS 8529)
147. CD số 4435-TT/NA/CT/M ngày 12/8/1963, Thừa Thiên gửi BNV; HS 8529)
148. Tục danh Bùi Huy Chương (1945-1963), 17 tuổi, tu tại chùa Phước Duyên, Hưng Long, Thừa Thiên; HS 8541; Nguyễn Ngu Í 1964a:42.

149. HS 8541.
150. Nguyễn Ngu Í 1964a:42.
151. CD số 4470-TT/NA/CT/M ngày 15/8/1963, Thừa Thiên gửi BNV; HS 8529; Nguyễn Ngu Í, 1964a:42-43. [Xem chú 13 supra]
152. CD số 4470-TT/NA/CT/M ngày 15/8/1963, Thừa Thiên gửi BNV; HS 8529; Nguyễn Ngu Í 1964a:43)
153. (HS 8532)
154. HS 8527; Nguyễn Ngu Í 1964a:43.
155. CD số 4545-TT/NA/CT/M ngày 17/8/1963, Thừa Thiên gửi BNV; HS 8529)
156. CD số 4545-TT/NA/CT/M ngày 17/8/1963, Thừa Thiên gửi BNV; HS 8529)
157. Nguyễn Ngu Í 1964a:43)
158. Nguyễn Ngu Í 1964a:43-44. [Xem chú 13 supra]
159. Nguyễn Ngu Í 1964b:28)
160. CD số 4545-TT/NA/CT/M ngày 17/8/1963, Thừa Thiên gửi BNV; HS 8529; Nguyễn Ngu Í 1964a:46.
161. CD số 4529-TT/NA/CT/M ngày 18/8/1963, Thừa Thiên gửi BNV; HS 8529.
162. Nguyễn Ngu Í 1964a:33.
163. Nguyễn Ngu Í 1964b:35-6. Theo Vũ Văn Mẫu, *Thế đã lên về Sài-gòn, xin cho trở lại nhiệm sở cũ*. Ngày 19/8, ở Mẫu ký giấy cho Thế ra đi; Mẫu, 2003:218-221, 387.
164. Phạm Trọng Nhân, “Cuốn sổ tay của một nhân viên ngoại giao nhân vụ tấn công chùa Xá Lợi,” *Bách Khoa*, số 169 (15/1/1964), tr. 34. [Sẽ dẫn: Nhân 1964a]
165. Mẫu, 2003:377-379.
- 165 bis. KLTQG II, PTT/ĐICH, HS 8541.
166. Phiếu trình ngày 17/8/1963 của Bộ TTM v/v Cộng Sản đang lợi dụng Phật Giáo; TTLTQG II, PTT/ĐICH, HS 8501.
167. Thông cáo của TT/VNCH ngày 20/8/1963; Ibid., HS 8501.
168. Theo tờ trình của Tôn Thất Đình ngày 22/8/1963, phía Tăng ni không có ai bị thương; phía công lực, 20 người bị thương. Tại Sài Gòn, 389 sư ni, 106 Phật tử và 133 học sinh bị bắt giữ. Phiếu Đề Trình số 0289/QĐIII/VPTL, ngày 22/8/1963, Tôn Thất Đình kính đề Tổng thống; TTLTQG II, PTT/ĐICH, HS 8527 [số cũ: TM-HS.209]; Lê Cung, 2003:312-316. Xem thêm *The Pentagon Papers* (Gravel), II:232; Tâm Châu 1994:19. Nguyễn Ngu Í 1964b:37-44. [Xem chú 13 supra]
169. Nguyễn Mậu, “Bản tổng kết thành tích kế hoạch thanh toán vụ tranh chấp bạo động của Phật Giáo tại Thừa Thiên-Huế, từ 21/8 tới 20/9/1963 (3/10/1963);” TTLTQG II, PTT/ĐICH, HS 8501. Theo Mậu, 964 người, kể cả 100 tăng ni, 42 giáo chức, 40 công chức bị bắt, nhưng 638 người, trong đó có 96 tăng ni, được phóng thích; Ibid.
170. Nhân, “Cuốn sổ tay;” *Bách Khoa*, số 169 (15/1/1964), tr. 31-43, và số 170 (1/2/1964), tr. 21-31); Mẫu, 2003:390-398. Riêng tại Sài-gòn, số tăng ni Phật tử bị bắt lên tới 2,000 người.
171. Nhân 1964a:35-36; Mẫu, 2003:399-418.
172. Sắc Lệnh số 84-TTP, ngày 20/8/1963; KLTTU II, PTT/ICH, HS 8501 & 8506 [SC.04-HS.8466; Cung, 2003:311]. Lệnh này hết hiệu lực từ 12G00 ngày 16/9/1963; SL số 104-TTP, ngày 14/9/1963. Tuy nhiên, tình trạng khẩn cấp ban hành ngày 15/10/1961, qua SL 209-TTP, được duy trì cho đến khi có lệnh mới.; Ibid. [8561?] [SC.04-HS.8466]; Lê Cung, 2003:311. “Sắc lệnh tuyên bố tình trạng giới nghiêm” trên toàn quốc.
173. Ngày 6/9, ông Nhu biện bạch với một viên chức CIA Mỹ rằng không liên quan gì đến việc ban hành thiết quân luật hay tấn công chùa chiền. Tối ngày 18/8, các Tướng đã yêu cầu Diệm ban hành thiết quân luật. Ngày 19 hay 20/8, Đỗ Cao Trí cũng vào gặp Nhu trình bày một kế hoạch tấn công các chùa và danh sách những người cần bắt mà Trí đã chuẩn bị từ một tháng trước. Nhu chỉ là con dê tế thần trong cuộc khủng hoảng này. Từ sau ngày 21/8, Nhu vẫn theo đuổi chính sách hòa hoãn. Nhân viên CIA có cảm tưởng Nhu dấu diếm sự thực [deception]; FRUS, 1961-1963, IV, Tài liệu 69.
174. VNCH, UBLBĐTACL, Biên bản số 62: Phiên họp của UBLBĐTACL tại Dinh Gia Long ngày 23/8/1963, tr. 6-12; PTT/ICH, HS 8278.
175. PTT/ICH, HS 8511.

176. HS 8530; CD ngày 29/8/1963, Thừa Thiên gửi BNV; HS 8530) Tài liệu Việt Tấn Xã tăng lên 80,000 người “lên án bọn người lợi dụng tôn giáo để đầu cơ chính trị;” HS 8511.
177. CD ngày 29/8/1963, Thừa Thiên gửi BNV; HS 8530.
178. Cao Văn Luận 1972:352-386.
179. Phủ Đặc Ủy Trung Ương Tỉnh Báo, Bản tin đặc biệt ngày 24/8/1963; HS 8513; Nhân 1964a:37, 39.
180. PTT ICH, HS 8501.
181. PTT ICH, HS 8513.
182. HS 8511; Herald Tribune, 24/8/1963; Nhân 1964a:34.
183. Nguyễn văn: “You must go to Saigon fast and tell Diem and the Nhu’s to leave the country now. The people hate them and they shouldn’t stay for the people to kill them. They will surely be killed if they stay, and nobody at the Palace now is telling them how the people really feel. They are cut off from reality. Why do they need power, after nine years of it, if the family is killed? The US told Synman Rhee to leave. Why not Diem and Nhu?” JFK Library, NSF Country File, Vietnam; FRUS, 1961-1963, III:666; William C. Gibbons, *The U.S. Government and the Vietnam War*, 3 vols (Princeton, NJ: Princeton Univ Press, 1993), II:155.
184. FRUS, 1961-1963, IV:114-5. Ngày 5/9/1963, Harriman mới chuyển thư này cho Bundy, Cố vấn ANQG của Kennedy.
185. CD số 896, ngày 23/8/1963, Phnom Penh gửi Paris; CLV, SV, d. 17)
186. Bộ Ngoại Giao Pháp, CD số 4879/83, Đại sứ ở Mỹ gửi BNG; CLV, SV, 17:29.
187. CLV, SV, 17:33.
188. Từ ngày 11/7/1963, cơ quan an ninh Mỹ đã ghi nhận có dấu hiệu là các sĩ quan cao cấp và ngay chính Nhu đang âm mưu đảo chính. Trong hai buổi tiếp xúc với “khoảng 14 Tướng,” kể cả tân Thiếu tướng Đỗ Cao Trí, Tư lệnh QĐ I, Nhu tuyên bố có thể có một cuộc đảo chính nếu Diệm trở thành “nô bộc” của Mỹ [if he believed the government, meaning Diem, was becoming servile to the United States, he himself would lead a coup d’Etat]. Ngày 25/6, chính Nhu cũng nói với một quan sát viên Mỹ như trên. FRUS, 1961-1963, III:490-491. Ngày 13/7, cơ quan CIA báo cáo Đôn tự nhận nằm trong một nhóm âm mưu đảo chính; Ibid., III:491. Ngày 15/7, một cá nhân thuộc nhóm Trần Kim Tuyến tuyên bố sắp có đảo chính, nhưng không trước ngày 20/7. Ngày 16/7, Big Minh nghĩ cần phải có sự thay đổi chính phủ; Ibid., III:491n8.
189. Nolting, 1988:121.
190. FRUS, 1961-1963, III:605.
191. *The Pentagon Papers* (Gravel), II:234.
192. FRUS, 1961-1963, III, tài liệu 275; Chính Đạo, VNNB, IC: 1961-1963, tr. 208, 322-323. Trong hồi ký của McNamara, đoạn nói về Lê Xuân, tương tự như nhận định này. McNamara còn gọi Lê Xuân là “một mụ phù thủy.” Theo cựu Đại tá Phạm Văn Liễu, năm 1954, đài phát thanh Quân Đội Quốc Gia đã phát thanh hầu như mỗi ngày một câu đồng dao: “Nực cười cho họ Ngô Đình, Trai không có vợ, mượn tình em dâu.” Trai không có vợ ám chỉ Ngô Đình Diệm, và “em dâu” là Lê Xuân; Trả Ta Sông Núi (Houston: Văn Hóa, 2001), tập I, tr. 310.
193. FRUS, 1961-1963, III, Tài liệu 174, 273.
194. FRUS, 1961-1963, III:607-610.
195. FRUS, 1961-1964, IV:175.

Chính Đạo (9/2003 – 8/5/2008)



<http://www.hopluu.net/default.aspx?LangID=0&tabId=445&ArticleID=250>]

0000 () 0000

Mục tiêu công bằng xã hội nhìn từ phong trào Phật giáo miền Nam năm 1963

Lê Cung

Công bằng xã hội đã được Đức Thế Tôn khẳng định như là một quy luật xã hội, cô đọng lại trong lời dạy nổi tiếng, mang tính vượt thời gian: **“Không có đẳng cấp trong dòng máu cùng đỏ, không có đẳng cấp trong giọt nước mắt cùng mặn”**.

Từ khi quy ngưỡng giáo lý Phật đà cách đây hai ngàn năm, người Phật tử Việt Nam qua bao thế hệ không chỉ hằng mơ ước mà đã xả thân cho mục tiêu công bằng xã hội, trong đó phong trào Phật giáo miền Nam Việt Nam năm 1963 được xem như là một trong những sự kiện lịch sử tiêu biểu nhất.

Ngay từ khi phong trào bắt đầu (7-5-1963), Phật giáo Việt Nam đã đặt vấn đề công bằng xã hội một cách cụ thể:

Về mục tiêu: *“Bình đẳng và tự do cho tín ngưỡng Phật giáo (trong phạm vi nhân quyền);*

Về đối tượng: *“Chỉ phản đối chính sách bất công, không coi Chính phủ, nhất là không coi Thiên Chúa giáo là kẻ đối lập”⁽¹⁾.*

Từ chủ trương đó, trong cuộc rước Phật từ chùa Diệu Đế về chùa Từ Đàm (Huế) vào sáng ngày 8-5-1963, Tăng Ni và Phật tử đã đưa cao các biểu ngữ: *“Cờ Phật giáo quốc tế không thể bị triệt hạ”, “Phật giáo đồ chỉ ủng hộ chính sách bình đẳng tôn giáo”, “Yêu cầu Chính phủ thi hành chính sách tôn giáo bình đẳng”, “Phản đối chính sách bất công gian ác”...*

Tối 8-5-1963, chính quyền Ngô Đình Diệm mở cuộc đàn áp đẫm máu tại Đài Phát thanh Huế làm 8 Phật tử bị thiệt mạng và nhiều người bị thương. Trước thảm cảnh tang thương đó, ngày 10-5-1963, trong cuộc meeting tại chùa Từ Đàm (Huế), giới lãnh đạo Phật giáo đã công bố *“Bản Tuyên ngôn của Tăng, tín đồ Phật giáo Việt Nam”*, gồm năm nguyện vọng với nội dung chủ yếu là đòi chính quyền Ngô Đình Diệm thực thi công bằng xã hội:

1. *Yêu cầu Chính phủ Việt Nam Cộng hòa thu hồi vĩnh viễn Công điện triệt giáo kỳ của Phật giáo.*
2. *Yêu cầu Phật giáo phải được hưởng quy chế đặc biệt như các Hội truyền giáo Thiên Chúa đã được ghi trong Dự số 10.*
3. *Yêu cầu Chính phủ chấm dứt tình trạng bắt bớ, khủng bố tín đồ Phật giáo.*
4. *Yêu cầu cho Tăng, tín đồ Phật giáo được tự do truyền đạo và hành đạo.*

5. Yêu cầu Chính phủ đền bồi một cách xứng đáng cho những kẻ bị giết oan vô tội và kẻ chủ mưu giết hại phải đền bồi đúng mức”.

Tuyên ngôn khẳng định quyết tâm đấu tranh của Tăng, tín đồ Phật giáo miền Nam: *“Những điểm trên đây là nguyện vọng tối thiểu và thiết tha nhất của toàn thể Tăng, tín đồ Phật giáo trong cả nước. Chúng tôi sẵn sàng hy sinh cho đến lúc nào những nguyện vọng hợp lý trên đây được thực hiện”*⁽²⁾.

Tuy nhiên, với bản chất giáo phiệt, chính quyền Ngô Đình Diệm đã xem thường những yêu sách về công bằng xã hội mà Phật giáo đòi hỏi và tin rằng mọi phong trào sẽ bị dập tắt. Khi linh mục Cao Văn Luận, Viện trưởng Viện Đại học Huế, một người thân tín với chế độ và gia đình họ Ngô lên tiếng can ngăn: *“Chính quyền nên mềm dẻo, khéo léo hơn một chút”*, Giám mục Ngô Đình Thục (anh ruột Diệm) cai quản địa phận Huế trả lời rằng: *“Phong trào quần chúng bất quá như ngọn lửa rom, bùng lên, bùng lên một chốc rồi tắt ngay, có chi mà sợ”*⁽³⁾.

Chính sách bạo trị của chính quyền Ngô Đình Diệm khiến cho phong trào Phật giáo từ Huế nhanh chóng lan rộng ra khắp miền Nam. Ngày 9-5-1963, tại Sài Gòn, dưới hình thức một *“Lá tâm thư”*, gửi toàn thể Tăng, tín đồ, giới lãnh đạo Phật giáo đã vạch trần chính sách bất công của chính quyền Ngô Đình Diệm trong suốt 9 năm thống trị, rằng: *“Phật tử chúng ta (cả xuất gia và tại gia) có nơi bị chôn sống, bị vu khống, bị tù đầy, bị thiên cư, bị nhục mạ, ngày nay lại thêm cái tát đau đớn nữa là lá cờ Phật giáo quốc tế - linh hồn của Phật giáo - bị hủy bỏ ngay ngày kỷ niệm Đấng Giáo chủ của chúng ta, đến nỗi cuộc hy sinh vì đạo đã phải diễn ra tại Huế”*; đồng thời kêu gọi *“toàn thể Phật giáo đồ, không phân biệt xuất gia hay tại gia, người Việt hay ngoại kiều, hễ ai còn nhiệt huyết vì đạo, chúng ta hãy tự bình tĩnh, luôn luôn muốn người như một, sẵn sàng bảo vệ đạo, chết vì đạo”*⁽⁴⁾.

Ngày 14-5-1963, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam ra tuyên bố, vạch rõ: *“Cuộc đàn áp đẫm máu của chính quyền phát-xít Mỹ - Diệm đối với đồng bào tay không ngày 8-5 tại Huế là một hành động tội ác tày trời không thể tha thứ được đối với nhân dân ta nói chung và đối với đồng bào theo đạo Phật nói riêng... Cuộc đàn áp đẫm máu lần này đã bóc trần lời của Mỹ - Diệm vẫn thường vỗ ngực tự xưng là hữu thần, là tôn trọng tự do tín ngưỡng, và nhất định sẽ càng nung nấu thêm lòng căm thù và chí kiên quyết tiêu diệt chúng của tín đồ các tôn giáo ở miền Nam Việt Nam”*⁽⁵⁾.

Ở miền Bắc, xã luận báo *Nhân Dân* (15-5-1963) đã lên tiếng ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa của Tăng, tín đồ Phật giáo miền Nam. Bài xã luận viết: *“Cuộc đấu tranh của đồng bào theo đạo Phật và các tầng lớp đồng bào khác ở Huế là một cuộc đấu tranh chính nghĩa được nhân dân cả nước ủng hộ. Nhân dân miền Bắc vô cùng khâm phục tinh thần đấu tranh bất khuất của đồng bào Huế được sự ủng hộ của các tầng lớp rộng rãi ở miền Nam. Chúng ta tin chắc rằng cuộc đấu tranh bền bỉ và anh dũng của đồng bào Huế và toàn thể miền Nam mặc dù trải qua nhiều khó khăn, gian khổ nhưng nhất định sẽ giành được thắng lợi cuối cùng”*⁽⁶⁾.

Ngày 23-5-1963, để giải thích rõ ràng, cụ thể năm nguyện vọng, giới lãnh đạo Phật giáo Việt Nam cho công bố bản Phụ đính của *“Bản Tuyên ngôn ngày 10-5-1963”*, trong đó khẳng định lại một lần nữa mục tiêu cuộc vận động: *“Tranh đấu cho lý tưởng công bình, chứ không phải tranh đấu với tư cách một tôn giáo chống một tôn giáo”*⁽⁷⁾. Và *“để cho những nguyện vọng tối thiểu và hoàn toàn thuộc phạm vi tín ngưỡng ghi trong bản Tuyên ngôn và bản Phụ đính của chúng tôi được thấu hiểu và chấp nhận”*⁽⁸⁾, bằng phương pháp bất bạo động, Phật giáo tổ chức cuộc tuyệt thực 48 giờ đồng hồ trên khắp miền Nam bắt đầu từ 14 giờ 30 ngày 30-5-1963.

Chiều ngày 1-6-1963, sau cuộc tuyệt thực 48 giờ đồng hồ của các cấp lãnh đạo Phật giáo, chính quyền Ngô Đình Diệm vẫn *“án binh bất động”* trước các nguyện vọng của Phật giáo, đích thân Hòa thượng Thích Tịnh

Khiết, người lãnh đạo tối cao cuộc vận động của Phật giáo Việt Nam, tuyệt thực. Trước lúc bắt đầu tuyệt thực, trong một diễn từ, Ngài đã vạch trần chính sách áp bức Phật giáo của chính quyền Ngô Đình Diệm: *“Trong một tài liệu chính thức cho công chức học tập, Tổng thống đã tuyên bố 80% dân tộc là Phật giáo... Ấy vậy mà ngày nay năm nguyện vọng chân chính của 80% ấy không được đếm xỉa, Phật giáo của 80% ấy coi như không có, không nói với, như thế là cái chính sách bất công đã gần trở thành chủ trương hủy bỏ Phật giáo”. Vì vậy, đối với Tăng Ni, “cuộc tuyệt thực này sẽ diễn ra với ý chí một mất một còn đối với năm nguyện vọng chân chính của Phật giáo Việt Nam”⁽⁹⁾.*

Ngày 2-6-1963, sinh viên Huế hưởng ứng cuộc vận động vì mục tiêu công bằng xã hội của Phật giáo. Trong ngày này, bằng một khấn điện gửi cho Ngô Đình Diệm, đoàn sinh viên Phật tử Huế và một số sinh viên Phật tử Sài Gòn có mặt tại Huế yêu cầu Ngô Đình Diệm mau chóng giải quyết năm nguyện vọng của Phật giáo và *“thệ nguyện đem tánh mạng của mình để hiến cho năm nguyện vọng của Phật giáo liên hệ đến lý tưởng tự do bình đẳng”⁽¹⁰⁾.* “Thệ nguyện” đó đã biểu hiện cụ thể vào sáng ngày 3-6-1963, khi 500 sinh viên Huế biểu tình trước Trụ sở “Đại biểu Chính phủ” miền Bắc Trung nguyên Trung phần mặc cho chính quyền Ngô Đình Diệm tiến hành đàn áp dữ dội. Trong lúc đó, quần chúng Phật tử khắp nơi đổ về chùa Từ Đàm tiếp tục cuộc đấu tranh, đã bị chính quyền Ngô Đình Diệm bao vây, phong tỏa bằng những thủ đoạn hèn hạ như cắt điện nước, không cho tiếp tế thuốc men, lương thực, thực phẩm.

Tại Sài Gòn, cuộc hội đàm giữa Ủy ban Liên phái bảo vệ Phật giáo và Ủy ban Liên bộ (của Diệm) không đem lại kết quả. Chính quyền Ngô Đình Diệm càng trở nên ngoan cố hơn trước những nguyện vọng của Phật giáo. Cuộc đấu tranh vì mục tiêu công bằng xã hội của Phật giáo Việt Nam đang đứng trước tình thế *“ngàn cân treo đầu sợi tóc”*. Trong tình hình đó, giới lãnh đạo Phật giáo buộc phải chấp nhận hạnh nguyện tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức, bởi lẽ *“nếu kéo quá dài các cuộc rước linh và tuyệt thực một cách nhằm chán thì phong trào đấu tranh tự nó cũng bị xếp vì thiếu những hình thức mới mẻ, gây xúc động mạnh nuôi dưỡng”⁽¹¹⁾.*



Ngày 11-6-1963, Hòa thượng Thích Quảng Đức đã anh dũng tự thiêu giữa đường phố Sài Gòn trước sự chứng kiến của hàng chục vạn Tăng Ni, Phật tử cùng nhiều quan sát viên, báo chí quốc tế. Trong các bút tích để lại, Hòa thượng Thích Quảng Đức đã nói rõ hạnh nguyện tự thiêu của Ngài là nhằm đẩy lùi bất công nhằm xây dựng công bằng xã hội.

*“Vì sự bất công tôi thiêu xác
Khởi hồn nguyện độ cảnh hàm oan”**.

Hoặc:

*“Khởi thom cảnh tỉnh bao người ác
Tro trắng phẳng san hố bất bình”**.

Đấu tranh vì mục tiêu công bằng xã hội ở Hòa thượng Thích Quảng Đức chứa đựng một tinh thần vị tha cao cả, rộng lớn của giáo lý Phật giáo: *“Trước khi nhắm mắt về cảnh Phật, tôi trân trọng kính gửi lời cho Tổng thống Ngô Đình Diệm, nên lấy lòng bác ái từ bi đối với quốc dân, hãy thi hành chính sách bình đẳng tôn giáo để nước nhà vững yên muôn thuở”⁽¹²⁾.*

Tinh thần vị tha cao cả của Phật giáo là bất phân ly với tinh thần dũng mãnh như Hòa thượng Thích Quảng Đức khẳng định:

*“Đã mang danh thể con dòng Thích
Bi, Trí, Hùng sao chẳng đem ra”**.

Ngày 20-7-1963, Thành hội Phật giáo Hà Nội dựng tháp Ấn Quang tại chùa Hòe Nhại để ghi công đức xả thân hộ pháp của Hòa thượng Thích Quảng Đức. Bài minh trong tháp đã nhấn mạnh đến hạnh nguyện của Ngài:

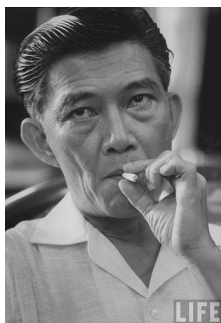
*“Bể khổ lấp bằng là đại nguyện
Từ bi bao quản mọi hy sinh”⁽¹³⁾.*

Vị tha, cao cả và dũng mãnh của Phật giáo đã làm cho *“cái chết vô úy của Hòa thượng Quảng Đức là một hồi chuông cảnh tỉnh cho mọi người, một tiếng gọi đàn cho hàng tử chúng”⁽¹⁴⁾*. Và *“Ánh của vị Hòa thượng Việt Nam Thích Quảng Đức ngời trong ngọn lửa được đăng trên hầu hết các báo khắp năm châu, với những dòng chữ nói lên sự khâm phục”⁽¹⁵⁾*.

Sau cuộc tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức, dường như công bình xã hội xét trên lãnh vực tôn giáo, tín ngưỡng được chính quyền Ngô Đình Diệm thừa nhận qua việc ký kết Thông cáo chung với Phật giáo ngày 16-6-1963, trong đó thỏa mãn năm nguyện vọng mà Phật giáo đã đề ra trong Tuyên ngôn ngày 10-5-1963. Cuộc vận động của Phật giáo đi vào hòa hoãn, chờ đợi chính quyền Ngô Đình Diệm thực thi Thông cáo chung. Trong Thông bạch gửi toàn thể Tăng Ni, Phật tử ngày 17-6-1963, Hòa thượng Thích Tịnh Khiết, lãnh đạo tối cao Ủy ban Liên phái bảo vệ Phật giáo, viết: *“Một điều quan trọng mà tất cả Tăng Ni và Phật tử thắc mắc tự hỏi: Liệu những lời cam kết được ghi trong Thông cáo này có được thực thi đúng đắn khắp nơi trong nước hay không? Điều đó còn đợi thời gian trả lời, tuy nhiên chúng ta tin tưởng ở lời tuyên bố của Tổng thống và Ủy ban Liên bộ, nếu những cam kết không được thực thi đúng thì đó không phải là trách nhiệm của chúng ta”*. Cũng trong Thông bạch này, Hòa thượng Thích Tịnh Khiết báo tin cho toàn thể Tăng Ni, Phật tử biết về những kết quả đạt được trong Thông cáo chung và kêu gọi họ *“hãy trở lại nếp sống bình thường, thành tâm cầu nguyện cho bản Thông cáo chung, một văn kiện được cam kết long trọng giữa Chính phủ và Phật giáo được thi hành nghiêm chỉnh”⁽¹⁶⁾*.

Sách lược hòa hoãn của giới lãnh đạo Phật giáo đã làm cho nhiều người *“nóng nảy”* bất bình. Họ cho rằng giới lãnh đạo Phật giáo chỉ dùng mục tiêu của phong trào ở việc thỏa mãn năm nguyện vọng chứ không vươn tới các mục tiêu tự do dân chủ, công bằng xã hội. Để cho quần chúng khỏi ngộ nhận về mục tiêu của phong trào, trong lần giải thích về nội dung Thông cáo chung vào ngày 23-6-1963 tại chùa Xá Lợi (Sài Gòn), giới lãnh đạo Phật giáo đã chỉ ra rằng: *“Có người đi tới chỗ cho rằng các nhà lãnh đạo Phật giáo đã bị mua chuộc”*. Về nguyện vọng của quần chúng, giới lãnh đạo Phật giáo khẳng định: *“Có bình đẳng tôn giáo sẽ có bình đẳng về mọi mặt. Bình đẳng tôn giáo chẳng phải là thực chất thiết yếu của dân chủ, tự do ư? Phật giáo Việt Nam đã hiểu rõ nhu cầu của dân tộc và đặt cuộc vận động trong cuộc đấu tranh của dân tộc”⁽¹⁷⁾*.

Về phía chính quyền Ngô Đình Diệm, việc ký kết Thông cáo chung chỉ là một kế hoãn binh, một sự nhượng bộ tạm thời để tiến đến một cuộc đàn áp đại quy mô nhằm đè bẹp phong trào Phật giáo. Điều này được tiết lộ trong một bức Điện mật mang số 1342/VP/TT ngày 19-6-1963 của Văn phòng Phủ Tổng thống đánh đi cho đại biểu Chính phủ các miền, các Tư lệnh vùng, nguyên văn như sau: *“Để tạm thời làm dịu tình hình và khí thế đấu tranh quá quyết liệt của bọn Tăng Ni và Phật giáo phản động, Tổng thống và ông Cố vấn ra lệnh phải tạm thời nhún nhường họ. Một kế hoạch đối phó thích nghi sẽ gửi đến sau. Ngay từ bây giờ hãy chuẩn bị dư luận cho giai đoạn tấn công mới. Hãy theo dõi điều tra thanh trừng những phần tử Phật giáo bất mãn và trình thượng cấp kể cả sĩ quan và công chức cao cấp”⁽¹⁸⁾*. Trong cuộc họp với 18 tướng tá vào đầu tháng 7-1963, Ngô Đình Nhu (em ruột Diệm) nói: *“Nếu Chính phủ này không giải quyết vấn đề Phật giáo, nó sẽ bị lật đổ vì một cuộc đảo chính quân sự”⁽¹⁹⁾*. Theo Nhu *“bất cứ Chính phủ nào thay thế Chính phủ này trước hết phải đập tan những người Phật giáo”⁽²⁰⁾*.



Ngô Đình Nhu

Quan điểm chính trị trên đây của Ngô Đình Nhu đã dẫn đến những vi phạm Thông cáo chung của chính quyền Ngô Đình Diệm, nghĩa là công bằng xã hội trên lãnh vực tôn giáo, tín ngưỡng vừa được thừa nhận bằng văn bản đã bị xé bỏ, khiến phong trào Phật giáo nhanh chóng phục hồi trở lại. Những cuộc biểu tình, tuyệt thực, văn thư phản kháng chính quyền Ngô Đình Diệm liên tục diễn ra. Ngày 30-7-1963, nhân Lễ Chung thất của Hòa thượng Thích Quảng Đức, giới lãnh đạo Phật giáo đã ra thông bạch vạch rõ thực trạng của xã hội miền Nam dưới chế độ Diệm: “... sự suy sụp của nền đạo đức dân tộc... nền đạo giáo vẫn bị hăm dọa, quốc gia lâm vào tình trạng chia rẽ đổ nát, người làm kẻ hưởng, nổi bất bình oan khốc không sao kể xiết”⁽²¹⁾.

Tiếp theo, ngày 1-8-1963, giới lãnh đạo Phật giáo đánh điện cho Tổng thống Kennedy, phản đối việc Đại sứ Mỹ Nolting cho rằng ở “Việt Nam Cộng Hòa” không có kỳ thị tôn giáo. Bức điện viết: “Thay mặt toàn thể Phật giáo đồ miền Nam Việt Nam, chúng tôi cực lực phản đối cùng Tổng thống lời tuyên bố của ông Đại sứ Nolting qua Hãng Thông tấn UPI cho rằng không có kỳ thị tôn giáo và ngược đãi Phật giáo ở miền Nam Việt Nam.

Chúng tôi nghĩ rằng dân chúng Hoa Kỳ phải thấu rõ nỗi phần uất của Phật giáo đồ đến tám mươi phần trăm dân số.

Lời tuyên bố của ông Nolting không phù hợp với sự thật luôn cả với sự hiểu biết và thiện chí của người Hoa Kỳ”⁽²²⁾.

Trong nửa đầu tháng 8-1963 đã có thêm 4 nhà sư nữa tự thiêu để phản đối sự lật lọng của chính quyền Ngô Đình Diệm không chịu thi hành Thông cáo chung. Tiếp theo, hầu hết giảng viên Viện Đại học Huế từ chức và nghỉ việc; trong lúc đó, dư luận khắp nơi trên thế giới, không phân biệt chế độ chính trị, đều hướng về cuộc đấu tranh vì mục tiêu công bằng xã hội của Phật giáo và lên án gay gắt chế độ Ngô Đình Diệm, một chế độ mà đặc điểm “là hối mại quyền thế, gia đình trị, tham nhũng, khinh miệt thuộc hạ và tàn nhẫn với những đòi hỏi của nhân dân”⁽²³⁾.

Để cứu nguy cho chế độ, đêm 20 rạng ngày 21-8-1963, chính quyền Ngô Đình Diệm tiến hành “Kế hoạch nước lũ” tấn công hầu hết các ngôi chùa dùng làm trụ sở đấu tranh, bắt giữ hầu hết giới lãnh đạo Phật giáo. Bằng hành động dã man này, chế độ Ngô Đình đã “thực sự giẫm trúnng vô chuối do Phật giáo quăng ra”, đã tự chọn cho mình một tuyệt lộ.

Thật vậy, sau “Kế hoạch nước lũ”, phong trào Phật giáo phát triển sâu rộng trong mọi tầng lớp nhân dân. Những ngày sau 21-8-1963, cả thành phố Sài Gòn rung động, nhiều bộ trưởng, khoa trưởng, giáo sư đại học từ chức; sinh viên bãi khóa, bỏ thi. Đầu tháng 9-1963, cuộc vận động lan sang các trường trung học. Học sinh Sài Gòn bãi khóa, biểu tình, đánh trả sự đàn áp của cảnh sát Diệm. Nhiều đoàn thể được gấp rút thành

lập, nhập cuộc tham gia đấu tranh chống chính quyền Ngô Đình Diệm, như Đoàn Thanh niên cứu nguy Phật giáo, Đoàn Thanh niên Quốc Tuệ, Việt Nam Thanh niên Ái quốc đoàn, Thanh niên Tăng đoàn Việt Nam. Lời kêu gọi của Đoàn Thanh niên Quốc Tuệ viết: *“Gia đình họ Ngô chẳng từ một hành động tàn bạo nào! Chúng bất chấp dư luận, bất chấp lời phản đối của nhân dân trong nước và thế giới. Chúng đã bị vinh hoa phú quý che mờ mắt lương tri và không còn lấy một chút đạo đức sơ đẳng của con người.*

Thậm chí phá chùa, bắt sư, xả súng vào các đoàn biểu tình là một hành động man rợ chưa từng có trong lịch sử loài người.

Các bạn thanh niên, học sinh và đồng bào!

Giờ phút lịch sử đã đến.

Tất cả chúng ta hãy kết khối vùng lên, hô to khẩu hiệu:

“Chiến đấu! Chiến đấu! Quét sạch chế độ bạo tàn”⁽²⁴⁾.

Trong điều kiện lưới mật vụ của Diệm giăng ra dày đặc, phong trào quần chúng chống chính quyền Ngô Đình Diệm vẫn tiếp tục diễn ra, như ở Sài Gòn, các bà mẹ đã lấy bong bóng kết theo những biểu ngữ mang nội dung chống Diệm thả lên không trung; hoặc là những tấm áp phích hý họa mô tả chế độ độc tài gia đình trị Ngô Đình Diệm; hoặc ở chợ Bến Thành có hình thức thả khí mang tên những anh em gia đình họ Ngô,... Ngày 5-10-1963, nhà sư Thích Quảng Hương tự thiêu trước chợ Bến Thành. Tất cả cho thấy trước sự khủng bố ác liệt của chính quyền Ngô Đình Diệm, cuộc vận động vì mục tiêu công bằng xã hội của Phật giáo Việt Nam vẫn kiên trì, không chịu lùi bước.

Trên bình diện quốc tế, cuộc vận động của Phật giáo Việt Nam vì mục tiêu công bằng xã hội đã thu hút sự chú ý của hầu hết mọi quốc gia, mọi tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức tôn giáo. Ngay cả Mỹ, tác giả của việc thiết kế và nuôi dưỡng chính quyền *“Việt Nam Cộng Hòa”* cũng phản đối Diệm tấn công chùa. Điều này tỏ rõ trong Điện văn ngày 24-8-1963 của Nhà Trắng gửi cho Cabodge Lodge, Đại sứ Mỹ tại Sài Gòn: *“Cố vấn Ngô Đình Nhu chịu trách nhiệm về vụ tấn công dân áp chùa chiền. Đại sứ Hoa Kỳ phải minh danh: Chính lực lượng đặc biệt của ông Nhu chứ không phải quân đội tham dự... Hoa Kỳ không thể tha thứ tình trạng quyền hành nằm trong tay Ngô Đình Nhu. Tổng thống Ngô Đình Diệm được dành một cơ hội để loại trừ Ngô Đình Nhu và tay chân, phải thay thế họ bằng những nhân vật quân sự và chính trị có khả năng nhất... Nếu Tổng thống Diệm còn ngoan cố, thì chúng ta (chính quyền Mỹ) sẽ đi tới chỗ không thể tiếp tục ủng hộ ông ta nữa. Ông đại sứ có thể loan báo cùng các vị tư lệnh quân sự liên hệ rằng: Chúng ta sẽ trực tiếp yểm trợ cho họ trong mọi trường hợp tạm thời gián đoạn của một chính quyền trung ương”⁽²⁵⁾.* Tới ngày 2-9-1963, Tổng thống Kennedy tuyên bố: *“Bằng việc thay đổi chính sách và thay đổi cả người nữa, có thể giành được thắng lợi ở Việt Nam”⁽²⁶⁾.*

Về phía Liên Hiệp Quốc, ngày 28-6-1963, lần đầu tiên bình luận về vụ rắc rối giữa Phật giáo và chính quyền Ngô Đình Diệm, Tổng Thư ký Liên hiệp quốc U Thant cho rằng ông đã yêu cầu Ngô Đình Diệm *“giải quyết vấn đề trong tinh thần hòa bình, công lý và hiểu biết”⁽²⁷⁾.*

Tới ngày 7-10-1963, trong phiên họp của Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc, đại biểu Sri Lanka đã tố cáo mạnh mẽ chính quyền Ngô Đình Diệm đàn áp Phật giáo miền Nam và vi phạm nhân quyền. Trong một bài thuyết trình dài, đại biểu Sri Lanka đã nêu lên các điểm chủ yếu sau:

“Đã từ lâu Phật giáo thế giới quan tâm đến tình trạng bị bạc đãi của Phật giáo Việt Nam và đã thường xuyên theo dõi vấn đề này.

Sri Lanka đã cùng với các nước Á, Phi chuẩn bị kỹ càng trước lúc đưa vụ này ra Liên Hiệp Quốc, đặc biệt là đã nghe lời biện hộ của chính quyền Ngô Đình Diệm.

Họ nêu trách nhiệm của Mỹ và cho rằng nếu Mỹ không bảo được ông Diệm thì phải cắt viện trợ cho chính thể Diệm và rút về”⁽²⁸⁾.

Cũng trong phiên họp này, Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc đồng ý cử một phái đoàn sang miền Nam Việt Nam để điều tra “*Vụ Phật giáo*”; và ngày 24-10-1963, Phái đoàn Liên Hiệp Quốc đến miền Nam. Đây được xem như là điểm nút cuối cùng buộc Mỹ gấp rút thủ tiêu bị cáo, tức chính quyền Ngô Đình Diệm, mà phải thủ tiêu trước lúc Liên Hiệp Quốc tái nhóm để xét về tờ trình của phái đoàn điều tra, khiến cho cuộc đảo chính lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm nhanh chóng diễn ra. Lúc 9 giờ 30 ngày 1-11-1963, Lodge và cả Đô đốc Felt giả vờ ghé thăm Diệm, với ý đồ cầm chân Diệm trong Dinh Gia Long cho phe đảo chính dễ dàng hành động. Đúng 11 giờ 30, khi Lodge và cả Đô đốc Felt vừa rời Dinh Gia Long, cuộc đảo chính diễn ra, anh em Diệm - Nhu bị quân đảo chính giết chết. Chế độ độc tài gia đình trị, giáo trị Ngô Đình Diệm sau 9 năm thống trị miền Nam sụp đổ, cuộc vận động vì mục tiêu công bình xã hội của Phật giáo Việt Nam năm 1963 kết thúc.

Từ cuộc vận động vì mục tiêu công bằng xã hội của phong trào Phật giáo năm 1963 như đã trình bày ở trên, có thể rút ra một số nhận thức sau:

Một là, kết quả cuộc vận động vì mục tiêu công bằng xã hội của phong trào Phật giáo năm 1963 không chỉ đơn thuần cứu nguy riêng cho Phật giáo, trên thực tế nó đã góp phần hết sức quan trọng trong việc phá bỏ cái thảm họa “*chín năm máu lửa*” dưới chế độ độc tài gia đình trị, giáo trị Ngô Đình Diệm đã tròng lên đầu lên cổ một “*nửa dân tộc Việt Nam*”. Lập luận này lý giải tại sao cuộc vận động khởi đầu từ nhà chùa song đã nhanh chóng vượt khỏi ranh giới đơn thuần tôn giáo mà hình thành một phong trào yêu nước rộng rãi trong toàn dân, thu hút hầu hết mọi tầng lớp xã hội tham gia, được sự ủng hộ rộng rãi của dư luận thế giới, hình thành một sức mạnh tổng hợp để đẩy lùi chế độ bạo trị Ngô Đình Diệm.

Hai là, với cuộc vận động vì mục tiêu công bằng xã hội của Phật giáo Việt Nam 1963, lần đầu tiên trong lịch sử dân tộc, phương pháp “*bất bạo động*” (nắm lấy chân lý mà hành động - Satyagraha) đã được giới lãnh đạo Phật giáo Việt Nam chọn làm phương pháp đấu tranh. Bất bạo động chủ trương lấy tình thương xóa bỏ hận thù nên không đánh trước và cũng không đánh lại kẻ đã đánh mình. Bất bạo động là tự đem chính bản thân mình làm gương mẫu mà giác ngộ kẻ đã tự cho là thù địch với mình để cho kẻ ấy tự ý mà từ bỏ mọi tư tưởng và hành động bạo động. Vì thế, bất bạo động đòi hỏi sẵn sàng “*chấp nhận một sự hy sinh đến cùng độ và lấy sự hy sinh đó để rung chuyển đến tận lòng người chứ không phải rung chuyển chính sách mà thôi*”⁽²⁹⁾. Chính sự “*rung chuyển đến tận lòng người*” ấy mà chế độ bạo trị Ngô Đình Diệm với bản chất độc tài, giáo trị bị đánh đổ không do chính bàn tay của Phật giáo thực hiện.

Ba là, cuộc vận động vì mục tiêu công bằng xã hội của Phật giáo Việt Nam 1963 là một sự kiện lịch sử - văn hóa có tầm vóc lớn lao. Đối với chính bản thân Phật giáo Việt Nam, “*có thể nói rằng từ sau thời đại Lý - Trần đến nay, trong nhiệm vụ phục vụ Dân tộc và Đạo pháp, chưa có sự kiện nào có quy mô và có tiếng vang rộng lớn như phong trào Phật giáo miền Nam năm 1963*”⁽³⁰⁾. Đối với đất nước, cuộc vận động “*bước đầu góp phần làm phá sản chính sách can thiệp của Mỹ ở Việt Nam, tạo đà cho phong trào cách mạng miền Nam đi đến thắng lợi trọn vẹn trong Đại thắng mùa Xuân 1975*”⁽³¹⁾. Tình hình chính trường và chiến trường miền Nam sau cuộc đảo chính lật đổ Diệm (1-11-1963) đã chứng minh cho nhận định này. Vì vậy, phong trào Phật giáo năm 1963 “*đã ghi đậm nét trong lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân miền Nam*”⁽³²⁾ là điều không có gì làm chúng ta ngạc nhiên.

Cước chú:

- (1) Thích Trí Quang, *Cuộc vận động của Phật giáo Việt Nam*, Tuần báo Hải Triều âm, số 2, ngày 30-4-1964, tr.5.
- (2) Bản Tuyên ngôn của Tăng, tín đồ Phật giáo Việt Nam (10-5-1963). Trung tâm lưu trữ Quốc gia II. Ký hiệu tài liệu: SC.04-HS.8352.
- (3) Cao Văn Luận. *Bên dòng lịch sử*. Nxb.Trí Dũng, Sài Gòn, 1972, tr.315.
- (4) Lê Cung. *Phong trào Phật giáo miền Nam Việt Nam năm 1963 (in lần thứ ba)*. Nxb.Thuận Hóa, Huế, 2005, tr.168.
- (5) Trần Văn Giàu. *Miền Nam giữ vững thành đồng*, Tập II. Nxb. Khoa học, Hà Nội, 1966, tr.227.
- (6) *Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước vĩ đại*, Tập II (1961-1965). Nxb. Sự Thật, Hà Nội, tr.131.
- (7) Trung tâm lưu trữ Quốc gia II. Ký hiệu tài liệu: SC.04-HS.8352.
- (8) Quốc Tuệ. *Cuộc đấu tranh của Phật giáo Việt Nam*. Tác giả xuất bản, Sài Gòn, 1964, tr.78.
- (9) *Diễn từ của Hòa thượng Thích Tịnh Khiết*, Hội chủ Tổng hội Phật giáo Việt Nam. Hồ sơ lưu tại chùa Từ Đàm, Huế.
- (10) Lê Cung, *Sđd.*, tr.188.
- (11) Nguyễn Khải. *Sự già chùa Thắm và ông Đại tá về hưu*. Báo Lao Động, số 24, ngày 25-3-1993. * Dẫn theo các bài kệ của Hòa thượng Thích Quảng Đức viết trước lúc tự thiêu.
- (12) Lời nguyện tâm huyết của Hòa thượng Thích Quảng Đức trước lúc tự thiêu.
- (13) Thích Bảo Nghiêm. *Các thiền sư giúp dân dựng nước trong lịch sử Phật giáo Việt Nam*. Tạp chí Nghiên cứu Phật học, số đặc biệt, Tháng 1-1991, tr.55.
- (14) *Diễn từ của Hoà thượng Thích Tịnh Khiết*, Hội chủ Tổng hội Phật giáo Việt Nam, sau lễ hỏa thiêu nhục thân của Hoà thượng Thích Quảng Đức. Hồ sơ lưu tại chùa Từ Đàm.
- (15) Trần Văn Giàu, *Sđd.*, tr.142.
- (16) Quốc Tuệ, *Sđd.*, tr.143-144.
- (17) Tâm Phong. *Nhớ lại cuộc vận động của Phật giáo*. Tuần báo Hải Triều âm, số 18, ngày 24-8-1963, tr.10.
- (18) Nam Thanh. *Cuộc đấu tranh của Phật giáo Việt Nam*. Viện Hóa đạo xuất bản, Sài Gòn, 1964, tr.26.
- (19) Jerrold Scheter. *The New Face of the Buddha*. John Weatherhill, Tokyo, 1967, tr.197.
- (20) Jerrold Scheter, *Sđd.*, tr.182,
- (21) Quốc Tuệ. *Công cuộc đấu tranh của Phật giáo Việt Nam*. Tác giả xuất bản, Sài Gòn, 1964, tr.202.
- (22) Hồ sơ lưu tại chùa Từ Đàm, Huế.
- (23) Đỗ Đức Thái. *Thảm họa Việt Nam (Chính trường và chiến trường 1954-1975)*. Nxb. Mùa Thu, Chicago, Illinois, 1985, 118.
- (24) Quốc Tuệ, *sđd.*, tr.443-444.
- (25) Kiêm Đạt. *Chiến tranh Việt Nam*. Chiến tranh Việt Nam. Nxb.Đại Nam, Chicago Illinois, USA, 1992, tr. 227-228.
- (26) Hồng Chuyên. *Từ lâu, Mỹ đã chuẩn bị đảo chính quân sự để thay Diệm*. Báo Nhân Dân, ngày 3-11-1963.
- (27) *Tin thế giới về cuộc đấu tranh của Phật giáo Việt Nam*, ngày 12-7-1963. Hồ sơ lưu tại chùa Từ Đàm, Huế.
- (28) Tâm Phong, *Nhớ lại cuộc vận động của Phật giáo*, Tuần báo Thiện Mỹ, số 1, ngày 27-10-1964, tr.12.
- (29) *Bản Phụ đính, Tài liệu đã dẫn*.
- (30) Lê Cung. *Về phong trào Phật giáo Sài Gòn năm 1963*, trong “Hội thảo khoa học 300 năm Phật giáo Gia Định - Sài Gòn - TP.HCM. Nxb. TP.HCM, 2002, tr.143.
- (31) Lê Cung. *Bàn về “phong trào Phật giáo miền Nam Việt Nam năm 1963” trong giáo trình “Lịch sử Việt Nam hiện đại” ở bậc đại học và cao đẳng*. Tạp chí Nghiên cứu lịch sử, số 1 (369), 2007, tr.70.
- (32) *Những Văn kiện chủ yếu của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam*. Nxb. Sự Thật, Hà Nội, 1964, tr.64.

Phù Đồng 63

(Để nhớ tất cả những vị khách bất đắc dĩ
của Hội Trường Nha Công An Trung Nguyên Trung Phần kể từ sáng ngày 21.8.1963)

Hoàng Nguyên Nhuận

Qua cuộc đấu tranh chống lại chế độ nhà Ngô năm 1963, Phật giáo vùng đứng dậy như một Thánh Gióng, một Thạch Sanh để chống lại một chế độ đã nhân danh tư cách và quyền lợi ý thức hệ để xâm phạm và chà đạp những quyền căn bản và truyền thống của đồng bào đồng loại.

Biến cố này cũng đẩy Phật giáo Việt Nam vào vận thăng trầm chung của đất nước đang ở vào thời cao điểm cùng tặc biến của Chiến Tranh Lạnh.

Biến cố này thường được sử sách nhắc tới nhiều cách khác nhau như “*vụ Đài Phát Thanh Huế*”, “*vụ cờ Phật Giáo*”, “*phong trào Phật giáo chống chính quyền*”, “*vụ Phật Đản 63*”.v.v... Và sử sách cho đến bây giờ vẫn chưa đồng ý về một vài điểm như lệnh cấm treo cờ Phật giáo, “bài diễn văn” của Thượng Tọa Trí Quang trong lễ Phật Đản 1963, cuộc biểu tình tại Đài Phát Thanh Huế đêm Phật Đản, thỏa hiệp giữa chính quyền và Phật giáo sau vụ Đài Phát Thanh Huế, Hoa Kỳ và biến cố 1963, kế hoạch Nước Lũ 20.8, việc Thượng Tọa Trí Quang tỵ nạn chính trị trong Tòa Đại Sứ Mỹ, Phật giáo và cách mạng 1.11.

Vì mọi chuyện xảy ra đều do trùng trùng duyên khởi, vì người ta thường nhớ những gì “đáng” nhớ, vì ngôn từ có thể bệch bạch mà cũng có thể nguy trang thực tại nên tham vọng xác quyết một sự thật khách quan chỉ là tham vọng bắt lươn đầu đuôi. Lão Tử đã nhắc nhở điều đó khi nói về “đạo khả đạo phi thường đạo, danh khả danh phi thường danh”. Một đôi người vẫn tin vào các sử liệu chính thức là các hồ sơ công văn đã - hoặc sẽ dần dần, được bạch hóa. Nhưng cứ xem qua một vài ví dụ như *Pentagon Papers* của Daniel Ellsberg, hay *Before The Fall* của William Safire (1), hay *In Retrospect* của MacNamara (2) mới thấy công văn hay ý kiến công khai chính thức của người chủ động trong cuộc chưa hẳn đã rành rọt khúc chiết như hai với hai là bốn. Sự thật trước tiên là điều dễ mà sống với chữ không phải là điều dễ mà nói về. Truyền đạt hay cảm thông sự thật đó với người khác là chuyện đến sau, tùy cơ duyên người nói người nghe. Những điều được ghi lại sau đây vẫn còn thiếu sót, đã hẳn. Khác biệt duy nhất - nếu có, chính là chỗ điều ghi lại ở đây đã được tẩm bằng máu, nước mắt, nụ cười của kẻ đã chấp nhận dần thân vào biến cố đó như một cách trả nợ đời, một cách giải nghiệp.

LÁ CỜ CHỈ LÀ MIẾNG VẢI KHÔNG ĐÁNG BA XU

Michael MacLear gọi Huế là thánh địa của Phật giáo Việt Nam như Mecca là thánh địa của Hồi giáo hay Vatican là thánh địa của Kitô giáo (3). Huế là cái nôi và là trụ sở của Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam thành lập năm 1950 do sự hợp nhất của Phật giáo Bắc, Trung, Nam.

Nguyện vọng của Phật giáo bấy giờ là nhất thống tổ chức để có thể điều hợp một cách hiệu quả hơn các Phật sự của tín đồ toàn quốc trong một tình thế đang có nhiều chuyển biến. Nhưng luật pháp không cho phép nguyện vọng đó thành tựu vì Dự số 10 do Bảo Đại ban hành năm 1950 chỉ mặc nhiên thừa nhận một tôn giáo duy nhất ở Việt Nam là Kitô giáo Vatican dù Kitô giáo ở đây cũng chỉ là một chi nhánh của Kitô giáo Pháp

do Hội Truyền Giáo Hải Ngoại Paris (MEP: Mission Etrangère de Paris) trực tiếp điều hành mãi đến năm 1960 mới được thay thế bằng Hội Đồng Giám Mục được Vatican khai sinh để quản trị Giáo Hội Công Giáo tại Việt Nam. Theo tinh thần đó, Việt Nam không có một tôn giáo nào đúng nghĩa cả, trừ Kitô giáo. Phật giáo cũng như Tin Lành, Cao Đài, Hòa Hảo đều chỉ có tư cách pháp nhân của hiệp hội, tương tự như hội đua ngựa, hội thể thao, hội tương tế... Điều này giải thích tại sao khi đã hợp nhất rồi Phật Giáo Việt Nam vẫn phải núp dưới cái tên *Tổng Hội Phật Giáo* (Association Générale) chứ không thể xưng là *Giáo Hội Phật Giáo* (Église hay Chrch), chưa kể một khó khăn khác là bất cứ lúc nào chính quyền có thể cấm dùng luôn hai chữ Phật Giáo và bắt phải gọi là Phật Học mới chấp nhận cho lập hội.

Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam đặt trụ sở trung ương tại chùa Từ Đàm Huế và quyết định lấy cờ Phật Giáo quốc tế làm cờ của Phật giáo Việt Nam. Miếng vải ngũ sắc này quả đã áp ủ nguyện vọng thâm trầm của Phật giáo trong giai đoạn đó là thoát khỏi những áp lực tôn chính nặng nề do ngoại nhân áp đặt để được tồn tại như một tôn giáo Việt Nam, trước mắt là hủy bỏ những ràng buộc kỳ thị bất công của Dụ số 10.

Huế có hai cuộc lễ quần chúng lớn lao là lễ Phật Đản và ngày cúng âm hồn 23 tháng Năm âm lịch - thường được gọi là ngày thất thủ kinh đô, trong đó dân Huế đã dùng tín ngưỡng để kỷ niệm ngày độc lập quốc gia bị bức tử khi Pháp đánh chiếm thủ đô Huế.

Theo thông lệ hàng năm, đến ngày Phật Đản các tư gia đều treo cờ Phật giáo, có nơi lập bàn thờ trước nhà hay những nơi công cộng như ngã ba, ngã tư đường hay các công viên công trường.

Năm 1963, Đài Phát Thanh Huế cũng dành cho Phật giáo mấy chương trình buổi tối để kỷ niệm Phật Đản. Phụ trách buổi phát thanh Phật giáo đêm 6 tháng 5 là Gia Đình Phật Tử, đêm 7-5 là Đoàn Sinh Viên Phật Tử Huế, và đêm 8-5 hay đêm Phật Đản do chính Tổng Hội Phật Giáo Trung Phần, ngoài phần tin tức Phật sự, chương trình thường cho phát thanh lại phần ghi âm buổi lễ Phật Đản chính thức hồi trưa.

Chương trình Phật Đản 1963 còn có lễ rước Phật từ Chùa Diệu Đế về Chùa Từ Đàm để cử hành lễ chính thức. Chịu trách nhiệm chung về buổi lễ Phật Đản 1963 tại Huế là Thượng Tọa Trí Quang, Hội Chủ Tổng Hội Phật Giáo Trung Phần, trực tiếp chịu trách nhiệm cuộc rước Phật là Thượng Tọa Mật Hiển mà Phật tử thường gọi là Ôn Trúc Lâm (4).



Giám mục **Ngô Đình Thục** với TT **Ngô Đình Diệm** và gia đình ông **Ngô Đình Nhu**

Trước lễ Phật Đản, các tỉnh thị toàn quốc đều nhận được công điện số 9195 ngày 6.5.1963 của Phủ Tổng Thống nhắc lại lệnh cấm treo cờ tôn giáo nơi tư gia cũng như nơi công cộng nghĩa là ở các lễ đài, các quyền môn mừng Phật Đản. Công điện này đến Huế vào ngày 7.5 và đúng là giọt nước rót vào bình nước đã đầy be. Phát ngôn viên của Tòa Đại Sứ Mỹ sau này đã ví von rằng Tổng Thống Việt Nam ra lệnh cấm treo cờ Phật giáo trong ngày Phật Đản thì cũng chẳng khác gì Tổng Thống Mỹ ra lệnh cấm hát thánh ca trong lễ Giáng Sinh (5). Cảnh sát công an cứ theo lệnh mà thi hành khiến cho nhiều nơi xảy ra xô xát giữa Phật tử và nhân viên công lực. Phật tử Huế còn xúc động hơn vì suốt mấy tuần qua, Kitô giáo và chính quyền Huế đã tung bồng kỷ niệm lễ thụ phong linh mục của Ngô đình Thục, và thành phố Huế tràn ngập cờ Vatican, ngay cả những nơi không có một tín đồ hay một cơ sở Kitô giáo nào cả.

Đối phó với lệnh cấm treo giáo kỳ đó, Tổng Hội Phật Giáo đã họp khẩn vào chiều 7.5 và quyết định cử một phái đoàn Trưởng Lão đến gặp Thị trưởng Huế kiêm Tỉnh trưởng Thừa Thiên Nguyễn văn Đăng yêu cầu chính quyền thu hồi công điện về giáo kỳ. Cuộc đấu tranh của Phật Giáo chính thức bắt đầu từ lúc đó chứ không phải đợi đến ngày hôm sau với những phát biểu nẩy lửa của Thượng Tọa Trí Quang hay thăm cảnh đẫm máu tại Đài Phát Thanh Huế.

Nếu tinh ý, chính quyền hẳn thấy quyết tâm của Phật giáo qua hành động xuất tướng bằng phái đoàn trưởng lão đó để rồi có thể đối phó thức thời và uyển chuyển hơn. Đáng tiếc là chính quyền không chịu nhận thấy điều đó cho nên phái đoàn đại diện Phật Giáo chỉ nhận được những giải thích quanh co và những hứa hẹn mơ hồ tự thị. Phần lớn cũng vì uy quyền quốc gia trong chế độ này không nằm trong một hệ thống minh bạch nào cả. Trên Thị Trưởng còn có Đại Biểu Chính Phủ, trên Đại Biểu Chính Phủ còn có Cố Vấn Chỉ Đạo Miền Trung Ngô đình Cần, trên Ngô đình Cần còn có ông bà Cố Vấn Chính Trị Ngô đình Nhu, trên ông bà Ngô đình Nhu là Tổng Thống Ngô đình Diệm, trên Tổng Thống là Giám Mục Ngô đình Thục vừa chần chừ vừa giữ thành trong tư cách “quyền huynh thế phụ” tuyệt đối. Và đương nhiên, trên tất cả những quyền lực bản xứ đó là Đại Sứ Vatican hay Khâm Sứ Tòa Thánh nắm trọn linh hồn tập thể tín hữu Ki - tô đang đứng sau lưng anh em họ Ngô và Toà Đại Sứ Mỹ thần hộ mạng Ngô đình Diệm.

Trong khi Tổng Thống Ngô đình Diệm dấn mặt những âm mưu đối lập rằng “sau Hiến Pháp còn có tôi” và Giám Mục Ngô đình Thục nói thẳng “lá cờ chỉ là một miếng vải ba xu có chi mà phải tranh đấu...” (6) thì Phật Giáo Huế quả đã đi vào con đường hẻm một chiều vậy.

CUỘC RƯỚC PHẬT VÀ NHỮNG BIỂU NGŨ BỐC LỬA

Ngày Phật Đản 1963 bắt đầu bằng lễ rước Phật từ Chùa Diệu Đế lên Chùa Từ Đàm do các đoàn thể như Khuôn Hội Phật giáo, Gia Đình Phật Tử, Sinh Viên Phật Tử, Công Chức Phật Tử, Tiểu Thương Phật Tử... phụ trách. Hàng lãnh đạo Phật giáo, các hàng Phật tử, đại diện chính quyền trong đó có Thị Trưởng Huế, các quan khách trong đó có đại diện của Toà Lãnh Sự Mỹ và Đài Loan và đại diện của Phòng Thông Tin Văn Hóa Pháp tại Huế và Phật tử thì tề tựu ở Từ Đàm chờ Phật “về” đến để cử hành lễ chính thức.

Hôm nay Phật về hơi trễ. Lý do vì đoàn rước Phật vừa băng qua cầu Gia Hội để vào đường chính của thành phố thì một loạt các biểu ngữ lạ xuất hiện ngay trong đoàn rước Phật như sấm chớp làm ù tai hoa mắt không những số công an cảnh sát đang lăm le canh chừng đoàn rước Phật mà cả đối với những dân chúng và Phật tử đứng đầy hai bên đường xem đoàn rước đi ngang. Những biểu ngữ ấy viết:

- Chúng tôi đã đến lúc bị bắt buộc phải tranh đấu cho chủ trương tôn giáo bình đẳng. Chúng tôi không từ chối một hy sinh nào
- Phản đối chính sách bất công gian ác
- Cờ Phật giáo quốc tế không thể bị triệt hạ
- Phật giáo đồ chỉ ủng hộ chính sách bình đẳng tôn giáo
- Yêu cầu chính phủ thi hành chính sách tôn giáo bình đẳng
- Phật giáo đồ nhất trí bảo vệ Chánh Pháp dù phải hy sinh

Không đợi chính quyền phản ứng bằng cách ngăn chặn và giải tán đoàn rước, tịch thu các biểu ngữ và bắt giam những người căng biểu ngữ v.v..., với tư cách người chịu trách nhiệm về đoàn rước, Thượng Tọa Mật Hiến đã ra lệnh ngưng đoàn rước và tịch thu các biểu ngữ rồi mới cho đoàn rước tiến hành. Các biểu ngữ bị tịch thu, đoàn rước tiếp tục tiến lên một quảng thì đợt biểu ngữ thứ hai với nội dung y hệt lại lác đác xuất hiện ở những đoạn khác trong đoàn rước. Tình trạng đó xảy ra mấy lần và cuối cùng Ban Tổ Chức phải mời cả Thượng Tọa Trí Quang xuống hiện trường ra lệnh dẹp các biểu ngữ để lễ rước Phật có thể tiếp tục và hứa với những người trưng biểu ngữ là khi về đến Từ Đàm Thượng Tọa sẽ trả lời về những yêu sách trên các biểu ngữ đó. Đoàn rước cuối cùng đã về đến Từ Đàm...

Với tư cách trưởng ban tổ chức lễ Phật Đản 1963 tại Huế, Thượng Tọa Trí Quang đã đứng ra cáo lỗi vì lễ đã không cử hành đúng chương trình. Lý do chậm trễ đó là các biểu ngữ đột ngột xuất hiện trong cuộc tuần hành. Một lần nữa, Thượng Tọa yêu cầu Phật tử căng các biểu ngữ ấy lên cao cho mọi người thấy rõ họ muốn gì. Những biểu ngữ đã biến mất hồi sáng giờ lại xuất hiện. Thượng Tọa đọc lần lượt từng biểu ngữ, giải thích nội dung cũng như nguyên nhân tại sai có biểu ngữ đó và ghi nhận nguyện vọng phản ánh qua những biểu ngữ đó. Không khí khuôn viên Chùa Từ Đàm như có chuyển điện, mặt đất khuôn viên chùa như rung chuyển theo từng lời của Thượng Tọa. Thượng Tọa không đọc một diễn từ soạn sẵn hay ứng khẩu nào cả nhưng những lời giải thích các biểu ngữ của Thượng Tọa đã biến thành một cáo trạng mạch lạc và minh bạch về thảm cảnh bất bình đẳng và đàn áp tôn giáo mà Phật giáo là nạn nhân từ thời Pháp thuộc và nhất là từ thời Đệ Nhất Cộng Hòa.

Sau phần ứng khẩu giải thích biểu ngữ của Thượng Tọa Trí Quang là phần nghi lễ diễn ra một cách bình thường êm đẹp. Nhưng đó chỉ là êm đẹp bề mặt bởi theo đúng chương trình thì những lời ứng khẩu nầy lửa của Thượng Tọa Trí Quang trưa hôm nay đã được ghi băng và sẽ được phát lại trong buổi phát thanh Phật giáo tối hôm nay...

KHÔNG PHẢI LÀ LẦN ĐẦU

Trước biến cố Phật Đản 1963 và về phương diện đối kháng không cộng sản, ít ra chính quyền, trong 8 năm cai trị, cũng đã đi qua 6 cơn bão tố chính trị như (i) cuộc biên động Bình Xuyên-Nguyễn văn Hinh, (ii) vụ đối đầu của lực lượng vũ trang Quốc Dân Đảng tại chiến khu Ba Lòng, (iii) vụ ám sát hụt ở Ban Mê Thuột của Hà minh Trí, (iv) phong trào vận động dân chủ chính trị hay phong trào Caravelle 4/1960 của nhóm Nguyễn xuân Chữ, (v) vụ binh biến 11/1960 của Nguyễn chánh Thi và (vi) cuộc ném bom Dinh Độc Lập 2/1962 của Phạm phú Quốc - Nguyễn văn Cử. Trong cả sáu lần đó, không một bản cáo trạng công khai nào nhằm vào chế độ được tung ra. Thượng Tọa Trí Quang là người đầu tiên công khai ứng khẩu bản cáo trạng cô đọng thành sáu tám biểu ngữ mộc mạc nhưng vang như sấm, xẹt lửa như lạng chớp và xoáy sâu vào tâm khảm của hơn tám mươi phần trăm dân chúng cảm thấy mình là Phật tử cách này hay cách khác. Sáu biểu ngữ đó chỉ xoáy vào điểm duy nhất là tự do tín ngưỡng và bình đẳng tôn giáo (7).

Nhưng về điểm này, Thượng Tọa Trí Quang cũng không phải là người đầu tiên.

Đất nước chia đôi, Ngô đình Diệm được Mỹ đưa về xóa bỏ chế độ Quốc Gia, lật đổ Quốc Trưởng Bảo Đại, thành lập chế độ Cộng Hòa Việt Nam. Chính quyền Ngô đình Diệm là một cái Big Mac một bên là chính quyền Mỹ, một bên là thế lực Kitô giáo Hoa Kỳ và Vatican, kẹp ở phần giữa là gia đình họ Ngô và tay chân. Ngoài ba thành phần đó ra, tất cả còn lại đều được nhìn dưới con mắt “ai không theo ta là kẻ thù của ta” như Thánh Kinh dạy. Phật giáo, Cao Đài, Hòa Hảo, và cả Tin Lành đều được nhìn dưới con mắt ấy. Tình trạng trở thành tệ hại cho người Phật tử từ khi có chiến dịch Tổ Cộng, có phong trào Dinh Điền khẩn hoang lập ấp và có phong trào Ấp Chiến Lược. Dưới mắt một số người hăng say với nhiệm mệnh thừa sai và tin rằng cứu cánh biện minh cho phương tiện thì các biện pháp chính trị kinh tế xã hội đó là những cơ hội tốt để đưa những kẻ ngoại đạo về với “ánh sáng Phúc Âm”. Sa vào hoàn cảnh ấy, người Phật tử chỉ còn ba đường hoặc theo đạo Ki - tô để hưởng đặc ân, hoặc “bỏ” đạo Phật “theo” Đạo Ông Bà để được tạm thời yên thân, hoặc chọn cái chết để giữ đạo gốc. Tình trạng đó ngày càng trở thành tệ hại, nhất là ở Nam Trung Phần và cao nguyên kể từ năm 1959. Phật giáo đã không nhắm mắt trước hiện tượng “bất công gian ác” đó.

Ngày 20.2.1962, Pháp Chủ Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam là Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết đã gọi cho Tổng Thống Ngô đình Diệm và Chủ tịch Quốc Hội Trần văn Lắm một hồ sơ đúc kết hàng trăm vụ “bất công gian ác” đối với Phật tử và yêu cầu chính quyền hãy vì quyền lợi quốc gia kịp thời can thiệp (8). Nhưng ngay cả việc đơn giản hỏi âm cho Phật giáo biết là đã nhận được hồ sơ - một biện pháp hành chánh và lịch sự tối thiểu, Ngô đình Diệm và Trần văn Lắm đều không nhớ đến nữa thì còn mong gì chuyện xét can thiệp.

Trưa ngày Phật Đản 1963, trong khi đọc và giải thích nội dung sáu biểu ngữ "tự phát" nêu trên, Thượng Tọa Trí Quang thật ra chỉ nhắc lại những gì Phật Giáo đã nói từ trước. Khác chăng là lần này Phật giáo không

dùng văn thư tay đôi tay ba nữa mà bằng biểu ngữ, bằng lời nói công khai cho vạn người nghe, và có thể cho triệu người nghe khi cuộn băng thu âm lễ Phật Đản được quay phát lại trong chương trình phát thanh của Phật giáo tối hôm đó.

ĐÀI PHÁT THANH HUẾ ĐÊM PHẬT ĐẢN

Đài Phát Thanh Huế nằm ngay chân cầu Tràng Tiền phía hữu ngạn sông Hương. Đến tối, xướng ngôn viên đài xin lỗi vì lý do ... kỹ thuật chương trình thường lệ dành cho Phật giáo không thể phát thanh được và lấp chỗ trống bằng nhạc. Điều này khiến Phật tử thắc mắc tức bực đổ về trong khuôn viên đài mỗi lúc một đông. Không biểu ngữ, không hoan hô đả đảo, chỉ lặng yên chờ cho đài giải quyết xong phần kỹ thuật để được nghe lại những lời Thượng Tọa Trí Quang nói hồi sáng tại chùa Từ Đàm. Thế thôi, ít ai nghĩ rằng mình đang được chứng kiến một cuộc biểu tình, một cuộc đấu tranh bất bạo động đang diễn ra trước mắt.

Rồi nhạc lấp chỗ trống cũng hết, làn sóng đài bỗng lặng câm, mở đầu cho một diễn biến mới khi một chiếc xe thông tin gắn loa phóng thanh cực mạnh đến loan báo là chính quyền được tin đêm nay Việt Cộng sẽ xâm nhập phá hoại một vài cơ quan công quyền trong thị xã vậy yêu cầu đồng bào giải tán. Thông báo đầy hăm dọa đó được lặp đi lặp lại nhiều lần cùng với sự tăng cường dồn dập của cảnh sát công an và quân đội tháp tùng một số xe cứu hỏa và xe bọc thép trong đó có một chiếc mang tên *Ngô Đình Khôi*. Đồng lúc, Thượng Tọa Trí Quang cùng với Tỉnh Trưởng Thừa Thiên kiêm Thị Trưởng Huế đến và đi thẳng vào Đài Phát Thanh. Họ vừa vào chưa được bao lâu thì các xe cứu hỏa bắt đầu xịt nước vào dân chúng và tiếp đó những tiếng nổ lớn như tiếng mìn hay lựu đạn mở đầu cho hàng loạt tiếng súng lớn nhỏ từ các xe bọc thép, từ số quân nhân và công an cảnh sát tăng cường. Các xe bọc thép vừa bắn vừa húc bừa vào dân chúng hoảng loạn và phần nộ. Phe chính quyền cố đánh đuổi dân chúng khỏi khuôn viên Đài Phát Thanh Huế bằng những biện pháp sắt máu và quyết liệt nhất trong khi một số Phật tử quyết nhào vào để cứu những người bị thương đang quần quai và số bị chết đang nằm la liệt khắp nơi cũng như “để bảo vệ Thầy” đang kẹt trong đó.

Kẻ chỉ huy cuộc giải tỏa này là Thiếu Tá Đặng Sỹ, Phó Tỉnh Trưởng Nội An. Phe chính quyền vô sự, phía Phật giáo thì Thượng Tọa Trí Quang được hộ tống về chùa an toàn nhưng đã có 9 Phật tử chết và 14 bị thương.

NGUYỄN VỌNG NĂM ĐIỂM

Vụ thảm sát ở Đài Phát Thanh Huế đêm Phật Đản biến Huế thành môi lửa làm cháy rụi cả một cơ đồ chính trị tôn giáo xây dựng hơn trăm năm qua. Quả vậy, khi vụ Phật Đản mới bùng nổ, Linh Mục Jean Renou một nhà thừa sai kỳ cựu với ba mươi bảy năm kinh nghiệm ở Viễn Đông đã phải lo ngại thốt lên: “*Thằng cha này (Diệm) điên rồi! Hắn đang hủy hoại tất cả những gì chúng ta hoàn thành được suốt một trăm năm mươi năm qua!*” (9)

Suốt đêm 8.5 và ngày 9.5, Huế có hàng ngàn đám biểu tình tự phát không chỉ của dân chúng thanh niên sinh viên học sinh nội thành mà cả của đồng bào ngoại thành xa xôi đổ về chùa Từ Đàm để bày tỏ nguyện vọng và hỏi thăm tin tức. Công an cảnh sát quân đội tràn ngập phố phường. Các đám biểu tình tuần hành này phải đi qua nhiều nút chặn căng thẳng nhưng chưa có hành hung đập phá, đốt nhà đốt xe, đốt công sở. Suốt cả ngày 9.5, Tỉnh Trưởng Thừa Thiên đã đích thân đưa Thượng Tọa Trí Quang đi khắp nơi trấn an đồng bào và Phật tử. Hình ảnh một ông Tỉnh Trưởng lái chiếc Citroen 2CV và một ông thầy tu mặc áo nâu đội nón lá đứng trên mui xe khản cổ kêu gọi đồng bào Phật tử giải tán đọi lệnh chùa là hình ảnh đặc thù ngày hôm đó.



HT Trí Quang

Chính quyền một mặt nhờ chùa “chữa lửa”, một mặt lại rửa tay chạy tội bằng cách tuyên bố cuộc thảm sát ở Đài Phát Thanh Huế là do Việt Cộng gây ra. Điều này đã khiến cho quần chúng Phật tử nổi nóng thêm, càng hăng biểu tình hơn, càng quyết liệt hơn khi đối đầu với nhân viên công lực ngăn chặn biểu tình.

Ngày 10.5. Phật giáo triệu tập đông đảo quần chúng về chùa Từ Đàm để thông báo hai quyết định, thứ nhất xác quyết các Phật tử bị tàn sát tại đài Phát Thanh Huế là những Thánh Tử Đạo, thứ hai công bố bản Tuyên Ngôn Của Tín Đồ Phật Giáo Việt Nam thường được gọi là bản “nguyện vọng năm điểm” gồm có thứ nhất lệnh cấm giáo kỳ phải được thu hồi, thứ hai Phật giáo phải được đối xử bình đẳng như Ki - tô giáo, thứ ba chấm dứt đàn áp khủng bố Phật tử, thứ tư Phật giáo được tự do truyền đạo và hành đạo, và thứ năm quy trách kẻ chủ mưu tàn sát và đền bù cho các nạn nhân vụ Đài Phát Thanh Huế.

Bản Tuyên Ngôn này do Hòa Thượng Hội Chủ Thích Tịnh Khiết nhân danh toàn thể Phật Giáo Việt Nam ký phổ biến. Phật giáo đã chính thức minh định vấn đề, đến lượt chính quyền phản ứng vậy.

CÔ LẬP VÀ ĐÀN ÁP

Bản Tuyên Ngôn năm điểm của Phật giáo công bố ngày 10.5, đến ngày 23.5 lại được bổ túc bằng một “phụ đính”, và đến 25.5 lại được thêm vào một “phụ trương”. Nói thế khác, chính quyền càng né tránh giải quyết vấn đề thì yêu sách của Phật giáo càng cụ thể chi tiết thêm.

Vì chính quyền chỉ có một phản ứng duy nhất là cô lập và đàn áp nên công việc cấp thiết của các nhà lãnh đạo Phật giáo là nuôi dưỡng tinh thần quật khởi của Huế, gấp rút chuyển địa bàn hoạt động vào Sài Gòn và phát khởi hoạt động đấu tranh tại các tỉnh lớn.

Thượng Tọa Trí Quang, linh hồn của phong trào tranh đấu, Thượng Tọa Thiện Minh, đầu não chiến lược của phong trào, và Hòa Thượng Hội Chủ Tổng Hội đều vào Sài Gòn. Công việc ở Huế giao lại cho Thượng Tọa Trí Thủ, Thiện Siêu, Mật Nguyên, Mật Hiền cùng đảm nhận. Thượng Tọa Tâm Châm đại diện Phật giáo Bắc Việt và là Phó Hội Chủ Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam được suy cử làm Chủ tịch phong trào đấu tranh dưới danh nghĩa Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo, Chùa Xá-Lợi trụ sở chính của Phật giáo Nam Phần biến thành tổng hành dinh của Ủy Ban.

Ở Huế, sau ngày 10.5, phong trào được quật lên với chiến dịch mít-tinh, học tập, tuyệt thực, cầu nguyện cho năm nguyện vọng của Phật giáo được thành tựu. Chủ chốt của chiến dịch đợt này là sinh viên học sinh Phật tử. Thành phần trẻ có học này đem lại cho phong trào một sinh khí và sắc diện mới chứng tỏ Phật giáo không chỉ lùi cuốn thành phần vong niên hay cao niên đã chán sự đời mà còn hấp dẫn thế hệ đang hăm hở hướng về tương lai của dân tộc và tín ngưỡng. Mấy chữ “*Công Bằng Xã Hội*” đã được nhắc nhở nhiều hơn trong ngôn từ tranh đấu của tầng lớp này. Hai điểm tập hợp chính của họ là Từ Đàm và Diệu Đế. Họ đến nghe tin tức, trò chuyện với bạn bè đồng lứa, tụng kinh cầu nguyện, phát thanh tin tức Phật sự qua hệ thống phóng thanh trong chùa, phổ biến truyền đơn tài liệu, tuyệt thực, xuống đường bày tỏ nguyện vọng. Họ thường bị đàn áp thẳng tay. Dùi cui, mũi giày trần, báng súng, lưỡi lê, quân khuyến, lựu đạn cay, lựu đạn cháy, xe cây, nhà tù là chuyện cơm bữa. Nhưng chính quyền càng mạnh tay thì lực lượng này càng trở nên đông đảo vì cái tính

“quân tử Tàu” hay mã thượng của đám trẻ. Tầng lớp này lại kéo theo những thế lực hỗ trợ mới là giới tiểu thương, quân nhân, công chức, giáo chức, Hướng Đạo... để tăng cường cho lực lượng cơ hữu nòng cốt của Phật giáo là các Thầy các Cô chùa Hội (10), các Khuôn Hội Phật tử địa phương và các đoàn Gia Đình Phật Tử kỳ cựu thuần thành.

Tình trạng đó kéo dài cho đến 3.6. khi sinh viên Phật tử tung ra những đợt biểu tình ồ ạt rộng lớn để rồi nhận chịu những đàn áp khốc liệt nhất. Một số sinh viên bị bắt, 149 người bị thương trong đó có 69 người bị thương trầm trọng. Khi bị đàn áp truy kích, cả ngàn sinh viên học sinh phải rút về chùa Từ Đàm. Chính quyền ra lệnh giới nghiêm và phong tỏa chùa, đồng thời cắt điện cắt nước và cắt luôn thực phẩm tiếp tế cho chùa.

Cuộc đàn áp và phong tỏa này đã gây những chấn động không lường trước được...

HOA KỲ VÀ VỤ PHẬT GIÁO

Khi vụ Phật Đản xảy ra, chính quyền Kennedy đã bàng hoàng tự hỏi “*Họ (Phật tử Việt Nam) là ai vậy?*”? Nếu Kennedy và các cố vấn thân cận không biết chút gì về Phật giáo thì cũng chẳng có gì lạ bởi hai tai mắt chính của Washington ở Sài Gòn là Đại Sứ Nolting và Giám Đốc CIA Richardson đều bênh vực anh em nhà Ngô từ đầu đến cuối.

Rủi cho anh em nhà Ngô là khi vụ Phật Đản xảy ra thì Nolting lại rời Việt Nam đi nghỉ phép thường niên để cho Phó Đại Sứ Trueheart xử lý thường vụ. Cho nên khi lờ mờ hiểu được “*họ*” là ai thì Kennedy đã vội chỉ thị Trueheart phải “*dùng những lời lẽ mạnh mẽ nhất để khuyến cáo những biện pháp cần thiết*”. Ngày 4.6 Trueheart gặp Bộ Trưởng Nguyễn đình Thuần cho biết Tòa Bạch Ốc muốn Ngô đình Diệm phải ngưng đàn áp Phật giáo và phải giải quyết cụ thể những yêu sách của Phật giáo. Ngày 5.6, Phó Tổng Thống Nguyễn ngọc Thơ được lệnh tiếp xúc sơ bộ với Phật giáo.

Nhưng trong khi Ngô đình Diệm tỏ ra nhượng bộ áp lực của Mỹ thì Bà Ngô đình Nhu lại không. Ngày 7.6, Bà đã tố cáo các nhà lãnh đạo Phật giáo là tay sai cộng sản. Trueheart gặp Diệm để than phiền và yêu cầu cách cải chánh thì Diệm tăng lời như thể là ông cũng nghĩ như bà em dâu vậy.

Ngày 11.6, Washington nhận được phúc trình về tình hình của Trueheart gửi sang. Trueheart xác quyết cộng sản không có ảnh hưởng đối với phong trào Phật giáo và quả thật một số Phật tử muốn lật đổ chính phủ. Mặt khác, Trueheart nhận rằng nếu để lâu quá thì những phản ứng tích cực của chính quyền nếu có sẽ không gây ra được hậu quả mong muốn nhưng có còn hơn không và Trueheart tin chính quyền vẫn chưa muốn để thỏa mãn những đòi hỏi của Phật giáo. Hy vọng của Trueheart đã bị ngọn lửa Quảng Đức đốt cháy sém. Colby trùm CIA nhận định rằng ánh lửa Quảng Đức đã làm cho dân Mỹ thấy dân chúng Việt Nam không đứng sau lưng chính quyền của họ và do đó dân Mỹ sẽ không ủng hộ chính sách Mỹ ở Việt Nam nữa. Ánh đuốc Quảng Đức là một mối lửa giữa cánh đồng khô hạn. Phong trào tranh đấu của Phật giáo đã âm ỉ dâng lên sau vụ Đài Phát Thanh Huế, sau các cuộc biểu tình tuyệt thực quyết liệt của sinh viên giờ đã ngùn ngụt lan rộng từ Đông Hà đến Cà Mau, từ Sài Gòn lên cao nguyên. Nơi nào có chùa là nơi đó có tụng kinh cầu nguyện, có cờ, có biểu ngữ, có truyền đơn, có phát thanh. Phong trào đấu tranh không chỉ thu hút đồng bào Phật tử, tầng lớp trẻ, mà còn thu hút cả những đồng bào khác tín ngưỡng, phong trào Phật giáo quốc tế, và đặc biệt hơn cả là phần lớn phóng viên truyền thông ngoại quốc đang hoạt động ở Sài Gòn.



Sau vụ tự thiêu của Hòa Thượng Quảng Đức ngày 11.6 Bộ Ngoại Giao Mỹ chỉ thị cho Trueheart nói thẳng với Diệm phải công khai thỏa mãn hoàn toàn các nguyện vọng của Phật giáo bằng không Mỹ sẽ tuyên bố không nhắm mắt làm ngơ nếu chính quyền Việt Nam thiếu thiện chí thỏa mãn các yêu sách chính đáng của hàng lãnh đạo Phật giáo. Washington cũng muốn Trueheart cho Phó Tổng Thống Nguyễn Ngọc Thơ biết tuy Mỹ không chủ trương lật Diệm nhưng nếu Diệm bị lật thì Mỹ sẽ ủng hộ Thơ như người kế vị hợp hiến. Trueheart nghĩ đó không phải là một đề nghị hợp thời trong hoàn cảnh này nên không nói gì với Thơ. Ngày 12.6, Trueheart chỉ cho Diệm biết Bộ Ngoại Giao đã mạnh mẽ khuyến cáo Diệm phải giải quyết vấn đề Phật giáo. Ngày 14.6, chính quyền và Phật giáo chính thức họp ở Hội Trường Diên Hồng và hai ngày sau, ngày 16.6, Thông Cáo Chung về năm nguyện vọng của Phật giáo được hai bên ký kết. Ngày 17.6, Phật giáo tuyên bố trở lại đời sống bình thường và thành tâm cầu nguyện cho Thông Cáo Chung được thi hành nghiêm chỉnh.

Phật giáo lo âu cầu nguyện là phải bởi cả gia đình nhà Ngô đều không muốn Thông Cáo Chung được thi hành. Vợ chồng Ngô đình Nhu và Giám Mục Ngô đình Thục đã mở chiến dịch phản công rộng lớn qua các tổ chức Thanh Niên Cộng Hòa, Phụ Nữ Liên Đới, Trung Tâm Nhân Vị Vĩnh Long, Phong trào Cách mạng Quốc gia, các cơ quan chính quyền như Thông Tin Dân Vận, Thương Phế Binh, Mật Vụ, Công An Cảnh Sát để vu khống, mạ lỵ, hăm dọa, đàn áp, khủng bố bằng các hành động như ám sát, bắt cóc, bắt giam, tra tấn, thủ tiêu, cách chức, cô lập, sách nhiễu. Ngô đình Diệm không xóc nổi như những người khác trong nhà nhưng chính ông đã khơi mào loạn khi bảo rằng “*Sau Hiến Pháp còn có tôi*”, nghĩa là không phải ông đội Hiến Pháp trên đầu mà lót Hiến Pháp dưới đất, muốn tôn trọng Hiến Pháp hay không là tùy ông.

Mỹ cũng thấy rõ điều đó nên ngày 25.6, trưởng CIA ở Việt Nam là Richardson đã đích thân thuyết phục Nhu nên hòa hoãn. Nhu đã trả lời thẳng thừng các cuộc biểu tình của Phật giáo là phi pháp và hăm dọa trầm trọng đối với chế độ. Và một chế độ không biết thi hành luật pháp thì chế độ đó phải đổ. Ngô đình Nhu quả thực đã gián tiếp cho Mỹ biết đừng hòng bắt bí Ngô đình Diệm, bởi Ngô đình Diệm nhượng bộ quá thì ông sẽ không để yên (11).

TỪ NƯỚC BÍ ĐẾN NƯỚC LỬ

Tình cảnh giữa ba phe anh em nhà Ngô, Hoa Kỳ và Phật giáo đều lâm vào thế bí. Anh em ông Diệm không tin Mỹ dám thay ngựa giữa giò vì Mỹ cũng cần ông Diệm chứ không phải chỉ ông Diệm cần Mỹ thôi. Mỹ không tin anh em ông Diệm còn biết đặt quyền lợi Miền Nam lên trên hết để giải quyết thỏa đáng vấn đề Phật giáo trong khi Phật giáo lại không còn tin anh em nhà Ngô còn chịu nhìn nhận những đòi hỏi của Phật giáo là công bằng và chính đáng. Thế nên, anh em nhà Ngô không còn cách nào khác hơn là khai thác triệt để tình cảnh *Mỹ đang cần mình chứ không cần Phật giáo* để dứt gọn Phật giáo và đặt Mỹ trước một sự đã rồi trong khi Mỹ cũng không còn cách nào khác hơn là tìm cách thay anh em nhà Ngô, Phật giáo thì cũng không còn cách nào khác hơn là để chính Ngô đình Diệm chứng minh những điều Phật giáo tố cáo là đúng, nói thể khác cách tố giác “bất công gian ác” hay nhất là để cho bất công gian ác xảy ra trước mắt mọi người.

Sai lầm chí tử của Ngô đình Diệm không chỉ là đã nghĩ rằng ở Miền Nam Mỹ không thể kiếm đâu ra một người như ông, sai lầm chí tử của Ngô đình Diệm còn là ở chỗ đã quên rằng Kennedy cũng là tín đồ Kitô giáo. Kennedy thừa biết là dân chúng Mỹ đang âm thầm theo dõi từng hành động của vị Tổng Thống Kitô

giáo đầu tiên trong lịch sử Mỹ này. Kennedy đầu ngu đại hy sinh tất cả tương lai chính trị của mình để bao che những sai lầm của một người đồng song đồng đạo ở Việt Nam. Kennedy có khắt khe với Diệm thì cũng vì chính tương lai chính trị của Kennedy.

Ngày 4.7, Kennedy cùng các cố vấn thân cận duyệt lại tình hình Việt Nam và đi đến các kết luận như sau : thứ nhất, Quảng Đức tự thiêu là một hành động tín ngưỡng đích thực chứ không phải dàn cảnh, thứ hai vợ chồng Nhu phải đi nhưng chưa chắc Diệm đã chịu do đó tình trạng sẽ trở nên trầm trọng và thế nào cũng có binh biến. Trong cùng ngày CIA ở Sài Gòn phúc trình cho Washington biết là đã có những âm mưu đảo chính thật. Một tuần sau, CIA ở Washington lường định rằng đảo chính chuyển này thì dễ thành công hơn chứ không dăm dớ ạch đụi như lần trước.



Đám tang Nhà văn Nhất Linh, tự tử ngày 7/7/63

Ngày 7.7, văn hào Nhất Linh tự tử vì mục đích “*cũng như Hòa Thượng Quảng Đức tự thiêu để cảnh cáo những người chà đạp mọi thứ tự do*”. Ngày 14.7 Phật giáo chính thức tái phát động đấu tranh đòi chính quyền thực thi Thông Cáo Chung. Đại Sứ Nolting lại ra sức cứu Ngô đình Diệm bằng cách một đảng tuyên bố với báo chí là không có kỳ thị tôn giáo ở Miền Nam và đảng khác khuyên Ngô đình Diệm nên khôn khéo hơn. Cho nên, ngày 18.7, sau khi tiếp Nolting, Ngô đình Diệm đã lên đài phát thanh tuyên bố chính quyền sẽ giải quyết êm đẹp vấn đề Phật giáo. Ngày 23.7, Sư Bà Diệu Huệ - thân mẫu của Giáo Sư Bửu Hội đang được chính quyền nhờ tiếp sức, họp báo đòi tự thiêu. Ngày 1.8, Phật giáo chính thức phản đối với Kennedy về những ý kiến thiên lệch của Nolting.

Ngày 3.8, Bà Ngô đình Nhu lại xông vào vòng chiến bằng một bài diễn văn dài trong lễ khai mạc khóa Phụ Nữ Bán Quân Sự tại Tòa Đô Chính Sài Gòn với nội dung vu khống, mạ lỵ và hăm dọa Phật giáo cũng như gián tiếp tố cáo chính quyền Mỹ đã đe dọa và bắt chẹt chính quyền Việt Nam hầu bịt mồm bịt miệng Bà. Bà khuyên mọi người nên phớt lờ các cuộc tranh đấu của Phật giáo và chớ quan tâm đến điều mà Bà gọi là vụ “*nướng Sư*” nghĩa là cuộc tự thiêu của Hòa Thượng Quảng Đức ngày 11.6. Lời kêu gọi của Bà Ngô đình Nhu có hiệu quả tức thì. Ngày hôm sau, 4.8 Đại Đức Nguyên Hương tự thiêu ở Phan Thiết.

Ngày 5.8, Phật giáo chính thức báo động về những âm mưu của chính quyền nhằm triệt hạ Phật giáo cũng như những thành phần đối lập bằng những cuộc đảo chính giả gọi là *Bravo 1* và *Bravo 2* và kế hoạch “*Nước Lũ*”. Ngày 7.8, Phật giáo chính thức phản đối với Tổng Thống Ngô đình Diệm về những lời tuyên bố của Bà Nhu. Ở Đà Lạt, Phật tử Âu dương Quang đã chặt ngón tay để góp phần cầu nguyện cho năm nguyện vọng của Phật giáo chóng thành đạt. Cùng ngày, sinh viên Phật Tử Huệ lại phát động đợt tuyệt thực mới để hưởng ứng phong trào tái vận động cho Thông Cáo Chung được chính quyền tôn trọng thi hành.



Ngày 12.8, Mai Tuyết An chặt tay ở Sài Gòn để phản đối Bà Ngô đình Nhu. Ngày 13.8, Đại Đức Thanh Tuệ tự thiêu tại Huế gây ra những cuộc biểu tình lớn phản đối chính quyền cướp xác của người đã hy sinh. Ngày 14.8, Nolting đến từ giả Tổng Thống Ngô đình Diệm trước khi rời nhiệm sở. Nolting là người đã cảnh cáo Washington rằng lật Ngô đình Diệm xuống thì sẽ không tránh được nội chiến ở Miền Nam. Nolting cũng là Đại Sứ đã nghe đài phát thanh mới biết mình đã bị cách chức và có người khác thay thế rồi. Nolting đã yêu cầu Ngô đình Diệm nên trấn an dư luận bằng cách xác nhận thiện chí giải quyết vấn đề của chính quyền. Ngày 15.8 Nolting rời Sài Gòn, và Ngô đình Diệm đã xác nhận “*thiện chí hòa giải tốt bụng*” của chính quyền trong vụ Phật giáo. Ít nữa là có một người không chịu tin lời xác nhận đó, người đó là Ni Cô Diệu Quang đã tự thiêu cùng ngày hôm đó tại Ninh Hòa. Ngày 16.8, Thượng Tọa Tiêu Diêu tự thiêu tại Chùa Từ Đàm Huế. Ngày 18.8, Giáo Sư Đại Học và tiếp đến là Giáo Sư Trung Học ở Huế từ chức trong khi ở chùa Xá Lợi Sài Gòn, ba chục ngàn người tham dự tuyệt thực và cầu siêu cho những người đã hy sinh trong cuộc tranh đấu từ ngày Phật Đản đến nay. Đây là cuộc biểu tình tại chỗ lớn nhất từ ngày phong trào bùng nổ.

Đêm 20.8, năm ngày sau khi xác nhận “*thiện chí hòa giải tốt bụng*” của mình, Ngô đình Diệm tuyên bố tình trạng giới nghiêm và đồng loạt tấn công các chùa toàn quốc, hốt hết các nhà lãnh đạo Phật giáo và những thành phần tham gia phong trào. Cách giải quyết vấn đề Phật giáo hay nhất là dứt hết các Phật tử. Thượng Tọa Thiện Minh bị bắt ở chùa Từ Đàm Huế, Thượng Tọa Tâm Châu, Huyền Quang và tất cả hàng lãnh đạo Phật giáo đều bị bắt ở Sài Gòn. Thượng Tọa Trí Quang cũng bị bắt ở chùa Xá Lợi và bị đưa qua giam trong một khu đồn bỏ hoang ở Rạch Cát, Quận 7 ngoại ô Chợ Lớn để thanh lọc như bao nhiêu người khác. Sang đó, Thầy được một người tình nguyện trá tên với Thầy nên đến lúc thanh lọc thì Thầy được tha về trước. Trên đường về, Thầy không còn biết đi về nơi nào an toàn hơn là vào tỵ nạn trong Tòa Đại Sứ Mỹ. Người đóng vai “*Lê Lai cứu chúa*” này hiện đang sống ở Mỹ.

Ngày 21.8, Nolting đang họp bàn giao với Tân Đại Sứ Cabot Lodge ở Honolulu thì được thông báo về kế hoạch Nước Lũ, Nolting ngao ngán gởi cho Ngô đình Diệm một bức điện riêng ngâm ngùi than thở “*lần đầu tiên Ngài đối tôi*”.

KẾT LUẬN TẠM

Phật giáo lật đổ Ngô đình Diệm? Phong trào đấu tranh của Phật giáo thực sự kết thúc vào ngày 21.8 khi Ngô đình Diệm thi hành kế hoạch Nước Lũ đột kích chùa chiền triệt hết các thành phần lãnh đạo và tham gia phong trào. Nói thể khác, phong trào Phật giáo 1963 chỉ kéo dài 106 ngày - từ ngày 7.5 đến ngày 21.8, và thực sự kết thúc 73 ngày trước khi Tướng Dương văn Minh tuyên bố dứt điểm chế độ, hủy bỏ Hiến Pháp 1956 và đặt Miền Nam dưới quyền lãnh đạo của Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng vào ngày 2.11.1963. Cho nên, bảo Phật giáo lật đổ Ngô đình Diệm là một cách “*cướp công cách mạng*” vậy, dù không thể phủ nhận rằng không có phong trào đấu tranh của Phật giáo năm 1963 thì chưa chắc chế độ nhà Ngô đã bị xóa bỏ.

Phật giáo đã làm xong phần mình vào đêm 20.8 khi cả tiếng cầu kinh lẫn lời phản kháng chế độ bất công gian ác đều im bật. Kế hoạch Nước Lũ là luồng gió thổi sáng ánh đuốc Quảng Đức soi rõ bản sắc của chế độ Ngô đình Diệm để cho những người có trách nhiệm với chế độ đó phải có thái độ. Những người có trách nhiệm đó là dân chúng và quân đội - trong đó đa số là Phật tử, đã từng “*truất phế*” nhà Nguyễn “*suy tôn*” nhà Ngô, là Hoa Kỳ - kẻ đã chọn nhà Ngô để trao nhiệm mệnh bảo vệ những quyền lợi của Hoa Kỳ ở Việt Nam.

Hoa Kỳ không gây ra vụ Phật giáo để làm áp lực hay lật Ngô đình Diệm, bởi Hoa Kỳ không hề bận tâm Phật giáo là gì, là ai cả. Bản khoản của Kennedy trước ánh lửa Quảng Đức là câu hỏi “*Họ là ai vậy?*” Ánh đuốc Quảng Đức soi cho Hoa Kỳ thấy rõ thực lực quần chúng của Phật giáo. Nếu đã nghĩ đến chuyện lợi dụng - hoặc đã lợi dụng được, Phật giáo ngay từ đầu thì Kennedy hẳn không cần phải bản khoản như vậy. Chưa kể là dù có muốn chẳng nữa thì Hoa Kỳ cũng chẳng bao giờ lợi dụng được Phật giáo. Cứ xem Lodge rồi Bunker, Johnson, Nixon đã đối xử với Phật giáo như thế nào thì đủ rõ.

Giả thuyết cho rằng Hoa Kỳ tạo ra - hay lợi dụng, vụ Phật Đản 63 để làm áp lực hay lật đổ Ngô đình Diệm là một giả thuyết viễn vông vì quả thực lúc đó Kennedy cũng chưa dứt khoát tính gì ở Việt Nam nữa thì áp lực hay lật đổ Ngô đình Diệm để làm gì? Kennedy đang tiến thoái lưỡng nan. Nhưng leo thang hay rút lui thì Hoa Kỳ đều cần có ổn định ở Miền Nam. Hoặc giả muốn giữ nguyên trạng không đánh mà cũng không rút thì Kennedy cũng vẫn cần thế ổn định ở Sài Gòn để chuẩn bị cho cuộc tái ứng cử sắp tới của chính Kennedy. Quấy động hay đàn áp Phật giáo không phải là cách bảo đảm thế ổn định đó. Cũng vì vậy mà sau ngày Phật Đản ở Huế, cả hai phe điều hâu và bỏ câu ở Tòa Bạch Ốc đều gặp nhau ở điểm thúc đẩy Ngô đình Diệm phải thỏa hiệp với Phật giáo để tạo ổn định cho Miền Nam hầu có thể phụ với Hoa Kỳ một tay trong chuyện đánh cũng như đàm.

Anh em Ngô đình Diệm đã điên lên khi nghĩ rằng Hoa Kỳ đã coi trọng Phật giáo và coi nhẹ mình. Trong khi thực tế, Hoa Kỳ chỉ cần thế ổn định ở Miền Nam và anh em Ngô đình Diệm càng bức ép Phật giáo thì thế ổn định đó càng bị hăm dọa. Ngô đình Diệm không thấy điều đó, trái lại còn nghĩ rằng ngoài anh em mình ra Hoa Kỳ sẽ chẳng kiếm được ai hơn nữa nên cơ nghiệp nhà Ngô sụp đổ. Hoa Kỳ không phải là kẻ đầu tiên nghĩ đến chuyện đảo chánh khi vụ Phật giáo bùng nổ. Đảo chánh là chuyện tự các tướng tá Việt Nam nghĩ đến trước. Chính CIA ở Sài Gòn xác nhận điều ấy. Cái chết của ba anh em nhà Ngô là điều đau thương đáng tiếc về phương diện nhân đạo, mặc dù đó chỉ là hậu quả đương nhiên của trò chơi quyền lực chính trị. Không ai tin những kẻ thực tâm tham gia ngày 1.11.1963 lại ngây thơ mong muốn anh em nhà Ngô còn sống. Bài học lừa lọc của Ngô Đình Diệm mà Nguyễn Chánh Thi và binh chủng Nhảy Dù học 3 năm trước đã dạy cho họ nhớ rõ điều đó. Cho nên lòng “ân hận” về những cái chết này xét cho cùng chỉ là những “ân hận” chính trị của Pontius Pilate.



Tướng Dương văn Minh

Người Phật tử không quên ơn những người chủ động chính biến 1.11 dù biết rằng Dương văn Minh không lật đổ Ngô đình Diệm vì Phật giáo. Bằng chứng là mục tiêu đấu tranh pháp lý của Phật giáo là Dự số 10 thế nhưng khi chế độ đã bị lật đổ rồi Dương văn Minh không hề nghĩ đến chuyện hủy bỏ hay ngưng áp dụng văn kiện pháp lý đó, chẳng khác nào Ngô đình Diệm truất phế Bảo Đại nhưng vẫn duy trì Dự số 10 của Bảo Đại vậy. Mặt khác, chính Nguyễn Khánh - chứ không phải Dương văn Minh, là người thừa nhận tư cách pháp nhân của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất.

Tùy cơ duyên hoàn cảnh, nếu có một đối tượng thế tục nào cần phục vụ tức thời thì đó chính là dân tộc. Vì dân tộc chính là chúng sinh cận kề thân thiết nhất. Đó là điều người Phật tử muốn nhấn mạnh khi nói đến *Phật giáo Lý Trần*, nói đến *Hai ngàn năm Phật giáo Việt Nam*. Đó cũng là điều mà một số người không biết

-hoặc không muốn biết, khi đặt vấn đề cuộc đấu tranh của Phật giáo năm 1963 có lợi có hại gì cho công cuộc chống Cộng hay công cuộc giải phóng Miền Nam. Phản ứng của người Phật tử năm 1963 là một phản ứng tự vệ của kẻ đã bị dồn vào đường cùng, tự vệ không phải trong tinh thần “*tôi chết hãy trả thù cho tôi*” như giáo đồ Ngô đình Diệm nói nhưng là “*tôi chết hãy cầu nguyện cho kẻ đã giết tôi*” như lời Hòa Thượng Hội Chủ Thích Tịnh Khiết đã nhấn nhủ. Ánh đuốc Quảng Đức hay ngọn lửa tự vệ của Phật giáo đã làm cháy sém một cơ đồ. Bỏ hay giữ cơ đồ đó lại, giữ lại như thế nào, giữ lại để làm gì đó là câu hỏi đặt ra cho người dân, cho quân đội và cho chính Hoa Kỳ. Phật giáo không nhân danh tự do dân chủ, không nhân danh “quyền lợi” chống Cộng để phản đối chính quyền. Đúng ra, Phật giáo đã chống lại việc nhân danh tư cách và quyền lợi chống Cộng để chà đạp tự do, xâm phạm dân chủ của kẻ khác. Vì ý thức hệ cũng chỉ là một vô minh huyền hoặc nên người Phật tử không đồng hóa tín ngưỡng với ý thức hệ, và cũng không đem tín ngưỡng phục vụ chiến tranh ý thức hệ. Phật giáo không chống đối ai vì ý thức hệ và cũng không thỏa hiệp với kẻ nhân danh nhu cầu và quyền lợi ý thức hệ để làm ác.



Năm 2005, tác giả HNN về thăm lại nơi trú ẩn năm 1966 khi bị cảnh sát truy lùng.

Đối với người Phật tử Việt Nam, 106 ngày ngắn ngủi trong mùa hạ 1963 là kết tinh của hàng ngàn năm duyên nợ giữa Phật giáo và dân tộc này. Biến cố đó chính là khởi điểm của con đường thế trị -mà mục tiêu tối hậu là Giải Nghiệp bằng Giải Thực và Giải Hoặc, để chung vai góp sức vào nỗ lực kiến tạo Hòa Bình Dân Tộc - Độc Lập Quốc Gia - Cách Mạng Xã Hội. Đó cũng là cách đền ơn trả nghĩa công đức của bao nhiêu thế hệ Phật tử suốt ngàn năm đã góp phần giữ nước và dựng nước.

Phong Trang Mùa Vu Lan (12).

Hoàng Nguyên Nhuận

Nguồn Tư Liệu: Tạp Chí Hoa Sen Số 49 1-5-03 Chùa Quán Thế Âm Orange County USA

Ghi chú :

1. W. Safire - *Before The Fall*, Belmont Tower Books, NY 1975.
2. R.S. McNamara - *In Retrospect*, Random House, NY 1995.
3. M. Maclear - *Vietnam: The Ten Thousand Day War*, Thames Methuen, London 1981, tr. 374.
4. Phật tử thường gọi các vị trú trì các chùa bằng ôn đứng trước tên chùa. Ví dụ Thượng Tọa Mật Hiển là Ôn Trúc Lâm, Hoà Thượng Tịnh Khiết là Ôn Tường Vân, Thượng Tọa Đôn Hậu là Ôn Linh Mục, Hoà Thượng Trí Thủ là Ôn Già Lam, Hoà Thượng Thiện Siêu là Ôn Từ Đàm.
5. W. Rust - *Kennedy In Vietnam*, Da Capo Press, NY 1985, tr. 94.
6. Lời của Giám Mục Ngô đình Thực trong buổi nói chuyện với đại diện quân cán chính tại đại giảng đường Đại Học Văn Khoa Huế sau vụ Đà Phát Thanh Huế xảy ra.
7. Quốc Tuệ - *Công Cuộc Tranh Đấu Của Phật Giáo Việt Nam Từ Phật Đản Đến Cách Mạng*, tái bản Khánh Anh Paris 1987, tr. 43.
8. Tuệ Giác - *Việt Nam Phật Giáo Tranh Đấu Sử*, Hoa Nghiêm SG 1965, tr. 80 và 119 và *Quốc Tuệ sđd*. tr.28-29.
9. H. du Berrier - *Background To Betrayal*, Western Islands, Boston 1965, tr. 129.
10. Có những chùa và những Phật tử tại gia cũng như xuất gia không chịu gia nhập cuộc cách mạng tôn giáo của Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam nên họ đã gọi những người chấp nhận cuộc cách mạng tôn giáo đó là Thầy Cô chùa Hội, Phật tử chùa Hội.
11. Toàn bộ trích dẫn trong phần này là từ sách đã dẫn trong ghi chú số 5 từ trang 94 đến trang 107.
12. Sau khi bài này được phổ biến, Hoàng tôi nhận được mấy lời sau đây của một người trong cuộc: “Chỉ mấy trang mà viết đầy đủ cả một biến cố rất nhiều phức tạp. Riêng phần tôi, vì có dính dáng vào cuộc cách mạng 1.11.63, đọc bài của Nguyên Nhuận tôi hết sức xúc động. Đọc xong tôi muốn khóc. Cảm ơn Hoàng Nguyên Nhuận. Đỗ Mậu.”

000)00(000

Sen đồng và Năng Hạ 63

Trần Kiêm Đoàn

Huynh trưởng miệt đồng

Khát vọng bất tử là một là một ước mơ truyền đời đầy bi tráng của kiếp người yếu đuối. Cái chết vẫn là một ẩn số mà chỉ có đức tin tôn giáo mới mong tìm ra một đáp án tạm thời bằng cách xây dựng một ẩn số khác. Niết bàn, thiên đàng, cõi trời... vừa là một đáp án nhưng cũng vừa là ẩn số của niềm tin để cụ thể hóa khát vọng của con người về một kiếp sống miên viễn ở một thế giới, một cõi đời, một vùng đất hứa khác. Phật giáo đi vào cuộc đời không phải nhằm để thể hiện quyền năng trên chuyện sống chết mà để giải phóng ám ảnh tù đày về chuyện sống chết. Sự sinh diệt trong nhân sinh quan Phật giáo là một tiến trình thành-trụ-hoại-không, luôn luôn biến dịch trong vòng sinh thái: Từ chủng tử trở nên hiện hình; từ hiện hình quay về chủng tử. Cho nên, “sự sống đời đời” trong ý thức hệ Phật giáo là trạng thái Vô Sanh.

Tôi sinh ra và lớn lên ở chốn đồng quê, ở đó, đức tin cũng tự nhiên như những gốc lúa: Dân làng sinh ra để sống bằng cơm gạo. Muốn có cơm gạo thì phải trồng lúa; lúa mọc lên từ đất. Một năm hai mùa, nơi đâu còn có con người thì có những gốc lúa. Lúa hột, lúa mạ, lúa non, lúa trổ đòng đòng, lúa phơi mao ngậm sữa, lúa chín, lúa vàng, lúa giã thành gạo và gạo nấu thành cơm. Cái vòng tuổi xanh, tuổi chín, tuổi vàng của con người làng quê gắn gũi với tín lý của Phật giáo một cách hài hòa đến tự nhiên. Và, niềm tin tôn giáo của người nông dân trong bối cảnh văn hóa miệt đồng cũng an nhiên tự tại và nhẹ nhàng như thế đó.

Như cây đa đầu làng và bến sông nhấp nhô những tảng đá cù xanh rêu, khi tôi mới ra đời thì Phật giáo đã ở đó. Những bước chân chim đầu tiên đi chùa với mẹ tôi yên chí là ai cũng phải có một ông Phật để thờ cúng. Mãi cho đến tuổi khai tâm đi học trường Đạo tôi mới vỡ lẽ ra rằng, còn ông Chúa cũng “to” như ông Phật để mà thờ. Cái bóng hạnh phúc tôn giáo trong tuổi hoa niên của tôi không phải là ông Chúa hay ông Phật mà là bầu không khí và giao tình ở nơi thờ tự.

Phật Đản năm 1963 không đến với tôi một cách nhẹ nhàng và hồn nhiên như mọi năm vì từ mùa Đông năm 1962, khi các anh huynh trưởng lớn tuổi đi lính, tôi phải thay thế lên làm liên đoàn trưởng Gia đình Phật tử Liễu Hạ ở vào một lứa tuổi chưa được chuẩn bị sẵn sàng cho chức vụ mới.

Ở vùng quê tôi, rằm tháng tư đến sau mùa gặt Đông Xuân, khi nắng ấm đã về trên khắp xóm làng, khi cây trái, lúa gạo và lòng người tràn đầy nhựa sống. Nhờ vậy lễ Phật Đản thường được tổ chức long trọng và rực rỡ khắp vùng.

Tháng tư âm lịch năm 1963, đầu mùa hạ, trời không mưa nên hoa đèn, cờ xí đón mừng Phật Đản được trang hoàng từ một tuần trước ngày lễ. Ở làng tôi và khắp các vùng thôn xóm khác, từ đường quan lộ đến quyền môn, cổng xóm, hàng tre, đình chùa, tư gia... đâu cũng có bóng dáng tung bay của cờ đèn Phật giáo đã được giăng lên để chào đón ngày Phật đản sanh.

Một ngày trước lễ Phật Đản, bác khuôn trưởng Quyền Văn và tôi, đại diện cho Khuôn hội Phật giáo và gia đình Phật tử Liễu Hạ, được gọi về xã, đến trụ sở xã Hương Cần để họp khẩn cấp. Khi chúng tôi đến thì các thành phần lãnh đạo Khuôn hội và liên đoàn trưởng Gia đình Phật tử các làng khác như Triều Sơn Trung, Hương Cần, Vân Cù, Cổ Lão, Nam Thanh, An Thuận đều đã có mặt. Ai nấy đều giật mình khi ông chủ tịch Xã đọc và giải thích thông cáo của chính phủ là: *“Kể từ Phật Đản năm nay (1963), chỉ cho phép Phật giáo treo cờ hay giăng đèn mừng lễ Phật Đản và tất cả các lễ khác giới hạn trong chùa hay xung quanh bên trong khuôn viên chùa mà thôi. Cấm treo cờ Phật giáo bên ngoài chùa như thường lệ mỗi năm.”* Ông xã trưởng giải thích là việc ngăn cấm như thế nhằm để *“bảo vệ an ninh trật tự công cộng”*. Mọi thắc mắc kẻ tiếp đều được “trả lời một cách không trả lời gì cả” bằng câu nói cửa quyền muôn thuở là *“thi hành nghiêm chỉnh chỉ thị của cấp trên!”*

Hình ảnh các em thiếu nam, thiếu nữ, oanh vũ nam, oanh vũ nữ trong đồng phục áo lam vôi vàng đi quanh các xóm với các anh chị huynh trưởng để tháo cờ và xếp cờ Phật giáo trong im lặng vừa tội nghiệp vừa buồn trong nỗi uất ức vì không ai hiểu tại sao “năm này lại khác mọi năm?!” Nhưng dầu sao thì niềm vui vẫn còn hứa hẹn vì cuộc cắm trại Phật Đản của Liên Gia đình Phật tử Hương Cần tại Phe Chùa vẫn tiến hành như dự định.

Trại Tất Đạt Đa năm 1963 với sự tham gia của 6 đơn vị Gia đình Phật Tử 6 làng thuộc xã Hương Cần trải rộng trên một diện tích hơn năm mẫu đất của cánh đồng lúa vừa mới gặt. Tôi giữ chức vụ “Sơn Ca”, nghĩa là làm trách nhiệm cầm còi canh gác giờ giấc đời sống trại, điều khiển tổng quát chương trình sinh hoạt của toàn trại suốt hai ngày hai đêm trên đất trại với gần 5 trăm trại sinh. Có lẽ trong Ban quản trại, Sơn Ca là người bận rộn nhất từ khi tập họp dựng lều *“Nào chúng mình ra quây một vòng hát mà chơi!”* cho đến khi hạ lều *“Dây thân ái lan rộng muôn nhà; tay sắp xa nhưng tim không xa...”*.



Đêm rằm trên đồng lúa mênh mông vừa mới gặt chỉ còn gốc rạ lô nhô, trăng đồng quê dịu mềm như sữa mẹ rót xuống lòng đời biền biệt không bao giờ khô cạn. Đêm văn nghệ lửa trại còn để lại âm vang triu mến trên từng gốc rạ và đồng lúa chưa tàn. Sơn Ca và Ban quản trại là những người không được ngủ khi chưa nghe hết tiếng ngáy thân thương của các em trong mỗi cụm lều. Tôi thối còi im lặng, báo giờ ngủ cho toàn trại nhưng tiếng cười rúc rích “mỗi năm mới có một lần” của các em trại sinh vẫn lao xao đây đó. Đêm đã khuya, tôi và các anh chị trong Ban quản trại cố đi quanh đập tắt tiếng cười tíu tít của các em trong đêm chia tay, nhưng tiếng cười đó lại chảy vào lòng mình thân thương và ấm quá! Đêm về sáng. Tôi và anh Lũy, trại trưởng, vẫn còn thức. Trên đường quan lộ, hình như có ai đang về. Tiếng xe đạp dừng lại và anh Đãi, chú Phẫm, chị Gái... vừa chạy lúp xúp, vừa thở hổn hển báo tin dữ: “*Phật tử bị giết ở đài phát thanh nhiều lắm! Nguy rồi! Chắc chuyến ni chết hết!*” Rồi các anh chị kể lại, không đầu không đuôi, rằng là các anh chị từ chùa Từ Đàm về, qua đài phát thanh Huế, nhưng chỉ thấy xe tăng, lính tráng, cảnh sát đang giành giật, xô xát nhau với đám đông; rồi vòi rồng xịt nước, súng bắn, lựu đạn nổ, máu đổ, người chết... mới xảy ra hồi 9, 10 giờ tối. Tôi chưa biết ai giết ai nhưng một cảm giác rung động chạy dài trong dòng suy nghĩ. Tôi liên tưởng đến mối chuỗi mắc xích nối kết giữa việc cấm treo cờ Phật giáo và cuộc bạo động đổ máu vừa xảy ra.

Tôi chong mắt chờ sáng để nghe những tin tức mới. Sáu giờ sáng 9 tháng 5 năm 1963, đài BBC Luân Đôn và tiếp đó, đài VOA loan tin về cuộc biến động xảy ra trước đài phát thanh Huế. *Theo thông lệ hàng năm, chương trình phát thanh đặc biệt dành cho lễ Phật Đản được phát thanh vào lúc 8 giờ tối trên làn sóng điện của đài phát thanh Huế. Nhưng năm nay, chương trình này không được phát sóng. Quần chúng chờ đợi ở nhà không được nghe nên đã tìm đến đài phát thanh Huế để biết sự việc. Vì số lượng người khá đông đảo nên thiếu tá Đặng Sĩ, phó tỉnh trưởng nội an kiêm tiểu khu trưởng tiểu khu Thừa Thiên đã gọi đó là “đám biểu tình” và huy động lực lượng thiết giáp Bảo an, vũ trang quân cảnh và cảnh sát thành phố Huế tới vây quanh. Mở đầu là xe vòi rồng cứu hỏa đến xịt nước giải tán. Tiếp theo là bắn đạn mã tử, lựu đạn khói, lựu đạn cay được tung vào. Sau cùng là súng trường, lựu đạn nổ và xe thiết giáp được sử dụng vào lúc 9 giờ 30 tối. Hậu quả của cuộc xung đột này là máu đã đổ: Tám người thiệt mạng và bốn người bị thương. Xe thiết giáp cán vỡ đầu một thiếu nhi, một em nhỏ khác bị cán mất nửa đầu và một em nữa mất hẳn đầu. Mãi đến 2 giờ sáng quần chúng mới giải tán hết khỏi khu vực đài phát thanh Huế.*

Nghe và phối kiểm xong mấy bản tin, tôi trực cảm như có một đường lạnh băng chạy dài dọc theo xương sống. Tôi nhìn lên kỳ đài, cờ ngũ sắc của Phật giáo tung bay trong gió sớm. Bầu trời xanh ngọc bích của quê hương dần dần bị mây mù vây phủ. Tổ quốc, dân tộc, đạo pháp đang bị đặt trên bàn cân thiên lý. Lệnh một chút sẽ nghiêng trời một phương. Lạy trời có được một bàn tay tạo hóa cầm cân cho vững...!

Tôi thối còi báo thức muốn không nổi. Tin “Phật giáo bị đàn áp” loan đi rất nhanh. Sáng sớm, tôi cầm còi đứng giữa vòng tập hợp chung với dáng sống sờ như lau sậy. Các anh chị trưởng cúi đầu, các em

mắt đỏ hoe, rất nhiều em quay mặt đi để khóc. Ban quản trại quyết định nhờ trại. Tôi tập họp đàn, đội, chúng, trưởng ra lệnh hạ lều và tự nhiên bật khóc. Các em khóc theo...

Phật giáo tranh đấu

Những biến cố trong mùa Phật Đản năm 1963 đã châm ngòi cho ngọn lửa âm ỉ có từ thời cựu hoàng Bảo Đại, khi Đạo dụ số 10 do ông ký ra đời từ ngày 6-8-1950 quy định Phật giáo theo quy chế hiệp hội trong khi Thiên Chúa giáo không bị khống chế bởi sắc lệnh này. Tổng thống Ngô Đình Diệm truất phế vua Bảo Đại năm 1955, ban hành hiến pháp và luật pháp mới, nhưng vẫn tiếp tục duy trì Đạo dụ số 10 nói trên. Năm 1957, chính quyền lại ra lệnh loại bỏ ngày lễ Phật Đản ra khỏi ngày nghỉ chính thức trong năm đã gây nhiều bất mãn trong giới Phật giáo... Những năm tiếp theo có nhiều xung đột giữa chính quyền và sư sãi, Phật tử tại nhiều tỉnh như Huế, Quảng Nam, Sài Gòn, Cần Thơ, Biên Hòa... vì cách đối xử “nhất biên trọng, nhất biên khinh” so với tôn giáo khác. Và ngọn lửa đó đã cháy bùng với lệnh cấm treo cờ Phật giáo và biến cố Đài phát thanh Huế.

Là một huynh trưởng miệt đồng, giữ chức vụ liên đoàn trưởng Gia đình Phật tử trong thời kỳ sôi động nhất của lịch sử Phật giáo Việt Nam (từ 1962 đến năm 1968), tôi thường phải ở thể “vận dụng và sáng tạo” trong sinh hoạt sao cho phù hợp với khuôn khổ của GDPT, áp dụng tại địa phương mình. Tuy không chủ động phát khởi chuyện gì mới, thế nhưng khi cần, tôi vẫn “cứng đầu” bảo vệ và đứng vững một cách xác quyết với điều mình đã suy nghĩ và cho là đúng. Tuy một con én không làm nổi mùa xuân, nhưng con én sẽ làm đẹp bầu trời phảng phất hương Xuân.

Hôm sau, cùng với một số anh chị em huynh trưởng từ các làng Vân Cù, Hương Càn, Nam Thanh, Cổ Lão, tôi đạp xe từ làng lên phố. Thành phố Huế mang một bộ mặt khác lạ. Lính tráng và xe thiết giáp, xe lội nước tập trung trước tiểu khu. Khắp thành phố có những toán quân nhân và cảnh sát vũ trang mang súng tiểu liên và súng gắn lưỡi lê, lựu đạn cay túc trực khắp các ngã đường. Chúng tôi lên chùa Từ Đàm. Đã có rất nhiều người đứng ở sân chùa và quanh các con đường kế cận. Bầu không khí của chùa khác hẳn về êm đềm và tĩnh lặng mọi khi. Một sự căng thẳng vô hình đang chờ đợi. Tôi ghé vào văn phòng Ban Hướng dẫn GDPT Thừa Thiên bên phải khuôn viên chùa Từ Đàm. Các anh chị trưởng Nguyễn Khắc Từ, Mai Đình Nam, Đặng Ngọc Lựu, Phan Văn Gái, Hoàng Kim Cúc... trông có vẻ khác hẳn. Dáng tươi mát, hồn nhiên, đùa vui thường nhật được thay bằng vẻ bơ phờ và căng thẳng. Các anh chị dăm chiêu, ít nói và kiên nhẫn đợi chờ... Số Phật tử và huynh trưởng ghé vào văn phòng Ban hướng dẫn mỗi lúc một đông. Anh Từ, trưởng ban hướng dẫn, dặn dò vắn tắt: “*Các em về chùa, đợi lệnh quý Thầy!*”

Sau biến cố đài Phát thanh Huế, chiếc cầu đối thoại giữa chính quyền và giới lãnh đạo Phật giáo dường như từ từ bị nhận chìm dưới làn nước trong suốt của sông Hương. Hai bên đang đứng hai phía đầu cầu, đều có thể nhìn thấy nhau, nhìn thấy chiếc cầu hiện hữu, như có như không, nên không thể qua cầu gặp nhau. Có nói vẫn không nghe, có nhìn vẫn không thấy. Phía chính quyền thì chỉ muốn đơn giản hóa vấn đề bằng cách đổ lỗi và chụp mũ “Việt Cộng phá hoại” để trấn áp phong trào Phật giáo bằng vũ lực. Phía Phật giáo thì đòi hỏi chính quyền phải giải quyết rạch ròi, đen trắng phân minh; không phải để “bất đền” sự mất mát đêm rằm tháng tư tại đài phát thanh Huế mà để mưu cầu một thể đứng bình đẳng tôn giáo lâu dài trong lòng dân tộc. Thế nhưng, cùng nói và viết tiếng Việt Nam mà hai bên lại dùng hai ngôn ngữ khác nhau: Ngôn ngữ phủ quyết về phía cầm quyền và ngôn ngữ xác quyết về phía đòi hỏi. Phong trào tranh đấu Phật giáo bùng nổ từ Huế, rồi lan dần ra khắp nước. Cuộc “thư hùng không binh lửa” kéo dài cho đến khi tổng thống Ngô Đình Diệm bị quân nhân đảo chánh và hạ sát vào cuối năm 1963!

Đúng 40 năm sau ngày biến cố, khối quần chúng xuống đường, lên đường, chặn đường, mở đường, phá đường... nay đã vắng mặt thiên thu hay còn hiện diện với mái tóc hoa râm. Còn ai nhớ và ai quên một thời bão nổi đó?!

Suốt cả tháng 5-1963, nhân mùa nghỉ Hè, tôi có dịp lên về chùa Từ Đàm, nơi được coi như là trung tâm chỉ đạo cho phong trào Phật giáo tranh đấu. Với chiếc xe đạp lọc cọc lên Huế về làng, tôi cảm thấy cuộc xe không vất vả bằng bộ áo quần mặc trong người. Mặc đồng phục GDPT thì cứ e sợ sẽ không an toàn lúc đi đường; mà mặc đồ thường lên chùa Từ Đàm lại có cảm giác như mình là “con cháu ngoại”.

Sau nhiều tuyên ngôn và thông cáo xác định cuộc đấu tranh đòi bình đẳng tôn giáo và phương thức tranh đấu bất bạo động theo tinh thần thánh Gandhi, sự đối thoại giữa giới lãnh đạo Phật giáo và chính quyền có khuynh hướng đi vào ngõ cụt vì chỉ có “hình” mà không có “thức” nên thiếu mất đi một mẫu số chung làm căn bản.

Một ngày trước, các GDPT được thông báo là sẽ có một cuộc tuyệt thực của tăng ni toàn quốc trong 48 tiếng đồng hồ kể từ 14 giờ ngày 30-5-1963 để đòi hỏi chính quyền giải quyết 5 nguyện vọng ghi trong Tuyên Ngôn ngày 10-5-1963 đã được ủy ban Bảo vệ Phật giáo gửi lên Tổng thống và Chính phủ. *Huynh trưởng và đoàn sinh GDPT miệt đồng xa thành phố như chúng tôi được Ban hướng dẫn khuyến khích ở lại tại chùa địa phương mình, gióng chuông u minh và thành tâm cầu nguyện cho đạo pháp được thoát nạn kỳ thị và dân tộc trường tồn. Nếu bị đàn áp thì không tìm cách chống cự mà phải nhất loạt ngồi xuống xếp bàn tại chỗ và chấp tay niệm Phật. Chúng tôi cũng được khuyến khích là tại mỗi chùa nên treo một biểu ngữ ghi nội dung một trong 5 nguyện vọng của Tuyên Ngôn đã gửi lên chính quyền.* Suốt đêm tôi và ban huynh trưởng cùng các đoàn sinh ngành thiếu lo cắt dán, xếp chữ để hoàn thành tám biểu ngữ dài trước khi trời sáng. Chúng tôi chọn Điều 4 của Tuyên Ngôn làm biểu ngữ với nội dung:

“Yêu cầu chính quyền cho tăng ni và tín đồ Phật giáo được tự do truyền đạo và hành đạo”.

Biểu ngữ nền vàng chữ đỏ được treo lên trước cổng chùa lúc quá nửa khuya. Khoảng 6 giờ sáng, khi ban huynh trưởng chúng tôi và các em thiếu nam đang còn ngồi dựa vai nhau lơ mơ ngủ gật ở trong chùa thì có tiếng chân chạy rầm rập bên ngoài và tiếng đập cửa hỗn loạn. Tiếp theo là tiếng kêu ra lệnh:

- Bọn làm loạn mô rồi ra đầu thú mau lên không thôi ta đập bể đầu!

Tôi vừa mở cửa tiền đường của chùa, các anh dân vệ xã mang súng ống đã ập vào. Tôi đứng dậy và lễ phép trả lời:

- Dạ, có tôi đây. Tôi là liên đoàn trưởng chịu trách nhiệm mọi việc.

Một anh cầm cái biểu ngữ treo trước cổng chùa đã bị xé toang quất vào mình tôi, hỏi đầy vẻ hăm dọa:

- Có phải mi là thằng làm cái băng “chó chết” ni không hả?

Tôi nhận:

- Dạ tôi làm.

Anh ta làm cử chỉ như muốn đánh vào đầu tôi nhưng bên ngoài đã có tiếng can, nghe quen quen như tiếng ông ấp trưởng:

- Ê anh em, đừng đập đánh sinh chuyện lời thôi. Cứ trối cổ lại, giải về xã là yên chuyện.

Lập tức tôi bị trối tay lại đằng sau bằng giây mây đã thủ sẵn. Tôi cố ngồi bệt xuống niệm Phật nhưng bị lôi đứng dậy và kéo ra khỏi chùa. Anh liên đoàn phó cũng bị trối còn các em khác vừa la khóc vừa chạy tán loạn.

Tôi bị áp giải vừa đi vừa chạy bộ về xã Hương Cần. Tôi ngoan ngoãn đi theo toán người dẫn độ, không dám ngoái lại nhìn theo sau để xem còn có ai nữa không. Đi chưa được nửa đường, tôi phải nhìn lui vì có tiếng ai rất quen vừa la hét, vừa van xin, cố chạy tới phía trước để bắt gặp tôi. Tôi sững người, chao đảo cả toàn thân. Thì ra mẹ tôi! Mẹ với đầu tóc chưa kịp bôi, quần đen ống xăng ống xả, nhào tới ôm chầm lấy tôi, vừa khóc vừa van xin, vừa quỳ xuống giữa con đường đất mấp mô sỏi đá còn ướt sương. Mẹ tôi ôm chân tôi khóc nức nở:

- Con ơi là con! Mạ đây nì. Con làm chi mà ra thân thè nông nổi như rì!

Toán người áp giải cố hắt mẹ tôi ra đang cản đường tiến tới. Mẹ tôi day qua hết người này đến người nọ, lạy dài, năn nỉ như tể sao:

- Tui lạy mấy chú, tha cho con tui. Thằng con tui to đầu rồi mà còn dại dột. Xin mấy chú cho tui lãnh về để dạy...

Toán người dừng lại. Ông áp trưởng tiến lên, chỉ vào mặt mẹ tôi:

- Hừ! Dân học thức đậu “đít lôm”, tú tài rồi mà dại! Dại kiêu chi mà dám làm loạn chống chính quyền đã chớ!

Ở làng thuở đó ít người được lên Huế học nên tôi được coi như “kẻ sĩ”. Người dân làng rất hiếu học nên tinh thần “trọng sĩ” vẫn còn. Có lẽ vì thế mà ông ta chưa thoá mạ nặng lời đối với tôi. Tôi trở thành câm nín đống băng vì sự xuất hiện quá đột ngột của mẹ tôi. Sự thô bạo từ bên ngoài không còn gây cho tôi một phản ứng tâm lý nào cả khi thấy Mẹ tôi la khóc nài dài giữa đường, tóc trộn với đất bùn cản lối không cho đi. Người ta có thể đối đầu một mất một còn với gian tà và bạo lực nhưng phải tự trói tay, bịt miệng và nhắm mắt trước tình thương. Bạo lực là nhận và trả; nhưng tình thương thì chỉ có cho và thấm. Có khi chỉ một thoáng chốc nhưng lại thấm tận đáy tâm hồn cho hết một đời sau.

Ông áp trưởng ra lệnh cho một người trong nhóm:

- Cả hết đứng đó. Chú Quyền chạy trước về trình xã.

Tôi không còn nhớ bao lâu sau đó, nhưng chỉ nhớ người đến mở trói cho tôi là thiếu úy Đỗ, người bạn học chung lớp Anh Văn với tôi tại Hội Việt Mỹ Huế trong những năm qua. Anh ta đang là sĩ quan chi khu của Quận. Đỗ nhìn tôi với vẻ mặt lạnh lùng nhưng tôi đọc được chút tình cảm vẫn còn đọng lại trên tia nhìn ấm áp cố làm ra vẻ xa lạ của anh. Chúng tôi là “partners” sát cánh nhau trong những đợt thi đua hùng biện Anh Ngữ do trung tâm Văn Hóa Hoa Kỳ tổ chức mà cả hai chúng tôi đều chiếm giải. Đỗ không nói lời nào với tôi mà chỉ trao đổi to nhỏ với ông xã trưởng và áp trưởng.

Ông xã trưởng ban lệnh “ân xá” bằng cách nói oang oang, dằn mặt, không cần biết tôi có nghe hay không nhưng lại muốn mọi người cùng nghe:

- Làm sai lần đầu, chính quyền khoan hồng tạm tha. Lần sau tái phạm là tù một gông nghe chưa!

Rồi ông day qua phía mẹ tôi, hoa tay diêm mặt, lên giọng răn đe mẹ tôi phải biết giáo huấn con cái thế này thế nọ... Giữa đám đông người làng trên xã dưới ló nhỏ, mẹ tôi đứng dậy búi lại tóc. Mẹ lấy tay áo chùi nước mắt. Như một gốc tre già chỗi lên từ lòng đất, dáng vẻ sừng sững của bà mẹ quê biển đầu mắt, mẹ tôi không chỉ nói với ông xã trưởng, ông áp trưởng mà nói với cả bằng dân thiên hạ, bằng một giọng răn rỏi pha nét tự hào mà suốt cả thời trẻ thơ tôi chưa bao giờ nghe thấy:

- Dạ cảm ơn xã, cảm ơn huyện, cảm ơn thôn thả con tui ra. Xin lỗi, ông khỏi dạy dỗ tui. Con tui ăn học đàng hoàng, chưa trộm trâu đốt nhà của ai hết. Hấn là học trò trường Đạo nên kính Chúa trọng Phật như nhau, biết chuyện phải trái mà theo. Mấy ông trên ở không kỷ cương dưới mới lập đàn mây mưa...

Như cảm nhận được hơi nóng từ trong giọng nói của một bà mẹ quê liều lĩnh và bất chấp để bảo vệ cho con mình, ông xã trưởng nói gạt ngang:

- Thôi đẹp! Về hết đi...

Là con trai út trong gia đình 6 anh chị em, cha mất sớm, nên dù ở bất cứ tuổi nào tôi cũng luôn luôn bị mẹ và các anh chị đối xử như đứa bé trong chiếc nôi yêu dấu của gia đình. Đôi khi bất mãn, tôi cũng muốn vùng lên tranh đấu giành quyền sống, nhưng tình thương gia đình “dày đặc” quá, làm tôi mất hết cơ hội đạt thắng lợi sau cùng. Bởi vậy, tôi bị gia đình bắt vào Sài Gòn “học Hè”!

Rời Huế về phi trường Phú Bài vào buổi trưa ngày 1-6-1963, tôi phải đi qua cầu Bạch Hổ vì ngã Trường Tiền đã bị phong tỏa. Một cuộc biểu tình và tuyệt thực lớn mà sinh viên và học sinh Huế tham gia đông đảo đang diễn ra. Ra đi, giao trách nhiệm GDPT lại cho anh liên đoàn phó và nhìn về phía bạn bè xuôi ngược, tôi có cảm tưởng như mình đang phụ lòng anh em, phụ tình với Huế.

Đến Sài Gòn, tôi ở lại nhà bà chị cả của tôi trên đường Cao Thắng. Không khí đường phố Sài Gòn tuy cũng phảng phất khí thế phòng ngự và xuống đường nhưng không căng thẳng như ở Huế. Bù lại, trận giặc báo chí thủ đô lại rất sôi động về nguồn thông tin sự đối đầu quyết liệt giữa chính quyền và Phật giáo. Hai chùa Ấn Quang và Xá Lợi đang trở thành hai trọng điểm của phong trào Phật giáo đấu tranh. Hàng ngày, những bài thuyết pháp với nội dung và ngôn từ đòi hỏi sự bình đẳng và tự do tôn giáo, đầy tính đấu tranh không khoan nhượng, do quý Thầy luân phiên xuất hiện thu hút quần chúng Phật tử đến theo dõi đứng chật lớp trong, lớp ngoài. Tôi “học Hè” ở chùa nhiều hơn là học chữ! Cho đến một hôm, đúng 10 ngày sau khi đến Sài Gòn, khoảng gần trưa, cháu Vần kêu tôi bằng cậu, ở đâu chạy về báo tin:

- Cậu ơi cậu! Thầy tu biểu tình gần nhà mình. Cậu ra coi mau, lần này ngộ lắm!

Tôi theo chân đứa cháu, tất tả chạy về phía ngã tư đường Phan Đình Phùng và Lê Văn Duyệt. Trong ánh nắng miền Nam chói chang, từ sau hàng rào của lớp người đứng trước, tôi có thể nhìn thấy khói đen bốc lên. Mùi khét của xăng dầu và da thịt thoảng đến khi làn gió thổi ngược về phía mình. Tôi cố chen vào phía trước để nhìn cho rõ việc gì đang xảy ra. Giữa ngã tư đường phố, một nắm lửa đang bùng lên. Khi ngọn gió tạt qua tôi nhìn thấy một dáng người đen thui đang ngồi thể xếp bàn như một tượng Phật bằng đồng đen. Những cơn gió nhẹ cứ tạt qua tạt lại và bức tượng đồng đen chập chờn ẩn hiện trong rừng lửa sắp lụi tàn. Bức tượng rung rinh, chao đảo và ngã xuống mặt đường. Một xác thân người trợn vện hiện ra trong ánh lửa chỉ còn là vầng khói mịt mù. Đứng bao xung quanh là các Thầy mặc áo vàng đang cầu nguyện. Có tiếng loa cầm tay đang đọc hay thông báo điều gì tôi không nghe rõ. Còi xe cảnh sát rộ lên từng hồi khẩn cấp. Đứa cháu kéo tay tôi chạy theo đám đông rần rộ tản ra khắp các con đường. Từng mảng âm thanh đây đó chìm trong biển âm thanh của tiếng kêu, tiếng khóc, tiếng người sững sờ, hốt hoảng hỏi nhau về sự cố đang diễn ra trước mắt và cũng là lần đầu tiên trong đời họ được thấy tận mắt hình ảnh Tự Thiêu. Như một bài toán chưa có lời giải, những lời vang vọng hay thì thào: “Thầy tu tự thiêu” chưa mang đến một khái niệm nào rõ ràng trong đầu tôi cả. Tất cả hình ảnh bị trắng trước mắt tôi đều mới quá, lạ quá, bi thương, hào hùng và nghiêm trọng quá! Nhưng phản ứng tâm sinh lý tức thời là sự cảm xúc rất mãnh liệt chế ngự và cuốn hút cả tinh thần lẫn thể chất trào dâng trong tôi. Trời nắng buổi trưa, mồ hôi đổ đầm đìa mà cái lạnh vô hình từ bên trong vẫn quán quện lấy tôi. Cả một buổi chiều và suốt đêm sau đó, hình tượng ngọn lửa vẫn vũ bão phủ thân xác đồng đen cứ chờn vờn hiện ra như cố, như không trước mắt. Ngay chiều hôm đó, tôi chen chân đến chùa Xá Lợi, nơi đang để di thể của ngài Quảng Đức nhưng làn sóng người đổ xô đến đó đã tràn ngập, cảnh sát chặn đường không cho vào. Mãi đến sáng hôm sau, đọc tin tường thuật về vụ tự thiêu tôi mới biết được thân thể của Hòa thượng Thích Quảng Đức và ý nghĩa cao cả của việc tự nguyện đem thân mình làm đuốc để soi sáng lương tri và thức tỉnh lương tâm của thế lực đương quyền.

Tin một nhà sư Phật giáo tự thiêu giữa ban ngày trên một ngã tư đường phố đông đúc tại Sài Gòn đã làm xúc động dư luận thế giới.

Bên cạnh những người trải qua quá trình tranh đấu cho nhân quyền đã bày tỏ sự ủng hộ cuộc đấu tranh của Phật giáo một cách nhiệt tình, những nhà đạo đức xã hội tôn giáo (socio-religious moralists) phương Tây, nhất là Hoa Kỳ, đặt vấn đề tự thiêu có phải là “sát sanh” hay “tự thân bạo động” đi ngược với tinh thần Phật giáo là bất sát sanh (Ahimsa) và bất bạo động (Non-violence) không? Câu hỏi đã được nhiều nhà nghiên cứu sử học, xã hội học, và tôn giáo học như Robert J. Topmiller, Douglas Pike, Danielle Berrigan, Martin Luther King... chỉ rõ rằng, tự thiêu (self-immolation) và tự ép xác (self-mummification) ... tự hiến dâng cái thân tứ đại giả tạm của đời người cho những mục đích cầu nguyện, vị tha, tế độ cao vời là một sự hành đạo khá phổ biến trong giới tăng già Phật giáo có từ thời xa xưa ở Ấn Độ và Trung Hoa. Đó không phải là hình thức tự sát hay tự tử; “tự thân bạo động” hay chối bỏ cuộc sống theo khái niệm đời thường mà đây là một chí nguyện dâng hiến tấm thân của mình cho đại cuộc hoàn toàn tự giác và giác tha. Robert J. Topmiller còn đi xa hơn trong việc so sánh hình ảnh tự thiêu để thắp sáng lương tâm con người với hình ảnh Đức Chúa Jesus chịu đóng đinh trên thập tự giá để chuộc tội cho loài người đều là mang tính cao cả của sự quên mình vì người.

Vụ tự thiêu của ngài Quảng Đức là tiếng vọng hải triều làm chấn động lòng người. Đó là một thông điệp vũ bão và quyết liệt nhất, xác định sự dấn thân không lùi bước của người Phật tử trong tiến trình đấu tranh cho quyền tự do và công bằng tôn giáo. Mọi người nín thở chờ phản ứng của cả hai bên.

Năm ngày sau vụ tự thiêu, Thông Cáo Chung của Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo và Ủy Ban Liên Bộ của chính quyền được ký kết với chữ ký khán duyệt của hòa thượng Thích Tịnh Khiết và tổng thống Ngô Đình Diệm. Đây có thể được xem như là văn kiện quan trọng nhất trong quá trình thương thuyết giữa hai bên. Nhưng lịch sử cổ kim đã chứng minh rằng, trên vũ đài chính trị, trong bất kỳ cuộc tương tranh nào, những văn bản hay ngôn ước hứa hẹn đơn phương hay song phương chỉ được thực thi khi hai bên đều có bạo lực tương đương để không chế nhau. Có vẻ như Thông Cáo Chung trở thành một viên thuốc an thần cho cơn sốt thời cuộc, không được bên có ưu thế của quyền lực chính trị và quân đội trong tay thi hành nghiêm chỉnh. Ngược lại những chuỗi xung đột giữa các viên chức chính quyền và khối quần chúng Phật tử ngày một trầm trọng. Cường độ và quy mô của cuộc đấu tranh bất bạo động của Phật giáo và phản ứng chống đấu tranh bằng phương tiện bạo động của chính quyền càng ngày càng leo thang làm cho “Thông Cáo Chung” càng ngày càng trở thành một văn kiện đầy mỉa mai và quá xa vời với thực tế!

Đầu tháng 7-63 tôi trở về Huế để chuẩn bị cho năm học mới. Cả thành phố Huế đang ở giữa cơn sốt thường xuyên của phong trào tranh đấu Phật giáo và nỗ lực dùng vũ lực để không chế các cuộc biểu tình xuống đường của chính quyền đương nhiệm. Chùa Từ Đàm và Diệu Đế trở thành hai trọng điểm của phong trào Phật giáo đấu tranh tại Huế rất giống với hai chùa Ấn Quang và Xá Lợi tại Sài Gòn.

Tôi học lớp đệ nhị trường Quốc Học Huế. Không khí bãi khóa, xuống đường như thường xuyên treo lơ lửng trong hai trường Quốc Học và Đồng Khánh. Đây là hai trường “làm anh, làm ả” của Huế, nên hầu như sự khởi xướng các cuộc bãi khóa của sinh viên và học sinh Huế đều xuất phát từ trường Luật và trường Quốc Học. Vì tình hình ngày học ngày không, tôi rời nhà trọ ở đường Lê Đình Dương để về ở làng. Mỗi buổi sáng, buổi chiều đạp xe lòn tòn từ làng lên Huế và từ Huế về làng, bao giờ mẹ tôi cũng dặn dò: “Tên con nằm trong sổ đen của họ rồi, chừ như con cá trên thớt. Con thương mạ thì nghe lời mạ, đừng có hăng quá mà bị bỏ bao bố liệng xuống rào (sông) khổ thân con ơi!” Rồi mẹ tôi lập đi lập lại cái nghệ thuật xử thế khôn ngoan của người dân quê chỉ muốn yên thân sau lũy tre xanh:

Cây cao gió dật gió dờ,

Chẳng bằng cây thấp gió đưa dịu dàng.

Tôi chỉ muốn làm “cây thấp”, nhưng thấp tới mức nào thì chẳng ai có thước cân khôn mà đo giùm cho tôi cả.

Tháng 8-63 bầu không khí thành phố Huế trở nên sôi động và căng thẳng hơn bao giờ hết với những cuộc biểu tình, xuống đường, tuyệt thực, đình công, bãi khóa, bãi thị, đàn áp xảy ra liên tục. Sự yên tĩnh của những ngôi chùa làng quanh Huế vốn đang dao động theo nhịp đập của Từ Đàm và Diệu Đế bỗng chao đảo rung động với tin tự thiêu của sa di Thanh Tuệ ở chùa Phước Duyên và ngọn lửa của Hòa thượng Thích Tiêu Diêu bùng lên ngay trên sân chùa Từ Đàm. Những huynh trưởng Gia đình Phật tử miệt đồng chúng tôi kết đoàn gần nhau lại, dáo dác tìm nhau tự hỏi: “Phải làm gì để bày tỏ thái độ cụ thể tiếp tay với cuộc đấu tranh chung?!” Trong hoàn cảnh xóm làng xa xôi và chùa làng cô quạnh mà một tiếng gà gáy lên xóm trên chưa dứt, xóm dưới đã nghe, mọi sự động tĩnh đụng chạm đến chính quyền sẽ bị “cuốn theo chiều gió” như đám lá tre khô vương vãi ở đầu làng. Vì hầu hết huynh trưởng và đoàn sinh bận công việc đồng áng suốt ngày nên các GDPT ở làng phải sinh hoạt vào mỗi tối thứ bảy. Gặp những đêm không trăng, những buổi họp đoàn soi mặt nhau dưới ánh đèn gió vật vờ làm phảng phất một vẻ tôn nghiêm và kỳ bí lạ lùng. Nghe tường thuật các vụ tự thiêu, các em oanh vũ thường khóc thút thít và đã có em lên tiếng thơ ngây, nghĩ đến chuyện tự thiêu tập thể như một cuộc du ngoạn vào chôn thân tiên: “Hay mình cầm tay giã thân ái quanh đụn rơm, rồi quăng hết đèn gió vô trong đó cho đến khi lửa cháy hết với mình...” Tôi nghĩ đến những cuộc thánh chiến, nghĩ đến những ngọn lửa trong tim, những ngọn lửa trong cuộc đời thường. Một phần lịch sử nhân loại đã bị thiêu hủy không phải bằng ngọn lửa đời thường mà bằng biển lửa trong tim. Dập tắt những kinh thành đang

bốc lửa khó mà dễ. Nhưng dập tắt những ngọn lửa trong tim mới là khó. Trên bề mặt phẳng lặng, những ngọn lửa trong tim đang cháy...

Ngày 21-8-63, chính quyền đã “tổng dập tắt” biển lửa đấu tranh của phong trào Phật giáo trong toàn quốc bằng tất cả sức mạnh vũ bão quyết liệt nhất mang tên là “chiến dịch Nước Lũ”. Những cứ điểm cuối cùng của Ấn Quang, Xá Lợi, Từ Đàm, Diệu Đế đều bị quét sạch tan hoang. Tất cả tăng, ni, Phật tử bị tình nghi là có tham gia phong trào đấu tranh đều bị bắt giam không cần bằng chứng, trát tòa hay sơ vấn. Buổi chiều hôm sau, khi tôi đang ngồi học bài ở hậu liêu của nhà thờ họ Trần, mẹ tôi chui qua hàng tre và hốt hoảng báo tin: “Thằng Thọ bị bắt rồi! Chờ họ đang tìm con...” Thọ là liên đoàn phó GDPT của tôi. Mẹ tôi cầm tay tôi lôi đi trốn. Chạy băng qua mấy hàng tre thưa từ xóm Kên, qua xóm Giữa, xóm Cụt, xóm Bàu lên khu Mã Vôi là nơi có mộ Ba tôi đang nằm ở đó. Lúa mùa tháng Tám sắp chín. Cả đồng lúa trĩu bông là nơi ẩn nấp tạm thời khá an toàn vì đồng ruộng mênh mông và hoang vắng ít người để ý. Mẹ tôi và tôi bò sát giữa bờ đất giữ nước của đồng lúa. Bức trường thành ngút ngàn ruộng lúa che khuất hai mẹ con. Lên tới Mã Vôi, tôi kiểm chỗ nấp sau bình phong của lăng mộ. Mẹ tôi bò về lại để chờ trời tối bới cơm lên cho tôi. Mẹ đi chưa tàn thuốc, hướng về phía làng, tôi đã thấy bóng người ló nhố từ sau dây tre làng băng đồng tiến tới. Tôi hốt hoảng rời vùng lẩn mộ, vừa chạy lúp xúp vừa bò về phía Bàu Tháp. Nhưng mấy con đường mòn lờ mờ đã bị khóa chặt. Tôi bị đón đường. Ngoài ông áp trưởng và mấy anh dân vệ còn có thêm một khuôn mặt khác, đó là bác Thỏa ở làng kế cận. Tôi chỉ biết lơ mơ là bác ta làm gì đó ở bên huyện, bên tỉnh nhưng không biết giữ chức vụ gì, người làng tôi gọi bác là “mật vụ” nhưng thuở đó tôi không để ý nên chưa có khái niệm gì rõ ràng về cái nghề “mật vụ” lạ hoắc đó cả. Lần này tôi không bị trói như lần trước mà chỉ bị hai anh dân vệ xốc nách kéo đi.

Khi đến đường cái thì đã có một chiếc xe Land Rover màu xanh rêu bịt bùng chờ ở đó. Xe mở cửa sau nhưng thấy tôi om, sợ quá tôi không dám lên. Dừng dằng rồi cũng bị đẩy vào. Bên trong chỉ có bác Thỏa và tôi. Bác Thỏa là người làng lân cận, nghe nói là làm việc “bên tỉnh”. Bác có 3 đứa con học bậc Trung học ở Huế thường cuối tuần lên về chung chuyến xe đồ với tôi nên quen. Tôi không rõ là bác Thỏa có biết tôi không hay tảng lờ coi như không biết để dễ làm việc.

Vừa rướn người vào được trong xe, lập tức cánh cửa sau xe đóng sầm lại. Bác thỏa nhanh như kiểm sĩ, rút cây roi để sẵn trong xe, chẳng nói chẳng rằng quất mạnh vào lưng tôi. Ngọn roi mềm quán qua lưng qua bụng và bác Thỏa rút mạnh, tôi ngã lăn nằm úp mặt lên sàn xe. Một loáng sau tôi mới có cảm giác đau đến tê dại như bị cắt từng mảnh da thịt sau lưng. Tôi quần quai uốn mình trong cái đau như con giun bị chấn đầu. Bác Thỏa nạt như sấm:

- Nằm im! Mi ngo ngoe là chết liền!

Tôi sợ quá nhưng tiếng rên vẫn cứ bật ra khỏi miệng. Đường lên Huyện toàn ổ gà to như cái nón. Tôi nằm sấp, mặt va vào sàn xe theo đà lắc lư của ổ gà. Bác Thỏa ngồi đón đầu, hai chân mang giày và đạp lên hai vai tôi để đề tôi nằm im xuống sàn xe. Xe chạy được một khoảng, tôi muốn ói vì mùi phân trâu và bùn thối từ giày bác Thỏa chảy lên vai lên mặt tôi. Tôi cố dùng tay đẩy nhẹ đôi chân giày của bác Thỏa ra khỏi vai để đỡ bị ngộp thở nhưng bác càng ấn chặt xuống. Nửa đường, cái sợ biến đầu mất để nhường lại cho cơn giận bốc lửa của tuổi thanh niên ủa đến. Cơn giận như thuốc súng làm tôi ngồi bật dậy như cái lò xo. Bác Thỏa hốt hoảng vung cây roi lên nhưng tôi đã nhanh hơn chụp lấy ngọn roi da dài ngoẵng quán nhiều vòng vào bàn tay của mình. Tự biết sức ông già văn phòng không cưỡng lại sức thanh niên đồng ruộng nên bác Thỏa giở giọng cả vú lấp miệng em:

- Ôi! Cái thằng khôn nạn. Mi dám làm loạn chống lại tao phải không?

Tôi cố hét lên rất to cho át tiếng xe gầm rú và để bác Thỏa nghe cho rõ:

- Thưa bác, tôi không dám chống lại bác, nhưng bác không được đánh tôi. Nếu bác muốn giết tôi thì giết cho chết còn bác đánh tôi bị thương thì con Luật, thằng Lê, thằng Pháp... đừng có hòng yên thân đi học với tôi.

Trong ánh sáng mờ gần như tối, tôi có thể đọc được nét sững sờ của bác Thỏa qua sức kéo của cán roi da lồi dần trong tay tôi... Tôi có thể hiểu được tâm sự của một người cha, dù ông ta đang đứng cong mình trên tuyến lửa. Muốn lên Huế học, các con của bác ấy phải đi qua làng tôi. Bác cũng hiểu đất lề quê thói. Gây thù hận với làng bác, tôi chỉ cần tránh mặt không lên chơi. Nhưng gây thù hận với làng tôi, bác và con cái của Bác chỉ còn nước chui xuống sông đi thuyền; từ lỗ vốn đến trắng tay mà thôi. Tôi ngồi dựa vào thành xe, tay không rời cuộn giấy roi. Bác Thỏa hút thuốc liên tục, trầm ngâm và lặng lẽ.

Hai năm sau cái lần roi đầu tiên của bác Thỏa quất lên mình tôi vẫn còn in dấu sau lưng nên các em trong GDPT thấy và gọi đùa là “huy chương mật vụ”. Sau này tôi mới biết đó là roi gân bò dùng để tra khảo tội phạm.

Suốt hai tuần bị giam ở lô cốt huyện Hương Trà, tôi lấy làm lạ là chỉ bị kêu lên khai báo lấy lệ có một lần, được ăn cơm cà-mèng, hút thuốc Ruby Quân tiếp vụ phi phà của lính. Mỗi ngày một buổi đi làm tạp dịch lao động quanh huyện đường. Rồi đến một hôm, tôi được gọi lên văn phòng huyện. Người ta cho biết là cơ quan TK 2(?) bắt tôi và gửi ở Huyện 10 ngày nhưng quá hạn 3 ngày rồi mà người của TK2 không ai đến nhận. Người trưởng văn phòng hỏi một câu mà tôi cho là “ngây ngô và dễ thương” nhất trong lịch sử đời mình, rằng là, nếu tôi muốn về thì ký giấy để được thả về; còn nếu tôi muốn ở lại thì nói người nhà bới cơm chứ huyện đã hết khẩu phần cho tôi. Mãi sau này tôi mới biết là thuở đó, người mật vụ như bác Thỏa ưa bắt ai thì bắt, khỏi cần trát tòa, án lệnh hay giấy tờ lồi thối. Bác chỉ cần ban cho cái nhãn hiệu “phá hoại” theo bọn biểu tình gây rối là đủ cơ sở pháp lý để bắt đi. Nhưng sau khi xách tôi đem về gửi ở Huyện, bác ấy đi chuyển khác, không may bị thanh niên làng bên bắt măn bao vây đánh trọng thương, nên quên luôn những “món hàng” đã bốc và ký gửi tạm thời ở Huyện của bác ta. Mãi cho đến nhiều năm sau, tôi vẫn tự hỏi rằng, nếu bác Thỏa không bị hành hung phải bỏ dở dang công tác để đi vào bệnh viện; và nếu không có ngày 1-11-1963 chấm dứt chế độ của tổng thống Ngô Đình Diệm thì những món hàng của bác Thỏa gửi ở Huyện Hương Trà và thân phận của tôi sẽ đi về đâu? Tôi sẽ bắt công với chế độ Ngô triều nếu tự kết luận một cách dễ dãi và chủ quan theo sự suy diễn thường tình của tôi. Cũng không sao, đôi khi câu hỏi tự hàm chứa câu trả lời và im lặng cũng là một cách phát biểu.

Bốn Mươi Năm Nhìn Lại

Bốn mươi năm đã qua, 1963 – 2003, chân đã quen chạy vòng quanh những con đường đất cũ quê ta và đất mới quê người, tôi vẫn phân vân khi chưa có dịp lắng lòng quay đầu ngoá lại. Một quãng đời 40 năm: “Một thời dấn thân và một thời bám víu”!

Ngày đó, tôi là một gã trai làng 18 tuổi. Khi suy nghĩ và cho là đúng, với rất ít lương lực, tôi “lên đường” và sẵn sàng dấn thân không quản ngại gian nan đang chờ đợi đâu đó. Tuổi trẻ, tôi còn cả một con đường dài trước mặt để sẵn sàng chấp nhận vấp ngã và vịn thời gian mà đứng dậy. Tôi chẳng có gì để bám víu hay sợ hãi nếu chẳng may không còn gượng đứng dậy được. Tôi còn nhớ. Với một chút khả năng còm nói tiếng Anh Hội Việt Mỹ, tôi vẫn thường được bạn bè đẩy ra làm thông dịch cho các phái đoàn báo chí ngoại quốc, nhất là Mỹ, nườm nượp kéo đến Huế vào những năm sáu mươi. Tôi nói đến đất nước mình với niềm tự hào chất ngất. Nói đến sự bất công xã hội, thảm trạng chiến tranh, mưu đồ chính trị bằng những ý nghĩ chân thực phát ra từ trái tim tươi trẻ và suy tư nóng bỏng của mình, bất chấp sự đụng chạm hay áp lực từ bất cứ phía nào đến dù không có lợi cho tôi.

Thuở đó, tôi có được những người bạn Mỹ (Jeff Peterson, Doug Hottester, Peter Downs), bạn Úc (Tom Wilshire), Pháp (Jean Pierre)... thật khả ái, cách mấy đại dương vẫn còn thư từ qua lại; và những thằng bạn nói khó “trần ai tri kỷ” như Đoàn Tuyên Châu, Phạm Túy Linh, Trần Kiên Nhân...

Rồi 40 năm sau, có vẻ như tôi “lớn” hơn, chín chắn, chững chạc hơn. Nhưng thực ra thì dù muốn hay không muốn, tôi cũng chỉ già hơn với cánh lá rườm rà, gốc rễ sù sì như cây gỗ gió trên rừng. Gỗ gió vốn vô tính và vô tâm. May gặp gió ngàn hương thì phảng phất dăm ba miếng trầm để lại cho đời mà không may đứng

giữa luồng gió chướng thì cũng chỉ là tiêu điều thân gỗ mục. Thời gian còn lại thì quá ít nên tôi chỉ muốn mọi sự “chắc ăn”, không dám chấp nhận vấp ngã và đứng dậy. Càng già, tôi lại càng khám phá ra rằng, tôi không dám to gan để dân thân vào những nẻo đường đời khai phá. Càng ngày, tôi càng có nhiều thứ trong đời để bám víu, đề phòng, bảo vệ và cất giữ khư khư không dám rủ bỏ. Điều mĩ mai trên chặng đường 40 năm đó là tuy tôi có 20 năm sống, học hành và làm việc trên đất Mỹ, tiếp cận với xã hội Hoa Kỳ hàng ngày, nhưng lại xa Mỹ hơn thời kỳ 40 năm trước khi còn ở Huế. Tôi cũng có nhiều bạn Mỹ nhưng lại vắng bóng những khuôn mặt “chia sẻ tâm tình” như ngày xưa trên quê hương. Tôi có nhiều người bạn Việt Nam nơi quê người nhưng lại thiếu những thẳng bạn “trân ai tri kỷ” như ngày đó ở quê nhà.

Đã bao lần đứng trước cử tọa nước ngoài hay trình bày tham luận về văn hóa Việt Nam trên diễn đàn quốc tế, có lẽ tôi đã “khôn khéo” hơn, lý luận đầy thuyết phục hơn để chinh phục người nghe, nhưng lại không chinh phục được chính mình. Khi đem so sánh mình hôm nay với chính mình thời Phật giáo tranh đấu 1963, tôi mới cảm nhận hết sức bật của ngọn lửa tuổi trẻ dân thân đã bót dần sự xác quyết trong tôi vì “khôn ngoan” và... sợ. Sợ không đẹp lòng nhóm văn hóa này, sợ không vui lòng nhóm nhân chủng nọ, sợ đụng chạm đến thành phần xã hội kia, sợ mất quyền lợi. Tôi có quá nhiều trói buộc để giới hạn tự do, tự co mình trong vỏ ốc. Như một người khách phong trần:

*Vĩnh vi lãng đãng phong trần khách,
Nhật viễn gia hương vạn lý trình.*

Càng ngày càng xa quê hương đích thực – nơi có bản ngã nguyên nguyên của mình – hàng vạn dặm như thế. Tôi hôm nay và chú nhỏ huỳnh trưởng miệt đồng thời xưa sẽ còn bao giờ gặp nhau hay xa nhau vĩnh viễn? Nếu chiếc cầu thế hệ chỉ tính trên thời gian năm tháng thì thế là hết. Tuổi trẻ qua rồi! Nhưng nếu đo dòng thời gian bằng cái chân tâm của mỗi người thì tôi nghĩ mình vừa may mắn gặp lại chú huỳnh trưởng miệt đồng thuở ấy vẫn còn gổ đất ngủ say nguyên vẹn trong tôi. Tôi và chú ấy vẫn còn tìm về nhau trong niềm an lạc của ánh đạo vàng. Tôi mỉm cười với chú ấy khi cả hai cùng nghe một tiếng chuông chùa còn vang vọng đâu đây. Chưa dứt!

Trần Kiêm Đoàn

Sacramento, Cali., mùa Phật Đản 2003

0000)(0000

Tường trình tại Liên Hiệp Quốc (9/1963)

Hồi ký Bác Sĩ **Erich WULFF**

Minh Nguyễn (Việt dịch)

Lời người dịch : Đây là bài thứ ba trích dịch từ quyển *Vietnamesische Lehrjahre* (Những năm dạy học tại Việt Nam), Suhrkamp Taschenbuch Nr. 73, Frankfurt a.M., Germany, 1972, trang 186 đến 202, với tên tác giả Georg W. Alsheimer, bút hiệu của Erich Wulff. Ông là một bác sĩ người Đức dạy tại trường Đại học Y khoa Huế từ năm 1961 đến 1967, trong khuôn khổ viện trợ giáo dục của Tây Đức. Vì một sự tình cờ, tác giả

đã chứng kiến biến cố tại đài phát thanh Huế đêm 8/5/1963 làm 8 Phật tử bị chết một cách thê thảm và đã trình bày sự kiện này trước Ủy ban điều tra đàn áp Phật giáo Việt Nam của Liên Hiệp quốc vào tháng 9/1963.

Bài thứ ba này nói về các hoạt động của tác giả tại New York và Hoa thịnh đốn.

-- o --

Sau khi đến New York vào giữa tháng 9/63, bên cạnh những buổi gặp bạn bè, tôi dành nhiều thời gian để chuẩn bị cho cuộc tường trình trước Ủy ban điều tra của Liên hiệp quốc (LHQ) về biến cố ngày 8 tháng 5 và những biện pháp đàn áp sau đó. Ba phái đoàn thành viên của Ủy ban muốn ghi lại những lời khai của tôi và yêu cầu cung cấp tài liệu cho mỗi đoàn. Rất may là tôi có mang theo đầy đủ các bản sao. Phái đoàn Campuchia vô cùng hỗn tạp. Khi tôi đến Sứ quán của họ, họ không biết tôi là ai và cũng không muốn tiếp tôi nữa. Khi tôi muốn bước ra khỏi cửa, thì một tùy viên hồi hả chạy theo vội nói rằng: Ông Ngoại trưởng hiện đang có mặt tại New York để tham dự phiên họp Đại hội đồng muốn nói chuyện tức khắc với ông. Trước mặt ông Ngoại trưởng tôi đã kể hết mọi sự việc và người thư ký bên cạnh ghi lại từng chữ. Ông Ngoại trưởng là một người đang còn trẻ, thông minh, ăn mặc rất bảnh bao. Sáng hôm sau tôi lại phải kể đầu đuôi câu chuyện tại phái đoàn Tích Lan, nhưng không chắc được họ có hiểu vấn đề không. Kiến thức của họ thật là nông cạn về cuộc chiến tại Việt Nam, về các chính sách khủng bố của chế độ, cũng như về lịch sử và các hình thái tổ chức của Phật giáo Việt Nam.

Khi tôi đến Sứ quán của An-giê-ri, sau khi gặp ông Đại sứ, tôi làm việc với một cô thư ký. Cô ta nhận biết ngay những điểm quan trọng chính yếu trong bản tường trình của tôi: Vụ thảm sát tại Huế trong ngày đại lễ Phật giáo, một đại lễ tương tự như ngày lễ Chúa Giáng sinh bên Thiên chúa giáo, sự khước từ công nhận tổ chức chính thức của một tôn giáo quy tụ đa số quần chúng, việc bắt giam toàn bộ thành phần lãnh đạo Phật giáo, việc sử dụng những chất độc hóa học để đàn áp các cuộc biểu tình bất bạo động của thanh niên. Tất cả những biện pháp đàn áp và khủng bố này có thể bị xem là vi phạm các nhân quyền căn bản về tự do tín ngưỡng và tôn giáo được ghi trong Hiến chương LHQ. Đa số các thành viên LHQ có thể sẽ lên án chế độ ông Diệm vì những lý do đó. Tuy nhiên về mặt chính trị thì tốt hơn là không nên nói đến những chính sách khủng bố khác của chế độ như: chính sách áp bức nông dân, sự đàn áp và giết hại những người kháng chiến Việt minh cũ, việc dẹp tan phe đối lập không cộng sản. Rất nhiều các nước thuộc thế giới thứ ba cũng có những chính sách đàn áp tương tự nên họ sẽ không dễ dàng bỏ phiếu thuận vì sợ đụng chạm đến uy thể của mình và xem như là xen vào nội bộ của các nước đó.

Tôi cũng có những cuộc vận động bên ngoài LHQ. Người ta đã tổ chức một cuộc họp báo không thành công cho lắm, trong đó tôi được giới thiệu là một Giáo sư khoa Giải phẫu (thay vì khoa Phân Tâm học)! Tôi cũng nói chuyện tại nhà thờ Harrington và tiếp xúc với vài Thượng nghị sĩ tại Hoa thịnh đốn. Ông Frank Church đã tiếp tôi và yêu cầu nêu ra những lý do để Mỹ cần phải tách rời khỏi ông Diệm. Ông ta đã vận động khoảng 30 Thượng nghị sĩ (TNS) sẵn sàng lên tiếng đòi cắt giảm viện trợ Mỹ. Ông Kattenberg, người phụ trách phòng Việt nam vụ tại bộ Ngoại giao cũng đã tiếp tôi hơn một tiếng đồng hồ.

Cuộc vận động chống chế độ ông Diệm như thế đang tiến triển tốt đẹp. Tuy nhiên trong các cuộc tiếp xúc tôi thấy có một sự đắng cay nào đó về điều phải được gọi là chính sách thực dân Mỹ. Ngay cả một người thuộc phe cấp tiến như TNS Church mỗi khi nói đến ông Diệm hay những bạn bè của tôi tại Việt nam đều xem họ như là những con cờ trong những ván cờ của nước Mỹ, và hẳn nhiên xem tôi như đã đồng ý với ông ta (vì tôi là dân da trắng hay vì cùng đứng trong khối quân sự NATO, ai mà biết được). “Nếu chúng ta thay ông Diệm bằng...” hay “Nếu chúng ta thay bằng ông này, ông nọ v.v...”, những câu nói đó tôi nghe đến nhàm chán, tôi có cảm tưởng các nhân vật đó như là những đồ vật trong hộp đồ chơi mà chủ nhân của nó có thể lấy ra hay bỏ vào bất cứ lúc nào cũng được. Không một chính khách Mỹ nào có thể nghĩ rằng một ngày nào đó

những người Việt nam có thể tự chọn lựa chính phủ của mình. Các danh từ tốt đẹp như “dân chủ, quyền tự quyết” thật ra chỉ là nơi đầu môi chót lưỡi của người Mỹ mà thôi. Khi tôi kể lại tình trạng đó cho một vài người Việt Nam quen biết của tôi đang ở tại Hoa Thịnh đốn thì người nào cũng bất bình.

Qua sự giới thiệu của ông Nguyễn Xuân Oánh, một nhân viên của Tổ chức Quỹ tiền tệ Quốc tế, tôi đến gặp ông Walt Rostow (cố vấn Tổng thống Mỹ) tại bộ Ngoại giao. Ông ta cũng không đếm xỉa đến các vấn đề truyền thống đạo đức, nhân văn hay xã hội Việt nam. Ông ta chỉ muốn biết một điều: “Chúng ta có thể thắng với ông Diệm không?” – và khi tôi trả lời rằng không, ông ta hỏi liền: “Chúng ta có thể thắng mà không có ông Diệm không?”. “Chúng ta” ở đây không phải là chúng tôi và những người Việt Nam, mà đó là một nước Mỹ đi hàng đầu trong công cuộc chống Cộng... Tôi cũng phải vào hùa với ông ta, vì việc quan trọng hiện nay là phải làm thế nào để lật đổ ông Diệm. Tôi nêu lên sự thiếu khôn ngoan chính trị và tính tự cao của ông Diệm và gieo những sự nghi ngờ về chính sách chống Cộng của ông Diệm. Tôi cảnh báo với ông ta rằng các ông Diệm và Nhu sẵn sàng bắt tay làm hòa với ông Hồ Chí Minh còn hơn là nộp mình cho người Mỹ. Điều này đã đánh động được ông ta...

Trong khi đó, những cuộc bàn thảo tại hậu trường Liên Hiệp quốc về một nghị quyết Việt Nam vẫn tiếp tục. Đại sứ nước An-giê-ri đã đưa ra một bản dự thảo nghị quyết được sự biểu đồng tình của đại đa số tại Đại hội đồng LHQ, mặc dầu chính phủ Mỹ cương quyết chống lại. Chúng tôi rất phấn khởi. Lời kết án chế độ ông Diệm của tổ chức LHQ sẽ giúp sức cho các thế lực trong chính giới Mỹ từ lâu muốn bỏ rơi ông Diệm. Nhưng một tuần trước cuộc biểu quyết, ông Diệm đã cử Giáo sư Bửu Hội làm Đại sứ tại LHQ. Ông này có nhiệm vụ tìm đủ mọi cách ngăn cản một sự lên án chế độ, hay ít nhất cũng phải làm trì hoãn điều đó. Ông Bửu Hội là một nhà bác học nổi tiếng trên thế giới, một chuyên viên về ngành Sinh hóa học và bệnh Cùi. Ông đã làm việc tại Trung tâm nghiên cứu khoa học Paris, và trước đó là Đại sứ tại Maroc và một vài nước khác tại Phi châu. Vài lời đồn đại cho rằng ông ta nhận lời cộng tác với chế độ ông Diệm là vì thiếu tiền để chi viện cho bốn người tình nhân. Đi cùng với ông ta bao giờ cũng có cô nhà báo Mỹ Ellen Hammer, cao hơn ông ta một cái đầu. Tôi đã gặp ông ta một lần tại phi trường Phú Bài - Huế. Dáng người không cao cho lắm, khuôn mặt tròn đầy và đeo một đôi kính thật dày, đến nỗi hai đôi mắt chỉ hiện ra như hai vạch nghiêng trên mặt. Từ bề ngoài như vậy toát lên một vẻ buồn tự tâm can và thái độ trịnh trọng của một vị quý tộc hoàng phái gốc người Huế. Ông ta nổi tiếng ở Việt Nam vì sự thông minh và tài ứng đối nhanh nhẹn.

Ông Bửu Hội không cần phải mất thì giờ để biết tình hình rất khó khăn để chống lại những lời tố giác chế độ ông Diệm. Do đó phải dùng kế hoãn binh, kéo dài thời gian. Nếu ông Nhu thành công trong việc giữ yên lặng trong các thành phố bằng những biện pháp đàn áp của cảnh sát từ tháng tám sau khi ập các chùa, Mỹ và cả thế giới lần lần quên lãng đi vụ “khủng hoảng Phật giáo”. Đại hội đồng LHQ không thể kéo dài vô hạn kỳ, cho nên chỉ cần ngăn cản một nghị quyết được đưa ra để bỏ phiếu trong kỳ họp lần này. Do đó ông Bửu Hội đề nghị nên gọi một phái đoàn điều tra LHQ đến Việt Nam; ông tuyên bố rằng với việc điều tra tại chỗ, các lời cáo buộc sẽ không còn đứng vững. Ngón đòn này khó mà chống lại được. Cuộc thảo luận tại LHQ bị đình hoãn lại.

Vài ngày trước khi tôi rời New York, một người bạn của tôi tên Trân, một chuyên viên về nguyên tử lực đang dạy tại trường Đại học Columbia mời GS Bửu Hội tham gia một buổi hội thảo với cộng đồng người Việt. Ông ta không thể nào từ chối lời mời của một khoa học gia gốc Việt cũng nổi tiếng như ông. Ông ta nhận lời, nhưng với điều kiện không một nhà báo nào có mặt. Một ngày trước đó, ông ta đã tuyên bố trước Đại hội đồng LHQ rằng không còn vấn đề khủng hoảng Phật giáo nữa; chính phủ đã giải quyết xong với sự hài lòng của mọi phía, bằng cách là hiện nay không còn những cuộc biểu tình trên đường phố hay những cuộc tự thiêu của các nhà sư.

Khi tôi đến sớm hơn 15 phút tại điểm hẹn nhà anh Trân, tôi gặp anh bạn sử học Stanley Karnow đang nói chuyện với Joseph Buttinger. Ông này khoảng 60 tuổi, trước đây vào những năm 1954 đến 1959 là người

ủng hộ hết mình và cố vấn cho ông Diệm, nhưng nay lại là người chống đối mãnh liệt nhất. GS Bửu Hội đến trễ nửa giờ và có thái độ bối rối vì sự có mặt của ông Buttinger và thầy Nhất Hạnh. Ông ta đưa mắt nhìn nhanh về phía cử tọa và cảm nhận được thái độ chống đối và lạnh lùng sau lời chào mừng nồng nhiệt của ông ta. Qua sự yêu cầu của ông ta, tôi là người phát biểu đầu tiên; ông ta sẽ có lợi thế khi phát biểu liền sau đó. Với những lời lẽ từ tốn, tôi trình bày về những biện pháp áp bức từ mấy năm qua của chế độ ông Diệm đối với Phật giáo, về biến cố ngày 8 tháng 5 tại Huế và các sự kiện trước đó, về những cuộc biểu tình bị đàn áp bởi những chất độc hóa học và các đàn chó béc-giê. Tôi cũng tường thuật những điều tai thấy mắt nghe về tình trạng các nông dân, về chế độ công lý phân biệt, về thái độ hách dịch của các công chức cũng như thói quen của ông Nhu đổ vấy cho “Việt cộng” những tội ác của chính mình.



Bác sĩ Wulff và Thượng tọa Thích

Trí Quang năm 1964

GS Bửu Hội chăm chú lắng nghe và gật đầu đồng ý càng lúc càng nhiều vào phần cuối bài phát biểu của tôi. Dư luận trong phòng họp rõ ràng đứng về phía tôi, cho nên rất khó cho ông ta chối từ những sự thật do tôi trình bày. Ông ta cũng xác nhận việc Phật tử bị biệt đãi, ông ta cũng công nhận trách nhiệm về những người bị sát hại đêm 8 tháng 5 là thuộc về anh em ông Diệm. Nhưng thay vì chống chế độ, ông ta biện minh cho một “đường lối thực tế” (Realpolitik). Ông Diệm đã chứng tỏ qua các biện pháp cứng rắn hồi tháng 8 vừa qua rằng ông đang nắm quyền bính trọn vẹn trong tay, mặc cho Phật tử, người Mỹ hay dư luận thế giới muốn hay không. Phật tử phải bằng lòng chấp nhận trong tương lai một số sinh hoạt hạn chế, giống như các tín đồ Thiên chúa giáo bên phía Đông Âu vậy và không nên dính đến các cuộc tranh đấu chính trị. Vấn đề là phải giải quyết nhanh chóng tranh chấp hiện nay hầu tránh thêm những thiệt hại trong tương lai. Ông ta nói Thượng tọa Thích Trí Quang là một người thánh thiện, nhưng không hiểu gì về chính trị. Ông ta cũng là một Phật tử thuần thành và đau khổ hơn ai hết vì tình hình hiện nay. Ông ta tâm sự đã nhận công tác tại LHQ vì biết rằng tất cả những sự phản kháng sẽ không thay đổi tình hình tại Việt Nam. Khi mọi chống đối tại Sài Gòn và trên thế giới lắng dịu xuống, các vị tu sĩ Phật giáo bị bắt sẽ được trả tự do và trở về lại chùa để tiếp tục tu học hay tiến hành các nghi lễ tín ngưỡng. Không có thể đòi hỏi thêm gì được nữa và nên bằng lòng với những gì mình có thể có được. Ông ta chấm dứt bài phát biểu với một thái độ tự đắc.

Thầy Nhất Hạnh nói tiếp sau đó. Thầy kể lại về những khó khăn mà Phật giáo gặp phải từ khi nước Pháp xâm chiếm Việt Nam và lên án ông Diệm là người tiếp tục các chính sách đàn áp và truyền đạo của thực dân

Pháp. Nhưng nếu trước đây dân tộc Việt đã không chịu ách đô hộ của Pháp nên đã vùng lên đuổi quân Pháp ra khỏi nước thì nay dân Việt cũng không chấp nhận sự áp bức và đe dọa của chế độ ông Diệm. Tuy nhiên người Phật tử không cầm súng trong tay để chiến đấu, mà chỉ vận dụng các phương pháp bất bạo động. Họ không sợ chết. Với sự tự thiêu, một hình thức chết đau đớn nhất, người Phật tử đón nhận trước cho mình tất cả những đau khổ và tra tấn mà quyền lực nhà nước có thể đem đến cho họ. Tất cả mọi quyền lực của nhà nước như thế đã chứng tỏ vô hiệu. Cái chết và tra tấn không đe dọa được người Phật tử. Do đó các biện pháp đàn áp của cảnh sát không còn tác dụng nữa. Rồi đây các cuộc biểu tình và tự thiêu lại sẽ tiếp tục, điều này không những sẽ đánh động lương tâm của thế giới mà ngay cả đối với rất nhiều công chức và sĩ quan tại Sài Gòn. Đường lối thực tế (Realpolitik) của GS Bửu Hội như vậy chỉ là một điều vô ý nghĩa. Một người Phật tử nổi danh không nên đưa tên mình để che đậy một điều bất công, mà phải có bốn phận lên tiếng phản kháng, không những nhân danh tôn giáo của mình mà còn phải nhân danh toàn thể cả dân tộc, để chống lại một cuộc chiến vô ích mà ông Diệm đang đưa cả dân tộc đến bên bờ vực thẳm.

Tiếp theo là một lúc im lặng. Cuối cùng anh Trần đứng lên và nói rằng trong nhiều năm qua anh đã ngưỡng mộ GS Bửu Hội như là một vị thầy và một khoa học gia, nhưng nay anh thấy đã lầm. Với “đường lối thực tế” như vậy, thật ra GS Bửu Hội đã phản lại sự thật và ngay cả tinh thần khoa học. Các bạn tôi và tôi đã vội làm dịu lại những lời trực ngôn của anh Trần và anh Trần sau đó đã xin lỗi về những lời lẽ nóng giận như vậy. Tôi rất lấy làm ngạc nhiên vì chưa bao giờ tôi thấy một người trí thức Việt Nam công kích trực tiếp một đồng nghiệp trước mặt nhiều người khác như thế. Sau lời xin lỗi của anh Trần không khí cuộc hội thảo đã dịu lại. Ông Buttinger kể lại về những kinh nghiệm cá nhân đối với ông Diệm; ông ta bày tỏ nghi ngờ về tình hình ổn định của chế độ mà GS Bửu Hội đã đưa ra trước LHQ để biện minh cho sự chọn lựa của mình.



Trước khi chấm dứt buổi gặp, thầy Nhất Hạnh có nói thêm vài lời để yêu cầu GS Bửu Hội hãy nói sự thật trước LHQ về biến cố ngày 8 tháng 5 và xác nhận tính cách độc lập chính trị của Phật tử. Anh Trần cũng khẩn khoản yêu cầu như vậy. Sau đêm hội thảo các người Việt đều rõ rằng GS Bửu Hội đã biết hết chi tiết sự thật và công nhận là đúng. Dư luận dân chúng Việt Nam và nhất là giới trí thức trẻ sẽ đánh giá con người ông ta có đủ can đảm dám nói lên sự thật hay không. Nếu bị chính phủ cấm đoán thì ông ta hãy từ chức và nhường lại công tác tuyên truyền đó cho một người bù nhìn nào khác. Trước khi từ giả, GS Bửu Hội có hứa sẽ “không nói dối”: Điều này có nghĩa ít hơn những gì anh Trần và thầy Nhất Hạnh yêu cầu, nhưng mà nhiều hơn những gì chúng tôi chờ đợi sau bài phát biểu của ông ta.

Nhưng ngày tiếp theo chúng tôi đọc một bản tin trên tờ *New York Times*, nói rằng ông Bửu Hội đã tuyên bố tại LHQ rằng TT Trí Quang là đặc viên của một tổ chức cộng sản trá hình và những người bị thảm sát đêm 8 tháng 5 là nạn nhân của “Việt cộng”; cũng như không hề có việc các Phật tử bị kỳ thị, ngược đãi. Những lời hứa hẹn đêm hôm trước của ông ta như thế chỉ là hảo huyền. Chúng tôi vô cùng phẫn nộ. Nhưng tôi cũng lấy làm thương hại cho ông ta... Vài tháng sau đó, trên đường trở lại Việt Nam sau khi chế độ ông Diệm bị lật đổ, tôi tình cờ gặp lại ông ta tại văn phòng hãng Air France tại công trường Invalides ở Paris, ông ta tha thiết

yêu cầu tôi hãy nói cho bạn bè biết rằng ông ta không bao giờ phản bội tổ quốc và bao giờ cũng muốn làm điều tốt cho đất nước. Ông ta nhớ quê hương, gia đình và nhớ Huế (1).

Minh Nguyễn

Tây Đức, tháng 5/2003.

Dịch để tưởng niệm 8 vị bị thảm sát tại đài phát thanh Huế đêm 8 tháng 5 năm 1963.

(1) Ghi chú của người dịch: Theo sự tiết lộ của TT Trí Quang, chính GS Bửu Hội lại là người đem các tài liệu đàn áp Phật giáo ra khỏi nước để giao lại cho Thầy Nhất Hạnh sử dụng khi phát biểu trước LHQ (Xem Tiểu truyện tự ghi, Thích Trí Quang). Điều này cũng được thầy Nhất Hạnh thừa nhận (Xem Vietnamese engaged Buddhism -The struggle movement of 1963-1966, Quán Như Phạm văn Minh, Văn Nghệ 2002, USA, trang 258). Xem trang nhà: <http://quangduc.com/Danhnhavn/09triquang.html>

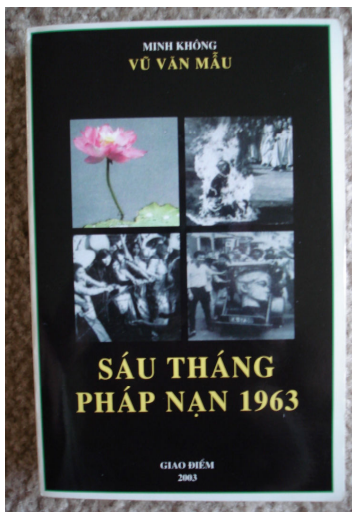
OOO)))(((OOO

Giới thiệu sách :

**“SÁU THÁNG PHÁP NẠN 1963”
của Minh Không Vũ Văn Mẫu**

Minh Nguyễn

Đây là hồi ký của Cố Giáo sư Vũ văn Mẫu về những diễn biến tại miền Nam Việt Nam từ vụ triệt hạ cờ Phật giáo tại Huế (8/5/1963) đến ngày đảo chánh 1/11/1963 lật đổ chế độ Ngô đình Diệm. Ông sinh năm 1914 tại Hà Đông, Bắc Việt Nam, tốt nghiệp Thạc sĩ Luật khoa Đại học Paris, Pháp. Về nước ông làm giáo sư tại Đại học Luật khoa Sài Gòn và giữ chức vụ Bộ trưởng Ngoại giao VNCH từ năm 1955 đến 1963. Sau đó ông là Đại sứ tại Anh, Bỉ và Hòa Lan từ 1964 đến 1972, trước khi đặc cử vào Thượng nghị viện Sài Gòn, liên danh Hoa Sen. Hồi ký được in Ronéo trong nước vào năm 1984, Giao Điểm in lại năm 2003 tại Hoa kỳ,- PO BOX 2188, Garden Grove, CA 92842,- sách dày 505 trang.



Giáo sư Vũ văn Mẫu đã gây tiếng vang lớn trong và ngoài nước khi cạo tóc đầu và đệ đơn từ chức Bộ trưởng ngoại giao để phản đối hành động tấn công các chùa đêm 20/8/63 và xin đi hành hương Phật tích tại Ấn độ.

Trong lời nói đầu , tác giả viết: “Mặc dù báo chí ngoại quốc và quốc nội đã đề cập sâu rộng đến những vấn đề xoay quanh 6 tháng Pháp nạn, nhưng có thể

nói rằng một tấm màn bí mật vẫn còn bao phủ nhiều biến cố quan trọng và bao nhiêu thắc mắc cùng hoài nghi vẫn còn đề trữu trên dòng lịch sử...Dân tộc ta đã trải qua một cơn ác mộng hãi hùng. Chúng ta bị dồn đến bước hiểm nghèo mà may thay đã tránh được không sa vào vực thẳm của sự chia rẽ tôn giáo. Sau phút hiểm họa, toàn dân vẫn đoàn kết, triệu người như một, không phân biệt tôn giáo và tín ngưỡng. Đó là một điều vinh hạnh cao quý cho nền văn minh dân tộc đã tiếp nối truyền thống tự ngàn xưa tôn trọng quyền căn bản của con người, trong đó có quyền tự do tín ngưỡng. Ghi chép lại các biến cố trong Pháp nạn năm 1963, tác giả không ngoài ý nghĩ nêu lên một vết xe đổ, để bước đường nguy hiểm không còn ai dẫm phải trong tương lai”.

Trong chương 1, tác giả đề cập đến chính sách thiên vị Thiên chúa giáo của chế độ Ngô đình Diệm trên phương diện pháp lý và tinh thần (dụ số 10, Hiến pháp 1956) cũng như trong các lãnh vực hành chánh, xã hội và kinh tế (chương trình di cư và định cư, chương trình Dinh điền và Khu trù mật, quốc sách Ấp chiến lược).

Trong chương 2, tác giả đã đưa ra những tài liệu khác nhau về vụ triệt hạ cờ Phật giáo tại Huế và thăm sát tại đài Phát thanh Huế đêm 8/5/63, về quan điểm của Tổng Giáo hội Phật giáo Việt Nam được trình bày trong Tâm thư ngày 9/5/63, bản Tuyên ngôn ngày 10/5/63 và các bản Phụ đính; Quan điểm của chính quyền được phản ánh trong hai tài liệu đề ngày 9/5/63 trong Thông cáo của Tòa Hành chánh tỉnh Thừa Thiên và bản phúc trình của ông Ngô Ganh, quản đốc đài Phát thanh Huế. Sau khi phân tích các lời tường thuật của các nhân chứng như Tổng giám mục Ngô đình Thục, bác sĩ Erich Wulff, Linh mục Cao văn Luận (Viện trưởng viện Đại học Huế), ông Nguyễn khắc Từ, một huynh trưởng Gia đình Phật tử, tác giả đã nêu ra câu hỏi: Đây là sự thực? Thực sự ai là người có trách nhiệm chính trong việc gây ra vụ thăm sát. Tác giả đã đưa ra chứng từ của ông Trần hữu Thế (nguyên Bộ trưởng Giáo dục) về trách nhiệm của TGM Thục như sau:

“Chính tối hôm Phật đàn cũng đã có một bữa tiệc tại nhà Ngô đình Cẩn với sự hiện diện của TGM Thục, một số bộ trưởng và nhiều nhân vật cao cấp trong chính phủ. Đang giữa bữa ăn thì Tỉnh trưởng Nguyễn văn Đăng và Phó Tỉnh trưởng Đặng Sĩ hốt hoảng xin vào trình bày tình hình rất căng thẳng vì mấy ngàn Phật tử đang tụ họp trước Đài Phát thanh. Vì phụ trách các vấn đề an ninh, Thiếu tá Đặng Sĩ xin chỉ thị để đối phó. Ngô đình Cẩn ngồi yên không nói gì, hay không muốn nói có lẽ vì đã đoán trước được ý kiến của ông anh Ngô đình Thục thế nào cũng chống đối thái độ hòa hoãn của ông ta trong vụ này. Sau báo cáo của Đặng Sĩ, TGM Ngô đình Thục đang ăn bỗng ngưng lại, gơ tay ra hiệu cho Thiếu tá Đặng Sĩ “Dep...!”. Tỉnh trưởng và Phó Tỉnh trưởng lãnh chỉ thị lui ra. Sau đó thì các sự việc xảy ra như bác sĩ Erich Wulff đã tường thuật rõ ràng các điều mắt thấy tai nghe tại chỗ” (tr.215-216).

Trong chương 3, tác giả đề cập đến cuộc tranh đấu của Phật giáo và sự thành lập Ủy ban Liên phái, ngọn lửa Bỏ tất Thích Quảng Đức và việc ký Thông cáo chung ngày 16/6/63. Về việc này, tác giả cho biết (trang 278-279) : *“1 giờ 30 sáng ngày 16/6/63, sau khi bản Thông cáo chung được ký kết, vì đã lấy chữ ký của Hòa thượng Thích Tịnh Khiết, Hội chủ Tổng hội Phật giáo Việt Nam, Phó Tổng thống Nguyễn ngọc Thơ đem ngay vào dinh Gia Long để lấy chữ ký của Tổng thống Ngô đình Diệm thì một khó khăn bất ngờ khiến ông Nguyễn ngọc Thơ phải thất vọng. Đọc đi đọc lại bản Thông cáo mà chính ông trước đây đã chấp thuận từng điểm trong mỗi giai đoạn thương thuyết, ông Diệm, chẳng hiểu chuyện gì đã xảy ra trong thâm tâm, bỗng không chịu ký nữa. Đến 5 giờ sáng, ông Diệm nói với ông Nguyễn ngọc Thơ cứ để hồ sơ lại rồi về nhà nghỉ.*

Sau khi ông Thơ ra về, trong dinh Gia Long đã có một ‘Hội đồng gia đình’ bàn về vấn đề này gồm có ông Diệm và hai vợ chồng ông Nhu. Cuối cùng, sau khi cả gia đình suy tính kỹ, bà Nhu đã khuyên ông Tổng thống: *“Không ký ngang hàng với Hòa thượng Thích Tịnh Khiết mà ký ngay ở trên góc trái, ngay trang đầu của bản Thông cáo chung và thêm vào một câu trên chữ ký: “Những điều được ghi trong Thông cáo chung này thì đã được tôi chấp thuận nguyên tắc ngay từ đầu”.* Ông Diệm đã nghe theo lời khuyên này và ký ở trang đầu của bản Thông cáo với câu ghi trên.

Tại sao bà Ngô đình Nhu lại có quyết định như vậy? Theo ý kiến của bà Nhu, ký ở trên đầu trang là tỏ rằng Tổng thống Diệm ở trên hết. Còn câu ghi trên đây có hai ý nghĩa: theo nghĩa đen, câu đó tỏ rằng các nguyện vọng của Phật giáo không có chủ đích, vì đều đã được Tổng thống chấp thuận nguyên tắc ngay từ đầu; nhưng theo nghĩa bóng, thì bản Thông cáo chung sẽ không được thực thi vì Tổng thống chỉ chấp nhận nguyên tắc mà thôi. Hậu ý phá hoại việc thi hành bản Thông cáo chung ngày 16/6/63 đã nảy ra trong thâm tâm vợ chồng Ngô đình Nhu ngay từ lúc chữ ký của Tổng thống Diệm trên bản Thông cáo chung còn chưa ráo mực”.

Trong chương 4, tác giả đề cập những diễn biến từ lúc bản Thông cáo chung được công bố cho đến vụ tấn công các chùa đêm 20/8/63 và các hậu quả sau đó. Tác giả cho biết trong Tiết 1, dưới sự điều động của vợ chồng Ngô đình Nhu, nhà cầm quyền đã tổ chức một Tổng hội Phật giáo Cổ sơn môn để chống lại phong trào đấu tranh của Phật tử, dùng đoàn thể Thương phế binh giả và Thanh niên Cộng hòa để yêu cầu duyệt lại bản Thông cáo chung cũng như kế hoạch tiêu diệt Phật giáo đến tận gốc của Ngô đình Nhu (Kế hoạch Nước Lũ, Kế hoạch đảo chánh giả). Trong Tiết 2, tác giả ghi lại hai giai đoạn sôi nổi nhất vào dịp kỷ niệm một tháng ngày Ký Thông cáo chung và Lễ Chung thất (49 ngày) của HT Thích Quảng Đức. Trong tiết 3, tác giả nhắc lại các biến cố tại Huế sau cuộc tự thiêu của TT Thích Tiều Diêu, việc các Giáo sư Đại học Huế từ chức để phản đối LM Cao văn Luận bị cách chức Viện trưởng.

Thuật lại buổi bàn giao chức vụ cho tân Viện trưởng là ông Trần hữu Thế, tác giả cho biết (trang 386-387): “Linh mục Cao văn Luận nói: ‘Lúc này, muốn làm văn hóa đặc lực, người lãnh đạo Viện Đại học phải là người có cái THỂ chính trị. Về phương diện này, thiết tưởng không ai hơn ông tân Viện trưởng Trần hữu Thế, là người như tên đã định, có thể hơn ai hết, vừa có thể của Tổng thống tức là thể của chính phủ, vừa có thể của Tổng Giám mục Huế tức là thể của mấy trăm ngàn giáo dân, Viện Đại học Huế nhờ vậy sẽ có một tương lai vô cùng tốt đẹp!’. Ông Thế mặt tái xanh, nhưng cũng gượng đứng dậy đáp từ cho biết đã cố gắng xây dựng ngay từ khi còn làm Bộ trưởng Giáo dục (trước ông Nguyễn quang Trình)...

Sau buổi lễ bàn giao, ông Trần hữu Thế đã thấy bị đặt vào một tình thế vô cùng khó khăn. Ông đã nhờ người đưa đi thăm chùa Từ Đàm và đã được chứng kiến tinh thần tranh đấu của Phật tử rất cao, ông càng hoảng sợ. Ngày 19/8, khi ông Trần hữu Thế đến Viện Đại học, tất cả sinh viên đã tề tựu, đứng chờ đợi im lặng trong sân. Bác sĩ Lê khắc Quyển, đại diện giáo sư Đại học, vào phòng Viện trưởng đưa cho ông Thế đơn từ chức của các giáo sư Đại học. Sau đó, một đại diện sinh viên trình ông Thế một bức Tâm thư yêu cầu ông Thế từ chối chức vụ Tân Viện trưởng Viện Đại học Huế. Ông Thế đáp: “Tôi xin nhận thư này và tôi sẽ chuyển lên cấp trên”. Sau đó, quá hoảng sợ, ông Thế đã muốn rút lui bằng ngõ sau. Nhưng ông Ấu ngọc Hồ, Tổng thư ký Viện khuyên ông nên đi ngõ trước để giữ thể diện Viện trưởng. Ông đành nghe theo và sinh viên đã rẽ ra để dành đường cho ông rời khỏi Viện. Sau đó, ông Trần hữu Thế hiểu rõ không thể nào tuân theo lệnh ông Ngô đình Nhu để giữ chức Viện Trưởng tại Huế, đã lên về Sài gòn và đến cầu cứu tôi xin chiếu khán xuất ngoại để trở về ngay Manille, không dám lại cáo biệt cả Tổng thống Ngô đình Diệm”.

Sau khi đề cập vụ tấn công chùa Xá lợi và các chùa khác trong đêm 20/8/63, tác giả đã thuật lại phiên họp Nội các lúc 5 giờ rưỡi sáng ngày 21/8/63 và quyết định từ chức như sau: “Đúng 11 giờ sáng ngày 22/8/63, tại Dinh Gia Long đã diễn ra lễ trình Ủy nhiệm thư của Đại sứ Anh. Tôi đứng cạnh Tổng thống Diệm trong buổi lễ một cách điềm nhiên, không một ai có thể đoán được sau buổi lễ này, trưa hôm ấy, tôi sẽ cạo đầu và từ chức vào buổi chiều. Tôi đã nhận thấy cần phải từ chức vào ngay chiều ngày 22/8/63, trước khi tân Đại sứ Hoa kỳ Cabot Lodge tới, anh em ông Diệm sẽ xuyên tạc sự thật và tuyên truyền rằng tôi chỉ là một con bài của Mỹ và sự từ chức của tôi là do Mỹ xúi, có tính cách hoàn toàn chính trị chứ không phải vì vấn đề bảo vệ Đạo pháp.”

Tác giả cho biết (trang 408-409): “*Từ chức là một quyết định đã đến với tôi từ sáng ngày 21/8, sau buổi họp Hội đồng nội các. Nhưng tôi đã suy nghĩ về một vấn đề tế nhị: cần từ chức dưới một hình thức nào để vượt các khó khăn về sau.*

a. *Tổng thống Diệm có rất nhiều cảm tình đối với tôi, là nhân viên cũ duy nhất còn lại trong Chính phủ sau bao nhiêu lần thay đổi Nội các trong chín năm vừa qua. Trong cơn khủng hoảng chính trị đang diễn ra vào tháng 8 này, chắc chắn Tổng thống Diệm càng kiếm cách giữ tôi lại để vượt qua những phút khó khăn do vụ tấn công chùa chiền gây ra.*

b. *Cần phải tìm một hình thức từ chức thế nào để có thể nói rõ lên được mục đích là để bảo vệ Phật Pháp và phản đối chính sách kỳ thị và đàn áp Phật giáo. Cần cho dư luận trong nước và dư luận quốc tế không bị Chính phủ Ngô đình Diệm lừa dối bằng cách xuyên tạc mục đích của sự từ chức với các mảnh khoe gian xảo trăm khôn nghìn khéo!*

May thay, ngọn lửa thiêng của Đạo Pháp soi sáng tâm trí của tôi trong giờ phút nghiêm trọng và gấp rút này, để nhìn thấy ngay hình thức từ chức tốt nhất: Chỉ có cách cạo đầu từ chức, đi hành hương tại Ấn độ để nguyện cầu cho Đạo Pháp, cho tự do tín ngưỡng và dân tộc đoàn kết.

Ba giờ rưỡi chiều, tôi đến tiệm hớt tóc để cạo đầu. Sau khi ở tiệm hớt tóc về Bộ, tôi đã tháo đơn từ chức gửi đến Tổng thống Ngô đình Diệm.”

Sau khi tiếp các Đại sứ các nước Phật giáo châu Á, tác giả đã họp toàn thể nhân viên trong Bộ Ngoại giao cũng để giải thích về ý nghĩa quyết định từ chức. Tin tác giả cạo đầu từ chức đã bay khắp Sài Gòn như làn gió mạnh. Nguyên cả tối 22/8, nhiều nhân viên cao cấp của chính quyền và ngay chính ông Ngô đình Diệm đã điện thoại để cố thuyết phục tác giả không từ chức hay ít nhất hoãn vài tháng. Sáng thứ bảy ngày 24/8, sinh viên hội họp tại trường Luật để tiếp đón tác giả. Vào lúc 9 giờ, GS Vũ văn Mẫu vừa bước xuống xe hơi là được sinh viên công kênh lên vai. Trong sân trường Đại học, sinh viên ngồi xúm xít dưới đất để nghe Ông nói: “*Tôi đến đây với các anh em không nhân danh là Bộ trưởng Ngoại giao vì chức vụ đó tôi đã chấm dứt bằng cái cạo trọc đầu của tôi rồi. Tôi đến đây nhân danh là một người bạn để cùng với các anh em khơi nguồn lửa thiêng chiến đấu, bảo vệ những quyền thiêng liêng nhất của con người...*” Ngay trưa hôm đó, tác giả đã bị giam lỏng tại nhà và ông Ngô đình Nhu gọi điện thoại với giọng hằn học và dọa nạt, khuyên nên ở nhà, không được ra trường Luật nữa.

Chiều ngày 26/8, tác giả đã bị chặn lại không cho ra phi trường để lấy máy bay sang Ấn độ hành hương. Sau này tác giả mới biết được lý do như sau (trang 420-421): “*Mãi đến năm 1964, khi tôi làm Đại sứ Việt Nam tại Anh quốc, tôi có dịp được tiếp Tổng Giám mục Asta – vào năm 1963 giữ chức Khâm Mạng đại diện Tòa thánh Vatican tại Sài Gòn - Tổng Giám mục mới cho biết những việc đã xảy ra chiều ngày 26/8/63. Nguyên ngày hôm nay đó, biết được tin tôi lên đường, Ngoại giao đoàn đã tới đông đủ tại phi cảng Tân sơn nhất để tiễn tôi đi hành hương sang Ấn độ, nhưng chờ mãi đến giờ phi cơ cất cánh mà cũng vẫn không thấy tôi tới, đột nhiên, có một phóng viên ngoại quốc từ Sài Gòn đến phi cảng và cho biết tin tôi bị bắt đưa đi đâu không biết. Ngoại giao đoàn khi đó rất xúc động và đồng ý cử Niên trưởng là ông Viên Tử Kiên (Yuen Tse Kien), Đại sứ của Trung hoa dân quốc, đến gặp Tổng thống Diệm để thỉnh cầu trả lại tự do cho tôi. Khi ấy, TGM Asta đã lanh lẹ đề nghị nhận trách nhiệm tế nhị này thay cho ông Niên trưởng Viên Tử Kiên. Ngoại giao đoàn đồng ý vì TGM Asta là đại diện của Giáo hoàng, lời thỉnh cầu chắc chắn có hiệu quả hơn đối với một người ngoan đạo như Tổng thống Diệm. TGM Asta đã trở về Dinh Gia Long và gặp ngay Tổng thống Diệm. Và chính nhờ cuộc gặp gỡ với TGM Asta, tôi mới hiểu rõ tại sao tôi được trả tự do nhanh chóng như vậy”.*

Sau đó tác giả được loan báo là có thể khởi hành cùng với gia đình sang Ấn độ bằng chuyến máy bay Air France chiều ngày 29/8. Trước khi rời đất nước, tác giả đã đến cáo biệt Tổng thống Diệm và Cố vấn Ngô đình Nhu: “*Gặp Ngô đình Nhu, tôi vẫn giữ vẻ thản nhiên, chỉ chào từ biệt mà không nhắc gì đến việc cảnh sát đã bắt đưa tôi về trại Lê văn Duyệt hôm 26/8, nhưng Ngô đình Nhu đã không dấu được sự ngỡ ngàng, và chính Nhu đã nói đến vấn đề này, như xin lỗi một cách gián tiếp: ‘Câu chuyện xảy ra hôm 26/8 là do một sự hiểu lầm. Người ta đã báo cáo lên Tổng thống rằng anh xuất ngoại mà không có chiếu khán xuất*

cảnh’... Trong cuộc yết kiến Tổng thống Diệm, ông Diệm không dấu được sự xúc động, lấy tay áo quệt mắt róm lệ và nói: “Xin đừng quên nhau”. Rồi tôi đến chào Phó Tổng thống Nguyễn ngọc Thơ. Ông Thơ lắc đầu nói, xin đừng quên nhau, ông Già nói chi mà gở vậy! Anh nhớ hôm lễ Song Thất 7/7/63, lễ kỷ niệm ngày ông Diệm về chấp chánh, ông Già cũng nói những câu gở không? Tôi cũng chợt nhớ lại câu ông Diệm nói hôm đó làm hai chúng tôi rất ngạc nhiên: “Chẳng lẽ công trình xây dựng trong bao lâu, bỗng chốc biến thành mây khói!” Tôi bắt tay ông Thơ ra về, cả hai ngậm ngùi. Kẻ ở người đi, chưa biết khi nào sẽ có dịp tái ngộ.”

Ngày 29/8/63, GS Vũ văn Mẫu đáp chuyến bay Air France tại Tân sơn Nhất để đi hành hương. Cùng đi chuyến bay này có GS Bửu Hội, được nhân viên chính phủ tiễn đưa sang Mỹ để bệnh vực trước Liên hiệp quốc về lập trường của chính phủ Ngô đình Diệm trong vấn đề đàn áp Phật giáo. Một chuyến tàu, hai con đường khác... Tại Ấn độ, GS Vũ văn Mẫu đã được tiếp đón trọng thể và nồng hậu, có các cuộc hội kiến với Tổng thống Ấn độ Radhakrishnan, Thủ tướng Nehru và Bộ trưởng Ngoại giao bà Lakshmi Menon. Sau đó một chương trình hành hương các thánh địa Phật giáo đã được hoạch định như Bénarès, Sarnath, Bodhigaya, Sanchi, Ajanta, Ellora... Tác giả bày tỏ nỗi vui mừng khôn tả khi đến Bồ đề đạo tràng (Bodhigaya) nơi Đức Thế Tôn thành đạo dưới gốc Bồ Đề. Tại đây, bất ngờ tác giả lại được hạnh ngộ với các Thượng tọa Thích Minh Châu, Thích Thiện Châu và Thích Huyền Vi khi ấy đang ở Ấn độ. (Xin xem bài tường thuật của TT Thích Thiện Châu được tác giả trích đăng lại trong hồi ký từ trang 428-436 và trang nhà Khuông Việt số 8, Mừng Xuân Giáp Thân phổ biến lại theo địa chỉ www.khuongviet.com). Ngày chủ nhật 15/9/63, sau khi hoàn tất cuộc hành hương, tác giả rời Ấn độ sang Pháp. Trước khi rời Ấn độ, tác giả đã gửi thư về cho Tổng thống Diệm xác định dứt khoát quyết tâm từ chức. Nội dung bức thư như sau:

“New Delhi, ngày 15 tháng 9 năm 1963.

Vũ văn Mẫu, Bộ trưởng Ngoại giao hiện nghỉ phép.

Kính đệ Tổng thống Việt Nam Cộng hòa, Sài Gòn.

Kính thưa Tổng thống, Sau khi đi hành hương chiêm bái các nơi Phật tích ở Ấn độ và thấu hiểu thêm được đạo lý, chúng tôi trân trọng xin Tổng thống chấp thuận cho chúng tôi từ nay được từ chức. Chúng tôi lúc nào cũng cầu nguyện cho toàn dân được hòa bình và nhất trí đoàn kết. Chúng tôi xin Tổng thống nhận nơi đây lòng thành kính của chúng tôi.

Ký tên: Vũ văn Mẫu”.

Trong chương 5, tác giả đề cập đến dư luận và ủng hộ của Tòa thánh Vatican, của các nước theo Phật giáo và các chính phủ Âu Mỹ. Trong chương cuối, tác giả tổng kết như sau (trang 489-491): *“Ba nhân tố chính yếu đã đưa chế độ đến sự suy tàn:*

- 1. Ngô đình Diệm đã quá nhu nhược trước các hành động thao túng của gia đình, từ Ngô đình Thục đến vợ chồng Ngô đình Nhu và Ngô đình Cẩn, dung túng gia đình lạm dụng quyền thế, bóc lột tài nguyên quốc gia, đàn áp tàn bạo những phần tử yêu nước phản đối các hành vi bất chính.*
- 2. Ngô đình Thục quá thiết tha với tham vọng làm Hồng Y giáo chủ và mang ảo vọng muốn biến Việt Nam thành một nước hoàn toàn theo Thiên Chúa giáo.*
- 3. Vợ chồng Ngô đình Nhu nung nấu tham vọng kế vị Ngô đình Diệm và không sòn lòng lùi bước trước bất cứ hành vi và mưu kế tàn bạo nào để thực hiện cho được mưu đồ ấy.*

Thu thập một số tài liệu lịch sử trong vụ Pháp Nạn này, từ nguyên nhân đến quả báo, chúng tôi nhắm một mục đích duy nhất: Nêu lên một cây tiêu để đánh dấu vết xe đổ và tha thiết ước mong – như chúng tôi đã cầu nguyện 20 năm trước tại Bồ Đề đạo tràng trước Đài Kim Cương, nơi Đức Thế Tôn thành đạo, rằng trong tương lai không bao giờ còn có một chính phủ nào nghĩ đến sự đàn áp tôn giáo, và không bao giờ quốc dân còn bị chia rẽ vì tôn giáo. Tôn trọng các tôn giáo trên căn bản tự do tín ngưỡng và công bằng xã hội là tôn trọng các quyền linh thiêng nhất của con người mà bản tuyên ngôn Nhân quyền quốc tế của tổ chức Liên hiệp quốc đã xác nhận. Vi phạm vào các quyền này là chà đạp lên nhân phẩm, dẫn thân vào con đường phân hóa quốc dân và phân bội lại truyền thống cao quý của dân tộc.

Bến Nghé, ngày Khánh Đản 15/4 năm 2525 Phật lịch (15/5/1984), Minh Không Vũ văn Mẫu”

Trong lời giới thiệu cuốn Hồi ký, Hoà thượng Thích Mãn Giác, Los Angeles, Hoa kỳ viết về Giáo sư Vũ văn Mẫu như sau: *“Trong mắt tôi, ông là một kẻ sĩ khí phách hiem hoi của miền Nam, một người làm chính trị chân thực và có lòng, một nhà mô phạm chừng mực và trong sáng, một Phật tử hộ Đạo thiết tha. Toàn thể con người đó ảnh hiện trong lời trong chữ của tập sách cuối đời phản ánh một giai đoạn trầm trọng của sự nghiệp riêng và của đất nước chung.”*

Hoà thượng cũng cho biết thêm rằng, năm 1988, trước khi rời Việt Nam đi Pháp, Giáo sư Vũ văn Mẫu đã đích thân mang tặng Hoà thượng Thiện Siêu ở chùa Từ Đàm Huế một tập với lời dẫn dò *“xin Chùa tùy nghi sử dụng trong việc giữ gìn và phổ biến tác phẩm này cho thế hệ tương lai”*. Với bản in này được phổ biến rộng rãi tại hải ngoại, thiết nghĩ ý nguyện đó của Giáo sư được thực hiện trọn vẹn. Xin trân trọng giới thiệu đến quý vị độc giả gần xa.

Minh Nguyễn, tháng 1/2004.

00)()(00

Quách Thị Trang - Vì sao sáng

Hàn Phương Quốc Vũ

Vậy Trang là ai? Là ai mà dũng cảm như một đấng anh thư thời mở nước !... Trang mới 15 tuổi, là nữ sinh lớp đệ nhị trường Trung học Trường Sơn. Sinh làng Cổ Phúc, quận Tiên Hương, tỉnh Thái Bình, gia đình theo đạo Phật. Trang sống với mẹ cùng 5 anh chị em và là đứa con hiếu thuận. Trang sinh hoạt trong Gia đình Phật tử Minh Tâm rất thuần thành - pháp danh Diệu Nghiêm.

*"Trang hỡi Trang, em là vì sao sáng
Giữa khung trời mây trắng với trăng thanh
Rồi một sớm có bao nhiêu đầu xanh
Siết tay nhau, giục giã em lên đường"*

Cứ nghĩ về những ngày tháng ấy, tôi lại lẫn lộn một mình mấy câu hát của nhạc sỹ Nguyễn Hiền ca ngợi Quách Thị Trang từ 38 năm về trước. Những câu hát một thời vang dội cả Sài gòn, làm xao xuyến bao trái tim sinh viên học sinh chúng tôi.

Từ sau mùa pháp nạn 1963, tôi hay có thói quen, cứ đến ngày Phật Đản hàng năm; đi đâu về tôi cũng muốn ghé bưng bình chợ Sài Gòn để ngắm nhìn chân dung Trang qua bức tượng như một phút mặc niệm ngậm ngùi thủy chung. Có lẽ vì tôi không thể nào quên được cái khung trời ở đó với mấy tiếng súng nổ sát hại Trang ngày nào cứ còn vang mãi bên tai tôi !...



Tượng Quách Thị Trang tại bùng binh trước cửa chính [chợ Bến Thành](http://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%C3%A1ch_Th%E1%BB%8B_Trang), Link: http://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%C3%A1ch_Th%E1%BB%8B_Trang

Mặc dù lúc đó, tôi không thấy được Trang ngã xuống, không được cùng bạn bè đỡ Trang lên và giành giật Trang với cảnh sát chiến đấu... Bởi vì đoàn của tôi đang trên đường Lê Văn Duyệt (Cách Mạng Tháng 8) vừa đến ngã sáu Sài Gòn thì bị chặn lại. Xe cảnh sát nhào tới, chực vỗ chúng tôi quăng lên xe. Chúng tôi phải rã đoàn, len vào các con hẻm dẫn tới chợ Sài Gòn như đã hẹn trước: tập trung và xuất phát từ trường Được, nếu kẹt thì đổi địa điểm xuống chợ Bến Thành rồi kéo lên Quốc hội (Nhà hát lớn).

Cho nên từ các ngã đường, SVHS cứ tràn xuống trước các cửa chợ, cứ đi vòng vòng, giả như đi mua sắm, để chờ nhau. Hễ thấy có biểu ngữ giăng lên là ào xuống xếp hàng đi theo, đồng bào trong chợ ủa ra. Cảnh sát chiến đấu đi chặn đầu này thì bà con tràn qua đầu kia. Chúng phải huy động thêm xe GMC lớn tới, cứ tóm được ai là quăng lên xe chở đi ... Bỗng nghe mấy tiếng súng nổ phía cửa Đông thì bà con chạy hoảng loạn như điên. Ai cũng muốn nhào lại phía súng nổ xem có phải con em mình không và giành giật xác người với cảnh sát... Mãi đến mấy ngày sau, chúng tôi và gia đình Trang mới biết được người nữ sinh ngã xuống đó là Quách Thị Trang chứ không phải là Mỹ Hạnh hay Lê Thị Hạnh như lầm tưởng ban đầu.

Vậy Trang là ai? Là ai mà dũng cảm như một đấng anh thư thời mở nước !... Trang mới 15 tuổi, là nữ sinh lớp đệ nhị trường Trung học Trường Sơn. Sinh làng Cổ Phúc, quận Tiên Hương, tỉnh Thái Bình, gia đình theo đạo Phật. Trang sống với mẹ cùng 5 anh chị em và là đứa con hiếu thuận. Trang sinh hoạt trong Gia đình Phật tử Minh Tâm rất thuần thành - pháp danh Diệu Nghiêm.

Khi ngã xuống cảnh sát đã giành xác Trang đem về chôn trong nghĩa trang Tổng tham mưu (vì muốn ém nhẹm cái chết này). Sau ngày Diệm đổ, chúng tôi vào tìm thăm mộ Trang ngay thì thấy phần mộ cũng tử tế và hương khói đăng hoàng. Chắc là do những người lính Phật tử có lòng ở đó, đã âm thầm chăm sóc mộ Trang.

Ba năm sau anh Đoàn trưởng Huỳnh Bá Huệ Dương đã cùng gia đình Trang cải táng đưa Trang về chùa Phổ Quang cho đến hôm nay. Người ta thấy có mấy em học sinh Phật tử, đệ tử của một vị Hòa thượng khả kính, thường xuyên đến hương khói, chăm sóc phần mộ của Trang sạch sẽ và đẹp, nhất là vào những ngày Phật Đản.

Tôi xin trích một đoạn ngắn của riêng Trang và bạn bè vào cái buổi sáng lịch sử đó trong cuốn "Công cuộc tranh đấu của Phật giáo Việt Nam" của Quốc tuệ: "...Sáng ngày 25, Trang dậy thật sớm, ăn mặc xong rồi xin phép mẹ đến nhà bạn chơi và rủ Yến cùng đi. Hai chị em đến nơi hẹn với Yến rồi cùng nhau đi taxi đến chợ Bến Thành. Trong khi chờ đợi, từ cửa hông chợ một đám người ủa ra như nước chảy. Những người đi đầu căng biểu ngữ : "hãy giết chúng tôi đi vì chúng tôi là những người con Phật".

Ba thiếu nữ nghe lòng bùng dậy như sóng cả. Họ nhìn nhau, ba cặp mắt sáng ngời và cầm tay nhau chạy vào hàng ngũ. Đoàn biểu tình vẫn đi tới, vượt qua khỏi mặt tiền chợ Bến Thành. Trong lúc đó, bóng dáng hung

thần của cảnh sát chiến đấu gầm gừ hiện ra, chặn lối trước mặt họ. Chợt nghe hai tiếng súng nổ, Yến quay lại nhìn: Thấy Trang mặc áo trắng đã ngã gục trên đường nhựa. Bên Trang là một cảnh sát ác ôn, tay cầm súng mới vừa giết người xong. Đây là hình ảnh cuối cùng của Quánh Thị Trang đã hy sinh đời mình cho Dân tộc và Đạo pháp. Và hình ảnh đó trong lòng dân tộc vẫn còn sống mãi nghìn thu!". (lược trích báo Hải Triều Âm số 19. Trích lại trong "50 năm chân hưng PG Việt nam 1920-1970" của HT. Thích Thiện Hoa soạn 1970, trang 226).

Đạo đó, vẫn còn có người xuyên tạc ý nghĩa cuộc đấu tranh này, cho là bọn trẻ bị người lớn xúi giục... Thật ra Trang là một cô gái có tâm hồn cao đẹp của một Phật tử gương mẫu. Em biết thôi sáo, tham gia văn nghệ hồn nhiên trong gia đình Phật tử. Trang đã khóc nhiều khi nhìn thấy trên báo chí, hình ảnh 8 em trong Gia đình Phật tử Huế bị xe thiết giáp của Đấng Sĩ cán chết không toàn thân trước đài phát thanh, thấy ngọn lửa thầy Quảng Đức và các Thánh tử đạo, nhất là cái đêm 20.08.1963, chùa Xá Lợi bị tấn công và các thầy bị bắt đi hết.

Trang quyết định dấn thân, xuống đường cùng bà con Phật tử và bạn bè, đòi cho được sự bình đẳng tôn giáo. Và Trang đã ngã xuống như một dáng đứng sinh viên - học sinh, nối tiếp Trần Văn Ôn ngày trước. Ngày 26.08.1963, sau cái chết của Trang 1 ngày, từ Bruselles, Hội Thanh niên Thế giới đã đánh điện về phản đối chính phủ Ngô Đình Diệm đã tước bỏ quyền tự do dân chủ của thanh niên, sinh viên học sinh Việt Nam với nội dung:

"Kính gửi Tổng thống VNCH tại SG:

Hội Thanh niên Thế giới phản đối sự kỳ thị đáng ghét đối với đồng bào Phật giáo của ông và việc đóng cửa các trường đại học cùng đàn áp hung bạo đối với thanh niên, sinh viên cũng như bắt bớ và gây tang tóc cho bao người.

Chúng tôi đòi hỏi ông phải trả lại quyền lợi cho mọi người công dân và tôn trọng tự do dân chủ".

Ký tên: Hội Thanh niên Thế giới.

Và một sinh viên Việt kiều ở Nhật, anh Huyền Linh Tử, gửi về mấy giòng thơ khi anh nghe thêm mấy người tự thiêu, hàng trăm người bị thủ tiêu và gần 3.000 Sinh viên Học sinh bị bắt.

"Tokyo qua dòng tin tê tái

Quê hương, cửa từ bi nhuộm máu

Bầy con yêu say đạo cả cúi đầu

Trước bạo tàn, ôi, có một không hai"...

Trong nước thì không biết bao nhiêu trái tim đã khóc Trang, nhạc sĩ Nguyễn Hiền viết bài hát ca ngợi Trang một thời được hát vang trong giới Sinh viên Học sinh .

Nhà thơ Tâm Hải cũng tiếc thương , ngưỡng mộ:

Tôi viết tên Trang cả triệu lần

Bao niềm thương tiếc lẫn phân vân

Hy sinh tranh đấu chống cường bạo

Muôn triệu con tim thoát ngục trần

Phật giáo sáng ngời trang sử mới

Non sông tưởng nhớ nữ anh hùng

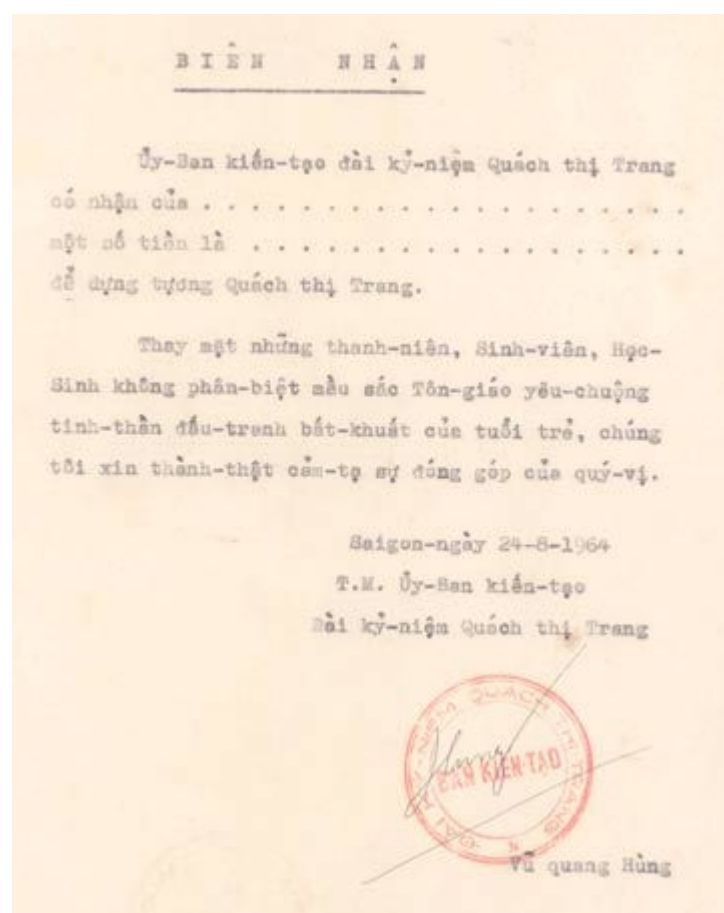
Ngàn thu trân trọng người Trinh nữ

Đốt nén hương thơm khấn nguyện cầu..

Năm 1964, Sinh viên Học sinh đã thành lập một ban kiến tạo xây dựng tượng đài Quách Thị Trang gồm:

- Trưởng ban: Vũ Quang Hùng (SV Khoa học, đang công tác ở báo Pháp luật).
- 2 Phó ban: -Nguyễn Thanh Hùng (SV Đại học Bách khoa). -Đào Đức Long (SV Thanh Sinh Công).

Một buổi sáng đầu năm 1964, anh Dương Văn Đầy (lúc đó SV Khoa học-BCB-chuẩn bị vào y khoa) cầm sổ vàng đến rủ tôi cùng đi gặp các vị tướng tá cảm tình với SV để quyên tiền xây tượng Quách Thị Trang. Tôi và Đầy đến gặp tướng TVĐ. Ông rất hoan hỷ, ký ngay 10.000 đồng và giới thiệu đi gặp TQH, bà H ký ngay 5.000 đồng. Đầy bảo đủ rồi và về đưa hết cho Hùng. Hùng quyên thêm ít nữa rồi phân công cho Nguyễn Thanh Hùng đi thăm viếng gia đình Trang và gặp họa sĩ Mai Lâm đặt khắc tượng Trang. Trong số SV thực tập với HS, có anh Vũ Chính tức Đặng Đức Siêu trong nhóm Nguyễn Khắc Hiếu ở tù chung với Hùng, nên anh Chính rất tích cực trong việc này. Tạc tượng xong, Ban kiến tạo này chuẩn bị xây chóp nhoáng ngoài công trường Diên Hồng (nay là Q.T.T) trong dịp đoàn SVHS biểu tình chống Nguyễn Khánh kéo về dừng lại trước chợ Bến Thành để tưởng niệm Trang và nhiều SV lên phát biểu "Đả đảo Nguyễn Khánh"...



Biên nhận Ủy ban kiến tạo đài tưởng niệm

Quách thị Trang, Link: <http://phapluattp.vn/2010042211004831p1112c1115/dung-tuong-quach-thi-trang-truoc-mui-sung-canh-sat.htm>

Trong lúc đó, nhóm Sinh viên kiến tạo này mang tượng đài Quách Thị Trang và dụng cụ đã giấu sẵn trong túi xách ra, đặt lên xây thật nhanh và thật chắc - khi đoàn biểu tình giải tán thì tượng Quách Thị Trang đã sừng sững vững chắc giữa công trường rồi. Cảnh sát không dám động đến. Một năm sau, TTM.G và anh đoàn trưởng đến gắn một bản đồng nhỏ ở phía dưới đề tên "Liệt nữ Quách Thị Trang". Và từ đó, công trường mang tên Quách Thị Trang cho đến bây giờ.

Ngày nay ai đi qua đó đều nhìn thấy bức tượng thân thương đã đi vào lịch sử cùng tên tuổi Quách Thị Trang

như một vì sao sáng mãi trong lòng sinh viên học sinh Sài Gòn và sáng mãi trong lòng tôi cho đến hôm nay như tiếng hát của Nguyễn Hiền ngày nào:

*... "Tôi với em không hề quen biết
Xót xa nhiều khi viết đến tên em
Vì đại nghĩa, máu em đã hòa thêm
thấm tô lên trên tà áo trinh nguyên
Nhưng hôm nay tung bừng,
Non sông đang vui mừng
Đâu bóng hình em giữa trời quê hương
Những mái tóc chấm vai,
Sân trường tìm đâu thấy
Em thơ đùa trong ánh nắng ban mai
Tôi khóc em trong chiều nay mây tím
Nén hương lòng tôi thấp nhớ tên em
Hình hài mất, nét tinh anh còn đây
Giữa muôn tim, em còn mãi không phai"*

Hàn Phương Quốc Vũ

)))) 000 (((((

Đoàn Sinh viên Phật tử Sài Gòn Đấu tranh cho Tự do Tôn giáo (1963)

Lương Hữu Định

Năm 1963, sau khi hay tin hòa thượng Thích Quảng Đức đã tự thiêu để bảo vệ chánh pháp, toàn thể các giới ở trong nước, nhất là giới trí thức, thanh niên, sinh viên, học sinh, Phật tử hay không phải Phật tử, đã sôi nổi, ồ ạt đứng lên tham gia tích cực vào phong trào chống chính sách kỳ thị tôn giáo. Động cơ của sự tham gia này có nhiều, nhưng riêng đối với tôi, thì khi tham gia vào sự kiện này, qua Đoàn Sinh Viên Phật Tử Sài Gòn (SVPTS) thời ấy, thì động lực duy nhất là đòi hỏi tự do tôn giáo. Tôi chỉ xin trình bày các sự kiện dưới con mắt chủ quan của tôi, còn việc đánh giá đúng sai sẽ không nói tới.

1. Sinh viên và Phật tử:

Gia đình tôi vốn theo đạo Phật, nên thời thơ ấu của tôi đã đậm mùi khói hương, kinh kệ. Cứ mỗi buổi chiều, khoảng 5 giờ bà ngoại tôi và bà dì tôi lại lên một thời kinh (vì mẹ tôi mất khi tôi mới lên bốn tuổi). Dì tôi tụng kinh gõ mõ, bà ngoại tôi ngồi lim dim lần tràng hạt. Những ngày lễ, tết, tôi được theo bà lên chùa. Hình ảnh những ngôi chùa to, những pho tượng đẹp, những tu sĩ trang nghiêm và đáng kính, đã trở thành quen thuộc với tôi. Đến độ bây giờ, chỉ cần nghe tiếng chuông chùa từ xa vọng lại, tôi lại nhớ thấy cảnh kẻ ra người vào tấp nập, miệng luôn chào nhau "A Di Đà Phật".

Khi ấy đạo Phật đối với tôi chỉ là những nghi lễ dành cho người lớn, một cách sống của người già. Đối với tuổi trẻ thì chùa là loại thắng cảnh để rủ nhau đi chơi vào những ngày nghỉ, kiểu như "*hôm qua em đi chùa Hương, hoa cỏ còn mờ hơi sương*" để rồi "*em không dám đi mau, sợ chàng chê hấp tấp, sợ gian nan không giàu*"; Còn đối với con nít như tôi hồi đó, thì đức Phật là đấng ban lộc oản chuối, xôi chè. Cái quan niệm ấy tôi giữ cho tới thời kỳ đi vào đại học, là sinh viên. Khi ấy, đến với Đoàn Sinh Viên Phật Tử Sài Gòn, tôi chỉ muốn tìm được những người bạn cùng trang lứa, cùng làm việc xã hội: đi thăm các cô nhi viện, các viện dưỡng lão, các làng tình thương; và khi xảy ra thiên tai bão lụt, thì đi quyên góp tiền bạc, quần áo, đi cứu trợ. Việc lễ Phật chỉ là một nghi lễ mở đầu hay chấm dứt cho một buổi sinh hoạt.

2. Sinh viên và tự do tín ngưỡng:

Dần dần, việc đi lễ mỗi sáng Chủ nhật trở thành thói quen: sáng Chủ nhật được nghỉ học, ở nhà buồn, đi lễ cho vui. Khi ấy ở chùa Xá Lợi, sau mỗi khóa lễ từ 8 giờ tới 9 giờ, là có một lớp giáo lý ở giảng đường, từ 9 giờ tới 11 giờ. Về sớm cũng chẳng có việc gì làm, tôi vào dự nghe. Từ từ những bài giảng của đức Thích Ca đến với tôi: Tứ Diệu Đế, Thập Nhị Nhân Duyên, Bát Chánh Đạo...Nhất là khi ấy tôi lại học đại học Văn khoa, trường Cao Đẳng Phật học, được giới thiệu các vấn đề triết học, tôn giáo, triết Đông, triết Tây, nên tôi càng tin tưởng hơn ở một tôn giáo đã có lịch sử 2.500 năm. Tôi có được biết là ông Diệm theo đạo Thiên Chúa. Ông tin tưởng ở những người Công giáo hơn, người Công giáo được ưu đãi hơn. Nhưng chưa có gì lộ liễu, cho tới đầu năm 1963. Tháng tư năm ấy, ông Diệm tuyên bố không thừa nhận Phật Đản là ngày lễ chính thức và không cho phép treo cờ tôn giáo ngoài phạm vi cơ sở tôn giáo, đúng vào dịp sắp tới lễ Phật Đản. Cuộc tranh đấu của Phật giáo bắt đầu, đòi bình đẳng tôn giáo. Còn đối với tôi, đó là đòi tự do tín ngưỡng, một trong những quyền căn bản của con người.

Tôi chỉ còn nhớ được vài sự kiện chính:

Ngày 08.05.1963, đêm trước Phật Đản, tại Huế, các đồng bào Phật tử tụ tập trước đài phát thanh để đợi nghe phát đi bài thuyết pháp của thầy Trí Quang đã được ghi âm từ buổi sáng. Nhưng bài ấy đã không được phát thanh, có thể là vì trong đó Thầy đòi treo cờ Phật giáo. Đồng bào Phật tử tụ tập càng lúc càng đông, chính quyền Huế cho xe tăng ra đàn áp. Đồng bào không chịu giải tán, kết quả có 8 người bị xe tăng cán chết. Những tấm hình chụp được gửi đi các nơi, mọi người phần uất.

Ngày 25.05, Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo được thành lập để lãnh đạo cuộc tranh đấu đòi tự do tôn giáo. Nguyên tắc tranh đấu là bất bạo động: chỉ tổ chức những buổi thuyết pháp, tuyệt thực, biểu tình, phổ biến thông tin...Đoàn SVPTS đặc biệt đóng góp vào công việc thông tin trong giới học sinh, sinh viên, để mọi người biết rõ sự thực, vì khi ấy chính quyền miền nam kiểm duyệt chặt chẽ báo chí, chỉ đưa ra những tin tức có lợi cho Nhà nước.

Ngày 11.06 Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu. Một hình thức tranh đấu bất bạo động đặc biệt của Phật giáo để bảo vệ chánh pháp.

Ngày 20.08 chính quyền miền Nam bắt đầu một cuộc bắt bớ rộng khắp, đầu tiên là các tăng ni ở trong chùa, sau tới các Phật tử ở nhà. Nhiều Đoàn viên SVPTS đã bị bắt vào dịp này, trong đó có tôi. Đầu tiên chúng tôi bị tạm giữ ở Tổng nha cảnh sát đô thành để lấy lời khai. Vì chẳng có gì phải dấu diếm, nên việc lấy cung rất nhanh. Sau đó chúng tôi được đưa qua trại Lê Văn Duyệt, gọi là để học tập, cho tới ngày 1.11 Đối với chúng tôi, những ngày tháng ở trại LVD chỉ lưu lại những kỷ niệm vui nhiều hơn là buồn.

3. Bi, Trí và Dũng:

Nhìn lại thời kỳ sinh hoạt với Đoàn SVPHS và nhất là qua cuộc tranh đấu cho tự do tôn giáo, tôi thấy rõ 3 giai đoạn thể hiện ba mức độ mà tôi đã đến với Đoàn. Đầu tiên chỉ là một ước muốn được đóng góp một cái gì đó cho xã hội, cho những người nghèo khổ, vì biết riêng mình chẳng làm được gì, nên tôi đã đến với người bạn cùng ước mơ ấy. Đó là *Bi*.

Rồi trong thời gian học ở Đại học Văn khoa và trường Cao đẳng Phật học, tôi được biết về các vấn đề nhân sinh quan, vũ trụ quan, bản thể luận, cũng như các hệ thống triết học nhằm giải quyết những vấn đề căn bản ấy. Nên khi theo các lớp giáo lý Phật giáo, tôi thấy đó là cả một hệ thống triết học toàn diện, chứ không chỉ

là những nghi thức trong đời sống hằng ngày. Theo Phật không chỉ là tụng kinh, gõ mõ, lễ Phật ăn chay... dành cho ông già bà cả hay giới tăng sĩ, mà còn là cả một quan niệm sống, một cách sống lành dành cho giới trẻ, giới trí thức; càng biết nhiều càng say mê, đó là *Trí*.

Còn *dũng* thì thật là khó khăn. Dũng không phải là khỏe mạnh để đi đánh nhau với người khác, mà dũng là sức mạnh để tự thắng mình. Ngồi yên đó để cho bị đánh đập, bị giam cầm, nhin đói để biểu lộ sự phản đối, tự thiêu để cảnh tỉnh. Tôi nhìn hình ảnh Hòa thượng Thích Quảng Đức ngồi giữa ngọn lửa bốc lên... Người ta nói trái tim của Hòa Thượng không cháy vì khi ấy tâm trí ngài tập trung về trái tim với ước nguyện cầu cho nhà cầm quyền thức tỉnh, cầu cho Phật giáo đồ mau qua cơn pháp nạn.

Kết luận:

Thì ra nếu chỉ hiểu Phật giáo qua các biểu hiện ở bên ngoài thì dễ hiểu lầm Phật giáo. Nếu chỉ tụng kinh và y kinh chú giải, thì dễ oan tam thể Phật lắm. Còn có vị thiền sư chỉ giác ngộ cho ông thầy chẻ pho tượng Phật bằng gỗ, bỏ vào đồng lửa để sưởi ấm một đêm giá lạnh, tuyết rơi trong hang đá. Tìm trong kinh không thấy, tìm trong ảnh tượng lại càng bị trói buộc. Vậy mà khi đi vào đời, tới với người nghèo khổ, những lúc bản thân hay gia đình gặp khó khăn, hoạn nạn, thì lời dạy đức Thế Tôn lại vang lên, chỉ đường giải thoát. Người ta đã nói về đạo Phật cho giới cư sĩ, cho giới trẻ, cho ngày nay. Khi biết khế lý và khế cơ, thì Phật giáo sẽ là chân lý của mọi người, mọi thời đại. Sau năm 1964, tôi hết là sinh viên; và cũng vì bị lôi cuốn theo dòng đời, tôi đã rời Đoàn SVPTS, chúng tôi ít có dịp gặp lại nhau, nhưng chắc chắn là ở bất cứ nơi nào, chúng tôi vẫn nhớ đến nhau vì lòng cùng hướng về một đảng Từ Phụ.

Lương Hữu Định

http://www.thuvienhoasen.org/D_1-2_2-86_4-5392_5-50_6-1_17-3_14-1_15-1/

00 XXX 00

Sinh viên và Học sinh đứng dậy

Nguyễn Lang

Sáng ngày 21.08.1963, sau khi đánh úp các chùa trong toàn quốc, tổng thống Ngô Đình Diệm triệu tập nội các và báo tin là quân luật đã được thiết lập trên toàn lãnh thổ vì Cộng quân đã xâm nhập các châu thành và vùng phụ cận thủ đô Sài Gòn. Ông cũng cho các vị bộ trưởng hay về việc đánh chiếm các chùa và bắt giữ "*bọn tăng ni làm loạn*".

Bộ trưởng bộ Ngoại giao **Vũ Văn Mẫu** đập bàn lên tiếng phản đối hành động dã man của chính quyền. Ông bỏ buổi họp ra về, cạo đầu để bày tỏ lập trường mình và gửi thư từ chức bộ trưởng bộ Ngoại giao. Rồi ông bôn ba đi tìm các vị khoa trưởng và các giáo sư đại học đồng nghiệp cũ của ông, vận động thành lập *Phong Trào Trí Thức Chống Độc Tài*. Hành động quả cảm của ông Vũ Văn Mẫu đã châm ngòi cho phong trào sinh viên và học sinh bùng cháy trong toàn quốc. Sinh viên **Trung Tâm Kỹ Thuật Phú Thọ** bãi khóa ngay trong buổi chiều 21.08.1963. Giáo sư **Lê Sĩ Ngọc** của Trung Tâm đứng lên tán đồng lập trường của sinh viên và lên án chính sách tàn bạo của chính quyền.

Chiều ngày 22.08.1963 khoa trưởng Y khoa Sài Gòn là bác sĩ **Phạm Biểu Tâm** gửi đơn từ chức; Ông bị bắt giam và ngày hôm sau 23.08.1963, nghe tin ông bị bắt, tất cả sinh viên Y khoa kéo nhau đến trường. Họ bàn tính kế hoạch chia thành từng nhóm đi thuyết phục các vị khoa trưởng và giáo sư các khoa từ chức. Đồng thời họ bàn kế hoạch vận động thành lập một Ủy Ban Chỉ Đạo Sinh Viên Liên Khoa. Chiều hôm ấy

Ủy ban này được thành lập, do sinh viên **Tô Lai Chánh** đứng làm chủ tịch. Ủy Ban gồm có mười tám sinh viên. Đại diện cho Dược khoa có cô **Lê Thị Hạnh**, Y khoa: **Đường Thiện Đồng**; Văn khoa: **Lâm Tường Vũ**; Kiến trúc: **Nguyễn Hữu Đồng**; Công chánh: **Nguyễn Thanh**; Sư phạm: **Nguyễn Văn Vinh**; Luật khoa: **Tô Lai Chánh**.

Ủy Ban Chỉ Đạo Sinh Viên Liên Khoa phát động phong trào bãi khóa: sinh viên các trường **Y khoa, Luật khoa, Dược khoa, Mỹ thuật** v.v...theo gót sinh viên Trung Tâm Kỹ Thuật Phú Thọ lần lượt bãi khóa. Trong thời gian vài tuần lễ, phong trào bãi khóa lan tới tất cả các cấp trung học ở toàn quốc.

Sáng ngày 24.08.1963 trên ba ngàn sinh viên và học sinh tụ tập tại trường Luật khoa Sài Gòn để đón tiếp giáo sư Vũ Văn Mẫu. Họ vây quanh ông Mẫu, hoan hô ông vang dội. Đồng thời Ủy Ban Chỉ Đạo tung ra một bản tuyên ngôn mà họ đã biểu quyết ngày hôm qua, 23.08.1963, yêu cầu chính quyền:

1. Thực sự tôn trọng và bảo vệ tự do tín ngưỡng.
2. Trả tự do cho tăng ni và tín đồ Phật giáo, sinh viên, học sinh và giáo sư hiện bị giam giữ.
3. Chấm dứt tình trạng khủng bố, bắt bớ hành hạ tín đồ Phật giáo.
4. Giải tỏa chùa chiền, ban bỏ tự do ngôn luận.

Bản tuyên ngôn kết thúc bằng những câu sau đây: "*Sinh viên và học sinh Việt nam nguyện đem mồ hôi và xương máu để tranh đấu cho bốn nguyện vọng khẩn thiết trên. Đồng bào hãy sát cánh cùng chúng tôi sẵn sàng hy sinh cho tự do và đòi được quyền phụng sự Tổ quốc*".

Dưới bản tuyên ngôn, danh từ *Ủy Ban Chỉ Đạo Sinh Viên Liên Khoa* được đổi thành *Ủy Ban Chỉ Đạo Sinh Viên Và Học Sinh*.

Chỉ trong vòng ba hôm sau ngày đánh úp các chùa, phong trào sinh viên và học sinh đã làm rung động thủ đô Sài Gòn. Ngày 25.08.1963 ba trăm sinh viên học sinh tổ chức biểu tình tại Công trường Diên Hồng phía trước chợ Bến Thành. Cuộc biểu tình này đã được tổ chức một cách tài tình bởi vì trong tình trạng giới nghiêm, khắp nơi tại thủ đô đều có các đơn vị vũ trang canh gác, nhất là tại trung tâm Sài Gòn. Từng toán nhỏ sinh viên và học sinh đã do nhiều ngã đường đi tới: vào khoảng mười giờ sáng đột nhiên biểu ngữ được tung ra trước chợ Bến Thành và cuộc biểu tình thành hình. Các trung đội Cảnh Sát Chiến Đấu gần đó được tin liền kéo tới đàn áp. Cảnh sát bắn cả vào đám biểu tình. Một em nữ sinh tên **Quách Thị Trang** bị trúng đạn tử thương^{36[33]}. Một số sinh viên trốn thoát được. Một số bị thương. Khoảng 200 người bị bắt giữ. Từ thi Quách Thị Trang bị mang đi mất. Ngay chiều hôm đó chính quyền đô thành ra thông cáo rằng các lực lượng an ninh đã được lệnh *nổ súng* vào bất cứ đám đông nào tụ họp ngoài công lộ mà không xin phép trước.

Sau cuộc biểu tình ngày 25.08.1963, sinh viên và học sinh đã trở thành đối tượng khủng bố và đàn áp của chính quyền. Các phân khoa đại học và các trường trung học lớn tại Sài Gòn đều được giăng thép gai và những hàng rào cảnh sát canh gác. Để đáp lại biện pháp này, sinh viên và học sinh tổ chức bãi khóa. Họ còn vận động với các giới giáo sư của họ gửi thư từ chức.

Ngày 07.09.1963, học sinh các trường trung học công lập **Gia Long, Trưng Vương và Võ Trường Toản** tổ chức mít tinh bãi khóa ngay tại sân trường của họ. Họ không vào lớp mà kê bàn để đứng lên diễn thuyết, tố cáo tội ác của chế độ. Biểu ngữ được họ viết lên trên các bức tường hoặc trên những tấm bia lớn mà họ giăng lên khắp nơi.

Học sinh các trường Trưng Vương và Võ Trường Toản định tổ chức biểu tình diễn hành, nhưng vừa ra khỏi cổng trường họ bị cảnh sát đàn áp. Cuộc xung đột tại cổng trường tới một giờ trưa mới được chấm dứt và khoảng ba trăm học sinh của hai trường bị bắt giữ. Trương **Kỹ Thuật Cao Thắng**, trường **Mỹ Thuật Gia Định** và các trường trung học **Chu Văn An, Hồ Ngọc Cẩn** liên tiếp đứng dậy. Trường Chu Văn An là

³⁶ [33] Sau ngày cách mạng thành công, người ta tìm ra được ngôi mộ của Quách Thị Trang tại nghĩa địa Gò Vấp.

một trường nam sinh, nổi tiếng là tranh đấu ác liệt nhất với cảnh sát^{37[34]}. Ta cũng nên nhớ là trong ba trường đi tiên phong cho phong trào bãi khóa và tranh đấu của học sinh có tới hai trường nữ trung học: đó là Trung Vương và Gia Long.

Số học sinh các trường trung học tại Sài Gòn bị bắt giữ lên tới hai ngàn. Tại các tỉnh, học sinh các trường công lập và tư thục cũng đứng lên tranh đấu tương tự.

Trong lúc đó, trên đài phát thanh Sài Gòn, chính quyền kêu gọi phụ huynh học sinh kiểm soát con cái mình đừng cho chúng "*mắc mưu Cộng Sản*". Ông Phan Văn Tạo, tổng giám đốc Thông tin mở cuộc họp báo đưa hai thiếu nhi khoảng 15-16 tuổi ra để hai em này tự nhận là Cộng Sản xúi dục đồng bạn đi biểu tình. Cuộc họp báo này không chinh phục được ai bởi vì trong thâm tâm các bậc phụ huynh đều biết vì lý do gì mà con cái mình tham dự vào cuộc tranh đấu.

Dưới sự đàn áp của bạo quyền, đất nước mang một bộ mặt rách nát, tả tơi. Vấn đề không còn là vấn đề thành bại của cuộc tranh đấu Phật giáo. Vấn đề là vấn đề sinh mệnh và thể diện của cả một dân tộc. Một bầu không khí u uất nặng trĩu đè nặng lên cả trên đất nước. Không những dân chúng mà cả đến quân đội và nhiều thành phần trong lực lượng chính quyền và cảnh sát cũng thấy áp lực nặng nề và u uất đó.

[Trích *Việt Nam Phật Giáo Sử Luận*, tập III]

000)(000

Thăm đài Thánh tử đạo bên bờ sông Hương

Lê Quang Thái

*“Trước trí tuệ siêu việt thì ta cúi đầu bái phục
Trước lòng tốt cao thượng thì ta quỳ gối tôn thờ”.*

Đài truyền hình Việt Nam (kênh VTV1) phát sóng sau 12 giờ ngày thứ ba, 06/05/2008 đưa tin về những sinh hoạt Phật sự trang trọng và sinh động, chuẩn bị cho tuần lễ Phật đản Liên Hiệp Quốc tại cố đô Huế thật phong phú và đa dạng, để lại nhiều ấn tượng sâu lắng trong lòng người xem.

Trong khoảnh khắc quý giá, những hình ảnh về cảnh quang mới và thông thoáng của đài kỷ niệm Thánh tử đạo ở bờ nam bên chân cầu Trường Tiền Huế được chiếu trên màn hình sắc nét, có tác động thâm sâu vào lòng người xem truyền hình. Thật là xúc động, biết bao nỗi lòng:

*“Thương ai, thương hũy thương hoài
Thương thăm, thương kín, thương dài, thương đông”
(Ca dao Trăm Thương)*

³⁷ [34] Cảnh Sát Chiến Đấu đã phá công và leo tường, thâm nhập vào trường Chu Văn An để đàn áp học sinh. Học sinh bắc loa kêu gọi cảnh sát và quân đội ủng hộ cuộc tranh đấu của họ. Sau khi cảnh sát thâm nhập được vào trường, học sinh bắt đầu kháng cự lại. Họ liệng bàn ghế từ trên lầu xuống làm hàng chục cảnh sát viên bị thương. Họ cầm cự được trong nhiều giờ trước khi bị chế ngự. Chỉ có độ 100 học sinh leo tường sau trốn sang được khu cư xá đại học, còn tất cả đều bị bắt.

Cả một niềm thương chung nhân mùa sen nở giữa lòng phố thị náo nức đón mừng ngày dân sinh của Đức Thế Tôn. Thương nhiều, không có tâm phân biệt theo những định kiến. Có từ bi hỷ xả, thì mọi sự thông suốt, mọi việc đều thanh thoát, nhẹ nhàng. Và nói đến những kỷ niệm một thời thì lại gọi nhớ, gọi thương, xuất phát từ lòng tin yêu, độ lượng, hóa giải của giáo lý Từ bi, gắn kết hòa nhập chung cùng với những tinh anh của đạo lý truyền thống của một dân tộc có nền văn hiến lâu đời.



Nhớ chư anh linh những đền tám đoàn sinh Phật tử, còn phôi xuân tuổi xuân, đã anh dũng hi sinh vì đạo cả nhiệm mầu, vì đại nghĩa dân tộc tại khuôn viên Đài Phát thanh Huế cũ thời Pháp nạn năm 1963, cách đây vừa tròn 45 năm.

Tám dòng máu thánh thiện đã làm rung chuyển cả hoàn vũ, thức tỉnh lương tri nhân loại khắp năm châu. Tác giả Minh Không, trong sách *Sáu tháng Pháp nạn* là vị thức giả, từng giữ trọng trách lớn nhất trong ngành ngoại giao thời bấy giờ, đã trích chọn thông tin quốc tế bằng cách trưng dẫn tờ *Le Croix*, cơ quan ngôn luận của Thiên chúa giáo, để cầu nguyện cho các anh linh tử vì đạo vào đêm mừng tám, rạng ngày mừng 9 tháng 5 năm 1963, tức đêm rằm tháng 4, PL. 2507 tại đài Phát thanh Huế cũ (nay là trung tâm điều hành Lễ hội Festival Huế), tọa lạc bên bờ sông Hương thơ mộng. Một ngày giỗ lớn chư anh linh Thánh Tử Đạo lại về giữa mùa sen nở khắp nơi nơi, kể cả giữa dòng sông Hương và trên đường phố tấp nập đủ sắc màu từ muôn nơi đổ về.

Thương mãi, thương hoài chư anh linh Thánh tử đạo cho đến tận ngàn sau. Toát lên từ lời trích “*Văn tế chư anh linh tử vì đạo*” kể từ Lễ Phật đản PL. 2507 (8.5.1963) tại lễ cầu siêu vào lúc 9 giờ sáng ngày 28.4 âm lịch tại chùa Từ Đàm, gọi lên tình yêu quê hương, dân tộc:

“Phận dưới liên đài,
Tình trong đạo niệm”

Và một cảm xúc đầy đạo tình:

“Là Phật tử hết lòng hộ pháp, dầu trăm cay ngàn đắng vẫn không từ;
Phận làm con vì đạo bỏ mình, càng áp bức lại càng thêm dũng khí”.

Lịch sử đông tây xưa nay đã chỉ ra rằng, lập Thánh đài để tưởng nhớ, để kỷ niệm, để ai ai tham quan đền đài tự soi lại chính mình, xem mình đã làm gì để biết hổ thẹn và sám hối, tri ân.

Năm nay, Ban Tổ chức Đại lễ Phật đản PL. 2552 tại Thừa Thiên Huế đã cho dựng Phật đài trang trọng ở công viên Thương Bạc, nằm đối chân với đài Thánh Tử đạo, có ý nghĩa rất cao. Vì đó là ý nghĩa biểu trưng cho con đường giải thoát, lấy phương châm “duy tuệ thị nghiệp” làm ánh sáng soi đường: chúng sinh là Phật sẽ thành như lời Thế Tôn đã dạy.

Có trí tuệ, giàu tình thương thì mới giác ngộ. Quay đầu là bến. Người giác ngộ nhận chân được rằng “*vọng động tức là sinh tử*”, đó là một thứ sinh tử siêu thế gian – sinh tử của các thánh giả. Chỉ có những bậc uy dũng, bậc đại trí, đại chí, đại hạnh, như những con chim đại bàng mới vỗ cánh, vươn mình đến tuyệt đỉnh của vô cùng mà thôi.

Nhân Đài truyền hình Việt Nam đưa tin về Đài Thánh tử đạo, nhân tuần lễ Phật đản Liên Hiệp Quốc, PL. 2552-2008, mà lòng tôi thâm ước nguyện chư Thánh tử đạo thị hiện về giữa đêm rằm vằng vặc trăng sao, hòa cùng hương thơm của đất trời, đón mừng ngày Đản sinh của Đức Từ phụ Thích Ca Mâu Ni:

*“Ta từ sinh tử về chơi
Ngồi trên chóp đỉnh mỉm cười với trăng”*
(Huyền Không)

Huế, mùa sen nở PL. 2552

Source : <http://www.phattuvietnam.net/index.php?nv=News&at=article&sid=3414>

((((0000)))

Viết về Cố Hòa thượng Mãn Giác và anh Hoàng Văn Giàu

Cao Hữu Điền

Kính Thưa Quý Phật tử,
Các bạn thân mến,

Chiều nay, thứ bảy, việc làm tự nhiên bớt đi nhiều ! Ngồi trong phòng làm việc mà đầu óc cứ vỗ cánh bay, bay về những kỷ niệm tươi đẹp của ngày xưa. Lướt trên những trang tin điện tử, đọc lại những câu nói của quý Thượng tọa, quý Thầy, quý bằng hữu, quý Anh Chị qua lễ hỏa táng của vị Thầy kính yêu, Hòa Thượng Thích Mãn Giác được đăng tải trên www.giaodiemonline.com lòng tôi lại mang mang thương nhớ những kỷ niệm tươi đẹp dù ít ỏi mà tôi và các bạn đạo của tôi có được với Thầy! Trong số các bạn đạo của tôi thời bấy giờ có mặt Tôn Thất Mạnh Lương, Anh Vĩnh Tùng ; Về sau có mặt Lê Duy Đoàn, Thái Nguyên Hạnh, Nguyễn Phi Tấn là những người hoặc là đồng môn hoặc là cùng có cơ may cùng gặp Thầy với nhau.

Lần đầu tiên, tôi được hội ngộ với Thầy là năm 1965, tôi mới 18 tuổi, ghi danh lớp Dự Bị Văn Khoa, Đại Học Huế. Thầy ở Nhật mới về (?) dạy chúng tôi môn Văn học. Chỉ qua vài tiết học là tôi nói với bạn thân của tôi : Thầy Mãn Giác có một nụ cười của Đức Phật, một giọng nói của một Thiền Sư (mặc dù bấy giờ tôi chưa từng diện kiến thiền sư nào cả, có thể đó là thiền sư trong tâm tưởng của tôi). Hôm đó là bạn Phạm

văn Rơ, cùng học song song APM với tôi, Hồ Đắc Duy và Võ văn Cần. Tôi tìm thấy trong hình ảnh của Thầy Mãn Giác một Tổng hòa của một Nhà Sư, một Nhà Thơ và một Người mang Hạnh Dẫn Thân vào



cuộc đời. Về sau tôi mới thấy rằng Thầy Mãn Giác đã khởi hành cho một cuộc Dẫn Thân vào Sự Nghiệp Văn Hóa Đạo Phật để cứu độ cho Đời! Thầy có mở lớp dạy Nhật Ngữ dĩ nhiên miễn phí, thời bấy giờ nước Nhật chưa mời gọi ai được. Chúng sinh bu đi học tiếng Anh. Thế mà chúng tôi, các Phật tử đều có đi học với Thầy. Riêng tôi và Phạm văn Rơ vì bận bịu chương trình APM nên phải xin thôi sau một tháng rưỡi.

Năm 1966, thế cuộc xoay vần, cơn lốc chiến tranh, bạo lực cuốn vào các thành phố. Phong trào tranh đấu Phật Giáo bột phát, dù dưới hình thức nào đi nữa thì cũng muốn diễn đạt ý nguyện của mọi người, đó là PHỦ ĐỊNH CHIẾN TRANH. Phe phái nào đi nữa, hễ ai có đôi chút công tâm đều thấy rõ cuộc chiến tranh kéo dài này đã mất hết tính người với biết bao phương tiện hiện đại làm hao phí mất sức mất của, tàn phá môi trường, tàn phá mọi thiết chế tâm linh của con người ở khắp mọi đất nước không chỉ ở Mỹ và Việt Nam, biến con người thành những cỗ máy thác loạn tàn bạo dã man còn hơn bất kỳ một con thú dữ nào, không thể nhân danh bất kỳ một chiêu bài nào cho những tội ác diệt chủng như thế. Những phong trào Phật Giáo được phát động, bằng những Phật tử và những tăng sĩ Phật Giáo là muốn vạch rõ khuôn mặt tàn bạo và phi lý của chiến tranh với những hy sinh tự nguyện, và biết bao nhiêu là mất mát mà chúng ta có bao giờ đòi phải bồi thường đâu, và đòi ai đây và cho ai đây!

Sau phong trào tranh đấu 1966, tôi không nhớ là còn gặp được Thầy nhiều lần không, nhưng có một lần có gặp Thầy với Tôn Thất Mạnh Lương chỉ để nghe Thầy đọc THỞ của hai triều đại Mãn Giác. Mãi cho đến khi anh Bửu Tôn gặp chúng tôi đề nghị thành lập lại Đoàn Sinh Viên Phật Tử Huế, cuối năm 68, nếu tôi nhớ không lầm. Chúng tôi đã thành lập lại Đoàn nhờ công lao đi kết hợp lại của Thái Nguyên Hạnh. Trong một cuộc hội họp ở trụ sở trong khuôn viên chùa Diệu Đế với khoản 50 svpt cũ và 20 svpt mới mọi người bầu ban chấp hành. Bác sĩ Trừng là Chủ Tịch, Lê Duy Đoàn và Cao Hữu Điền là hai phó chủ tịch cho có vẻ quan trọng, chịu đảm ăn xôi, Thái Nguyên Hạnh, Một Chỗ Chung làm Tổng Thư Ký, Nguyễn Phi Tân làm Trưởng Ban catechisme, Phan Hữu Lượng làm trưởng ban Văn Nghệ. Thời đó Trịnh Công Sơn viết rất nhiều về khát vọng hòa bình của dân tộc, những bài đó thường được hát lần đầu tiên là với chúng tôi, vào thời đó anh Ngô Kha và anh Bửu Tôn là hai người cố vấn cho chúng tôi. Như bài *Khi Đất Nước Tôi Thanh Bình*, *Tôi sẽ đi thăm*, mà anh Quán Như Phạm văn Minh nhắc đến trong đêm nhạc Thái Hòa - Trịnh Công Sơn vừa qua ở SYDNEY. Tôi cũng như anh rất thấm thía bài này. Trong đó câu cuối (?) tôi thích nhất: *Khi đất nước tôi thanh bình tôi sẽ đi không ngừng.... Sài Gòn ra Trung, Hà Nội vô Nam, Tôi đi xây cuộc mừng... Và mong sẽ quên Chuyện Đất Nước Mình!*

Tôi xin trở lại với Lớp dự bị văn khoa 1965, để nhắc đến một người Anh, Người Thầy nữa của chúng tôi, đó là Thầy, Anh Hoàng văn Giàu. Trước đó tôi biết Thầy, mà Thầy không biết tôi, tôi là một học sinh Phật tử

mờ nhạt và thiếu chuyên cần của Ông Anh Tôn thất Mạnh Lương, ít ăn, nên chỉ nặng 42 kilô là khi phong độ nhứt. Ít nói nên không ai biết là lúc thi đậu còng cua vào trường Nguyễn Tri Phương, học một lớp với bạn thân muôn thời Nguyễn Tường Bách. Chủ Nhật nào tôi cũng đi bộ hoặc đôi khi có chú Cao Hữu Hỷ của tôi chở xe đạp lên Trà Am xem người ta tập võ Thiếu Lâm và thỉnh thoảng được Thầy Mật Hiển khai tâm. Cũng là một duyên lành, vì sau một lần lên ăn kỵ với Ông Chú tôi, không hiểu vì sao tôi mê mẩn cảnh trí một ngôi chùa, rất là đìu hiu mà rất là an tịnh. Những khóm trúc xanh tươi bên bờ con suối, róc rách một bài ca thanh khiết. Những cảnh trí như thế làm cho những tâm hồn mộc mạc như của Nguyễn Tường Bách và của tôi thấy bình an, bớt đi nhiều nỗi sợ hãi vô minh của cuộc hiện hữu. Khi đọc bài *Nhớ Chùa* của Thầy Mãn Giác hoặc hát lên bài *Từ Đàm Quê Hương Tôi* của Nguyễn Thông (tức là Thầy Thông Đạt – Văn Giảng) là tôi bỗng thấy tinh tấn, hùng mạnh, từ trên mây bỗng len lén ban xuống những niềm vui bình yên cho kiếp thế nhân.



Ảnh Hoàng văn Giàu về thăm lại quê hương năm 2005

Vâng, có lẽ Anh Hoàng văn Giàu cũng như tôi, làm sao mà nhà giáo lại nhớ hết học trò của mình được, có chăng là vài cô hiền lành và vài cậu thông minh. Nhưng học trò lại rất nhớ đến Thầy, nhất là những người Thầy, gặp một lần đầu là đã gây ấn tượng như Thầy Hoàng văn Giàu. Thời bấy giờ Thầy dạy môn Triết học Đại cương cũng như Thầy Lâm Ngọc Huỳnh. Học với Thầy Huỳnh là ngồi nghe và ghi cua. Còn một buổi học với anh Giàu là một cuộc thảo luận, hỏi và đáp với giọng nói lạnh lạnh sắc bén, không thiếu không thừa, những chuyên đề thì cân bằng, kinh viện có và giải trình qua thực tiễn cuộc sống hiện đại cũng rất nhiều! Nhưng tôi yêu mến nhứt là khi đứng trên hành lang Morin, vào giờ giải lao, đó là những giây phút của trái tim người Phật tử với người Phật tử. Thời đó lính Mỹ vừa đổ bộ bằng tàu biển vào Nam Ô, Đà Nẵng. Tôi lo âu hỏi rằng, sự kiện đó sẽ đưa đến đâu. Anh điềm tĩnh bảo: Chiến tranh sẽ khốc liệt hơn và mỗi một chúng ta thế nào cũng sẽ bị cuốn vào vòng xoáy đó không cưỡng lại được. Chúng ta có thể làm gì trên cương vị người Phật tử? Chúng ta không có chỗ nào để núp và chờ, chúng ta chỉ có thể bơi vào vòng xoáy đó, và tùy theo cơ duyên mà làm được điều gì thì làm. Hãy luôn luôn hành trì tinh tấn, kiên trì giữ cho bằng được cái tâm của người Phật Tử. Từ đó, tôi rất thường nhớ đến câu nói của Thầy Hoàng văn Giàu.

Xin kính trở về với kỷ niệm cùng Thầy Mãn Giác! Năm 1970, tôi dạy học ở trường Nguyễn Hoàng Quảng Trị. Đang dạy trên lớp thì Thái Nguyên Hạnh đi xe Hôn Đa từ Huế ra, vào trường bảo: Thu xếp về lấy áo quần rồi mình chờ vô Huế, Thầy Thiện Minh bảo chở Ông vô thông dịch cho phái đoàn Nhật Bản. Thế là tôi chạy về nhà Thầy hiệu trưởng Thái Mộng Hùng xin phép và chạy đến xin anh Nguyễn Thiện dạy thế cho một tuần. Vào Huế thì cũng chỉ đi ăn cơm chay vì có Thầy Mãn Giác dịch tiếng Nhật rồi. Sau đó Thầy Thiện Minh bảo Thái Nguyên Hạnh, Lê Duy Đoàn và tôi đi họp Đại hội Sinh viên Phật tử ở Đà Lạt. Tôi về làng Thầy Thiện Minh, Bích Khê, dự trai đàn chẩn tế với anh Tôn Thất Hoán và anh Tư Đồ Minh (đang chiến dịch tranh cử dân chủ tự do!). Xong Thầy Thái Mộng Hùng cho tôi vào Huế đi dự Đại hội ở Đà Lạt, và anh Đỗ Trinh Huệ dạy thế cho! Lần này gặp lại được Thầy Mãn Giác. Noel 1970, họp mười ngày, tôi không

muốn về miền Trung, gặp anh Trần Xuân Kiêm đang làm ở trường Bồ Đề, tôi thấy tôi cũng có thể núp và chờ như anh Kiêm, xin dạy và cạo đầu xuất gia chẳng hạn. Ở lại mười lăm ngày sau đại hội với chú Minh An, và chú Nguyễn Thanh Phương, người làm thơ tình thanh khiết dưới bóng cây Từ Đàm. Đi rong chơi chờ ngày Thầy Từ Mãn đồng ý cho đi tu .

Thời đó thật hoang tưởng và thơ mộng. Sáng đi uống café Hòa Bình, Domino, trưa nhin đói lên đồi với Trần Nhơn, Huy Lùn, Đương Điền, Phương Điền (Sau 75 về Huế thành Phương Xích Lô). Ôi những chàng Anh Hùng trốn lính của một thời hoang dại! Lên đồi nhìn xuống cổng vào hăng rượu Lafaro , trông chờ hai nàng kiều nữ Thục Hạnh, Thục Hiền ra vô. Trong bụng không có một hạt gạo. Tối về, có khi ghé nhà Phương Lê Uyên, khi đó vừa mới nổi tiếng, hoặc về chùa chia nhau mấy tô cơm mà nhà thơ tốt bụng Chú Phương thân tặng! Chú Phương Sông Hương còn nhớ hay là đã quên! Một hôm, hai người khách lạ lên chùa vào buổi tinh sương. Tôi đang ngồi trên tầng cấp , thấy họ vào chùa gặp Thầy Từ Mãn. Chốc sau họ đi ra gặp tôi, tưởng ai té ra anh Tư Đồ Minh. Khi đó Đà Lạt - Huế có chuyến bay, nên chỉ anh Minh bảo thôi về Quảng Trị, đi dạy lại đi, học sinh nó chờ tôi, mà chú Cao Hữu Đồng không cho Điền đi tu mô. Một lần nữa, tôi già từ giấc mơ hoang dại lẳng lơ, nhận vé máy bay đi với anh Tư Đồ Minh về chốn phố phường!

Về sau, tôi đi tu nghiệp ở Sài Gòn và hay ghé thăm, thưởng thức phong dáng của Thiền Sư Thích Mãn Giác. Xin Cám Ơn Đời cho những Hạnh Ngộ !

...

Thân mến,
Caohuudien
(28-10-2006)

))) OOOO (((

Phật đàn 1964 trong ký ức người dân Sài Gòn

Nguyễn Ly

Sau Pháp nạn năm 1963, Phật đàn 1964 đã đi vào lòng người với một không khí lễ hội hoành tráng. Ký ức về Đại lễ Phật đàn 1964 như mãi vang vọng không chỉ những người con Phật mà cả trong lòng dân chúng Sài Gòn thời bấy giờ. Trong những ngày này, không khí lễ hội Phật đàn như tràn ngập mọi ngõ đường góc phố, từ Khánh Hội, Vĩnh Hội qua ngã tư Bảy Hiền, từ Phú Lâm về tới Thị Nghè, toàn thể Sài Gòn như ngập tràn không khí lễ hội Phật đàn, cờ phướn tung bay, đâu đâu cũng thấy lễ đài Phật đàn, người dân Sài Gòn dường như bừng tỉnh dưới ánh đạo từ bi.

Trên nhiều phương diện, Đại lễ Phật đàn 2508 có một màu sắc đặc biệt mà trước hay sau nó đều không thể tìm thấy. Nét nổi bật không phải chỉ riêng ở cảnh cờ bay rợp trời, đèn sáng ngời phố, hay ở lễ đài to, xe hoa nhiều mà còn ở cái nhẹ nhàng mà hàng triệu triệu tâm hồn cảm thấy, như người bán hàng rong trú được gánh

nặng trên vai. Như một lẽ tất nhiên, sau những biến động lịch sử của mùa Pháp nạn 1963 và kết thúc là sự sụp đổ của chính quyền Ngô Đình Diệm, nhu cầu tổ chức một Đại lễ Phật đản quy mô, xứng tầm là một ước nguyện của nhiều Tăng Ni và đồng bào Phật tử.

Để thực hiện nguyện vọng đó, sau ngày khai mạc Đại hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất tại chùa Xá Lợi, Đại hội đã thống nhất tổ chức một Đại lễ Phật đản thật quy mô để cúng dàng Đức Từ Tôn sau những ngày Pháp nạn, đồng thời để kỷ niệm và tri ân các vị Thánh tử đạo. Từ đây, một Đại lễ Phật đản hoành tráng được lên kế hoạch do TT.Thích Thiện Minh làm Trưởng ban Tổ chức và TT.Thích Minh Châu làm Phó ban. Việc chuẩn bị cho Đại lễ Phật đản khởi động từ đầu tháng 4-1964 và được thông báo rộng rãi trên các báo đài tới toàn thể Phật tử và đồng bào các giới trong cả nước.

“Đại lễ Phật đản PL.2508 đã được tổ chức vô cùng long trọng trong khắp cả nước. Giữa Huế và Sài Gòn gần như có sự tranh đua hào hứng. Nếu nói về phạm vi rộng, Sài Gòn không bì nổi với Huế về cảnh tung bừng cờ đèn khắp nơi. Ai ai cũng công nhận rằng đây là lần đầu tiên mà sự tham gia kỷ niệm ngày Đức Phật đản sinh được đông gia đình và đông người tham gia nhất. Những nét độc đáo của cuộc lễ ở Sài Gòn là Phòng triển lãm văn nghệ Phật giáo (500.000 người đến tham quan), lễ đài rất mỹ thuật và vĩ đại ở bên Bạch Đằng với trụ cao gần 40 thước, toàn bằng sắt, trên có hình Phật sơ sinh và chót vót là đoá hoa Ưu đàm khổng lồ do đèn ống, đèn màu kết thành, 2 lần cộ xe hoa ban đêm thu hút hàng triệu công chúng và cuộc lễ lộ thiên, sáng rầm tiếp theo có cuộc diễu hành của cả trăm ngàn Phật tử các giới các tuổi. Đặc biệt nhất có lẽ là cuộc biểu diễn xe hoa (trên 40 chiếc) màu sắc long lẫy, đèn đuốc sáng choang, hăm sức nhiều ý nghĩa”. (Tư Quang, số ra tháng 5-1964).

Theo ký túc của những người đã từng tham dự Đại lễ Phật đản PL.2508 – DL.1964, tất cả đều khẳng định rằng: *“Đó là một Đại lễ Phật đản lớn nhất từ trước đến nay”*. Bởi lễ đài Phật đản năm 1964 được dựng trước đó cả tháng tại bên Bạch Đằng do Tăng Ni Phật tử cùng với sự hỗ trợ của quân nhân và máy móc. Theo các chứng nhân từng tham dự Đại lễ Phật đản này kể lại, một lễ đài Phật đản mang tính sáng tạo được kiến thiết công phu theo hình hoa sen. Bệ lễ đài là một toà sen toả cánh chiếm trọn một công viên, trụ là một đại kỳ Phật giáo cao chót vót, giống như trụ đá của vua Asoka đánh dấu nơi Đức Thế Tôn đản sinh tại thành Ca Tỳ La Vệ, trên cùng bùng nổ một đoá hoa Ưu đàm kim loại lấp lánh trong nắng như ánh sao sa. Tượng Đản sinh cao 8m, nặng 3 tấn được tôn trí ngay trên trụ dưới đoá hoa Ưu đàm, ngự trị cả một khoảng trời Bạch Đằng. Sự hiện diện sừng sững của lễ đài Phật đản khiến cho những toà nhà chọc trời xung quanh bỗng nhỏ lại, thấp xuống. Ban đêm, lễ đài rực rỡ trong biển đèn, chiếu át ánh đèn trong những cửa hiệu buôn bán ở khu trung tâm.

Mặc dù theo thông báo, Đại lễ Phật đản diễn ra một tuần kể từ ngày mùng 8 đến ngày 15 tháng 4 âm lịch, nhưng không khí Phật đản đã tung bùng nhộn nhịp ngay từ đầu tháng Tư âm lịch. Khắp nơi, từ đại lộ tới hang cùng ngõ hẻm, đâu đâu cũng tràn ngập không khí lễ hội Phật đản. Khi ấy, nhà nhà treo đèn Phật đản, người người kết hoa Phật đản, mỗi đầu phố, mỗi con hẻm đều được thiết bàn thờ hay công chào Phật đản, cờ bay rợp trời, đèn sáng ngợp phố.

Khai mạc Tuần lễ Phật đản 2508 là lễ khai kinh lúc 8 giờ sáng mùng 8 tháng 4 âm lịch tại chùa Ấn Quang. Hàng vạn Tăng Ni, Phật tử đã tham gia khoá lễ cầu quốc thái dân an và truy niệm toàn thể Tăng Ni Phật tử đã hy sinh cho đạo pháp. Tiếp theo là buổi thuyết giảng nhân mùa Đại lễ, sau đó là lễ khai mạc Phòng triển lãm văn mỹ nghệ phẩm vào lúc 18 giờ 30 cùng ngày tại Viên đình Tao Đàn. Hơn 200 tác phẩm được tuyển chọn trong số 700 tác phẩm gửi tới gồm đủ các loại tranh sơn dầu, lụa, thủy mặc, tranh tàu, điêu khắc, kiến trúc, nhiếp ảnh và các mỹ nghệ phẩm kỷ niệm, nội dung phản ánh cuộc vận động của Phật giáo Việt Nam trong thời kỳ Pháp nạn. Đề tài tự thiêu và chân dung Bồ tát Quảng Đức được thể hiện trong suốt 100 tác phẩm đủ loại. Các tác phẩm được trưng bày có chữ ký của rất nhiều danh họa tên tuổi. Ngoài ra, thi sĩ Đông Hồ còn trưng bày một phòng thư pháp gồm những câu đối phảng phất đạo vị với những đường nét hào hoa, phóng khoáng. Phòng triển lãm mở cửa suốt tuần và mỗi ngày đón tiếp khoảng 3.000 khách tham quan triển lãm. Một kỷ lục triển lãm chưa từng thấy trên đất Sài thành.

Tại rạp Thống Nhất, giáo sư Nguyễn Đăng Thục đã thuyết trình về đề tài: “Phật giáo với văn nghệ Việt Nam và thế giới” vào lúc 10 giờ sáng mùng 9 tháng 4 âm lịch. Tại đây, thi sĩ Đông Hồ cũng đã thuyết trình về đề tài “Thiên vị, đạo vị, thi vị trong văn chương Việt Nam” và TT.Thích Minh Châu với đề tài “Giáo dục Phật giáo”. Cả ba buổi thuyết trình đều đã thu hút rất đông giới trí thức và văn nghệ sĩ cũng như quần chúng Phật tử.

Đại lễ Phật đản 2508 không chỉ dành riêng cho các Phật tử, văn sĩ, trí thức mà còn là ngày đại lễ của những con người đau khổ, của các bệnh nhân, tù nhân, trẻ em cơ nhỡ và người già neo đơn. Trong tuần đại lễ này, Xã hội vụ đã phát động chương trình uỷ lạo phát quà cho các bệnh nhân trong các bệnh viện, tù nhân trong lao xá, người già trong viện dưỡng lão và cô nhi trong các nhà tình thương, v.v...

Ngày Phật đản còn là ngày của tuổi trẻ, ngày của thế hệ tương lai. Ngày 10 tháng 4, từ sáng tinh sương đã có hơn 10.000 thanh niên thuộc Tổng vụ Thanh niên gồm sinh viên, học sinh, thanh niên, Gia đình Phật tử, và hướng đạo Phật giáo đã có mặt tại sân vận động Hoa Lư. Dưới sự chủ tọa của TT.Thích Thiện Minh, Tổng vụ trưởng Tổng vụ Thanh niên kiêm Trưởng ban Tổ chức Đại lễ Phật đản 2508, buổi lễ Phật đã diễn ra trong không khí vô cùng trang nghiêm. Hàng vạn đôi mắt ngời sáng nhìn lên, hàng vạn bàn tay búp sen chấp lại. Tiếng niệm Phật dâng lên rạt rào như hải triều âm và ngân vang mãi mãi.

Đỉnh điểm của Đại lễ Phật đản là hai ngày 14 và 15 tháng 4 âm lịch. Tối 14, hàng chục vạn người tràn ngập khắp các ngã đường đón rước Lễ hội ánh sáng. Lễ hội rước ánh sáng với hàng chục xe hoa từ các chùa và các Gia đình Phật tử lần lượt trải qua các con đường Trần Quốc Toản, Lê Văn Duyệt, Hồng Thập Tự, Hàm Nghi, Lê Lợi rồi tập kết tại lễ đài chính và sau đó toả ra diễu hành khắp các ngã đường để đón mừng Phật đản và tung rải niềm hân hoan khắp bốn phương. Bà con Phật tử suốt đêm không ngủ, rùng người đứng kín hai bên đường, tay cầm cờ vẫy chào mỗi khi đoàn xe hoa chạy ngang qua. Sau khi đã diễu hành khắp các ngã đường, con phố, xe hoa nào về chùa đó và tối hôm sau lại tiếp tục cuộc diễu hành.

Từ tinh mơ sáng rằm tháng Tư, bên Bạch Đằng từ trên cao nhìn xuống như một tấm thảm khổng lồ sắc sỡ màu sắc, màu của cờ, màu của hoa, màu của bong bóng, màu của các sắc áo vàng, lam, xanh đậm, xanh lơ... Trước Lễ đài là một rừng cờ và biểu ngữ ca ngợi ngày Khánh đản, ca ngợi Phật giáo, tri ân chư vị Thánh tử đạo, cảm tạ nhân dân thế giới. Bên trái lễ đài là ban hợp xướng và ban đại nhạc gồm hơn 200 nhạc công. Trước lễ đài, dọc theo bên Bạch Đằng là hàng hàng lớp lớp chư Tăng Ni một màu vàng rực rỡ và đoàn nhu đạo Phật tử Quang Trung gần 2.000 người trong võ phục thêu hoa sen. Bên phải lễ đài là đoàn phụ nữ Phật tử trong trang phục áo dài trắng tinh và đoàn thiếu nữ Phật tử trong bộ đồng phục màu lam thanh thoát.

Buổi lễ được cử hành vô cùng trang nghiêm và trọng thể dưới sự chứng minh tối cao của Đức Tăng thống Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất cùng với sự tham dự của quan chức chính quyền thời bấy giờ và hàng triệu Tăng Ni Phật tử, học sinh sinh viên Phật tử, quân nhân v.v... trong bầu không khí trang nghiêm, bầu trời như xanh hơn, cao hơn, mây như ngừng trôi, gió như ngừng thổi để cùng thể nhập trong giây phút chào Phật kỳ và truy niệm các Thánh tử đạo. Một sự im lặng làm rung chuyển trong sâu thẳm tâm hồn của những người đang hiện diện trong buổi lễ. Sau nghi thức Phật đản là lễ rước tượng Bồ tát Quảng Đức và các Thánh tử đạo. Đoàn rước đi qua các con đường Tự Do, Lê Lợi, Phạm Hồng Thái rồi tới ngã tư Lê Văn Duyệt – Phan Đình Phùng (nay là CMT8 – Nguyễn Đình Chiểu), nơi Hoà thượng Quảng Đức đã tự thiêu thân cúng dường Chính pháp, để làm lễ truy niệm chư vị Thánh tử đạo.



Tượng đài Quách Thị Trang,

Link: <http://phapluattp.vn/2010042211004831p1112c1115/dung-tuong-quach-thi-trang-truoc-mui-sung-can-h-sat.htm>

Để có được một mùa Phật đản hoành tráng như thế, Phật giáo đã phải trải qua một cuộc tranh đấu xương máu mà rất nhiều Tăng Ni Phật tử đã phải thiêu thân để bảo vệ Chính pháp. Trong Thông điệp Phật đản 2508, Hoà thượng Thích Tịnh Khiết đã tuyên bố rằng: *“Tôi thành thật gọi lại hình ảnh hy sinh của các Phật tử và sự tự thiêu của liệt vị Tăng Ni, đặt cao ngời vị Bồ tát của các ngài trong tâm khảm Phật giáo đồ Việt Nam. Tôi tập hợp tất cả sự hy sinh và nỗ lực của Phật giáo đồ Việt Nam hiến dâng lên Đức Điều Ngự nhân ngày kỷ niệm Ngài lần thứ 2508 trở về với dân tộc Việt Nam đau khổ”*. (Theo tạp chí *Hải Triều Âm*, số 2, ra ngày thứ Năm, 30-4-1964).

Đại lễ Phật đản 2508-1964 đánh dấu một bước ngoặt quan trọng và mở ra một trang sử mới trong lịch sử Phật giáo Việt Nam. Với tất cả tâm tư tình cảm của người con Phật hướng về Đại lễ, Phật Đản 2508-1964 đã khẳng định vai trò quan trọng của Phật giáo trong đời sống tinh thần của dân tộc, và một lần nữa khẳng định truyền thống gắn bó máu thịt của Phật giáo trong cuộc đồng hành cùng dân tộc.

Nguyễn Ly

(Theo *Giác Ngộ số Phật đản PL2551*)

00)00(00

Những tháng ngày không quên

Thái Kim Lan

Năm 1963, trong khi Phật giáo Việt Nam đang bị chế độ độc tài Ngô Đình Diệm đàn áp, vào ngày 11.6 năm đó, Bồ-tát Thích Quảng Đức đã vị pháp thiêu thân để nguyện cầu cho Phật pháp trường tồn. Ngọn lửa của Ngài đã đánh thức lương tri nhân loại, trở thành linh hồn của phong trào 1963 mà những người Phật tử qua các thế hệ mãi mãi không quên.

Giáo sư Thái Kim Lan, 46 năm về trước, từng tham gia phong trào sinh viên tranh đấu chống lại sự kì thị Phật giáo của chính phủ Diệm, đã viết lại truyện ký "Phượng trên trời, Hải đường dưới đất", nói về phong trào đó. Nhân kỷ niệm ngày Bồ-tát Thích Quảng Đức vị pháp thiêu thân (11/6/1963-11/6/2009), chúng tôi đăng lại đoạn bài viết "Những tháng ngày không quên" do chính tác giả trích trong tập truyện ký nói trên gửi đến trang nhà Liễu Quán Huế. Trân trọng giới thiệu cùng độc giả.

Lửa đỏ trong tim

Hôm ấy là ngày 11. 6. dương lịch. 9 giờ rưỡi sáng tất cả Phật tử trong chùa đã họp nhau trên chánh điện để tụng kinh hàng tuần cho các Thánh Tử Đạo. Chúng tôi cùng nhau đọc kinh và nghe giảng đến khoảng hơn 11 giờ trưa. Vừa dứt câu “nguyện đem công đức này hướng về khắp tất cả, đặng tử và chúng sanh, thề trọn thành Phật đạo” mọi người lay từ lui ra, bỗng nghe chuông trống bát nhã vang lừng một cách lạ thường. Mọi người đều giật mình quay ra phía góc tả hữu hai bên chánh điện, thấy một bên anh Từ, bên kia Thầy Chánh Trực đang dùng hết sức bình sinh nổi chuông và trống liên hồi. Chúng tôi ngạc nhiên nhìn nhau không biết chuyện gì trầm trọng đã đang và sẽ xảy ra mà trống chuông đổ khẩn cấp đến thế ! Vừa dứt tiếng trống, anh Từ nói lớn, sắc mặt và giọng nói đầy bi hùng pha lẫn chút nghẹn ngào của nước mắt đang quanh mi : "mời tất cả ở trong chánh điện, Thầy có chuyện nói với quý vị !"

Vài phút sau tin truyền ra như sét đánh : Hoà Thượng Thích Quảng Đức đã tự thiêu vào khoảng 11 giờ sáng hôm nay với lời nguyện “Tôi sẵn sàng tự thiêu để củng cố đường Tam Bảo và để giác ngộ cho chính quyền mau mau thỏa mãn năm nguyện của của Phật giáo”:

“Tôi pháp danh Thích Quảng Đức, Hòa thượng trụ trì chùa Quán Âm, Phú Nhuận (Gia Định).

Nhận thấy Phật giáo nước nhà lúc ngửa nghiêng, tôi là một tu sĩ mệnh danh là Trưởng Tử của Như Lai không lẽ cứ ngồi điềm nhiên tọa thị để cho Phật Pháp tiêu vong, nên tôi phát nguyện thiêu thân giả tạm này củng cố đường Chư Phật để hồi hướng công đức bảo tồn Phật Giáo.

Mong ơn mười phương Chư Phật, Chư Đại đức Tăng Ni chứng minh cho tôi đạt thành ý nguyện như sau:

1- Cầu hồng ơn Phật Tổ gia hộ cho Tổng thống Ngô Đình Diệm sáng suốt chấp nhận 5 nguyện vọng tối thiểu của Phật giáo Việt Nam ghi trong Bản Tuyên ngôn.

2- Nhờ ơn Phật tử bi gia hộ cho Phật giáo Việt Nam được trường tồn bất diệt.

3- Mong nhờ hồng ơn Đức Phật gia hộ cho Chư Đại đức, Tăng Ni, Phật tử Việt Nam tránh khỏi tại nạn khủng bố, bắt bớ giam cầm của kẻ gian ác.

4- Cầu nguyện cho đất nước thanh bình, quốc dân an lạc.

Trước khi nhắm mắt mà về cảnh Phật, tôi trân trọng kính gửi lời cho Tổng thống Ngô Đình Diệm lấy lòng bác ái từ bi đối với quốc dân và thi hành chính sách bình đẳng tôn giáo để giữ vững nước nhà muôn thuở.

Tôi thiết tha kêu gọi Chư Thượng tọa, Đại đức, Tăng Ni, Phật tử đoàn kết nhất trí hy sinh để bảo tồn Phật Pháp.

Nam mô Đấng Chiến thắng Phật.

Làm tại chùa Ấn Quang ngày 8/4 Nhuận Quý Mão.

Chùa Quán Thế Âm.

Tỳ Kheo Thích Quảng Đức kính bạch

Nghe tin tất cả mọi người đều thẳng thốt như bị điện giật, rồi không ai bảo ai mọi người đều quì xuống, các ni sư có người oà lên khóc, nhiều tiếng niệm Phật nhỏ nhỏ thốt lên như những tiếng kêu tán thán, rồi tất cả mọi người đồng sụp lạy và quì tụng theo lời của anh Từ xương lên *"Nam Mô tiếp dẫn đạo sư A di đà Phật"*, tiếng tụng kinh ban đầu còn lảo đảo ngập ngừng trong cơn xúc động, nhưng càng lúc càng vững vàng tự tin lẫn át mọi ghen ngào của nước mắt đang chảy tràn trên mặt nhiều người, nghe âm ì như tiếng của một cơn sóng thần từ trên trời dội xuống.

Tôi ngồi đó như bị cầm, môi tê cứng không thể mấp máy tụng theo mọi người. Hình như tôi chưa có một ý niệm hay chưa vẽ ra được trước mắt hình ảnh về mấy chữ vừa được nghe : *"Hoà Thượng Thích Quảng Đức vị Pháp thiêu thân"*. *"Đốt cháy thân xác thịt da mình để cứu đạo Pháp và giác ngộ con người !"* ! Đã đành mỗi chữ trong dòng thông tin này như *"đốt cháy"* - *"thân xác - thịt da"* - *"cứu"* - *"Đạo Pháp"* thì rõ nghĩa, nhưng sau từng chữ là tổng thể của một chí nguyện và sức mạnh tinh thần vô úy vô ngại dũng mãnh để biến thành ngọn lửa thiêu thân hiện thực, điều này đang vượt quá giới hạn kinh nghiệm của một đứa sinh viên Phật tử nhỏ bé yếu đuối là tôi đang cúi đầu sụp lạy. Tôi tự hỏi không biết mình sẽ phản ứng như thế nào khi được chứng kiến tận mắt cảnh tượng hy sinh chưa từng có này : khóc, la hét, ngất xỉu, niệm Phật, lạy, sùng sờ, sợ hãi, chết cứng, sùng bái ? Mọi liên tưởng hay so sánh của con người về hình ảnh đó bỗng trở nên hạn hẹp và tổ cáo kinh nghiệm chủ quan cũng như trình độ hiểu biết của từng cá nhân. Tôi nhớ đến màu đỏ lửa của hoa phượng trong giấc mơ : Lửa ! Lửa ! Lửa ! Một kẻ ngu ngơ như tôi chỉ có thể tưởng tượng được ngọn lửa vây quanh ngài cũng đỏ như màu hoa phượng trong giấc mơ, nhưng trong giấc mơ, hoa phượng có thành lửa đỏ cũng chỉ là mơ...lửa không nóng mà lại mát rượi cả tâm hồn ! Và cho dù tôi có học thuộc lòng lý thuyết của D. Hume về kinh nghiệm bỏ tay vào lửa là bị phỏng, phỏng làm đau...mà bản tính của con người sợ đau nên học được thói quen thấy lửa là tránh, đã sợ đau tránh lửa thì làm sao có thể hiểu hết được sức mạnh siêu nhiên vô úy của người ngồi kiết già trong lửa ?

Có người như bà Trần Lệ Xuân, vợ của ông Cố vấn Ngô đình Nhu, chủ tịch Phụ nữ Liên đới VN, trong tình cảm riêng tư, khi nghe tin *"lửa cháy...thân xác"* liền nghĩ ngay đến món *"thịt nướng"* trong biệt thự sang cả của bà, không hơn không kém ! Tổng thống Ngô Đình Diệm, trong vai trò của ông, vừa nghe tin đã rụng rời, rơi cả giấy đang cầm tay và hốt hoảng đọc lời hiệu triệu nhưng vẫn tuyên bố một câu đầy oai quyền *"sau lưng hiến pháp còn có tôi"* như một lời tự thú về quá trình độc tài của chính ông. Cả thế giới nhìn Việt nam với nỗi kinh ngạc về sức mạnh tâm linh của một hiện tượng tôn giáo độc nhất vô nhị trên đời. Và báo chí khắp năm châu kín trang đi tìm ý nghĩa hành động tự thiêu của Thích Quảng Đức như một hy sinh cao cả ! Họ làm sao hiểu hết được hành động phi thường này qua những tam đoạn luận, phép tỷ giáo, loại suy, phân tích, so sánh ngay cả với chúa Jesus ! Hình như mọi so sánh đều là những quá trình giảm thiểu rút gọn vào kinh nghiệm thuộc thế giới thường nghiệm, do vậy trở nên ngờ nghệch và khập khiễng.

Trái tim Bò sát

Vượt lên trên tất cả sức tưởng tượng của con người cũng như lòng tin căn cứ vào thói quen cho rằng "lửa có khả năng khủng khiếp đốt cháy tiêu hủy hết tất cả những chi thuộc về "sắc tướng", Thích Quảng Đức đã đưa một thông điệp khác cho loài người : THẾ NHƯNG ! LỬA đã không thể thiêu hủy trái tim Bò sát Thích Quảng Đức ! - nghe Thượng Tọa Đức Nghiệp, người đã đưa Hoà Thượng Thích Quảng Đức đến ngã tư Lê Văn Duyệt - Phan Đình Phùng (Sài gòn) ngồi xuống ung dung châm lửa tự thiêu, kể lại rằng hôm ấy mấy chục ký giả ngoại quốc chứng kiến vụ tự thiêu - những kẻ được tôi luyện trong tri thức khoa học và tin tưởng vào khoa học -, đã lon ton chạy đi tìm thêm mấy bình xăng, quẹt hết mấy hộp diêm, hi hà hi hục cố tình đốt lui đốt tới hầu mong có thể tiêu hủy trái tim vẫn còn nguyên vẹn sau khi nhục thể của Ngài đã thành tro, nhưng LỬA hơn nghìn độ của lò hỏa thiêu cũng như mấy chục lít xăng super của người ngoại quốc đã qui hàng trước TRÁI TIM BỒ TÁT.

Trái tim có sức mạnh biến lửa tam muội thành LỬA TỪ BI. Hiện tượng bất ngờ ! Những kẻ tự hào văn minh Tây phương ngỡ ngàng ! Hình như mọi thứ ngôn từ khoa học vừa dừng lại nơi đây, nơi cái gạch nối ấy, gạch nối giữa thể xác và tâm linh, giữa trái tim nhục thể và trái tim bất diệt, khoa học đang dừng lại bên bờ nhịp đập và nhịp ngừng của trái tim, quờ quạng không tiến xa hơn một bước, trong lúc kẻ hành thâm bát nhã đã thâm nhập vào bên bờ của tâm - ý - thức siêu ngã, đã qua bờ và đã quay về - khi đi cũng như khi trở lại không bằng con đường nào khác hơn là con đường của TÂM - của trái tim : từ trái tim khả tử đến trái tim bất tử - tuy hai mà chỉ là một, trái tim Quảng Đức ! :

*"Gọi hết lửa vào xương da bỏ ngổ, Phật pháp chẳng rời tay",
"Bóng người vượt chín tầng mây, nhân gian mát rượi bóng cây Bồ Đề".*

Có chăng chỉ còn *"văn điệu của thi nhân"*, trong một phút giây trực cảm, đã đến gần với nhịp đập của trái tim Bồ Tát ấy, đã có thể "sờ" được ngọn lửa từ bi, khả dĩ đem ánh sáng ngọn lửa Quảng Đức chiếuọi vào tâm hồn của người Việt trên khắp miền Nam và cả thế giới. Một tháng sau ngày Thích Quảng Đức tự thiêu, với "Lửa Từ Bi" thi sĩ Vũ Hoàng Chương đã thêm một lần làm ngọn lửa này rực sáng thiên thu bất diệt, đã làm bùng cháy ý nguyện của Phật tử miền Nam

*Ngọc hay đá, tượng chẳng cần ai tạc
Lụa hay tre, nào khiến bút ai ghi
Chỗ người ngồi: một thiên thu tuyệt tác
Trong vô hình sáng chói nét từ bi.
Rồi đây... rồi mai sau... còn chi ?
Ngọc đá cũng thành tro, lụa tre dần mục nát
Với thời gian, lê vết máu qua đi
Còn mãi chữ, còn trái tim Bồ tát
Dội hào quang xuống chốn A tì
Ôi ngọn lửa huyền vi...*

Lời thơ vang dội đã gây nên một tác dụng mãnh liệt nung đốt ý nguyện vô úy của Phật tử miền Nam, đến nỗi những người có uy quyền phải giật mình thảng thốt. Ông Cố vấn Ngô Đình Nhu nổi giận trước đám bộ hạ tướng tá giám đốc công an, cảnh sát, mật vụ của ông và quát tháo rằng, cả guồng máy công an cảnh sát miền Nam chẳng làm gì được mà thua một bài thơ của tên thi sĩ quèn trói gà không chặt. Hình như trong cơn nóng giận, bị nung đốt trong lửa dục độc tôn và lửa hờn ghét tất cả những ai không theo mình, bị mê hoặc trong lửa ái ngã và chấp ngã, ông Cố vấn vốn nổi tiếng thông minh tài ba đầy mưu thần chước quỷ đã không thấy được sức mạnh của một « cung » rất nhỏ trong « văn điệu thi nhân », một dấu nhấn hầu như vô hình nhưng có mãnh lực đưa mũi tên mỏng như lá tre phá cả thành trì vô minh, khai phóng giác ngộ giải thoát, đưa bài thơ theo cùng với ngọn lửa Quảng Đức tỏa khắp mười phương

*Từ cõi vô minh
Hướng về cực lạc
Văn điệu thi nhân chỉ còn là rom rác
Và cũng chỉ nguyện được là rom rác.*

Chính cung thương « nhận quá trường giang » của tâm vô ngã « chỉ nguyện được là rom rác » đã giúp thi nhân « tự đốt mình » diệt mọi sân si tham ái, vượt bờ giới hạn ngã chấp, lời thơ bay vút rực sáng trong tâm nhân loại ngọn lửa từ bi Quảng Đức :

*Thơ cháy lên theo với lời kinh,
Tụng cho nhân loại hoà bình,*

Trước sau bền vững tình huynh đệ này...

Hôm nay khi viết những giòng này, như một cuộc hẹn vô tình, lại cũng là ngày 11. tháng 6 của năm xưa, đã vừa vãn 40 năm ngọn lửa Thích Quảng Đức ! Bút mực thời ấy đã chảy ra rất nhiều, lời ca ngợi tán thán cũng đã lắm, sự sùng bái quá đã tốt bụng. Nhưng bỗng giựt mình cho hôm nay và cho cả ngày xưa ấy ! 40 năm đã đem lại nhiều thăng trầm cho Việt nam, quá nhiều tang thương ngẫu lục cho cả mấy thế hệ 50, 60, 70, đến nỗi lịch sử lắm khi vì quá đau hay quá kiêu hãnh lại bỏ sót một vài điều tâm linh đáng để quan tâm, nhưng dễ bị bốc hơi ở nơi những trang sử thiên về vật chất ! Bia đá dễ mòn nhưng bia miệng có lẽ không nên mòn về hiện tượng tâm linh Thích Quảng Đức.

"Vĩ nhân mà siêu nhân"

Hòa thượng Thích Trí Quang tán thán ngọn lửa Quảng Đức bằng một câu đáng suy ngẫm : «nước Việt nam có lắm vĩ nhân. Nhưng Bồ tát Quảng Đức là vĩ nhân mà siêu nhân »



HT Thích Trí Quang

Thật thế, Việt nam của thế kỷ hai mươi đã có nhiều điều đáng nói, nhưng trên bình diện thể tính văn hoá Việt nam - hay nói nôm na trên bình diện tu tâm, - có lẽ điều đáng nói nhất mà không quá đáng là Việt nam đã có một siêu nhân Thích Quảng Đức với một sức mạnh tâm linh đã được thực chứng bằng « trái tim Bồ tát ».

Ngọn lửa Thích Quảng Đức không chỉ bùng cháy cho người Phật tử, ngọn lửa Thích Quảng Đức là một minh chứng cho cả một nền văn hoá Việt nam được thể nhập như một đồng nhất « tâm thể », khơi dậy cho thế hệ nối tiếp một niềm hi vọng nhân ái trên con đường hội nhập nội tâm - và có lẽ chỉ ở điểm này - ở tính nhân ái từ bi nhẫn nhục nhưng đầy vô úy vô ngại - trái tim Quảng Đức khác với « trái tim bốc lửa linh thiêng » (« heilig glühend Herz ») của một Prometheus , - kẻ đem lửa cho trần gian - mà Goethe đã từng ca ngợi (J. W. v. Goethe, Prometheus). Prometheus phản kháng và thách đố Thượng đế, kẻ đánh lừa trái tim « tươi trẻ và thánh thiện » đã bùng cháy một thời cho thần linh và Thượng đế ngủ yên, đã là một giấc mơ huyền thoại về lý tưởng văn hoá của con người Tây phương, giấc mơ về hiệu hữu của loài người không phụ thuộc vào thần linh và Thượng đế, của một giống người với trái tim bốc cháy theo hình tượng một Prometheus « biết đón đau, biết khóc biết cười, biết vui chơi và hạnh phúc » và « vô úy » (J. W v. Goethe, đã dẫn), không hãi sợ thần linh. Prometheus bắt đầu xây dựng nhân tính bằng tự do, nhưng cũng bằng sự kiêu hãnh chấp ngã của một cá tính phương Tây. Xét cho cùng Prometheus cũng chỉ là giấc mơ huyền thoại lý tưởng của Tây phương ! Với Hitler, tập đoàn thuộc địa, đế quốc và độc tài phương Tây, giấc mơ Prometheus phần nào đã trở thành con ác mộng của loài người. Trong lúc « Thích Quảng Đức ngồi yên thể hoa sen trong biển lửa » là một hiện thực « vô úy - từ bi » trọn vẹn của con người đã vượt chấp ngã, của « vị Phật đã thành », khởi

đầu bằng sự phát triển chánh kiến chánh niệm, mở rộng trái tim cho tất cả chúng sinh, quên mình cho lý tưởng giác ngộ, chỉ nẻo cho tha nhân lầm đường và cầu nguyện cho chính những người thù nghịch với con người. Ngọn lửa Thích Quảng Đức không phải là một huyền thoại hay một niềm tin mù quáng mà là ngọn lửa của con người, của « mỗi người tự thấp đuốc lên mà đi ».

Đứng đầu thế kỷ hai mươi mốt, vào một thời điểm mà thế giới chưa bao giờ như ngày hôm nay bị phá sản về tinh thần và văn hóa trầm trọng đến từ hai phía : sự hung hăng thô bạo của thể lực vũ lực ngụy tín và sự vô vọng hư vô (nihilist) của cuồng tín tâm linh, nền tảng đạo đức nhân loại đang lung lay sụp đổ dưới chân của mỗi người. Với LỬA TỬ BỊ và TRÁI TIM BỒ TÁT, Việt nam có lý do hơn ai cả để tin tưởng vào sức mạnh vô úy siêu nhiên đầy tình nhân loại của chính con người Việt nam.

Nói điều ấy mà không mang một chút ảo tưởng, nếu mỗi người, nhất là người Phật tử Việt nam không xem câu chuyện Thích Quảng Đức như một hiện tượng đặc biệt duy nhất, chỉ nên được nhớ hay quên như một dữ kiện lịch sử. Tấm gương Bồ Tát Quảng Đức là một minh kính sửa lại cái nhìn sai lệch cho rằng hiện tượng tâm linh tôn giáo là một liều thuốc độc mê ngủ, đồng thời mở ra một chân trời mới cho thấy khả năng tâm linh của con người liên hệ với thực tại siêu việt trong nỗ lực vươn tới tuyệt đối thiện mỹ, mà những tôn giáo độc thần giáo điều thường giao trọn trong tay Thượng đế.



Câu trả lời nằm trong câu hỏi: công án Thích Quảng Đức

Đối với thế hệ trẻ, ngọn lửa Thích Quảng Đức trở nên một vấn nạn, một tiền đề tu chứng khởi đầu hành trình tinh thức cho cả một đời người, một tấm gương khai phá sức mạnh tâm linh siêu nhiên của con người Việt nam.

Vấn nạn ấy anh em sinh viên đã thao thức đặt ra ngay sau ngày Thích Quảng Đức tự thiêu cũng như trong những buổi hội thảo những năm tháng kế tiếp, rồi bị rơi vào quên lãng.

Câu hỏi thường được đặt ra là « Thiêu thân có phải là một sự tự sát và đạo Phật có chấp nhận tự sát hay không ? ». Trả lời câu hỏi ấy mà chẳng trả lời, Thầy Trí Quang đưa ra lời dạy của Đức Phật làm cả bọn chưng hửng « Thân người khó được ! »

Vĩnh Tùng ngay hôm đầu tiên, với tiếng nói sư tử hống hê hê, lại đặt câu hỏi cổ hủ : « Rũa là răng, thưa Thầy ». Phan Chánh Đông, thường khi hay phản bác lại câu « Huế chay » đó bằng một câu khác cũng « Huế rất » không kém « Răng trong miệng a tề ! », hôm ấy bỗng dưng im lặng, đôi mắt ốc bươu cũng bớt long lanh. Cả bọn thanh niên trẻ vốn ưa suy luận, ồn ào đặt vấn đề bỗng thấy đang đứng trước một vách đá, bần khoản : chúng tôi đang vấp vào một nghịch lý mà luật chơi lý luận lý không cho phép. Rõ ràng nếu « thân người khó có » thì phải quý trọng « thân người », có nghĩa là phải « ái », phải « thủ » phải « chấp » lấy « thân » khó có » này, có nghĩa là phải bảo vệ thân xác đến mức toàn thiện tận cùng, phải quý hoá nâng niu nó, không được coi thường coi nhẹ mạng sống của con người ! Từ đó « tự thiêu thân » phải chăng là điều cấm và Thích Quảng Đức đã không tuân lời Phật dạy ?

Vĩnh Kha hạ kính cận xuống, nhìn mà không thấy ai : « thưa Thầy, hình như chưa đủ thông được lời dạy « thân người khó được » với sự tự thiêu » ! Chị Tuyết xen vào : « Thưa Thầy, theo con nghĩ, Đức Phật đã dạy

coi tám thân ngũ uẩn tứ đại là vô thường, thì chuyện tự thiêu chẳng có chi mâu thuẫn ! ». « Nhưng lại mâu thuẫn với thân người khó có ! » Đồng tùm tùm nhắc lại câu hỏi ban sơ.

Đến đó Thầy Trí Quang mới dẫn chứng thêm « trong kinh cũng có nói về đốt thân xác như một hành động tu chứng chế ngự bản thân và nhất là trong trường hợp cần phải cứu độ sinh linh, hành giả có thể tự nguyện hủy thân mình ! » . Chúng tôi thở phào an tâm, đã có lời Phật dạy như thế !

Nhưng trong lòng nổi băn khoăn vẫn chưa dứt. Hình như chúng tôi cũng đang quanh quẩn trong rừng rậm hoài nghi mà một người chưa học Phật thấu đáo thường mắc phải, và những kẻ ngộ nhận Phật giáo thường vội vàng dựa vào đó để đi đến những kết luận xuyên tạc : kết luận Đạo Phật là phi tôn giáo, từ chối bản thể siêu việt và không giải đáp được những câu hỏi siêu hình của con người. Những kết luận này cho thấy sự nông cạn, không thấy được hay không muốn thấy hai bình diện chân lý khác nhau trong lời dạy « tám thân ngũ uẩn » và « thân người khó có » của Đức Phật.

Trong lúc thấy được tính giả hợp của tám thân ngũ uẩn là nhìn đúng bản chất của sự vật trên bình diện khoa học khách quan, thì mặt khác lời dạy « thân người khó được » nhấn mạnh đến giá trị hiếm có của chính thân người trên thế gian, chính giá trị này mang đến ý nghĩa cho sự hiện hữu của con người như là một thực thể có khả năng giác ngộ, giải thoát. Ngay ở điểm này cho thấy, trí tuệ trong cái nhìn khách quan khoa học « tám thân ngũ uẩn » luôn luôn đi đôi với câu hỏi về đạo đức tâm linh « thân khó được » đã làm nên yếu tính tu học của người Phật tử. Hành giả thấy được sự giả hợp của tám thân ngũ uẩn, nhưng không bao giờ vất bỏ tám thân muôn kiếp mới được làm người trên thế gian này!

Phải suốt cả cuộc đời tinh tấn, hành thâm chính kiến ngũ uẩn, tận tâm lực quý trọng nhưng không chấp thủ « thân người khó được » mới hiểu được ý nghĩa hạnh nguyện khẩn thiết « được tự thiêu » của Bồ Tát Quảng Đức. Ý nghĩa này, ngoài lòng từ bi vô lượng, không bắt nguồn từ đâu khác hơn sự thâm nhập và thực chứng lời dạy của Đức Phật về giá trị đạo đức và tâm linh của thực thể con người.

40 năm vẫn nạn Thích Quảng Đức như một công án cho cả đời người. Ngờ đâu câu trả lời đã nằm trong câu hỏi. Thích Quảng Đức là câu trả lời, là gạch nối giữa « thân khó được » trong sự tu luyện thân xác trở nên kim cương bất hoại và « tự thiêu vì chánh pháp cứu độ sinh linh » như một hạnh nguyện từ bi vô lượng vô biên. Nhìn lại Thích Quảng Đức là nhìn lại cả hành trình tu chứng của Phật Giáo Việt nam như một thực chứng giác ngộ giải thoát mà mỗi người Việt nam đang có sẵn trong tâm thức của chính mình !

http://www.lieuquanhue.com.vn/index.php/n_ng_ph_xu_n/3235.html

000))((000

Nhìn lại Cuộc Tranh đấu Phật giáo 1963

Trần Chung Ngọc

Thời gian trôi nhanh như bóng câu qua cửa, thấm thoát đã hơn 40 năm, kể từ mốc thời gian 1963, năm mà chế độ bạo tàn của Phán quan Tây Ban Nha (Spanish inquisitor) Ngô Đình Diệm cáo chung ở miền Nam Việt Nam.

1963: một năm đầy sôi động tại miền Nam Việt Nam với những cuộc biểu tình của mọi tầng lớp dân chúng, những cuộc tự thiêu của Tăng, Ni, Phật tử, phản đối chính sách độc tài gia đình trị, Công giáo trị của chính quyền Ngô Đình Diệm (NDD). Như một con thú điên cuồng sắp đầy chết, chính quyền NDD đã bắt bớ, tra tấn, tù đầy Tăng, Ni, sinh viên, học sinh v.v., đi đến cao điểm là đồng loạt tấn công chùa chiền trên khắp nước ngày 21 tháng 8, 1963, bắt bớ và giết hại hàng ngàn Tăng, Ni, Phật tử. Chủ trương tiêu diệt Phật Giáo để “Công giáo hóa” miền Nam vốn đã in sâu vào tâm thức của những tín đồ Công giáo cuồng tín, tổng hợp của ngu dốt, huênh hoang và hờn hĩnh vô lối, như Ngô Đình Diệm, theo đúng sách lược “cứu cánh biện minh cho phương tiện” của Vatican để “Công giáo hóa toàn cầu”, tưởng rằng làm như vậy thì có thể “vinh danh một anh thợ mộc Do thái ở trên trời”. Cuối cùng, việc phải đến đã đến, ngày 1 tháng 11, 1963, quân đội đã đứng lên lật đổ chế độ bạo tàn của NDD.

Một giai đoạn lịch sử đen tối nhất của miền Nam Việt Nam đã cáo chung. Ngô Đình Diệm và người em ruột Ngô Đình Nhu bị hành quyết ngay trong ngày cách mạng. Sau đó người em út Ngô Đình Cẩn, bạo Chúa ở Huế, cũng bị tòa án cách mạng xử tử hình. Người anh, Giám mục Ngô Đình Thục, ra được ngoại quốc, bị Tòa Thánh tuyệt thông, trước khi chết đã xin “trở lại đạo”, nhưng vẫn chết trong tủ nhục của sự mê tín, vì sự tuyệt thông của Tòa Thánh chẳng qua chỉ là một biện pháp nội bộ để đe dọa những đầu óc tối tăm mù mịt chứ chẳng có ý nghĩa gì trong thời đại văn minh tiến bộ ngày nay [xin đọc linh mục James Kavanaugh về thực chất của “tuyệt thông” (excommunication)]. Người cháu Ngô Đình Lệ Thủy, con của Ngô Đình Nhu, bị tai nạn xe hơi chết ở ngoại quốc. Cổ nhân nói không sai: ở hiền gặp lành, ở ác gặp ác. Luật nhân quả không chừa một ai, không bị quả báo ngay trong kiếp này thì trong kiếp sau. Thiên võng khôi khôi, sơ nhi bất lậu.

Phật Giáo đã tha thứ cho gia đình họ Ngô Đình về những tội ác của họ đối với Phật Giáo và người dân Việt. Vì Phật Giáo nhìn Ngô Đình Diệm như là một con người bị vô minh sai khiến, một sự vô minh trầm trọng bắt nguồn từ ý thức hệ tối tăm dày đặc của Công giáo Rô Ma (Dr. Barnado: the thick darkness of Romanism). Điều mà Phật Giáo muốn dứt bỏ là vô minh chứ không phải là con người bị vô minh sai khiến. Giáo lý Phật Giáo khẳng định: một niệm sân hận nổi dậy có thể thiêu đốt cả rừng công đức. Bài viết này cũng không do động cơ thù hận thúc đẩy, mà chỉ có mục đích ôn lại chuyện cũ để biết chuyện mới, hay nói cho đúng hơn, để cảnh giác chuyện lịch sử rất có thể tái diễn nếu chúng ta lơ là, phó mặc mọi sự cho cuộc đời trôi chảy, để cho Công giáo lộng hành, tự tung tự tác trong sách lược Cải Đạo Á Châu, theo lệnh của Giáo hoàng John Paul II trong bản “*Tông Huấn Giáo Hội Tại Á Châu*” (Ecclesia in Asia), tung ra cuối năm 1999.

Hàng năm, vào dịp 1/11, tại một số ốc đảo Công Giáo Việt Nam ở hải ngoại, cái gọi là “*Phong Trào Phục Hồi Tinh Thần Ngô Đình Diệm*” lại tổ chức tưởng niệm Ngô Đình Diệm và đưa ra những luận cứ hoang đường, hoàn toàn sai sự thực lịch sử để tôn vinh NDD như là một nhà yêu nước chống Cộng, còn cụ thì không “mất nước” (sic) v.v... Họ không buồn quan tâm đến câu hỏi then chốt: Tại sao cụ lại không còn, trong khi cụ vẫn tin rằng có “ơn trên” (sic) phù hộ? Tác giả Trần Văn Kha cũng đã đưa ra câu hỏi: “*Nhà Ngô đã có nhiều công mở mang nước Chúa. Thế mà lại không được “ơn trên” phù hộ, vẫn bị bắn chết! Tại sao?*” Câu trả lời là: Thực tế đã chứng tỏ chẳng làm quái gì có cái gọi là “ơn trên”, và “cụ không còn” chính là luật nhân quả: ác giả ác báo.

Tại sao một người như NĐD mà vẫn còn được tôn vinh? Họ tôn vinh NĐD không phải vì ông Diệm là người có tài, có đức, mà chỉ vì ông ta là người Công Giáo, được Tòa Thánh và Mỹ đưa về để làm một lá bài chống Cộng cho Mỹ và cho Vatican, đi kèm với âm mưu Công giáo hóa Việt Nam, hay ít ra là miền Nam Việt Nam. Điều này không lấy gì làm lạ vì hành động tôn vinh NĐD cũng chẳng khác gì những việc mà họ đã làm trước đây và tiếp tục làm bất kể đến liêm sỉ và lương thiện trí thức: tôn vinh những tên Việt Gian như Pétrus Ký, Nguyễn Trường Tộ, Trần Lục, Nguyễn Bá Tòng, Lê Hữu Từ v.v... chỉ vì những người có danh này, dù là danh xấu vạn niên đối với tuyệt đại đa số người dân Việt Nam, đều là người Công giáo. Nhưng có điều họ không ý thức được rằng, phục hồi tinh thần Ngô Đình Diệm có nghĩa là phục hồi tinh thần “tam đại Việt gian” của dòng họ Ngô Đình, như giáo sư sử học Nguyễn Mạnh Quang đã chứng minh rõ ràng trong cuốn *Việt Nam Đệ Nhất Cộng Hòa Toàn Thư, Tập I*.



Tại sao những người Công Giáo, trong thời buổi này, mà vẫn còn tiếp tục làm những công việc bất lương trí thức như vậy. Vì họ có một mặc cảm tôn giáo. Từ xưa tới nay, họ được giáo hội dạy rằng, sau khi rửa tội họ đương nhiên thuộc một “hội thánh”, đạo của họ là một tôn giáo thiên khai, thánh thiện, người Công Giáo đương nhiên phải là những người thánh thiện, và các vị chăn chiên, từ giáo hoàng trở xuống tới các linh mục đều là những người thay Chúa có thể ban phúc lành cho họ hay cầm giữ họ không cho họ lên thiên đường sau khi chết. Những niềm tin thuộc loại mê tín, phi lý, lỗi thời này đã được cấy vào đầu óc họ từ khi họ còn nhỏ, chưa đủ trình độ và khả năng suy nghĩ để phân biệt phải trái trắng đen. Cho nên, khi lớn lên, họ không có cách nào dứt bỏ được những niềm tin này, nhất là khi họ thuộc lớp người nghiện đạo, có đầu óc khuyết tật, không chịu tìm hiểu về ngay chính tôn giáo của mình.

Nhưng ngày nay, trước những sự thật về lịch sử tàn bạo của giáo hội, về bản chất dối trá của giáo hội, và nhất là trước những sự thật xã hội liên quan đến vấn đề đạo đức của giới chăn chiên, từ giáo hoàng trở xuống tới các linh mục, càng ngày càng được phanh phui phơi bày, họ không đủ can đảm để đối diện với sự thật, do đó cố tìm cách tự vệ và bảo vệ đức tin của mình, bất kể là những hành động tự vệ hay bảo vệ này là những hành động bất chính, bất lương trí thức.

Trong bài “*Tàn Mạn Chung Quanh Cuốn “Linh Mục Trần Lục: Thực Chất Con Người Và Sự Nghiệp của Bùi Kha và Trần Chung Ngọc”*”, đăng trong *Giao Điểm* số 35, tác giả Nguyễn Ngọc Quý ở Paris đã đưa ra một nhận định rất chính xác:

“...Kết hợp người “nâng”, cách “nâng”, và đối tượng được “nâng” lại với nhau trong một phương trình, tôi giật mình tìm ra được đáp án cho hiện tượng quái đản; Cứ người Công giáo làm thì Công giáo Việt Nam phải nhắm mắt mà khen. Bất chấp chuyện làm có xấu mấy đi chăng nữa. Họ không lý đến sự thật, và cũng chẳng cần đắn đo xem có xúc phạm đến dân tộc hay không. Tình cảm tôn giáo của người Công giáo Việt Nam mạnh hơn liên đới của họ với đất nước Việt Nam, và áp đảo hẳn một chút lương thiện trí thức nào đó còn sót lại của tinh thần đại học mà họ đã tiếp thu. Họ chỉ có một tiêu chuẩn để đánh giá: Có lợi hay có hại cho Công giáo? Cho nên, để có lợi cho Công giáo, họ đã lạy Trần Lục thì làm sao mà thờ Đình Công Tráng và Phan Đình Phùng được, vì có điều này thì không thể có điều kia”

Rồi tác giả tự hỏi:

“... Tôi vẫn thắc mắc tự hỏi không biết các “bộ óc chiến lược” của người Công Giáo ở đâu mà không thấy rằng càng nguy hiểm bào chữa thì tội bán nước của Giáo hội càng bị phát hiện nhiều thêm, càng tỏ son trét phấn cho cái gọi là “tinh thần Ngô Đình Diệm” thì chân tướng phi dân tộc của tinh thần đó càng bị phát lộ.”

Tôi cho rằng không phải là những “bộ óc chiến lược” của người Công Giáo không thấy vấn đề này, nhưng đó là sách lược cố hữu của giáo hội, một sách lược đã ăn sâu vào xương tủy của người Công Giáo, và vì với một tâm cảnh nô lệ, được dạy phải “quên mình trong vâng phục”, cho nên họ khó mà có thể làm khác được. Ở đây, lương tâm trí thức không phải là vấn đề đối với họ, vấn đề chính là phải theo đường lối của giáo hội: “Cứ người Công Giáo làm, bất kể người đó là Ta, là Tây hay Tàu, thì Công Giáo Việt Nam phải nhắm mắt mà ca tụng.”, dù nhiều khi những sự ca tụng vô căn cứ của họ đã trở thành khôi hài, lố bịch, làm trò cười cho thiên hạ. Họ tin rằng, chỉ có như vậy họ mới hi vọng lên được thiên đường, sống cuộc sống đời đời với một người Do Thái đã cùng hai tên ăn trộm bị đóng đinh trên thập giá, chết và táng xác cách đây 2000 năm. Đó là cái vòng kim cô đã xiết chặt trên đầu những người Công Giáo trong nhiều thế kỷ.

Phật Giáo đã từng là nạn nhân của sự áp bức và bạo hành của Công giáo, dựa thế thực dân Pháp, kể từ khi Pháp xâm chiếm nước ta. Nhà Thờ Lớn Hà Nội, Nhà Thờ Đức Bà ở Sài-Gòn, nhà thờ La Vang ở Quảng Trị v.v.. đều được xây trên đất cưỡng chiếm, nói nôm na là ăn cướp, của Chùa. Nhưng chưa bao giờ sự bạo hành đối với Phật Giáo lại lên đến mức độ như trong 9 năm cầm quyền của Ngô Đình Diệm. Dung túng cho các Linh mục lộng hành, cưỡng chiếm bất động sản, cưỡng ép cải đạo, giết người ngoại đạo, tấn công phá hủy chùa chiền, bạo hành giết chóc sư sãi, Phật tử v.v.. Đó là những vết nhơ không bao giờ có thể rửa sạch trên khuôn mặt của chính quyền Công giáo Ngô Đình Diệm.

Người Phật tử biết ít nhiều về đạo Phật đôi khi cũng phải để tâm suy nghĩ: Cuộc tranh đấu của Phật Giáo cách đây 40 năm ở miền Nam Việt Nam đúng hay sai? Bản chất cuộc tranh đấu đó như thế nào, và bắt nguồn từ đâu? Đã có nhiều tài liệu viết về vấn đề này, và gần đây nhất, cuốn sách dày hơn 500 trang: *“Vietnamese Engaged Buddhism – The Struggle Movement of 1963-1966”*, tạm dịch là “Phật Giáo Việt Nam Dấn Thân – Phong Trào Tranh Đấu 1963-1966”, của Quán Như Phạm Văn Minh, Văn Nghệ xuất bản, CA., 2002, có thể nói là cuốn sách đầy đủ nhất và chính xác nhất trong việc giải đáp những vấn đề trên. Ở đây, tôi chỉ quan tâm đến một khía cạnh của phong trào tranh đấu Phật Giáo xuyên qua chính sách cai trị của chính quyền Ngô Đình Diệm.

Để tránh việc độc giả có thể quy kết là những tài liệu trích dẫn thuộc loại thân Cộng Sản hay thân Quốc Gia, tôi sẽ không trích dẫn tài liệu của những tác giả Việt Nam thuộc hai phía Quốc, Cộng. Điều này không có nghĩa là trong những tài liệu đó không có những chi tiết đúng. Việc trích dẫn những tài liệu ngoại quốc không có nghĩa là vọng ngoại, hay tất nhiên những tài liệu đó phải là đúng. Nhưng tôi tin rằng, những người ngoại quốc viết về Việt Nam như các ký giả, giáo sư đại học, chính khách, nhà phân tích chính trị, quân sự, xã hội v.v.., trước và sau 1975, trong thế giới Tây phương, rất có thể có thiên kiến trong việc diễn giải sự kiện, nhưng không thể sai lầm trong chính tự thân các sự kiện. Lương tâm nghề nghiệp, chỗ đứng trong xã hội, và tiêu chuẩn trí thức trong những xã hội Tây phương không cho phép họ gian dối, bịa đặt ra bất cứ một sự kiện nào. Họ có thể có khuynh hướng thân Cộng hay thân Quốc Gia nhưng không thuộc phe nào và không chịu áp lực của bất cứ thế lực nào, cho nên họ không có nhiệm vụ phải tuyên truyền sai sự thực để ủng hộ bên nào. Do đó, phối hợp những tài liệu của nhiều tác giả khác nhau về cùng một chủ đề, nếu chúng ta thấy có những điểm tương đồng thì chúng ta phải tin tưởng rằng những điểm đó không khác với sự thực là bao nhiêu.

Sau đây tôi sẽ trích dẫn một số nhận định về con người Ngô Đình Diệm và chính quyền Ngô Đình Diệm của một số tác giả ngoại quốc có tên tuổi. Qua những trích dẫn này, tôi hi vọng độc giả có thể nhìn thấy ý

nghĩa đích thực của phong trào tranh đấu Phật Giáo 40 năm trước đây và không còn bị lừa dối bởi những luận điệu quái gở như Phật Giáo thân Cộng, Phật Giáo làm “mất nước” (sic) v.v.. của một tập thể tôn giáo đã nổi tiếng là “**đã phi dân tộc thì thể nào cũng phản dân tộc.**”

1. ***"Vietnam: Crisis of Conscience"*** của Robert McAfee Brown, Abraham J. Heschel & Michael Novak, Associated Press, New York 1967, p. 30:

Ký giả người Úc Denis Warner viết “Trong nhiều năm, cái chế độ bạo ngược chuyên chế mà Tây phương đồng minh với ở Saigon (chế độ Ngô Đình Diệm) thì còn tệ hơn là cái chế độ mà Tây phương đang chiến đấu để chống (chế độ CS)”. Diệm và gia đình ông ta đã giết hoặc lưu đày tất cả những thể đối lập. “Diệm đã mất đi sự tin cậy và trung thành của dân chúng” như Bộ Trưởng McNamara đã nhận định ngày 26 tháng 3, 1964.

(The Australian writer Denis Warner wrote that "the tyranny the West allied with in Saigon was in many years worse than the tyranny it was fighting against." Diem and his family had murdered or exiled all potential opposition. Diem had "lost the confidence and loyalty of his people," as Secretary McNamara put it on March 26, 1964.)

2. ***"Fire In The Lake"*** của Frances Fitzgerald (Winner of the Pulitzer Prize, Winner of the National Book Award, Winner of the Bancroft Prize For History), Vintage Books, New York 1985, pp. 134-139:

Cái chất công giáo của Diệm, không hề mở mắt hẳn đến với những ý tưởng mới, mà chỉ thuyết phục hẳn là cai trị bằng nghi lễ và huấn thị đạo đức là có thể thành công, mà nó có vẻ như vậy trong các làng mạc ở miền Bắc và Trung sống trong cái vỏ bằng sắt và điều khiển bởi các linh mục.

Cái mà hẳn ta không ý thức được là cái kiểu cai trị thiển cận như vậy của các giáo xứ có thể thực hiện chỉ vì người Pháp đã bảo vệ họ và tổ chức nền hành chánh quốc gia. Do đó, tham vọng của hẳn phục hồi xã hội cổ xưa giống như là của những tên thực dân Pháp, coi mình như cha người ta, đã chống những chương trình cải cách của những giới chức hành chánh nơi thành thị – sự khác biệt là trong khi người Pháp giữ lãnh vực hiện đại cho riêng họ thì Diệm không nhận ra được sự quan trọng của vấn đề hiện đại hóa. Đối với hẳn, thế giới hiện đại là Sài-Gòn, cái thị trấn ký sinh trùng đó đã trở nên béo mập bởi máu của thôn quê và lợi lộc của Tây phương...

Những ký giả như Robert Shaplen đã chỉ trích Diệm như làm cho những nông dân xa lánh vì những biện pháp đàn áp của hẳn.

Một số đông những giới chức và ký giả, kể cả những người có nhiều kinh nghiệm và có khuynh hướng chính trị khác nhau như Douglas Pike, Chester Bowles, và chuyên gia chống nổi loạn người Anh, Robert Thompson, đều coi Diệm như là kẻ thù của chương trình chống Cộng.

Trong tất cả những năm cầm quyền, Ngô Đình Diệm chỉ có một đồng minh ở thôn quê, đó là những người Công giáo, đặc biệt nhất là những người di cư từ ngoài Bắc vào. Ngay từ đầu, Diệm dùng trong bộ máy hành chánh phần lớn là những người Công giáo, và thiên vị các làng Công giáo đối với phần còn lại của quốc gia. Những giới chức của Diệm, làm việc chặt chẽ với các linh mục, đem phần lớn viện trợ Mỹ cho các làng Công giáo, và phần lớn những nông sản. Chúng cho những người Công giáo quyền khai thác lâm sản và độc quyền sản xuất loại hàng hóa nông sản mới do các kỹ thuật gia Mỹ đưa vào giúp. “Theo đạo có gạo mà ăn” là một câu tục ngữ khi xưa của người Việt Nam dưới thời Pháp thuộc. Dưới thời Diệm người dân Việt đã phải theo cái lệnh này. Đặc biệt ở miền Trung, hàng ngàn người, trong vài trường hợp hầu như toàn thể khu định cư, theo đạo để tránh những dịch vụ cưỡng ép của chính phủ, hoặc để tránh biện pháp tái định cư trong vài vùng rừng rú hay sinh lầy gian khổ – để giúp những người Công giáo lân cận. Nuôi người Công giáo trong sự tổn hại của phần còn lại của dân chúng, lẽ dĩ nhiên, là một chính sách thiển cận, nhưng Diệm không thấy một đường lối nào khác, và Mỹ cũng không đề nghị cho Diệm một đường lối nào khác.

(Diem's Catholicism, far from opening him up to new ideas, only persuaded him that government by ritual and moral instruction could work, as indeed it seemed to in the ironclad, priest-ridden villages of the north and center.

What he did not realize was that such parochial governments could operate merely because the French protected them and organized the administration of the country. His ambition to restore the old society therefore resembled that of the paternalistic French colons who had opposed the reformist programs of the metropolitan administrators - the difference being that while the French wished to keep the modern sector for themselves, Diem did not recognize its importance. For him, the modern world was Saigon, that parasite city that fattened from the blood of the countryside and the lucre of the West.

...Journalists, such as Robert Shaplen, criticized Diem for alienating the peasants by his oppressive measures.

..A host of officials and journalists, including such experienced and politically diverse men as Douglas Pike, Chester Bowles, and the British counterinsurgency expert, Sir Robert Thompson saw Diem as the enemy of the anti-Communist project.

...In all the years of his reign Ngo Dinh Diem found only one ally in the countryside, and that was the Catholics, most particularly the northern refugees. From the beginning he staffed his administration heavily with Catholics and favored the Catholic villages over all the rest. The Diemist officials, working closely with the priests, saw to it that the Catholic villages took the bulk of US relief aid, the bulk of agricultural credit.

They gave the Catholics the right to take lumber from the national reserves and monopoly rights over the production of the new cash crops introduced by the American aid technicians. "Turn Catholic and have rice to eat", went the old Vietnamese saying under the French regime. Under Diem the South Vietnamese continued to follow the injunction. In Central Vietnam particularly, thousands of people, in some cases virtually whole settlements, turned Catholics so as to escape the government corvées or to avoid resettlement - for the benefit of their Catholic neighbors - into some hardship zone of jungle and swamp. To feed the Catholics at the expense of the rest of the population was, of course, a shortsighted policy, but Diem saw no alternative, and the Americans offered him none.)

3. "Background to Vietnam" của Bernard Newman. Signet Books, New York 1965, p. 117:

Bất kể hiến pháp viết như thế nào, Diệm cai trị như là một nhà độc tài. Triết lý chính trị của ông ta dẫn xuất từ một nhóm Công giáo Pháp, những người đã đặt ra thuyết Nhân Vị. Thuyết này nhấn mạnh đến nhân cách để chống với quan niệm đưa quần chúng vào kỷ luật của Cộng Sản. (Thực ra, đây chỉ là một chiêu bài chống Cộng vì trong cấu trúc toàn trị của Công Giáo thì tín đồ chỉ có quyền vâng phục các bề trên, do đó làm gì có Nhân Vị. TCN). Chi tiết về thuyết này phức tạp, khó hiểu đối với mọi người trừ một triết gia. Một chuyên gia Mỹ được mời đến để cố vấn cho hệ thống thuế má địa phương mô tả thuyết Nhân Vị như là "một pha trộn lộn xộn của những sắc lệnh của giáo hoàng và kinh tế mẫu giáo, tổ hợp với một sự nghi ngờ những tư nhân thương gia, một sự e ngại đầu tư ngoại quốc, và một quan niệm là không thể thành đạt được gì nhiều ở Việt Nam nếu không có sự kiểm soát của chính phủ."

Trên thực tế chính phủ đây là chính phủ Diệm.

...Ngày tháng qua, cách cai trị của Diệm càng ngày càng trở nên không thể chịu được, và tới năm 1963 hẳn là một nhà độc tài hoàn toàn, chỉ nghe những thân nhân trong gia đình. Hẳn hoàn toàn xa lạ với quần chúng. Người ta phản nản là hẳn đã trao những chức vụ tốt nhất cho người Công giáo: nhưng những người Công giáo là "người ngoại quốc" – những người di cư từ ngoài Bắc vào. Sự bất mãn đưa đến phong trào chính trị của Phật Giáo."

(Whatever the constitution might say, Diem ruled as a virtual dictator. His political philosophy was derived from a group of French Catholics, who formulated a doctrine known as Personalism. It emphasises human

dignity as opposed to the Communist concept of disciplined masses. Its detail is complicated, and difficult of comprehension to all but a philosopher. An

American expert who was called in to advise on the local system of taxation described Personalism as "a confused mélange of papal encyclicals and kindergarten economics, combined with a suspicion of private businessmen, a fear of foreign capital, and an attitude that little could be accomplished in Vietnam without direct government control."

In practice, it meant government by Diem.

...With the passing months Diem's attitude became more intolerable, and by 1963 he was the complete dictator, seeking advice only from his immediate relatives. He was completely aloof from the common people. It was complained that he gave all the best posts and showed all the favor to Catholics: but the Catholics were "foreigners" - refugees from the North Vietnam. The resentment brought about the rise of a Buddhist political movement.)

4. "Backfire: Vietnam - The Myths That Made Us Fight, the Illusions That Help Us Lose, The Legacy That Haunts Us Today" của Loren Baritz, Ballantine Books, New York 1985, pp. 83-85:

Công giáo Việt Nam phát triển do chính sách kỳ thị Phật Giáo một cách có hệ thống của Ngô Đình Diệm. Người Công giáo được dùng trong các dịch vụ dân sự, trong khi những người Công giáo sống trong những làng mạc thường không bắt buộc phải làm những công việc nặng nhọc làm đường xá và những việc công cộng. Không giống như những Chùa Phật Giáo, nhà thờ Công giáo được đặc quyền sở hữu tài sản đất đai, cũng như trong thời Pháp thuộc. Với thời gian, sự kỳ thị đối với tuyệt đại đa số dân chúng này đưa đến những phản đối chính trị chống Diệm của những nhà sư Phật Giáo.

...Diệm làm cho người Mỹ khó chịu không chỉ vì đường lối cai trị của hắn. Hắn thích thú trong việc đàn áp những đối lập chính trị mà hắn đã bắt giữ lên tới 40000 người. Đầu năm 1959, Diệm hợp thức hóa sự tàn bạo của mình bằng sự thiết lập những tòa án quân sự để xử những đối lập chính trị và xử tử hình trong vòng ba ngày. Những tòa án này bắt giữ, điều tra, và tuyên án những kẻ phạm tội.

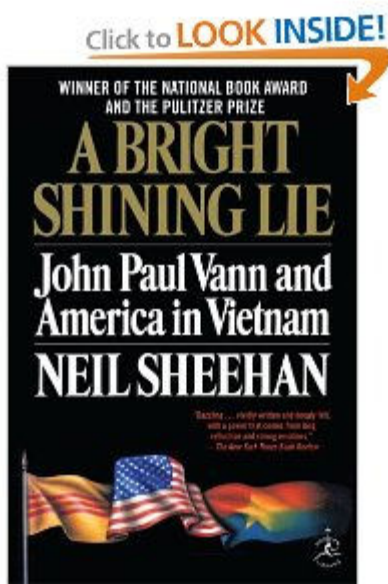
Diệm hăng say đóng cửa những nhà báo không ủng hộ hắn. Tệ hơn cả, hắn dẹp bỏ cấp lãnh đạo trong các làng mạc và thay thế họ bằng những người của Diệm. Hắn đã trở thành một nhà độc tài.

(The Catholic Vietnamese thrived under Diem's systematic discrimination against the Buddhists. The Catholics were preferred in the civil service, while those who lived in the villages were not always required to do the hard labor of building roads and other public works. The Catholic Church, unlike the Buddhist Pagodas, had special rights to acquire and own property, as had been the case under the French. In time, this discrimination against the vast majority of the country would lead to politically lethal protests against Diem by the Buddhist bonzes.

...Diem annoyed Americans not only because his personal way of doing things. He was an enthusiast when it came to repressing his political opponents, of whom he arrested upwards of 40,000. In early 1959, Diem legalized his brutality by creating special military courts to try political opponents and to pass sentences of death in no more than three days. These courts made the arrests, conducted the inquiries, and sentenced the guilty.

...Diem closed newspapers that did not support him with the requisite fervor. Worst of all, he destroyed the leadership in the villages and replaced it with his own appointees. He had become a dictator.)

5. "A Bright Shining Lie" của Neil Sheehan, Vintage Books, New York 1989, p. 143:



Lansdale để cho những tiên kiến của mình đưa tới những giả định sai lầm... Lansdale nghĩ rằng những người Công giáo di cư từ miền Bắc là những người yêu nước đã “chiến đấu giành lại sự tự do của đất nước từ người Pháp”. Hắn không nhìn thấy sự sai lầm nào trong vấn đề Mỹ chỉ tin cậy vào sự trợ giúp đặc biệt của người Công Giáo. Hắn không nhìn thấy vấn đề có một người Công Giáo làm tổng thống của cái mà hắn quan niệm là “Việt Nam Tự Do” là không thích hợp.

Công giáo Rô Ma là một thiểu số có nhiều tỳ vết ở Việt Nam. Lansdale lo việc phân biệt giữa người Mỹ và những tên “thực dân” Pháp. Điều hắn làm là đưa ra sự phân biệt tuy chẳng có gì khác nhau.. Chỉ dựa vào người Công giáo giúp đỡ, và bằng cách đặt một người Công Giáo lên cầm quyền ở Saigon, hắn ta đã chứng tỏ là Mỹ đã nhảy vào thay thế người Pháp. Những người Việt Nam theo đạo Công giáo đã được người Pháp sử dụng như là một đạo quân thứ 5 để xâm nhập Việt Nam trước thời thuộc địa và những người Công Giáo đã được Pháp tưởng thưởng cho sự hợp tác của họ với những tên thực dân Pháp. Người Công Giáo thường bị coi như là thuộc một tôn giáo “ngoại lai”, “không phải là Việt Nam”. Với sự ra đi của người Pháp, hiển nhiên là người Công Giáo phải tìm một một ngoại bang khác để bảo vệ họ. Họ nói với Lansdale những gì mà họ cho rằng Landale muốn nghe...

..Trong sự hướng dẫn Diệm của Lansdale đến thành công bằng cách diệt các giáo phái dựa trên lý thuyết Diệm là Magsaysay để lập một chính phủ tập trung quyền lực mới, không bao giờ Lansdale lại nghĩ rằng Diệm bắt đầu chính sách cai trị của mình bằng cách loại bỏ những người chống Cộng hữu hiệu nhất ở miền Nam.

Dòng họ Ngô Đình tiến tới sự áp đặt trên miền Nam Việt Nam cái tôn giáo Công giáo ngoại lai của họ, đảng Công giáo bảo thủ từ ngoài Bắc vào và từ vùng quê hương của họ ở miền Trung. Diệm và gia đình bổ nhiệm những sĩ quan chỉ huy đơn vị, những nhân viên hành chánh và cảnh sát bằng những người Công giáo, từ miền Bắc và từ miền Trung, quê hương của Diệm. Diệm và gia đình hắn bổ nhiệm những người Công giáo vào cấp chỉ huy quân đoàn, hành chánh và cảnh sát. Nông dân ở miền đồng bằng sông Cửu Long thấy mình bị cai trị bởi những tinh trưởng, hạt trưởng, bởi những viên chức hành chánh ngoại lai và thường là cao ngạo và tham nhũng...

(Lansdale let his preconceptions lead him to false assumptions...Lansdale thought the Catholic refugees from the North were Vietnamese patriots who had "fought for their country's freedom from the French"..He saw nothing wrong with the US singling out these Catholics for special assistance. He saw nothing inappropriate about having a Catholic as president of what he perceived to be a "Free Vietnam"

Roman Catholics were a tainted minority in Vietnam. Lansdale was anxious to draw a distinction between Americans and French "colonialists." What he did was to make the distinction one without a difference...By singling out the Catholics for help, and by putting a Catholic in office in Saigon, he announced that the US was stepping in to replace the French. Vietnamese converts to Catholicism had been used by the French as a fifth column to penetrate precolonial Vietnam and then had been rewarded by the colonizer for their collaboration. They were popularly regarded as a foreign-inspired, "un-Vietnamese" religious sect. With the French leaving, the Catholics were naturally seeking another foreign protector. They told Lansdale what they sensed he wanted to hear.

...As Lansdale guided Diem to success in crushing the sects on the theory that Diem was the Magsaysay to form a new and central government, it would never have occurred to Lansdale that Diem was beginning his rule by eliminating the most effective OPPONENTS of the Communists in the South.

...The Ngo Dinh's proceeded to impose on South Vietnam what amounted to their own alien sect of Catholics, Northern Tories, and Central Vietnamese from their home region. Diem and his family filled the officer corps of the army and the civil administration and the police with Catholics, Northerners, and Central Vietnamese they trusted. The peasants of the Mekong delta found themselves being governed by province and district chiefs, and by civil servants on the province and district administrative staffs, who were outsiders and usually haughty and corrupt men.)



Lính Mỹ sa lầy tại chiến trường Việt Nam, Link:

http://tintuc.xalo.vn/001640560616/Nhung_dieu_chua_biet_ve_Chuong_trinh_437_cua_My.html

6. *"American in Vietnam"* của Dr. John Guilmartin, United Press International/Bettmann, England 1991, p.69:

Những ảnh hưởng đối nghịch của sự thiếu khả năng và tính toán sai lầm của Diệm không chỉ chấm dứt ở sự thất bại về quân sự chống Việt Cộng. Nghi ngờ tất cả những người không có cùng đức tin Công giáo của mình, và hoan hỉ với sự thành công trong việc dẹp bỏ các giáo phái Cao Đài và Hòa Hảo, họ khởi sự chiến dịch chống Phật Giáo.

(The adverse effects of the Diem's ineptitude and miscalculation did not end with military failure against the Viet Cong. Suspicious of all who did not share their Catholic faith, and having enjoyed success in suppressing the Hoa Hao and Cao Dai, they embarked on an anti-Buddhist campaign.)

7. *"Vietnam: The Valor and the Sorrow"* của Thomas D. Boettcher, Little Brown & Company, Boston 1985, p.150:

"Trong 10 đô la viện trợ thì 8 được dùng cho nội an chứ không dùng cho công tác chiến đấu chống du kích Cộng sản hay cải cách ruộng đất. Diệm lo lắng về những cuộc đảo chánh hơn là Cộng sản.

...Như là hậu quả của những biện pháp đàn áp càng ngày càng gia tăng, sự bất mãn của quần chúng đối với Diệm cũng càng ngày càng tăng, bất kể là toan tính của Diệm dập tắt sự bất mãn này trong mọi cơ hội. Hàng triệu nông dân ở những vùng quê trở thành xa lạ đối với Diệm. Không lạ gì, hoạt động của Cộng sản gia tăng cùng với sự bất mãn của quần chúng. Và những biện pháp đàn áp của Diệm cũng gia tăng theo cùng nhịp độ. Nhiều ngàn người bị nhốt vào tù.

Cho tới năm 1960, điều khác biệt duy nhất giữa hai chính quyền Ngô Đình Diệm và Hồ Chí Minh là ở những lá cờ của họ."

(Eight of ten American aid dollars went for internal security, not to fight Communist guerrillas or implement reforms such as land redistribution. Diem was more worried about coups than Communists.

..As a consequence of his increasingly repressive internal measures, popular discontent with Diem gradually intensified, despite his attempt to squelch it at every opportunity. The millions of peasants in the countryside became estranged from him.. Not surprisingly, Communist activity intensified as discontent increased. And Diem's repressive measures increased accordingly. Thousands were put in jail.

By 1960, the only difference between the governments of Ngo Dinh Diem and Ho Chi Minh was their flags.)

8. *"The Indochine Story"* của the Committee of Concerned Asian Scholars, A Bantam Book, New York 1970, pp. 32 & 34:

"Một nhân vật Mỹ ủng hộ Diệm lúc đầu kết luận: Lạm dụng quyền lực, độc tài, tham nhũng, coi thường cấp dưới, và không đếm xỉa gì đến nhu cầu của dân chúng một cách ác độc, đó là tám gương mà gia đình họ Ngô để cho những bộ trưởng, nhà lập pháp, tướng lãnh, tỉnh trưởng, trưởng làng mà họ Ngô dùng như những quân cờ noi theo.

Đàng sau gia đình nhà Ngô là Mỹ. Ở dưới gia đình này chẳng có gì mấy. Gia đình này đã trải cái bóng của họ trên xã hội Việt Nam; tuy nhiên cái rễ của họ thật sự chỉ cắm nông vào đất Việt. Điều này định trước những phương pháp Diệm dùng để kiểm soát đất nước... Chỉ có một đường lối: đàn áp và củng cố quyền lực trong tay những anh em và thuộc hạ của Diệm.. Săn lùng toàn diện những người bất mãn được tổ chức ở thôn quê năm 1956, và tăng gia cường độ khi tình hình suy kém.

75000 người hay hơn nữa bị giết trong chiến dịch này. Còn nhiều người hơn nữa bị tổng giam bởi sắc lệnh số 6 của tổng thống, ký trong tháng 1, 1956. Sắc lệnh nói: "Những cá nhân coi là nguy hiểm cho quốc phòng và an ninh chung có thể bị bắt giam trong những trại tập trung do lệnh của cơ quan hành pháp. Tình trạng trong những trại tập trung của Diệm, chỉ bị phanh phui sau khi Diệm đổ, thật sự nhor nhóp. Có ý để cho chết đói, cố ý làm cho mù, cố ý hành hạ..., danh sách này thật là dài."

(An early American supporter of Diem concluded: Abuse of power, nepotism, corruption, contempt for inferiors, and cruel disregard of the needs of the people were the example set by the Ngo's "Family" for the ministers, legislators, generals, province chiefs, and village commissioners whom they used as pawns.

Behind the family stood the US. Below it stood very little at all. It threw its shadow over all Vietnamese society; yet its roots penetrated shallowly indeed into Vietnamese soil. This predetermined the methods by which Diem could extend his control over the country...Only one way was open: repression and further consolidation of power in the hands of his brothers and their followers...Full scale manhunts against dissidents were organized on the rural areas in 1956, and increased in later years as the situation deteriorated.

75,000 or more people were killed in this campaign. As many or more were incarcerated under Presidential Ordinance No. 6, signed in January 1956 "Individuals considered dangerous to national defense and commun security," it said, could be confined by executive order in a "concentration camp." Conditions in Diem's "reeducation centers," brought to light only after his overthrow in 1963, were sordid indeed. Deliberate starvation, deliberate blinding, deliberate maiming. The list is long."

9. *"The Story of Vietnam"* của Hal Dareff, An Avon Camelot Book, New York 1966, p. 108:

"Nay Diệm đã thắng mọi kẻ thù, anh em nhà Diệm muốn chắc rằng không ai có thể bứng họ đi. Ở ngoài mặt, Nam Việt Nam là một thể chế Cộng Hòa với một hiến pháp mới toanh hứa hẹn tự do và dân chủ cho quần chúng. Tuy nhiên, thực tế thì lại trái ngược hẳn... Như là cánh tay phải của Diệm.. Hắn tổ chức gian lận bầu cử, đưa vào quốc hội những tay sai của hắn, và sai bọn Cần Lao đi rình mò khắp nước để kiếm những người chống đối hắn.

Chế độ Diệm bắt đầu thoái trào vào đầu năm 1963. Tổng thống cai trị dân trong dinh thự của mình như là một thể chế quân chủ, cắt lìa khỏi quần chúng. Sự thù ghét Diệm và gia đình hắn gia tăng đến độ người ta có thể cảm thấy đầy trong bầu không khí ở Saigon. Tin đồn về đảo chánh loan truyền trong thành phố hầu như hàng ngày. Trong những hoàn cảnh như vậy, Diệm chỉ lo bám chặt vào quyền lực. Cuộc chiến (chống Cộng) trở thành thứ yếu. Sĩ quan được thăng cấp nếu giữ được mức tổn thất thấp. Chỉ có một cách chắc chắn giữ được như vậy – không tác chiến. Không tác chiến đã trở thành một cách sống đối với một số cấp chỉ huy và là cách duy trì địa vị.

...Cuộc tranh chấp giữa Diệm và các Phật tử đã được tích lũy kể từ ngày Diệm lên làm thủ tướng năm 1954. Diệm, một tín đồ Ca Tô, đương nhiên là cảm thấy thoải mái hơn đối với những tín đồ Ca Tô khác. Nhiều chức vụ chỉ huy trong chính quyền và quân đội được trao cho những người Ca Tô, những người này được đặc quyền đặc lợi làm tiền trong những thương vụ của chế độ.

Trong số 15 triệu dân ở miền Nam Việt Nam, hơn 1 triệu một chút là người Ca Tô. Phần còn lại, phần lớn là Phật tử, phần nộ vì chính sách thiên vị người Ca Tô. Sự đối xử khác biệt này còn trắng trợn hơn ở các tỉnh lỵ, nơi đây các linh mục địa phương và các giới chức chính quyền, hầu hết là Ca Tô, có toàn quyền. Khi các áp chiến lược được dựng lên, những người Ca Tô được miễn làm việc và những người phi-CaTô bị đưa vào chỗ thay thế họ để làm những công việc lao dịch. Những vùng đất mới được mở mang và phát triển, người Ca Tô được chọn những miền đất phì nhiêu ở những miền duyên hải có an ninh. Những đất đai dành cho Phật tử ở sâu trong nội địa, ở đây họ phải lao động dưới sự đe dọa của Việt cộng. Nhiều Phật tử theo đạo (không có nghĩa là tin đạo. CTN) để được sống dễ dàng hơn."

(Now that Diem had won out over all his foes, the brothers wished to make sur that no one else would unseat them. On the surface, South Vietnam was a republic with a brand-new constitution promising freedom and democracy to its people. In practice, however, the very opposite was true...Nhu was Diem's right arm...He fixed elections, packed the National Assembly with his henchmen and hirelings, and sent his Can Lao prowling the country in search for dissidents..

Twilight had begun to settle over the regime of Ngo Dinh Diem as the year 1963 began. The president ruled in his palace like a monarch cut off from his people. Hatred of him and his family mounted until the air of Saigon seethed with it. Runors of plots and coups swirled through the city almost daily. In these circumstances, Diem sought only to hold on to his power. The war became secondary. Officers were promoted when they kept the casualty lists down. There was only one sure way to do that - not to fight. Not fighting became a way of life with some commanders and a way of keeping their jobs.

...A showdown between Diem and the Buddhists had been building ever since he became premier in 1954. Diem, a Catholic, naturally felt more at home with other Catholics. Many of the leading posts in the government and army were held by Catholics, who were also privileged when it came to making money out of business deals engineered by the regime.

Of the 15 million people of South VN, a little more than a million were Catholic. The rest, mainly Buddhist, resented the favoritism shown Catholics. The difference in treatment was even more blatant in the provinces where the local priests and government officials, mostly Catholic, too, were all-powerful. When strategic hamlets were built, the Catholic inhabitants were exempted from working and non-Catholics were brought in to labor in their places. When new land was opened for development, Catholics got the pick of the land in the safe coastal regions.

The land given to Buddhists was inland, where they would have to work under the menacing shadow of the Viet Cong. Many Buddhists, seeing where the grass was greener, tried to become Catholics.)

10. "The Two Viet-Nams" của Bernard B. Fall, Frederik A. Praeger Publisher, New York 1967, p. 250:

“Trong số những người lên cầm quyền cùng với Diệm năm 1954-55, KHÔNG MỘT NGƯỜI NÀO còn giữ chức vụ bộ trưởng khi Diệm bị giết năm 1963. Một vài người bị lưu đày ở Pháp hoặc Mỹ, và một vài người rút lui với thái độ trông chờ ở Saigon. Một sự dập theo những phương pháp toàn trị của Cộng sản Cần Lao Nhân Vị Cách Mạng Đảng của Ngô Đình Nhu. Đảng này trở thành một hệ thống quyền lực hoàn toàn giống như của Cộng sản, với những thành viên mật và chỉ biết nhau trong những tổ 5 người, và những “nhóm hành động” có nhiệm vụ dẹp bỏ mau chóng và kín đáo những người đối lập... Như vậy, chế độ Diệm sai lầm trong hai phương diện: Quân đội không bao giờ thực sự hữu hiệu, và các sĩ quan ở quân đoàn thì không trung thành với những ông chủ dân sự và nhấm mắt làm ngơ trước sự thất bại của chế độ.

Trong sự mô tả đảng Cần Lao, John C. Donnell định nghĩa Cần Lao như là “một đảng chính trị mạnh gồm những thành viên thường tin rằng mình thuộc những đảng chính trị khác và nguyền rủa những đảng này.” Nói cách khác, những hoạt động trong hệ thống nội bộ của họ y hệt như của đảng Cộng sản: dò thám bạn bè, xâm nhập đồng minh, và hoạt động như “một quốc gia trong một quốc gia” trong chính guồng máy chính quyền của mình. Nếu không còn cái gì khác, những điều trên có thể làm cho chế độ Nam Việt Nam mang nhãn hiệu một loại “dân chủ của quần chúng” chống-Cộng mà sự khác biệt lớn nhất đối với người anh em song sinh Cộng sản Bắc Việt Nam là thái độ hành trị Ca-Tô và là sở hữu chủ của những đồn điền cao su.”

(Of the men who came to power with Diem in 1954-55, NOT ONE still held a cabinet portfolio when he was murdered in 1963. Some were sent into exile in France or the US, and a few simply retired and maintained a "wait-and-see" attitude in Saigon. Another imitation of Communist totalitarian methods was Ngo Dinh Nhu's Can-Lao Nhan-Vi Cach Mang Dang, which became the perfect hierarchie paralle'le, with its secret membership and five-men cells whose members knew only each other, and "action groups" that could swiftly and quietly do away with bothersome oppositionists...As it was, the Diem regime erred on both counts: Its army never became really proficient, and its officer corps remained disloyal to its civilian masters and connived in their demise.

In his description of the Can Lao, John C. Donnell defined the Can-Lao as a "powerful elite political party whose members are commonly believed to belong to other political parties also and to dominate them." In other words, it did within its own system exactly what a Communist Party would do: It spied on its own friends, infiltrated its own allies, and acted as a "state within a state" in its own government's machinery. If nothing else, this would brand the South Vietnamese regime as a sort of anti-Communist "people's democracy" whose major difference from its Communist North Vietnam TWIN was its attitude toward the practice of Catholicism and the ownership of rubber plantations.)

11. "An Eye For The Dragon" của Dennis Bloodworth; Farrar, Straus & Giroux, New York 1970, p. 209:

“Cho tới năm 1963 mật vụ của Diệm đã bắt giữ hoặc đẩy vào tay những kẻ thù hầu như mọi người quốc gia có tên tuổi đã chiến đấu cho tự do của đất nước trong 20 năm trước. Hắn và gia đình hắn đã đàn áp mọi đối lập, chất đầy nhà tù, bịt miệng báo chí, gian lận bầu cử, và bám vào quyền lực.”

(...By 1963 Diem's secret police had picked up or pushed into the arms of his enemies nearly every prominent nationalist who had fought for the freedom of his country during the previous 20 years. He and his family suppressed all opposition, filled the jails, muzzled the press, rigged the elections, and clung to all power..)

12. "Intervention and Revolution" của Richard J. Barnet, A Meridian Book, New York 1972, pp. 233-235:

“Khuyến cáo rằng “nếu bầu cử được tổ chức ngày nay (1956) thì tuyệt đại đa số dân Việt sẽ bầu cho Cộng sản,” Cherne tuyên bố rằng uy tín của Mỹ ở Á Châu tùy thuộc vào sự ngăn chặn cuộc bầu cử này. Phương pháp giải quyết là củng cố lớp người Ca Tô ở miền Nam Việt Nam, chỉ có những người này mới có lý do thuộc về lý tưởng chống Cộng. Nhà văn Ca Tô người Anh, Graham Greene, đã mô tả việc Mỹ sử dụng giáo hội Ca Tô trong cuộc chiến tranh lạnh ở Việt Nam như sau:

Chính cái ý hệ Ca Tô đã giúp làm cho chế độ của ông Diệm sụp đổ, vì sự sùng tín của ông ta đã bị các cố vấn Hoa Kỳ khai thác cho đến khi giáo hội Ca Tô ở Việt Nam ở trong cơ nguy cùng chung số phận bất thiện cảm của người dân Việt đối với Mỹ... Những khoản tiền to lớn được dùng để tổ chức những cuộc đón tiếp quan khách ngoại quốc và tạo nên ý niệm giáo hội Ca Tô là của Tây phương và là đồng minh của Mỹ trong cuộc chiến tranh lạnh. Trong những trường hợp hiếm hoi mà Diệm đi kinh lý những vùng trước đây bị Việt Minh chiếm, bao giờ cũng có một linh mục ở bên cạnh, và thường là một linh mục Mỹ...

Điều quan tâm chính của chính quyền Diệm là sự an toàn của chính quyền. Chính quyền Diệm sợ rằng cuộc bầu cử dự định tổ chức vào tháng 7, 1956 đưa đến sự thắng lợi của Hồ Chí Minh và chấm dứt quyền lực của những chính trị gia không Cộng sản...

Những ước tính của cơ quan tình báo quốc gia CIA, soạn trong tháng 2, 1957, mô tả chế độ Diệm như sau:

Chế độ Diệm phản ánh ý nghĩ của Diệm. Một bộ mặt chính quyền đại diện cho dân được duy trì, nhưng thực chất chính quyền là độc tài. Quyền lập pháp của quốc hội bị hạn chế gắt gao; quyền tư pháp chưa phát triển và tùy thuộc quyền hành pháp; và những nhân viên trong ngành hành pháp không gì hơn là những tay sai của Diệm. Không có một tổ chức đối lập nào, dù trung thành hay không, được phép thành lập, và mọi chỉ trích chính quyền đều bị đàn áp... Quyền lực và trách nhiệm tập trung nơi Diệm và một nhóm nhỏ gồm có những thân nhân của Diệm, những người quan trọng nhất là Nhu và Cần."

Chế độ độc tài của Diệm, dựa trên một mạng lưới mật vụ, tòa án quân sự, và công chức tham nhũng, tuyên bố không những chiến đấu chống Cộng mà cho tới năm 1957 Cộng sản vẫn chưa có hoạt động gì, mà còn chống bắt cứ nhóm nào không chắc là trung thành với Diệm. Thật vậy, nhiều người không-Cộng-sản vào tù hơn là người Cộng sản.

... Sự chuyên chế của Diệm, sự thiên vị trơ trẽn của hắn đối với những người Ca Tô tị nạn từ ngoài Bắc vào so với phần còn lại của dân chúng, và sự bạo hành của hắn đối với mọi người không đồng quan niệm chính trị với hắn đã tạo nên một sự liên kết chống hắn mà hắn rất sợ."

(Warning that "if the elections were held today the overwhelming majority of Vietnamese would vote Communist," Cherne declared that American prestige in Asia was dependent upon preventing that result. The answer was to strengthen the Catholic faction in South Vietnam, who alone among Vietnamese had ideological reasons to be against the communists. The British Catholic writer Graham Greene has described the American use of the Catholic Church in fighting the Cold War in Vietnam:

It is a Catholicism which has helped to ruin the government of Mr. Diem, for his genuine piety...has been exploited by his American advisors until the Church is in danger of sharing the unpopularity of the US...Great sums are spent on organized demonstration for the visitors, and an impression is given that the Catholic Church is occidental and an ally of the US in the cold war. On the rare occasions when Mr. Diem has visited the areas formerly held by the Viet Minh, there has been a priest at his side, and usually an American one.

...The major interest of the Diem government was its own security. It feared that the elections scheduled for July, 1956, would spell a victory for Ho Chi Minh and the end of power for noncommunist politicians....

The CIA national intelligence estimates prepared in February, 1957, described the Diem regime in these words:

Diem's regime reflects his idea. A facade of representative government is maintained, but the government is in fact essentially authoritarian. The legislative powers of the National Assembly are strictly circumscribed; the judiciary is underdeveloped and subordinate to the executive; and the members of the executive branch are little more than the personal agents of Diem. No organized opposition, loyal or otherwise, is tolerated, and critics of the regime are often repressed...The exercise of power and responsibility is limited to Diem and a very small circle mainly composed of his relatives, the most important being Nhu and Can.

...Diem's dictatorship, supported with a network of informers, military tribunals, and corrupt functionaries, declared war not only on the communists, who until 1957 were quiescent, but also against any group whose personal loyalty was not assured. Indeed, more non-communists than communists ended up in Diem's jails.

...Diem's despotism, his shameless favoring of Catholic refugees from the North over the rest of the population, and his persecution of all political dissidents produced the coalition against him that he dreaded.)

Ngay từ lúc đầu Diệm đã có khuynh hướng toàn trị và gia đình trị mà 8 năm sau dư luận quần chúng lên án chính quyền của hắn.

“Khuynh hướng toàn trị” của Diệm đã đưa đến việc thành lập một đảng chính trị riêng tư, đảng cần Lao, một đảng duy nhất.

Đảng Cần Lao cũng phục vụ hắn như là mật vụ, dập theo khuôn mẫu của Nhật Bản trong Thế Chiến II – mà Diệm đã nghiên cứu kỹ chi tiết.

Như chúng ta đã thấy, đảng này đã giết hại 90000 người và cầm tù 800000 trong đó có nhiều người bị tra tấn.

...Khi Diệm về Việt Nam năm 1954, một người CaTô theo lệnh của một thế lực ngoại quốc về cai trị một nước mà 80% là Phật tử, CIA đã thuê vài trăm người để hoan hô hắn tại bến tàu. Nhưng cả CIA lẫn những giới chức Mỹ ủng hộ Diệm đều không làm sao làm ngược được sự kiện là Diệm không có sự ủng hộ của quần chúng, chính sách đàn áp đẫm máu của Diệm đối với từ các nhà sư Phật giáo và các tín đồ Hòa Hảo, Cao Đài cho tới những nông dân yêu nước, giới tư sản tôn trọng luật pháp, trật tự và một chút công lý, và những tướng lãnh đối thủ – “kéo theo (và đã xảy ra) tất cả những khó khăn vì một con người với nhân cách như vậy.”

(From the very beginning Diem displayed that tendency toward autocracy and family rule for which the mass media would belatedly condemn his administration 8 years later.

Diem's "tendency toward autocracy" led to the formation of a private political party, the Can Lao, which was the only party.

The Can Lao also served as a secret police, modeled after the system the Japanese used in Vietnam during WWII - which Diem had studied in detail.

It also produced, as we have seen, the death of 90,000 opponents and the imprisonment of another 800,000, with many of them tortured...

...When Diem first arrived in Vietnam in 1954, a Catholic coming to rule at the behest of a foreign power in a country whose population was 80% Buddhists, the CIA had hired a crowd of several hundred "welcomers" to greet him at the dock.

But not even the CIA and Diem's more respectable US backers could permanently counteract his lack of an indigenous base, his bloody suppression of all opposition, from Buddhist monks and members of the Hoa Hao and Cao Dai indigenous religions to peasant patriots, bourgeois devotees of law, order and a modicum of justice, and rival generals - "all the difficulties the presence of such a personality would [and did] entail.")

14. "Vietnam: Why Did We Go?" của Avro Manhattan, Chick Publication, California 1984, pp. 56 & 89:

“Tổng thống Ngô Đình Diệm của Nam Việt Nam là một người theo đạo Ca Tô cai trị Nam Việt Nam bằng một bàn tay sắt. Hắn ta thật tình tin rằng Cộng sản là ác và giáo hội Ca Tô là duy nhất. Hắn đã được hồng y Spellman và giáo hoàng Pius XII trông và cái ghế tổng thống. Hắn đã biến cái ngôi vị tổng thống thành một nhà độc tài Ca Tô, tàn nhẫn nghiền nát những đối lập chính trị và tôn giáo. Nhiều nhà sư Phật giáo tự thiêu để phản đối những sự bạo hành tôn giáo của hắn. Sự bạo hành kỳ thị đối với người phi-CaTô, đặc biệt là các Phật tử, đã gây nên sự rối loạn trong chính phủ và trong quân đội thì quân nhân đào ngũ hàng loạt. Điều này đưa đến sự can thiệp quân sự của Mỹ.

Trong chính sách khủng bố này hắn được sự phụ giúp của hai người anh em Ca Tô, người đứng đầu mật vụ (Ngô đình Nhu) và tổng giám mục ở Huế (Ngô đình Thục).

Người ta ghi nhận rằng, và những con số sau đây tuy không được chính quyền chính thức khẳng định nhưng có thể coi là đáng tin cậy, là trong thời gian kinh hoàng từ 1955 đến 1960 – ít nhất là có 24000 người bị thương, 80000 bị hành quyết hay bị ám sát, 275000 người bị cầm tù, thẩm vấn hoặc với tra tấn hoặc không, và khoảng 500000 bị đưa đi các trại tập trung. Đây chỉ là những con số ước tính bảo thủ, khiêm nhường.

Đặt quyền lợi quốc gia ra đằng sau để đẩy mạnh quyền lợi tôn giáo của hắn, kết quả là tên độc tài Diệm đã đưa đất nước xuống vực thẳm.”

(President Ngo Dinh Diem of South Vietnam was a practicing Catholic who ruled South Vietnam with an iron fist. He was a genuine believer in the evil of Communism and the uniqueness of the Catholic Church. He had originally been "planted" into the presidency by Cardinal Spellman and Pope Pius XII. He transformed the presidency into a virtual Catholic dictatorship, ruthlessly crushing his religious and political opponents. Buddhist monks committed suicide by fire, burning themselves alive in protest against his religious persecutions. His discriminatory persecution of non-Catholics, PARTICULARLY BUDDHISTS, caused the disruption of the government and mass desertions in the army. This eventually led to US intervention in South Vietnam.

In this terrorization he was aided by his two Catholic brothers, the Chief of the Secret Police and the Archbishop of Hue.

...It has been reckoned, and the figures although lacking any official confirmation are considered to be concretely reliable, that during this period of terror - that is from 1955 to 1960 - at least 24,000 were wounded, 80,000 people were executed or otherwise murdered, 275,000 had been detained, interrogated with or without torture, and about 500,000 were sent to concentration or detention camps. This is a conservative estimate.

...With the result that by relegating the interest of his country to the background, so as to further the interests of his religion, dictator Diem finally brought his land into the abyss.)

15. **"Nobody Wanted War"** của Ralph K. White, A Doubleday Anchor Book, New York 1970, p. 91:

"Diệm, người em dở điên và vợ hắn (Nhu và vợ), đã làm cho mọi nhóm quan trọng trong nước, kể cả nhóm chống Cộng thực tế nhất, nhóm này đã thấy rõ gia đình Diệm đã hạ thấp và làm yếu đi cuộc tranh đấu chống Cộng, và sau cùng cả những sĩ quan cao cấp trong quân đội, những người mà mọi tên độc tài không được lòng người phải trông cậy vào họ để sống còn, xa lìa.

Theo Malcolm Browne, chế độ Diệm đã bị cả nước oán ghét. Nếu nhà Ngô còn cầm quyền cho đến ngày nay (1965) thì chắc chắn là Việt Nam sẽ hoàn toàn là Cộng sản." [Bọn Ca Tô hoài Ngô ngày nay vẫn còn đưa ra luận điệu "Còn cụ thì không mất nước"]

(Diem, his half-mad brother Nhu and his brother's wife had alienated one by one every important group in the country, including most of the realistic anti-Communists who saw how the Ngo family was debasing and weakening the anti-Communist struggle, and at last including the upper echelon of the armed forces, on which every unpopular dictator must rely for survival.

According to Malcolm Browne, there was a "sweeping hatred" of the regime throughout the country. If the Ngo family had remained in charge there is little doubt that Vietnam would be entirely Communist today. (1965).)

16. **"The Political Economy of Human Rights. Vol I"** của Noam Chomsky and Edward S. Herman, Black Rose Books, Canada 1979, pp. 30, 302-303:

"Joseph Buttinger, một cố vấn của Diệm lúc đầu và là người đã bày tỏ sự ủng hộ Diệm nồng nhiệt nhất trong thập niên 1950, khẳng định là gọi Diệm là phát xít thì không thích hợp vì, tuy chế độ Diệm có tất cả những sự xấu xa của chế độ phát xít, Diệm thiếu cơ sở quần chúng mà Hitler và Mussolini đã có thể tập hợp được.

..Theo Jeffrey Race, một cựu cố vấn quân sự Mỹ cho Nam Việt Nam có rất nhiều tài liệu về lịch sử Việt Nam cận đại, chính quyền Diệm đã khủng bố người dân nhiều hơn là phong trào cách mạng nhiều – thí dụ, thủ tiêu các cựu kháng chiến quân Việt Minh, bắn pháo binh vào những "làng cộng sản" và bắt bớ những người "có thiện cảm với cộng sản". Cũng chính vì những chiến thuật đó mà lực lượng của phong trào cách mạng càng ngày càng gia tăng ở Long An từ 1960 đến 1963.

..Sử gia của Ngũ Giác Đài viết về "bệnh gần như hoang tưởng của Diệm lo lắng về vấn đề an ninh," đưa đến những chính sách "khủng bố toàn diện nông dân Việt Nam, và làm suy giảm trầm trọng sự ủng hộ chế độ của quần chúng."

Sự dùng bạo lực quá mức và trả thù những người cựu kháng chiến của Diệm là sự vi phạm trắng trợn Hiệp Định Genève (Khoản 14c), cũng như là sự từ chối không thi hành điều khoản tổng tuyển cử trên toàn quốc (vào tháng 7, 1956) của Diệm. Lý do chính mà Diệm từ chối không thi hành điều khoản này vào những năm 1955-56 (tổ chức và tổng tuyển cử trên toàn quốc) thật là hiển nhiên: viên quan lại ly hương nhập cảng từ Mỹ vào chỉ có một sự ủng hộ

tối thiểu của quần chúng và ít có hi vọng thắng trong một cuộc tổng tuyển cử...Diệm là mẫu người điển hình của một tên bạo chúa phát xít, dùng khủng bố để bù đắp cho sự thiếu hụt sự ủng hộ của quần chúng..”

(Joseph Buttinger, an early advisor to Diem and one of his most outspoken advocates in the 1950s, contends that the designation "fascist" is inappropriate for Diem because, although his regime had most of the vicious characteristics of fascisme, he lacked the mass base that a Hitler or Mussolini could muster.

...According to Jeffrey Race, a former US Army advisor in South Vietnam who had access to extensive documentation on recent Vietnamese history, ..the government terrorized far more than did the revolutionary movement - for example, by liquidations of former Vietminh, by artillery and ground attacks on "communist villages" and by roundups of "communist sympathizers". Yet it was just these tactics that led to the constantly increasing strength of the revolutionary movement in Long An from 1960 to 1963.

...The Pentagon historian refers to "Diem's nearly paranoid preoccupation with security," which led to policies that "thoroughly terrified the Vietnamese peasants, and detracted significantly from the regime's popularity."

...Diem's extensive use of violence and reprisals against former Resistance fighters was in direct violation of the Geneva Accords (Article 14c), as was his refusal to abide by the election proviso. The main reason for Diem's refuse to abide by this mode of settlement in 1955-56 was quite evident: the expatriate mandarin imported from the US had minimal popular support and little hope for winning in a free election...Diem was a typical subfascist tyrant, compensating for lack of indigenous support with extra doses of terror..)

17. "The American Pope" của John Cooney, A Dell Book, New York 1984, pp. 309-312:

“Lập trường của (hồng y) Spellman về Việt Nam phù hợp với những mong ước của giáo hoàng. Malachi Martin, một cựu tu sĩ dòng tên phục vụ tại Vatican trong những năm Mỹ leo thang chiến tranh ở Việt Nam, nói rằng giáo hoàng muốn Mỹ ủng hộ Diệm vì giáo hoàng đã bị người anh của Diệm, Tổng giám mục Thục, ảnh hưởng. “Giáo hoàng quan tâm đến sự càng ngày càng thắng lợi của Cộng sản do đó làm suy yếu giáo hội,” Malachi xác nhận rằng: “Giáo hoàng ra lệnh cho Spellman khuyến khích Mỹ tham chiến ở Việt Nam.”

Do đó Spellman xếp đặt một chiến dịch kỹ càng để dựng lên chế độ Diệm. Qua báo chí và vận động trong hậu trường ở Washington, vấn đề đối đầu chống Cộng ở Đông Dương được phổ biến rộng rãi ở Mỹ.

Spellman và Kennedy cũng còn giúp lập lên một nhóm vận động hậu trường Washington. Chủ trương của sự đồng minh này là chống Cộng và phát huy ý hệ Ca Tô.

..Do đó, rất nhiều người Mỹ tin rằng Việt Nam là một quốc gia phần lớn là Ca Tô. Một phần của cái ấn tượng sai lầm này là kết quả của việc Diệm lên cầm quyền. Với sự giúp đỡ của CIA tổ chức cuộc bầu cử gian lận năm 1955, Diệm hủy bỏ chế độ quân chủ và Bảo Đại bị cưỡng bức phải sống trong cảnh lưu đầy. Cái màu sắc Ca Tô đậm đà trong cuộc vận động hậu trường Việt Nam cũng góp phần tạo nên quan niệm sai lầm trên. Còn một yếu tố khác là sự đặt mình vào trong đường lối trên của Spellman.

...Sự tuyên truyền của Spellman về bản chất Ca Tô của chính quyền Diệm đã làm rõ rệt thêm hình ảnh không đẹp về vị thế của giáo hội ở Việt Nam. Cái bản chất tôn giáo của chính quyền Diệm và những vấn đề chính quyền đó tạo ra đã được ghi nhận bởi Graham Greene, một tín đồ Ca Tô, trong một bài viết từ Saigon, in trong tờ London Sunday Times ngày 24 tháng 4, 1955:

“Một cuộc viếng thăm không thích hợp của Hồng y Spellman đã được tiếp nối bởi những cuộc viếng thăm của Hồng y Gillroy và Tổng Giám mục ở Canberra. Những số tiền lớn lao đã được dùng để tổ chức những cuộc biểu tình đón tiếp những vị khách này, đưa ra một ấn tượng là giáo hội Ca Tô là của Tây phương và là đồng minh của Mỹ trong cuộc chiến tranh lạnh.

...Nam Việt Nam, thay vì đối đầu với chế độ toàn trị của miền Bắc bằng những bằng chứng về tự do, lại rơi vào một chế độ độc tài bất hiệu lực: dẹp bỏ báo chí, kiểm duyệt chặt chẽ, lưu đầy bằng lệnh của chính quyền thay vì phải được xét xử ở tòa án. Thật là bất hạnh khi một chính quyền như vậy lại đồng nhất hóa với một đức tin. Ông Diệm rất có thể đã để lại trên đất nước có tinh thần khoan nhượng này một gia tài chống-CaTô.”

(Spellman's Vietnam stance was in accordance with the wishes of the Pope. Malachi Martin, a former Jesuit who worked at the Vatican during the years of the escalating US commitment to VN, said the Pope wanted the US to back Diem because the Pope had been influenced by Diem's brother, Archbishop Thuc.

"The Pope was concerned about Communism making more gains at the expense of the Church," Martin averred. "He turned to Spellman to encourage American commitment to Vietnam."

Thus Spellman embarked on a carefully orchestrated campaign to pop up the Diem regime. Through the press and a Washington lobby, the problem of confronting anti-Communism in Indochina became widely known in America.

Spellman and Kennedy also helped form a pro-Diem lobby in Washington. The rallying cries were anti-Communism and Catholicism.

...To a large extent, many Americans came to believe that Vietnam was a preponderantly Catholic Nation. This misimpression resulted partly from Diem's emergence as ruler. With the help of CIA-rigged election in 1955, Diem abolished the monarchy and Bao Dai was forced to live in exile. The heavily Catholic hue to the Vietnam lobby also accounted for much of the widespread belief. Still another factor was Spellman's identification with the cause.

...Spellman's propagandizing of the Catholic nature of Diem's regime reinforced a negative image of the Church's position in Vietnam. The sectarian nature of Diem's government and the problems of that government were noted by the writer Graham Greene, himself a Catholic, in a dispatch from Saigon printed in the London Sunday Times on April 24, 1955:

An unfortunate visit by Cardinal Spellman has been followed by those of Cardinal Gillroy and the Archbishop of Canberra. Great sums are spent on organizing demonstrations for the visitors, and an impression is given that the Catholic Church is occidental and an ally of the US in the cold war.

...The South, instead of confronting the totalitarian North with the evidence of freedom, has slipped into an inefficient dictatorship: newspapers suppressed, strict censorship, men exiled by administrative order and not by judgement of the courts. It is unfortunate that a government of this kind should be identified with one faith. Mr. Diem may well leave his tolerant country a legacy of anti-Catholicism.)

18. "The Final Superstition" của Joseph L. Daleiden, Prometheus Books, New York, 1994, p. 62):

"Spellman là người chủ chốt của giáo hoàng làm cho Mỹ tham chiến sâu đậm ở Việt Nam. Theo một bức thư chính thức của Vatican, giáo hoàng "dùng Spellman để khuyến khích Mỹ tham chiến ở Việt Nam."

Mọi viện trợ nhân đạo cho miền Nam đều đi qua các cơ sở của giáo hội Ca Tô và chỉ có những người Ca Tô là được Diệm bổ nhiệm vào trong chính phủ. Tuy rằng những chính sách như vậy đưa đến việc cải đạo hàng loạt, số tín đồ Ca Tô chỉ chiếm vào khoảng từ 12 tới 13 phần trăm của dân số miền Nam. Không lạ lùng gì mà khối đa số Phật Giáo bất bình đưa đến việc công khai chống đối chính sách của Diệm. Tình trạng ngày càng suy kém, Diệm đã dùng đến biện pháp bắt giữ hàng loạt, đàn áp Phật tử, đóng cửa chùa chiền và tu viện. Qua kinh nghiệm quá khứ, Giáo hội chắc hẳn đã biết rằng sự đàn áp chỉ làm cho lý tưởng mạnh hơn. Trước sự quan sát kinh hoàng của thế giới, giới Phật tử đã phải dùng tới hành động chống đối tiêu cực rất ráo và nhiều tăng sĩ đã tự thiêu. Trong những khoảng thời gian đáng sợ đó, tôi, một tín đồ Ca Tô, không nhớ có một lời chỉ trích chính sách của Diệm từ một linh mục hay giám mục Ca Tô nào. Tuy nhiên, sự việc đã lên quá mức đối với Tổng Thống John Kennedy, ông ta thôi không ủng hộ Diệm nữa. Ít lâu sau đó Diệm bị hành quyết trong một cuộc lật đổ chính quyền. Qua cái diễn tiến kinh khủng này vai trò của giáo hội đã theo đúng cái tiến trình lịch sử nhor nhóp của giáo hội."

(Spellman was the papal point man to lead America into deeper involvement in Vietnam. According to a Vatican official letter, the pope "turned to Spellman to encourage American commitment to Vietnam."

All US relief to the South was funneled through the Catholic Church's agencies and only Catholics were appointed to government positions by Diem. Although these policies resulted in a wave of conversions, Catholics still made up only about 12 to 13 percent of the South Vietnamese population. Not surprisingly, the resentment among the Buddhist majority soon resulted in their open resistance to Diem's policies. As the situation deteriorated, Diem resorted to mass arrests and suppression of the Buddhists, closing shrines and monasteries. As the Church should have known from its own early experience, persecution can only strengthen a cause. As a horrified world watched, the Buddhists resorted to the ultimate act of passive resistance and several monks set themselves ablaze. During these terrible times, when I, too, was a Catholic, I don't recall one word of criticism of Diem's policies from a Catholic priest or bishop. However, it finally became too much for President John Kennedy, who withdrew US support for Diem. Diem was soon executed in a coup. Throughout this dreadful ordeal the role of the Church followed true to the course of its sordid history.)

19. "America's Longest War" của George C. Herring, John Wiley & Sons, New York 1979, pp. 62-65:

“Để làm vui lòng các cố vấn Mỹ, thỉnh thoảng Diệm cũng nói trên đầu môi chót lưỡi về dân chủ, nhưng trong thực hành hắn nắm lấy những quyền lực tuyệt đối. Dích thân hắn ngự trị ngành hành pháp của chính phủ, dành cho hắn và anh em hắn mà hắn đã đưa ba người vào nắm ba chức trong nội các có sáu bộ, mọi quyền quyết định.

Sự tấn công dữ dội của Diệm vào những đối lập chính trị đã gây nên sự bất mãn trong các thành phố cũng như ở thôn quê. Báo chí chỉ trích chính phủ bị đóng cửa ngay.. Dùng quyền hành trong các sắc lệnh của tổng thống, chính quyền Diệm đã lừa vào những “trại cải huấn” nhiều ngàn người Việt Nam, cộng sản cũng như không cộng sản, những người bị coi như là đe dọa cho trật tự công cộng. Chương trình cải huấn lúc đầu nhắm vào các thành phần kháng chiến Việt Minh ở lại miền Nam, nhưng rồi với thời gian chương trình này được áp dụng cho bất cứ ai dám chống đối chính quyền.

...”Chính quyền có khuynh hướng cai trị dân với lòng nghi ngờ và cường bức”, một phúc trình tình báo của Mỹ kết luận năm 1960, và “đã được đáp ứng bởi thái độ bất thiện cảm và bất mãn của người dân”.

(To please his American advisors, Diem occasionally paid lip-service to democracy, but in actual practice he assumed absolute powers. He personally dominated the executive branch of government, reserving to himself and his brothers, three of whom were appointed to a cabinet of six, all power of decision-making.

...Diem's vigorous assault against political opponents spawned rising discontent in the cities as well as the countryside. Newspapers which criticized the government were promptly shut down...Using authority handed down in various presidential ordinances, the government herded into "reeducation centers" thousands of Vietnamese, Communists and non-Communists alike, who were alleged to be threats to public order. The reeducation program was originally aimed at the Viet Minh "stay-behinds," but in time it was extended to anyone who dared speak out against the government.

...The government "has tended to threat the population with suspicion or coerce it," an American intelligence report concluded in 1960, "and has been rewarded with an attitude of apathy or resentment.”)

20. "Unwinding the Vietnam War: From War Into Peace" của Reese Williams, The Real Comet Press, Seattle 1987, p. 431:

Sau khi Pháp bị đánh bại và có vẻ như nền độc lập (của Việt Nam) sẽ tới, theo hiệp định Genève. Nhưng thay vào đó Mỹ đã nhảy vào, quyết định là Hồ (Chí Minh) không được thống nhất đất nước đang tạm thời chia cắt, và những nông dân lại cảnh giác khi chúng ta ủng hộ một trong những tên độc tài tồi tệ nhất của thời hiện đại – Thủ tướng Diệm, người chúng ta chọn. Người nông dân cảnh giác và co rúm người lại khi Diệm tàn nhẫn dẹp mọi đối lập, hỗ trợ những tên địa chủ bóc lột họ, và từ chối thảo luận với Bắc Việt về sự thống nhất của đất nước

(After the French were defeated it looked as if independence would come again through the Geneva Agreements. But instead there came the US, determined that Ho should not unify the temporarily divided nation, and the peasants watched again as we supported one of the most vicious modern dictators - our chosen man, Premier Diem. The peasants watched and cringed as Diem ruthlessly routed out all opposition, supported their extortionist landlords, and refused even to discuss reunification with the North.)

(From an address delivered by Dr. Martin Luther King in New York City on April 4, 1967).

Trên đây chỉ là 20 lời phê phán điển hình về chế độ Ngô Đình Diệm của một số trí thức ngoại quốc: ký giả, chính trị gia, giáo sư đại học, nhà quân sự, trong số hàng trăm lời phê phán tương tự khác. Chúng ta cũng nên để ý là hơn phân nửa số tài liệu trích dẫn ở trên được viết sau năm 1975. Nếu độc giả muốn đọc những lời phê phán của người Việt, xin tìm đọc cuốn *Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi* của cố Thiếu Tướng Đỗ Mậu, trong đó ở phần cuối có 100 lời phê phán của các nhân sĩ, chính trị gia, tướng lãnh, giáo sư đại học, nhà báo v.v.. về Ngô Đình Diệm và chế độ Đệ Nhất Việt Nam Cộng Hòa. Cho tới ngày nay, cuốn hồi ký chính trị này, với rất nhiều chi tiết lịch sử, vẫn là cuốn sách có giá trị nhất trong những cuốn viết về chế độ Ngô Đình Diệm và những diễn biến chính trị trong thời Đệ Nhất Cộng Hòa..

Từ 20 lời phê phán của các tác giả ngoại quốc trên, chúng ta có thể rút tĩa ra được những gì? Sau đây là vài điểm chính.

1). Ngô Đình Diệm là người **vô tài, vô đức, nhu nhược**, được Hồng Y Spellman, với sự phụ giúp của ngoại trưởng John Foster Dulles cùng một vài chính khách Công giáo Mỹ khác, theo lệnh của Vatican, vận động

với Mỹ đưa Diệm về cầm quyền ở Nam Việt Nam vì Diệm là người Công giáo, nên đương nhiên có thể tin cậy để chống Cộng chết bỏ. Ngoài ra Vatican cũng còn góp phần vận động, thuyết phục Mỹ tham chiến ở Việt Nam. Cái tội này của Vatican đối với Việt Nam sẽ được ghi vào sử sách.

2). Chế độ Ngô Đình Diệm là một **chế độ bạo ngược, chuyên chế, không có sự hậu thuẫn của quần chúng**. Đó là một chế độ mà hầu hết những người nắm quyền hành chánh, quân sự là những gia nô vô liêm sỉ.

3). Chính cái chất Công Giáo cuồng tín, tổng hợp của ngu dốt, kiêu căng, huênh hoang, hợm hĩnh của Diệm đã làm hại Diệm. Sách lược **Công giáo hóa miền Nam bằng thủ đoạn tiêu diệt các giáo phái khác của Diệm trong một nước mà Công giáo chỉ chiếm có 7% là một sách lược ngu xuẩn, đi ngược lại tinh thần Tam Giáo Đồng Nguyên của dân tộc, đã đưa đến sự oán ghét của tuyệt đại đa số người dân Việt Nam**. Sách lược này đã ghi thêm một chương ô nhục vào lịch sử giáo hội Công giáo Việt Nam, một giáo hội vốn đã nổi tiếng là: “Hễ phi dân tộc thì thể nào cũng phản bội dân tộc.”

Kết Luận: Trước sách lược “Công giáo hóa miền Nam” ngu xuẩn, bạo tàn, hại dân, hại nước của chính quyền Ngô Đình Diệm, tay sai của Vatican và Mỹ, Phật Giáo Việt Nam không còn có thể chọn lựa con đường nào khác ngoài con đường tranh đấu, không riêng gì cho Phật Giáo mà còn cho cả dân tộc. Những bằng chứng tràn ngập về tính cách bạo tàn, kỳ thị tôn giáo của chính quyền Ngô Đình Diệm, đã chứng minh một cách hùng hồn là cuộc tranh đấu của Phật Giáo cách đây 40 năm ở miền Nam Việt Nam là có chính nghĩa, hợp với lòng dân.

Thật vậy, tuy Phật Giáo phát động phong trào chống chế độ Ngô Đình Diệm nhưng lòng dân oán ghét chế độ bạo tàn phi dân chủ này đã âm ỉ từ lâu. Chúng ta không nên quên là ông Diệm đã bị ám sát hụt tại Ban Mê Thuột ngay từ năm 1957, ngày 21 tháng 5. Rồi đến cuộc đảo chánh thất bại của lực lượng nhảy dù ngày 11 tháng 11, 1960, vụ dội bom dinh độc lập của 2 sĩ quan VNCH ngày 27 tháng 2, 1962. Và sự kiện là, trong cuộc tranh đấu Phật Giáo 1963, không phải chỉ có Phật tử mới tham gia tranh đấu mà gồm đủ mọi thành phần dân tộc, từ các em học sinh trung học đến các sinh viên đại học, các giới sĩ, nông, công, thương, kể cả những người Công giáo tiến bộ gồm một số linh mục và tín đồ Công giáo.

Phật Giáo là tôn giáo hòa bình. Những bậc tôn đức trong cuộc tranh đấu Phật Giáo 1963 không chủ trương lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm bằng bạo động. Nhưng không ai có thể phủ nhận là cuộc tranh đấu này đã góp phần lớn lao đưa đến sự cáo chung của chế độ Công giáo trị, gia đình trị Ngô Đình Diệm vào ngày 1 tháng 11, 1963. Ý thức được lòng dân, chính quân đội Việt Nam, chỉ huy bởi nhiều tướng lãnh, trước đã theo và ủng hộ ông Diệm, đã đứng lên làm tròn sứ mạng dẹp bỏ một chế độ Công giáo độc tài, phi dân tộc, phi tổ quốc. Như đã từng nhiều lần có công với dân tộc trong nhiệm vụ bảo vệ, giữ nước, cuộc tranh đấu 1963 của Phật Giáo ở miền Nam cũng đã góp được nhiều công to lớn cho dân tộc. Ngoài việc đưa đến sự chấm dứt một chế độ ác ôn đã mất đi lòng dân, chính yếu là cuộc tranh đấu của Phật Giáo đã thành công trong việc bảo vệ được nền văn hóa truyền thống và tôn giáo dân tộc, tôn giáo dân tộc ở đây phải được hiểu theo nghĩa tôn giáo của tuyệt đại đa số người dân trong nước, thí dụ như Ki Tô Giáo ở Mỹ, ngăn chặn được hiểm họa của Ca Tô Giáo trong toan tính đưa toàn dân Việt Nam xuống hàng súc vật (con chiên), cúi đầu tuân phục một định chế có thủ phủ đặt tại Vatican mà lịch sử đen tối ô nhục của nó đã không còn là một vấn đề xa lạ đối với thế giới ngày nay.

Chỉ đáng tiếc là, sau cuộc chính biến ngày 1 tháng 11, 1963, thay vì quay về xây dựng nội bộ, đào tạo tăng, ni tài đức, tổ chức gia đình Phật tử theo tinh thần Phật Giáo, một số các vị lãnh đạo Phật Giáo đã đi ngược lại tinh thần Phật Giáo. Thay vì theo đường lối của các bậc tôn đức Phật Giáo khi xưa: “Tham gia chính sự nhưng không tham gia chính quyền” thì các vị này lại đi nghe mấy tên đầu cơ chính trị nhân danh Phật Giáo, đi vào con đường “Tham gia chính quyền mà không biết gì về chính sự”. Kết quả là đi đến chia

rẽ, phân hóa nội bộ, làm suy yếu Phật Giáo. Mong rằng cái kinh nghiệm đắt giá này sẽ là một bài học cho Phật Giáo Việt Nam trong việc hoạch định đường hướng tương lai theo đúng tinh thần Phật giáo: buông bỏ chấp ngã, chấp danh, chấp tướng, thực hiện đoàn kết, và ý thức được sức mạnh của Phật Giáo là sức mạnh tinh thần, sức mạnh đạo đức của các bậc tu hành, sức mạnh của chuyển hóa v.v.. chứ không phải là sức mạnh của danh, lợi, địa vị, quyền lực, của cái thế gian v.v...

Trần Chung Ngọc

000)(000

Bàn thêm về “*Phong trào Phật giáo miền Nam năm 1963*” trong giáo trình “*Lịch sử Việt Nam hiện đại*” ở bậc Đại học và Cao đẳng

Lê Cung

(PGS. TS. Đại học Sư phạm, Đại học Huế)

TÓM TẮT

Bài viết trình bày ý nghĩa lịch sử của “*Phong trào Phật giáo miền Nam năm 1963*”, như đây là một phong trào dân tộc có qui mô rộng lớn; lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam, một phương pháp đấu tranh mới – phương pháp bất bạo động” - được sử dụng trong cuộc đấu tranh chống chế độ bạo quyền mang lại hiệu quả; phong trào tạo được tiếng vang rộng lớn trên bình diện quốc tế; góp phần quan trọng trong cuộc đấu tranh lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm, bước đầu làm phá sản chính sách can thiệp của Mỹ ở Việt Nam, tạo điều kiện cho cách mạng miền Nam phát triển.

Trên cơ sở đó, bài viết khẳng định “*Phong trào Phật giáo miền Nam năm 1963*” là một sự kiện lịch sử lớn trong lịch sử Việt Nam cận hiện đại; đồng thời đề xuất nên cấu tạo nội dung “*Phong trào Phật giáo miền năm 1963*” thành một mục trong giáo trình “*Lịch sử Việt Nam hiện đại*” nhằm góp phần giúp thế hệ trẻ Việt Nam nhận thức sâu sắc hơn về điều mà dân tộc đã khẳng định: “*Phật giáo Việt Nam với dân tộc như hình với bóng, tuy hai mà một*” . Đạt được như vậy, tất sẽ tạo thêm được nguồn lực trong công cuộc xây dựng đất nước hôm nay và cả trong tương lai.

So với chiều dài lịch sử dân tộc, khoảng thời gian non 21 năm (21-7-1954 – 30-4-1975) thì quả hết sức ngắn ngủi, song chính trong khoảng thời gian này, đất nước Việt Nam đã có những chuyển mình hết sức diệu kỳ. Một dân tộc đất không rộng, người không đông, nhưng bằng nỗ lực vô song của mình, nhân dân Việt Nam đã làm nên Đại thắng mùa xuân 1975, xoá sạch nhục mất nước, thu giang sơn về một mối, tạo dựng một “*Dáng đứng Việt Nam*” gây cảm phục trong lòng nhân loại tiến bộ khắp năm châu, bốn bể.

Trong thành quả vĩ đại đó, Tăng Ni và Phật tử miền Nam đã thực sự chung lưng, đấu cật cùng với cả dân tộc, trong đó “*Phong trào Phật giáo miền Nam năm 1963*” được xem như là sự kiện lịch sử tiêu biểu nhất. Tuy nhiên, trong hầu hết các giáo trình “*Lịch sử Việt Nam hiện đại*” (chuyên ngành lịch sử) ở bậc đại học và cao đẳng, “*Phong trào Phật giáo miền Nam năm 1963*” vẫn chưa được đề cập một cách cụ thể hoặc nếu có thì cách thể hiện chưa ngang tầm với nội dung vốn có của nó. Nên cấu tạo như thế nào về sự kiện lịch sử này trong giáo trình “*Lịch sử Việt Nam hiện đại*”? Để có một lời giải nghiêm túc, thiết nghĩ cần phải nắm bắt được ý nghĩa lịch sử của sự kiện này.

1. Phong trào Phật giáo miền Nam năm 1963 là một phong trào dân tộc có qui mô rộng lớn.

Phong trào Phật giáo miền Nam năm 1963 tuy mang màu sắc tôn giáo, nhưng thực ra đây là sự vùng lên của cả một dân tộc nhằm xoá bỏ chế độ độc tài, giáo trị, gia đình trị Ngô Đình Diệm. Liền sau khi bùng nổ tại Huế, phong trào đã nhanh chóng lan vào Sài Gòn và rộng ra khắp miền Nam, từ thành thị đến nông thôn, có cả hàng triệu người không phân biệt xu hướng, chính kiến, các nhà tư sản dân tộc, các vị trí thức, sinh viên, học sinh, thanh niên, phụ nữ, công nhân, nông dân, nhân dân lao động hưởng ứng và được sự ủng hộ của những tín đồ Thiên Chúa giáo cấp tiến. Ngay cả một số đồng công chức, sĩ quan, binh sĩ trong bộ máy chính quyền Ngô Đình Diệm cũng tích cực tham gia đấu tranh.

Đỗ Mậu, vừa là người trong cuộc, vừa là chứng nhân lịch sử đã ghi lại trong hồi ký của mình như sau: “*Biến cố Phật giáo vào mùa thu năm 1963 đã để lại những ấn tượng sâu xa trong tâm hồn tôi. Báo cáo của các Ty, Sở An ninh quân đội cả khắp bốn quân khu gửi về đều nhấn mạnh đến tình trạng suy sụp tinh thần quân nhân các cấp. Riêng Quân khu I, đa số sĩ quan đều trực tiếp hoặc gián tiếp yểm trợ cho phong trào đấu tranh của Phật giáo, chống đối chính phủ*”³⁸. Điều cần nhấn mạnh là sự tham gia rộng rãi của mọi tầng lớp nhân dân không chỉ vì ủng hộ Phật giáo mà chính là ý thức dân tộc: “*Cuộc lay đổ chính quyền Ngô Đình Diệm 1963 đã động viên không những được ý thức bảo vệ Phật giáo, mà cả ý thức bảo vệ quốc gia nữa. Nơi những người Phật tử, hai ý thức ấy hoà hợp với nhau không tách rời được. Chính rất nhiều phần tử không Phật giáo cũng tham dự cuộc vận động này, không phải vì để giúp đỡ Phật giáo, mà vì thấy cuộc vận động của Phật giáo phù hợp với nguyện vọng của dân tộc*”³⁹. Trên thực tế, “*phong trào đấu tranh của đồng bào Phật giáo miền Nam đã vượt khỏi ranh giới đơn thuần mà hình thành một phong trào yêu nước rộng rãi trong toàn dân*”⁴⁰.

2. Với phong trào Phật giáo miền Nam năm 1963, lần đầu tiên trong lịch sử dân tộc, phương pháp “*bất bạo động*” đã được sử dụng trong cuộc đấu tranh chống chế độ bạo quyền. “*Bất bạo động*” (Satyagraha) - một phương pháp cốt lõi của Phật giáo được giới lãnh đạo Phật giáo miền Nam chọn làm phương pháp chỉ đạo cuộc đấu tranh đòi quyền bình đẳng tôn giáo. Chọn “*bất bạo động*” làm phương pháp chỉ đạo cho cuộc đấu tranh chống lại chế độ bạo quyền Ngô Đình Diệm, Tăng Ni và Phật tử miền Nam biết trước là phải “*chấp nhận một sự hy sinh đến cùng độ*”, nhưng họ vẫn tin tưởng rằng sự hy sinh ấy sẽ làm “*rung động đến tận lòng người, chứ không chỉ rung động chính sách mà thôi*”⁴¹. Chính quyền Ngô Đình Diệm đã thi hành một chính sách đàn áp hết sức dã man và vô cùng quyết liệt, gây chết choc không biết bao nhiêu sinh mạng, làm bị thương hoặc bị tàn phế không biết bao nhiêu con người vô tội, nhưng Tăng Ni, Phật tử và đồng bào miền Nam quyết không chịu lùi bước. Thực tế “*bất bạo động*” trong “*Phong trào Phật giáo miền Nam năm 1963*”, mà đỉnh cao là ngọn lửa của Hoà thượng Thích Quảng Đức, đã làm “*rung động đến*

³⁸ Đỗ Mậu. Việt Nam máu lửa quê hương tôi (Hồi ký chính trị). Nxb. Văn Nghệ, Westminster, CA, USA, 1993, tr. 155-156.

³⁹ Thích Nhất Hạnh. Đạo Phật hiện đại hoá. Nxb Lá Bối, Sài Gòn, 1968, tr. 79.

⁴⁰ . Những văn kiện chủ yếu của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (từ tháng 12-1963 đến tháng 19-1964). Nxb. Sự Thật, Hà Nội, 1964, tr. 66.

⁴¹ . Bản Phụ đính “Bản Tuyên ngôn của Phật giáo Việt Nam ngày 10-5-1963”. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II. Ký hiệu tài liệu SC.04-HS.8352.

tận lòng người”, có sức hấp dẫn tuyệt vời khiến mọi người không phân biệt chính kiến kết khối vùng lên đập đổ bạo quyền.

Giáo sư Trần Văn Giàu viết: “*Kết tinh trong một vị chân tu những nỗi căm hờn đối với một chế độ độc tài cá nhân gai đình trị, vô nhân đạo và bạo ngược, hành động dũng cảm của Hoà thượng Thích Quảng Đức là một bản án không gì bôi được với chế độ bù nhìn của Mỹ ở Sài Gòn, đồng thời là một lời kêu gọi đồng bào Phật tử đấu tranh chống phát-xít, dù chết không chịu lùi bước. Thật không phải thường có những cái chết kích động nhân tâm sâu sắc và rộng rãi như cái chết của Hoà thượng Thích Quảng Đức*”⁴².

“*Bất bạo động*” trong “*Phong trào Phật giáo miền Nam năm 1963*” đã trở thành sức mạnh góp phần cô lập cao độ chính quyền Ngô Đình Diệm, đẩy chính quyền này đi đến chỗ sụp đổ. Lần đầu tiên, lịch sử Việt Nam ghi nhận một phương pháp đấu tranh mới – phương pháp bất bạo động - mà kết quả đem lại thật là lớn lao, một chế độ độc tài, giáo trị, gia đình trị xây dựng trong 9 năm đã bị sụp đổ trong chớp mắt dù Diệm và tay chân cứ “*đình ninh rằng không một lực lượng nào dưới quyền thống trị của chúng có thể dám động đến*”⁴³.

4. Phong trào Phật giáo miền Nam năm 1963 tạo được tiếng vang rộng lớn trên bình diện quốc tế.

Trên bình diện quốc tế, “*Phong trào Phật giáo miền Nam năm 1963*” hầu như không bị cô lập đối với bất cứ ai. Khắp nơi trên thế giới, từ các cơ quan báo chí, các hãng thông tấn, các tổ chức chính trị, ... đến các nguyên thủ quốc gia và cả Liên hiệp quốc, với nhiều hình thức và biện pháp khác nhau đã vạch trần những tội ác của chính quyền Ngô Đình Diệm, đồng tình với cuộc đấu tranh chính nghĩa của Tăng Ni và Phật tử miền Nam. Về vấn đề này, trong “*The New Face of War*”, Malcolm W. Brown viết: “*Vụ Phật giáo năm 1963 đã làm chấn động các quốc gia ngoài châu Á kể từ khi xảy ra vụ tự thiêu của Hoà thượng Thích Quảng Đức: Hoa Kỳ, Pháp, Anh, Thụy sĩ, Bỉ, Úc, Đức... Tám hình tự thiêu của Hoà thượng đã được phổ biến khắp nơi thế giới từ trên bàn giấy của Tổng thống Hoa Kỳ tới văn phòng các lãnh tụ Trung Cộng và chính nước cộng sản này đã cho in ra hàng triệu tám hình ấy để phân phát đi khắp Á Phi với lời ghi chú: “Một tăng sĩ Phật giáo Việt Nam tự thiêu trong cuộc đấu tranh chống đế quốc Mỹ - Diệm”*”⁴⁴.

Chính nguồn tư liệu từ phía “*Việt Nam cộng hoà*” đã thú nhận điều này. Công văn số 43/DK/VP/M ngày 21-8-1963 của Toà đại sứ “*Việt Nam cộng hoà*” tại Tokyo gửi Bộ trưởng Ngoại giao chính quyền Ngô Đình Diệm tiết lộ “*Dư luận Nhật Bản trở nên sôi nổi đối với vấn đề Phật giáo ở Việt Nam. Một số đoàn thể hoặc tư nhân có uy tín đã tiếp xúc thẳng với Thiểm toà để thăm dò tin tức và chất vấn về những biến cố đáng tiếc mới xảy ra; một số khác viết thư gửi điện tín đến Thiểm toà để phản kháng những hành động mà họ cho rằng có tính cách đàn áp Phật giáo ở Việt Nam*”⁴⁵.

Ở Thái Lan, theo báo cáo của Toà đại sứ “*Việt Nam cộng hoà*” ngày 2-9-1963 thì “*hôm 31-8-1963, một Đại hội đồng Phật giáo đã được triệu tập tại Bangkok để thảo luận về vụ Phật giáo tại Việt Nam. Tham dự phiên họp này có 800 Phật giáo đồ, thuộc các giới cựu bộ trưởng, dân biểu, luật sư, ký giả, đại diện Phật giáo tại Bangkok và 63 trong số 73 tỉnh của Thái Lan, hội Phật giáo Trung Hoa, Ấn Độ, Mã Lai, và cả Hồi giáo cùng Bà La môn (Brah-man) cũng gửi đại diện đến dự họp... Cuộc thảo luận đã diễn ra trong bầu không khí cực kỳ sôi nổi. Ngót hơn 5 tiếng đồng hồ, hơn 20 diễn giả luân phiên nhau lên diễn đàn bày tỏ*”

⁴² . Trần Văn Giàu. Miền Nam giữ vững thành đồng, Tập II. Nxb Khoa học, Hà Nội, 1966, tr. 343.

⁴³ . Thư của Luật sư Nguyễn Hữu Thọ, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam gửi Tiến sĩ Phan Lạc Tuyên. Dẫn theo “Phan Lạc Tuyên. Hương thơm cuộc đời” trong “Luật sư Nguyễn Hữu Thọ cả nước tôn vinh anh”. Nxb. Văn Học, Hà Nội, 1995, tr. 223.

⁴⁴ Hoàng Xuân Hào. Phật giáo và Chánh trị tại Việt Nam ngày nay, Quyển I (Luận án Tiến sĩ Luật khoa – Ban Công pháp. Trường Đại học Luật khoa, 1972, tr. 266.

⁴⁵ .Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II. Ký hiệu tài liệu SC.04-HS.8467.

*quan điểm về vụ Phật giáo ở Việt Nam.... phản đông diễn giả đã dùng những lời lẽ chua cay để công kích chính phủ ta... Một số diễn giả, vì cảm tình với ta, đã lên tiếng bênh vực chánh phủ ta nhưng không không được cử tọa hoan nghênh”*⁴⁶.

Ngay ở Mỹ, nhiều tờ báo, nhiều chính khách công khai đã kích, lên án chính quyền Ngô Đình Diệm. Tờ San Francisco Chinese World cho rằng: “*Đã đến lúc chính quyền Hoa Kỳ phải từ giả ông Ngô Đình Diệm. The Chinese World khản thành kêu gọi tất cả mọi người Mỹ lên án ông Diệm, một kẻ độc tài của Sài Gòn*”⁴⁷. Thượng Nghị sĩ Wayne L. Morse, bang Oregon, thì nói rằng “*ông sẽ không đồng ý cho một đôla nào nữa để ủng hộ một chế độ độc ác tàn bạo của Tổng thống Ngô Đình Diệm tại miền Nam Việt Nam*”⁴⁸. Dean Rusk, Ngoại trưởng Mỹ, trong cuộc họp báo ngày 16-6-1963, cho rằng Mỹ “*không sung sướng gì trước những sự việc xảy ra ở miền Nam*”, rằng Mỹ “*rất buồn phiền về những sự chia rẽ đang xảy ra ở miền Nam*”⁴⁹. Tờ New York Times (19-7-1963) dẫn lời Tổng thống Kennedy: “*Sự động chạm giữa Tổng thống Ngô Đình Diệm với Phật giáo đã rất có hại cho công cuộc chống Cộng tại Nam Việt Nam*”⁵⁰.

Đặc biệt, “*Vụ Phật giáo*” đã được đưa ra thảo luận tại Đại Hội đồng Liên hiệp quốc, và Ông Uthan, Tổng Thư ký Liên hiệp quốc đã gửi đến Ngô Đình Diệm những lời lẽ đầy bức xúc trước chính sách đàn áp Phật giáo của chính quyền Ngô Đình Diệm: “*... Thúc dục bởi những ý tưởng nhân đạo mà toàn thể chúng tôi đều tôn trọng, nhân danh thành phần của đại gia đình nhân loại, tôi thấy có bốn phận gọi tới Ngài, cùng với những lời kêu gọi thiết tha của các nhân tôi*”. Ngày 24-10-1963, Liên hiệp quốc đã cử một phái đoàn đến miền Nam để điều tra “*Vụ Phật giáo*”. Đây được xem như là điểm nút cuối cùng “*buộc Mỹ gấp rút thủ tiêu bị cáo, tức chính quyền Ngô Đình Diệm, mà phải thủ tiêu trước lúc Liên hiệp quốc tái nhóm để xét về tờ trình của phái đoàn điều tra, khiến cho cuộc đảo chính lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm nhanh chóng diễn ra*”⁵¹.

Rõ ràng, trên bình diện quốc tế, “*Phong trào Phật giáo miền Nam năm 1963*” có tác dụng gom mọi người dù khác chính kiến, khác màu da vào cùng một khối, kết tụ được tinh anh của những khối óc và trái tim vì tình thương mà quyết không chịu lùi bước trước bạo quyền. Ngay cả những nhà nước không cùng thể chế chính trị, thậm chí là đối địch nhau, song trước cuộc đấu tranh của Phật giáo miền Nam họ đều cùng đứng chung một trận tuyến chống lại bạo quyền. Điều này làm cho qui mô phong trào vượt hẳn bất cứ phong trào nào đối lập hoặc độc lập với chính quyền Ngô Đình Diệm trước đó. Cũng chính vì vậy, mà trên phương diện học thuật, cho đến tận ngày nay, “*pPhong trào Phật giáo miền Nam năm 1963*”, tiêu biểu là sự hy sinh dũng cảm của Hoà thượng Thích Quảng Đức, vẫn là nguồn cảm hứng bất tận đối với giới nghiên cứu Đông – Tây. Tiến sĩ Robert Topmiller (Mỹ) viết: “*Ngày nay, “ngọn đuốc sống” của Ngài vẫn được nhiều người Mỹ quan tâm nghiên cứu. Đó là một đề tài bất tận đối với khoa học phương Tây*”⁵².

4. Phong trào Phật giáo miền Nam góp phần quan trọng trong cuộc đấu tranh lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm, bước đầu làm phá sản chính sách can thiệp của Mỹ ở Việt Nam, tạo điều kiện cho cách mạng miền Nam phát triển. Đối lịch sử dân tộc, “*Phong trào Phật giáo miền Nam năm 1963*” không chỉ làm riêng việc giải thoát cho sức sống, cho sự phát triển và trường tồn của Phật giáo Việt Nam vốn đã gắn bó máu thịt với dân tộc qua các thời kỳ lịch sử dựng nước và giữ nước, mà hơn thế là góp phần phá bỏ

⁴⁶ Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II. Ký hiệu tài liệu SC. 04-HS.8467.

⁴⁷ Tuệ Giác, Sdd., tr. 207.

⁴⁸ Tuệ Giác, Sdd., tr. 211.

⁴⁹ Xuân Thâm. Cuộc đấu tranh của Phật giáo đang làm cho chế độ Mỹ - Diệm khủng hoảng trầm trọng. Tuần báo Thống Nhất, số 322, ngày 23-8-1963, tr. 4.

⁵⁰ Tuệ Giác, Sdd., tr. 210.

⁵¹ Lê Cung, Sdd., tr. 267.

⁵² Robert Topmiller. Lotus Unleashed, The Buddhist Peace Movement in South Vietnam 1964 - 1966 (phần phụ lục). Bản dịch của Minh Thiện Trịnh Chính, tr. 126.

cái thảm hoạ “chín năm máu dưới chế độ độc tài gia đình trị Ngô Đình Diệm” đã tròng lên đầu lên cổ “một nửa dân tộc” Việt Nam. Chính vì ý nghĩa lớn lao đó nên khi phong trào vừa mới diễn ra ở Huế, Xã luận báo Nhân Dân ngày 15-5-1963 đã lên tiếng ủng hộ và khẳng định về tính tất thắng của phong trào. Bài xã luận viết: “Cuộc đấu tranh của đồng bào theo đạo Phật và các tầng lớp đồng bào khác ở Huế là một cuộc đấu tranh chính nghĩa được nhân dân cả nước ủng hộ. Nhân dân miền Bắc vô cùng khâm phục tinh thần đấu tranh bất khuất của đồng bào Huế được sự ủng hộ rộng rãi ở miền Nam. Chúng ta tin chắc cuộc đấu tranh bền bỉ và anh dũng của đồng bào Huế và ở toàn miền Nam mặc dù phải trải qua nhiều khó khăn, gian khổ nhưng nhất định sẽ giành được thắng lợi cuối cùng”.

Ngày 30-6-1963, tức hơn hai tuần sau khi Hoà thượng Thích Quảng Đức tự thiêu, trong một bài giảng tại nhà thờ ở New York, Mục sư Donalds Harrington đã cho rằng cái chết của Thích Quảng Đức “đã cứu vớt bao nhiêu sinh linh đang chìm đắm trong khổ hận, kẻ đàn áp cũng như kẻ bị đàn áp đều bình tĩnh. Ngài đã tô đậm nét vàng son và trang sử huy hoàng của Phật giáo và dân tộc”⁵³.

Khi phong trào vừa kết thúc, Báo cáo về tôn giáo của Ủy ban Trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam tại Đại hội Mặt trận lần thứ II (1-1-1964) viết: “Trong phong trào chung của các tôn giáo chống chế độ độc tài phát-xít Mỹ - Diệm và đòi tự do dân chủ, tự do tín ngưỡng, bình đẳng tôn giáo, phong trào đấu tranh của đồng bào theo đạo Phật vừa qua đã ghi đậm nét trong lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân miền Nam”⁵⁴. Phong trào được xem như là “sự kiện mở đầu phong trào đô thị sau hơn 9 năm dưới chính quyền phát-xít Mỹ - Diệm được ghi nhận như là một sự kiện lịch sử của Mặt trận Dân tộc Thống nhất”⁵⁵.

Bản về ý nghĩa của “Phong trào Phật giáo miền Nam năm 1963”, Tổng Bí thư Lê Duẩn viết: “Cả trong thành thị cũng dấy lên những làn sóng cách mạng quyết liệt, làm rối loạn hậu phương của địch, làm lung lay tận gốc chế độ bù nhìn. Hoang mang trước sự lớn mạnh và thế tiến công cách mạng, đế quốc Mỹ buộc phải thay đổi tay sai, phế bỏ Ngô Đình Diệm hồng cài thiện tình hình chính trị và quân sự để cứu vãn thất bại. Song Mỹ đã phạm phải sai lầm. Sau sự sụp đổ của Diệm, chiến tranh cách mạng đã phát triển lên một bước mới”⁵⁶.

Đúng là “chiến tranh cách mạng đã phát triển lên một bước mới”. Sau đảo chính, chính quyền Sài Gòn chẳng những không ổn định mà trái lại càng khủng hoảng trầm trọng: “Tình trạng Việt Nam cộng hoà còn tồi tệ hơn hồi chính quyền Diệm: Kinh tế suy sụp, vật giá leo thang, tiền sụt giá so với Mỹ kim, nạn thất nghiệp, đầu cơ trịch trử và tham nhũng gia tăng”⁵⁷.

Đảo chính và phản đảo chính diễn ra liên tục. Theo thú nhận của chính quyền Sài Gòn: “Trong vòng ba tháng sau đảo chính, Việt Cộng nổi dậy khắp nơi. Tỉnh Kiến Hoà phải rút đi 51 đồn bót, mất 15 xã. Ở miền Trung từ Phan Thiết trở ra trong vòng hai tháng sau đảo chính, 2200 ấp chiến lược trong tổng số 2700 ấp chiến lược hoàn toàn bị tan tác. Tổng số 4248 ấp chiến lược ở miền Nam thì có 3915 ấp bị phá hủy. Trong phúc trình gửi Tổng thống Johnson ngày 16-3-1964, Mc. Namara đưa ra một bức tranh bi thảm, hậu quả của cuộc đảo chính lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm: “Trong số đất đai của 22 tỉnh (trong 44 tỉnh), Việt Cộng kiểm soát tới 50% hoặc nhiều hơn thế. Phước Tuy, Việt Cộng kiểm soát 80%; Bình Dương 90%; Hậu Nghĩa 90%; Long An 90%; Định Tường 90%; Kiến Hoà 90%; An Xuyên (Cà Mau) 85%. Quận Mỹ Xuyên và các xã Định Thủy, Bình Khánh, Phước Hiệp, “đỏ 100%”; trên 900 xã như trong trường hợp ba xã này ...

⁵³ Quốc Oai, Sdd., tr. 112.

⁵⁴ . Những văn kiện chủ yếu của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (từ tháng 12-1963 đến tháng 10-1964). Nxb. Sự Thật, Hà Nội, 1964, tr. 64.

⁵⁵ Thành uỷ Huế. Sơ thảo Lịch sử Đảng bộ thành phố Huế (1954-1975), tập II. Nxb. Thuận Hoá, Huế, 1995, tr. 96.

⁵⁶ . Lê Duẩn. Thư vào Nam. Nxb. Sự Thật, Hà Nội, 1985, tr. 248.

⁵⁷ . Đỗ Đức Thái. Thảm hoạ Việt Nam (Chính trường và chiến trường 1954-1975). Nxb Mùa Thu, Chicago, Illinois, 1985, tr. 132.

Sau đảo chính 1963, trong một thời gian ngắn, đường mòn Hồ Chí Minh trở thành một “xa lộ thành thang”, thực hiện chỉ thị của Đảng: “Lấy phương thức vận tải cơ giới làm chủ yếu, kết hợp với phương thức vận tải thô sơ, vận dụng linh hoạt phương châm “đánh, phòng, tránh”. Trước đây, đoàn vận tải ô tô chỉ vào Khe Hó đổ hàng rồi từ đây dùng voi hay sức người chuyển vào Palin Thừa Thiên. Đầu năm 1964, các đoàn ô tô đã có thể đi tới điểm trạm ngã ba biên giới Kontum, số lượng vận tải tăng 40 lần so với năm trước, tỉ trọng vận tải cơ giới là 51%”⁵⁸.

Từ trước tới nay, khi bàn về “Phong trào Phật giáo miền Nam năm 1963”, hầu hết các nhà nghiên cứu chỉ giới hạn ý nghĩa lớn lao của nó trong việc góp phần đánh đổ chế độ độc tài gia đình trị, giáo trị Ngô Đình Diệm. Trong thực tế, ý nghĩa của phong trào còn vượt xa hơn, trong đó vấn đề nổi trội nhất chính là ở chỗ phong trào *bước đầu làm phá sản chính sách can thiệp của Mỹ ở Việt Nam*, tạo đà cho phong trào cách mạng miền Nam đi đến thắng lợi trọn vẹn trong Đại thắng mùa Xuân năm 1975. Tình hình chính trường và chiến trường miền Nam trước và sau đảo chính (1-11-1963) chứng minh cho nhận định này.

Từ sự trình bày và phân tích trên đây, “Phong trào Phật giáo miền Nam năm 1963” nên được cấu tạo như thế nào trong giáo trình “*Lịch sử Việt Nam hiện đại*” (chuyên ngành lịch sử) ở bậc đại học và cao đẳng?

Trước hết phải khách quan mà nhận rằng trong hơn một thập kỷ trở lại đây, các giáo trình “*Lịch sử Việt Nam hiện đại*” (chuyên ngành lịch sử) ở bậc đại học và cao đẳng đã dành mười dòng trình bày về “Phong trào Phật giáo miền Nam năm 1963”. Gần đây, một số công trình nghiên cứu về phong trào này đã được công bố⁵⁹. Kết quả nghiên cứu đã được đưa vào chương trình giảng dạy dưới dạng chuyên đề ở Khoa Lịch sử, trường Đại học Sư phạm Huế từ năm học 2001-2002. Đây là một việc làm rất đáng trân trọng của Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Huế. Tuy nhiên, so với ý nghĩa lịch sử của phong trào như đã đề cập thì chừng đó vẫn chưa đủ, cần phải đưa nó ra khỏi “*tính địa phương*”.

Điều này có nghĩa là việc giảng dạy “Phong trào Phật giáo miền Nam năm 1963” phải được nhân rộng, không phải nhân rộng dưới dạng chuyên đề (điều này còn tùy thuộc đặc điểm của mỗi trường đại học), mà phải nhân rộng bằng cách đưa nội dung phong trào thành một mục trong giáo trình lịch sử Việt Nam hiện đại dùng cho chuyên ngành lịch sử ở các trường đại học và cao đẳng với một dung lượng lớn hơn. Làm được như vậy, tức là “*đổi mới tư duy lịch sử*”, tạo điều kiện cho đội ngũ sinh viên sư phạm chuyên ngành lịch sử nắm bắt đúng đắn và trọn vẹn về “*cái biện chứng của lịch sử*” trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975), nhằm làm tốt nhiệm vụ của người giáo viên giảng dạy lịch sử sau khi ra trường, cũng có nghĩa là góp phần giúp thế hệ trẻ Việt Nam nhận thức sâu sắc hơn về điều mà dân tộc đã khẳng định: “*Phật giáo Việt Nam với dân tộc như hình với bóng, tuy hai mà một*”. Đạt được như vậy, tất sẽ tạo thêm được nguồn lực trong công cuộc xây dựng đất nước hôm nay và cả trong tương lai.

ooo ***** ooo

⁵⁸ . Cao Thế Dung. Việt Nam ba mươi năm máu lửa - Cuộc chiến tranh tàn sát thương binh lần thứ nhất 1945-1963. Nxb Alpha, Falls Church, VA, USA, 1991, tr. 606-608.

⁵⁹ Lê Cung. Phong trào Phật giáo miền Nam Việt Nam năm 1963 (Luận án Tiến sĩ Sử học). Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 1999, Nxb. Thuận Hoá, Huế (rái bản), 2003, 2005. Đề tài tham gia Chương trình Visiting Scholar, Viện Harvarrd-Yenching, Đại học Harvard, Hoa Kỳ, 1995-1996.

Vài điều căn bản về phong trào Phật giáo

Cao Huy Thuần

Lời nói đầu: Ngày 30-4-2011 vừa qua, Thời Đại Mới có mở một cuộc đàm thoại nội bộ về nhu cầu nghiên cứu các phong trào tranh đấu ở các đô thị miền Nam trước đây. Sau đó, chúng tôi có yêu cầu anh NVL viết lại những ý kiến của anh thành bài và yêu cầu anh Cao Huy Thuần tóm tắt quan điểm mà anh đã phát biểu. Dưới đây là tóm tắt đàm thoại của anh CHT.

Thời Đại Mới: Hôm nay là 30-4, ngày kỷ niệm chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam. Năm ngoái, anh đã có một bài trò chuyện với VietnamNet. Năm nay, chúng tôi cũng mời anh tiếp tục chuyện trò như thế, không phải vì một mục tiêu chính trị nào, mà để góp phần vào việc nghiên cứu nghiêm túc các phong trào tranh đấu ở các đô thị miền Nam cũ, nghiên cứu sử hiện đại. Đề nghị anh nói về phong trào Phật giáo, tuy biết anh rất ngại. Tại sao anh ngần ngại?



Cao Huy Thuần: Vì nhiều lẽ. Một, là tôi luôn luôn hướng về tương lai, không thích vẩn vương những chuyện quá khứ. Hai, là nói đến phong trào Phật giáo tất phải bắt đầu bằng cuộc nổi dậy chống chính quyền Ngô Đình Diệm năm 1963, và như thế thì bắt buộc phải động đến vai trò của Thiên chúa giáo dưới thời ông Diệm. Vấn đề tôn giáo là vấn đề nhạy cảm số một, nếu ngày nay tôi còn quan tâm là vì có liên quan đến an ninh của nhà nước, nhưng chuyện của ngày xưa thì tôi muốn quên, cần quên, phải quên, vì nhu cầu hòa hợp dân tộc cũng là vấn đề hệ trọng không kém. Ba, là nếu muốn viết lại lịch sử phong trào Phật giáo thì phải viết cả cuốn sách, việc đó tôi làm không nổi. Tôi không biết có nên nói thêm một lẽ thứ tư không, có lẽ nên, để xung tụng một từ ngữ hoạt kê đầy tính tượng hình: "chụp mũ". Phong trào Phật giáo từng bị chụp mũ "thân Mỹ", "thân Cộng", lắm khi đội hai cái mũ một lần. Trả cái mũ về cho cái mũ thì cái đầu thành thoi hơn, tội gì bắt cái đầu phải nhớ lại chuyện cũ?

TĐM: Chụp mũ là chuyện thường tình, trừ khi anh không có cái đầu. Trót có cái đầu thì ráng chịu. Sở dĩ TĐM đặt lại với anh vấn đề nghiên cứu phong trào Phật giáo là vì, như anh Ngô Vĩnh Long vừa nói, chưa có nghiên cứu tốt về phong trào này. Anh có nghĩ như vậy không?

CHT: Tôi cũng nghĩ như vậy, nhưng vì một cái nhìn có lẽ khác với anh Ngô Vĩnh Long. Các bài viết về phong trào Phật giáo cho đến nay chưa làm rõ ra được cái cốt lõi của phong trào. Cốt lõi ấy không phải là

chính trị mà là văn hóa, đạo đức. Nói ra thì rất dài, ở đây tôi chỉ có thể tóm tắt thôi. Nhưng nếu nhìn phong trào với con mắt chính trị thì chỉ thấy ngoài da, không thấy tận gan tận ruột. Đặc tính văn hóa, đạo đức ấy xuyên suốt phong trào trong cả hai giai đoạn: giai đoạn chống độc tài, độc tôn và giai đoạn chống chiến tranh, đòi hòa bình. Giai đoạn đầu (1963-65) là giai đoạn vàng son, chống chế độ Diệm và các chế độ quân nhân sau Diệm. Giai đoạn sau, từ 1966, từ lúc Mỹ can thiệp rần rộ vào chiến tranh, là giai đoạn suy vi, vừa bị người Mỹ giúp ông Kỳ đàn áp thẳng tay ở miền Trung, vừa bị chính quyền Thiệu-Kỳ chia rẽ hàng ngũ bằng cách dựng lên một nhánh Phật giáo đối nghịch. Dù thịnh dù suy, phong trào không mất quần chúng và cũng không rời khỏi phương châm văn hóa, đạo đức. Mà suy cũng là lẽ tất nhiên khi chiến tranh leo thang tàn khốc, mọi tiếng nói hòa bình phải bị bóp nghẹt.

TDM: *Cả từ hai phía?*

CHT: Hãy nói từ phía kẻ càn, hãy nói từ trong lòng chế độ quân nhân, từ trong lòng bộ máy chiến tranh của Mỹ, từ phía người Mỹ. Không dễ gì cất lên tiếng nói hòa bình khi họ quyết định đánh cho đến cùng. Chỉ chừng đó đã lao đao rồi, nói gì thêm! Nhưng chính trong lao đao mà bản chất văn hóa, đạo đức của phong trào lại càng rõ. Giữ cho được bản chất đó, ôi, bao nhiêu khó khăn, bao nhiêu bầm dập, bao nhiêu cái mũ phải đội trên đầu. Nhưng, gạt qua một bên những chuyện hời hợt hoa lá cành, nhìn nhựa chảy bên trong thân cây, thì dù khi lên khi xuống, người nghiên cứu sẽ thấy lộ lộ hai ý tưởng chính nuôi dưỡng phong trào: một, là phải trả lại cho Việt Nam văn hóa truyền thống của dân tộc; hai, là Phật giáo phải làm sáng tỏ ra rằng mình biểu hiện lương tâm của dân tộc. Anh có thể đồng ý hay không đồng ý với hoài bão của các người lãnh đạo phong trào, nhưng đây mới là cốt lõi của vấn đề, mới là động cơ thúc đẩy hành động của họ.

TDM: *Giai đoạn đầu, ai cũng biết: Phật giáo khởi đầu phong trào lật đổ ông Diệm. Dù muốn dù không, thế là chính trị! Có phải lật đổ ông Diệm là mục tiêu của phong trào?*

CHT: Không phải. Chính xác mà nói, Phật giáo không chống ông Diệm mà *chống chính sách kỳ thị tôn giáo* của ông ấy. Đây không phải chỉ là lời nói đầu môi; đây là thâm sâu tận bên trong triết lý của đạo Phật. Đạo Phật chỉ xem hành động là có, còn tất cả đều không. Chống, là chống hành động, không chống con người. Cho nên sự chống đối ấy, từ đầu, mang tính văn hóa, đạo đức, chứ không phải chính trị. Các người lãnh đạo nói: đạo Phật là đạo của dân tộc Việt Nam từ xưa, đã làm nên văn hóa Việt Nam, sao bây giờ ông Diệm lại bắt cả dân tộc đó phải hát suy tôn ông khi chào cờ "*xin Thượng đế ban phước lành cho Người*"? Văn hóa truyền thống Việt Nam không có khái niệm "*thượng đế*", không có ngôn từ "*ban phước lành*". Ai có khái niệm đó thì cứ xin, sao lại bắt ai ai cũng phải nhất tề xin, mà lại xin trước cái biểu tượng thiêng liêng là ngọn quốc kỳ? Thượng đế và quốc kỳ là một? Nhà nước và Nhà thờ là chung? Cái nhục ấy, trước tiên, là nhục văn hóa hay là nhục chính trị? Uất ức chồng chất trong chín năm không phải vì ông Diệm là tín đồ của một tôn giáo nào, mà vì ông đã cuồng tín tôn giáo đến mức làm nhục một gia tài văn hóa trong đó Phật giáo là một bộ phận chính. Ấy chỉ là một ví dụ trong trăm ngàn uất ức chồng chất như non. Từ đó, lộ ra đặc tính đạo đức. Đạo đức ở đây là chống *bất công*.

Buồn cười không thể tưởng tượng về cái Dự số 10: Dự này không xem Phật giáo như một tôn giáo mà chỉ như một hiệp hội, ngang hàng với các hiệp hội từ thiện, mỹ nghệ, tiêu khiển, thể thao! Tôn giáo thì chỉ có một thôi, là Thiên chúa giáo vì Thiên chúa giáo không nằm trong Dự số 10. Lại cũng buồn cười không kém cái lý do mà ông Diệm gạt ngày Phật Đản ra khỏi danh sách nghỉ lễ hàng năm: khi Phật sinh ra, Phật chưa là Phật, còn khi Chúa sinh ra, Chúa đã là Chúa. Phật giáo phải đứng dậy để đòi cái gì? Buồn cười ra nước mắt: đòi dẹp bỏ Dự số 10 để mình được làm... tôn giáo như ai! Không nhận ra cái bất công khủng khiếp này thì không hiểu được cái nhục mà tôi gọi là cái nhục gia tài, cái nhục không riêng gì của thế hệ lúc đó mà nhục cả cha ông từ bao nhiêu thế hệ trước. Thành công của phong trào Phật giáo trong vụ nổi dậy năm 1963 là do ở chỗ dân chúng cảm lấy cái nhục đó. Từ một động cơ có tính văn hóa và đạo lý, chống đối ông Diệm trở thành chính trị khi quần chúng và sinh viên phát triển tranh đấu đòi bình đẳng tôn giáo lên thành tranh đấu chống độc tài gia đình trị.

TDM: *Dụ số 10 không phải có từ thời ông Diệm mà đã có từ thời Bảo Đại. Ông Diệm chỉ thừa hưởng.*

CHT: Đúng vậy! Và chính vì vậy mà cái nhục của Phật giáo được dân tộc san sẻ, trở thành cái nhục chung. Một đạo dụ, ban hành dưới thời bán thuộc địa Liên Hiệp Pháp, xếp tôn giáo truyền thống của dân tộc vào loại vô tôn giáo, lại được một chính quyền mang tiếng là độc lập trân trọng giữ y nguyên văn, áp dụng triệt để, như thể là con thừa tự! Độc lập chỗ nào? Nhục cho cả nước. Dân chúng miền Nam bị trùng hai cái ách vào cổ: cái ách độc tài chính trị và cái ách độc tài tôn giáo. Ông Diệm muốn độc chiếm cả cái đầu lẫn con tim. Được người Mỹ nâng lên hàng lãnh tụ thế giới, ông tuyên bố thẳng thừng: muốn chống lại miền Bắc cộng sản, miền Nam phải trở thành Thiên chúa giáo, Nhà thờ là "*thành trì chống lũ về tâm linh của dân tộc*"[1]. Không phải riêng gì miền Nam, cả các nước Á châu khác nữa. Trước Đại hội Liên đoàn các nước Á châu chống Cộng họp tại Sài Gòn năm 1957, ông đồng dục xuất khẩu cái chân lý ấy: "*Chúng ta không được ngần ngại trong việc áp dụng khí giới của chân lý mà Thiên chúa giáo đã trao lại cho chúng ta. Biết áp dụng khí giới đó phải là mục tiêu của Liên Đoàn*"[2].

Tôi không muốn dài dòng về chuyện này vì ai cũng biết. Nói chừng đó là đã đau lòng lắm rồi. Đau lòng cho Phật giáo vì khơi lại một vết thương. Đau lòng cho cả các bạn Thiên chúa giáo vì tôn giáo cao quý của các bạn bị cả một gia đình và cả một lực lượng quá khích lạm dụng để cai trị và đàn áp. Thế chẳng phải là văn hóa? Thế chẳng phải là đạo lý?

TDM: *Đúng là ở Việt Nam, khác với các nước thuộc địa khác, không có một giai đoạn mà người nghiên cứu gọi là giai đoạn giải thực, decolonisation. Vừa độc lập đã chiến tranh. Vừa hết chiến tranh với Pháp đã tiếp nối chiến tranh với Mỹ. Không có một giai đoạn nào ngưng nghỉ để cả dân tộc suy nghĩ lại về cái được cái mất, xét về khía cạnh văn hóa, trong thời thuộc địa. Nhưng dù vậy đi nữa, Phật giáo đã hồi sinh năm 1930. Phật giáo đã hồi sinh trong một bối cảnh chính trị và văn hóa bất lợi. Cũng vậy, trong hoàn cảnh chính trị và văn hóa bất lợi của năm 1963, phong trào Phật giáo đã có thể nổi dậy, hồi sinh. Ngoài cái nhục mà anh đã nhấn mạnh như là động cơ, còn có những yếu tố văn hóa gì đến từ bên ngoài hỗ trợ cho động cơ đó?*

CHT: Cuộc nổi dậy 1963 bắt đầu ở Huế, sau khi xe bọc sắt của ông Diệm nổ súng vào quần chúng tụ tập trước đài phát thanh để nghe truyền lại buổi lễ Phật đản, giết chết 7 em bé. Máu đã chảy ra tại Huế, tất nhiên phong trào bắt đầu từ Huế. Nhưng nếu phong trào bùng lên được, chính là nhờ vị thế văn hóa của Huế, đặc biệt hơn ở đâu khác. Huế là đất của chùa. Đa số dân chúng là Phật tử. Một thành phố hiền lành. Một thành phố tiểu công chức, tiểu thương gia, vừa đủ tiền để cho con ăn học và lấy học thức làm thước đo đạo đức và thành công. Nơi con đường chính của thành phố, ngắn chỉ vài trăm thước, có đến hai ba nhà sách, tập nập khách học trò. Thành phố này là thành phố học trò, đẹp nhờ học trò, hoa bay bướm lượn thanh khiết tà áo học trò. Nếu muốn tìm một thành phố cổ truyền đẹp thuần túy Việt Nam hồi đó, Huế là tiêu biểu. Lại một điều là quân đội Mỹ biết đặc điểm đó hơn ai cả. Trong suốt chiến tranh, họ biến Đà Nẵng thành ra một thành phố đầy lính và phụ nữ phục vụ lính, nhưng ở Huế, lính Mỹ đóng bản doanh ở ngoại ô, không được phép vào thành phố. Ngoài sách vở, báo chí và nhà trường, cả cái thành phố tiểu công chức ấy mua vui trí thức hàng ngày với cái đài BBC. Trong cuộc nổi dậy 1963, lính của ông Diệm có thể vây chùa Từ Đàm, nhưng vây hàng ngàn cái máy thu thanh thì vô kế khả thi.

Biết Huế là thành phố văn hóa, và văn hóa Phật giáo, ông Diệm đánh một chương văn hóa bằng cách thành lập Đại Học Huế, đại học thứ hai sau Sài Gòn. Hành động này hợp lý và đáng khen, vì cả miền Trung không có đại học, con em nhà nghèo không có đường tiến thân. Nhưng thâm ý của tổng giám mục Ngô Đình Thục không phải thế: đại học Huế phải là nơi truyền đạt triết lý tôn giáo của chế độ, khác với đại học Sài Gòn lúc đó hãy còn giữ phần nào ảnh hưởng văn hóa phóng khoáng của Pháp. Chưa đủ thời gian để thực hiện chính sách, ông Diệm đã lấy gậy ông đập lưng ông: Đại học Huế cung cấp một lượng giáo sư và sinh viên đủ tâm huyết để lao vào phong trào 1963. Trong thành phố học trò ấy, tiếng nói của các ông giáo có một sức động viên đặc biệt và máu nóng của sinh viên truyền hăng hái vào mọi gia đình.

Phong trào tranh đấu nào cũng có biểu tượng. Thật lạ kỳ: xe bọc sắt của ông Diệm bắn bừa vào quần chúng, vậy mà 7 xác chết là 7 em bé, 7 em học trò. Biểu tượng của phong trào là 7 em bé trắng trong. Trắng

trong như biểu ngữ trương ra sau đó: tuyệt nhiên chỉ đòi hỏi bình đẳng tôn giáo. Trong thành phố mà linh hồn là học trò, cái chết của 7 em bé học trò gây một ấn tượng mạnh trong tuổi trẻ: sinh viên đứng dậy với quần chúng Phật tử vì bạo quyền bắn vào lý tưởng của họ, bắn vào chính cái trong trắng của tuổi trẻ. Ấn tượng càng mạnh hơn khi bác sĩ Wulf, giáo sư đại học Đức qua dạy tại Huế, bồng trong tay xác các em bé máu me nhầy nhụa.

TĐM: *Nhưng quan trọng hơn nữa là 7 cái áo lam của 7 em bé...*

CHT: Đúng vậy. Máu chảy thấm ướt áo lam. Một biểu tượng văn hóa không gì mạnh hơn. Bởi vì, tôi lại nói như một điệp khúc, bắn vào áo lam là bắn vào văn hóa, không phải riêng gì của Phật giáo, mà của truyền thống, của dân tộc. Các nhà lãnh đạo phong trào nhìn vấn đề như vậy. Và chính cái nhìn đó tạo nên sức mạnh tinh thần ghê gớm, bất chấp mọi đàn áp, mọi hy sinh. Sài Gòn đã từng là trung tâm phản đối chính trị: nào là của nhóm các nhân sĩ Caravelle, nào là đảo chánh 1960, nào là ném bom trên Dinh Độc Lập năm 1962... Nhưng đối kháng chính trị chẳng ăn nhằm gì đâu so với đối kháng văn hóa. Đối kháng văn hóa mới là đối kháng từ cốt tủy. Lịch sử đã chọn đúng Huế để nổ ra đối kháng đó. Và lịch sử cũng đã chọn đúng người để lãnh đạo đối kháng.

TĐM: *Hòa thượng Trí Quang?*



South Vietnam's most powerful Buddhist leader, Thich Tri Quang (L) arose out of three years of obscurity 3/31 to demand the ouster of President Thieu. Tri Quang led a demonstration of monks, clerics, and laymen from An Quang Pagoda under banners demanding that Thieu resign. (Tri Quang was credited for the overthrow of late President Ngo Dinh Diem in November 1963.)

CHT: Vâng, lúc đó hãy còn là thượng tọa. Dưới đây, tôi gọi bằng "thầy" cho tiện. Ai ở trong giai đoạn lịch sử đó, dù ở trong phe bạn hay phe nghịch, dù là chính trị gia hay tướng tá quân nhân, dù là Việt, dù là Mỹ, đều nói: đây là một nhà lãnh đạo xuất chúng. Một sức thu hút không ai bì được. Một *charisma*, đúng nghĩa của Weber. Nhưng trước hết là một lòng tin sắt đá. Tin rằng Phật giáo và văn hóa Việt Nam là một. Tin rằng Phật giáo phải luôn luôn tự mình xứng đáng để vẫn là một với Việt Nam. Muốn hiểu phong trào Phật giáo lúc đó phải hiểu con người này. Phải đọc những gì ông viết, hoặc đã in ra, hoặc chưa in.

TĐM: *Chưa in thì làm thế nào mà đọc?*

CHT: Nguyễn Du than thở: "bất tri tam bách dư niên hậu". Nhưng chưa đầy ba trăm năm sau thiên hạ đã khóc Tố Như rồi. Lịch sử là một tấm gương, cái gì rồi cuộc rồi cũng phản chiếu vào đó. Tôi đọc một đoạn nhỏ trong tấm gương đó nhé, chưa in hay in rồi không quan trọng:

"Phật giáo không thích ứng với chính trị mà thích ứng với văn hóa. Phật giáo tồn tại bởi dân tộc, không như tôn giáo khác tồn tại vì chính quyền. Hồi nhỏ, một hôm tôi xuống đò ngồi với một số người. Trong khi chờ qua sông, họ đua nhau kể ra những hoạt động đêm qua của kháng chiến. Đang kể bỗng im bật. Họ thấy một giáo sĩ cũng sắp xuống đò qua sông. Họ không e ngại một tăng sĩ mà e ngại một giáo sĩ. Chuyện

này cũng cố cho tôi sự nhận định về vị trí của Phật giáo. Phật giáo đại gì đánh mất niềm tin cậy của dân gian?"

TDM: *Tuy vậy, tuy không ham chính trị, nhưng có lẽ vì con người của hòa thượng Trí Quang quá sắc bén nên các ký giả Mỹ và cả nhà cầm quyền Mỹ vẫn cứ thắc mắc về hai câu hỏi có liên hệ với nhau: một, là hòa thượng có phải muốn Phật giáo trở lại vị thế quốc giáo không, và hai, có thể có chiến tranh giữa Phật giáo và Thiên chúa giáo không? Báo Mỹ lúc đó viết về hòa thượng như là "Makarios của Đông Nam Á". Makarios là tổng giám mục và tổng thống đầu tiên của Cộng Hòa Chypre năm 1960.*

CHT: Sự thực không có gì đơn giản hơn. Các ký giả Mỹ cũng đã hỏi thầy: "Bản thân thượng tọa ư muốn gì?" Câu trả lời là: "*Là dịch sách Phật giáo. Việc làm như bây giờ chỉ là bắt đắc dĩ, rất bắt đắc dĩ*". Muốn kiểm chứng xem câu nói đó có trung thực không, chỉ cần nhìn thầy sống như thế nào từ 1975 đến nay: đóng cửa, không tiếp khách nào, không màng thế sự, không hơn thua, không thị phi, suốt ngày chỉ dịch kinh, bình chú. Bởi vậy, đừng xem câu trả lời sau đây của thầy về chuyện "quốc giáo" là nói kiểu ngoại giao: "*Vị thế quốc giáo xưa của Phật giáo quả thực tráng lệ mà siêu thoát. Dầu là quốc giáo, Phật giáo đã không độc tôn, không kỳ thị, bao giờ cũng là đóa sen không nhuốm bẩn. Truyền thống đó, Phật giáo phải bảo trọng. Chính vì bảo trọng truyền thống đó mà, thời nay, Phật giáo phải bảo thủ vị thế tôn giáo thuần túy của mình*".

Còn câu trả lời về "chiến tranh", có chiến tranh tôn giáo không? Đây đây, gọn lỏn: "*Không. Tương tranh còn không thể có, nói chi đến chiến tranh*". Triết lý Phật giáo nhấn mạnh trên "nghịệp". Nghịệp, tức là hành động. Hành động có thiện, có ác. Chồng, là chồng cái ác của hành động, không chồng con người, không thù hận với con người. Với tôn giáo cũng vậy, không có chuyện tôn giáo này chồng tôn giáo kia, chiến tranh tôn giáo là chuyện man rợ, chuyện của địa ngục. Ai đọc thầy Trí Quang lúc đó sẽ để ý thầy nhắc lui nhắc tới hoài với quần chúng Phật tử một chữ, chữ "*khác*": Phật giáo phải "*khác*" với các tôn giáo ở phương Tây về chuyện quyền hành, về chuyện thánh chiến. Dưới sự lãnh đạo của thầy, phong trào Phật giáo không đi ra khỏi mục tiêu văn hóa - văn hóa theo nghĩa rộng. Phong trào chống chiến tranh từ 1966 cũng vậy, cũng chỉ nhắm mục tiêu ấy thôi.

TDM: *Trong giai đoạn 1964-66, báo chí Mỹ đặt rất nhiều câu hỏi về hòa thượng Trí Quang, không hiểu tại sao nhà lãnh đạo này chống hết chính quyền này đến chính quyền khác. Năm 1966, ông mở phong trào đòi bầu cử Quốc hội lập hiến. Nhà cầm quyền Mỹ, cũng như tòa đại sứ Mỹ, nghĩ rằng ông đòi bầu cử Quốc hội là để chiếm đa số, để hất Thiệu-Kỳ, để khuynh loát chính trường miền Nam. Họ nói: ông không phải là vua, nhưng ông muốn là người tạo ra vua. Đúng chẳng?*

CHT: Lầm to! Trong quá khứ, lúc đó, bây giờ, và mãi mãi, Phật giáo không dính vào chính trị. Đạo Phật "nhập thế" là nhập thế vào xã hội, nhắm vào con người mà cho vui, cứu khổ, nhưng đạo Phật "siêu thoát" thế gian, nhất là siêu thoát khỏi chính trị. Các quốc sư ngày xưa đã để lại tấm gương trong sáng vắng vạc. Các vị ấy ở trong núi. Không ở trong kinh thành. Tại sao thầy Trí Quang đòi bầu cử Quốc hội? Tại vì có Quốc hội thì mới có cái thể hợp pháp để đòi người Mỹ chấm dứt chính sách chiến tranh. Người Mỹ lúc đó quyết liệt chủ trương một đường lối duy nhất là chiến tranh đến cùng, "*hòa bình là chiến tranh tàn lụi*", họ nói vậy. Được cái thế đó, Thiệu-Kỳ trương lên cái bảng hiệu "*nội các chiến tranh*", tiền hô hậu ủng với người Mỹ, hai dạ một lòng. Để gì nói lên tiếng nói hòa bình trong tình thế đó! Làm sao nói? Chỉ có cách là làm cho dư luận ở tận bên Mỹ thấy rằng đó là tiếng nói, đó là nguyện vọng của dân phát biểu qua cơ quan dân cử.

Kết hợp nguyện vọng hòa bình với ác cảm của quần chúng đối với các chế độ tướng tá, đòi hỏi Quốc hội lập hiến được dân chúng nhiệt liệt hưởng ứng, từ khắp các tỉnh đến tận thủ đô Sài Gòn. Một lần nữa, tiếng nói của Phật giáo đồng hóa với tiếng nói của quần chúng. Mà tại sao Phật giáo đòi hỏi hòa bình? Chính trị gì chẳng? Không! Văn hóa! Đòi hòa bình vì chiến tranh đe dọa sự tồn vong của dân tộc, nuôi dưỡng sự tha hóa của con người. Đòi hòa bình vì Phật giáo luôn luôn hoài bão rằng mình là lương tâm của dân tộc. Đó là động cơ văn hóa, đạo đức của phong trào 1966. Phật giáo chủ trương: chỉ có văn hóa hòa bình. Không thể có "văn hóa chiến tranh". Không có "văn hóa chém giết", "văn hóa đạn bom".

TĐM: *Dù là đạn bom đến từ phía nào?*

CHT: Câu hỏi này, không thể trả lời ngắn gọn được, xin hẹn một dịp khác. Nhưng dù trả lời thế nào đi nữa, mục đích của phong trào Phật giáo vẫn không ở ngoài hai phương châm - hai phương châm này tóm tắt toàn bộ phong trào Phật giáo từ 1963: bảo vệ "văn hóa dân tộc", bảo vệ "văn hóa hòa bình". Đơn giản chỉ thế. Tôi trích thêm một câu tâm tư của thầy Trí Quang để tóm tắt cả lịch sử của giai đoạn biến động ấy và cũng để soi sáng con người đặc biệt của thầy: "Tổng chi, tôi có tham vọng không? Có, mà có đến nỗi có người đã nói hơi chướng nữa. Tham vọng của tôi không mơ mộng Phật giáo trở lại vị thế quốc giáo như thời xa xưa, càng không muốn Phật giáo thành một Thiên chúa giáo thứ hai! Tôi chỉ mong ước, trong cơn nghiêng ngửa của đất nước, ai nhìn vào Phật giáo cũng nghĩ rằng đất nước này còn có cái ấy".



Quang

Các Thượng tọa **Thích Hộ Giác**, **Thích Thiện Minh** và **Thích Trí**

TĐM: *Thầy có được vừa ý không?*

CHT: Không. Thầy nói: Chuyện của thầy là "*Cao cao sơn thượng hành thuyền / Thâm thâm hải đế mã tẩu*". Chuyện "ngựa phi dưới nước, thuyền chèo trên non".

TĐM: *Hôm nay là ngày 30-4. Anh có ý nghĩ gì để nói thêm? Ít nhất là về hòa bình, phương châm thứ hai của Phật giáo?*

CHT: Tôi vừa đọc báo Đại Đoàn Kết viết bài để kỷ niệm ngày 30-4 năm nay, 2011. Thú thật, tôi cảm động. Bài báo trích một câu của cố thủ tướng Võ Văn Kiệt: "Chiến thắng của chúng ta là vĩ đại, nhưng chúng ta cũng đã phải trả giá cho chiến thắng đó bằng cả nỗi đau và nhiều mất mát. Lịch sử đã đặt nhiều gia đình người dân miền Nam rơi vào hoàn cảnh có người thân vừa ở phía bên này, vừa ở phía bên kia, ngay cả họ hàng tôi cũng như vậy. Vì vậy, một sự kiện liên quan đến chiến tranh khi nhắc lại có hàng triệu người vui mà cũng có hàng triệu người buồn. Đó là một vết thương chung của dân tộc cần được giữ lành thay vì lại tiếp tục làm nó thêm rỉ máu". Ông nói thêm: "Theo tôi, đã đến lúc ta phải nhìn nhận công lao, sự đóng góp to lớn của các tầng lớp người Việt yêu nước từng sống trong lòng chế độ cũ, hiện ở trong nước hay ở bên ngoài. Bản thân tôi cùng với anh em được giao tiếp quản Sài Gòn năm 1975, một Sài Gòn nguyên vẹn sau một cuộc chiến tranh như vậy, tôi nghĩ không thể không nói đến vai trò của các lực lượng chính trị đối lập với Mỹ-Thiệu, có quan hệ với chính phủ Dương Văn Minh lúc bấy giờ".



Tướng Dương văn Minh

Cố thủ tướng gọi chính phủ Dương Văn Minh là "chính phủ". Và ông vinh danh một "Sài Gòn nguyên vẹn". Giả như thủ tướng còn sống để đọc một câu hồi ký của hòa thượng Trí Quang mà tôi trích nguyên văn ở đây nhân ngày 30-4: "Cuối cùng, vào một buổi chiều, ông Minh gặp tôi. Ông đưa ra hai mảnh giấy của người ta báo cáo mật cho ông. Một, cho biết ngân hàng bị rút tiền gần sạch. Một, vẽ một họa đồ quân sự tuyệt vọng - mảnh giấy ghi chú bằng chữ Mỹ. Ông nói, nếu vì tiền thì tiền hết rồi, nếu vì chức thì chức quốc trưởng ông đã làm, nếu vì cứu vãn quân sự thì đã vô vọng. Nhưng, ông nói, ông phải cứu dân khỏi chết vô ích. Tôi nói, đại tướng nói y như ý hòa thượng viện trưởng Trí Thủ mới nói sáng nay. Tôi thuật lại câu nói ấy, và rằng tôi xin làm chứng cho đại nguyện "thay người chịu khổ" của bản thân và bằng hữu của đại tướng".

Hòa thượng Trí Thủ nói gì sáng ấy? Giữa buổi họp đồng đạo của Viện Hóa Đạo, hòa thượng nói: "*Tôm cá còn mua mà phóng sinh, huống hồ người chết mà không cứu?*"

Người Pháp có câu nói: "Các đầu óc lớn thường gặp nhau" ("Les grands esprits se rencontrent"). Tất nhiên họ muốn nói: gặp nhau trên tư tưởng. Tuy vậy, hai đầu óc lớn trên đây, hai con người cùng đặt Dân Tộc lên trên hết ấy, hai nhân vật lịch sử ấy dám gặp nhau không phải chỉ trên tư tưởng. Nhưng một người đã chết quá bất ngờ, một cánh cửa chưa kịp gõ, và con tàu lịch sử đã rời nhà ga thiếu một hành khách. Lịch sử vốn vậy, không vô tình nhưng lắm khi trở trêu, khiến bao nhiêu cuộc hẹn bỗng thành lỗi hẹn !

Chú thích : [1] *Extrême-Asie*, 26-8-1961. [2] *Révolution Africaine*, n° 20, 15-6-1963.

http://www.tapchithoidai.org/ThoiDai21/201121_CaoHuyThuan.htm / Thời Đại Mới số 21 (tháng 5/2011)

Chương Ba LỬA TỪ BI

Gọi hết lửa vào xương da bỏ ngổ

- 1 Lời Dẫn Dò ngày 10 tháng 6 năm 1963 của Hòa Thượng Thích Quảng Đức..... lichsuvietnam.info
- 2 Về một bức thủ bút chữ Nôm của Thích Quảng Đức.....Phạm Quý Vinh
- 3 Từ Ngọn lửa Thích Quảng ĐứcNguyễn Quốc Tuấn
- 4 Dư luận và Cảm phục của Thế giớiVũ Văn Mẫu
- 5 Sức mạnh Bất bạo động nhìn từ Ngọn lửa Thích Quảng Đức.....Lê Cung

Lời Dẫn Dò ngày 10 tháng 6 năm 1963 của Hòa Thượng Thích Quảng Đức

lichsuvietnam.info

Ai sống trong thời 1963 và được chứng kiến cảnh tượng bi tráng độc nhất vô nhị này, đều biết khi Bồ Tát Thích Quang Đức tự thiêu tại ngã tư Phan Đình Phùng - Lê Văn Duyệt (nay là ngã tư đường Nguyễn Đình Chiểu và Cách Mạng Tháng Tám) toàn thân ngài không tỏ vẻ đau đớn gì mà ngài vẫn điềm nhiên trong tư thế ngồi Thiền, sau khi thân xác ngài đã cháy rụi hết, duy chỉ còn quả tim là không cháy, người ta lấy quả tim đó đem vô lò thiêu lại, dưới sức nóng ..4000 độ,cái lò thiêu muốn nứt nẻ ra, vậy mà trái tim của Bồ Tát Thích Quảng Đức vẫn còn trơ ra đó. Giới báo chí trong nước và nước ngoài có mặt lúc đó thi nhau chụp hình, sự kiện này làm chấn động đất Sài Gòn một thời nói riêng và toàn Thế Giới nói chung, điều này làm cho mọi người càng thêm tin tưởng vào sự nhiệm màu của Phật Pháp không phải là hư danh.



Tấm ảnh của Malcom Browne (Thông tấn xã AP) đoạt giải World Press Photo năm 1963

Hòa thượng Thích Quảng Đức đi tu từ thuở nhỏ ở miền Trung. Ngài sống cuộc đời giản dị và hoằng pháp độ sanh bằng phương cách xây dựng nhiều chùa. Ngài đã xây cất tất cả 31 ngôi chùa, gồm 14 chùa ở miền Trung và 17 chùa ở miền Nam.

Trong cuộc tranh đấu Phật Giáo chống chánh sách Kỳ thị Tôn Giáo và gia đình trị của chế độ Ngô-Đình-Diệm vào mùa Phật Đản 1963, là thời kỳ sôi nổi nhất, Hòa thượng Thích Quảng Đức về ngụ tại chùa Ấn Quang để tiện bề tham gia cuộc tranh đấu.

Ngày 30-5-63, Hòa thượng tham gia cuộc biểu tình tại công trường Lam Sơn trước trụ sở Quốc Hội, tới 5 giờ chiều về chùa Xá-Lợi dự cuộc tuyệt thực. Dịp này Hòa thượng Thích Quảng Đức trình lên Ủy ban Liên Phái Bảo vệ Phật Giáo một bức Tâm thư xin tình nguyện tự thiêu. Thư đề ngày 27-5-63. Ủy ban Liên Phái không chấp nhận sự tự thiêu.

Nhưng đến ngày 10-6-63, tình hình không được sáng sủa, chẳng những vậy mà Phật giáo tại Huế đang bị lâm nguy. Lúc này Hòa thượng đang tụng Kinh Pháp Hoa tại chùa Ấn Quang. Vào 8 giờ tối ngày 10-6-63, Thượng tọa Thích Tâm Châu và Thích Thiện-Hoa đang họp ở chùa Xá Lợi. Quý vị cho mời Đại đức Thích Đức Nghiệp tới chùa để nhờ Đại đức chuyển lời hỏi Hòa thượng Quảng Đức về tâm nguyện tự thiêu nếu Hòa thượng không thay đổi thì tổ chức ngay cuộc tự thiêu vào ngày hôm sau. Hòa thượng Quảng Đức trả lời Đại đức Đức Nghiệp rằng Ngài vẫn quyết tâm hy sinh cho đạo pháp, tự thiêu để cúng dường Tam Bảo. Trả lời Đại đức Đức Nghiệp xong, Hòa thượng bình thản như không có chuyện gì, lúc ấy là 7 giờ 30 đêm 10-6-1963, Ngài lên chánh điện Chùa Ấn Quang chủ lễ khóa Tịnh Độ thường ngày. Buổi lễ cuối cùng ấy có Đại đức Huệ Thới đi chuông, Đại đức Đức Niệm đi mõ.

Đại chúng hiện diện đều không ai biết một biến cố quan trọng sắp xảy ra. Sau khi Phật tử về hết, tại giữa chánh điện, Hòa thượng Quảng Đức mới tâm sự với hai Đại đức rằng:

“Vì đạo pháp tôi xin hiến thân giả huyễn này để cho Pháp Nạn được giải thoát. Ngày mai này tôi sẽ từ giả cõi đời, hẹn gặp hai Thầy ở cảnh giới Cực Lạc của Đức Phật A-Di-Đà. Sau khi tôi tự thiêu để hiến dâng cho Phật Pháp, xin các Thầy lưu ý, vì tôi không thể trực tiếp nói điều này với các Ngài lãnh đạo:

Một là, sau khi thân tôi thiêu thành tro bụi sẽ còn lưu lại một vật gì đó cho đời, thì đó là kết quả tốt đẹp về lời Phát nguyện của tôi hiến dâng thân này cho Đạo Pháp và đó cũng là thành quả đời tu hành của tôi.

Hai là, khi tôi thiêu, nếu tôi chết trong tư thế nằm ngửa thì nguyện vọng Phật-Giáo sẽ thành công, các Thầy cứ tiếp tục tranh-đấu. Ngược lại nếu tôi chết nằm sấp thì quý Thầy nên tìm cách đi ra các nước Miên, Lào, Thái, v.v... để mà tu, nguyện vọng tranh đấu của Phật-Giáo sẽ không thành.

Ba là, ngày di quan tài của tôi, nếu các Thầy có cảm thấy triệu-chứng gì lạ lạ, có thể là ngủ mộng thấy, có thể là cảm giác hay triệu chứng gì thì nên đình chỉ ngay, dời việc di quan qua ngày khác.”



Nghĩ lại ba điều Hòa thượng Quảng Đức nói đêm trước ngày tự thiêu đều hiển ứng:

1. Thân thể Ngài thiêu thành tro, mà quả tim của Ngài vẫn còn đỏ hồng như trái xoài chín dưới sức nóng 4.000 độ; nóng đến nỗi lò thiêu An Dưỡng Địa đã phải nứt nẻ.

2. Khi ngọn lửa thiêu thân vừa lặn tắt, ba lần cúi đầu xá về hướng Tây, liền ngay khi đó, Ngài bật ngửa nằm im trên mặt đất giữa ngã tư đường Phan Đình Phùng và Lê Văn Duyệt trong tiếng niệm Phật vang dội của hàng trăm chư Tăng Ni đang ngồi vây quanh chấp tay thành kính. Tư thế viên-tịch đúng như Ngài huyền ký lại, làm cho Tăng tín đồ tin tưởng vào sự thành công nguyện vọng bình đẳng tôn giáo mà quyết tâm dấn thân hơn. Chung cuộc chánh nghĩa đã thắng.

3. Ai sống trong thời 1963, nếu có lưu tâm đến thời cuộc đều nhớ ngày di quan của Hòa thượng Quảng Đức ra An Dưỡng Địa để thiêu thì theo chương trình là 10 giờ sáng. Dân chúng ở hai bên đường Phan Thanh Giản và đường Minh Mạng lập hương án để tiễn đưa Ngài; nhưng mọi người đợi mãi đến hơn 12 giờ trưa mà vẫn chẳng thấy đâu. Sau đó mới nhận được thông báo của Ủy ban Liên Phái Bảo vệ Phật-Giáo cho biết dời ngày di quan. Dân chúng lúc bấy giờ vô cùng bàng hoàng kinh ngạc. Khoảng 2 giờ chiều hôm ấy, người ta thấy năm bảy người mặc sắc phục đen lặng lẽ từ dưới bờ ruộng bước lên gờ những quả mìn đã được chôn từ lúc nào trên quãng đường đất dẫn đến lò thiêu của An Dưỡng Địa.

Nói về Hòa thượng Quảng Đức, người sống rất giản dị thật bình dân. Lúc nào tay cũng lần chuỗi, niệm Phật với gương mặt thân nhiên và miệng luôn luôn như mỉm cười. Những ngày Ngài ở chùa Ấn Quang để chờ cấp lãnh đạo Phật Giáo chấp thuận tâm nguyện tự thiêu, Ngài ăn cơm với Tăng chúng chứ không ngồi ăn cùng bàn với Ban Giám đốc Phật Học Đường Nam Việt ở Chùa Ấn-Quang, hay các vị lãnh đạo Phật-Giáo.

Nói như thế để chúng ta thấy rằng, người mang tâm nguyện Bồ-Tát vào đời hành đạo bao giờ cũng thể hiện đời sống bình dị, pháp tu đơn giản của Phật dạy. Pháp tu đơn giản mà chúng tôi muốn nói ở đây chính là Pháp môn niệm Phật. Có lẽ vì quá đơn giản mà người đời xem thường, từ tâm lý xem thường đưa đến khó tin

vào năng lực của Pháp môn niệm Phật, như Kinh A-Di-Đà Phật nói: “Nan tín chi pháp”. Có nghĩa là Pháp môn niệm Phật vắng sanh Cực Lạc thật là đơn giản mà hiệu năng thì vô cùng. Vì vậy mà người đời khó tin!

Tưởng cũng nên nhắc lại, đến đêm 20-8-63, Ngô Đình Diệm lại phản bội những gì đã ký kết với Phật Giáo, rồi cho lệnh tấn công vào các chùa, bắt giam tất cả Tăng Ni toàn quốc, kể cả các vị lãnh đạo Ủy an Liên Phái Bảo vệ Phật Giáo Việt Nam tại Chùa Xá-Lợi.

Trong đêm đó, cảnh-sát của Diệm Nhu dự định đoạt lấy Trái Tim Xá Lợi, nhưng một Thiếu tá Cảnh sát đã nhanh tay cất giấu Trái Tim Xá-Lợi ấy khiến toàn Cảnh sát quỳnh quáng tìm kiếm mà không ra. Sau khi tình hình yên ổn, vị Thiếu Tá ấy - là một Phật tử – đem hoàn lại vật thiêng cho quý vị lãnh đạo Phật Giáo tại chùa Xá-Lợi. Sau này khi Cộng Sản chiếm Sài Gòn, họ đã cưỡng đoạt chiếm lấy *Trái Tim Xá Lợi Bất Diệt* của Bồ Tát Thích Quảng Đức để làm quốc bảo.

Kiến thức bổ sung

(Trích báo *Nguồn Đạo* số 70 Tết Đinh Hợi 02/2007)

Lời Tòa Sạn : Câu chuyện về trái tim của Hòa Thượng Thích Quảng Đức đã được nói nhiều trên các báo, và đã đi vào lịch sử Phật Giáo Việt Nam. Tòa Sạn Nguồn Đạo vừa hân hạnh nhận được bài viết của Cư sĩ Minh Lạc Vũ Văn Phưởng (Seattle, USA) đã ưu ái gửi cho, để chứng minh sự việc lịch sử này. Đạo hữu Minh Lạc là nhân chứng thực sự đã tham gia vào việc bảo toàn trái tim của Ngài Quảng Đức trong thời kỳ đấu tranh Phật Giáo năm 1963. Nay xin đăng tải bài viết ấy để đóng góp thêm vào phần tài liệu về Ngài Thích Quảng Đức đồng thời để quý độc giả thưởng lãm. Nguồn Đạo

Trong thời kỳ tranh đấu bảo vệ Phật Giáo tại Việt-Nam vào năm 1963, Hòa Thượng Thích Quảng Đức phát nguyện hy sinh nhục thân, tự thiêu để cúng dường Tam Bảo, thức tỉnh nhà cầm quyền. Ủy Ban Tranh đấu Bảo vệ Phật Giáo lúc đó đặt trụ sở tại chùa Xá Lợi ở Saigon, sau khi xem xét và nghiên cứu cẩn thận, đã chấp thuận và tổ chức cuộc thiêu thân cúng dường của Hòa thượng Thích Quảng Đức.

Ngày 11-06-1963, cuộc tự thiêu đã diễn ra hoàn hảo, nghiêm túc và hùng tráng làm rung động thế-giới. Nhục thân của Hòa-Thượng được đưa về quán tại chùa Xá-Lợi, ngay chính Giảng Đường để các Tăng, Ni, Phật tử và mọi người tới viếng, tụng kinh cầu siêu, trang nghiêm và xúc động. Mấy ngày sau, nhục thân của Ngài được liệm trong quan tài bằng gỗ thật tốt và đưa đi hỏa thiêu ở An Dưỡng Địa, Phú-Lâm, Chợ Lớn.. Mấy ngày sau, nhục thân của Ngài được liệm trong quan tài bằng gỗ thật tốt và đưa đi hỏa thiêu ở An Dưỡng Địa, Phú-Lâm, Chợ Lớn. Lửa cháy mạnh, khói bốc cao, mọi người niệm Phật rất chân thành. Hôm sau, các Tăng, Ni mở lò thiêu để hốt xương thì thấy một vật to bằng nắm tay lẫn lộn giữa những xương tro. Tôi là đại diện Hội Phật học Nam Việt được cử đi chứng kiến việc hốt tro, đã thấy tận mắt những xương nhỏ cháy thành tro vụn, màu trắng, những xương lớn như xương đầu gối, xương ống chân cũng tan vụn thành những mảnh nhỏ, nhưng trái tim của Hòa thượng thì còn nguyên, tuy có bị cháy chung quanh chút ít. Mọi người đều bàng hoàng và đưa tro cốt cùng trái tim của Hòa thượng về trình lên Ủy ban Tranh đấu Bảo vệ Phật Giáo.

Thượng tọa Thích Trí Quang nói: “Do công phu tu hành có định lực kiên cố của Hòa thượng Thích Quảng Đức đã kết tinh thành Xá Lợi, trái tim này sẽ cứu Phật Giáo Việt Nam, cần phải bảo tồn và gìn giữ”. Cụ Chánh Trí Mai Thọ Truyền, Hội trưởng Hội Phật Học Nam Việt và là một thành-viên của Ủy ban Tranh đấu Bảo vệ Phật Giáo bảo tôi: “Đạo hữu là Dược sĩ có thuốc gì và phương cách gì để bảo tồn trái tim này

không?” Tôi nhận lời, lau rửa trái tim sạch sẽ, ngâm vào formol và tôn trí trong một bình thủy tinh. Ủy ban Tranh đấu Bảo vệ Phật Giáo gọi thợ đến chụp hình trái tim, in ra và phân phát. Mọi người chấn động cho là phép lạ.

Cuộc tranh đấu bảo vệ Phật Giáo bùng nổ rầm rộ hơn trước: Học sinh bãi khóa, sinh viên biểu tình, nhà buôn đóng cửa, bãi thị, quân đội hoang mang, lại thêm nhiều cuộc tự thiêu của các Tăng Ni ở Huế, Saigon và các tỉnh... làm Ngô triều phản ứng mạnh. Đêm 20-8-1963, công an, cảnh sát phá chùa, bắt bớ Tăng Ni và Phật tử, trên từ Hòa thượng Tăng Thống Thích Tịnh Khiết, các vị Thượng tọa, Đại đức Tăng Ni, dưới đến các Phật tử, sinh viên, học sinh... đều bị bắt giữ.

Dĩ nhiên chùa Xá Lợi được chiếu cố tận tình, vừa là trụ sở của Ủy ban Tranh đấu Bảo vệ Phật Giáo, vừa là chỗ cư trú của Hòa thượng Tăng Thống cùng các Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức nòng cốt của phong trào tranh đấu, các cấp chỉ huy các Tăng Ni và Phật tử, vừa là chỗ trưng bày “trái tim bất diệt” của Hòa thượng Thích Quảng Đức. Cửa kính bị đập nát, các chậu cây kiểng đổ vỡ ngổn ngang, mọi người trong chùa đều bị bắt đi.

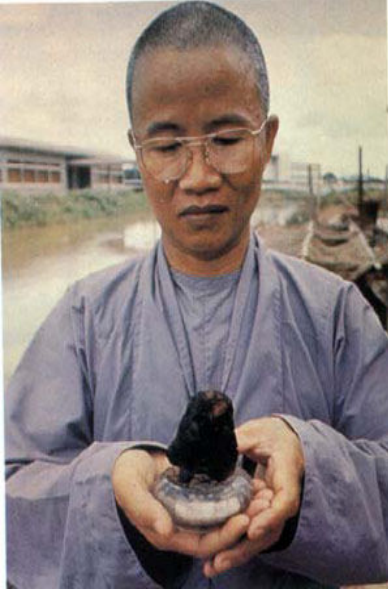
Trái Tim của Hòa thượng Thích Quảng Đức ra sao ?

Tối ngày 20-8-1963, được tin mật báo nhà Ngô sẽ phá chùa, Ủy ban Tranh đấu Bảo vệ Phật Giáo ra lệnh cất “trái tim bất diệt” vào tủ sắt của Hội Phật Học. Tủ sắt này có 2 lớp, lớp bên ngoài đựng các giấy tờ quan trọng, lớp bí mật bên trong cất giấu những bảo vật như Kinh bằng Lá Bối, tiền bạc ...

Sau khi bắt giữ các Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức Tăng Ni và Phật tử, và cho ra mắt các vị Tăng mới thân chánh quyền, và muốn trấn an Phật tử cùng hòa hoãn với sự đòi hỏi và điều tra của Ủy ban Tranh đấu Bảo vệ Tôn Giáo và Nhân Quyền của Liên Hiệp Quốc, nhà Ngô cho phép (cũng như bắt buộc) mở cửa chùa Xá Lợi để cho mọi người tới lễ bái, vì sắp đến ngày Đại Lễ Vu Lan (Rằm Tháng Bảy âm lịch).

Ngoài Cụ Chánh Trí Mai Thọ Truyền và đạo hữu Tổng Thư ký Huệ Đức Lê Ngọc Diệp đã bị bắt cùng với chư Hòa hượng, Thượng tọa, Đại đức... những nhân viên ban quản trị Hội Phật Học Nam Việt, trong đó có tôi, được gọi tới sở Công An, đường Nguyễn Trãi, Chợ Lớn, yêu cầu mở cửa chùa Xá Lợi. Tránh không được, dù muốn dù không, chúng tôi được xe của Công An đưa về chùa Xá Lợi, mở cửa cho mọi người tự do ra vào lễ bái, dĩ nhiên có công an, cảnh sát theo dõi, canh chừng

Sau khi quét dọn sạch sẽ Chánh Điện, Giảng Đường và phòng ốc, dâng hoa cúng Phật, làm lễ tẩy tịnh, chúng tôi xuống mở két sắt, thấy cửa két bị đập thủng, xập một nửa xuống nên ngăn bí mật bên trong được che kín, như có bàn tay Hộ-Pháp bảo vệ. Chúng tôi hồi hộp, gọi thợ sắt đến gỡ từng mảnh sắt ra, thì thật là nhiệm mầu: Chiếc hộp đựng “trái tim bất diệt” vẫn còn y nguyên, trái tim vẫn ngự trị bên trong, kiên cố và hùng tráng như thách đố với cơn bão tố Pháp nạn. Chúng tôi bảo nhau mang cất “trái tim bất diệt” vào một chỗ bí mật, thề không tiết lộ.



HT Thích Huyền Quang và trái tim Ngài Quảng Đức

Sau ngày Cách Mạng thành công lật đổ Ngô triều vào ngày 1-11-1963, cửa chùa Xá Lợi rộng mở, mọi người tập nập đến chùa lễ Phật và cung kính lễ “trái tim bất diệt” còn nguyên vẹn trải qua cơn giông tố phủ phàng.

Sau cùng “trái tim bất diệt” được đưa về tôn thờ tại Việt Nam Quốc-Tự, đường Trần Quốc Toản, Chợ Lớn, trụ sở Viện Hóa Đạo, thuộc Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất.

Sau biến cố 30-4-1975, chúng tôi được Hoà thượng Thích Tâm Châu, Viện trưởng Viện Hóa Đạo tại Việt Nam Quốc Tự cho biết: Cộng-Sản cất “trái tim bất diệt” của Hòa thượng Thích Quảng Đức vào tủ sắt một ngân hàng ở Saigon.

[Nguồn: <http://lichsu.vn.info/Home/index.php/Lich-su-Viet-Nam/Danh-nhan/Thich-Quang-Duc.html>]

000)()(000

Về một bức thủ bút chữ Nôm của Thích Quảng Đức

Phạm Quý Vinh

... Đối với Phật giáo, chính quyền Ngô Đình Diệm xem là một cái gai trong mắt cần phải được nhổ bỏ, bởi vì Phật giáo có sự ảnh hưởng rất lớn trong tâm hồn người dân Việt Nam, trong khi gia đình họ Ngô lại có xu hướng “kết thân” với một tôn giáo khác. Cho nên, họ đã ban hành những chính sách đi ngược lại với lợi ích

chính đảng của tầng lớp Tăng ni, Phật tử và dân tộc. Từ đó, làm nảy sinh phong trào đấu tranh đòi quyền bình đẳng của Phật giáo trên khắp miền Nam Việt Nam.

Phong trào đấu tranh của Phật giáo miền Nam Việt Nam đầu tiên diễn ra ở Huế rồi sau đó nhanh chóng lan rộng ra khắp các đô thị ở miền Nam. Huế là một trung tâm Phật giáo lớn với đa số nhân dân là tín đồ Phật giáo. Giới lãnh đạo Phật giáo miền, kể cả tăng già và cư sĩ đều ở Huế. Huế còn là trung tâm chính trị, văn hóa lớn thứ hai (ở Nam Việt Nam bấy giờ, sau Sài Gòn) và là nơi có phong trào cách mạng diễn ra rất sớm. Vì vậy, mà Huế trở thành địa bàn để chính quyền Ngô Đình Diệm thiết lập ở đây một bộ máy cai trị chặt chẽ.

Năm 1963, phong trào đấu tranh của Tăng ni, Phật tử chống chính sách phân biệt đối xử tôn giáo hầu như đã lên đến cao trào. Vào mùa Phật Đản năm ấy, Ngô Đình Diệm ra công điện số 9195 (6/5/1963) có nội dung cấm treo cờ Phật giáo.

Công điện này như “một giọt nước làm tràn ly”, lập tức phong trào Phật giáo ở Huế chính thức bùng nổ vào ngày 7/5/1963, đó là một thực tế, hợp quy luật xã hội. Phong trào đã thu hút hầu hết các tầng lớp nhân dân tham gia, từ trí thức, sinh viên học sinh cho đến tiểu thương kể cả những viên chức trong bộ máy hành chính và quân đội của chính quyền Ngô Đình Diệm.

Đêm 8/5/1963, khi các Phật tử đang nghe thuyết trình về đại lễ Phật Đản trước Đài Phát thanh Huế thì bất ngờ bị người của Ngô Đình Diệm xả súng. Kết quả là tám Phật tử chết tại chỗ và bốn Phật tử bị thương phải mang vào bệnh viện cấp cứu⁽¹⁾.

Sáng hôm sau, Hòa thượng Thích Tịnh Khiết, Tổng Hội Phật giáo Việt Nam, khẩn cấp triệu tập một phiên nghị sự bất thường, gồm các vị lãnh đạo Phật giáo chủ chốt, tại chùa Từ Đàm, Huế để tìm phương pháp đối phó với chính quyền và chính thức soạn thảo một bản tuyên cáo gồm 5 điểm để gửi tới Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Bản tuyên cáo này có nội dung như sau:

1. Yêu cầu chính phủ Việt Nam Cộng Hòa thu hồi vĩnh viễn công điện triệt hạ giáo kỳ Phật giáo.
2. Yêu cầu Phật giáo phải được hưởng một chế độ đặc biệt như các hội truyền giáo Thiên Chúa giáo đã được ghi trong đạo dụ số 10.
3. Yêu cầu chính phủ chấm dứt trình trạng bất bớ và khủng bố tín đồ Phật giáo.
4. Yêu cầu cho Tăng ni, Phật tử được tự do truyền đạo và hành đạo.
5. Yêu cầu chính phủ đền bồi một cách xứng đáng cho những kẻ chết oan vô tội và kẻ chủ mưu giết hại phải trừng trị đích đáng.

Đến ngày 10/5/1963, bản tuyên cáo gồm năm đề nghị nêu trên đã được gửi đi khắp nước. Riêng tại Sài Gòn, bản tuyên cáo đã được một người Phật tử là một sĩ quan Đại úy, đích thân từ Huế mang vào chùa Ấn Quang và Xá Lợi cùng những hình ảnh về vụ thảm sát các Phật tử. Cho nên ở Sài Gòn lúc đó, Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo thường xuyên họp mặt để lên kế hoạch đấu tranh. Qua những lần thảo luận giữa Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo và Ủy ban Liên bộ của chính quyền Ngô Đình Diệm không đi đến thỏa thuận. Trái lại, chính quyền Diệm vẫn gia tăng các cuộc khủng bố, đàn áp Tăng ni và Phật tử. Trong tình thế như vậy, nếu cứ kéo dài các cuộc đấu tranh một cách bình thường thì dần dần phong trào sẽ bị tan rã vì thiếu hình thức khác có tính hiệu quả, để mọi người có thể đồng cảm, hưởng ứng cùng phong trào. Nên lãnh đạo Liên phái Bảo vệ Phật giáo lúc này đã chấp nhận hạnh nguyện xin được tự thiêu của Tỳ kheo Thích Quảng Đức.



Ngày 11/6/1963, tại ngã tư Phan Đình Phùng và Lê Văn Duyệt (nay là ngã tư Cách Mạng Tháng Tám và Nguyễn Đình Chiểu, TP. Hồ Chí Minh), Bồ tát Thích Quảng Đức đã tự thiêu. Sau khi xá tứ phương, Thích Quảng Đức ngồi trong tư thế tọa thiền, tay bắt ấn Cam lộ, quay mặt về hướng Tây. Thích Quảng Đức tự đổ xăng lên khắp người và bật môi lửa lên trước sự chứng kiến của hàng ngàn các Tăng ni và Phật tử đứng gần đó để cầu nguyện. Mọi lực lượng an ninh của Diệm được điều động đến để trấn áp cuộc tự thiêu nhưng đều thất bại, vì các Tăng ni và Phật tử quyết bảo vệ bằng cách bao vây thành nhiều vòng.

Sự kiện tự thiêu của Thích Quảng Đức là một tiếng chuông kêu gọi hàng triệu con người ở miền Nam, miền Trung vùng lên bất chấp cường quyền, áp bức để cùng nhau xuống đường đấu tranh chống lại sự tàn bạo của chế độ Ngô Đình Diệm. Hành động tử vì đạo của Bồ tát Thích Quảng Đức đã gây ra một làn sóng dâng trào khắp nơi. Hàng triệu trái tim con người thôn thức trước hình ảnh của Thích Quảng Đức và nguyện cầu cho linh hồn của Thích Quảng Đức được siêu thoát. Hàng loạt các hãng truyền thông, báo chí trong và ngoài nước lần lượt đưa tin tức và hình ảnh của Thích Quảng Đức đang ngồi trong ngọn lửa rực cháy với những bình luận ngợi ca khâm phục.



Trước lúc tự thiêu, Thích Quảng Đức có để lại một bức thủ bút bằng chữ Nôm⁽²⁾. Đây là một văn bản rất ít người được biết đến và chính là lời tâm nguyện của Thích Quảng Đức trước lúc đi về miền Tây phương cực lạc. Bởi vì, nó không những nêu lên được ước nguyện của một con người mộ đạo, mà nó còn đặt ra cho chúng ta một câu hỏi khó trả lời: Tại sao trong lúc chữ Quốc ngữ đang thịnh hành thì Thích

Quảng Đức lại dùng chữ Nôm (loại chữ do dân tộc Việt Nam sáng tạo) để viết? Phải chăng là Thích Quảng Đức đã đề cao bản sắc văn hoá dân tộc Việt Nam!

Với những giá trị về lịch sử của văn bản, chúng tôi xin được giới thiệu bức thủ bút của Thích Quảng Đức. Vì bản photocopy có đôi chỗ mờ nhạt nên trong quá trình chế bản vì tính sẽ không tránh được những thiếu sót nhất định, hy vọng là những ai quan tâm và hiểu biết sẽ đóng góp những ý kiến chân tình để cho bản vì tính và phiên âm được hoàn chỉnh hơn. Nội dung của bức thư cụ thể như sau:

舍利心快
 碎昇昆丘釋廣德住持廣觀世音富潤嘉定。認佛佛教法當狀賴廣德
 退轉在命名界長子始來。聖德難能恆然坐視。底來佛教消滅。職後恒難發願。身
 假體。供養諸佛。底回向功德保存佛教。蒙恩此方諸佛。諸大德僧。尼證明家
 辟遠。誠志願如斯。沒罪。蒙恩佛。如獲朱纒。統炎庭。一餒餓。脾執認。無願
 望。最大歸佛教。應南。北。能收。宣。言。如。果。如。恩。佛。慈。加。獲。朱。佛。教。越。南。特
 長。存。不。滅。此。罪。蒙。如。洪。恩。德。佛。世。護。分。諸。大。德。僧。尼。佛。子。越。南。特。笑。雖。恐
 怖。北。拍。賊。一。於。此。化。為。恩。恩。罪。在。願。朱。但。法。清。平。自。民。安。樂。觀。歡。壯。味。滿。場。佛
 碎。珍。重。敬。改。前。來。總。統。受。經。職。祀。意。濟。廣。慈。恩。對。良。因。民。族。純。正。冊
 牙。等。與。教。法。法。如。新。要。南。北。碑。賜。他。呼。喚。諸。大。德。僧。尼。佛。子。團。結。智。希。生
 底。保。存。佛。教。南。無。阿。彌。陀。佛

少在廣觀世音廟啟請廣德住持廣觀世音富潤嘉定。認佛佛教法當狀賴廣德。

Phiên âm:

Lời nguyện tâm quyết

Tôi là Tỳ kheo Thích Quảng Đức, trụ trì chùa Quan Thế Âm Phú Nhuận Gia Định. Nhận thấy Phật giáo nước nhà đang lúc nghiêng ngả. Tôi là một tu sĩ mệnh danh là trưởng tử của Như Lai, không lẽ cứ ngồi điềm nhiên toạ thị để cho Phật giáo tiêu vong, nên tôi vui vẻ phát nguyện thiêu thân giả tạm này cúng dường chư Phật để hồi hướng công đức bảo tồn Phật giáo. Mong ơn mười phương chư Phật, chư Đại Đức, Tăng ni chứng minh cho tôi đạt thành chí nguyện như sau:

Một là mong ơn Phật Trời gia hộ cho tổng thống Ngô Đình Diệm sáng suốt chấp nhận năm nguyện vọng của Phật giáo Việt Nam ghi trong bản tuyên cáo.

Hai là nhờ ơn Phật từ bi gia hộ cho Phật giáo Việt Nam được trường tồn bất diệt.

Ba là mong nhờ hồng ân Đức Phật gia hộ cho chư Đại Đức, Tăng ni, Phật tử Việt Nam tránh khỏi tai nạn khủng bố, bắt bớ, giam cầm của kẻ ác.

Bốn là cầu nguyện cho đất nước thanh bình, quốc dân an lạc.

Trước khi nhắm mắt về cảnh Phật, tôi trân trọng kính gửi lời cho tổng thống Ngô Đình Diệm nên lấy lòng bác ái từ bi đối với quốc dân, điều thi hành chính sách bình đẳng tôn giáo để nước nhà xưng yển muôn thuở. Tôi thiết tha kêu gọi chư Đại Đức, Tăng ni, Phật tử nên đoàn kết nhất trí hy sinh để bảo tồn Phật giáo.

Nam Mô A Di Đà Phật

Làm tại chùa Ấn Quang ngày bốn tháng sáu năm một ngàn chín trăm sáu mươi ba.

Tỳ kheo Thích Quảng Đức thủ ký.

Bằng lời lẽ nhẹ nhàng, cô đúc nhưng lại giàu tính thuyết phục, Thích Quảng Đức đã gửi gắm tâm nguyện của mình vào bức thư tuyệt mệnh với mong ước bảo vệ Phật giáo ở Việt Nam. Đó quả là một tấm gương một lòng vì đạo pháp mà xưa nay hiếm vậy.

P.Q.V

(nguồn: Tạp Chí Sông Hương số 227 - 2008)

⁽¹⁾Hiện nay, tại số 19 Lê Lợi, Huế vẫn còn dấu tích của sự kiện này qua Đài tưởng niệm với biểu tượng bánh xe Pháp Luân tại một hoa viên.

⁽²⁾ Văn bản này chúng tôi vừa sưu tầm được từ một thượng tọa ở chùa Thiền Lâm (Biết chúng tôi có hiểu biết về Hán Nôm, nên thượng tọa đã tặng chúng tôi một bản photocopy bức thủ bút này).

[Source: tapchisonghuong.com.vn – 2009]

0 00 0

Từ Ngọn lửa Thích Quảng Đức

Nguyễn Quốc Tuấn

(Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam)

Sự kiện 46 năm trước (11-6-1963) Hòa thượng Thích Quảng Đức vì pháp và vì dân tộc quên thân tự thiêu, dẫn đến sự sụp đổ của chế độ Ngô Đình Diệm, giờ đây vẫn còn là chủ đề tranh luận và thảo luận của nhiều

sử gia đương đại ở Âu, Mỹ và ở trong nước ta. Mỗi nhà sử học có cách nhìn riêng về sự kiện này. Một số nhà sử học người Việt ở hải ngoại trung dẫn những dẫn liệu mới để nhận định và đánh giá sự kiện năm 1963, đương nhiên với những góc đứng khác nhau. Tôi xin không dẫn lại những chủ đề và ý kiến thảo luận, tranh luận ở đây. Bởi lẽ đơn giản là người ta có thể tìm biết trên nhiều ấn phẩm đủ loại, cả trên internet, về các cuộc tranh luận đó. Nhưng có một điểm có thể quả quyết rằng dù khác nhau và bình luận thế nào, sự kiện năm 1963 không bao giờ có thể phai nhạt trong ký ức và lịch sử dân tộc ta thế kỷ 20, và đã trở thành bài học lớn từ đó trở đi. Tôi xin không đi vào chi tiết sự kiện Bỏ tát Quảng Đức tự thiêu, vì đã có nhiều tài liệu đề cập, do đó, tôi thấy việc nên làm là rút ra “bài học” lịch sử và ứng xử, thay cho một sự trình bày thuần túy sử liệu, như các chủ đề mà ban tổ chức Hội thảo gợi ý.



Tăng ni Phật tử biểu tình ngồi trước dinh Độc lập

1. Điểm đầu tiên mà ta cần rút ra là bạo lực và bạo liệt, dù ở trong lĩnh vực nào, chỉ có thể đi đến kết cục bi thảm cho người chủ trương.

Trong lịch sử Việt Nam, có hai trường hợp bạo lực và bạo liệt được biết đối với các nhà sư, thì sau đó kết cục mà người chủ sự lãnh chịu là một cái chết bi thảm: trường hợp Lê Long Đĩnh nhà Tiền Lê và chế độ gia đình trị theo lối “toàn trị” Ngô Đình Diệm (chữ dùng của Cao Huy Thuần trong *Kỷ niệm 40 năm 1963 toàn trị và ngoại thuộc*, nguồn website Thích Quang Đức). Trong cả hai trường hợp, không có chứng cứ nào cho thấy sau những tổn hại, các nhà sư đứng ra “trả thù” trực tiếp người gây hại. Nhưng như một quả báo, sự kết thúc bi thảm của những người chủ trương bạo liệt và bạo lực với nhà sư đã diễn ra và do người khác thực hiện.

Trong hai trường hợp này, phải chăng nhà sư không có phương tiện nào để chống lại bằng vũ lực? Không bao giờ có chuyện đó, giáo lý bất bạo động đã chỉ đường cho các nhà sư không tiến hành trả thù trực tiếp bằng bạo lực. Đúng vậy, nhà sư dù ở thời đại nào cũng không thể tự tay mình sát hại và kết thúc sinh mệnh con người. Điều dạy đó là máu chảy trong huyết quản, là không khí để thở, là điều kiện để cho một người tu sĩ xuất gia hay tại gia của Phật giáo đạt được sự giải thoát trọn vẹn. Nhưng khi vận dụng vào hành động, điều này không dễ chút nào. Sự thực là cho đến hôm nay, chưa có ai chứng minh được các nhà sư đã dùng bạo lực để đối chọi lại với bạo lực. Trong trường hợp năm 1963, thay cho sự phản kháng bằng vũ lực, nhà sư Thích Quảng Đức đã tự thiêu thân mình để chứng minh cho tư tưởng đấu tranh bất bạo động. Có nghĩa lấy sức mạnh hùng, bi, dũng để đối chọi với bạo lực và bạo liệt, kết quả ra sao thì ta đã thấy.

Điều đáng nói là gia đình ông Ngô Đình Diệm đã không biết, hay cố tình không muốn biết Phật giáo chủ trương bất bạo động, nhưng Phật giáo không thụ động đợi sự tiêu diệt mà không có phản kháng, dù chỉ phản kháng bằng phương thức bất bạo động. Cách mà gia đình ông Ngô Đình Diệm đàn áp Phật giáo cho thấy một sự xa rời đời sống dân tộc, thân ngoại và trong phương diện tâm linh - tôn giáo, ta có thể dùng đến cụm từ phản tôn giáo dân tộc (nhất là trong bối cảnh miền Nam lúc đó).

Có thể khẳng định không bao giờ sợ sai rằng Phật giáo là di sản hàng nghìn năm của dân ta. Cho dù đã có một bộ phận người Việt ta quy thuận các tôn giáo khác, nhưng có thể khẳng định rằng Phật giáo, với sự hiện hữu trong trường sử dân tộc, đã thành máu thịt tâm hồn người Việt ta, sao có thể lấy chủ thuyết chính trị, cách thức cai trị độc tài mà gột tẩy máu thịt tâm hồn đó?

Gần đây, có một số nhà nghiên cứu đã cho rằng chế độ miền Nam trước 1975 là “chế độ dân chủ”, nhưng họ không thể nào phủ nhận được một sự thực: với cách thức “gia đình trị” của ông Ngô Đình Diệm thì chế độ dân chủ là không có, ít nhất là từ thời ông Diệm nắm quyền năm 1955 cho đến khi anh em ông bị giết năm 1963. Cần minh định rằng anh em ông Diệm không phải không biết đến thể chế dân chủ (chẳng hạn tam quyền phân lập), nhưng hành xử chính trị thì lại là độc tài toàn trị. Xã hội chịu áp lực nặng nề trong vòng cương tỏa của mật thám, cấm đoán và khủng bố (các giáo phái, Phật giáo, “Việt Cộng”, nhân vật đối lập dưới thời ông Diệm thực sự bị đàn áp), đó là cách thức cai trị vi hiến và bất tuân, bất thượng tôn pháp luật. Anh em nhà ông đã lấy quyền lợi của chính mình đặt lên trên quyền lợi của quốc gia và dân tộc. Nay thì ta đã thấy rõ điều này, và kết cục bi thảm giành cho gia đình độc tài là một kết quả hợp lôgic của sự kiện, không thể có kết quả ngược lại và không gì có thể biện hộ.

Vấn đề trở nên có tính “thiên” hơn ở chỗ, không phải các nhà sư tổ chức lực lượng chống ông Diệm mà là các tướng lĩnh Sài Gòn đương thời, đứng đầu là ông Dương Văn Minh (Big Minh). Như vậy không có chuyện các nhà sư tham chính, mà đấu tranh chỉ để đòi bình đẳng tôn giáo, ít nhất cũng là giữa Phật giáo và Công giáo, nói cách khác, đòi tự do tôn giáo và tôn trọng nhân quyền (có thể đọc thêm các hồi ký của Hòa thượng Trí Quang, Hòa thượng Đức Nghiệp và một số cuốn sử khác về thời kỳ này, đã được đăng tải trên một số website). Bi kịch chính trị đó là bài học lớn cho những người cầm quyền ở sau, nhưng dường như họ cũng không khá hơn. Sau sự tự thiêu của Bồ tát Quảng Đức, nhiều nhà sư và Phật tử đã tự thiêu tiếp, và điều đó chứng tỏ chưa có cải thiện đáng kể các đòi hỏi của Phật giáo năm 1963. Nhưng đó cũng là một sự phản ứng phi bạo lực, vẫn là một lối sống vị pháp quên thân, không có chuyện lấy bạo lực chống lại bạo lực nơi các nhà sư và Phật tử.

Như vậy, có thể kết luận chung: Phật giáo, trong mọi hoàn cảnh đều lấy tư tưởng bất bạo động làm nền tảng ứng xử.

Nhưng bất bạo động không đồng nghĩa với sợ đấu tranh. Đi liền với bất bạo động là giáo lý vô úy. Thực vậy, Phật giáo không chủ trương bạo động nhưng cũng không chủ trương thụ động, lẩn tránh. Thối cường quyền của kẻ thống trị chưa bao giờ khiến Phật giáo sợ sệt. Càng bị dồn ép thì sức bật vô úy càng được đẩy cao. Người ta không thấy một sự chán nản, sợ sệt nào sau các cuộc đàn áp, trái lại mới đúng. Phật giáo làm một lúc được hai việc: vừa đấu tranh vừa tránh được bạo động. Nhất là khi cuộc đấu tranh đó có một viễn cảnh vì dân tộc và vì tồn vong của con người thì Phật giáo lại càng không chùn bước.

2. Điểm thứ hai cần rút ra: lối sống Phật giáo đã thấm sâu, đã phát huy tác dụng và đã trở thành một thực tế không thể thiếu. Điểm này không dễ nhận thấy, nhưng cần nói nếu không có một lối sống Phật giáo lan truyền mạnh mẽ thì sẽ không thể có phong trào đấu tranh năm 1963.

Phật giáo đưa ra phép đối trị tam độc (tham, sân và si) để thúc đẩy con người đi đến chỗ tự hoàn thiện nhân cách và đạo đức của mỗi người và với mục đích xa nhất là sự tự giải thoát ở mỗi người. Mục đích Phật giáo cũng là mục đích xây dựng một xã hội, trong đó, tam độc nhường bước trước tam vô lậu học.

Phật giáo có giáo lý về bình đẳng Phật tính, điều đó không phải ai cũng biết một cách tường minh. Cuộc đấu tranh năm 1963 cho thấy, ngoài những điểm tương đồng với quan niệm nhân quyền, bình đẳng của nhân loại đạt được trong thế kỷ 20, Phật giáo có chỗ dựa tư tưởng sâu xa hơn nhiều. Chế độ Ngô Đình Diệm có thể được xem là đại diện điển hình của tam độc, nó đã tự đánh mất khả năng tồn tại của chính nó bởi nó dựa trên bạo lực, khủng bố và đàn áp. Chế độ đó đi ngược lại với những quyền con người căn bản nhất là quyền được tự do ý thức, tự do bày tỏ chính kiến và tự do lòng tin. Nó gây hận thù mà không xóa bỏ hận thù, nó không đi tìm sự tương hợp mà tìm sự xung đột.

Phật giáo miền Nam, do những điều kiện riêng, đã lần đầu tiên đứng lên đòi hỏi có một sự bình đẳng, một sự đồng thuận xã hội trên lập trường dân tộc. Cần minh định rằng tư tưởng dân tộc của Phật giáo Việt Nam không phải là một đột xuất xuất hiện trong điều kiện của miền Nam lúc đó. Tư tưởng đó đã được khẳng định trong suốt trường sử Việt Nam mặc dầu Phật giáo là một tôn giáo ngoại sinh. Phật giáo Việt Nam luôn luôn là của dân tộc ta và song hành cùng dân tộc ta, ngày càng rõ thêm điều này. Chính tư tưởng dân tộc dựa trên giáo lý của Phật đã tạo ra một lối sống Phật giáo như đã nói trên. Cốt lõi của lối sống đó trên bình diện xã hội là không hận thù, chia rẽ và ly tán. Lối sống đó không đòi hỏi thúc bách mà khuyến khích thiện nguyện nơi con người. Lối sống đó hướng tới tu chỉnh hành vi một cách thực tế thay cho biện luận tư biện giải trình khuôn phép một cách khắt khe và giáo điều. Và điều gần như kỳ diệu là lối sống đó đã trở thành một thực tế của sinh hoạt dân tộc ta. Có rất nhiều chứng cứ để ta có thể khẳng định lối sống đó.

Vì vậy, trong thực tế, những gì mà Phật giáo thực hiện năm 1963 ở miền Nam là kết quả của sự tiến hóa lâu dài của lối sống đó trong lịch sử.

3. Điểm thứ ba cần rút ra là nếu không có sự thống nhất thì Phật giáo miền Nam năm 1963 không thể có một phong trào đấu tranh rộng lớn nhường ấy. Hành động vì Phật pháp, vì dân tộc tự thiêu của Bồ tát Quảng Đức là đỉnh điểm của tinh thần thống nhất đó. Tại sao vậy?

Nhìn vào Phật giáo miền Nam năm 1963, ta thấy rõ hình ảnh của sự thống nhất năm 1951 của Phật giáo toàn quốc tại Từ Đàm đang sống động, diễn biến linh hoạt và biến hóa. Nếu có sự so sánh nào có giá trị trong lịch sử Việt Nam thì xin hãy lấy Phật giáo Lý - Trần làm đối tượng so với Phật giáo miền Nam năm 1963. Nhân đây, cũng nên minh định một điểm khác là Phật giáo ở người Việt chưa bao giờ là một tôn giáo có vai trò quốc giáo. Nếu ta nói Phật giáo Lý - Trần là quốc giáo thì theo tôi không đúng với lịch sử đã đành mà càng không đúng với tinh thần của đức Phật tổ đã thuyết giảng. Có nhiều dẫn chứng để chứng minh, song có một tinh thần mà đức Phật đã dạy là Phật giáo (nếu có dùng khái niệm này) cũng chỉ là bè, là ngón tay trỏ trăng. Hành trạng của các vị đại sư thời Lý - Trần mà ta biết được không có điểm nào cho thấy các ngài muốn biến Phật giáo thành quốc giáo, cho nên đừng cố chứng minh làm gì Phật giáo thời Lý - Trần là quốc giáo.

Trở lại, ta thấy rõ Phật giáo năm 1963 đã đạt đến một trạng thái thống nhất mới, trong điều kiện mới và tỏ rõ đặc tính chủ động trong biểu hiện của sự thống nhất đó. Phải có tự tin tới mức nào về sự thống nhất đó mà Hòa thượng Quảng Đức đã đi đến một quyết định phản kháng quyết liệt là tự thiêu, và do đó lại càng thúc đẩy sự thống nhất đi đến chỗ hoàn chỉnh hơn. Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất ra đời năm 1964 là kết quả hữu cơ của sự thống nhất đó. Giáo hội này đã đóng vai trò lịch sử xứng tầm của nó. Nó chính là tiền đề thiết yếu để dẫn đến một cuộc đại thống nhất vào năm 1981 của Phật giáo Việt Nam theo nghĩa hoàn chỉnh nhất của danh xưng này.

Cố nhiên, còn nhiều điều cần bổ túc, còn có vấn đề hiện đại hóa Phật giáo thế nào để Phật giáo tương thích với xã hội trong thời đại ngày nay, song với tinh thần từ ngọn lửa THÍCH QUẢNG ĐỨC, ta có thể tin rằng Phật giáo Việt Nam sẽ đóng vai trò ngày một lớn hơn trong xã hội vì có khả năng khế cơ khế lý để hướng dẫn con người, đưa con người đến một cuộc sống hài hòa, bình đẳng và thân thiện.

Nguyễn Quốc Tuấn
Viện Khoa học Xã hội Việt Nam

Ghi chú: Nhân hiện tượng tự thiêu của Hòa thượng Quảng Đức, rồi tiếp đến là những cuộc tự thiêu của các tăng ni, Phật tử khác, và ngay cả ở Mỹ cũng đã có sự tự thiêu của N. Morrison ngày 2 tháng 11 năm 1965, người ngoại quốc đã có sự tìm hiểu về nguồn gốc và lý do dẫn đến tự thiêu trong *Self-Immolation People Who Set Themselves on Fire* trong website The Frances Farmers Revenge Web Portal.

Ooo)()(Ooo

Dư luận và sự Cản phục của Thế giới đối với cuộc Tranh đấu Bảo vệ Phật giáo

Minh Không Vũ Văn Mẫu

Trong một cuộc phỏng vấn, Ngô Đình Nhu đã từng tuyên bố trước phóng viên báo chí ngoại quốc rằng sở dĩ Phật giáo được sự ủng hộ nhiệt liệt của dân chúng trong việc đấu tranh là chỉ nhờ khéo biết tuyên truyền. Nhu đã nói đùa với họ: “*Các nhà sư có một kỹ thuật tuyên truyền khéo hơn hệ thống tuyên truyền của các Nha Sở chúng tôi. Chúng tôi có lẽ thấy phải thay thế các Nha Sở tuyên truyền của Chính phủ bằng hệ thống tuyên truyền của các nhà sư...!*” Và Nhu đã kết luận với một giọng khinh mạn: “*Sự tuyên truyền của Phật giáo chỉ phù hợp với dân chúng của một nước chậm tiến, còn tin dị đoan...*” (The buddhist propaganda is suited to people in an underdeveloped country, people who believe in superstitions) (1) Ngô Đình Nhu đã hoàn toàn sai lầm trong nhận xét trên, và do đó đã đưa chế độ họ Ngô đến con đường tan rã.

Phong trào tranh đấu của Phật giáo được toàn dân ủng hộ vì những quyền căn bản của con người đã bị chính quyền chà đạp. Trong số những người ủng hộ Phật giáo, có cả nhiều người Công giáo, và hơn nữa, chính Đức Giáo hoàng Phao Lồ Đê Lục (Paul VI) cũng đã lên án chính sách kỳ thị Phật giáo của Chính phủ Ngô Đình Diệm.

Ngoài ra, trên trường quốc tế, từ bốn phương, dư luận báo chí và các chính phủ trên thế giới đều ủng hộ mạnh mẽ cuộc tranh đấu bất bạo động của Phật giáo Việt Nam cho nguyên tắc tự do tín ngưỡng.

Không một ai có thể coi Anh, Mỹ, Pháp, Úc... và bao nhiêu nước văn minh trên thế giới là chậm tiến hoặc mê tín dị đoan.

Ai cũng biết báo chí xuất bản tại Thủ đô Sài Gòn dưới chế độ Ngô Đình Diệm đều bị chi phối chặt chẽ, không được đăng các tin bất lợi cho Chính phủ, song dư luận quốc tế về vấn đề Phật giáo không những được Ủy ban Liên Phái phổ biến rộng trong nước bằng những bản tin hằng ngày in ronéo, phát cho các Phật tử đến lễ tại chùa Xá Lợi, mà còn được loan truyền trên làn sóng điện của các đài phát thanh ngoại quốc, nhất là của Mỹ (đài VOA) và của Anh (đài BBC)

Dư luận thế giới đã tham luận rất nhiều về cuộc tranh đấu bất bạo động của Phật giáo Việt Nam và chính sách kỳ thị đàn áp tàn bạo của Chính phủ Ngô Đình Diệm mà không một quyển sách nào có thể thu thập được hết tất cả các tài liệu này. Tuy nhiên, để có một cái nhìn tổng quát không đến nỗi thiếu sót, thiết tưởng có thể phân tích vấn đề này dưới ba sắc thái chính yếu:

- Dư luận và ủng hộ của Tòa thánh Vatican
- Dư luận và ủng hộ của các nước theo Phật Giáo
- Dư luận và ủng hộ của các Chính phủ Âu Mỹ

DƯ LUẬN VÀ SỰ ỦNG HỘ CỦA TÒA THÁNH VATICAN

Nếu như Tổng Giám mục Ngô Đình Thục đã đóng một vai trò tích cực trong chính sách kỳ thị và đàn áp Phật giáo tại Việt Nam, thì trái lại, Tòa thánh Vatican lại luôn luôn có thái độ phản đối chính sách này.

Trong khi kẻ cầm bút này còn giữ trách nhiệm điều khiển Bộ Ngoại Giao (cho đến ngày 23/8/1963), đại diện của Tòa thánh Vatican tại Việt Nam là Đức Khâm sứ Asta đã tỏ bày nhiều lần ý kiến rằng: “Chính sách của Chính phủ Việt Nam đối với Phật giáo không phải là chính sách của Tòa thánh Vatican”.

Trong thời kỳ Pháp nạn, Giáo hoàng Phao Lồ Đê lục (Paul VI) đã ba lần lên tiếng về vấn đề Phật giáo. Lần đầu tiên vào ngày 3/8/1963, Giáo hoàng đã đề cập đến vấn đề này trong một bài diễn văn đọc trước sinh viên Công giáo Việt Nam (2). Lần thứ hai, Giáo hoàng đọc một thông điệp gửi đến nhân dân Việt Nam ngày 30/8/1963. (3)

Như đã chép trong chương I, bản thông điệp này đã bị Chính phủ Ngô Đình Diệm ngăn chặn không cho phổ biến và Tổng Giám mục Ngô Đình Thục đã chê trách thái độ của Giáo hoàng. Và lần thứ ba, Giáo hoàng đã gửi một bức thư cho Tổng Giám mục Nguyễn văn Bình tại Sài Gòn, đề ngày 26/8/1963 (4)

Tại sao bức thông điệp của Giáo hoàng gửi đến nhân dân Việt Nam lại bị Chính phủ Diệm cấm phổ biến ? Trong bức thông điệp này, *“Giáo hoàng đã biểu lộ sự chú tâm và đau đớn theo dõi các biến cố bi thảm đang xảy ra nhân dân Việt Nam và sự lo âu của Giáo hoàng ngày càng thêm sâu sắc...Giáo hoàng cầu nguyện để cho tất cả mọi người, trong mỗi hợp tác khoan dung và trong sự tương kính các quyền tự do chân chính, đoàn kết với nhau để tái lập tương thân và tình huynh đệ”* (le Pape exprime sa douloureuse préoccupation au sujet des tristes événements qui affligent le cher peuple Vietnamien, tandis que l’angoisse devient de jour en jour plus profonde et lancinante...Et il fait des vœux que tous, dans une généreuse collaboration et dans un mutuel respect des libertés légitimes, unissent pour rétablir la concorde réciproque et la fraternité) (5)



Thiết tưởng cũng cần nhắc lại rằng ngay từ những ngày đầu tiên của Pháp nạn, nhiều đồng bào theo Thiên Chúa giáo đã chỉ trích chính sách kỳ thị Phật giáo của Chính quyền Diệm. Thật vậy, sau vụ triệt hạ cờ Phật giáo, Linh mục Lê Quang Oánh và một số đồng chí đã gửi đến Hòa thượng Thích Tịnh Khiết một bức thư cực lực lên án chính sách này.

Sau đây là nguyên văn bức thư lịch sử ấy, phản ánh sự đoàn kết của toàn dân để bảo vệ quyền linh thiêng nhất của con người là tự do tín ngưỡng:

Kính gửi:

- Hòa thượng Hội chủ Tổng hội Phật giáo Việt Nam.
- Thượng tọa Trị Sự trưởng Giáo hội Tăng Già Nam Việt.

Kính thưa quý vị,

Chúng tôi, Linh mục Lê Quang Oánh, nhân danh khối Giải Sĩ Đồng Tâm cùng đại diện các đoàn thể khác của chúng tôi, kính gửi đôi lời huyết lệ như sau:

Rất đau buồn cho thể đạo nhân tâm. Xin kính cẩn phân ưu cùng quý vị và các quý Phật tử trong cuộc tang thương vào dịp lễ Phật Đản năm nay ở Cố đô Huế, tán đồng quan điểm đấu tranh cho “tín ngưỡng tự do”.

Không đào ngũ, chẳng yếu hèn, kìa dưới quốc kỳ Việt Nam, bao chiến sĩ anh hùng ta hy sinh trên khắp ngã đường đất nước. Tinh thần ái quốc ấy từ lâu đã được hun đúc bởi tinh hoa của các tôn giáo tự nhiên và siêu nhiên.

Xin nghiêng mình mặc niệm các linh hồn tử sĩ, chia buồn với gia đình họ, và an ủi các nạn nhân trong cuộc đổ máu này.

Chúng tôi lên án “Tội bất công” đã giết hại đồng bào vô tội. Thật là tàn bạo, dã man, phản dân chủ, phản tự do, phản đạo đức, làm nhục cho quốc thể Việt nam, một nước văn hiến trên bốn nghìn năm lịch sử.

Dám quả quyết rằng: “Nhân nghĩa” sẽ thắng. Những mâu cò tương trưng cho công bằng, bác ái, nhân đạo và hòa bình như quốc kỳ Vatican, Hội kỳ Hồng Thập Tự, đạo kỳ Phật giáo, Thánh kỳ Maria vẫn còn mãi mãi tung bay trên đất Việt thân yêu và khắp toàn cầu, mặc dù có xam ngôn xuẩn động xúc phạm tinh thần phúc âm mà Đức Giáo hoàng đã diễn đạt trong thông điệp Hòa Bình thế giới, một văn kiện rất thời danh.

Đức Giáo hoàng Gioan XXIII, khi tiếp phái đoàn Phật giáo Nhật Bản, Ngài đã nói với 19 vị Thượng tọa rằng Công giáo và Phật giáo chúng ta đều phụng sự cho “Hòa Bình”

Trên Hồ Than Thở Đà Lạt

12/5/1963

Đại diện ký tên:

Linh mục G.M. Lê Quang Oánh, Linh mục T. Võ Quang Thiêng, Nữ sinh M. Ngọc Lan Hương, Lao công A. Hùng Trí Siêu, Thân Hòa N. Thanh Lục, Tu sĩ P. Viên Tô Tư, Giáo hữu B. Huỳnh Phú Sỹ, Thanh niên V. Leo Kim Chi, Nhân sĩ Đèo Văn Hộ.

Nơi nhận:

- Hòa thượng Hội chủ Giáo Hội Phật giáo Việt Nam.
 - Thượng tọa Trị Sự trưởng Giáo hội Tăng Già Việt Nam.
- Sao kính gửi: Đức Khâm Sứ và các Linh mục Công Giáo*

Vào đầu tháng 8 năm 1963, Giáo hoàng Phao Lô Đệ lục đã dùng đường lối ngoại giao can thiệp khuyên nhủ Chính phủ Ngô Đình Diệm phải có một chính sách khoan hòa. Giáo hoàng đã can thiệp trực tiếp với ông Ngô Đình Diệm sau khi nhận được lời kêu gọi của ba quốc gia Phật giáo là Cam Bốt, Tích Lan và Népal, do Tổng Thơ Ký U Thant chuyển đạt.

Hòa thượng Thích Tịnh Khiết đã gửi đến Giáo hoàng Paul VI một điện văn để cảm ơn về sự can thiệp này. Sau cuộc Cách Mạng 1/11/1963, Ủy ban Liên Phái cũng gửi đến Giáo hoàng Paul VI một điện tín tri ân về việc can thiệp của Tòa thánh trong thời kỳ Phật giáo tranh đấu.

DỰ LUẬN VÀ SỰ ỦNG HỘ CỦA CÁC NƯỚC PHẬT GIÁO Á CHÂU

Các nước theo Phật giáo, lẽ dĩ nhiên, đã ủng hộ nhiệt liệt cuộc tranh đấu của Phật giáo Việt Nam ngay từ khi vụ triệt hạ cờ Phật giáo mới bùng nổ tại Huế vào ngày Khánh lễ Phật Đản. Không những báo chí các nước này đã tường thuật cặn kẽ và lên án chính sách kỳ thị và đàn áp Phật giáo, mà Chính phủ các nước ấy cũng còn chính thức lên tiếng chỉ trích Chính phủ Ngô Đình Diệm và còn vận động để đưa vấn đề này ra trước Liên Hiệp Quốc.

Không thể phân tích và trình bày hết tất cả chi tiết của dự luận báo chí trong khuôn khổ chật hẹp của tập sách này, chúng tôi chỉ ghi chép thái độ chính thức của các nước theo Phật Giáo như Cao Miên, Thái Lan, Tích Lan, Miến Điện, Trung Hoa, Nhật Bản và Cao Ly.

Bộ Ngoại Giao Việt Nam và các đại diện Việt Nam tại các nước Phật giáo đã trải qua một thời kỳ ê chề khó khăn khi gặp sự phản đối của các quốc gia Phật giáo về chính sách kỳ thị Phật giáo ở Việt Nam.

Ông Phạm Trọng Nhân, Đại diện của Chính phủ Việt Nam tại Cao Miên đã bày tỏ những phút “ăn làm sao, nói làm sao bây giờ” trong giai đoạn Pháp nạn, một cách chân thành:

Người ta thường nói: “Nghề Đại sứ là nghề bưng bít những lỗi lầm của chính phủ (Le métier d’Ambassadeur est celui de couvrir les gaffes d’en haut). Thoạt nghe có vẻ khôi hài, nhưng ý niệm đó cũng có một phần nào thực. Không ai có thể hình dung nổi bối rối, thẹn thùng... của các nhân viên ngoại giao Việt Nam từng sự tại quốc nội hay quốc ngoại, kể từ ngày tám bị kịch Phật giáo bùng nổ bất ngờ và được loan tin bằng những dòng chữ lớn trên báo chí quốc gia và quốc tế.

Hằng tuần, các tòa Đại sứ Việt Nam nhận được rất nhiều tài liệu để dẫn chứng và “giải độc”: Phật giáo không hề bị đàn áp và có nhiều Phật tử Việt cộng đã trà trộn trong hàng ngũ Phật Giáo đồ để gây chia rẽ.

(6) Nhưng làm sao thuyết phục được người ngoài khi chính các nhân viên có nhiệm vụ thuyết phục cũng không tin như thế.”(7)

Tuy nhiên, trong khối các quốc gia Á châu theo Phật giáo cũng cần phân biệt ba nhóm:

1/ Nhóm thứ nhất chỉ gồm Cao Miên vốn vẫn có nhiều mối thâm thù với Việt Nam Cộng Hòa nói chung và đặc biệt với cá nhân Tổng thống Ngô Đình Diệm. Cao Miên đã nhân cơ hội này để chỉ trích cay đắng Chính phủ Ngô Đình Diệm và nhắc nhở lại các mối thù xưa.

2/ Nhóm thứ hai gồm các quốc gia trung lập như Tích Lan, Ấn Độ, Miến Điện. Sự chỉ trích của họ không kém phần kịch liệt, nhưng rất nghiêm chỉnh.

3/ Nhóm thứ ba gồm các quốc gia có một lập trường chính trị giống Việt Nam, như Trung Hoa Quốc Gia, Cao Ly, Nhật Bản. Thái độ của các chính phủ này tuy chỉ trích Chính phủ Ngô Đình Diệm nhưng tỏ vẻ dè dặt hơn và chỉ quyết định rõ rệt chính sách này sau vụ tấn công chùa chiền trong đêm 20/8/1963.

Thái độ và sự ủng hộ của Cao Miên

Giới Phật giáo Cao Miên, ngay từ đầu tháng 6/ 1963, đã tổ chức nhiều cuộc biểu tình:

Ngày 8/6/1963, sư sãi thuộc Thammayat đã họp tại chùa Bottom Vaddey, một ngôi chùa quan trọng tại Thủ đô Nam Vang, để phản đối các biện pháp kỳ thị tôn giáo tại Việt Nam.

Một cuộc mít tinh được tổ chức ngay ngày hôm sau (9/6/1963) tại một ngôi chùa lớn khác tại Nam Vang là chùa Onnalum để phản đối chính sách đàn áp Phật tử tại Việt Nam. Bốn ngày sau (13/6/1963), cũng tại chùa Onnalum, lại có một cuộc mít tinh khác lên án Chính phủ Ngô Đình Diệm và yêu cầu Quốc trưởng Cao Miên chính thức can thiệp để ủng hộ các Phật tử Việt Nam đang bị khủng bố.

Cùng ngày 13/6/1963, Hội trưởng Hội Việt kiều Phật giáo tại Cao Miên là ông Trần Văn Được đã gửi thư lên Quốc trưởng Cao Miên “lên án sự đàn áp đẫm máu và ngược đãi tàn tệ các Phật tử của Chính phủ Việt Nam” và thỉnh cầu Quốc trưởng Cao Miên yêu cầu tổ chức Liên Hiệp Quốc can thiệp. Ngày

16/6/1963, gần 5.000 Việt kiều và 200 nhà sư Việt kiều biểu tình trước Tòa Đại diện Việt Nam tại Nam Vang.

Chính phủ Cao Miên cũng minh định thái độ ủng hộ cuộc tranh đấu của Phật giáo Việt Nam ngay từ đầu tháng 6/1963.

Ngày 1/6/1963, nhân lễ khánh thành chùa Onnalum mới được trùng tu, Quốc trưởng



Sihanouk đã tuyên bố ủng hộ nhiệt liệt Phật tử Việt Nam đương bị chính quyền đàn áp: “Chúng ta hãy tưởng niệm và cầu siêu cho các Phật tử Việt Nam, nạn nhân của Chính phủ Ngô Đình Diệm... Cao Miên sẽ đóng góp với Tích Lan và các nước theo Phật giáo khác để đưa vấn đề ra trước tổ chức Liên Hiệp Quốc”.

Ngày 13 tháng 6, Tổng trưởng Bộ Ngoại Giao Cao Miên mời Đại diện Việt Nam Cộng Hòa tại Cao Miên là ông Phạm Trọng Nhân (8) đến và trao một bức thư để chuyển về Bộ Ngoại Giao Việt Nam. Trong thư này, Bộ Ngoại Giao Cao Miên đã tỏ lòng công phần của Chính phủ và nhân dân Cao Miên trước các vụ ngược đãi tôn giáo đối với nhân dân miền Nam Việt Nam, và bày tỏ nỗi lo ngại trước tính phổ biến của các biện pháp đàn áp Phật tử và kỳ thị Phật giáo, kêu gọi sự hiểu biết và đức độ của Chính phủ Việt Nam để vấn đề đau thương này sớm được giải quyết hợp với các nguyên tắc của bản Tuyên Ngôn Nhân Quyền.

Sau khi các chùa bị tấn công trong đêm 20/8/1963, Chính phủ Cao Miên, ngày 23/8/1963, đã cực lực lên án Chính phủ Việt Nam trong một bản Thông Cáo chính thức.

“Chính phủ Hoàng gia Cam Bốt kính hải khi nhận được tin Chính phủ Sài Gòn đã đàn áp dã man Phật Giáo đồ, tấn công chùa chiền, phá hủy tượng Phật, chiếm đoạt Giáo đường, ngược sát và câu lưu Tăng Ni Phật tử. Các hành động này thật khinh thường và thách thức thế giới văn minh...chỉ có Hitler trước đây mới dám phạm những tội đại ác như vậy...”

Những vụ lưu huyết như vậy khiến chúng ta lo ngại một cuộc chiến tranh tôn giáo sẽ xảy ra tại Đông Nam Á...Chính phủ Hoàng gia Cam Bốt hoàn toàn ủng hộ các Tăng Ni Phật tử Việt Nam.”



Sáng ngày 24/8, Chính phủ Cam Bốt gửi điện văn cho ông U Thant, Tổng Thư ký tổ chức Liên Hiệp Quốc, yêu cầu can thiệp khẩn cấp tại Việt Nam, và nếu cần, triệu tập phiên họp bất thường phục hồi các nhân quyền thiêng liêng nói chung và quyền tự do tôn giáo nói riêng tại Việt Nam.

Ngày 25/8, Quốc trưởng Cam Bốt yêu cầu Quốc Hội nghiên cứu vấn đề đoạn giao với Việt Nam. Sáng ngày 26/8, Quốc Hội Miên đồng thanh biểu quyết đoạn giao kể từ ngày 27/8/1963. Trong bản Điện văn gửi Chính phủ Việt Nam ngày 27 tháng 8 đề tổng đặt chính thức quyết định đoạn giao này mà báo chí Cao Miên đều đăng tải nguyên văn, Quốc trưởng Sihanouk đã lên án chính sách kỳ thị tôn giáo của Chính phủ Ngô Đình Diệm với những lời lẽ rất nặng nề:

“Từ nhiều năm nay, Chính phủ Việt Nam đã áp dụng chính sách kỳ thị tôn giáo, có hại cho tôn giáo. Chính Phật Giáo đồ Cambodge cũng đã bị đàn áp giam giữ, các chùa chiền bị cướp phá và tiêu hủy. ...Toàn thể dân tộc Cam Bốt cũng như tất cả các dân tộc khác trên thế giới đều công phẫn và ghê tởm trước những hành động dã man đàn áp Phật giáo Việt Nam.

Nước Cam Bốt Phật giáo chủ trương khoan hồng triệt để về tín ngưỡng, vì vậy lên án óc bè phái và cuồng tín vốn là những quan niệm đe dọa đời sống chung hòa hợp giữa các tôn giáo tại Á đông và nền hòa bình nội bộ tại các nước đó.

Xét thái độ của Chính phủ Việt Nam đối với dân tộc, dòng dõi và tín ngưỡng của Quốc gia Cam Bốt, Chính phủ Hoàng gia hoàn toàn đồng ý với Quốc Hội bắt nguồn từ toàn thể dân tộc, đã quyết định ngưng mọi liên lạc chính trị với Chính phủ Việt Nam hiện thời...”(9)

Qua bản điện văn này của Cam bốt, ta nhận thấy Sihanouk đã nhân vụ Phật giáo mà nêu lên vấn đề chính trị giữa Cam Bốt và Việt Nam, liên hệ đến các người Việt gốc Miên mà Sihanouk vẫn coi là người Cao Miên, thuộc dân Cam Bốt (xem thêm : Trên đường Nam tiến – quyển hai)

Thái độ và sự ủng hộ của các nước Trung lập

Các nước Trung lập theo Phật giáo tại Á Châu là Tích Lan, Miến Điện và Ấn Độ đã ủng hộ nhiệt liệt cuộc tranh đấu bất bạo động của Phật Giáo đồ tại Việt Nam, và đã quyết định đưa vấn đề ra trước Liên Hiệp Quốc để tố giác chính sách kỳ thị Phật giáo của Chính phủ Ngô Đình Diệm tại Việt Nam.

A- Thái độ và sự ủng hộ của Tích Lan

Không kể các báo chí đã tố cáo chi tiết các vụ đàn áp Phật giáo tại Việt Nam ngay từ giai đoạn đầu tiên và nêu rõ trách nhiệm của Chính phủ Ngô Đình Diệm, các Hội Phật học Tích Lan (10) đã kêu gọi Chính phủ Tích Lan phải có biện pháp thích ứng để bênh vực Phật tử Việt Nam và đưa vấn đề ra Liên Hiệp Quốc.

Giáo sư các Viện Đại học và sinh viên hợp mýt tinh phản đối Chính phủ Việt Nam và kêu gọi Liên Hiệp Quốc có biện pháp thích ứng trong vụ đàn áp Phật giáo tại Việt Nam.

Tổng Liên Đoàn Lao Động, các đảng thiên Tả và Cộng sản cũng quyết liệt chỉ trích chính sách đàn áp Phật giáo tại Việt Nam.

Chính quyền Tích Lan, ngay từ 20/5/1963, trong một bản Thông Cáo, đã cho biết chính phủ rất xúc động trước các tin tức báo chí về chính sách của Chính phủ Việt Nam và hứa sẽ hành động khi có đủ tin tức do các nước bạn có đại diện Ngoại Giao tại Sài Gòn cung cấp.

Ngày 30/5/1963, tại Tích Lan, chính phủ ra một bản thông cáo nữa bày tỏ mối xúc động sâu sắc trước các hành động đàn áp tàn bạo Phật giáo ở Việt Nam và hứa sẽ nhờ ông Tổng Thư ký Liên Hiệp Quốc can thiệp, cùng vận động với các nước Phật giáo khác để đem vấn đề ra trước Liên Hiệp Quốc.

Ngày 16/6/1963, Bộ Ngoại Giao Tích Lan, trong một bản thông cáo, loan báo Thủ tướng Tích Lan là bà Sirimavo Bandaranaike rất xúc động trước các ngược đãi tôn giáo tại Việt Nam, và bà kêu gọi các nước theo Phật giáo tại Á Châu hãy ủng hộ Tích Lan trong việc yêu cầu Tổng Thư ký Liên Hiệp Quốc can thiệp vào vấn đề đàn áp Phật giáo tại Việt Nam.

Bà Bandaranaike cũng dự liệu gửi một công hàm ngoại giao đến Tổng thống Mỹ Kennedy về vấn đề này.

Sau vụ tấn công các chùa chiền trong đêm 20/8/1963, dư luận và chính giới tại Tích Lan càng chỉ trích mạnh mẽ Chính phủ Ngô Đình Diệm. Ngày 22/8/1963, bà Thủ tướng Tích Lan đã trao đổi ý kiến với Đại diện các nước Ấn Độ, Miến Điện, Thái Lan, Nhật Bản... và đề nghị triệu tập một phiên họp bất thường của Hội đồng Liên Hiệp Quốc để xét vấn đề đàn áp Phật giáo. Ngoài ra, bà Thủ tướng cũng đề nghị triệu tập Hội nghị các Quốc gia Châu Á và Hội nghị Phật giáo Thế giới.

Ngày 26/8, Hội nghị Phật giáo Tích Lan yêu cầu các đoàn thể Phật giáo trong toàn quốc treo cờ rũ để tang các Phật tử Việt Nam đã hy sinh vì tín ngưỡng.

B- Thái độ và sự ủng hộ của các nước Trung lập khác

Tuy không có thái độ cực kỳ sôi nổi như Tích Lan, các nước Trung lập khác theo Phật giáo tại Á Châu cũng nhiệt liệt ủng hộ cuộc tranh đấu của Phật tử tại Việt Nam để chống lại chính sách kỳ thị tôn giáo của Chính phủ Ngô Đình Diệm.

1- Thái độ của Miến Điện: Trong giai đoạn đầu, ông U Chan Htoon, Chủ tịch Hội Phật giáo Thế giới có tiếp xúc với quyền Tổng Lãnh sự Việt Nam tại Rangoon (Miến Điện) và cho biết rằng các Hội Phật giáo Miến Điện, nhất là Hội Tăng Già Toàn Quốc có uy tín nhất trong giới Phật giáo tại Miến, rất phẫn nộ và định tổ chức nhiều cuộc mít tinh để lên án Chính phủ Việt Nam, nhưng ông Uchan Htoon đã khuyến cáo chờ đợi thêm tin tức trước khi có phản ứng công khai.

Sau cuộc đàn áp chùa chiền tại Việt Nam (20/8), thái độ của Miến Điện đã bộc lộ nổi công phần một cách mãnh liệt hơn.

Ngay từ sáng 23/8, báo Guandiantai tại Rangoon, thủ đô Miến Điện, đã cực lực lên án chính sách tàn bạo của Chính phủ Ngô Đình Diệm. Vụ tấn công vừa qua chứng tỏ tinh thần của nhà cầm quyền Việt Nam đã lâm vào tình trạng thối loạn.

Chính phủ Việt Nam còn hy vọng gì khi ngự trị trên những thân xác của Phật tử đã bỏ mình vì tôn giáo và trên những ngôi chùa ngày nay chỉ còn là những đồng gạch vụn, trong khi đa số những người sống sót thì bị tập trung trong các trại giam? Chính phủ Hoa Kỳ sẽ làm nếu tưởng rằng tiếp tục ủng hộ chính phủ hiện thời tại Việt Nam thì nước Mỹ có thể giữ nguyên vẹn tình bạn của các quốc gia Phật giáo Đông Nam Á. (11)

Ngày 26/8, hai Hội Phật giáo tại Rangoon và Mandalay họp nhau cùng lên tiếng kêu gọi các dân tộc Phật giáo Á Đông – Tích Lan, Cao Miên và Việt Nam - đoàn kết để chống lại Chính phủ Ngô Đình Diệm đang theo đuổi chính sách đàn áp Phật giáo.

Chính phủ Miến Điện đã ủng hộ triệt để Chính phủ Tích Lan trong cuộc vận động đưa vấn đề Phật giáo Việt Nam ra Liên Hiệp Quốc.

2- Thái độ của Ấn Độ: Ấn Độ cũng có thái độ giống như Miến Điện. Nhiều Hội Phật học Ấn Độ đã lên tiếng yêu cầu Thủ tướng Nehru can thiệp. Ngày 25/8/1963, Tổng Thư ký Đảng Quốc gia Ấn Độ tuyên bố: “*Những tin tức loan đi từ Sài Gòn đã làm chấn động dư luận tại Ấn Độ, quê hương của Phật Giáo. Những sự tàn bạo mà các đạo hữu Việt Nam là nạn nhân càng làm chúng ta phẫn nộ khi nhớ rằng Phật giáo chủ trương bất bạo động.*”

Hội Phật học Ấn Độ đã thiết tha yêu cầu Thủ tướng Nehru can thiệp. Trong cuộc hành hương tại Ấn Độ, một Nghị sĩ Ấn đã trao cho tôi một quyết nghị của tất cả các chính đảng Ấn Độ cương quyết chống lại chính sách đàn áp Phật giáo tại Việt Nam. (12)

Việc cho gia đình tôi những thuận tiện đáng ghi nhớ trong cuộc hành hương tại các nơi Phật Tích, mặc dầu tôi đã công khai chống đối Chính phủ Ngô Đình Diệm, đã phản ánh sự ủng hộ mãnh liệt của Chính phủ Ấn Độ đối với vụ Phật giáo Việt Nam.

Các vấn đề đã được nêu lên trong khi tôi tiếp xúc với Thủ tướng Néhu và bà Bộ trưởng Ngoại Giao Ménon như đã được thuật lại trước đây biểu lộ hiển nhiên sự ủng hộ của Chính phủ Ấn Độ cho cuộc tranh đấu của Phật tử Việt Nam để bảo vệ Phật Pháp.

Nhờ có sự ủng hộ triệt để của các nước Tích Lan, Ấn Độ, Miến Điện, vấn đề đàn áp Phật giáo đã gây sóng gió tại Liên Hiệp Quốc. Hầu hết các nước thành viên của tổ chức Liên Hiệp Quốc đều đồng ý đem vấn đề kỳ thị tôn giáo tại Việt Nam ra trước Đại Hội đồng để cử một phái đoàn điều tra sang Việt Nam.

Trước nguy cơ chính trị này, Ngô Đình Diệm đã thấy không còn lối thoát nào khác hơn là cử Giáo sư Bửu Hội, đại diện cho Việt Nam, đứng ra mời một phái đoàn Liên Hiệp Quốc đến điều tra tại Việt Nam để chứng minh không hề có một sự đàn áp nào đối với Phật giáo.

Đúng thật là “gái đi già mồm” ! Ngô Đình Nhu hy vọng rằng khi phái đoàn điều tra sang Việt Nam theo chính lời mời của Chính phủ Việt Nam, Ngô Đình Nhu sẽ áp dụng ba loại biện pháp để chôn lấp hẳn vấn đề:

- Một mặt, Ngô Đình Nhu sẽ dùng công an mật vụ ngăn cản các nhân chứng trung thực đến gặp phái đoàn.

- Mặt khác, sẽ mua chuộc những nhân chứng giả đến cung cấp cho phái đoàn những tin tức nguy tạo có lợi cho Chính phủ

- Và sau hết, Ngô Đình Nhu sẽ dùng những đòn giáo quyết lôi cuốn các nhân viên phái đoàn vào con đường trác táng ở kinh thành hoa lệ đã nức tiếng là Hòn ngọc Viễn Đông với nhiều bông hoa kiều diễm, để làm “săng ta” (chantage) phái đoàn, không còn dám công kích Chính phủ Ngô Đình Diệm nữa.

Có dịp, chúng tôi sẽ trình bày những tài liệu này cho lịch sử phán xét.

Thái độ của các nước Á Châu theo Phật giáo và đồng lập trường chính trị với Việt Nam.

Các nước Thái Lan, Nam Hàn, Trung Hoa Quốc Gia và kể cả Nhật Bản vẫn có những liên hệ chính trị tốt đẹp với Việt Nam và đã trao đổi ngoại giao với Việt Nam ở cấp Đại sứ. Vì vậy, tuy dư luận trong dân chúng rất xúc động trước các biến cố xảy ra tại Việt Nam kể từ khi vụ cờ Phật Giáo bị triệt hạ tại Huế, các chính phủ này vẫn lấy một thái độ rất thận trọng, không công khai chống đối Chính phủ Ngô Đình Diệm.

Tuy nhiên, kể từ cuộc tấn công chùa chiền tại Việt Nam đêm 20/8/1963, các quốc gia này cũng đã phải minh định thái độ ủng hộ Phật tử Việt Nam đương bị đàn áp tàn bạo.

A- Thái độ của Thái Lan

Ngày 22/8, Thủ tướng Thái Lan, Thống chế Sarit Thanarat, đã đưa ra đề nghị triệu tập một Hội nghị sơ bộ tại Bangkok, gồm tất cả các quốc gia Phật giáo, trước khi đưa vấn đề ra Liên Hiệp Quốc. Thủ Tướng Thái cũng tiếp xúc với ông Cao Thái Bảo, Đại sứ Việt Nam tại Thái Lan, để biểu lộ sự lo âu của Thái Lan trước chính sách kỳ thị Phật giáo của Việt Nam.

Ngay trong đêm đó, các vị chức sắc Phật giáo họp tại Bangkok dưới sự chủ tọa của Bộ trưởng Công Nghiệp P. Rajanaburanond (13) và quyết nghị cực lực ủng hộ các đạo hữu tại Việt Nam, trên phương diện tinh thần cũng như vật chất, đồng thời tỏ lời phân ưu và gởi giúp thuốc men, lương thực, áo quần, tiền bạc...

Đặc biệt vào ngày 26/8, Phó Giám đốc Nha Tôn giáo của Bộ Quốc gia Giáo dục là Đại tá Pin Mutukan đã tuyên bố trên đài vô tuyến truyền thanh Bangkok để khuyến cáo Chính phủ Việt Nam bằng những lời kết án rất gay gắt làm cho người ta liên tưởng đến những lời tuyên bố của Sihanouk trước đây:

“Vì đã đàn áp tàn bạo Phật tử Việt Nam, Tổng thống Ngô Đình Diệm sẽ hứng chịu hết những tai họa dưới đủ mọi hình thức hiểu theo giáo lý nhà Phật, kể cả diệt vong và địa ngục...Mặc dù tình giao hảo giữa Thái Lan và Việt Nam khắng khít, giới Phật tử Thái Lan vẫn thấy có trách nhiệm phải lên tiếng...”

Không ai ngờ những lời lẽ khuyến cáo trên đây đã trở thành sự thật hơn hai tháng sau với cái chết bi thảm của Ngô Đình Diệm và Ngô Đình Nhu trong cuộc cách mạng 1/11/1963.

B- Thái độ của Trung Hoa

Tuy Chính phủ Đài Loan giao hảo rất chặt chẽ với Việt Nam, nhưng sau khi vụ đánh chùa đêm 20/8/1963, Chính phủ Đài Loan cũng không còn giữ được thái độ thờ ơ như trước.

Ngày 29/8, Bộ Ngoại Giao Đài Loan đã tuyên bố rất lo ngại về khủng hoảng tôn giáo tại Việt Nam và thiết tha mong Chính phủ Việt Nam sớm tìm được giải pháp thích nghi để sớm chấm dứt sự khủng hoảng này.

C- Thái độ của Nam Hàn

Tại Hán thành, thủ đô của Nam Hàn, ngày 25/8, sau một buổi lễ cầu siêu cho các đạo hữu Việt Nam đã hy sinh để bảo vệ Đạo Pháp, Đại đức Kapchong, Hội chủ Phật giáo đã gửi điện văn cho Chính phủ Việt Nam yêu cầu chấm dứt tàn sát Phật tử.

Ngoài ra, Hội Thanh niên Phật tử do Tướng Chang Chung Son, một nhân viên trong Hội đồng Quân nhân Cách mạng, đã kiến nghị lên án nhà cầm quyền Việt Nam vì đã đàn áp một cách vô nhân đạo Tăng Ni và Phật tử.

D – Thái độ của Nhật Bản

Tại Nhật Bản, một buổi lễ cầu siêu được tổ chức cho cố Hòa thượng Quảng Đức và các Tăng Ni cùng Phật Tử đã hy sinh để bảo vệ Đạo Pháp. Buổi lễ này do Hội Nhật Bản Phật giáo Tín ngưỡng tổ chức tại Đại Tổ Đình Bồn Nguyệt Tự ở vùng Akasuke (Tokyo) với rất đông Tăng Ni và Tín đồ tham dự.

Dù giữ một thái độ rất dè dặt, Thứ trưởng Ngoại Giao Shigenobu Shima cũng đã tiếp xúc với Đại sứ Việt Nam để biểu lộ mối lo ngại của Chính phủ Nhật Bản và yêu cầu được biết sự thật về vụ chùa Xá Lợi. Đây là một phương pháp ngoại giao tế nhị để lưu ý Chính phủ Ngô Đình Diệm về vụ khủng hoảng Phật Giáo và nghĩ đến những hậu quả nghiêm trọng của vụ này. Thực ra, Chính phủ Nhật Bản đã trao đổi ngoại giao với Việt Nam trên hàng Đại sứ, tất nhiên Đại sứ Nhật Bản tại Sài Gòn đã phải phúc trình đầy đủ về biến cố này rồi.

Ngoài các nước theo Phật giáo tại Á Châu, các nước Tây Phương, và đặc biệt là Mỹ, rất chú trọng đến chính sách đàn áp tôn giáo của Chính phủ Ngô Đình Diệm.

DỰ LUẬN VÀ SỰ ỦNG HỘ CỦA CÁC NƯỚC TÂY PHƯƠNG

Báo chí Âu Mỹ loan báo các hoạt động đàn áp Phật giáo tại Việt Nam ngay từ giai đoạn đầu tiên. Kể từ năm 1959, Chính phủ Ngô Đình Diệm đã mang tiếng là độc tài, gia đình trị trước dư luận Tây phương. Với chính sách kỳ thị Phật giáo, Chính phủ Ngô Đình Diệm càng bị chỉ trích nặng nề. Tuy nhiên, chính quyền các quốc gia Tây phương đã lấy một thái độ thận trọng không trực tiếp can thiệp, trừ Pháp và Mỹ là những nước có nhiều liên hệ với Việt Nam.

Báo Chí và dư luận chung của các nước Tây Phương trước vấn đề Phật Giáo.

Báo chí và dư luận của tất cả các nước Tây phương như Mỹ, Pháp, Anh, Thụy Sĩ, Bỉ đã quan tâm theo dõi Phong trào Tranh đấu Bảo vệ Phật giáo tại Việt Nam và đều chỉ trích công khai hoặc mỉa mai đường lối kỳ thị Phật giáo của Chính phủ Ngô Đình Diệm.

Tại Pháp, tờ Le Monde (Thế Giới) thường được coi là phản ánh ý kiến hay xu hướng của Bộ Ngoại Giao Pháp, trong số ra ngày 10/6/1963, đã công kích Chính phủ Ngô Đình Diệm kịch liệt:

“...Biến cố ở Huế đã xảy ra do sự đàn áp tàn bạo của nhà cầm quyền, và đã là một cơ hội tốt để sự bất mãn của nhân dân bộc phát. Sự tranh chấp này đã lột trần sự cô lập và thất nhân tâm của một nhóm thiểu số Thiên Chúa giáo được ưu đãi...”

Ngọn lửa tự thiêu của cô Hòa thượng Thích Quảng Đức đã được báo Le Monde bình luận trong số ra ngày 13/6/1963 như sau: *“Trước hành động tự sát để đấu tranh, kẻ tàn bạo nhất cũng phải chùn bước...”* Tạp chí La Croix (Cây Thập Tự), cơ quan ngôn luận Thiên Chúa giáo trong số ra ngày 13/6/1963 cũng lên tiếng kêu gọi các tín đồ Thiên Chúa giáo cầu nguyện cho linh hồn của các người tử vì đạo. Sau vụ tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức, trên mặt báo chí Pháp càng có nhiều bài bình luận và hình ảnh về thảm cảnh này, riêng tờ Aurore thì dành cả trang nhất để in bức hình của Hòa thượng ngồi kiết già trong đồng lửa như một pho tượng đồng đen.

Tại Anh Quốc, Thụy Sĩ và nhất là ở Mỹ, báo chí tường thuật chi tiết hành động đàn áp Phật giáo tại Việt Nam. Tạp chí Sunday Times trong số ra ngày 2/6/1963 đã nêu rõ hiểm họa mà Chính phủ Ngô Đình Diệm phải đương đầu trong chính sách khủng bố Phật tử. *“Không có mưu mô phá hoại nào của Cộng sản có thể gây được một mối đe dọa trầm trọng như vậy cho chính phủ. Lối đối xử vụng về của Tổng thống Diệm đã gây một mâu thuẫn nội bộ: Quân đội đáng lẽ được mang đi đánh dẹp Cộng sản, thì nay lại phải dùng vào việc giữ trật tự trong nước chỉ vì chính sách sai lầm này.”*

Đặc biệt tại Bruxelles, kinh đô Bỉ, Linh mục Pire, người được giải thưởng Nobel về Hòa Bình, và cũng là người đã từng cổ vũ cho Phong trào Quốc tế giúp các người Di cư (Mouvement international d'aide aux réfugiés), đã gửi một bức thư đến ông U Thant, Tổng Thư ký Liên Hiệp Quốc, yêu cầu cho mở cuộc điều tra ngay tại chỗ để soi sáng “một số yếu tố đàn áp tôn giáo của Chính phủ Nam Việt Nam đối với các Phật tử.” Linh mục Pire đã viết: *“...Ngày nay, nhân loại chỉ còn một cơ may để tìm thấy hòa bình: Phải tương thuận và chấp nhận hỗ tương các mâu thuẫn của nhau.”* (Aujourd'hui, les hommes n'ont qu'une chance de trouver la paix: s'entendre en admettant mutuellement leurs contradictions.)

Báo chí và đài phát thanh của Mỹ, suốt trong sáu tháng Pháp nạn, hàng ngày vẫn loan truyền rất nhiều tin tức và bình luận nghiêm khắc về chính sách kỳ thị Phật giáo của Ngô Đình Diệm mà khuôn khổ khiêm tốn của quyển sách này không thể nào phân tích được hết các tài liệu ấy. Tuy nhiên, để có một ý niệm về sự công phần của dư luận và của Chính quyền Hoa Kỳ, thiết tưởng bài báo sau đây trích từ tờ Nữ Ước Thời Báo (New York Times) số ngày 8/8/1963, đã ghi khá đầy đủ các khía cạnh của vấn đề, trong từng giai đoạn kể từ khi vụ triệt hạ cờ Phật giáo bùng nổ tại Huế:

“...Phong trào Phật giáo phản đối chính phủ đã trở thành một nguy cơ trầm trọng cho chế độ Ngô Đình Diệm kể từ ngày 8/8/1963, khi mà 9 người bị quân đội của chính phủ giết chết trong cuộc biểu tình tại cố đô Huế. Mục đích của cuộc biểu tình nói trên là phản đối hành động kỳ thị tôn giáo của Chính phủ Ngô Đình Diệm vì Tổng thống Diệm và gia đình là những người theo Công giáo La Mã. Từ đó, các cuộc biểu tình đã kế tiếp xảy ra và chính phủ đã phải dùng quân lực để đàn áp và bắt bớ. Nhưng trầm trọng hơn hết là các vụ tự thiêu để phản đối chính sách của chính phủ.

...Những sự kiện kể trên đã bắt đầu làm cho chính giới Hoa Kỳ bắt đầu lo âu, vì nếu Tổng thống Diệm bất lực trong việc tìm một giải pháp cho vấn đề Phật giáo thì chế độ của ông ta sẽ trở thành một gánh nặng cho Hoa Kỳ.

Quan niệm ở đây cho rằng nếu cuộc khủng hoảng Phật giáo không được giải quyết thì ông Diệm có thể bị ngay chính những nhân viên cao cấp trong Quân đội cũng như trong chính phủ lật đổ. Các nhân viên cao cấp trong Quân đội tiên đoán rằng sự trung thành của họ có thể suy giảm...Người ta nhận thấy đã có vài biến chuyển trong chính sách căn bản của Hoa Kỳ.

...Chính phủ Hoa Kỳ đã tìm đủ mọi cách để buộc ông Diệm phải giải quyết vấn đề Phật giáo. Nhưng người ta hết sức kinh ngạc khi nghe bà Ngô Đình Nhu, em dâu của Tổng thống Diệm, tố cáo các Lãnh tụ Phật giáo là phiến loạn, sát nhân, và áp dụng chiến thuật Cộng sản. Có tin tức cho biết chồng bà Nhu, em trai Tổng thống Diệm, có thể cầm đầu một cuộc đảo chính đã làm cho Hoa Kỳ lo ngại. Có nhiều người cho rằng những tin đồn về cuộc đảo chính như vậy là một phần trong cuộc chiến tranh tâm lý chống Phật giáo, và cũng là một sự hăm dọa đối với Hoa Kỳ.

Hoa Kỳ cảm thấy bị đặt vào một tình thế khó xử tại Việt Nam. Một mặt, Hoa Kỳ thấy chế độ của ông Diệm đang tiến tới một cuộc vận động chống Hoa Kỳ nếu không được Hoa Kỳ ủng hộ trong cuộc khủng hoảng Phật giáo. Mặt khác, các nhà Lãnh đạo Phong trào Phật giáo đã phản đối Chính phủ Hoa Kỳ về những lời tuyên bố của ông Nolting, Đại sứ Hoa Kỳ sắp mãn nhiệm kỳ, vì ông này đã tuyên bố trong hơn hai năm qua (từ ngày ông đến nhận chức Đại sứ), ông chưa từng chứng kiến dấu hiệu nào tỏ rằng có sự kỳ thị tôn giáo tại Việt Nam...”

Để thấy rõ chính sách đàn áp Phật giáo của Chính phủ Ngô Đình Diệm đã gây xúc động và phản nộ đến mức nào trong dư luận của nhân dân Hoa Kỳ, thiết tưởng chỉ cần nhắc lại đây bài giảng của Mục sư Giáo hội Nữ Ước Donald Harrington, đọc tại nhà thờ lớn Nữ Ước ngày chủ nhật 30/6/1963, về chánh sách kỳ thị tôn giáo tại Việt Nam dưới tất cả các sắc thái. Sau đây là nội dung bài giảng của Mục sư Donald Harrington:

“Cách đây hơn hai tuần, vào ngày 11/6/1963, một đoàn Tăng Ni mặc áo vàng đang diễu hành qua các đường phố Sài Gòn, thủ đô miền Nam Việt Nam, thì bỗng nhiên đoàn Tăng Ni đứng giàn ra thành một vòng tròn và một vị sư 75 tuổi tên Thích Quảng Đức đã ngồi xếp chéo chân theo kiểu tọa thiền trên đường nhựa nóng. Trong tay người cầm một xâu chuỗi 54 hạt và bắt đầu niệm Phật còn trên chiếc áo cà sa của Ngài thì đã tẩm ướt đầy xăng. Tất cả Tăng Ni lui lại, kính cẩn, kính sợ. Khách bộ hành nhận thấy rằng một biến cố phi thường gì sắp xảy ra nên tất cả đều dừng lại chờ đợi.

Với vẻ yên lặng, bình thản trên khuôn mặt, Ngài Quảng Đức niệm lớn: “Nam Mô A Di Đà Phật.” Thế rồi Người bật một que diêm và ngọn lửa bùng bùng bốc lên phủ kín thân thể cử nhưng Người không hề kêu la hay lay động. Người ngồi thẳng trong mười phút, thân hình chìm trong lửa đỏ, và khi lửa tàn, Người nằm xuống bất động.

Thường thường chỉ có người tuyệt vọng hoàn toàn mới tự tử và họ thường tìm cái chết giản dị và ít đau đớn nhất vì đối với họ, hành động tự tử là kết quả của lòng sợ hãi.

Người ta có thể tự hỏi sự khủng khiếp và niềm phần hận nào đã có thể khiến cho một người của “Tình Thương” của “Hòa Bình”, quyết chí tự thiêu ?

Chúng ta không thể trả lời câu hỏi đó theo danh từ sợ hãi. Chúng ta chỉ hiểu được sự kiện đó nếu chúng ta biết rằng còn một loại tự tử khác thường được mệnh danh là “Tử Đạo”

Nếu sự tuyệt vọng hoàn toàn và chán đời cực độ đã đưa con người trên đời này đến chỗ tự tử, thì một lý tưởng cao cả nhất và lòng yêu đời nồng nàn nhất một đôi khi cũng đã sản xuất những người tử đạo quả cảm nhất trong lịch sử. Chúa Jésus là một người như thế.

Chúa đã chết tại Jerusalem, nhưng Ngài đến Jerusalem trong thời gian nguy cấp là sự lựa chọn của chính Ngài, và như vậy, dĩ nhiên là Ngài đã không lợi dụng cơ hội trốn tránh khi Ngài thấy rằng con người đã có ác ý chống lại Ngài.

Người La Mã đã đóng đinh, nhưng Chúa Jésus muốn tự mình thử thách, và theo nghĩa đó, thì sự đóng đinh trên cây thập tự là sự tự nguyện của Ngài.

Michel Servetus, người tử đạo đã bị John Calvin đốt sống vì bị nghi là kẻ dị giáo, đã bị bắt trong khi đang dự lễ ngày chủ nhật tại nhà thờ của John Calvin vào lúc mà ông đang bị truy nã rất gắt. Như vậy, ta thấy Servetus cũng tự đặt mình vào trường hợp thử thách.

Ngay cả đến Jeanne d'Arc cũng có thể thoát chết nếu nàng bằng lòng thừa nhận rằng nàng nghe lầm về những tiếng vọng của Chúa gọi từ trên không.

Ngày nay, Hòa thượng Thích Quảng Đức, một tu sĩ Phật giáo khổ hạnh, cũng đã tự nguyện gia nhập vào đoàn người ấy và hy sinh đời mình cho tình thương và cho sự cải thiện con người.

Trong bản di ngôn “trước khi nhắm mắt về với Đức Phật” mà Ngài gửi cho Tổng thống Ngô Đình Diệm của miền Nam Việt Nam, Hòa thượng Thích Quảng Đức đã nói: “Tôi trân trọng gởi lời (người cũng có thể nói, là gởi cả cuộc đời) cho Tổng thống Diệm để yêu cầu ông ấy lấy lòng nhân từ, khoan dung đối với nhân dân và thực thi một chính sách bình đẳng tôn giáo.”

Phản ứng của Tổng thống Diệm đối với những lời kêu gọi trên đã nêu rõ tính chất thống trị của ông ta tại miền Nam Việt Nam và cũng là điển hình cho những vấn đề của chúng ta hôm nay.

Ông đã ra lệnh siết chặt vòng vây khắp Sài Gòn, phong tỏa các chùa bằng hàng rào dây kẽm gai, quy cái chết của Hòa thượng Thích Quảng Đức cho điều mà ông gọi là “những khối óc đã bị đầu độc bởi sự tuyên truyền của Cộng sản”, và thần nhiên tuyên bố rằng: “Sau Phật giáo còn có Hiến Pháp, nghĩa là còn có tôi.”

Những sự kiện nào đã đưa đến tám thảm kịch đó trong ngày 16/6 vừa rồi?

Theo một ý nghĩa nào đó, ta có thể gọi đó là tám thảm kịch. Nhưng theo một nghĩa khác, thì đó là một thắng lợi. Các bạn sẽ nhớ rằng vào năm 1954, sự quyết định tối hậu đã phân chia Việt Nam thành hai quốc gia khác nhau: Một nước Cộng sản ở Miền Bắc, và một nước Quốc Gia mệnh danh là Dân Chủ tại Miền Nam Việt Nam. Năm 1955, Tổng thống Ngô Đình Diệm truất phế vua Bảo Đại và thiết lập chế độ của ông ta.

Các lực lượng quốc tế, kể cả Hoa Kỳ và Pháp, đều đồng ý cho ông Diệm thành lập một chế độ mới với điều kiện phải mở một cuộc Trưng Cầu Dân Ý.

Nhưng trong những năm qua, sự ủng hộ rộng rãi của dân chúng cho chế độ Tổng thống cứ tiếp tục giảm dần. Đã có lần người ta dự định tính sự ủng hộ đó trên 50%. Ngày nay có lẽ chỉ còn hơn 10%.

Dần dần, Tổng thống Diệm tiêu diệt hết tất cả các Đảng phái Đối lập, đàn áp mọi Phong trào Tôn giáo khác tư tưởng, và tất cả những ai, bằng cách này hay cách khác, muốn thấy miền Nam Việt Nam phải có một chế độ dân chủ thật sự để cho mọi chính kiến khác nhau đều có cơ hội biểu lộ tư tưởng của mình, và tổ chức thành một khối duy nhất theo đường lối dân chủ.

Cũng dần dần, Tổng thống Diệm đã thành lập một hệ thống công an rất rộng, tiêu diệt quyền tự do báo chí và theo đuổi một chế độ độc tài mà nhiều khía cạnh có thể còn nguy hiểm và thối nát hơn các quốc gia độc tài Cộng sản.

Từ năm 1955 trở đi, Chính phủ Diệm đã nhận viện trợ khổng lồ của Chính phủ Hoa Kỳ cả về quân sự và tài chánh. Dĩ nhiên, sự viện trợ đó có mục đích duy trì miền Nam Việt Nam khỏi rơi vào tay Cộng sản miền Bắc.

Những vũ khí đó được dùng để chống lại Cộng sản, vâng! Nhưng hơn thế nữa, Tổng thống Diệm cùng gia đình ông ta đã dùng chính vũ khí đó để uy hiếp dân chúng, ông muốn họ phải khuất phục dưới một chế độ mà càng ngày họ càng chán ghét sợ hãi. Đối với bất cứ người quan sát khách quan nào cũng thấy rằng Hoa Kỳ hình như càng ngày càng tăng thêm sự ủng hộ quân sự lẫn dân sự cho một chính phủ đã mất hẳn lòng tin tưởng và kính mến của toàn dân. Và vì thế, ta có thể thấy trước trong một tương lai gần đây rằng viện trợ có thể lọt vào tay Cộng sản là những người tự nhận là giải phóng quân.

Không một lực lượng vũ khí nào có thể duy trì được một quốc gia nếu nhân dân tại quốc gia đó càng ngày càng sợ chính phủ họ hơn là sợ những kẻ thù của chính phủ. Như vậy, không sớm thì muộn họ sẽ một là cho, hai là bán vũ khí của họ cho kẻ thù.

Dĩ nhiên, miền Nam Việt Nam có một vị trí chiến lược quan trọng trong cuộc chiến tranh chống Cộng trên thế giới. Người ta thường gọi Việt Nam là Tiền Đồn của Đông Nam Á hay là ở Miền Nam Á. Vì Việt Nam nằm sát Lào, Cam Bốt và gần Thái Lan. Thái Lan lại gần Miến Điện và Miến Điện lại sát Ấn Độ. Như thế nếu Việt Nam rơi vào tay Cộng sản thì rất có thể Cộng sản sẽ mở đường tiến thẳng xuống Mã Lai, Nam Dương và Phi Luật Tân.

Bởi thế, thật là rất dễ hiểu tại sao Hoa Kỳ muốn phòng thủ nền độc lập của Việt Nam.

Hoa Kỳ đã ủng hộ Tổng thống Diệm, nhưng Chính phủ của ông ta bất chấp sự ủng hộ đó để đàn áp các Đảng phái Đối lập và hạn chế tự do dân chủ, điều đó làm mất sự ủng hộ căn bản của chúng ta, và đã trở thành một điều bất lợi cho công cuộc chiến đấu chống Cộng một cách hữu hiệu.

Khía cạnh tôn giáo của cuộc tranh chấp là ở quan điểm rằng dù Chính phủ Tổng Thống Diệm được xây dựng trên căn bản tín lý Thiên Chúa giáo và đa số công chức quan trọng trong Chính phủ là người Thiên Chúa, nhưng dân số trong nước thì từ 70 – 90 phần trăm là Phật Giáo đồ. Người ta sẽ nghĩ rằng trong một quốc gia mà đại đa số dân chúng theo tôn giáo khác thì chính phủ quốc gia ấy nên phải đối xử hợp tình hợp lý với đa số ấy. Thiếu số 1/10 không thể có được tương lai trong một quốc gia trừ phi phần thiểu số đó cư xử tử tế và công bằng với đa số mà họ phải sống chung. Nhưng Tổng thống Diệm đã quá tin tưởng ở quyền lực của mình để thống trị miền Nam Việt Nam. Nhờ viện trợ hùng hậu của Hoa Kỳ trong 7 năm qua, ông ta không ngần ngại khinh rẻ, nhục mạ và khinh rẻ Phật Giáo đồ trong suốt mấy năm ấy và sự kỳ thị càng trở nên trắng trợn theo thời gian. Mỗi lần khiếu nại lại gặp phải sự áp bức dã man và cay nghiệt, nên kết quả đã đưa đến một phong trào gần giống như một cuộc cách mạng, mặc dầu phong trào đó được bộc lộ qua phương pháp bất bạo động cổ truyền của Phật giáo.

Những người Phật tử có một tôn giáo lấy từ bi làm tôn chỉ và rất hiếu hòa, đang bị tình thế dồn đến bờ vực thẳm của bạo động thì chúng ta có thể tưởng tượng được sự khiêu khích đã có một sức mạnh vượt bậc như thế nào.

Chính sách kỳ thị tôn giáo đó đã được biểu lộ bằng nhiều cách. Phần lớn công chức trong Chính phủ là người Thiên Chúa giáo. Mặc dù 80 hay 90 phần trăm binh sĩ là Phật tử nhưng các sĩ quan trong quân đội từ cấp úy trở lên phần nhiều là người Thiên Chúa, và nếu ai muốn được thăng chức thì đều phải gia nhập vào Thiên Chúa giáo. Mặc dù Phật giáo là tôn giáo chuộng hòa bình, nhưng các thanh niên Tăng sĩ Phật Giáo vẫn phải nhập ngũ và không có tuyên úy Phật giáo trong quân đội.

Các quan sát viên và ký giả Hoa Kỳ đã tố cáo, và đây tôi xin trích một đoạn trong tờ báo Newsweek số ra ngày 27/5/1963: “Các tư lệnh tiểu đoàn Thiên Chúa giáo trong quân đội miền Nam Việt Nam được trang bị với vũ khí hạng nặng và đầy đủ hơn là những người không phải là Thiên Chúa giáo.”

Tại nhiều khu vực, các giáo sĩ Thiên Chúa giáo có quân đội riêng mệnh danh là “đoàn quân giám mục” (có phận sự bảo vệ nhà thờ và các giáo sĩ và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám mục, anh ruột Tổng thống Diệm. Đoàn quân này được trang bị bằng vũ khí Hoa Kỳ mà chính các bạn và tôi đã phải trả tiền cho sự tốn kém đó. Và họ được các cố vấn quân sự Hoa Kỳ huấn luyện)

Hai trường Đại học mới tại miền Nam Việt Nam là của Thiên Chúa giáo. Phật Giáo đồ không bao giờ có đủ phương tiện để có được một nền giáo dục như vậy. Phần lớn các thực phẩm viện trợ của Hoa Kỳ được gửi qua cơ quan cứu trợ Thiên Chúa giáo rồi sau đó mới được các giáo sĩ Thiên Chúa giáo ở các vùng phân phát. Nhưng lạm dụng rất nhiều. Mỗi năm, Hoa Kỳ đổ vào xứ 15 triệu dân này một số tiền là 300 triệu đô la. Một nhà truyền giáo Tin Lành đã hoạt động tại Bình Định 15 năm qua nói trắng ra rằng: “Tất cả các nhà thờ Thiên Chúa ở tỉnh đều được xây cất bằng tiền xổ số và tiền bán thực phẩm cứu trợ.” Các thánh đường Thiên Chúa đã được xây cất trong các Thánh Tích Phật giáo với sự khuyến khích và cho phép của Chính phủ. Thí dụ: tháng 3 năm 1961, một trăm người ở làng Tư Chánh đã phàn nàn với Chính phủ về việc cho phép một linh mục xây một ngôi nhà thờ Đức Bà trên núi Thiên Bút là nơi đã có một cảnh chùa và nghĩa trang dành cho Tín đồ Phật giáo. Người ta khó có thể tưởng tượng được một việc làm nào thiếu khôn ngoan hơn thế được !

Em dâu Tổng thống Diệm, bà Ngô Đình Nhu, đã cấm thuốc ngừa thai, cấm chế độ đa thê, cấm ly dị trừ phi được Tổng thống phê chuẩn. Đó là một vài việc làm đã khiến dân chúng bất mãn.

Tất cả vấn đề đã đi đến cực độ vào tháng 5 vừa rồi. Ngày 5/5 là lễ Rước kiệu mà Tổng Giám mục Huế, anh của Tổng thống Diệm, chủ tọa. Trong dịp này, cờ của Vatican được treo ngang hàng với cờ quốc gia. Thế rồi chỉ ba ngày sau là ngày Phật Đản, thì cờ Phật giáo bị cấm không được treo. Tổng thống Diệm giải thích là khi ông thấy cờ Vatican được treo, ông cho đó là trái phép, nên ông cấm treo cờ Phật giáo nhưng không ngờ lại đúng vào ngày Phật Đản.

Thế là xảy ra những cuộc biểu tình liên tiếp và quân đội Tổng thống Diệm đã nổ súng vào đám đông giết chết 9 người. Khi bị phản đối thì Tổng thống Diệm nói rằng đó là do Việt Cộng ném lựu đạn làm thiệt mạng 9 người ấy và Chính Phủ hoàn toàn không chịu trách nhiệm. Nhưng các nhà báo ngoại quốc có đầy đủ hình ảnh về vụ đó và đã cho thấy rõ một trăm phần trăm là quân đội Chính phủ đã bắn vào đám đông làm cho 8 người thiệt mạng. Có hàng ngàn người bị bắt trong vụ này. Đến ngày 4/6, lại một cuộc biểu tình nữa diễn ra gồm toàn sinh viên tại Huế, và cuộc biểu tình này lại bị quân sĩ và cảnh sát của ông Diệm đàn áp bằng lựu đạn cay và bom lửa chế tạo tại Hoa Kỳ. Khoảng 67 sinh viên bị phỏng khắp người. Rồi đến ngày 11/6, Hòa thượng Quảng Đức hy sinh đời mình bằng cách tự thiêu để thức tỉnh lương tâm của Tổng thống Diệm và lưu ý cho toàn thể giới.

Ngày 15/6 đã có một sự thỏa hiệp sơ bộ. Chính phủ hứa sẽ trả 37 đô la cho mỗi gia đình của những nạn nhân bị giết tại Huế. Họ cũng hứa sẽ không làm khó dễ Tăng Ni, và Phật Giáo đồ sẽ được treo cờ Phật giáo song song với cờ quốc gia trong những ngày lễ Phật giáo. Họ cũng hứa sẽ sửa lại một đạo dụ từ trước vẫn biệt đãi Thiên Chúa giáo hơn Phật Giáo. Nhưng chỉ hôm sau thôi thì Cảnh sát Chiến Đấu đã đàn áp một số Ni Cô tại một ngã tư gần chùa Xá Lợi khi các Ni Cô này muốn vào chùa để cầu nguyện cho Hòa thượng Quảng Đức. Các Ni Cô bị bóp cổ quăng lên xe cảnh sát, có nhiều cô chết ngất đi. Một em bé 15 tuổi bị giết, nhiều người bị thương và hàng trăm người bị bắt.

Ngày 15 tháng 6, báo Times of Vietnam (do bà Nhu thuê người viết) tố cáo rằng các cuộc biểu tình Phật giáo đều được tổ chức đúng với chiến thuật của Cộng sản một cách rất cẩn thận và có kế hoạch. Tôi tin rằng một số người ở đây, tại Mỹ quốc này, cũng sẽ nói rằng một số giáo sĩ đã đăng một bản thông cáo trên tờ New York Times tuần rồi cũng là dụng cụ của Cộng Sản.

Đó là những sự kiện diễn ra trong lúc này – Một sự rối loạn cực độ tại miền Nam Việt Nam. Khắp nơi trong nước, ngọn lửa căm phẫn đang bốc lên bùng bùng. Những điều đó có liên quan gì đến các bạn và tôi không ? Sở dĩ vấn đề có liên quan đến chúng ta là bởi vì chúng ta phải trả tiền mua những vũ khí đó, chúng ta phải trả tiền các thực phẩm cứu trợ. Chúng ta lại đưa người của chúng ta đến huấn luyện cho quân sĩ của Chính phủ Diệm. Nếu không có sự viện trợ đặc biệt hùng hậu của chúng ta thì những kẻ chuyên chế áp bức và kỳ thị đó sẽ bị lật nhào chỉ trong giờ phút mà thôi.

Bây giờ thì người ta đang tự hỏi không biết Chính phủ Sài Gòn còn tồn tại được bao lâu nữa, ngay cả với sự viện trợ của chúng ta. Bởi thế nên chúng ta có liên hệ và điều đó rất có ý nghĩa đối với chúng ta. Theo tôi nghĩ thì một trong những điều mà Hoa Kỳ phải học hỏi là: Hoa Kỳ không thể giúp đỡ những Chính phủ ngoại quốc để họ nắm quyền hành và áp bức nhân dân của họ mà không chia sẻ trách nhiệm về sự áp bức ấy. Điều sỉ nhục ấy sẽ khiến tâm hồn của mọi người Hoa Kỳ cần cỗi.

Nhưng ta biết làm cách nào ? Tôi mong muốn có được những lời giải đáp dễ dàng nhưng tôi phải hoài nghi rằng vấn đề này hết sức khó khăn, vì những người sẵn sàng đưa ra những lời giải đáp ấy thì đã bị bóp nghẹt bởi chính sự viện trợ của chúng ta rồi ! Hoa kỳ với ông Henry Cabot Lodge là tân Đại sứ của chúng ta, phải tìm mọi cách thuyết phục ông Diệm thực thi quyền bình đẳng cho tất cả các đoàn thể tôn giáo như đã ghi trong Hiến Pháp, và dù có phải rút hết viện của Hoa Kỳ cho Chính phủ ông ta đi nữa thì

Hoa Kỳ cũng đừng ngăn ngại. Tôi tưởng rằng đã đến lúc Hoa kỳ phải tự tay phân phối những thực phẩm cứu trợ mà đừng trao cho một cơ quan cứu trợ Thiên Chúa giáo hay Chính phủ phân phối. Nếu chúng ta cứ tiếp tục viện trợ hàng triệu đô la cho Việt Nam, nơi mà sự viện trợ bị lạm dụng quá nhiều thì tôi tin rằng đã đến lúc chúng ta phải khuyến khích Phật Giáo đề khuếch trương nền cao đẳng giáo dục của họ để họ có thể tham gia vào sự lãnh đạo trong nước. Cũng như viện trợ của chúng ta đã vô tình giúp đỡ người Thiên Chúa giáo phát triển nền cao đẳng giáo dục của họ để làm lợi cho thiểu số 10 phần trăm, bây giờ chúng ta phải giúp đỡ cho số 70 đến 90 phần trăm. Đó là việc có thể làm ngay và đó cũng là tình trạng mà chính phủ Hoa Kỳ không thể làm ngơ được nữa.

Đừng về mặt chính trị thì vấn đề đó còn khó khăn hơn nhiều. Bản Thông cáo mà chúng ta đăng trên mặt báo tuần rồi là thông cáo phản đối. Người ta có thể nói Bản Thông cáo đó mới chỉ đề cập đến mặt tiêu cực mà thôi.

Tôi còn nhớ câu chuyện cách đây mấy năm tại San Juan, Puerto Rico, khi tôi gặp một nhạc sĩ đại hồ cầm tên tuổi, ông Pablo Casals, người đã bằng lòng chịu đi đây chớ không chịu trở về quê hương là nơi bị chế độ độc tài áp bức thống trị, và từ chối luôn không chịu trình diễn tại các quốc gia đã thừa nhận hay đặt quan hệ với chính phủ xứ ông. Casals, với thái độ dịu dàng và là một trong những người dễ cảm nhất mà tôi từng gặp, thuật lại cho chúng tôi câu chuyện ông nói với Schweitzer khi họ đề cập đến vấn đề tại sao ông không chịu trình diễn tại nhiều quốc gia? Casals nói rằng Schweitzer đã trách ông bằng câu này: Nên sáng tạo hơn là phản đối. Casals nhìn tôi với vẻ nghiêm nghị và nói: Tôi đã trả lời là không! Casals nói lớn tiếng quá làm tôi giật mình. Rồi ông nói tiếp là có nhiều khi sự sáng tạo duy nhất mà ông có thể thực hiện được là phản đối. Chính chúng ta cũng đang đương đầu với tình trạng ấy tại miền Nam Việt Nam. Chúng ta phải phản đối. Những khả năng sáng tạo phải được khai triển.

Mặc dầu chúng ta đã phạm nhiều sai lầm nhưng vẫn còn đủ thời gian để sửa đổi. Vẫn còn thời gian để buộc Tổng thống Diệm phải thực thi tự do dân chủ, cho phép các đảng phái chính trị đối lập hoạt động, tổ chức tuyển cử tự do, cải tổ chính phủ theo một đường lối trong đó để cho dân chúng thấy rằng họ cũng được tự do vào việc định đoạt số phận của chính họ. Còn gì mĩa mai hơn cho chúng ta bằng cách đứng nhìn một chế độ độc tài tội ác với tất cả sự khủng bố gần như độc quyền được giúp đỡ bởi vũ khí của Hoa Kỳ và tiền tài danh dự của công chúng Hoa Kỳ!

Một vị sư già mới chết cách đây chưa đầy ba tuần lễ. Người ta có thể nói Người là một ông già tầm thường. Trong 10 phút, Người đã chịu đựng sự đau đớn của tia lửa hồng đang đốt da thịt không một lời kêu than. Người gởi mấy lời của Người cho Tổng thống Diệm, và cho đến nay ông Diệm vẫn chưa chịu nghe hay chú ý. Nhưng dù sao, tiếng nói ấy vẫn là tiếng nói của tình thương, tiếng nói mà trong thâm tâm của nó chứa đựng sự giải thoát của miền Nam Việt Nam. Người đã để lại một bóng đen sỉ nhục lên sự huy hoàng mà Giáo hoàng Gioan đã mang lại cho Giáo hội Thiên Chúa. Người đã làm và Người phải làm, cho mỗi người Hoa Kỳ đi tìm linh hồn của Người và cho Chính phủ Hoa Kỳ biết rằng, trừ phi Chính phủ Sài Gòn thực thi ngay quyền bình đẳng tôn giáo cho Phật Giáo đồ và tự do cho dân chúng Việt Nam, tất cả mọi sự viện trợ của Hoa Kỳ đều phải chấm dứt ngay.

Chậm rồi chẳng ? Sự hy sinh của Hòa thượng Quảng Đức vẫn còn được để ý tới, và nếu thế, tình hình Việt Nam còn có thể cứu vãn được. Ngọn lửa ấy có thể thành một tia hy vọng cho những người từ lâu bị áp bức bởi người ngoại quốc hay bởi ngay chính đồng bào của họ. Hoa Kỳ phải tìm cách biểu hiện lý tưởng của mình và đừng quay lưng lại với họ nữa. Một người Mỹ chết – có nghĩa gì? Chỉ có chúng ta mới có thể trả lời câu hỏi đó.

(Bản dịch của Ủy ban Liên Phái Bảo vệ Phật giáo)

Ngày 14 tháng 8, hơn 15 ngàn Giáo sĩ của các Giáo hội tại Hoa Kỳ, mỗi người đã gửi một bức thư phản đối đến Tổng thống J.F. Kennedy yêu cầu chấm dứt sự ủng hộ tài chính và quân sự cho Chính phủ Ngô Đình Diệm vì đã ngược đãi tôn giáo với các Phật Giáo đồ.

“Sự ủng hộ của Chính phủ Hoa Kỳ đối với chế độ ác nghiệt Ngô Đình Diệm tại Việt Nam sẽ trở thành một sự bêu xấu và làm yếu thế một cách nguy hại lập trường đạo đức và chính trị của Mỹ.” (tin của hãng Reuter ngày 14/8/1963)

Tờ Nữ Ước Thời Báo đã so sánh một cách rất xác đáng tình trạng Chính phủ Ngô Đình Diệm với tình trạng Chính phủ Lý Thừa Vãn tại Hán Thành, trong những ngày suy tàn. Bài báo này quả là một lời tiên đoán hết sức tinh vi:

“Tình hình tại Sài Gòn giống hệt những ngày cuối cùng của Lý Thừa Vãn tại Hán Thành. Cùng một loại bùng nổ của dân chúng đã diễn ra tại hai đô thị, và bị đàn áp bởi cùng một loại tàn bạo của cảnh sát. Tại Hán Thành, những người biểu tình là sinh viên, tại Sài Gòn những người biểu tình là Phật tử, và phong trào chống đối của Phật giáo đang mở màn cho một niềm căm phẫn toàn diện chống lại một chế độ độc tài áp bức.

Ở Đại Hàn, phong trào chống đối do sinh viên lãnh đạo lúc đầu và cuối cùng đã trở thành một nhu cầu quốc gia bất khả kháng, có quân đội tham gia và kết quả là Lý Thừa Vãn đã phải ra đi. Có lẽ khác với Lý Thừa Vãn, ông Diệm có thể vượt qua cơn sóng gió, nhưng cách giải quyết vấn đề của ông bằng lối đàn áp hơn là làm dịu nỗi đau khổ của Phật Giáo đồ khiến người ta phải nghi ngờ không biết ông có vượt qua được không ? “ (Nữ Ước Thời Báo số 19/7/1963)

Báo chí đã làm xúc động mãnh liệt dư luận trong chính giới Hoa Kỳ. Ngày 18/7/1963, Thượng Nghị sĩ Wayne L. Morse của tiểu bang Oregon nói rằng ông sẽ “không đồng ý cho một đô la nào nữa để viện trợ ủng hộ cho chế độ độc ác tàn bạo của Chính phủ Ngô Đình Diệm”.

Đứng trước một dư luận của toàn dân quyết liệt như vậy, Chính phủ Hoa Kỳ cũng đã minh định thái độ.

Chính sách của Hoa Kỳ và của Pháp đối với vấn đề Phật giáo.

Pháp và Hoa Kỳ đã có hai chính sách khác biệt đối với vấn đề Phật giáo tại Việt Nam. Sau thất bại Điện Biên Phủ, Pháp đã mất hết ảnh hưởng đối với Chính phủ miền Nam và Mỹ đã thay thế Pháp viện trợ trực tiếp cho chính phủ Ngô Đình Diệm về phương diện kinh tế và quân sự. Do đó, chính phủ Pháp, do Tổng thống De Gaulle lãnh đạo, vẫn có mặc cảm đối với chính phủ Hoa Kỳ và theo đuổi một đường lối chính trị biệt lập về vấn đề Việt Nam nói chung, và đặc biệt trong giai đoạn khó khăn 1963 khi phải giải quyết vấn đề đàn áp Phật giáo nói riêng.

A- Chánh sách của Hoa Kỳ

Lẽ dĩ nhiên, vì Hoa Kỳ đã thay thế Pháp để công khai viện trợ cho Chính phủ Ngô Đình Diệm từ Hiệp định Genève 20/7/1954, nên Hoa Kỳ không thể không quan tâm đến chính sách đàn áp Phật giáo đang xô đẩy Chính quyền miền Nam vào một giai đoạn vô cùng nguy hiểm.

Như đã chép trên đây, trong tháng 6 và tháng 7 năm 1963, chính phủ Hoa Kỳ đã chỉ thị cho ông Trueheart, Đại lý Tòa Đại sứ Hoa Kỳ tại Việt Nam, trong khi Đại sứ Nolting về nghỉ phép, đến khuyến cáo Tổng thống Diệm phải có những biện pháp ôn hòa để thỏa mãn những nguyện vọng chính đáng của Phật giáo, nhưng tất cả các cố gắng của Chính phủ Hoa Kỳ đều vô hiệu.

“Tại Sài Gòn, Trueheart ngày càng thất vọng với chính phủ Diệm. Nếu ông Diệm có hứa điều gì, thì ngay ngày hôm sau, trên mặt tờ Thời Báo Việt Nam (Times of Vietnam), một tờ báo viết bằng Anh văn tại Sài Gòn và do vợ chồng ông Ngô Đình Nhu chi phối, liền có bài phủ nhận ngay điều đó. Điều tệ hơn nữa là các lời tiên đoán đen tối của Thời Báo Việt Nam, sau một thời gian, phản ánh đường lối chính trị của chính phủ đúng hơn là các lời hứa hẹn chính thức của ông Diệm. Trong khi ông Diệm hứa hẹn một điều gì với người Mỹ, thì sau khi bàn với gia đình, ông lại bị em ruột và em dâu xúi đẩy và đối thái độ thành cứng rắn “(14)



Tại Hoa Thịnh Đốn, Tổng thống J.F. Kennedy bàn luận với các cố vấn xem có thể nào tách rời vợ chồng ông Ngô Đình Nhu ra khỏi chính quyền không, nhưng mọi người đều thấy không thể nào thực hiện được điều này.

Trên đây cũng đã chép rằng Đại sứ Hoa Kỳ F.Nolting thì có một chính sách ủng hộ triệt để ông Diệm và tìm mọi cách để che đậy những sai lầm của ông Nhu và ông Diệm, không cho chính phủ và báo chí Hoa Kỳ biết.

Khi Tổng thống Hoa Kỳ J.F.Kennedy quyết định thay thế Đại sứ Nolting bằng ông Cabot Lodge, một chính khách nổi danh của Hoa Kỳ, chính phủ Ngô Đình Diệm đã tỏ ra rất lo âu về sự bổ nhiệm này vì nó chứng tỏ hiển nhiên sự thay đổi đường lối của Hoa Kỳ. Vì lo âu về sự bổ nhiệm tân Đại sứ Cabot Lodge, bà Nhu đã lên tiếng chỉ trích sự bổ nhiệm này, mặc dầu không gửi địa vị gì chính thức trong chính phủ. Nữ Ký giả Marguerite Higgins của tờ Nữ Ước Thời Báo đã phỏng vấn Tổng thống Diệm về vấn đề này.

“Hỏi: Bà Nhu đã công kích vị Đại sứ Hoa Kỳ sắp sang Việt Nam là ông Henry Cabot Lodge. Kính xin Tổng thống cho biết quan điểm của Chính phủ Việt Nam về ý kiến của bà Nhu thế nào?”

Trả lời: Tôi không bao giờ nghe thấy ai chỉ trích việc Chính phủ Việt Nam chấp thuận việc bổ nhiệm ông Henry Cabot Lodge làm Đại sứ tại Việt Nam. Tất cả chúng tôi, và bà Ngô Đình Nhu trước tiên, coi việc bổ nhiệm đó làm cho Việt Nam rất hài lòng”.

Cuộc phỏng vấn này được tất cả các báo chí đăng tải, tuy nhiên người ta nhận thấy rõ ràng sự bối rối trong câu giải đáp khi Tổng thống Diệm trả lời :”Tất cả chúng tôi, và bà Ngô Đình Nhu trước tiên, rất thỏa mãn về việc bổ nhiệm này”. Tại sao lại thêm: “và bà Ngô Đình Nhu trước tiên?” nếu không phải là để gỡ tội cho bà Nhu hay thú tội cho sự bất lực của một chế độ suy vong trước sự đàn áp của một người đàn bà?

Khi nhận sự bổ nhiệm này, Cabot Lodge đã nhận cả một sự thách thức trên đường chính trị. Cabot Lodge không thể nhận làm Đại sứ Việt Nam để chứng khiến chính sách đàn áp Phật giáo của Tổng thống Diệm. Hơn thế nữa, cuộc tấn công chùa chiền tại Việt Nam vào đêm 20/8/1963, trước khi Cabot Lodge đến Sài Gòn, đã làm rõ ý đồ của anh em ông Diệm muốn đặt vị tân Đại sứ Hoa Kỳ trước sự đã rồi, đồng thời, đó cũng là một đòn phủ đầu của gia đình họ Ngô.

Nhưng ngay ngày 21/8/1963, Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ đã phổ biến lời tuyên ngôn phản kháng chính sách đàn áp Phật giáo của Chính phủ Ngô Đình Diệm:

“Căn cứ vào các tin loan đi từ Sài Gòn, rõ ràng Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa đã có những biện pháp đàn áp nghiêm khắc các lãnh tụ Phật giáo Việt Nam. Hành động này là một sự vi phạm trực tiếp của Chính phủ Việt Nam vào lời cam đoan theo đuổi một chính sách hòa giải với Phật Giáo đồ. Hoa Kỳ phiến trách các hành động đàn áp loại này.” (Text of Statement issued by Department of State, Washington, on August 21: “On the basis of information from Saigon, it appears that the Government of the Republic of Vietnam has instituted serious repressive measures against Vietnamese Buddhist leaders. The action represents a direct violation by the Vietnamese Government of assurances that it was pursuing a policy of reconciliation with the Buddhists. The United States deplores repressive action of this nature.)

B – Chính sách của Pháp đối với vấn đề Phật giáo

Sau khi thua trận Điện Biên Phủ, Pháp đã mất hết ảnh hưởng chính trị đối với Chính phủ Ngô Đình Diệm. Chính phủ này đã từ chối không gia nhập cả khối Liên Hiệp Pháp do Chính phủ Pháp thành lập với ước mong chi phối các thuộc địa cũ của Pháp tại hai châu Á Phi. Ai cũng biết rằng tướng Navarre đã từng tuyên bố rằng trận Điện Biên Phủ có mục đích bảo vệ Lào khỏi bị xâm lấn bởi quân đội Cộng Sản, vì Lào đã gia nhập khối Liên Hiệp Pháp.

Thua trận Điện Biên Phủ, Pháp đã bị Mỹ thay thế tại Việt Nam. Tổng thống Pháp De Gaulle rất bất mãn vì những biến cố chính trị này đã làm giảm uy tín của Pháp trên bán đảo Đông Dương, do đó trong khi vừa vẫn phải ve vãn Chính phủ Ngô Đình Diệm vì còn nhiều quyền lợi của Pháp tại Việt Nam trên phương diện kinh tế và văn hóa, De Gaulle vừa vẫn tìm một đường lối chính trị khác biệt với chính sách của Mỹ.

Đầu năm 1963, một phái đoàn dân biểu do Chủ tịch Quốc Hội là ông Trương Vĩnh Lễ viếng thăm nước Pháp. Trong cuộc hội kiến với De Gaulle, Tổng thống Pháp tỏ ra rất niềm nở, và một chương trình hợp tác kinh tế và văn hóa đã được Tổng thống Pháp hứa hẹn.

Vào tháng 8 năm 1963, trước các biến cố nghiêm trọng xảy ra tại Việt Nam với vụ tấn công chùa chiền, Tổng thống Pháp De Gaulle đã tuyên bố, sau buổi họp Hội đồng Nội Các ngày 28/8/1963, như sau: “Nước Pháp ước mong Việt Nam được độc lập trên phương diện đối ngoại, và thực hiện được hòa bình và thống nhất trên phương diện đối nội.” (Indépendance vis-à-vis de l’extérieur, paix et unité de l’intérieur)

“Tất cả các nỗ lực nào của Việt Nam mà thực hiện để đạt cứu cánh kể trên thì sẽ được nước Pháp sẵn sàng tổ chức một sự hợp tác thân thiện.” (Tout effort national qui serait entrepris au Vietnam à cette fin, trouverait la France prête à organiser avec ce pays une cordiale coopération.)

Trong lời tuyên bố của tướng De Gaulle, không có một lời nào chỉ trích chính sách kỳ thị Phật giáo của Chính phủ Ngô Đình Diệm nói chung, và vụ tấn công chùa chiền xảy ra một tuần lễ trước nói riêng.

Phải chăng De Gaulle, trong những lời bóng gió này, đã muốn đưa một cây sào cho gia đình họ Ngô trong khi bị chính phủ Mỹ bỏ rơi và ngụp lặn trước các khó khăn vô hạn do sự đàn áp Phật giáo gây ra.

Sự thật, những lời hứa hẹn viển vông của tướng De Gaulle cũng không thể nào giúp ích được gì cho chính phủ Ngô Đình Diệm mà những ngày tàn đã trông thấy rõ.

Các tin đảo chính được tiếp nối loan đồn từ Sài Gòn, nhiều khi do chính Ngô Đình Nhu tạo ra, để đe dọa phe đối lập.

Và đến ngày 1/11/1963, sự mong đợi của quốc dân đã thành sự thật: Một cuộc cách mạng do các tướng lãnh cầm đầu đã lật đổ Ngô Đình Diệm, chấm dứt vĩnh viễn một chế độ độc tài trong lịch sử nước ta.

CƯỚC CHÚ:

- (1) *The new Face of Buddha* – Jerrold Schecter
- (2) Báo Observatore Romana ngày 4/8/63
- (3) Báo Observatore Romana ngày 30/8/63
- (4) Lá thư này đã được cơ quan ngôn luận của Tòa thánh Vatican trong số ra ngày 20/9 và nguyên văn được công bố trong tập La Documentation Catholique 1963, cột 1375
- (5) *Catholiques et Bouddhistes au Vietnam* – Piero Gheldo, Alsatia Cohnar, France 1970, trang 242
- (6) Các tài liệu này do Tổng Nha Thông tin soạn theo chỉ thị của Ngô Đình Nhu
- (7) *Cuốn sổ tay của một nhân viên Ngoại giao nhân vụ tấn công chùa Xá Lợi* – Phạm Trọng Nhân, Bách Khoa số ra ngày 15/1/64, trang 31
- (8) Giữa Cao Miên và Việt Nam không có trao đổi liên hệ ngoại giao thời Đệ nhất Cộng hòa, vì vậy mỗi nước chỉ đặt tại nước kia một Đại diện Chính phủ (Représentant du Gouvernement) nhưng được hưởng quy chế ngoại giao
- (9) *Cuốn sổ tay ...* – Phạm Trọng Nhân, thượng dẫn
- (10) Báo Ceylan Daily News ngày 17, 21 và 23/5/63. Báo The Obscuyer ngày 16, 19 và 23/5/63. Báo The Time of Ceylan ngày 15 và 23/5/63. Các hội Phật học All Ceylan Buddhist Congress, Central Bank Buddhist Association, Ceylan Institute Siinhala Buddha Dula, Baha Daksha
- (11) *Cuốn sổ tay ...* – Phạm Trọng Nhân, thượng dẫn
- (12) Bản Quyết nghị này đã được phân tích trong Chương IV, Tiết 4, Đoạn IV: Trên đường Hành hương
- (13) Phật giáo là quốc giáo tại Thái Lan
- (14) *The Best and the Brightest* – David Halberstam, Random House, New York, 1972, trang 259

Sức mạnh Bất bạo động nhìn từ Ngọn lửa Thích Quảng Đức

Lê Cung



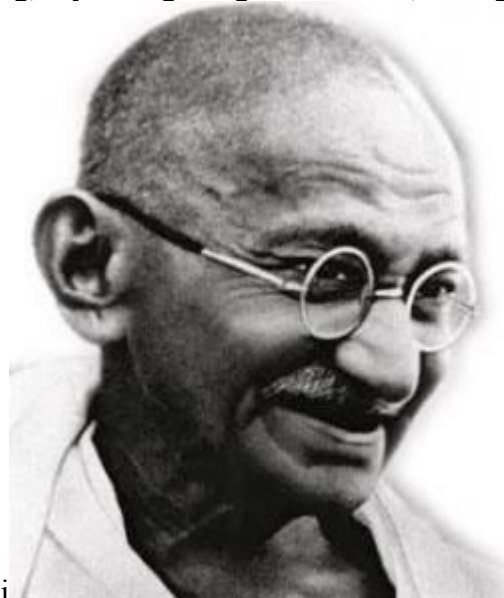
Dấu ấn của phong trào Phật giáo miền Nam Việt Nam năm 1963 trong dòng lịch sử dân tộc nói chung cũng như Phật giáo Việt Nam nói riêng có thể lý giải bằng nhiều lập luận khác nhau, song điều quán xuyên, xuyên suốt và cốt lõi là ở chỗ phong trào đã vận dụng tối đa phương pháp bất bạo động trong suốt quá trình đấu tranh chống chế độ bạo trị Ngô Đình Diệm - “một chế độ mà kẻ thù của nhân dân đình ninh rằng không một lực lượng nào dưới quyền thống trị của chúng dám dấn động đến” (1) - trong đó nổi bật nhất chính là ngọn lửa Thích Quảng Đức được thắp lên giữa đường phố Sài Gòn ngày 11-6-1963. Bài viết này góp phần tìm hiểu giá trị đích thực của “Sức mạnh bất bạo động nhìn từ ngọn lửa Thích Quảng Đức”.

Trước hết, tưởng cũng nên có một vài nét “chấm phá” về nguồn gốc của phương pháp bất bạo động. Trong rất nhiều loại kinh sách của Phật Tổ để lại cũng như các trước tác về sau của các môn đồ, tuy ở những mức độ khác nhau, nhưng ít nhiều đều ẩn chứa tư tưởng bất bạo động. Câu chuyện Phật độ chàng Vô Nãi viết: “Tại Xá Vệ có chàng Vô Nãi, sau khi cuồng tín theo tà giáo, trở thành một kẻ sát nhân gây khủng khiếp cho dân bản xứ. Thầy của chàng bảo tìm giết một trăm người cắt ngón tay mang vào cổ đem về ông ta sẽ truyền phép màu nhiệm cho. Theo lời thầy dạy, chàng đến rình một nơi hẻo lánh hoặc ở mé rừng, hễ ai đi lẻ loi đều bị chàng giết chết. Chàng đã giết được chín mươi chín, còn thiếu một người nữa để giết thì gặp mẹ chàng đi tới. Chàng xông xáo chạy tới để giết thì thành linh Đức Phật ở đâu hiện tới, chàng liền đổi ý chạy theo Phật Tổ để hạ sát. Chàng chạy như tên bay mà không kịp. Tức mình, chàng kêu to: “Kìa ông Sa môn! Sao ông không dừng chân lại?”. Đức Phật đáp: “Này Vô Nãi, Như Lai dừng bước đã lâu rồi, chỉ có người chưa chịu dừng bước đó thôi”. Vô Nãi hỏi lại: “Ông nói ông đã dừng bước sao tôi chạy theo mãi không kịp. Ông là người nói dối”. Phật đáp: “Như Lai đã dừng bước trên con đường tội lỗi, Như Lai đã trút bỏ guơm giáo từ lâu rồi”. Vừa nghe được bấy nhiêu lời, Vô Nãi chợt tỉnh mộng điên cuồng hối ngộ, liệng dao quý lạy trước Phật, xin Phật ra tay tế độ” (2).

Pháp bảo nhà Phật đề cập đến tinh thần bất bạo động một cách hàm súc như câu chuyện dẫn ra trên đây. Chính đó là biểu tượng chân thật của giáo lý nhà Phật giữa một thế gian chứa đựng đầy dẫy những áp bức, bất công, những kỳ thị đẳng cấp, chủng tộc,... Lý thuyết bất bạo động của Phật giáo xuất phát từ tinh thần đại từ bi, cứu khổ cứu nạn, nhằm hóa giải chúng sanh thoát khỏi cảnh khổ đau (sinh, lão, bệnh, tử,...) để đi đến Niết bàn. Vì vậy, Phật giáo chủ trương một tình yêu phổ quát, một lòng thương vô bờ bến đối với mọi chúng sinh. Lời Phật giáo dạy: “Lòng từ bi đem lại cho chúng sinh tất cả mọi sự yên ổn cả về tinh thần lẫn vật chất” (Kinh Đại Bảo Tích).

Cần phải hiểu thêm rằng khái niệm “bất bạo động” được dịch từ Phạn ngữ *Ahimsā* chưa diễn tả đầy đủ nội dung của nguyên ngữ, vì *Ahimsā* không phải chỉ là bất bạo động mà còn có nghĩa là không làm hại đến bất cứ một sinh vật nào - kể cả kẻ thù - từ trong ý thức cho đến lời nói và hành động. *Ahimsā* không phải mang tính chất tiêu cực, thụ động (non-violence hay passive resistance) mà phải được hiểu là nắm lấy chân lý mà hành động (satyagraha). Bất bạo động (*Ahimsā*) theo đúng nghĩa của nó đòi hỏi phải thể hiện trọn vẹn một tình yêu tuyệt đối, phải nắm phần chủ động trong việc thể hiện thiện cảm của mình đối với chúng sinh. Cùng với yêu thương chúng sinh, kể cả kẻ thù, còn phải tôn trọng ý kiến kẻ khác trong mọi lãnh vực, dù ý kiến ấy đối nghịch với ý kiến của mình. Tiêu chuẩn chính xác của phương pháp bất bạo động là gạt bỏ ý thức tị

hiềm, thủ tiêu tuyệt đối và hoàn toàn mọi ác căn. Trong mọi hoạt động, tuy không dùng đến bạo lực, nhưng



bất bạo động không có nghĩa chạy trốn trách nhiệm đấu tranh. Gandhi đã từng tuyên bố: *“Chủ nghĩa bất bạo động của tôi không chấp nhận chạy trốn nguy hiểm, để mặc cho những người thân yêu không được bảo vệ. Giữa bạo động và chạy trốn một cách hèn nhát, tôi chỉ chọn lấy bạo động”* (3). Hơn thế nữa, người bất bạo động phải biết chọn đúng lúc để dấn thân vào cuộc đấu tranh với tất cả quyết tâm và lòng tự nguyện, tự giác, hỷ xả; phải thân nhiên đưa chính bản thân mình ra đón lấy mọi sự tấn công, ngược đãi.

Bất bạo động chủ trương lấy tình thương vô biên xóa bỏ hận thù nên không đánh trước và cũng không đánh lại kẻ đã đánh mình. Bất bạo động là tự đem chính bản thân làm gương mẫu mà giác ngộ kẻ đã tự cho là thù địch với mình để cho kẻ ấy tự ý từ bỏ mọi tư tưởng và hành động bạo động. Như vậy, phương pháp bất bạo động đòi hỏi một tinh thần vững mạnh và lòng can đảm vô biên, vì người bất bạo động tất nhiên thừa biết rằng mình có thể đánh lại đối phương, nhưng sợ dĩ không đánh lại không phải là vì sợ bạo lực mà chính là tinh thần “tự giác giác tha”.

Tuân thủ những nội dung trên đây của lý thuyết bất bạo động, phong trào Phật giáo miền Nam Việt Nam năm 1963 ngay từ đầu đã khẳng định phương pháp đấu tranh là bất bạo động. Tuy nhiên, trong ý định ban đầu của giới lãnh đạo Phật giáo miền Nam, bất bạo động(4) bằng hình thức tự thiêu vẫn chưa được đặt ra, mặc dầu trong những cuộc tuyệt thực đầu tiên của Tăng Ni trên toàn miền Nam vào cuối tháng 5, đầu tháng 6-1963, giới lãnh đạo đã dự tính rằng: “Nếu kéo dài các cuộc rước linh và tuyệt thực một cách nhàm chán thì phong trào tự nó cũng bị xẹp vì thiếu những hình thức mới mẻ, gây xúc động mạnh nuôi dưỡng” (5). Song hình thức mới mẻ là gì vẫn chưa được tìm ra, ngay cả khi giới lãnh đạo Phật giáo nhận được bức tâm thư đề ngày 27-5-1963 của Hòa thượng Thích Quảng Đức với nội dung xin tự thiêu để bảo vệ Phật pháp, họ vẫn không chấp thuận. Trên thực tế, giới lãnh đạo Phật giáo còn “thật lúng túng, cũng không biết tự thiêu như thế nào!” (6).



Mặc dầu không được chấp nhận, ý nguyện tự thiêu của Thích Quảng Đức vẫn tiếp tục được nuôi dưỡng. Ngài lưu lại chùa Ấn Quang trì tụng kinh Pháp Hoa và mong muốn đạt được ý nguyện. Tối ngày 9-6-1963, sau những lần thương lượng giữa Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo và Ủy ban Liên bộ (của chính quyền Ngô Đình Diệm) không đem lại kết quả, trái lại chính quyền Ngô Đình Diệm vẫn gia tăng các hoạt động đàn áp khủng bố, giới lãnh đạo Phật giáo bị bắt buộc phải chấp nhận ý nguyện tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức. Và “khi được thông báo tin này, Hòa thượng Thích Quảng Đức hết sức mừng rỡ, hình tượng của Ngài toát lên một sức hấp dẫn khó tả, trông như một vị Bồ tát hóa thân ở cõi Ta bà này” (7).

Ngày 11-6-1963, tại ngã tư đường Phan Đình Phùng và Lê Văn Duyệt(8) (Sài Gòn), Hòa thượng Thích Quảng Đức đã anh dũng tự thiêu trước sự chứng kiến của hàng chục vạn Tăng Ni, Phật tử cùng những quan sát viên, báo chí quốc tế. Chính quyền Ngô Đình Diệm điều động lực lượng đến để hòng phá tan cuộc tự thiêu, nhưng bị thất bại vì Tăng Ni, Phật tử đã kiên quyết bảo vệ bằng cách vây quanh nhà sư nhiều vòng. Có người nằm lăn trước xe cứu hỏa, xe cảnh sát không cho can thiệp. “Cuộc hy sinh phi thường và dũng cảm của Hòa thượng Thích Quảng Đức, hình ảnh cụ ngồi thẳng như tượng đá trong ngọn lửa rực hồng đã nhanh như một làn sóng điện làm sôi nổi dư luận trong cả nước Việt Nam và trên thế giới. Ảnh của vị Hòa thượng Việt Nam Thích Quảng Đức ngồi trong ngọn lửa được đăng trên hầu hết các báo khắp năm châu, với những dòng chữ nói lên sự khâm phục” (9).



Ảnh của nhà báo [Malcolm Browne](#) chụp Thích Quảng Đức tự thiêu. Một bức ảnh tương tự đã được trao "[Ảnh báo chí của năm](#)" vào năm 1963.[\[1\]](#)

Link: http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C3%ADch_Qu%E1%BA%A3ng_%C4%90%E1%BB%A9c

Chiều ngày 11-6-1963, chính quyền Ngô Đình Diệm ra lệnh phong tỏa các chùa, nhất là chùa Xá Lợi, nơi đang đặt thi hài của Thích Quảng Đức. Khắp các nẻo đường dẫn về chùa Xá Lợi, cảnh sát được huy động để ngăn chặn đã bị làn sóng người tràn ngập. Buổi tối cùng ngày, qua đài phát thanh, Ngô Đình Diệm đọc thông điệp lên án vụ tự thiêu của Thích Quảng Đức là do “một số người bị đầu độc gây án mạng” và “kêu gọi đồng bào hãy bình tĩnh nhận định tình thế”. Lời lẽ trong thông điệp bộc lộ bản chất độc tài của Diệm, khi y tuyên bố: “Sau lưng Phật giáo trong nước còn có Hiến pháp, nghĩa là có tôi” (10).

Từ phong tỏa đến thông điệp, dù mọi biện pháp, song chính quyền Ngô Đình Diệm vẫn không thể nào đẩy lùi được phong trào. Ngược lại, với cái chết cao cả của Thích Quảng Đức, “uy thế của Mỹ - Diệm bị một cú đánh tinh thần mạnh như trời giáng” (11), có tác dụng to lớn trong việc thúc đẩy cuộc vận động của Phật giáo Việt Nam tiến mạnh, tiến nhanh hơn. Trên thực tế, ngọn lửa Thích Quảng Đức đã tạo ra một bước ngoặt hết sức quan trọng. Nó chuyển phong trào Phật giáo miền Nam năm 1963 sang một thể mới, trên cả hai bình diện quốc nội và quốc tế.

Ở trong nước, “cái chết vô úy của Hòa thượng Thích Quảng Đức là một hồi chuông cảnh tỉnh cho mọi người, một tiếng gọi đàn cho hàng tứ chúng” (12). Nó được xem như là một lời kêu gọi khẩn thiết đối với tất cả những ai có lương tri hãy đứng lên đấu tranh chống lại chế độ độc tài gia đình trị Ngô Đình Diệm. Ngày 12-6-1963, giới lãnh đạo cao cấp của Phật giáo từ Huế vào Sài Gòn trực tiếp lãnh đạo cuộc đấu tranh tại đây.

Cũng trong ngày này, tại vùng giải phóng, Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam đã long trọng tổ chức lễ truy điệu Hòa thượng Thích Quảng Đức. Xã luận báo Nhân Dân số ra ngày 13-6-1963 viết: “Gương hy sinh anh dũng của Hòa thượng Thích Quảng Đức là một sự tố cáo, lên án trước dư luận toàn thế giới chế độ độc tài cực kỳ tàn bạo của bọn Mỹ - Diệm. Chế độ ấy phải bị đánh đổ. Mười bốn triệu đồng bào miền Nam quyết đánh đổ chế độ ấy” (13). Báo chí miền Bắc đăng tin chi tiết và hình ảnh về vụ tự thiêu và cho đây là “sự hy sinh gan dạ của Hòa thượng Thích Quảng Đức để chống chính sách của tập đoàn Ngô Đình Diệm đàn áp tự do tín ngưỡng” (14).



Xe Austin mà Thích Quảng Đức dùng để đến nơi tự thiêu nay được trưng bày tại [chùa Thiên Mụ](#) ở [Huế](#)

Trước phong trào đang dâng cao, giới lãnh đạo Phật giáo dự định trong dịp đưa tang Hòa thượng Thích Quảng Đức vào ngày 16-6-1963 sẽ tổ chức một cuộc biểu tình lớn để phản kháng chính quyền Ngô Đình Diệm không chịu giải quyết năm nguyện vọng đã đề ra. Lo sợ một cuộc bùng nổ lớn, chính quyền Ngô Đình Diệm cấp tốc mở cuộc điều đình với giới lãnh đạo Phật giáo. Phiên họp đầu tiên diễn ra vào ngày 14-6-1963. Sau năm phiên họp, một *Thông cáo chung* được ký kết vào lúc 2 giờ sáng ngày 16-6-1963. Nội dung Thông cáo chung về cơ bản “thỏa mãn” được năm nguyện vọng mà giới lãnh đạo Phật giáo đã đề ra trong bản *Tuyên ngôn* ngày 10-5-1963. Và để tránh một cuộc nổi dậy của quần chúng, chính quyền Ngô Đình Diệm ra lệnh loan truyền bản Thông cáo chung ngay sau khi vừa được ký kết bằng xe phóng thanh của Bộ Thông tin. Điện tín đánh đi các tỉnh về nội dung Thông cáo chung. Đài Phát thanh Sài Gòn loan tin ngay khi trời chưa sáng.

Về phía Giáo hội Thiên Chúa giáo Việt Nam, ngày 16-6-1963, Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình, cai quản Giáo khu Sài Gòn đã chính thức lên tiếng trong một bức thư luân lưu, rằng: “Giáo hội Thiên Chúa giáo Việt Nam hoàn toàn đứng ngoài cuộc tranh chấp mặc dù vai trò chủ động gây ra cuộc tranh chấp là tín đồ Thiên Chúa giáo” (15). Trong một bức thư luân lưu thứ hai gửi cho hàng giáo sĩ và giáo dân trước lúc lên đường đi Roma tham dự Công đồng Vatican II, Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình nhấn mạnh: “Giáo hội không những không gây nên một biến cố mà còn đau đớn vì những tai họa đã và còn là ác quá của biến cố” (16).

Sáng ngày 16-6-1963, mặc dầu có lời kêu gọi của giới lãnh đạo Phật giáo yêu cầu Tăng Ni và Phật tử ở nhà, vì năm nguyên vọng đã “đạt được” và đám tang của Thích Quảng Đức được hoãn lại, nhưng nhân dân Sài Gòn được ngọn lửa Thích Quảng Đức tiếp sức đã đổ ra đường phố kéo về chùa Xá Lợi nơi đặt thi hài của Thích Quảng Đức. Cuộc xô xát giữa quần chúng và lực lượng cảnh sát đặc biệt xảy ra ở ngã tư Lê Văn Duyệt - Phan Thanh Giản. Thanh niên, sinh viên học sinh, phụ nữ đã hăng hái chiến đấu hàng mấy giờ đồng hồ. “Quần chúng hòa vào nhau như những giọt nước trong đại dương và trong tình yêu người ta tự thấy mình lớn lên và không còn sợ hãi nữa” (17). “Đây là cuộc đấu tranh chính trị quyết liệt nhất ở Sài Gòn trong mấy năm nay. Nó đã làm sâu sắc thêm mâu thuẫn giữa nhân dân ta với chế độ độc tài phát xít Mỹ - Diệm, đẩy chúng vào tình thế bị cô lập hơn bao giờ hết” (18).

Đối với thế giới, cuộc tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức đã làm cho cả thế giới kinh ngạc và hết sức khâm phục. Đây là “một hành động tiêu biểu vĩ đại. Nó không chỉ chống lại Diệm, để chỉ sự hiện hữu của Phật giáo và được đề ý tới, mà nó còn có ý nghĩa chống lại sự bất công, bất chính của toàn thế giới... Với một hành động lặng thinh, không nói một lời, một vị Hòa thượng Việt Nam đã nêu một tấm gương sáng rùng rợn, một kháng nghị cao đẹp, lộng lẫy, chống lại mọi xấu xa đê hèn của loài quỷ sứ đang còn tồn tại trong thế giới ngày nay” (19).

Về dư luận rộng rãi của thế giới trước việc Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu, chúng ta có thể hình dung qua nguồn tư liệu mà Malcolm W. Brown đã cung cấp trong *The New Face of War*: “Vụ Phật giáo năm 1963 đã làm chấn động các quốc gia ngoài châu Á kể từ khi xảy ra vụ tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức: Hoa Kỳ, Pháp, Anh, Thụy Sĩ, Bỉ, Úc, Đức... Tấm hình tự thiêu của Hòa thượng đã được phổ biến khắp thế giới, từ trên bàn giấy của Tổng thống Hoa Kỳ tới văn phòng các lãnh tụ Trung Cộng và chính nước cộng sản này đã cho in ra hàng triệu tấm hình ấy để phân phát đi khắp Á Phi với lời ghi chú: “Một Tăng sĩ Phật giáo Việt Nam tự thiêu trong cuộc đấu tranh chống đế quốc Mỹ - Diệm” (20). Ở đây, xin được nêu một số tư liệu cụ thể:

Ở Mỹ, ngọn lửa Thích Quảng Đức đã gây nên một chấn động mạnh, đặc biệt làm cho dư luận Mỹ quay sang chống Ngô Đình Diệm và gia đình y. Tại Washington D.C., ngày 12-6-1963, nhân dân Mỹ đã đón nghe một cách xúc động tin tức về cuộc tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức. Hơn hai tuần sau ngày Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu, ngày 30-6-1963, trong một bài giảng tại nhà thờ ở New York, Mục sư Donalds Harrington đã xem cái chết của Thích Quảng Đức giống như cái chết của Chúa Giê-su, Michel Servetus, Jeanne d'Arc. Ông cho rằng hành động mổ bụng của người Nhật cũng không thể nào so sánh với sự tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức, tuy rằng gan dạ như nhau, bởi vì “sự tự thiêu của Ngài đã cứu vớt bao nhiêu sinh linh đang chìm đắm trong khô hạn, kẻ đàn áp cũng như kẻ bị đàn áp đều bừng tỉnh. Ngài đã tô đậm nét vàng son trên trang sử huy hoàng của Phật giáo và dân tộc” (21).

Tờ *New York Herald Tribune* (21-7-1963) cho rằng ngọn lửa Thích Quảng Đức sẽ thổi bùng lên một đám cháy lớn thiêu rụi chế độ Ngô Đình Diệm, rằng “Hòa thượng Thích Quảng Đức, một tu sĩ đã biến tấm áo cà sa vàng của mình thành một giàn hỏa thiêu... Tổng thống Ngô Đình Diệm tại miền Nam Việt Nam đang làm một công việc rất hay là ông đang tự đốt hết nền tảng của chế độ ông”. Bởi theo quan điểm của báo này thì “sự căm đoan tự do tín ngưỡng là một tội không thể tha thứ được” (22). Tờ *San Francisco Chinese World* đưa ra lập trường quyết liệt hơn: “Đã đến lúc chính quyền Hoa Kỳ phải từ giã ông Ngô Đình Diệm. The Chinese World khản thành kêu gọi tất cả mọi người Mỹ lên án ông Diệm, một kẻ độc tài của Sài Gòn” (23). Thượng nghị sĩ Wayne L. Morse, bang Oregon, thì nói rằng “ông sẽ không đồng ý cho một đòla nào nữa để ủng hộ một chế độ độc ác tàn bạo của Tổng thống Ngô Đình Diệm tại miền Nam Việt Nam” (24).

Ở Nhật Bản, từ sau ngày Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu, các nhà báo đã dành những vị trí trang trọng đăng tin và ảnh, như tờ *Asahi Evening News* ngày 12-6 đã đăng 3 bức ảnh lớn chiếm gần một phần tư trang nhất và các báo khác cũng đều đăng tin tỉ mỉ rõ ràng về vụ này” (25). Ngày 19-6-1963, Ủy ban Tôn

giáo Bảo vệ Hòa bình và Hội Phật giáo Nhật Bản đã tổ chức cuộc mít-tinh phản đối chính quyền Ngô Đình Diệm đàn áp tín đồ Phật giáo miền Nam Việt Nam. Cuộc mít-tinh đã mặc niệm Hòa thượng Thích Quảng Đức và những người bị chính quyền Ngô Đình Diệm giết hại tại Huế, Sài Gòn và kịch liệt lên án tội ác của chính quyền Ngô Đình Diệm. Ngày 20-6-1963, các tín đồ Phật giáo Nhật Bản do Hòa thượng Mibu Sohigun dẫn đầu đến sứ quán “Việt Nam Cộng hòa” ở Tokyo trao bản tuyên bố nói trên cho chính quyền Ngô Đình Diệm. Theo Công văn mật số 27-VP/DK ngày 21-6-1963 của Đại sứ Việt Nam Cộng hòa tại Nhật Bản gửi Bộ trưởng Phủ Tổng thống thì “vấn đề tranh chấp giữa Phật giáo và chính phủ đã gây ra một luồng dư luận sôi nổi ở Phật giáo Nhật” (26).

Ngày 23-6-1963, sau lễ cầu siêu cho Tăng, tín đồ Phật giáo miền Nam tử vì đạo, toàn thể Tăng, tín đồ của phái Tịnh Độ Chân Tông Nhật Bản cùng một lúc đã đánh ba điện văn. Điện văn gửi giới lãnh đạo Phật giáo miền Nam Việt Nam viết: “Sự kiện đàn áp sát hại Phật giáo đồ tại Việt Nam gần đây là một việc làm đáng buồn và cũng là một triệu chứng bất tường. Nhân danh Tổng hội Phật giáo Chân Tông Nhật bản, chúng tôi xin gửi đến quý Ngài lòng tôn kính và ai điều đối với việc vì đạo thiêu thân của cố Hòa thượng Thích Quảng Đức. Chúng tôi xin gửi đến quý Ngài lòng nhiệt thành ủng hộ cuộc hộ Pháp của toàn thể Phật giáo đồ Việt Nam trong lúc “Pháp nạn” này”. Điện văn gửi Ngô Đình Diệm viết: “Sự kiện đàn áp sát hại Phật giáo đồ tại Việt Nam gần đây thật là một việc làm bất tường chưa từng có trong lịch sử. Toàn thể Tăng Ni và tín đồ của Tổng hội Chân Tông chúng tôi rất xúc động và phẫn uất khi nhận được tin này”. Điện văn gửi Giáo hoàng Paul VI viết: “Trước mắt chúng tôi, việc khủng bố và sát hại Phật giáo đồ tại Việt Nam là một việc xúc phạm đến tự do tín ngưỡng, quyền căn bản của con người. Nhất là việc ấy phát sinh bởi một chính sách hà khắc tôn giáo của một chính phủ”.

“Chúng tôi hy vọng Ngài sẽ vì danh dự của Hội Thánh Thiên Chúa tìm cách can thiệp với ông Ngô Đình Diệm, Tổng Giám mục Giáo khu Huế để việc bắt công trên khỏi tái diễn” (27).

Trong lúc tình hình quốc tế không có lợi cho phía chính quyền Ngô Đình Diệm thì, trong nước, phong trào Phật giáo được phục hồi trở lại do chính quyền Ngô Đình Diệm vi phạm Thông cáo chung. Nhân lễ chung thất của Hòa thượng Thích Quảng Đức (30-7-1963), giới lãnh đạo Phật giáo đã ra Thông bạch vạch rõ thực trạng của xã hội miền Nam dưới chế độ Ngô Đình Diệm: “Sự suy sụp của nền đạo đức dân tộc... nền đạo giáo vẫn bị hăm dọa, quốc gia lâm vào tình trạng chia rẽ đổ nát, người làm kẻ hưởng, nổi bất bình oan khốc không sao kể xiết” (28) và kêu gọi mọi tầng lớp đồng bào hãy đình công bãi thị để phản đối thái độ ngoan cố độc ác của chính quyền Ngô Đình Diệm.

Hưởng ứng lời kêu gọi của giới lãnh đạo Phật giáo, khắp nơi trên toàn miền Nam, trước hết là các thành phố, thị xã, thị trấn, Tăng Ni, Phật tử hăng hái tham gia hành lễ, đình công, bãi thị, bất chấp sự ngăn cản của chính quyền Ngô Đình Diệm. Tại Sài Gòn, từ 5 giờ sang, đồng bào đã tập nập đổ về chùa Xá Lợi, “ngoài thanh niên ra, hầu hết những người đến dự đều là đàn bà. Họ trẻ, khá hấp dẫn và duyên dáng trong bộ áo dài và quần trắng, hoặc cả bà già nhăn nheo, răng nhuộm đen vì ăn trầu. Tất cả đều đính băng nhỏ màu vàng ở ngực, một biểu tượng thương tiếc Hòa thượng Thích Quảng Đức” (29). Tất cả biểu lộ ý chí và quyết tâm tranh đấu của mình. Sau buổi lễ, giới lãnh đạo Phật giáo cho ra đời một bản tuyên ngôn tố cáo chính quyền Ngô Đình Diệm không chịu thi hành Thông cáo chung và khẳng định lại một lần nữa quyết tâm của mình nhằm đưa cuộc đấu tranh đến thành công: “Phật giáo đồ Việt Nam quyết tâm không lìa bỏ tinh thần thuần túy tôn giáo bằng cách áp dụng nghiêm chỉnh phương pháp bất bạo động để đưa phong trào đến chỗ thành công” (30).

Tại Huế, ngày 29-7-1963, chính quyền Ngô Đình Diệm cho phổ biến trên đài phát thanh lệnh cấm quần chúng không được tham gia ngày chung thất của Thích Quảng Đức. Tuy nhiên, Huế vẫn là nơi sôi động. Ngày hôm đó, một cuộc biểu tình rước di ảnh của Thích Quảng Đức có tới 15.000 người tham gia, từ chùa Từ Đàm đến chùa Diệu Đế, thanh tịnh và ngang nhiên đi qua trung tâm thành phố. Đoàn biểu tình đã điều

hành trên một đoạn đường mấy cây số, hai bên đường có hương án, dân chúng quỳ lạy, chiêm ngưỡng sự hy sinh cao cả của Thích Quảng Đức, sôi sục khí thế đấu tranh (31).

Cùng với sự phản đối mạnh mẽ của cộng đồng quốc tế và dư luận Mỹ lên án chính quyền Ngô Đình Diệm đàn áp Phật giáo, phong trào Phật giáo ngày càng lên cao ở miền Nam Việt Nam đã dội mạnh vào Nhà Trắng. Trong một cuộc tiếp xúc với Ngô Đình Diệm, Truheart - Đại diện phía Mỹ đã chỉ ra rằng: “Chính quyền Kennedy không ưa rồi ren” (32). Dean Rusk, Ngoại trưởng Mỹ, trong cuộc họp báo ngày 16-6-1963, cho rằng Mỹ “không sung sướng gì trước những sự việc xảy ra ở miền Nam”, rằng Mỹ “rất buồn phiền về những sự chia rẽ đang xảy ra ở miền Nam” (33). Từ *New York Times* (19-7-1963) dẫn lời Tổng thống Kennedy: “Sự động chạm giữa Tổng thống Ngô Đình Diệm với Phật giáo đồ rất có hại cho công cuộc chống Cộng tại Nam Việt Nam” (34). Mặc dù vậy, chính quyền Kennedy vẫn chưa có thái độ dứt khoát về việc thay Diệm, vẫn hy vọng Diệm sẽ “xuống thang” trong việc giải quyết “vụ Phật giáo”, vì rằng trước hiện tượng “tự sát để đấu tranh, kẻ táo bạo nhất cũng phải lùi bước” (35).

Trong lúc Nhà Trắng đang mong muốn tình hình được cải thiện thì trong một trả lời phỏng vấn của Don Baker, ký giả Hãng thông tấn UPI, Đại sứ Mỹ Frederick E. Nolting nói: “Hơn hai năm tôi sống tại Việt Nam, tôi chưa bao giờ thấy dấu hiệu chứng tỏ có sự kỳ thị tôn giáo” (36). Ngày 1-8-1963, giới lãnh đạo Phật giáo đánh điện cho Tổng thống Kennedy phản đối những lời tuyên bố vô trách nhiệm của Nolting. Bức điện viết: “Thay mặt toàn thể Phật giáo đồ miền Nam, chúng tôi cực lực phản đối cùng Tổng thống lời tuyên bố của ông Đại sứ Nolting qua Hãng thông tấn UPI cho rằng không có vấn đề kỳ thị tôn giáo và ngược đãi Phật giáo ở miền Nam Việt Nam.

Chúng tôi nghĩ rằng dân chúng Hoa Kỳ phải thấu rõ nỗi phẫn uất của Phật giáo đồ đến tám mươi phần trăm dân số. Lời tuyên bố của ông Nolting không phù hợp với sự thật luôn cả với sự hiểu biết và thiện chí của người Hoa Kỳ” (37).

Tiếp theo, ngày 3-8-1963, trong một cuộc nói chuyện với tổ chức Phụ nữ bán quân sự tại Tòa Đô chính Sài Gòn, Trần Lệ Xuân, vợ Ngô Đình Nhu, lên tiếng công kích và mạ lỵ Phật giáo, rằng “hoạt động của Phật giáo là một hình thức phản bội xấu xa...” (38). Về cuộc tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức, Trần Lệ Xuân cho là vụ “nướng sù”. Trả lời phỏng vấn của ký giả báo New York Times, Trần Lệ Xuân nói: “Tôi còn đánh sự gấp mười lần như thế à. Phương pháp giải quyết vấn đề Phật giáo là phớt tỉnh, không cần biết tới” (39).

Lời lẽ của Nolting và Trần Lệ Xuân có tác dụng như “lửa đổ thêm dầu”. Ngày hôm sau, 4-8-1963, Đại đức Thích Nguyên Hương tự thiêu ở Phan Thiết. Ngày 12-8-1963, tại chùa Xá Lợi, nữ sinh Mai Tuyết An tự chặt tay trái của mình để phản đối chính quyền Ngô Đình Diệm. Ngày 13-8-1963, Đại đức Thích Thanh Tuệ tự thiêu tại Huế. Ngày 15-8-1963, tại Huế, gần 1.000 sinh viên, học sinh biểu tình phản đối chính quyền Ngô Đình Diệm cướp xác Thích Thanh Tuệ. Cùng ngày, Ni sư Diệu Quang tự thiêu tại Ninh Hòa gần Nha Trang. Ngày 16-8-1963, Huế nhất loạt tổng bãi công. Cùng ngày, nhà sư Thích Tiêu Diêu tự thiêu tại chùa Từ Đàm, Huế. Ngày 17-8-1963, các khoa trường thuộc Viện Đại học Huế và toàn thể giảng viên Viện Hán học ra tuyên cáo lên án chính quyền Ngô Đình Diệm đàn áp Phật giáo và tuyên bố từ chức và nghỉ việc. Tiếp theo, toàn thể giáo chức và sinh viên Viện Đại học Huế từ chức, bãi khóa. Phong trào bất hợp tác tại Huế trở nên toàn diện, mọi guồng máy đều bị tê liệt.

Ngày 18-8-1963, theo lệnh của giới lãnh đạo Phật giáo, lễ cầu siêu cho tất cả các vị tử vì đạo đã được tổ chức trên toàn miền Nam. Tại chùa Xá Lợi (Sài Gòn) có trên 30.000 người tham gia. Sau lễ cầu siêu, có khoảng 10.000 người tham gia tuyệt thực. Khí thế đấu tranh của quần chúng hết sức mạnh liệt.

Để cứu nguy cho chế độ, đêm 20 rạng ngày 21-8-1963, dưới sự chỉ huy trực tiếp của Ngô Đình Nhu, “Kế hoạch Nước lử” được tiến hành, tấn công đồng loạt hầu hết các ngôi chùa được dùng làm trụ sở đấu tranh trên khắp miền Nam. Hầu hết giới lãnh đạo Phật giáo đã bị bắt đưa vào trại giam. Với việc tấn công chùa, chế độ gia đình trị Ngô Đình Diệm đã “thực sự giẫm trúng vô chuổi do Phật giáo quăng ra” (40) và đã chọn cho mình một tuyệt lộ.



Ảnh: Van Toan

<http://baovecovang.wordpress.com>

Mộ Ngô đình Diệm



Ảnh: Van Toan

<http://baovecovang.wordpress.com>

Mộ Ngô đình Nhu

Những ngày sau “Kế hoạch Nước lử”, cả thành phố Sài Gòn rung động trước sự phát triển dữ dội của phong trào. Nhiều bộ trưởng, khoa trưởng, giáo sư đại học từ chức. Sinh viên, học sinh bãi khóa, nghỉ học đấu tranh cho tự do tín ngưỡng. Tình hình này khiến sự chần chừ, do dự của Mỹ về việc thủ tiêu chính quyền Ngô Đình Diệm đã được vượt qua. Sau khi nhận nhiệm sở thay Nolting, Cabodge Lodge, tân Đại sứ Mỹ tại Sài Gòn đã tiếp xúc với Diệm và Lodge đã phúc trình với Washington rằng Diệm có lẽ đã mất khả năng lãnh đạo đất nước và kết luận rằng trừ trường hợp vợ chồng Ngô Đình Nhu rời khỏi xứ, Diệm có thể coi như là hết thuốc chữa. Ngày 24-8-1963, Thứ trưởng Ngoại giao George Ball, Xử lý thường vụ Bộ trưởng Ngoại giao Dean Rusk ký gửi cho Lodge điện văn với nội dung: “Rõ ràng Nhu đã chiếm quyền. Hãy cho Diệm cơ hội gạt Nhu và bè lũ nhóm ra một bên. Nếu đã cố gắng hết cách mà Diệm vẫn khăng khăng chối từ thì chúng ta đành phải đối đầu với khả thể là Diệm cũng không cứu được” (41). Bản án tử hình đối với chế độ Ngô Đình Diệm đã ký, vấn đề là chỗ thời điểm thi hành nữa mà thôi. Thời điểm đó chính là ngày 1-11-1963.

Bốn mươi lăm năm nhìn lại ngọn lửa Thích Quảng Đức, chúng ta có thể rút ra một số kết luận cơ bản sau: Một là, trong những phong trào đấu tranh chống bạo quyền, chống áp bức dân tộc,... diễn ra trong lịch sử loài người, đây không phải là lần đầu tiên phương pháp bất bạo động theo đúng ý nghĩa của nó được đem ra áp dụng. Thánh Gandhi là người đã thành công trong việc áp dụng phương pháp bất bạo động để giành độc lập cho đất nước Ấn Độ. Và ngay từ đầu của cuộc đấu tranh, giới lãnh đạo Phật giáo miền Nam đã khẳng định: “Chúng tôi phải thực hiện tư tưởng Phật giáo ngay trong cuộc đấu tranh của chúng tôi... Ngay bây giờ, chúng tôi có thể tuyên bố một cách minh bạch rằng người Tăng sĩ Phật giáo là người sẵn sàng noi theo Gandhi, vị Thánh của sức mạnh bất bạo động” (42). Tuy vậy, bất bạo động mà Gandhi sử dụng là chính sách

“bất hợp tác” tiến bộ dần trong bất bạo động, được thể hiện từ những hình thức như bãi công, bãi thị, bãi khóa, công chức cự tuyệt mọi chức vụ, không làm việc trong các cơ quan do chính phủ lập ra, nông dân không nộp thuế, hàng hóa Anh bị tẩy chay, toàn dân Ấn tự dệt vải may mặc... đến việc quần chúng biểu tình không mang vũ khí..., song tuyệt nhiên chưa có hình thức tự đốt mình như Hòa thượng Thích Quảng Đức. Sức mạnh bất bạo động của Gandhi là sức mạnh “bất hợp tác” của số đông người; bất bạo động của Thích Quảng Đức là sức mạnh tinh thần của một cá thể mà lay chuyển cả một chế độ, cảnh tỉnh một thế gian đầy bạo lực. Rõ ràng việc đốt mình của Thích Quảng Đức “là một trạng thái mới lạ và huyền ảo của bất bạo động. Nó chứng tỏ rõ rệt cái uy quyền tối thượng của tinh thần. Không một bạo lực nào có thể làm suy giảm được tâm hồn, sức chịu đựng của một cá thể đối với mọi ức chế đàn áp chính trị độc tài thật vô biên” (43). Nhà nghiên cứu Trần Bạch Đằng cho rằng với phong trào Phật giáo miền Nam năm 1963, “cái tinh túy của đạo Phật được phát huy, được luân lý dân tộc chấp nhận. Đó là hình ảnh Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu, một kỳ công không cách gì có được, là hun đúc của lịch sử, là tinh hoa của Phật giáo, với tâm cỡ thế giới... nhất là hình ảnh Ngài đến lúc trái tim không còn hoạt động được nữa” (44). Do vậy, điều mà Hòa thượng Thích Tịnh Khiết đã khẳng định trong Diển từ đọc sau lễ hỏa táng nhục thân Hòa thượng Thích Quảng Đức đến nay vẫn còn nguyên giá trị: “Từ xưa đến nay, biết bao vị cao tăng đã tự lên giàn hỏa. Tuy nhiên, trường hợp của Hòa thượng Thích Quảng Đức... là một trường hợp đặc biệt và hy hữu” (45).

Hai là, xét riêng trong phong trào Phật giáo miền Nam Việt Nam năm 1963, chúng ta thấy có rất nhiều sự kiện góp phần hỗ trợ lẫn nhau để đẩy lùi bạo quyền, nhưng phải khách quan mà nhận rằng ngọn lửa Thích Quảng Đức giữ vị trí trung tâm, đạt đến một tầm cao mà không có một sự kiện nào có thể so sánh được. Ngọn lửa Thích Quảng Đức đã tập hợp mọi người khác chính kiến, khác màu da vào cùng một khối, kết tụ được tinh anh của những khối óc và trái tim vì tình thương mà quyết không chịu lùi bước. Trong suốt quá trình của cuộc đấu tranh từ ngày 7-5-1963 đến 1-11-1963, không tránh khỏi đâu đó có những giây phút do dự, mệt mỏi, nản lòng. Chính những thời khắc đó, ngọn lửa Thích Quảng Đức trở nên vô vàn quý báu, đã làm rắn chắc những trái tim đang dao động và tôi luyện thêm những ý chí rụt rè. Bất bạo động trong phong trào Phật giáo miền Nam Việt Nam năm 1963, mà đỉnh cao là sự hy sinh anh dũng của Hòa thượng Thích Quảng Đức, đã thu hút đại bộ phận nhân dân miền Nam, không chỉ Tăng Ni, tín đồ Phật tử, mà cả những người khác tôn giáo, không cùng chính kiến, nhập cuộc tham gia đấu tranh, được nhân dân thế giới hết sức ủng hộ. “Đây là lần đầu tiên một cuộc tự thiêu gây sự sốt và nể phục nhất trong cuộc đấu tranh của Phật giáo năm 1963. Nó ghi đậm nét vào cuộc chiến Việt Nam và không bao giờ phai nhạt... hành động của Ngài... trở nên một tấm gương kiên định của người dân miền Nam chống lại Tổng thống Diệm”. Giáo sư Trần Văn Giàu viết: “Kết tinh trong một vị chân tu những nỗi căm hờn đối với chế độ độc tài cá nhân gia đình trị, vô nhân đạo và bạo ngược, hành động dũng cảm của Hòa thượng Thích Quảng Đức là một bản án không gì bôi được đối với chế độ bù nhìn của Mỹ ở Sài Gòn, đồng thời là một lời kêu gọi đồng bào Phật tử đấu tranh chống phát-xít, dù chết không chịu lùi bước. Thật không phải thường có những cái chết kích động nhân tâm sâu sắc và rộng rãi như cái chết của Hòa thượng Thích Quảng Đức” (46).

Ba là, ngọn lửa Hòa thượng Thích Quảng Đức đốt lên với tâm nguyện: “**Để cúng dường Tam bảo và để giác ngộ chính quyền mau chóng thoả mãn năm nguyện vọng của Phật giáo**”; rằng “**mong ơn Phật Tổ gia hộ cho Tổng thống Ngô Đình Diệm sáng suốt chấp nhận năm nguyện vọng tối thiểu của Phật giáo Việt Nam ghi trong bản Tuyên ngôn,... Trước lúc nhắm mắt mà về cảnh Phật, tôi trân trọng kính gửi lời chào cho Tổng thống Ngô Đình Diệm nên lấy lòng bác ái, từ bi đối với quốc dân và thi hành chính sách bình đẳng tôn giáo để giữ vững nước nhà muôn thuở**” (47); rằng bất bạo động là phải dần thân một cách tự giác, “**chấp nhận một sự hy sinh đến cùng độ và lấy sự hy sinh ấy làm sức mạnh để rung chuyển đến tận lòng người chứ không phải rung chuyển chính sách mà thôi**” (48) thì ngọn lửa Thích Quảng Đức đã thể hiện sinh động nhất và được xem là tiêu biểu nhất cho lý thuyết bất bạo động.

Và trước khi kết thúc bài viết này, chúng tôi nghĩ rằng những gì mà chúng ta đã và đang nghiên cứu, tìm hiểu về “ngọn lửa Thích Quảng Đức”, nếu nói theo cách nói của nhà thơ thì “chỉ còn là rom rác và chỉ nguyện

được là rơm rác” (49). Và theo cách nói của nhà văn thì “ngòi bút trở nên bất lực không thể hiện nổi sự vĩ đại của một bậc siêu phàm”. Vấn đề ở chỗ hiểu được chừng nào về giá trị đích thực của “ngọn lửa Thích Quảng Đức” là cần phải đưa sự hiểu biết đó vào hiện thực của cuộc sống, để góp phần xây Đời, dựng Đạo. Đó mới chính là điều đáng quý, đáng trân trọng.

PGS TS Lê Cung

- (1) Phan Lạc Tuyên, *Hương thơm cuộc đời*, trong “*Luật sư Nguyễn Hữu Thọ - cả nước tôn vinh anh*”, NXB.Văn Học, Hà Nội, tr.223.
- (2) Thích Thiện Siêu, *Tỏa ánh từ quang*, Ban Trị sự GHPGVN Thừa Thiên-Huế, 1992, tr.87-88.
- (3) S. Radhakishnan, *Chiến tranh và hòa bình*, Thích Quảng Độ dịch, Sài Gòn, NXB.Hoa Muôn Phương, tr.53, tr.123.
- (4) Trong cuộc hội nghị mật vào tối 7-5-1963 tại chùa Từ Đàm (Huế), giới lãnh đạo Phật giáo khẳng định phương pháp đấu tranh là bất bạo động. Tiếp theo, phương pháp đã khẳng định lại một lần nữa trong “*Bản phụ đính*” bản Tuyên ngôn ngày 10-5-1963 được công bố vào ngày 23-5-1963.
- (5) Nguyễn Khải, *Sư già chùa Thắm và ông Đại tá về hưu*, Báo Lao Động, số 24, ngày 25-3-1993.
- (6) Thích Thông Bửu. *Tư tưởng Bồ tát Quảng Đức*, trong “*Đại lễ kỷ niệm năm thứ 37 ngày tự thiêu của Bồ tát Quảng Đức*”. Tổ đình Quán Thế Âm ấn hành, tr.15.
- (7) Phong văn Pháp sư Thích Giác Đức ngày 20-10-1995 tại Boston, USA.
- (8) Nay là đường Cách mạng Tháng Tám và Nguyễn Đình Chiểu.
- (9) Trần Văn Giàu, *Miền Nam giữ vững thành đồng*, NXB.Khoa Học, Hà Nội, 2002, tr.342.
- (10) *Trung tâm Lưu trữ quốc gia II*. Ký hiệu tài liệu SC.04-HS-8464
- (11) Trần Văn Giàu, *Sđd.*, tr.343.
- (12) *Diễn từ của Hòa thượng Thích Tịnh Khiết - Hội chủ Tổng hội Phật giáo Việt Nam, sau lễ hỏa thiêu nhục thân của Hòa thượng Thích Quảng Đức*, Hồ sơ lưu tại chùa Từ Đàm - Huế...
- (13) *Lửa căm hờn đang rực cháy*. Xã luận báo Nhân Dân, ngày 13-6-1963, tr.1.
- (14) Xã luận báo Nhân Dân, ngày 13-6-1963, tr.1.
- (15) Nam Thanh, *Cuộc đấu tranh của Phật giáo Việt Nam*, Sài Gòn, Viện Hóa đạo xuất bản, 1964, tr.166.
- (16) Nam Thanh, *Sđd.*, tr.167.
- (17) Tâm Phong, *Nhớ lại cuộc vận động của Phật giáo*. Tuần báo Hải Triều Âm, số 18, ngày 24-8-1963, tr.10
- (18) *Những sự kiện lịch sử Đảng*, tập III, NXB.Thông Tin Lý Luận, Hà Nội, 1985, tr.268.
- (19) Thích Mãn Giác. Ông René De Berval. Nguyệt san Liên Hoa, Huế, ngày 27-2-1964, tr.37-38.
- (20) Hoàng Xuân Hào, *Phật giáo và chính trị tại Việt Nam ngày nay*, quyển 1 (Luận án Tiến sĩ Luật khoa - Ban Công pháp Trường Đại học Luật khoa, tr.266.)
- (21) Quốc Oai, *Sđd.*, tr.112.
- (22) Tuệ Giác, *Việt Nam Phật giáo tranh đấu sử*, NXB.Hoa Nghiêm, Sài Gòn, tr.211.
- (23) Tuệ Giác, *Sđd.*, tr.207.
- (24) Tuệ Giác, *Sđd.*, tr.211.
- (25) *Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II*. Ký hiệu tài liệu SC. 04-HS.8467.
- (26) Như chủ thích 26.
- (27) Tuệ Giác, *Sđd.*, tr.170-171.
- (28) Quốc Tuệ, *Sđd.*, tr. 202.
- (29) Schecter, Jerrold, *The New Face of the Buddha*, John Weatherhill, Tokyo, 193.
- (30) Nam Thanh, *Sđd.*, tr.49.
- (31) *Gặp Thượng tọa Thích Trí Thủ*. Nguyệt san Liên Hoa, số ra ngày 30-11-1963, tr.108.
- (32) *Phong trào Phật giáo miền Nam (Tài liệu tham khảo đặc biệt)*, Việt Nam Thông tấn xã, 1973, Hà Nội, tr.22.

- (33) Xuân Thâm, *Cuộc đấu tranh của Phật giáo đang làm cho chế độ Mỹ Diệm khủng hoảng trầm trọng*, *Tuần báo Thống Nhất*, số 322, ngày 23-8-1963, tr.4.
- (34) *Tuê Giác*, *Sđd.*, tr.210.
- (35) *Tuê Giác*, *Sđd.*, tr.196.
- (36) *Quốc Tuệ*, *Công cuộc đấu tranh của Phật giáo Việt Nam*, Tác giả xuất bản, Hà Nội, tr.298.
- (37) *Hồ sơ lưu tại chùa Từ Đàm, Huế.*
- (38) *Jerrold Schecter.*, *Sđd.*, tr.307.
- (39) *Quốc Tuệ*, *Sđd.*, tr.307.
- (40) *Tâm Phong*, *Nhớ lại cuộc vận động của Phật giáo*. *Tuần báo Hải Triều Âm*, số 18, ngày 24-8-1963, tr.10.
- (41) *The Pentagon Papers*, New York: Bantam Books, 1971, tr.194.
- (42) *Bản phụ đính “Bản Tuyên ngôn ngày 10-5-1963 của Tăng tín đồ Phật giáo Việt Nam” được công bố vào ngày 23-5-1963. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Ký hiệu tài liệu SC.04-HS.8352.*
- (43) *Quốc Oai*, *Phật giáo tranh đấu*, Sài Gòn, NXB.Tân Sanh, 1964, tr.93.
- (44) *Mấy vấn đề về nghiên cứu Phật giáo và lịch sử tư tưởng dân tộc*, trong “*Mấy vấn đề về Phật giáo và lịch sử tư tưởng Việt Nam*”. Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Triết học, Hà Nội, 1986, tr.22.
- (45) *Diễn từ của Hòa thượng Thích Tịnh Khiết - Hội chủ Tổng hội Phật giáo Việt Nam, sau lễ hỏa thiêu nhục thân của Hòa thượng Thích Quảng Đức. Hồ sơ lưu tại chùa Từ Đàm.*
- (46) *Trần Văn Giàu*, *Miền Nam giữ vững thành đồng*, Tập II, NXB. Khoa học, Hà Nội, 1966, tr.434.
- (47) *Quốc Oai*, *Phật giáo tranh đấu sử*, NXB.Tân Sanh, Sài Gòn, tr.38-39.
- (48) *Bản phụ đính “Bản Tuyên ngôn ngày 10-5-1963 của Tăng tín đồ Phật giáo Việt Nam” được công bố vào ngày 23-5-1963. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Ký hiệu tài liệu SC.04-HS.8352.*
- (49) *Vũ Hoàng Chương*, *Lửa Từ bi*, Sài Gòn, 1963. 

OOO)()(OOO

i
ii
iii
iv
v
vi
vii
viii
ix

x
xi